

NOBEL VĂN CHƯƠNG 2013

Alice Munro,

Ghét,
Thân,
Thương,
Yêu,

Cười

Trần Hạnh, Đặng Xuân Thảo, Hạnh Mai dịch



nh

nhà nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

GHÉT, THÂN, THƯƠNG, YÊU, CƯỚI

Tập truyện ngắn



Tác giả: Alice Munro

Người dịch: Trần Hạnh, Đặng Xuân Thảo, Hạnh Mai

Nhã Nam phát hành

NXB Văn Học

epub©vctvegroup

26-01-2018

Ghét, Thân, Thương, Yêu, Cười

Cách đây đã nhiều năm, khi ngành đường sắt còn duy trì nhiều tuyến nhánh, một hôm có một người phụ nữ trán cao, lốm đốm tàn nhang với mái tóc xoăn màu hung đến nhà ga để hỏi về vận chuyển đồ nội thất.

Nhân viên trực nhà ga theo thói quen thường buông lời trêu ghẹo với phụ nữ, nhất là những người trông làng nhàng và có vẻ thích được bông đùa.

“Đồ nội thất hả?” ông vặn hỏi cứ như chưa ai từng có ý định chuyển loại hàng đó bao giờ. “Rồi. Thế... Để xem phải chuyển những loại đồ gì đây?”

Một bộ bàn ăn kèm sáu ghế. Trọn bộ giường tủ trong phòng ngủ, một cái xô pha, một bàn nước, hai bàn góc, một cây đèn đứng. Còn một tủ ly và một tủ búp phê nữa.

“Ái chà. Có vẻ cô muốn chuyển nguyên một căn nhà.”

“Không nhiều đến thế đâu,” cô ta đáp. “Không có đồ nội thất bếp và chỉ vừa cho căn nhà một phòng ngủ thôi.”

Răng cửa cô ta xô hết về phía trước như sẵn sàng tranh cãi.

“Cô sẽ cần thuê xe tải đấy,” ông nói.

“Không, tôi muốn chuyển bằng tàu hỏa về miền Tây, hướng Saskatchewan.”

Cô ta nói lớn tiếng như thể ông bị điếc hay chậm hiểu, và có cái gì đó không ổn trong cách phát âm. Bị pha giọng. Ông nghĩ thầm đến Hà Lan - nhiều người gốc Hà Lan đang chuyển đến vùng này - nhưng cô ta không có dáng vóc cao to của những người phụ nữ Hà Lan, cũng không có nước da trắng hồng hay màu tóc sáng. Có lẽ cô ta chưa đến bốn mươi, nhưng có

nghĩa lý gì đâu nhỉ? Đâu phải là dạng hoa khô, không bao giờ.

Ông liền tập trung vào chuyên môn. “Trước hết cô cần xe tải để chở đồ từ chỗ cô đang ở để đến nhà ga này. Và chúng ta nên xem tàu có qua ga nào gần chỗ cô muốn chuyển đến ở Saskatchewan không đã. Nếu không cô phải tìm cách nhận ở ga chính, chẳng hạn như là ga Regina.”

“Chỗ đó là Gdynia,” cô ta nói. “Tàu có chạy qua ga đó?”

Ông với tay lấy cuốn danh bạ lấm lem treo trên một cây đinh, rồi bảo cô ta đánh vần lại tên địa danh đó. Cô ta tự nhắc cây bút chì cứng treo ở một đầu dây và viết vào mảnh giấy lấy từ trong ví ra: *GDYNIA*.

“Từ này có gốc từ tiếng nước nào vậy?”

Cô ta đáp không biết.

Ông đòi lại cây bút chì và dò theo các tuyến.

“Rất nhiều địa danh ở đây theo tiếng Séc, hoặc Hungary hay Ukraina,” ông nói. Vừa nói ông vừa chột nghĩ có thể cô là người gốc một trong những nước đó. Nhưng đâu có sao, ông chỉ nói một sự thật hiển nhiên thôi mà.

“Đây rồi, ổn thôi, đúng trên tuyến.”

“Vâng,” cô ta nói. “Tôi muốn chuyển vào thứ sáu - ông có thu xếp được không?”

“Chúng tôi chuyển đi được, nhưng tôi không hứa được ngày nào thì đến đấy đâu,” ông nói. “Còn phụ thuộc vào thứ tự ưu tiên nữa. Khi hàng của cô đến có người chờ nhận ở đầu kia không?”

“Có.”

“Thứ Sáu có chuyển vừa chở hàng vừa chở khách, lúc hai giờ mười tám phút chiều. Xe tải sẽ đến lấy đồ sáng thứ sáu. Cô có ở ngay thị trấn này không?”

Cô ta gật đầu, viết địa chỉ của mình xuống giấy: *Số 106 đường Triễn Lãm*.

Các ngôi nhà trong thị trấn này chỉ vừa mới được đánh số cách đây không lâu, và ông không hình dung ra được nơi cô ta ở, mặc dù ông biết rõ

đường Triển Lãm ở đâu. Nếu lúc đó mà cô ta nói là cái tên McCauley thì ông đã để ý hơn rồi, và mọi chuyện có thể xảy ra theo chiều hướng khác. Đường ấy có những ngôi nhà mới xây sau chiến tranh, dù vẫn được gọi là “các căn nhà thời chiến.” Ông đoán có lẽ cô ta ở một trong những căn nhà đó.

“Khi nào chuyển hàng cô mới phải trả tiền,” ông bảo cô ta.

“Tôi cũng muốn mua một vé hành khách cho mình trên cùng chuyến tàu đó. Chiều thứ Sáu.”

“Cũng tới ga đó.”

“Vâng.”

“Cô sẽ ngồi tàu đó đến Toronto, nhưng sau đó cô phải đợi tàu Xuyên Lục Địa, khởi hành lúc mười rưỡi đêm. Cô muốn vé nằm hay vé ngồi? Vé nằm thì có giường, vé ngồi thì chỉ có ghế, trong toa thường.”

Cô ta nói chọn vé ngồi.

“Đợi tàu đi Montreal ở Sudbury, nhưng đừng xuống ga ấy, họ sẽ dồn toa và móc và tàu Montreal. Rồi đến ga Cảng Arthur rồi Kenora. Nhưng cô đừng xuống ga nào, chờ đến tận Regina thì xuống để đón tàu tuyến nhanh.”

Cô ta gật đầu như muốn nhắc ông viết và xuất vé ngay cho mình.

Ông nói chậm rãi, “Nhưng tôi không hứa được là đồ đạc của cô sẽ tới cùng lúc với cô đâu, tôi nghĩ phải mất một hai ngày sau mới tới. Theo thứ tự ưu tiên mà. Có người đón cô ở ga không?”

“Có.”

“Vậy thì tốt. Vì ga xếp đồ chẳng giống nhà ga thường đâu. Thị trấn ở chỗ đó khác nơi này. Còn hoang sơ lắm?”

Cô ta trả luôn tiền vé tàu, rút từ cuộn tiền đựng trong một cái túi vải nhét trong ví. Phong cách của một bà già. Cô ta cũng đếm chỗ tiền trả lại nữa. Nhưng không phải như cách các bà già thường đếm tiền - cô ta cầm cả chỗ tiền trong tay rồi lướt mắt qua, nhưng nhìn là biết cô ta không sót một

đồng xu nào. Rồi cô ta quay gót đi hơi bất nhã, không hề chào tạm biệt.

“Hẹn gặp cô thứ Sáu này,” ông gọi với theo.

Hôm nay là một ngày tháng Chín ẩm áp, thế mà cô ta lại mặc một cái áo choàng dài màu nâu xỉn, kèm thêm đôi giày buộc dây cục mịch với bít tất cộc đến mắt cá.

Ông đang rót cà phê từ bình ủ ra, thì thấy cô ta quay lại và đập cửa bán vé.

“Những món đồ tôi sắp gửi,” cô ta nói. “Đều là đồ tốt, gần như mới nguyên đấy. Tôi không muốn món nào bị xước xát hay trầy tróc bất kể kiểu gì đâu nhé. Tôi cũng không muốn đồ đạc lại có mùi gia súc.”

“Ồ, tưởng gì,” ông đáp. “Ngành đường sắt quá quen với nghề vận chuyển rồi. Và họ không dùng toa đang chở lợn để chứa đồ nội thất đâu.”

“Tôi lo làm sao đồ đạc đến được đầu kia vẫn nguyên vẹn như tình trạng khi gửi ở đầu này.”

“Vâng, cô nghe này, khi cô mua thì đồ đạc đang ở trong cửa hàng nội thất đúng không? Vậy cô chỉ nghĩ làm thế nào mà đồ đạc có mặt ở đó được? Người ta có sản xuất ra đồ nội thất tại cửa hàng không nào? Không hề. Chúng được làm ra ở xưởng mộc nào đó tận đâu đâu cơ, rồi mới được chuyển đến cửa hàng, chắc cũng bằng tàu hỏa. Nếu đúng vậy, thì đó chẳng phải là bằng chứng rằng ngành đường sắt biết cách bảo quản đồ nội thất sao?”

Cô ta vẫn găm ánh mắt vào ông, không kèm thêm một nụ cười hay cử chỉ nào công nhận mình đã có suy nghĩ ngốc nghếch kiểu đàn bà.

“Tôi mong vậy,” cô ta nói. “Tôi mong họ biết làm cho đúng.”

Người nhân viên trực ga đáng lẽ phải nói, mà không cần nghĩ, rằng mình biết tất cả mọi người trong thị trấn. Nghĩa là ông thực sự biết một nửa số dân trong thị trấn. Và đa phần những người ông biết đều là dân kỳ cựu, những người thực sự là dân “thường trú” theo nghĩa không phải mới chân ướt chân ráo đến đây và đang nhấp nhóm muốn rời đi. Ông không biết

người phụ nữ sắp chuyển đến Saskatchewan vì cô ta không đi nhà thờ, hay dạy học ở trường lũ con ông, hoặc làm ở các cửa hiệu, nhà hàng hay văn phòng ông thường lui tới. Cô cũng không phải vợ một trong những người đàn ông mà ông biết trong các hội huynh đệ Elks hay Oddfellows, hoặc các câu lạc bộ Lions hay Legion. Một cái liếc mắt vào bàn tay trái lúc cô ta trả tiền đã cho ông biết - và ông cũng không lấy gì làm lạ - rằng cô ta chưa có chồng. Với kiểu giày như vậy, và tất cộc chứ không phải tất dài, rồi còn không mang găng, mũ gì vào buổi chiều, thì dễ cô ta làm nghề nông lắm. Nhưng cô ta lại không có kiểu áp úng thường thấy ở đám phụ nữ làm nông, vẻ thẹn thùng ấy. Cô ta cũng không có phong thái quê mùa - đúng ra, cô ta chẳng có phong thái gì hết. Cô ta đối xử với ông cứ như với một cái máy cung cấp thông tin. Hơn nữa, địa chỉ cô ta viết là ở ngay thị trấn - đường Triển Lãm. Đúng rồi, cô ta gọi cho ông hình ảnh của một nữ tu mặc quần áo thể tục ông từng thấy trên ti vi, đang kể về công việc truyền giáo của bà ta ở đâu đó trong rừng - chắc là ở đó họ không mặc quần chùng áo dài dành cho nữ tu để dễ trèo đèo lội suối. Bà sơ này thỉnh thoảng lại cười để chứng tỏ rằng đạo tu của bà là để làm cho mọi người hạnh phúc, nhưng ngoài những lúc ấy ra thì bà nhìn xuống khán giả như thể mọi người sinh ra trên thế gian này là để bà dẫn dắt.

Một việc nữa mà Johanna định làm từ lâu nhưng vẫn chần chừ mãi chưa làm. Cô phải đến hiệu quần áo tên Milady để mua một bộ cánh mới cho mình. Cô chưa vào cửa hiệu đó bao giờ, vì khi cần mua thứ gì, như bút tất chẳng hạn, cô đâu tới Cửa hàng quần áo Nam Nữ Trẻ em Callaghans. Cô có khối quần áo được thừa hưởng từ bà Willets, toàn đồ như chiếc áo choàng này, mặc không biết đến đời nào mới sòn. Và Sabitha - đứa bé gái mà cô phải trông nom ở nhà ông McCauley - thì mặc không xuể quần áo của bọn chị em họ thải ra, toàn những thứ đắt tiền.

Ngoài quầy kính trưng bày tiệm Milady có hai ma nơ canh mặc bộ vét với váy thật ngắn và áo vét ngắn vạt vuông. Một bộ màu vàng xỉn còn bộ kia màu xanh lá cây đậm và nền nã. Những chiếc lá phong to làm bằng giấy màu sặc sỡ rải khắp quanh chân các ma nơ canh và dính dây đỏ trên kính quầy trưng bày. Vào mùa này trong năm, khi hầu hết mọi người phải lo vun lá lại đem đốt thì ở đây lá lại được chọn làm vật trang trí. Một dòng quảng cáo với kiểu chữ mềm mại màu đen dính chéo qua tấm kính, có nội dung: *Đơn giản đến trang nhã, một mùa thu.*

Cô đẩy cửa bước vào.

Ngay trước mắt cô là một tấm gương cao bằng đầu người, khiến cô nhìn thấy ngay toàn thân mình trong chiếc áo choàng dài của bà Willets, tuy là hàng cao cấp nhưng cứ đuồn đuồn chẳng ra phom dáng gì, dưới đó là bắp chân to mập hở ra khoảng nửa gang tay trên đôi tất ngắn chỉ che đến mắt cá. Tất nhiên, họ làm việc ấy có chủ ý. Để tấm gương ở đó thì khách hàng mới thấy ngay những khiếm khuyết của mình, và rồi - chủ hàng hy vọng vậy - vội kết luận rằng mình phải mua món gì đó để thay đổi hình ảnh. Một

ngón nghề lộ liễu đến thế đáng lẽ có thể khiến cô quay ra ngay lập tức, nếu trước đó cô không hạ quyết tâm phải mua cho xong những thứ mình cần.

Dọc một bức tường là giá treo váy dạ hội, chiếc nào cũng xứng đáng dành cho các nàng hoa khôi dạ vũ, với những mảng ren và vải taffeta, với những gam màu mơ mộng. Tiếp đó, trong một chiếc tủ kính để ngăn những ngón tay tò mò là khoảng nửa chục váy cưới, cái bằng lụa màu trắng tinh khôi, cái bằng xa tanh màu kim nhật, cái bằng đăng ten màu ngà, chêm thêm hạt cườm bạc hay hạt ngọc trai xinh xinh. Phần eo bó sát, viền cổ lượn sóng, chân váy bung xòe. Khi còn trẻ cô cũng không bao giờ hình dung được sự hoang phí đến mức ấy, không chỉ riêng về tiền bạc mà còn cả về kỳ vọng, về niềm hy vọng vô lối vào khả năng biến hóa, vào niềm hạnh phúc.

Phải mất hai, ba phút mới có người ra. Hình như họ quan sát cô từ một khe ngấm bí mật, và nghĩ rằng cô không phải là loại khách họ chào đón, thậm chí mong cô sẽ đi ra. Nhưng cô không đi. Cô lướt qua tấm gương - bước từ khoảng sàn thô gần cửa lên tấm thảm bông - và cuối cùng thì tấm rèm ở góc cuối cửa hàng cũng mở ra, để chính bà chủ Milady xuất hiện trong bộ vét màu đen với hàng khuy lấp lánh. Giày cao gót, cổ chân thon, thắt lưng bó, đôi tất giấy sột soạt, tóc vàng ánh kim chải ộp về phía sau khoe khuôn mặt được trang điểm kỹ.

“Tôi muốn thử bộ vét bày ngoài quầy kính.” Johanna nói với giọng điệu được chỉnh kỹ trước khi thốt ra. “Bộ màu xanh lục ấy.”

“A, mẫu ấy đẹp thật,” bà chủ nói. “Nhưng bộ ngoài tủ kính lại là cỡ số mười. Trông cô... chắc mặc số mười bốn?”

Bà ta sột soạt vượt qua Johanna vào phía trong cửa hàng, nơi treo quần áo thường nhật, vét và váy đi làm.

“May cho cô đấy nhé. Có số mười bốn đây.”

Việc đầu tiên Johanna làm là nhìn tem giá. Ít nhất gấp đôi con số cô dự định, và cô cũng không cố giấu ý nghĩ đó.

“Cũng đắt nhỉ.”

“Chất len xịn mà.” Bà ta lần mò cho đến khi moi được móc, rồi bóc thông tin về chất liệu nhưng Johanna nghe câu được câu mất vì đang mãi soi chất lượng đường may trên gấu.

“Sờ nhẹ như lụa nhưng mặc chắc như áo giáp. Cô trông lớp lót kỹ chưa này, tuyền chất lụa pha sợi tổng hợp thích ghê. Bộ này giữ phom tốt lắm, không xộc xệch khi ngồi xuống như hàng rẻ tiền đâu. Xem viền cổ tay với cổ áo bằng nhưng điểm thêm hàng khuy bọc nhung xinh xắn trên ống tay này.”

“Tôi thấy rồi.”

“Hàng kỹ đến thế cơ mà, đắt xắt ra miếng, tiền nào của đấy cả cô ạ. Tôi thích chất nhung này lắm. À chỉ có màu lục mới có cổ và gấu tay nhưng đấy nhé - màu mận không có đâu, mà giá cũng y hệt.”

Thực ra Johanna cũng thấy chính những mảnh nhung ở gấu tay và cổ áo đã tôn cho chiếc áo một vẻ sang trọng mà tinh tế khiến cô muốn mua. Nhưng cô không nói ra ý nghĩ đó.

“Tôi đi mặc thử nhé?”

Cô đã chuẩn bị cho việc này từ trước khi đến đây. Đồ lót mới và phấn rôm thoa dưới hai cánh tay.

Bà chủ cửa hàng giữ ý, để cô một mình trong buồng mặc thử quần áo ngập ánh sáng. Johanna cố tránh không nhìn vào tấm kính cam dỗ cho đến khi vượt thẳng thớm chiếc váy và cài đủ khuy áo.

Đầu tiên cô chỉ nhìn vào bộ vét. Trông cũng ổn. Khá vừa vặn - dù chân váy có ngắn hơn mức cô quen mặc, nhưng gu quần áo cô thường mặc không ra kiểu thời trang gì. Chẳng có gì phải băn khoăn với bộ vét cả. Vấn đề là ở những chỗ không được bộ vét che. Cổ và mặt, tóc và đôi bàn tay thô, bắp chân cục mịch.

“Cô mặc xong chưa? Để tôi ngó chút nhé?”

Cứ ngó nghiêng thoải mái đi, Johanna nghĩ thầm, rồi bà sẽ thấy ngay đôi

tai lừa^[1] của tôi.

Bà chủ cửa hàng ngắm nghía hết bên này đến bên kia.

“Đúng rồi, cô phải đi thêm tất dài và giày cao gót. Cô mặc thấy thế nào? Thoải mái không?”

“Bộ vét mặc thì ổn,” Johanna đáp. “Chả có vấn đề gì với bộ vét hết.”

Qua gương, cô thấy bà chủ đổi hẳn nét mặt. Bà tắt ngay nụ cười, lộ ra vẻ mặt thất vọng và mệt mỏi, nhưng tử tế hơn.

“Chuyện đôi khi vẫn xảy ra ấy mà. Trông thì đẹp nhưng mặc vào mới biết. Thực tế là,” bà ta nói, giọng điệu có vẻ thuyết phục trở lại nhưng ôn hòa hơn, “thực tế là dáng người cô cân đối, nhưng mạnh mẽ. Khung xương cô nở nang, nhưng thế thì đã làm sao? Cái kiểu khuy bọc nhung lắt nhắt này không hợp với tạng cô. Đừng băn khoăn mẫu này nữa. Cứ cởi ra đi?”

Rồi khi Johanna vừa trút xong bộ vét chỉ còn đồ lót thì có tiếng gõ cửa rồi một bàn tay thò vào qua tấm rèm che.

“Cứ choàng thử cái này vào xem ra làm sao.”

Một cái váy len dài màu nâu, có gót, chân váy xò xếp nếp mềm mại, ống tay lửng và cổ khoét tròn đơn giản. Đơn giản đến mức không thể đơn giản hơn, trừ dải thắt lưng nhỏ màu vàng. Không đắt như bộ vét, nhưng giá vẫn có vẻ cao quá, nếu xét tất cả các yếu tố từ chất liệu đến kiểu dáng. Ít ra chân váy cũng dài vừa đủ, và chất vải ôm khéo quanh đôi chân cô.

Nín thở để lấy quyết tâm xong cô mới nhìn vào gương. Lần này trông cô không như bị nhồi vào bộ đồ trên người để làm một con rối.

Bà chủ cửa hàng đến đứng đằng sau cô, bật lên cười, nhưng với vẻ nhẹ cả người.

“Cùng màu với mắt cô đấy. Cô không cần mặc đồ nhung. Cô có đôi mắt nhung rồi.”

Đó là lời khen sến đến mức lúc bình thường thế nào Johanna cũng phải trả đũa lại bằng những lời mỉa mai, nhưng đúng vào thời điểm đó lại có vẻ

chân thực. Mắt cô không lớn, và nếu buộc phải tả màu mắt, cô chắc sẽ nói, “tôi nghĩ là màu nâu nâu.” Nhưng lúc này đây, cặp mắt cô trông thật sâu với sắc nâu trầm, mềm mại và lấp lánh.

Không phải cô chợt có ý nghĩ rằng mình xinh đẹp hay thế nào đó. Chỉ là đôi mắt cô, nếu là một mảnh vải thì hẳn sẽ có sắc màu thật đẹp.

“Rồi, tôi cá là cô không hay đi giày da,” bà ta nói. “Nhưng nếu cô mang tất dài và giày đế cao chút xíu thôi... Và tôi cá là cô không đeo trang sức, cũng có lý thôi, cô không cần thêm nữ trang gì ngoài cái dây lưng đó.”

Để bà ta khỏi phải nói thêm những lời chào hàng, Johanna nói, “Thôi, để tôi cởi ra cho bà gói giúp.” Cô thấy tiếc nuối phải rời xa cảm giác mềm mại từ chiếc váy và dải ruy băng kín đáo màu vàng quanh eo. Chưa bao giờ trong đời cô có cảm giác vô lý như thế, rằng giá trị bản thân có thể được nâng lên bởi những thứ mình mang trên người.

“Tôi mong là nó sẽ được dùng vào một dịp quan trọng,” bà chủ nói vọng vào khi Johanna đang khoác vội lại quần áo, giờ trông thật thảm hại.

“Chắc tôi sẽ mặc trong lễ cưới của mình,” Johanna nói.

Rồi cô thấy ngạc nhiên vì mình đã nói ra kiểu đó. Cũng không phải là sai lầm lớn - bà ta chẳng biết cô là ai, và chắc cũng chẳng nói với những người quen biết cô. Nhưng dù sao cô cũng từng tự nhủ mình sẽ giữ kín chuyện này. Chắc là do cô thấy mình mang nợ con người này - sau khi đã cùng trải qua sự cố bộ vét màu xanh lục và cùng phát hiện ra chiếc váy nâu, dường như giữa họ đã hình thành một thứ tình cảm. Một điều thật vô lý. Công việc của bà ta là bán quần áo, và bà ta vừa thực hiện được một giao dịch thành công.

“Ôi trời!” bà ta thốt lên. “Ôi, thế thì thật tuyệt.”

Vâng, có lẽ vậy, Johanna thầm nghĩ, mà cũng có thể là không. Cái người cô sắp cưới chưa biết là loại người như thế nào. Có thể là một bác nông dân khổ cực muốn có thêm tay thêm chân giúp việc đồng áng, hay một cụ lụ khụ ốm o muốn tìm một người hộ lý. Bà chủ cửa hàng này không thể biết cô

sắp chọn người đàn ông loại nào, mà đảng nào thì cũng chả liên quan gì tới bà ta hết.

“Tôi chắc đó là cuộc hôn nhân vì tình yêu,” bà ta nói, cứ như là vừa đọc được những thắc mắc của cô vậy. “Thảo nào tôi thấy ánh mắt cô rục lên trong gương. Tôi đã gói cẩn thận bằng giấy mềm rồi, cô chỉ việc dỡ ra rồi treo bên mắc là nó tự suôn ra thôi. Nếu muốn thì cô có thể lấy bàn ủi là sơ qua, nhưng có lẽ không cần đâu.”

Rồi đến thủ tục trao nhận tiền. Cả hai bên đều vờ không nhìn vào tệp tiền, nhưng họ đều làm vậy.

“Cũng đáng đồng tiền,” bà chủ cửa hàng nói. “Ai cũng chỉ làm đám cưới có một lần. À, nhưng không hẳn luôn phải như vậy.”

“Đối với tôi thì sẽ là như vậy đấy,” Johanna nói. Mặt cô đỏ bừng lên vì, thực ra, hai người chưa từng nói đến đám cưới. Dù là trong bức thư gần đây nhất. Cô vừa tiết lộ cho bà chủ cửa hàng điều mình đang kỳ vọng, và có lẽ cần kiêng không nên làm thế để tránh nói trước bước không qua.

“Cô gặp người ấy ở đâu?” bà ta hỏi, vẫn với giọng điệu vui vẻ đầy quan tâm. “Lần hẹn hò đầu tiên ra sao?”

“Qua họ hàng giới thiệu,” Johanna nói thành thực. Cô không định nói gì thêm nhưng cứ tự thốt ra. “Hội chợ miền Tây. Ở London.”^[2]

“Hội chợ miền Tây à?” bà ta nhắc lại. “Ở London?” Cô tưởng như bà ta có thể nói tiếp “Trong buổi dạ vũ ở cung vua à?”

“Con gái anh ấy và bạn nó đi cùng chúng tôi,” Johanna nói, nghĩ bụng đúng ra thì anh và bé Sabitha cùng bé Edith đón cô, Johanna, đi cùng với họ.

“Rồi, giờ tôi có thể nói hôm nay mình cũng làm được việc có ích. Tôi vừa chuẩn bị váy cưới cho một cô dâu hạnh phúc. Thế là đã đủ lý do cho sự tồn tại của tôi trên cõi đời này rồi.” Bà chủ cửa hàng buộc một sợi ruy băng mảnh dẻ màu hồng bên ngoài hộp đựng chiếc váy, thắt thành một chiếc nơ lớn quá mức cần thiết, kết thúc bằng một nhát kéo rất gọn và khéo.

“Suốt cả ngày tôi cứ quanh quẩn với cửa hàng này,” bà ta nói. “Và đôi khi tôi thắc mắc không hiểu mình có biết mình đang làm cái gì đây không. Tôi tự vấn, ‘Mi nghĩ mi đang làm gì ở đây thế hả?’ Tôi bày hàng mới ra quầy kính, và tôi làm việc này việc kia để thu hút khách vào mua hàng, nhưng có những ngày - có nhiều ngày - tôi chẳng thấy ma nào bước qua cửa kia. Tôi biết - người ta nghĩ quần áo ở đây quá đắt - nhưng toàn hàng tốt đấy chứ. Quần áo ở đây toàn hàng tốt. Muốn có chất lượng ra tầm ra món thì phải trả giá cao thôi.”

“Muốn mặc kiểu đồ như thế kia thì phải vào đây,” Johanna vừa nói vừa nhìn vào những chiếc váy dạ hội. “Không thì còn tìm ở đâu ra được chứ?”

“Chết ở chỗ ấy đấy. Họ chẳng vào đây. Họ lên thành phố - họ đi tìm ở đấy đấy. Họ lái xe hàng chục, hàng trăm cây số, không tính đến tiền xăng, và tự nhủ rằng đi xa thế thì họ tìm được món hời hơn đồ của tôi ở đây. Nhưng rốt cuộc có tìm được đâu. Chất lượng chẳng tốt hơn, mẫu mã chẳng đẹp hơn. Chẳng có gì. Chỉ để khỏi phải thấy xấu hổ khi nói là mua trang phục cưới ở ngay cái tỉnh lẻ này. Đôi khi họ vào thử đồ này đồ khác rồi nói sẽ suy nghĩ. Tôi sẽ quay lại sau, họ nói thế đấy. Tôi nghĩ bụng, dạ vâng, tôi biết tổng thể nghĩa là thế nào rồi. Thế nghĩa là họ sẽ cố tìm hàng như thế nhưng rẻ hơn ở mấy thành phố London hay Kitchener, và đến đó rồi thì dù không rẻ hơn họ vẫn phải mua, vì đã chạy xe ngàn ấy đường rồi, và đi xem đến phát mệt rồi.”

“Tôi cũng không biết nữa,” bà ta nói tiếp. “Nếu tôi là người gốc ở đây thì có khi chuyện lại khác. Tôi thấy ở đây thủ cựu lắm. Cô không phải người ở đây phải không?”

“Không,” Johanna đáp.

“Cô không thấy ở đây thủ cựu à?”

“Thủ... cựu?”

“Ý tôi là khó dung nạp người ngoài ấy.”

“Tôi quen sống một mình một kiểu rồi,” Johanna nói.

“Nhưng cô đã tìm được một người rồi. Cô sẽ không sống một mình một

kiểu nữa, như thế đáng yêu quá đi chứ? Đôi lúc tôi nghĩ cưới chồng rồi ở nhà chăm sóc gia đình hẳn là rất tuyệt. Tất nhiên, tôi đã từng có chồng, nhưng vẫn đi làm. Thế đấy. Rồi biết đâu một ngày sẽ có một người đàn ông từ cung trăng bước vào đây, rồi mẹ tôi, thối đời tôi sẽ ổn!”

Johanna đang vội - nhu cầu trò chuyện của bà chủ cửa hàng đã giữ chân cô. Cô phải vội về nhà, cất gói đồ mới mua trước khi Sabitha đi học về.

Rồi cô nhớ ra Sabitha không ở đây, cuối tuần rồi con bé đã được người em họ của mẹ, dì Roxanne, đón đi để trải nghiệm cuộc sống như một nữ sinh giàu có ở Toronto, đi học trường dành cho các nữ sinh giàu có. Nhưng cô vẫn bước gập đến nỗi mấy chú lỏi ranh đang vật vờ bên hiệu thuốc có cơ giật giọng trêu cô, “Em ơi cháy ở đâu đấy?” khiến cô phải đi chậm lại để tránh gây chú ý.

Cái hộp đựng váy thật phôi - cô đâu có biết được cửa hàng ấy lại thừa riêng loại hộp các tông màu hồng, với tên hiệu Milady vắt ngang màu tím trông như như chữ viết tay để đựng đồ. Lộ liễu quá. Cô thấy mình thật ngốc vì đã nói đến đám cưới, trong khi anh chưa hề dấn động tới việc ấy, và đáng ra cô phải nhớ điều đó. Hai người đã nói, đúng hơn là viết cho nhau, quá nhiều điều khác, bày tỏ tình cảm và nói nhớ nhung, khiến việc cưới xin cụ thể dường như đã bị bỏ qua. Kiểu như người ta nói buổi sáng sẽ dậy như thế nào mà không nhắc đến ăn sáng, dù chắc chắn là có ý định ăn sáng.

Nhưng lẽ ra cô vẫn nên giữ kín việc này.

Cô trông thấy ông McCauley đi bộ ngược hướng với mình ở phía lề đường bên kia. Nhưng không có gì đáng lo - cho dù có giáp mặt cô thì ông cũng chẳng ác ý đến cái hộp cô đang cầm. Chắc ông sẽ lấy ngón tay nâng mũ rồi đi tiếp, có thể nhận ra cô là người giúp việc nhà mình, cũng có thể không. Ông có quá nhiều thứ khác trong đầu, và ai hiểu ông cũng biết, có lẽ cái thị trấn hiện lên trong mắt ông khác với thị trấn mà họ đang thấy. Tất cả các ngày trong tuần - và đôi khi, những lúc ông vắng trí, vào cả những ngày nghỉ và Chủ nhật - ông đóng nguyên bộ com lê đủ cả gi lê, một trong

số vài bộ ông có, với áo choàng nhẹ hoặc áo khoác dày, mũ phớt xám, giày da bóng lộn, tản bộ từ đường Triển Lãm lên văn phòng được ông mở từ thời dưới nhà còn là cửa hàng bán va li, túi xách. Mọi người gọi đó là Văn phòng bảo hiểm, dù đã lâu rồi ông không còn bán bảo hiểm nữa. Đôi khi cũng có người leo lên cầu thang gặp ông, hình như để hỏi về hợp đồng bảo hiểm của họ nhưng đa phần và về ranh giới các lô đất, về lịch sử của các mảnh bất động sản trong thị trấn hay trang trại ngoài đồng quê. Văn phòng ông đầy các bản đồ cũ có mới có, và không gì làm ông thích thú hơn việc mở bản đồ ra tra cứu và khơi mào một cuộc thảo luận sẽ lan man ra ngoài câu hỏi ban đầu rất xa. Ba hay bốn lần trong ngày, ông rời văn phòng và đi dạo phố, như lúc này. Trong thời chiến, ông đã cất chiếc xe hơi hiệu McLaughlin-Buick lên bục trong nhà kho, và đi đâu cũng đi bộ như muốn làm gương cho người khác. Mười lăm năm sau, dường như ông vẫn xứng đáng là tấm gương ấy. Tay chấp sau lưng, trông ông như một người địa chủ tốt bụng đi khám điền thổ, hay một nhà thuyết giáo đang trù mẩn nhìn bầy con chiên của mình. Tất nhiên, đến một nửa số người ông gặp chẳng hề biết ông là ai.

Thị trấn đã thay đổi nhiều, kể cả so với thời điểm Johanna tới đây. Hoạt động kinh doanh đang chuyển ra ngoài gần đường cao tốc, ở đó đã mọc lên một cửa hàng giảm giá, một cửa hàng lốp ô tô và một nhà khách với quầy rượu có vũ nữ ngực trần. Vài cửa hàng ở trung tâm thị trấn từng cố tô điểm lại với màu sơn hồng hay tím hoa cà hay xanh ô liu, nhưng nước sơn đã bắt đầu tróc, lộ ra nền gạch cũ và một số cửa hàng thì bên trong đã trống trơn. Chẳng mấy mà cửa hàng quần áo của bà Milady cũng sa sút vậy.

Nếu Johanna mà là bà chủ cửa hàng thì cô sẽ làm gì? Đầu tiên là cô sẽ không nhập vào nhiều váy dạ hội diêm dúa đến thế. Thế thì thay bằng gì? Nếu chuyển sang hàng quần áo rẻ tiền hơn thì chỉ tự đưa mình vào thế cạnh tranh trực tiếp với tiệm Callaghans và cửa hàng giảm giá, và chắc sẽ không giành được đủ thị phần trong phân khúc này. Hay là đi vào thị trường quần áo trẻ sơ sinh, quần áo trẻ em cao cấp để thu hút các bà nội bà ngoại, bà dì bà bác có tiền và sẽ không ngại chi tiêu vào những thứ đó?

Đành là phải quên các bà mẹ trẻ đi, vì với túi tiền eo hẹp hơn và đầu óc thực dụng hơn, họ chắc sẽ đến cửa hàng Callaghans.

Nhưng nếu là chủ cửa hàng, cô - Johanna - sẽ không bao giờ thu hút được một người khách này bước vào tiệm. Cô có thể xét đoán xem cần làm những việc gì, và làm như thế nào, và cô cũng có thể tổ chức và quán xuyến người khác làm những việc ấy, nhưng cô không bao giờ quyến rũ hay chèo kéo được. Phong cách của cô là, mua thì mua không mua thì đi. Đương nhiên là khách sẽ đi.

Người mến được cô thì hiếm lắm, và từ lâu cô đã biết điều đó. Đến bé Sabitha cũng không hề nhỏ một giọt nước mắt khi chia tay cô - dù đối với Sabitha, cô Johanna gần như là người thay thế mẹ, kể từ khi mẹ bé mất. Ông McCauley chắc sẽ buồn phiền khi cô đi, vì cô làm việc tốt và thật khó kiếm được người thay thế cô, nhưng chỉ thế mà thôi. Cả ông lẫn cô cháu ngoại đều chỉ biết nghĩ đến bản thân vì quen được nuông chiều. Còn những người hàng xóm, đương nhiên là họ sẽ vui mừng. Johanna đã có hiềm khích với cả hai bên láng giềng. Một bên thì có con chó cứ sang đào bới vườn của cô để giấu và tìm những khúc xương được chủ cho - mà đáng lẽ nó phải đào ở nhà nó chứ. Và bên kia thì vì cây anh đào đen, gốc thì ở trên đất nhà McCauley nhưng quả thì lại chỉ sai ở các cành vươn sang phía sân nhà bên cạnh. Trong cả hai vụ thì cô đều lên tiếng trước, và giành phần thắng. Con chó bị xích lại còn người hàng xóm bên kia thì không dám đụng đến những quả anh đào nữa. Nếu bắc thang thì cô có thể với sang phía bên sân nhà họ hái quả, nhưng họ lại không buồn đuổi lũ chim đến ăn trên các cành ấy nữa, khiến lượng quả thu hoạch giảm đáng kể.

Nếu để mặc ông McCauley thì ông đã kệ cho họ hái. Mà ông cũng kệ cho con chó đào. Ông cứ để kệ cho người ta lợi dụng mình. Một phần nguyên nhân là ông muốn thể hiện rằng mình không buồn để ý đến họ, là những người mới đến, sống trong những căn nhà mới xây. Đã có thời trên cả đường Triển Lãm chỉ có ba bốn căn nhà lớn thôi. Bên kia đường là bãi hội chợ, nơi tổ chức hội chợ mùa thu (tên gọi chính thức là Triển lãm Nông

nghiệp, nên nhờ đó mới có tên thế). Và giữa các căn nhà đó là vườn quả, bãi cỏ. Trong một thập niên trước, hay quăng đó, đất này được phân thành lô đều nhau để bán và các ngôi nhà mới mọc lên - những ngôi nhà nhỏ với hai kiểu kiến trúc đan xen, một kiểu có vài tầng còn kiểu kia chỉ có một tầng. Nhiều ngôi nhà xây từ dạo đó giờ đây trông đã khá xập xệ.

Ông McCauley chỉ quen biết và thân thiện với chủ nhân của vài ngôi nhà cùng phố - ông thầy giáo, cô Hood và bà mẹ, nhà Shultz có cửa hàng sửa giày. Con gái nhà Shultz, bé Edith, đang hoặc đã từng là bạn thân của Sabitha. Điều đó cũng tự nhiên thôi, vì hai đứa ở gần nhà mà lại học cùng lớp cùng trường - ít nhất là vào năm học trước, khi Sabitha bị đúp. Ông McCauley không hề buồn phiền - hình như ông đã mạnh mẽ cảm thấy rồi Sabitha sẽ rời khỏi đây sớm để có một cuộc sống khác ở Toronto. Johanna chắc sẽ không chọn Edith để làm bạn với Sabitha, dù cô bé không bao giờ mất lịch sự hay gây phiền hà khi tới nhà chơi. Và cô bé không hề ngốc nghếch. Có lẽ đó chính là vấn đề - cô bé thông minh còn Sabitha thì không. Cô bé đã làm cho Sabitha trở nên tinh quái hơn.

Nhưng giờ thì mọi chuyện đã kết thúc. Giờ đây người em họ của mẹ con bé, dì Roxanne - vợ ông Huber - đã tới đón Sabitha, và cô bạn nhà Shultz đã trở thành một ký ức tuổi thơ của nó.

Em sắp chuyển hết đồ nội thất của anh bằng tàu hỏa tới cho anh ngay khi bên họ sẽ xếp được chuyển sớm nhất. Em sẽ trả trước tiền cước vận chuyển ngay khi họ báo giá. Em vẫn nghĩ bây giờ anh đang cần những đồ đạc đó. Em chắc anh sẽ không ngạc nhiên lắm vì em đoán anh sẽ không phiền lòng về việc em cũng tới trên cùng chuyến tàu để giúp được anh như em mong muốn.

Đó là nội dung lá thư cô đã mang gửi ở bưu điện, trước khi đến đặt chuyển ở nhà ga xe lửa. Đây là lá thư đầu tiên cô gửi trực tiếp cho người ấy. Các lá thư trước đó luôn được kẹp cùng những lá thư cô bảo bé Sabitha viết. Và thư từ anh gửi cho cô cũng bằng cách đó, được gấp cẩn thận và có tên cô, Johanna, đánh máy ở mặt sau để khỏi bị nhầm. Cách đó vừa khiến những nhân viên bưu điện không thể phát hiện ra mối liên hệ, vừa tiết kiệm thêm

được một con tem. Tất nhiên, Sabitha cũng có thể báo cho ông nó, hay thậm chí đọc được nội dung những tờ thư viết cho Johanna, nhưng Sabitha không còn hứng thú chuyện trò với ông già cũng như chẳng có hứng viết hay nhận thư.

Đồ nội thất được cất vào nhà kho, một cái kho kiểu thành phố chứ không phải kho trang trại nơi trữ thóc và làm chỗ ngủ cho gia súc. Khi Johanna để mắt đến những đồ đạc đó quãng một năm về trước, cô thấy chúng đã phủ một lớp bụi mờ và rải rác phân chim bồ câu. Những món đồ bị xếp đống tùy tiện và không được che phủ gì cả. Cô đã phải mang hết những thứ có thể tự bê được ra ngoài sân, để trong kho đủ khoảng không tiếp cận những đồ to nặng cô không bê được - cái ghế xô pha, tủ búp phê, tủ ly, bàn ăn. Cái giường thì cô dỡ ra được. Những phần gỗ cô lấy phát trần mềm phủi trước, rồi dùng tinh dầu chanh. Khi cô làm xong, nước gỗ bóng lên như kẹo. Kẹo mật phong - quả đúng là gỗ phong vân mắt chim. Giờ đây cô thấy đống đồ nội thất nhìn thật hấp dẫn, ngang với ga giường lụa hay mái tóc vàng. Hấp dẫn và hiện đại, tương phản hoàn toàn với những đồ gỗ sẫm màu và chạm trổ rối rắm cô thường phải lau chùi trên nhà chính. Lúc đó cô nghĩ chúng là đồ đạc của anh ấy và vẫn tin như vậy khi cô lấy chúng ra vào ngày thứ Tư. Cô đã phủi thảm cũ lên lớp dưới cùng để khỏi bị lớp trên đè vào, và trải mấy mảnh ga giường lên trên bề mặt lớp cao nhất để tránh lũ chim nên khi lấy ra chỉ có một lớp bụi thưa. Nhưng cô lại quét tước và đánh dầu chanh toàn bộ trước khi xếp lại nguyên như thế, chờ xe tải đến chỗ đi vào ngày thứ Sáu.

Thưa ông McCauley,

Tôi sẽ đi trên chuyến tàu chiều nay (thứ Sáu). Tôi biết mình đã không báo tin này trước cho ông, nhưng bù lại tôi sẽ không nhận kỳ lương cuối cùng, tức là tổng cộng ba tuần tính đến thứ Hai tuần tới. Có món bò hầm trong nồi cách thủy trên bếp, chỉ cần đun lại. Đủ cho ông dùng ba, nếu ăn dè thì có thể thành bốn bữa. Sau khi hâm đủ nóng và lấy đủ ăn, cần đậy vung lại và cất vào tủ lạnh. Nhớ là phải đậy ngay vung lại kẻo thức ăn có thể bị ôi. Thân chào ông và bé Sabitha, chắc tôi sẽ liên lạc lại sau khi ổn định.

Johanna Parry.

T.B: Tôi đã gửi đồ nội thất đến cho ông Boudreau vì có thể ông ấy cần chúng. Ông nhớ kiểm tra cho đủ nước ở đáy nồi cách thủy trước khi đun.

Ông McCauley chẳng khó khăn gì cũng xác định được Johanna đã mua vé đến Gdynia, tỉnh Saskatchewan. Ông gọi điện cho người trực ga để hỏi. Ông không biết cách tả nhận dạng của Johanna - cô trông già hay trẻ, gầy hay đậm người, mặc đồ màu gì? - nhưng khi ông nhắc đến đồ nội thất thì những thông tin đó không còn cần thiết nữa.

Khi ông McCauley gọi điện đến nhà ga, có vài người đang đợi chuyến tàu tối. Thoạt tiên người trực ga cố ghìm giọng nói nhỏ, nhưng khi nghe thấy rằng đó là đồ ăn cấp, ông chợt trở nên bị kích động (thực ra ông McCauley nói chính xác là “và tôi tin cô ta có mang theo vài món đồ nội thất”). Ông thề rằng giá mình biết được cô ta là ai và định làm gì thì ông đã không để cô bước chân lên tàu. Mọi người xung quanh đều nghe rõ, nhắc lại và tin chắc vào lời tuyên bố này, không ai thắc mắc rằng người trực ga sẽ làm cách nào

để chặn một phụ nữ đã trưởng thành, mua vé đầy đủ, trừ phi ông ta có ngay bằng chứng rằng cô ta ăn trộm. Hầu hết những người nhắc lại lời tuyên bố đó của ông ta đều tin là ông có khả năng và quyết tâm chặn cô ta lại - họ tin vào quyền hành của người trực nhà ga và nhân cách của ông lão khả kính luôn đi lại đĩnh đạc trong bộ com lê nguyên bộ, đủ cả gi lê như ông McCauley.

Món bò hầm quả là tuyệt, xứng với trình độ nấu ăn bấy lâu của Johanna, nhưng ông McCauley vẫn thấy nuốt không nổi. Ông bỏ mặc lời dặn về việc dậy nắp, và cứ để nồi mở hơi trên bếp, thậm chí không buồn tắt bếp đi cho đến khi nước ở đáy nồi đun cách thủy bị cạn hết và ông chợt phát hiện ra mùi khét của kim loại cháy.

Đó là mùi của sự phản bội.

Ông tự nhủ vẫn còn may là ít nhất bé Sabitha cũng đã được thu xếp ổn thỏa, và ông không phải lo gì cho bé cả. Cô cháu gái - đúng ra là cháu họ của vợ ông, tên là Roxanne - đã viết thư kể cho ông những nhận xét của cô ta về Sabitha trong lần đi tham quan hồ Simcoe vào mùa hè rằng cô bé cần phải được uốn nắn.

“Nói thật là cháu nghĩ bác và cái cô làm thuê sẽ không thể làm chủ được tình hình khi bọn con trai bu đến xung quanh con bé.”

Cô không dám hỏi thẳng là ông có muốn con bé rồi cũng sẽ như Marcelle mẹ nó không, nhưng rõ ràng là có ý đấy. Cô nói sẽ đưa Sabitha đi học trường thật tốt để ít nhất con bé cũng học được cách cư xử lễ phép.

Ông bật ti vi để khỏi nghĩ về việc đó, nhưng chẳng tác dụng gì. Chính đồng đồ nội thất làm ông sôi máu. Chính là Ken Boudreau.

Chuyện là cách đây ba ngày - và chính cái ngày Johanna mua vé tàu, theo như lời người trực ga vừa kể với ông - ông McCauley có nhận được một lá thư của Ken Boudreau yêu cầu ông: (a) ứng một chút tiền vì đồng đồ nội thất thuộc sở hữu của gã (Ken Boudreau) và người vợ quá cố, Marcelle, đang nằm trong nhà kho nhà ông McCauley, hoặc (b) nếu ông không đồng ý làm

như trên thì bán đồng đồ đạc ấy được càng nhiều tiền càng tốt, và gửi số tiền đó càng nhanh càng tốt đến Saskatchewan. Chẳng đả động gì đến những khoản trước đây ông con rể đã vay của bố vợ, lần nào cũng lấy cớ vì giá trị của đồng đồ nội thất này và đem cộng lại thì đã vượt xa số tiền có thể thu được nếu bán đồng đồ đó đi ở bất kỳ thời điểm nào. Ken Boudreau đã quên tất cả những khoản đó rồi chẳng? Hay là gã chỉ hy vọng - khả năng này có vẻ cao hơn - rằng ông bố vợ gã đã quên rồi?

Hình như giờ đây gã đã sở hữu một khách sạn. Nhưng lá thư của gã chứa đầy những lời rửa xả lão chủ trước, người đã lừa gã về nhiều điểm trong giao dịch này.

“Nếu con vượt qua được trở ngại này,” gã viết, “thì con tin rằng con vẫn có thể thành công.” Nhưng trở ngại này là gì? Là nhu cầu phải có tiền ngay, dù gã chẳng nói rõ là tiền để trả nợ lão chủ trước, hay ngân hàng, hay một quỹ nhận thế chấp tư nhân, hay cái quái gì. Vẫn là câu chuyện cũ rích - với một giọng điệu van vãn, cầu xin pha lẫn một chút ăn vạ, kiểu như đòi bù đắp những thiệt thòi, bởi những tổn thương, những nỗi nhục nhằn gã đã phải chịu, liên quan đến chuyện Marcelle.

Dù đây nghi ngại, nhưng nhớ ra Ken Boudreau rốt cuộc cũng là con rể mình, từng chiến đấu trong cuộc nội chiến, và lại đã phải trải qua cuộc hôn nhân với những nỗi khổ mà chỉ có trời mới biết được, ông McCauley cũng ngồi xuống và viết thư hồi âm, nói rằng ông không biết bán những món đồ đó đi bao nhiêu là được giá, và ông không biết hỏi ai, và ông gửi kèm đây một tờ chi phiếu, coi như là tiền của ông cho gã vay riêng. Ông mong chàng rể sẽ ghi nhận đúng tính chất việc làm của mình, và nhớ tổng số tiền ông đã từng cho vay kiểu như thế này - mà ông tin rằng tính gộp đến nay đã vượt quá các loại giá trị của đồng đồ nội thất. Ông gửi kèm thư một danh sách liệt kê ngày tháng từng lần gửi và số tiền. Ngoài năm chục đô được trả cách đây đã gần hai năm (với lời hứa sẽ gửi thêm theo định kỳ), ông chẳng nhận được cái gì hết. Ông con rể hẳn phải biết rằng những khoản cho vay chẳng thu được cả vốn lẫn lời đó đã khiến thu nhập của ông McCauley suy

giảm nhiều, vì lẽ ra ông có thể đem số tiền đó đầu tư.

Ông định thêm rằng, “Tôi chẳng ngốc như anh nghĩ đâu,” nhưng lại quyết định thôi, vì như thế là làm lộ sự bức tức và có lẽ cả sự yếu đuối.

Và giờ thì thế đấy. Gã con rể lại còn ăn non và dụ dỗ Johanna tham gia vào mưu mô của gã - gã luôn lấy lòng được đàn bà - và chiếm đoạt được cả đồng đồ nội thất lẫn tiền của ông. Cô ta đã phải bỏ tiền túi ra trả tiền vận chuyển, người trực ga nói vậy. Máy thứ đồ gỗ phong trồng bóng bẩy kiểu tân thời ấy đã được danh giá quá cao trong các giao dịch trước, và hai đứa sẽ không thu được mấy tiền đâu, nhất là nếu tính cả khoản cước phí đường sắt đã trả. Nếu chúng thông minh hơn thì lẽ ra chỉ cần lấy món gì đó từ trên nhà chính, một cái tủ cổ hay cái trường kỷ phòng khách ngồi đến là khó chịu vì được làm ra và mua về từ thế kỷ trước. Tất nhiên, nếu chúng làm như thế thì đã thành hành vi ăn cắp rõ rồi. Nhưng làm thế này thì cũng chẳng khác mấy.

Ông đi ngủ với quyết tâm sẽ đưa họ ra pháp luật.

Ông thức dậy trong căn nhà trống vắng, không có mùi cà phê đang pha hay mùi bữa sáng đang nấu trong bếp, đã thế lại còn phảng phất mùi nôi cháy trong không khí. Hơi thu lạnh lẽo đã ngự trị trong tất cả các căn phòng trần cao, trống trải. Đêm qua và nhiều đêm trước căn nhà rất ấm cúng - thì ra lò sưởi chưa bật, và khi ông McCauley đi bật lò sưởi lên thì làn hơi ấm đầu tiên kéo theo mùi căn hầm ẩm ướt, mùi mốc, mùi bụi và mục rữa. Ông tắm rửa và mặc quần áo rất chậm rãi, đôi lúc lại lơ đãng ngừng lại, rồi lấy một mẩu bánh mì ra phết bơ lạc làm bữa sáng. Ông thuộc về một thế hệ có những trang nam nhi mà người ta bảo là đến cả đụn nước sôi cũng không biết, và ông là một trong số đó. Ông nhìn ra ngoài cửa sổ mặt tiền và thấy hàng cây bên kia đường đua chìm trong làn sương mù buổi sớm, đáng ra vào giờ này đã phải tan rồi mà trông vẫn như đang dày thêm, lan tỏa khắp trường đua. Ông còn tưởng như nhìn thấy tòa nhà Triển lãm cũ trong làn sương mù - với những gian nhà thô kệch, rộng huếch hoác như những kho cỏ khổng lồ. Chúng đã tồn tại ở đó nhiều năm mà không được sử dụng - qua

suốt cuộc chiến - và ông chẳng nhớ cuối cùng điều gì đã xảy ra với chúng: bị phá hay tự sụp? Ông hận những cuộc đua ngựa giờ đây đang diễn ra ở đó, hận đám đông với cái loa và bọn uống rượu trái phép, hận những tiếng la hét sập trời vào những ngày Chủ nhật suốt mùa hè. Nhớ đến cảnh đó và ông lại nghĩ đến cô con gái tội nghiệp Marcelle, nhớ cô thường ngồi trên bậc thềm gọi lũ bạn học, giờ đã trưởng thành, vừa mới xuống xe bãi đỗ để vội vã vào trường đua. Cô cứ tíu tít cả lên, thể hiện niềm vui mừng khi được về quê, ôm ấp rồi giữ chân người ta, nói liến thoắng luôn miệng về những ngày thơ ấu và nỗi nhớ mọi người. Rồi cô nói rằng điều duy nhất không hoàn hảo trong cuộc sống và nỗi nhớ chồng, anh Ken, đang phải bơ vơ ở miền Tây vì công việc.

Cô ra ngoài đó trong bộ đồ ngủ bằng lụa, với mái tóc nhuộm màu vàng kim bù xù không chải. Tay chân cô gầy guộc, nhưng khuôn mặt có vẻ hơi phù, và nước da mà cô bảo là rám nắng hình như là sắc nâu xỉn do bệnh tật chứ không phải do bắt nắng. Có thể là triệu chứng vàng da.

Con bé con thì ở trong nhà xem ti vi - chương trình hoạt hình Chủ nhật dành cho lứa tuổi nhỏ hơn nó nhiều.

Ông không thể nói, đúng ra không thể biết chắc có cái gì đó trục trặc hay không. Marcelle đi London để làm chuyện gì đó của phụ nữ, rồi tử vong ở bệnh viện. Khi ông gọi điện cho chồng cô, Ken Boudreau hỏi, “Cô ấy uống thuốc gì vậy?”

Nếu mẹ Marcelle còn sống, liệu mọi chuyện có khác đi không? Sự thật là bà ấy, khi còn sống, cũng hoang mang chẳng kém gì ông. Bà từng ngồi khóc trong bếp trong khi cô con gái, lúc ấy đang ở tuổi dậy thì, bị khóa trái trong buồng riêng, đã trèo qua cửa sổ, trượt xuống mái hiên và được một lũ con trai đánh xe đến đón.

Ngôi nhà này phủ đầy cảm giác bị ruồng bỏ nhần tâm, cảm giác bị phản bội. Ông và vợ ông hiển nhiên đã là ông bố bà mẹ tốt, nhưng bị dồn đến chân tường vì cô con gái Marcelle. Khi cô trốn nhà đi với một phi công, họ

đã từng hy vọng rằng mọi việc của cô cuối cùng cũng sẽ ổn. Họ đã rộng lượng với hai đứa, như với một cặp vợ chồng trẻ đang hoang. Nhưng rồi cũng chẳng đâu vào đâu. Ông cũng từng rộng lượng như vậy với cô giúp việc Johanna Parry, và xem cô ta đã tráo trở với ông như thế này đây.

Ông quyết định đi bộ vào trung tâm tới khách sạn để ăn điểm tâm. Cô phục vụ bàn niềm nở, “Hôm nay ông đến sớm thế!”

Và trong lúc cô ta còn đang rót cà phê vào tách cho ông, ông đã bắt đầu kể về cô giúp việc bỏ đi vô cớ mà không báo trước, lại còn khuan theo một đồng đồ nội thất thuộc sở hữu của con gái ông, giờ đây có vẻ thuộc quyền thừa kế của con rể nhưng không hẳn như vậy, vì chúng được mua bằng tiền mừng cưới của con gái ông. Ông kể lể chuyện con gái ông đã lấy phải một gã phi công bánh bao, có vẻ ngay thẳng như thế nào, rồi hóa ra lại là kẻ bội tín ra sao.

“Xin lỗi ông,” cô chạy bàn nói. “Tôi rất thích chuyện trò, nhưng có nhiều người đang chờ tôi mang đồ ăn sáng quá.”

Ông thông cảm.

Ông leo cầu thang lên văn phòng, và ở đó, trải sẵn trên bàn là những tấm bản đồ cũ, vì hôm qua ông đang tra tìm vị trí chính xác của nghĩa địa đầu tiên trong hạt này (rồi bị bỏ hoang, ông tin như vậy, vào năm 1839). Ông bật đèn lên và ngồi xuống, nhưng nhận ra rằng mình không thể tập trung được. Sau lời trách cứ của cô chạy bàn - hay những lời ông cho là trách cứ - ông không thể nuốt trôi được bữa điểm tâm hay thưởng thức được ly cà phê nữa. Ông quyết định phải đi dạo để lấy lại bình tĩnh.

Nhưng thay vì đi tản bộ theo lối quen thuộc, chào hỏi qua loa những người quen mặt như thường lệ, ông lại tự nhiên không tìm được tâm sự. Khi mọi người vừa hỏi ông câu xã giao sáng nay thế nào, ông lập tức để xỏ ra nổi tức giận, một điều cực kỳ bất thường, thậm chí đáng xấu hổ, với tính cách của ông. Và cũng y như phản ứng của cô chạy bàn, những người này cáo bận và ừ ào rồi lảng lảng và xin lỗi phải đi. Sáng nay trời có vẻ lạnh lâu

hơn và sương tan chậm hơn những buổi sáng mùa thu bình thường, và áo vét ông mặc có vẻ không đủ ấm, nên ông ghé vào các cửa hàng cho bớt lạnh.

Những người quen biết ông lâu nhất lại là những người bị sốc nhất. Ông chưa bao giờ thể hiện điều gì ngoài sự trầm tĩnh một quý ông lịch duyệt, đầu óc chỉ nghĩ về quá khứ, tính nhả nhận như thể hiện sự ăn năn về đặc quyền mình được hưởng (mà thực ra là một điều nực cười, vì những đặc quyền đó chủ yếu do ông tự hồi tưởng và người khác không cảm nhận được). Ai chứ ông McCauley phải là người cuối cùng trên đời đi kể lể oan trái và cầu xin sự cảm thông - khi vợ chết ông không thể, thậm chí khi con gái chết ông cũng không thể - vậy mà giờ đây ông đang làm vậy, vừa kể vừa chìa ra mấy lá thư và hỏi người đối diện xem gã nợ moi tiền ông hết lần này đến lần khác như vậy có đáng nhục không, giờ lại còn đồng lõa với cô giúp việc nhà ông lấy trộm đồ nội thất sau khi đã lợi dụng lòng thương của ông thêm một lần nữa. Vài người còn nghĩ là ông bị mất đồ đang dùng trong nhà - họ tưởng ông già không còn giường ngủ hay bàn ghế trong nhà. Họ khuyên ông nên đi báo cảnh sát.

“Chẳng ăn chưa đâu, chẳng ăn thua đâu,” ông nói. “Làm sao mà lũ mặt sắt ấy động lòng được?”

Ông vào hiệu Sửa Giày và chào bác Herman Shultz.

“Bác có nhớ đôi boots bác làm để lại cho tôi không, đôi tôi mua từ Anh ấy? Bác làm lại để cách đây khoảng bốn, năm năm.”

Cửa hiệu này như một cái hang vậy, với những cái đèn có chao treo rủ xuống các bàn làm việc. Không gian bí bách kinh khủng, nhưng ông McCauley lại thấy thứ mùi nam tính ở đây thật dễ chịu - mùi keo dán, mùi da, mùi xi và đồng đế dọ mới cắt cùng những cái đế cũ đã mục. Đây là bác hàng xóm Herman Shultz, một người thợ thủ công đeo kính, da vàng vọt, vai lệch, tay nghề thành thạo, bận rộn quanh năm - luôn tay đóng đóng, tán tán những cây đinh sắt, hay cắt những miếng da theo hình đã định bằng một con dao mũi cong kỳ dị. Đế giày thì cắt bằng một dụng cụ trông giống

một cái cưa cầm tay lưỡi tròn nhỏ xinh. Dụng cụ đánh bóng da phát ra tiếng rì rì, đĩa mài gắn giấy ráp thì phát ra tiếng xoèn xoẹt, đĩa cắt có đá mài tạo ra âm thanh chói tai như tiếng côn trùng máy, còn chiếc máy khâu thì lướt trên miếng da theo một nhịp điệu mẫn cán rất công nghiệp. Tất cả những âm thanh mùi vị này cũng như những công việc tỉ mỉ trong tiệm sửa giày đã quá quen thuộc với ông McCauley hàng thập kỷ nay rồi, song ông chưa từng ghi nhận hay suy nghĩ về chúng. Lúc này đây khi bác Herman, trong chiếc tạp dề da đen thui, tay vẫn đang cầm một chiếc bột, đứng lên, mỉm cười và gật đầu, ông McCauley mới nhìn thấu cả cuộc đời bác hàng xóm trong cái hang này. Ông muốn thể hiện sự cảm thông, hay khâm phục, hay một điều gì còn hơn cả thế mà chính ông cũng không hiểu.

“Vâng, tôi nhớ,” bác Herman nói. “Đôi bột đó thật đẹp.”

“Bột xịn đấy. Bác biết là tôi mua đôi bột đó trong chuyến trăng mật mà. Tôi mua ở Anh. Giờ tôi chẳng nhớ là ở chỗ nào nữa, nhưng không phải ở London.”

“Vâng, tôi nhớ ông đã kể thế.”

“Và bác đã sửa rất khéo. Đến giờ đôi bột vẫn dùng tốt. Bác làm cẩn thận lắm, bác Herman. Ở đây có bác làm thật chu đáo. Bác làm việc rất uy tín.”

“Thế thì tốt.” Bác Herman liếc nhanh vào chiếc bột đang cầm trên tay.

Ông McCauley hiểu rằng bác ta muốn tiếp tục làm việc, nhưng ông không buông tha.

“Tôi mới bị trắng mắt một cú. Sốc quá.”

“Thật à?”

Thế là ông lão liền rút bức thư ra và bắt đầu đọc to vài đoạn, đôi lúc dừng lại để thêm vào một nụ cười chua chát.

“Viêm phế quản. Nó nói nó bị ốm vì viêm phế quản. Không biết nhờ vả chỗ nào nữa. Con không biết nhờ vả được ai nữa. Hừ, lúc nào nó chẳng quá rõ phải nhờ vả ai. Sau khi đã cầu cạnh hết các cửa khác rồi mới lần đến tôi đây. Chỉ vài trăm thôi cho đến khi con hồi phục. Xin xỏ và cầu cạnh tôi

trong khi đó vẫn đang ủ mưu với con giúp việc nhà tôi. Bác có biết không? Con đó ăn trộm cả đồng đồ nội thất và khuân sang miền Tây rồi. Thì ra chúng bày trò mèo mả gà đồng. Chính cái thằng tôi đã cứu nguy hết lần này đến lần khác. Mà chưa bao giờ trả lại một xu. Không, không, tôi phải thành thực mà nói là nó có trả năm chục đô. Năm chục trong số hàng trăm nối tiếp hàng trăm đô. Hàng mấy nghìn rồi. Thì nó có tham gia Không quân trong chiến tranh, chắc ông cũng biết. Cái bọn lùn lùn ấy lại thường vào Không quân. Đi đâu cũng khệnh khạng ra vẻ ta đây là anh hùng đã trải qua cuộc chiến. À, tôi biết mình không nên nói điều này, nhưng tôi nghĩ chiến tranh đã làm hỏng đầu nhiều đứa trong số đó, chúng không bao giờ tái hòa nhập cuộc sống bình thường được. Nhưng chừng đó chưa đủ làm cái có để biện minh được. Đúng không nào? Tôi không thể tha thứ cho nó suốt đời chỉ vì cuộc chiến ấy được.”

“Đúng rồi, sao thế được.”

“Tôi biết nó là loại không thể tin được ngay lần gặp đầu tiên. Thế mới kỳ chứ. Tôi biết điều đó, mà vẫn để cho nó bòn rút. Có những kẻ như thế đấy bác ạ. Chỉ vì biết chúng đều giả nên ta thương xót chúng. Tôi đã kiểm cho nó việc trong ngành bảo hiểm đó, tôi cũng có quen biết đôi chút. Tất nhiên là nó lại không trụ được. Đồ lưu manh. Có những kẻ suốt đời như thế.”

“Ông nói phải lắm.”

Hôm nay bác gái Shultz không có ở tiệm. Thường bác vẫn đứng ở quầy, nhận giày của khách mang đến sửa, rồi mang vào cho chồng xem sau đó ra nói lại với khách ý kiến của chồng, viết hóa đơn, thu tiền khi trả giày lại cho khách. Ông McCauley chợt nhớ mùa hè năm đó bác gái vừa trải qua một ca phẫu thuật gì đó.

“Bác gái hôm nay không ra cửa hàng à? Dạo này bà ấy khỏe không?”

“Hôm nay cô ấy muốn nghỉ ngơi. Tôi cho cháu ra giúp ông ạ.”

Bác Herman hất đầu về phía những cái giá bên phải quầy, nơi để những chiếc giày đã làm xong. Ông McCauley quay đầu nhìn theo và thấy Edith,

con gái ông bà Shultz, thế mà từ lúc vào ông không nhận thấy sự có mặt của nó. Một bé gái gầy gò kiểu trẻ con với mái tóc đen thẳng đang sắp xếp lại những đôi giày, lưng quay lại phía ông. Đúng là phong cách mà nó thường thoát đến thoát đi khỏi nhà ông hồi còn làm bạn với Sabitha. Đường như không ai có thể nhìn kỹ được mặt nó.

“Giờ cháu có thể ra giúp bố được rồi đấy hả?” ông McCauley cất tiếng. “Cháu học xong rồi à?”

“Hôm nay là thứ Bảy,” Edith nói, hơi ngoái người lại và hé môi cười.

“Ờ nhỉ. Mà, đỡ dần cho bố thì dù sao cũng là việc tốt. Cháu phải chăm sóc cha mẹ. Họ đã làm lụng chăm chỉ và sống tử tế.” Với giọng pha nhẹ chút ân hận, như biết mình vừa lỡ lời phán xét, ông McCauley tiếp, “Hãy tôn kính cha mẹ, để được sống lâu trong...”^[3]

Edith lẩm bẩm để ông không nghe thấy. Cô bé nói, “Hiệu sửa giày.”

“Tôi làm bác mất thì giờ, làm phiền bác quá,” ông McCauley nói giọng buồn bã. “Bác còn nhiều việc phải làm.”

“Con đâu cần nói xóc như vậy hả,” ông Herman nói với Edith khi ông già McCauley vừa đi khỏi.

Trong bữa tối bác Herman kể lại với vợ tất cả câu chuyện về ông McCauley.

“Lão ấy không còn là chính mình nữa,” bác bình thêm. “Lão như bị bắt vía rồi.”

“Có lẽ lão bị đột quỵ dạng nhẹ,” bác gái nói. Kể từ khi phải mổ - vì bị sỏi mật - bác thường bình luận với vẻ hiểu biết pha lẫn đắc ý ngầm về bệnh tật của người khác.

Giờ đây khi Sabitha đã chuyển khỏi thị trấn, biến mất vào một cuộc sống kiểu khác dường như luôn chờ đón nó, Edith lại trở lại với đúng bản chất của mình, như trước khi Sabitha tới đây. Già trước tuổi cần mẫn, khó tính. Chỉ sau ba tuần ở trường cấp ba, nó biết mình sẽ giỏi tất cả các môn mới - tiếng La tinh, đại số, văn học Anh. Nó tin là trí thông minh của mình sẽ được ghi nhận và tưởng thưởng, và một tương lai tươi sáng sẽ mở ra cho nó. Những trò ngu muội năm ngoái với Sabitha đang lui dần vào dĩ vãng.

Nhưng khi nó nghĩ đến việc cô Johanna bỏ đi miền Tây, nó cảm thấy một cơn ớn lạnh dội về từ quá khứ, một hồi chuông cảnh tỉnh thúc giục. Nó cố tìm cách nén cảm giác đó lại, nhưng chẳng ăn thua.

Ngay sau khi rửa bát xong, nó chui tọt về phòng mình với cuốn sách mới được chỉ định phải đọc cho lớp văn học. Cuốn *David Copperfield*.

Nó là một đứa bé chưa bao giờ bị bố mẹ nói nặng lời hơn mức quở trách qua loa, kiểu nuông chiều thường thấy ở những cặp vợ chồng già rồi mới

sinh được một đứa con nhỏ tuổi như nó. Người ta vẫn bảo đó là nguyên nhân khiến nó có cách hành xử như vậy - nhưng bản thân nó thì lại thấy mình có cảnh ngộ bất hạnh rất giống David. Nó cảm thấy là mình cũng hết như cậu ta, có thể như một đứa bé mồ côi, vì có lẽ nó sẽ phải bỏ nhà đi trốn và tự lo cho bản thân, một khi sự thật bị phát giác và quá khứ của nó sẽ chặn hết đường đến tương lai.

Tất cả bắt đầu từ lúc Sabitha tự nhiên nói, trên đường đi học, “Chúng mình phải ghé qua bưu điện đã. Tớ phải gửi một lá thư cho bố.”

Hằng ngày hai đứa đều đi cùng đường tới trường và về nhà. Đôi khi chúng còn thử vừa đi vừa nhắm mắt, hay đi lùi. Đôi khi, gặp người qua đường, hai đứa còn thì thầm bằng một thứ ngôn ngữ lạ tai do chúng tự bịa ra để làm họ rối trí. Hầu hết những trò hay ho đó đều do Edith nghĩ ra. Trò duy nhất mà Sabitha đầu tiên được là trò viết tên một thằng con trai cùng với tên một trong hai đứa, rồi gạch bỏ những chữ cái trùng nhau xong bắt đầu đếm những chữ còn lại. Vừa đếm vừa bấm đốt ngón tay, nhắm, *Ghét, thân, thương, yêu, cưới* rồi đảo lại cho đến chữ cuối cùng để bởi định mệnh giữa hai người.

“Thư gì mà dày thế,” Edith nói. Nó để ý mọi thứ, ghi nhớ mọi thứ và có thể thuộc lòng nhiều trang sách giáo khoa trong thời gian cực ngắn, khiến lũ bạn cùng học phát khiếp. “Cậu có nhiều điều để kể về ông bố thế à?” nó nói với vẻ sững sốt vì nó không tin điều đó - đúng ra là không tin được Sabitha có thể viết ra những điều đó trong một bức thư dài đến vậy.

“Tớ chỉ viết có một trang thôi,” Sabitha vừa nói vừa nhấp nhấp lá thư trong tay để ước lượng độ nặng.

“A ha,” Edith gật gù. “À há.”

“A ha gì cơ?”

“Tớ cá là mẹ ấy đã bỏ cái gì nữa phong bì. Mẹ Johanna ấy.”

Kế hoạch phát sinh đột xuất từ phát hiện này là chúng không mang thư ra thẳng bưu điện nữa, mà giữ lại rồi mang về nhà Edith sau giờ học, hơ

trên hơi nước nóng để bóc trộm. Chúng có thể thoải mái làm việc này ở nhà Edith vì mẹ nó phải làm suốt ngày hiệu sửa giày.

Chào anh Ken Boudreau,

Em nghĩ mình phải viết để gửi lời cảm ơn những lời tốt đẹp anh đã dành cho em trong thư gửi con gái. Anh đừng lo em sẽ bỏ việc. Anh nói em là người anh có thể tin cậy. Đây là theo ý em hiểu, và em ngẫm lại, cho đến giờ phút này, điều đó đúng. Em cảm kích vì anh đã nói ra điều đó, vì có người cho rằng với một người giúp việc không biết rõ gốc gác như em thì thật là ‘câu chuyện cảnh giác’. Vậy nên em nghĩ mình cần kể với anh đôi điều về bản thân. Em sinh ra ở Glasgow, nhưng mẹ bỏ em khi bà đi lấy chồng. Em được đưa vào nhà cô nhi khi mới được năm tuổi. Em cứ chờ bà quay lại đón em, nhưng bà không bao giờ trở lại và em quen dần với mọi thứ ở đó, và mọi người cũng không Tệ^[4]. Năm mười một tuổi, em được đưa sang Canada theo một Chương trình hỗ trợ và sống với ông bà Dixon, làm việc ở trang trại, lau nhà họ. Trong Chương trình có điều khoản được đi học, nhưng em chẳng mấy khi được đi. Mùa đông, em làm việc trong nhà đỡ dần bà chủ nhưng hoàn cảnh khiến em nghĩ mình phải đi khỏi đó, và vì cao lớn hơn tuổi, em được nhận vào làm trong Viện Dưỡng lão, chăm sóc người già. Em cũng không ngại làm ở đó, nhưng thấy được nhiều tiền hơn nên chuyển đến làm ở một Xưởng Sản xuất Chổi. Ông chủ xưởng Willets có một bà mẹ già đến ngó qua xem công việc ra sao, và bà ấy với em cũng kiểu khá hợp nhau. Không khí ở nhà xưởng làm em khó thở, nên bà ấy bảo em nên về làm cho bà, và em đã nghe theo. Em sống với bà 12 năm bên một cái hồ tên là hồ Chim Gáy ở miền Bắc. Chỉ có hai người với nhau, nhưng em quán xuyến được hết mọi việc trong nhà ngoài đường, lái được cả xuống máy và ô tô. Em học đọc thành thạo vì mắt bà càng ngày càng kém và bà thích được em đọc cho nghe. Bà mất năm 96 tuổi. Chắc anh sẽ nói còn trẻ thế mà phải sống đời như vậy, nhưng em hạnh phúc. Bữa nào em cũng ăn cùng với bà, và em ngủ trong phòng bà vào khoảng một năm rưỡi trước khi bà qua đời. Nhưng sau khi bà mất, gia đình bảo em phải dọn ra trong một tuần. Bà để lại cho em ít tiền, và chắc điều đó làm họ không vui. Bà muốn em dùng tiền đó chỉ cho Giáo dục, nhưng như thế thì em lại phải ngồi cùng lớp với bọn trẻ con.

Nên khi em thấy quảng cáo ông McCauley đăng trên báo Hoàn cầu và Thư tín, em đã đến xem thử. Em cần làm việc để vượt qua nỗi nhớ bà Willets. Em nghĩ em đã làm anh đủ chán với Hoàn cảnh Gia đình rồi, em nên buông tha cho anh và trở về với Hiện tại. Cảm ơn anh về lời nhận xét tốt và về việc đưa em đi cùng tới Hội chợ. Em đi không phải để chơi trò chơi này kia hay ăn quà, nhưng chắc chắn em thấy rất vui khi được đi cùng.

Bạn anh, Johanna Parry.

Edith nhại lại lời lẽ của Johanna với chất giọng da diết và biểu cảm bi ai. “Em sinh ra ở Glasgow, nhưng mẹ em bỏ em khi bà nhìn thấy em lần đầu...”

“Thôi thôi,” Sabitha nói. “Tớ chết vì cười mất.”

“Làm thế nào mà mụ ấy nhồi được thư của mụ vào cùng với lá thư của cậu mà cậu không biết?”

“Mụ bảo tớ đưa thư tớ viết cho mụ để mụ bỏ vào phong bì và viết địa chỉ, mụ nghĩ chữ tớ khó đọc.”

Edith phải dùng băng dính dán ngoài mép phong bì vì không còn đủ hồ dính bên trong. “Mụ đang yêu ông bô đấy,” nó nói.

“Ôi, ọe ọe,” Sabitha vừa nói vừa ôm bụng. “Không đời nào. Bà cô Johanna ơi.”

“Thế ông bô nói gì về mụ?”

“Chỉ nói là tớ phải quý trọng mụ, và nếu mụ bỏ việc thì rất dở, vì may lắm mới kiếm được một người giúp việc như mụ, và ông bô không có chỗ nuôi tớ còn ông ngoại thì không thể tự mình chăm cháu gái, rồi cà kê dê ngỗng. Ông nói mụ là người đứng đắn lịch thiệp. Ông nói ông cảm nhận được như thế.”

“Thế rồi mụ mang lòng y-ê-u.”

Lá thư phải để lại nhà Edith qua đêm, nếu không Johanna sẽ phát hiện ra rằng thư chưa được gửi đi, và lại còn được dính lại bằng băng dính nữa. Sáng hôm sau hai đứa mới mang ra bưu điện.

“Rồi chúng mình xem ông bố nhà cậu viết lại thế nào. Cứ chờ đấy,” Edith nói.

Mãi chẳng có thư hồi âm. Rồi khi có, thì hai đứa lại thất vọng. Chúng lại đem hơi trên hơi nước nóng để mở thư ở nhà Edith, nhưng chẳng thấy có dòng nào cho Johanna hết.

Sabitha con yêu,

Giáng sinh năm nay đến đúng lúc bố hơi kẹt, rất tiếc bố không có gì hơn để gửi cho con ngoài tờ hai đô la. Nhưng bố mong con khỏe mạnh và có một lễ Giáng sinh vui vẻ và chăm học. Riêng bố thì không được khỏe lắm, bị viêm phế quản, hình như cứ đến mùa đông là bố lại bị, nhưng đây là lần đầu tiên bố bị nó quật phải nằm dưỡng bệnh ngay trước lễ Giáng sinh. Chắc con cũng thấy trên địa chỉ gửi thư, bố đã chuyển đến nơi ở mới. Căn hộ trước ở một nơi rất ồn ào và có quá nhiều người ghé lại đòi tụ tập ăn uống. Bố đang ở một ký túc xá, cũng thấy hợp vì không phải đi chợ nấu nướng, là những việc bố không bao giờ rành.

Chúc lễ Giáng sinh vui vẻ và yêu con, Bố.

“Johanna tội nghiệp,” Edith nói. “Trái tim mẹ sẽ tan nát mất.”

Sabitha nói, “Ai hơi đâu mà lo.”

“Trừ chúng ta,” Edith nói.

“Gì cơ?”

“Viết trả lời mẹ.”

Chúng sẽ phải đánh máy lá thư, vì Johanna sẽ nhận ra chữ viết không phải của bố Sabitha. Nhưng đánh máy có khó gì. Trong nhà Edith có một máy đánh chữ, trên một cái bàn chân xếp ở phòng khách. Trước đây khi còn chưa lấy chồng mẹ Edith có làm cho một văn phòng, và thỉnh thoảng bác ta vẫn kiếm thêm bằng việc soạn những thư từ người ta cần trình bày trang trọng. Bác đã dạy Edith những thao tác đánh máy cơ bản với hy vọng một ngày nào đó Edith cũng sẽ kiếm được việc làm ở một văn phòng.

“Johanna thân,” Sabitha nói, “Tôi xin lỗi không thể yêu em được vì em bị

những nốt xấu xí đầy khắp mặt.”

“Tớ đang cần suy nghĩ nghiêm túc,” Edith nói. “Cậu ngậm miệng lại đã.”

Nó bắt đầu gõ, “*Tôi rất mừng khi nhận được thư em...*” và đọc to những lời tự bịa, chỉ dừng khi cần nghĩ ngợi thêm, giọng nó càng lúc càng trịnh trọng và dịu dàng. Sabitha nằm xoải trên đi văng và cười khúc khích. Có lúc nó bật ti vi lên, nhưng Edith nói, “Làm ơn nào. Tớ tập trung vào cảm xúc sao được khi những thứ cút đái ấy dội vào tai?”

Edith và Sabitha tập tọng văng những từ như “cút đái” và “chó đẻ” hay “lạy Chúa” khi chỉ có chúng với nhau.

Johanna thân,

Tôi rất mừng khi nhận được thư em gửi cùng với thư Sabitha và được biết về cuộc đời em. Thật là nhiều buồn tủi và cô đơn, dù em cũng có may mắn gặp được bà Willets. Em lúc nào cũng thật chịu khó, không kêu ca và tôi phải nói rằng tôi rất quý trọng em. Cuộc đời tôi cũng chìm nổi và tôi chưa bao giờ ổn định được. Tôi không biết vì sao luôn thấy bồn chồn và cô đơn trong tâm, có lẽ là số phận. Tôi cũng gặp gỡ và chuyên trò với mọi người, nhưng đôi khi tôi tự vấn, ‘Ai là bạn mình?’ Rồi lá thư của em đến và em viết ở cuối thư, ‘bạn anh.’ Rồi tôi nghĩ, Có phải cô ấy nói thật không? Và nếu Johanna nói với tôi rằng em coi tôi đúng là một người bạn thì thật là một món quà Giáng sinh ý nghĩa. Hay là em chỉ viết thế để kết thúc lá thư một cách lịch sự, và em chưa hiểu tôi đủ. Dù sao cũng chúc Giáng sinh vui vẻ.

Bạn em, Ken Boudreau.

Bức thư được chuyển về nhà cho Johanna. Lá thư cho Sabitha cũng được đánh máy lại, vì thư viết cho người này viết tay còn cho người kia lại đánh máy thì hơi kỳ. Lần này chúng hơi hơi nước nóng vừa đủ và mở thư cẩn thận hơn, nên không bị bong nhiều hồ và không cần phải dùng băng dính một cách lộ liễu nữa.

“Sao chúng mình không kiếm một cái phong bì mới và đánh máy luôn địa chỉ? Nếu ông bô đã dùng máy chữ thì phải đánh luôn trên phong bì

chứ.” Sabitha vừa hỏi vừa nghĩ rằng mình cũng khôn ngoan.

“Vì một cái phong bì mới sẽ không có dấu bưu điện hiệu chưa đồ ngốc.”

“Thế nhờ mụ trả lời thư thì sao?”

“Thì chúng ta lại đọc.”

“Ừ, nhưng nếu mụ ta viết rồi gửi trực tiếp cho ông ấy?”

Edith không muốn tỏ ra rằng mình chưa nghĩ đến tình huống ấy. “Mụ sẽ không làm thế đâu. Mụ cáo lắm. Dù sao, cậu cũng cần viết lại ngay cho ông bô để mụ nghĩ có thể nhồi thư vào cùng.”

“Tớ ghét phải viết những lá thư ngu xuẩn lắm rồi.”

“Cố đi. Có chết đâu mà lo. Cậu không muốn xem mụ sẽ nói gì à?”

Bạn thân mến,

Anh hỏi rằng em có đủ hiểu anh để kết bạn không, và câu trả lời của em là em nghĩ đã đủ. Em mới chỉ có một người Bạn trong đời, bà Willets, người em yêu thương và cũng rất tử tế với em, nhưng bà đã mất rồi. Bà hơn em nhiều tuổi quá và điều nan giải với Bạn Vong niên là họ bỏ mình mà chết trước. Bà ấy lại già cả lú lẫn quá, đến nỗi nhiều khi gọi em bằng tên của một người khác. Nhưng em không chấp đâu.

Em muốn kể cho anh một chuyện lạ. Bức ảnh anh thuê thợ chụp ở Hội chợ, có anh và bé Sabitha và bé Edith bạn nó, và em, em đã phóng to và lồng khung treo trong phòng khách. Bức ảnh không được đẹp lắm và chắc gã thợ chụp vẫn đòi anh đủ tiền, như có còn hơn không. Hôm kia em lau chùi quanh đã tưởng rằng mình nghe được tiếng anh gọi, ‘Chào em,’ anh nói thế, và em nhìn chăm chú mặt anh trong ảnh và em nghĩ, Ôi, mình mất trí rồi. Hoặc đó và dấu hiệu em sắp nhận được thư anh. Em đang nói nhảm đấy, em chẳng tin những điều như thế. Nhưng hôm qua có thư đến thật. Nên anh thấy đấy, đề nghị em làm bạn của anh chẳng có gì là quá. Em có thể tìm cách khóa lấp bằng công việc, nhưng có một người Bạn thực sự lại là một chuyện khác.

Bạn anh, Johanna Parry.

Tất nhiên, lá thư này không thể bỏ vào phong bì chung được. Bố của Sabitha sẽ nhận ra điều bất ổn khi đọc đoạn nói tới lá thư trước mà anh ta không bao giờ viết. Chữ nghĩa của Johanna phải đem xé nhỏ và xối nước xuống bồn cầu nhà Edith.

Phải hàng mấy tháng sau bức thư tiếp theo của bố Sabitha, nói về khách sạn, mới đến. Khi ấy là mùa hè. Và chỉ nhờ may mắn tình cờ mà Sabitha mới nhận được lá thư đó, vì nó vừa đi xa ba tuần, tới chơi với gia đình dì Roxanne và chú Clark tại ngôi nhà nghỉ bên hồ Simcoe thuộc sở hữu của họ.

Câu đầu tiên mà Sabitha lập tức thốt lên ngay khi vừa bước vào nhà Edith là, “Hự, hự. Chỗ này mùi kinh quá.”

“Hự, hự” là từ nó mới học được từ đám em họ.

Edith hít hít không khí. “Tớ chẳng ngửi thấy mùi gì cả.”

“Mùi giống hệt cửa hàng bố cậu vậy, chỉ không nặng bằng thôi. Chắc dính theo quần áo đồ đạc của bố mẹ cậu.”

Edith bắt tay vào việc hơ nước nóng và mở thư. Trên đường từ bưu điện đến đây, Sabitha đã ghé hiệu bánh mua hai cái bánh su kem phủ sô cô la. Nó nằm xuống đi văng và ăn cái bánh của mình.

“Chỉ có mỗi một lá. Cho cậu,” Edith nói. “Tội nghiệp bà cô Johanna. Tất nhiên là ông ấy chẳng bao giờ nhận được thư của mẹ.”

“Cậu đọc giúp đi,” Sabitha nói buông xuôi. “Tay tớ dính đầy kem rồi.”

Edith đọc nhanh như đọc công văn, không thêm dừng ở những chỗ chấm câu.

Ôi, Sabitha, vận may của bố chợt đổi bất ngờ, như con thấy trong địa chỉ, bố không còn ở Brandon nữa mà đang ở một thị trấn tên là Gdynia. Và không còn đi làm ở chỗ cũ nữa. Mùa đông trước bố chật vật vì luôn bị tức ngực do thời tiết, và họ, những sếp ở chỗ bố làm, vẫn không cho bố làm việc trong văn phòng mà định bắt bố rong ruổi ngoài đường bất chấp nguy cơ bố bị viêm phổi nên đã xảy ra cái

cọ và hai bên quyết định chia tay nhau. Nhưng vận may luôn là thứ khó hiểu, vì đúng lúc này thì bố lại được làm chủ một khách sạn. Những chi tiết cụ thể rất phức tạp bố không giải thích hết được, nhưng nếu ông ngoại hỏi thì con cứ nói là có người nợ bố tiền không trả được nên đã gán cho bố cái khách sạn này. Thế là giờ bố chuyển từ một phòng trong ký túc xá đến một tòa nhà mười hai phòng ngủ, từ chỗ chẳng sở hữu được chính cái giường mình nằm cho đến chỗ có trong tay bao nhiêu giường. Thật là kỳ diệu khi mỗi sáng thức dậy thấy mình được làm chủ chính mình. Bố còn phải sửa sang vài chỗ, và thực ra là nhiều chỗ nữa, và sẽ bắt tay làm ngay khi thời tiết ấm lên. Bố sẽ phải thuê người phụ giúp và sau này sẽ thuê một đầu bếp tốt để mở một nhà hàng cùng với quầy đồ uống trong khách sạn. Chắc sẽ bán chạy như tôm tươi vì thị trấn này chưa có những thứ đó. Mong con khỏe, chăm chú học hành và rèn luyện những thói quen tốt.

Yêu con, Bố.

Sabitha hỏi, “Nhà cậu có cà phê không?”

“Có loại uống liền,” Edith nói. “Sao?”

Sabitha nói cà phê đá là thứ mọi người ở nhà chú dì đều uống cả và ai cũng mê. Cả nó cũng mê nữa. Nó bật dậy và lục lọi trong bếp, đun nước và khuấy cà phê với sữa và đá viên. “Cái này mà có kem va ni nữa thì mới hợp,” nó nói. “Ôi lạy thánh, tuyệt làm sao. Cậu không muốn ăn bánh su kem à?”

“Có chứ. Để đấy tớ ăn hết,” Edith nói phũ phàng.

Sabitha thay đổi đến thế, trong có ba tuần - suốt thời gian đó Edith phải làm việc ở cửa hàng còn mẹ nó nghỉ ngơi ở nhà sau ca phẫu thuật. Da của Sabitha giờ đây lên màu bánh mật rất ngon mắt, tóc nó được tỉa ngắn hơn, bông ra ôm lấy khuôn mặt. Lũ em họ Sabitha đã cắt và uốn tóc kiểu đó cho nó. Nó mặc một kiểu như áo liền quần, phần quần sóc trông như váy ngắn còn có khuy cài đằng trước và dải đăng ten trên vai tông màu xanh da trời tươi tắn. Nó đã có da có thịt hơn, và khi cúi xuống với ly cà phê sữa trên sàn, nó bày ra một cái khe mịn màng, bóng bẩy.

Bầu vú. Có khi từ trước lúc đi nghỉ, nó đã bắt đầu nảy ngực nhưng Edith

không để ý thấy. Hay là tự nhiên một hôm ngủ dậy vú nó đã to lên như thế. Chịu không biết được.

Dù bằng cách nào đi chăng nữa, đôi bầu vú có vẻ như là một lợi thế tự nhiên có, và rất không công bằng.

Sabitha nói hết chuyện này đến chuyện khác về lũ em họ và cuộc sống ở ngôi nhà nghỉ của chú dì nó. Nó kể, “Nghe này, tớ phải kể chuyện này cho cậu, buồn cười cực...” rồi liền thoáng về những lời dì Roxanne quát chú Clark khi họ cãi nhau, về chuyện đứa em họ Mary Jo không có bằng văn lái chiếc xe của Stan (Stan là ai vậy?) lại còn hạ mui xuống và đưa cả bọn vào chỗ mua đồ ăn phục vụ tại xe - nhưng ý nghĩa của câu chuyện hay cái chỗ buồn cười cực thì chẳng rõ là gì.

Nhưng sau một hồi thì chuyện cũng rõ ràng. Những cuộc phiêu lưu mùa hè đích thực. Bọn con gái lớn hơn - trong đó có Sabitha - ngủ ở tầng trên của nhà thuyền. Đôi khi chúng chơi cù ky - cả bọn xúm vào cù một đứa cho đến khi đứa ấy phải thét lên xin tha và chịu tụt quần ngủ cho mọi người xem có lòng chưa. Rồi chúng kể những câu chuyện về bọn con gái ở trường nội trú làm việc đó với cán lược gỗ, cán bàn chải. Hự hự. Đôi khi hai đứa trong số các em con dì nó diễn trò cho cả bọn xem - một đứa nằm lên trên đứa kia, giả vờ làm con trai, rồi chúng quắp chân lấy nhau, rên rĩ và thở hồng hộc rồi cứ thế.

Cô em ruột chú Clark và chồng đến nghỉ tuần trăng mật, và chúng đã bắt gặp chú ta cho tay vào trong quần bơi của vợ.

“Họ yêu nhau thắm thiết lắm, làm chuyện đó cả ngày lẫn đêm,” Sabitha nói. Nó ôm một cái gối vào ngực. “Con người ta không thể thiếu được chuyện đó khi yêu nhau đến thế.”

Một đứa em họ nói đã làm với con trai rồi. Đó là một cậu làm vườn và mùa hè, trong số những người được thuê để chăm sóc khu vườn của nhà nghỉ ở cuối đường. Cậu ta chèo thuyền đưa nó ra giữa hồ và dọa đẩy nó xuống nước cho đến khi nó đồng ý để cậu ta làm chuyện đó. Như thế con bé

không hề có lỗi.

“Thế nó không biết bơi à?” Edith hỏi.

Sabitha kẹp cái gối vào giữa hai chân. “Á á á,” nó thốt lên. “Làm thế này sướng quá.”

Edith biết tổng tất cả những trò lạc thú Sabitha đang tán tụng, nhưng nó hơi sùng sốt vì người ta lại có thể nói khôi khôi như thế. Bản thân nó thì thấy sợ hãi những cảm giác ấy. Nhiều năm trước đây, trước khi nó ý thức được mình đang làm gì, nó đã kẹp chân vào giữa hai chân khi đi ngủ, rồi mẹ nó phát hiện ra và kể cho nó chuyện một đứa con hay làm như thế, cuối cùng phải đi mổ để chữa chúng ấy. “Người ta tạt nước lạnh vào người nó, nhưng không ăn thua gì,” mẹ nó kể. “Rồi cuối cùng phải đưa nó đi cắt.”

Nếu không thì bộ phận ấy có thể sẽ bị tắc dẫn đến tử vong.

“Thôi đi nào,” nó bảo Sabitha, nhưng Sabitha phản đối bằng tiếng rên kích động và nói, “Không sao đâu. Ở đây ai cũng làm thế này. Cậu không lấy gối dùng à?”

Edith đứng dậy và đi vào bếp, đổ đầy nước lạnh vào ly cà phê đá vừa uống hết. Khi nó trở lại phòng khách, Sabitha đang nằm rũ ra trên đi văng, cười lớn, cái gối bị quăng xuống sàn.

“Cậu nghĩ tớ đang làm gì lúc này,” nó nói. “Cậu không biết là tớ đùa cậu à?”

“Tớ khát,” Edith nói.

“Nhưng cậu vừa uống hết nguyên một ly cà phê đá mà.”

“Tớ khát nước.”

“Nói chuyện với cậu chả thú gì cả.” Sabitha ngồi dậy. “Nếu cậu khát thế sao không uống nước đi?”

Chúng ngồi trầm ngâm không nói với nhau câu nào nữa, rồi đột nhiên Sabitha nói với giọng làm lành nhưng không giấu được vẻ thất vọng, “Chúng mình viết cho Johanna một lá thư nữa đi chú? Viết cho mẹ một lá

thư thật tình tứ vào.”

Edith không còn mấy hứng thú về chuyện thư từ nữa, nhưng nó vui khi thấy Sabitha vẫn chưa hết hứng. Cảm giác mình là kẻ sành sỏi hơn Sabitha đã trở lại phần nào, sau cú sốc về những chuyện ở hồ Simcoe và cặp vú. Edith thở dài về miễn cưỡng, đứng dậy và mở nắp máy chữ.

“Người tình thân yêu nhất Johanna...” Sabitha nói.

“Không. Nghe chối quá.”

“Nhưng mẹ ấy không thấy thế đâu.”

“Mẹ sẽ thấy chối đấy,” Edith nói.

Nó băn khoăn không biết có nên nói với Sabitha về nguy cơ bị tắc cơ quan ấy không. Rồi quyết định là không. Vì một lẽ, thông tin đó rơi vào tập hợp những lời cảnh báo từ phía mẹ nó, và không bao giờ phân loại được là có thể tin hay không. Điều đó không đáng ngờ đến độ như lời giảng về việc đi dép cao su trong nhà sẽ làm giảm thị lực, tuy nhiên cũng chẳng nói trước được một ngày nào đó có thể nó sẽ phát hiện ra cả hai điều trên đều ngớ ngẩn như nhau. Và vì một lẽ khác - chắc Sabitha sẽ chỉ cười phá lên thôi. Sabitha luôn cười phá lên khi nghe những lời cảnh báo - nó thậm chí sẽ cười khi bạn bảo với nó là ăn nhiều bánh su kem sô cô la sẽ làm nó béo.

“Thư trước của em làm anh thật sung sướng...”

“Thư trước của em khiến anh ngất ngây...” Sabitha nói.

“... làm anh thật sung sướng khi nghĩ rằng mình có một người bạn thực sự trên thế gian này, đó chính là em...”

“Suốt đêm anh không ngủ được vì luôn mong chờ được ôm siết em trong vòng tay...” Sabitha vòng tréo hai tay tự ôm lấy người nó và đung đưa.

“Không. Anh thường thấy rất cô đơn, không có người chia sẻ, dù có mặt cuộc sống hướng ngoại...”

“Chữ đó nghĩa là gì... ‘hướng ngoại’ ấy? Mẹ sẽ không hiểu đâu.”

“Mẹ ấy hiểu.”

Những từ đó làm Sabitha tắt tiếng và có lẽ cảm thấy phật ý. Nên cuối cùng Edith đọc to, “Anh phải nói lời tạm biệt thôi, và cách duy nhất anh có thể kết thúc bức thư là tưởng tượng rằng em sẽ đỏ mặt khi đọc những dòng này...”

“Thế là đúng ý cậu muốn thêm rồi chứ gì?”

“Đọc những dòng này trên giường, lúc đang mặc váy ngủ,” Sabitha nói, như nó vẫn thường vui lại rất nhanh, “và nghĩ về lúc anh ôm siết em trong vòng và mút ti em...”

Johanna thương yêu,

Lá thư trước của em khiến anh hạnh phúc khi nghĩ rằng mình có một người bạn thực sự trên thế gian này, đó chính là em. Anh thường thấy rất cô đơn và không có người chia sẻ dù có một cuộc sống hướng ngoại.

Ừ, anh đã kể với Sabitha trong thư cho nó về vận may của anh và anh khởi nghiệp kinh doanh khách sạn ra sao. Nhưng anh không kể cho nó mùa đông trước mình đã bị ốm như thế nào, vì anh không muốn làm nó lo lắng. Anh cũng không muốn làm em lo lắng, Johanna yêu dấu, chỉ muốn nói với em rằng anh rất hay nghĩ về em và mong được nhìn thấy khuôn mặt dịu dàng thân thương của em. Trong cơn sốt, anh có cảm giác mình nhìn rõ khuôn mặt em đang cúi xuống và nghe tiếng em nói rằng anh sẽ chóng khỏe thôi và cảm nhận đang được bàn tay vị tha của em chăm sóc. Lúc đó anh đang ở ký túc xá, và khi anh khỏi sốt thì rất nhiều người xung quanh chế nhạo và trêu anh, cái cô Johanna đó là ai vậy? Nhưng anh buồn cực độ khi tỉnh dậy mà không thấy em ở bên. Anh tự vấn có cách nào em bay xuyên không gian đến với anh được không, dù anh biết điều đó không thể xảy ra. Tin anh, tin anh đi, ngay cả ngôi sao điện ảnh xinh đẹp nhất cũng không được anh đón nhận như em. Anh không biết có nên kể với em những gì em đã nói vào tai anh không, vì đó và những lời ngọt ngào và tình cảm nhưng có thể làm em ngượng đấy. Anh không muốn dừng bút vì giờ đây anh cảm thấy như mình đang ôm chặt em và đang thì thầm vào tai em trong bóng tối nơi căn phòng riêng tư của chúng mình, nhưng anh phải nói lời tạm biệt thôi, và cách

duy nhất anh có thể kết thúc bức thư là tưởng tượng rằng em đang đọc những dòng này và đỏ mặt lên. Nếu em đọc trên giường khi đang mặc váy ngủ và nghĩ về vòng tay của anh đang ôm chặt em thì càng tuyệt.

Y-e, Ken Boudreau.

Một điều hơi lạ là Johanna không hồi âm lại bức thư này. Sau khi Sabitha viết xong lá thư của nó, dài đâu chừng nửa trang, Johanna liền bỏ vào phong bì rồi viết địa chỉ ra ngoài, và chỉ có thế.

Khi Johanna xuống tàu, chẳng có ai đón cô. Cô gắng không lấy thế làm lo lắng - trước đó cô đã từng nghĩ rằng lá thư của mình có thể còn đến sau chuyến tàu chở cô. (Thực ra nó đã đến nơi rồi, và đang nằm ở bưu điện chưa có người đến nhận, do Ken Boudreau, không hề ốm nặng vào mùa đông năm ngoái, mà giờ mới mắc bệnh viêm phế quản và đã mấy ngày nay không ra bưu điện kiểm tra thư từ. Đến hôm đó thì còn có một phong thư nữa cũng gửi cho gã, trong đó có tờ ngân phiếu của ông McCauley. Nhưng ông đã báo ngân hàng hủy lệnh thanh toán theo tờ ngân phiếu đó rồi.)

Điều làm cô lo ngại hơn là nơi này trông không có vẻ gì giống một thị trấn cả. Ga tàu là một gian phòng xếp với mấy băng ghế xếp dọc tường, quầy bán vé thì có bức màn gỗ khô sụp xuống che khuất. Có một gian kho chứa hàng - cô đoán rằng đó là kho hàng - nhưng cửa đẩy không nhúc nhích. Cô ghé mắt nhìn qua khe cửa cho đến khi mắt quen với bóng tối, đủ để nhận ra bên trong rộng không, sàn phủ một lớp bụi. Không có kiện hàng đồ nội thất nào hết. Cô gọi to, “Có ai ở đây không? Có ai không?” đến vài lần, dù không mong chờ có người đáp lời.

Cô đứng trên sân ga và cố tĩnh tâm lại.

Khoảng nửa dặm phía trước có một ngọn đồi thấp, dễ nhận ra nhờ vòm cây. Và cái lối mòn nâu nâu vàng vàng - mà khi nhìn từ trên tàu cô cứ tưởng là đường tắt vào một thửa ruộng - hẳn phải là đường chính. Rồi cô bắt đầu nhận ra những ngôi nhà thấp tè rải rác trong lùm cây - và một tháp nước, trông xa như một thứ đồ chơi - một anh lính chì với đôi chân lêu lêu.

Cô nhắc va li lên và cất bước - cũng chẳng nặng nhọc lắm. Xét cho cùng,

cô đã mang chiếc va li đó suốt từ đường Triển Lãm ra ga cơ mà.

Có một làn gió thổi nhẹ qua, nhưng hôm nay là một ngày nóng nực - nóng hơn thời tiết ở Ontario nơi cô vừa rời đi, và làn gió cũng có vẻ phả thêm hơi nóng. Bên ngoài chiếc váy mới cô lại khoác thêm chiếc áo choàng cũ, vì nếu cho vào va li thì choán mất nhiều chỗ quá. Cô thèm thưỡng nhìn bóng râm của thị trấn trước mặt, nhưng khi tới tận nơi, cô mới nhận ra đó chỉ là những cây vân sam - tán vừa hẹp vừa vươn thẳng nên chẳng có mấy bóng râm, hay cây dương lá mỏng thưa thưa, gió nhẹ cũng tạt đi và không cản nổi ánh nắng.

Cô thấy nản lòng vì có cảm giác nơi này thật thiếu quy củ, thiếu tổ chức. Không có vỉa hè, chẳng có đường rải nhựa, không có công trình nào tầm vóc ngoại trừ một nhà thờ lớn nhưng trông na ná một cái nhà kho xây bằng gạch. Có một bức bích họa trên vòm cửa, thể hiện gia đình Đức Chúa với những khuôn mặt màu đất và những đôi mắt xanh lấp lánh. Nhà thờ mang tên của một vị thánh cô chưa từng nghe - Thánh Voytech.

Các căn nhà ở đây có vẻ không được quy hoạch hay thiết kế chu đáo. Chúng nằm xiên xẹo không theo hàng lối với đường phố, và phần lớn có những ô cửa sổ nhỏ trở ra tùy tiện trông có vẻ tồi tàn, với các mái hiên chắc tuyệt như những cái hộp bên ngoài cửa ra vào. Không có ai ở ngoài sân hết, vả lại sao lại phải ở ngoài cơ chứ? Chẳng có cây cối rau quả gì cần chăm sóc, chỉ có những cụm cỏ nâu, thỉnh thoảng điểm một khóm lớn đại hoàng đã kết hạt.

Phố chính, cứ tạm gọi thế đi, chỉ có một bên vỉa hè lát gỗ, và mấy ngôi nhà rời rạc, trong đó chắc chỉ có một cửa hàng tạp hóa (có một gian làm bưu điện) và một ga ra sửa xe là còn hoạt động. Có một ngôi nhà hai tầng, khiến cô nghĩ đó chính là khách sạn đang tìm, nhưng hóa ra là ngân hàng và đã đóng cửa rồi.

Con người đầu tiên cô nhìn thấy - dù có hai con chó đã sửa với theo cô dọc đường đi - là một người đàn ông trước ga ra sửa xe, đang bận chất dây

xích lên thùng sau xe tải.

“Khách sạn à?” ông ta nói. “Cô đi quá rồi.”

Ông ta bảo cô rằng nó ngay cạnh ga, nhưng chệch xuống một chút về phía bên kia của con đường, sơn màu xanh và không thể lẫn vào đâu được.

Cô bỏ va li xuống, không phải vì chán nản mà vì cần nghỉ tay một chút.

Ông ta nói sẽ chở cô tới đó nếu cô chờ được một lát. Và dù cô chưa từng nhận một lời đề nghị giúp đỡ kiểu đó bao giờ, ít phút sau cô đã ngồi trong buồng lái nóng nực và nhón dầu mỡ của chiếc xe tải, chạy ngược lại con đường đất mà cô vừa vượt qua, giữa tiếng xúng xoảng của những dây xích sau thùng xe.

“VẬY... cô mang cơn gió nóng từ đâu tới đây vậy?” ông ta hỏi.

Cô đáp Ontario, với một giọng như ra dấu rằng sẽ không đáp thêm dù chỉ một lời nào nữa.

“Ontario à,” ông ta nói với vẻ hối tiếc. “Đây. Nó đây rồi. Khách sạn của cô ấy.”

Ông ta bỏ một tay ra khỏi vô lăng. Chiếc xe tải giạt chồm một cái khi ông ta chỉ tay vào một ngôi nhà hai tầng mái bằng. Đúng là cô đã nhìn thấy nó từ trên tàu hỏa, trước khi vào ga. Nhưng lúc đó cô nghĩ đó là một căn nhà ở, tuy rộng nhưng cũ kỹ xập xệ và có lẽ đã bị bỏ hoang. Sau khi đã nhìn thấy các ngôi nhà khác nơi này, cô biết lẽ ra lúc đó không nên suy đoán như thế. Tường ngoài ngôi nhà được ghép bằng những tấm tôn có dập hình để lòng giống như gạch xây, và sơn màu lam nhạt. Phía trên cửa vào có một biển hiệu với chữ KHÁCH SẠN bằng đèn huỳnh quang, nhưng không còn sáng nữa.

“Tôi là một đứa tồi tệ,” cô nói và đề nghị trả ông ta một đô vì đã chở cô tới đây.

Ông ta cười lớn. “Cứ giữ tiền cho chặt. Không biết khi nào cô sẽ cần tới chúng đâu.”

Ngoài cửa khách sạn có một chiếc xe trông khá tử tế hiệu Plymouth đang đỗ. Nhưng nó bụi bặm quá, mà cũng phải thôi, với tình trạng đường sá thế này thì tránh sao được?

Có vài tấm biển trên cửa quảng cáo một loại thuốc lá, và bia. Cô chờ cho chiếc xe tải đi khuất rồi mới gõ cửa - cô gõ vì khách sạn trông không có vẻ gì là đang mở cửa kinh doanh. Rồi cô thử đẩy cửa xem có mở không, và bước vào một căn phòng nhỏ đầy bụi có một cầu thang, tiếp đó là một phòng tối om có một bàn bi a, bốc mùi bia lưu cữu chua loét, còn sàn nhà thì chưa được quét dọn. Từ đó có một phòng ngách, nơi cô thấy ánh phản chiếu của một tấm gương, một bàn quây và các kệ trống. Những căn phòng này đều có màn hình kéo kín. Nguồn ánh sáng duy nhất cô nhìn thấy là từ hai cửa sổ tròn nhỏ, đúng ra là hai ô kính gắn trên hai cánh cửa ra vào. Cô bước qua cánh cửa đó tới một gian bếp. Ở đó sáng hơn vì phía trên tường đối diện có một dây cửa sổ nhỏ trên cao, ố bẩn, không có gì che phủ. Và đây mới có dấu hiệu đầu tiên của sự sống - ai đó đã ăn ở bàn và bỏ nguyên chiếc đĩa với những vệt sốt cà chua đã khô và một nửa tách cà phê đen đã nguội lạnh.

Một trong những cánh cửa từ nhà bếp dẫn ra phía ngoài - nhưng đã bị khóa - và một cánh cửa dẫn tới kho chứa đồ ăn, trong đó có một ít đồ hộp, một cánh cửa dẫn tới tủ đựng chổi và giẻ lau, và một cánh cửa khác dẫn đến một cầu thang quây kín. Cô bước lên cầu thang, nhắc chiếc vali trước mặt từng bậc một vì không có đủ chỗ xách bên cạnh. Thẳng đầu cầu thang, trên gác hai cô thấy một phòng vệ sinh với bộ ngồi bồn cầu đã lật lên.

Cánh cửa phòng ngủ cuối hành lang đang mở toang, và cô tìm thấy Ken Boudreau trong đó.

Cô nhìn thấy quần áo của gã trước khi thấy gã. Áo vét của gã treo ở một góc cửa, quần treo ở tay nắm, ống quét dưới sàn nhà. Cô lập tức nghĩ đó không phải là cách giữ gìn quần áo tốt, nên bước dứt khoát vào căn phòng - bỏ lại chiếc va li ở hành lang - với ý định treo quần áo lên cho nghiêm chỉnh.

Gã nằm trên giường, chỉ đắp một tấm ga. Chăn và đồ sơ mi của gã nằm dưới sàn. Gã thở gấp như sắp dậy đến nơi, nên cô cất tiếng, “Chào buổi sáng. À buổi chiều.”

Ánh nắng rực rỡ chiếu qua cửa sổ gần như rọi thẳng vào mặt gã. Cửa sổ bị đóng chặt và không khí trong phòng bí khùng khiếp - bốc mùi, ít nhất là từ cái gạt tàn đã đầy ụ đặt trên chiếc ghế gã dùng làm bàn cạnh giường.

Gã có một thói quen tệ hại - gã hút thuốc trên giường.

Nghe tiếng cô, gã không trở dậy - hoặc gã mơ màng nửa ngủ nửa thức. Rồi gã bắt đầu ho.

Cô nhận ra ngay đây là tiếng ho đáng ngại, tiếng ho của một người bệnh. Gã cố chống người dậy, mắt vẫn nhắm nghiền, và cô bước tới bên giường để đỡ gã. Cô đảo mắt tìm khăn mùi soa hay hộp khăn giấy, nhưng không tìm thấy nên cô vói lấy chiếc áo sơ mi của gã trên sàn, nghĩ rằng có thể giặt lại được. Cô muốn nhìn kỹ xem gã ho ra cái gì.

Sau khi ho rũ rượi một tràng, gã lau bầu rồi vật xuống giường, hỏn hển, khuôn mặt ngổ ngáo hấp dẫn mà cô giữ trong ký ức giờ đây nhăn nhúm lại trông phát ghê. Cô biết gã đang sốt cao từ lúc chạm tay vào người gã.

Cái đồng gã ho ra có màu vàng vàng xanh xanh - nhưng không có vệt nâu đỏ nào. Cô mang chiếc áo vào bồn trong toa lét, ở đó cô không ngờ lại tìm thấy một bánh xà phòng, liền đem giặt áo ngay và treo lên móc cửa, sau đó kì cọ tay thật kỹ. Cô buộc phải chùi tay vào chiếc váy mới màu nâu cho khô. Mới vài tiếng trước đây cô vừa mặc chiếc váy này trong một phòng toa lét nhỏ xinh khác - phòng vệ sinh nữ trên tàu. Lúc đó cô còn băn khoăn không biết có nên trang điểm một chút không.

Trong một buồng kho hành lang cô thấy một cuộn giấy vệ sinh và lấy mang vào phòng để lần tới gã ho có cái lau. Cô nhặt chăn lên và đắp cẩn thận cho gã, kéo màn xuống sát bệ cửa sổ và cố nâng tấm kính đang kẹt rất chặt lên vài phân, rồi chặn cái gạt tàn vừa mới rửa sạch vào để giữ khe cửa mở. Rồi cô ra ngoài hành lang, thay chiếc váy nâu bằng bộ quần áo cũ

lấy ra từ va li. Cái váy đẹp và đồ trang điểm ở cái thế giới thực tại lúc này mới phù phiếm làm sao.

Cô không biết gã ốm nặng đến mức nào, nhưng cô đã chăm sóc bà Willets - cũng là một người nghiện thuốc lá nặng - qua vài cơn viêm phế quản rồi, và cô nghĩ có thể tự xoay sở được trước khi nghĩ đến chuyện gọi bác sĩ. Cũng trong cái buồng kho ở hành lang ấy, cô tìm thấy một chồng khăn sạch nhưng đã sờn và bạc phếch, rồi đem nhúng nước một chiếc và lau khắp chân tay gã để hạ sốt. Trong khi cô làm thế thì gã lại tỉnh nửa vờ và lên cơn ho. Cô dựng gã dậy và bảo gã khắc vào giấy vệ sinh, xem một lần nữa trước khi vứt vào bồn cầu rồi rửa tay kỹ. Giờ cô đã có khăn để lau tay. Cô đi xuống dưới nhà và tìm thấy một cái ly thủy tinh ở trong bếp, cùng một chai soda gừng lớn đã hết, cô đổ đầy nước vào chai. Cô mang chai nước lên bắt gã uống. Gã nhấp một chút rồi không chịu uống nữa, nên cô để gã nằm xuống. Khoảng năm phút sau cô lại bắt gã uống tiếp. Cô làm thêm nhiều lần cho đến khi cảm thấy gã đã uống đủ, nếu quá có thể bị nôn ra.

Lâu lâu gã lại ho và cô phải đỡ gã dậy, một tay giữ gã còn tay kia đấm lưng để giúp những thứ trong phổi long ra. Đôi lần gã mở mắt và nhận biết sự có mặt của cô mà không có biểu hiện của sự ngạc nhiên hoặc hoảng hốt - hay biết ơn vì những gì cô làm. Cô lại lau nước cho gã một lần nữa, cẩn thận kéo chăn che ngay những chỗ vừa lau qua cho gã khỏi lạnh.

Cô nhận thấy trời đã bắt đầu tối, bèn đi xuống bếp, tìm công tắc đèn. Các bóng đèn và bếp điện cũ kỹ vẫn hoạt động. Cô mở một lon cháo gà và hâm nóng rồi mang lên gác và đánh thức gã. Gã nuốt một chút từ cái thìa cô đưa. Cô tranh thủ thời điểm này, khi gã đang tỉnh táo để hỏi xem trong nhà có lọ thuốc aspirin nào không. Gã gật đầu bảo có, nhưng rồi lại lẩn lộn không chỉ được chính xác ở chỗ nào. “Trong sọt rác,” gã nói.

“Không, không,” cô nói. “Ý anh không phải là ở trong sọt rác chứ gì.”

“Ờ... ờ...”

Gã cố dùng tay ra dấu hình thù của cái gì đó. Mắt gã ứa lệ.

“Không sao,” Johanna nói. “Không sao đâu.”

Dù sao thì cơn sốt cũng hạ. Gã ngủ được một tiếng, có khi hơn, mà không bị ho lần nào. Rồi gã lại lên cơn sốt. Lúc đó thì cô đã tìm được lọ thuốc aspirin - nó ở trong ngăn kéo tủ bếp cùng với những thứ như một cái tuốc nơ vít, vài cái bóng đèn và một cuộn dây sợi - và cho gã uống vài viên. Một chốc sau gã lên cơn ho dữ dội, nhưng cô không nghĩ gã ho bật viên thuốc nào ra. Khi gã nằm xuống, cô áp tai vào ngực gã để nghe tiếng khò khè. Cô đã đi tìm lọ mù tạt để làm thuốc đắp, nhưng chắc trong nhà không còn. Cô lại xuống dưới nhà đun chút nước nóng, đựng vào trong một tô lớn. Cô cố bắt gã áp mặt vào, phủ khăn tắm bên ngoài để gã hít được hơi nước vào phổi. Gã chỉ nghe lời và để yên được một chốc, nhưng chắc như thế cũng có tác dụng - gã khạc ra một đống đờm.

Gã lại hạ sốt và ngủ ngon lành hơn. Cô kéo một chiếc ghế bành tìm thấy ở một phòng khác sang đó và ngủ trên gác, chập chòn, đôi lúc thức giấc lại thắc mắc không biết mình đang ở đâu, rồi chợt nhớ ra mọi chuyện, đứng dậy và đến bên giường sờ tay xem gã còn sốt không - có vẻ thân nhiệt gã đã ổn định - và dèm lại chăn. Cô thì đắp chính chiếc áo choàng dạ vĩnh cửu, món quà của bà Willets.

Gã thức dậy. Trời đã sáng bạch. “Cô đang làm gì ở đây thế?” gã nói bằng giọng khè khè, yếu ớt.

“Em mới đến hôm qua,” cô đáp. “Em mang đồ nội thất đến cho anh. Tàu hàng chưa đến nơi, nhưng đang trên đường tới. Lúc em đến em thấy anh ốm, và anh trở bệnh gần như suốt đêm. Giờ anh thấy thế nào?”

Gã nói, “Khá hơn,” và bắt đầu ho. Cô không phải đỡ gã dậy nữa, gã đang tự ngồi rồi, nhưng cô vẫn tới bên giường và vỗ lưng cho gã. Khi hết cơn ho, gã nói, “Cảm ơn.”

Da gã giờ đã mát như da cô rồi. Và trơn mịn, không vết sần sùi hay bệu mỡ. Cô có thể chạm thấy xương sườn gã. Gã giờ đây giống như một cậu trai mảnh khảnh ốm yếu. Người gã ngủ như mùi ngô.

“Anh cứ nuốt đờm,” cô nói. “Đừng làm thế, không tốt đâu. Giấy vệ sinh đây, phải nhổ đờm ra. Cứ nuốt thế có thể bị suy thận đấy.”

“Tôi đâu biết như thế,” gã chống chế. “Cô có tìm được cà phê không?”

Máy pha cà phê đóng cặn đen sì bên trong. Cô cố rửa đi rửa lại kỹ hết sức trước khi cho cà phê vào. Rồi cô đi tắm rửa và chải chuốt qua, vừa băn khoăn không biết nên cho gã ăn gì. Trong kho chứa đồ ăn có một hộp bột bánh bích quy. Thoạt tiên cô nghĩ phải dùng nước để pha, nhưng sau tìm thêm được một hộp sữa bột. Khi cà phê pha xong cô đã có một khay bánh quy trong lò.

Khi vừa nghe tiếng cô nấu nướng trong bếp, gã tự dậy đi vào nhà vệ sinh. Gã yếu hơn gã tưởng - phải khom người và chống một tay vào kết nước. Rồi gã tìm thấy ít đồ lót ở đáy buồng kho ngoài hành lang, nơi gã để quần áo sạch. Đến lúc đó gã đã nghĩ ra được người phụ nữ đó là ai rồi. Cô ta nói đến đây để mang đồ nội thất cho gã, dù gã không bảo cô, hay bất kỳ ai khác mang đồ nội thất gì cả, chỉ cần tiền thôi. Gã chắc mình biết tên cô, nhưng không nhớ ra. Vì thế gã mở ví cô, đang để trên sàn ngoài hành lang cạnh va li của cô. Có một biển tên được may vào lớp lót.

Johanna Parry, và địa chỉ của ông bố vợ gã, ở đường Triển Lãm. Có một vài thứ khác nữa. Một cái túi vải đựng vài đồng tiền giấy. Hai mươi bảy đô la. Một cái túi nữa đựng xu lẻ, gã không buồn đếm. Một cuốn sổ trương mục ngân hàng màu lam nhạt. Gã mở ra một cách vô thức, không mong đợi sẽ nhìn thấy điều gì bất thường.

Vài tuần trước, Johanna đã chuyển được tất cả số tiền thừa hưởng từ bà Willets, cộng với tất cả các khoản đã dành dụm được vào chung một tài khoản. Cô giải thích với người quản lý ngân hàng rằng không biết mình cần đến số tiền đó khi nào. Số dư không phải quá khủng, nhưng cũng đủ gây ấn tượng. Điều đó khiến cô có vị thế hẳn lên. Trong đầu Ken Boudreau, con số đó như bọc thêm một lớp nhung lên cái tên Johanna Parry.

“Lúc trước em mặc một cái váy nâu cơ mà?” gã nói, khi cô mang cà phê

lên.

“Vâng, em có mặc. Lúc mới tới đây.”

“Anh nghĩ đó là một giấc mơ. Hóa ra là em thật.”

“Đúng như trong giấc mơ kia anh,” Johanna nói, cái trán đầy tàn nhang của cô đỏ rực lên. Gã không biết điều đó nghĩa là gì, và không đủ sức để hỏi lại. Có lẽ là một giấc mơ gã đã làm nhảm ra miệng và bị cô chứng kiến đêm qua - mà giờ đây chính gã cũng chẳng nhớ nổi. Gã lại ho, nhưng nhẹ hơn và cô đưa cho gã dải giấy vệ sinh.

“Rồi,” cô nói, “giờ anh muốn để cà phê của anh ở đâu?” Cô đẩy chiếc ghế gỗ vào chỗ cũ, trước đó cô đã bê dịch nó ra ngoài để đến bên giường gã nhanh hơn. “Đây nhé,” cô nói. Cô xốc nách gã dậy và lót gối vào lưng gã. Chiếc gối bản thủ, không có vỏ gối, nhưng đêm qua cô đã dùng khăn tắm phủ lên.

“Em tìm giúp xem dưới nhà còn điều thuốc nào không?”

Cô lắc đầu, nhưng vẫn nói, “Em sẽ tìm. Em đang nướng bánh trong lò.”

Ken Boudreau bị nhiễm thói hay cho người khác vay tiền, cũng như hay phải đi vay. Hầu hết các việc phiền phức rơi vào đầu gã hay nói cách khác là gã tự chui đầu vào, là do gã không biết từ chối bạn bè. Lòng trung thành. Không phải gã bị loại khỏi binh chủng Không quân trong thời bình, mà tự xin xuất ngũ để tỏ lòng trung thành với người bạn bị kỷ luật vì chửi rửa viên sĩ quan chỉ huy trong buổi liên hoan đơn vị. Trong những bữa tiệc liên hoan như thế, ai cũng biết mọi việc chỉ là bông đùa và không ai để bụng cả, thì việc bạn gã bị kỷ luật là bất công. Và gã bị mất việc ở công ty phân bón vì đã lấy xe tải của công ty vượt biên giới sang Mỹ mà chưa xin phép, lại vào ngày Chủ nhật, để đón một chiến hữu vừa dính vào một vụ ẩu đả và đang lo bị bắt và truy tố.

Càng hào hiệp với bạn bè bao nhiêu thì lại càng khó làm vừa lòng cấp trên bấy nhiêu. Gã sẵn sàng thổ lộ là rất khó quy lụy người khác. Các từ thừa bầm sao mà khó bật ra từ miệng gã thế. Gã cũng không bị đuổi khỏi

công ty bảo hiểm, nhưng bị bỏ qua nhiều đợt xét lên lương, lên chức cứ như là người ta muốn thách xem gã có dám bỏ việc không, và cuối cùng gã bỏ thật.

Cũng phải nói là tật uống rượu có góp phần không nhỏ. Phần nữa là tư tưởng cho rằng sống ở đời phải có tính trượng phu, mà thời buổi này dường như người ta quá thiếu. Gã thích kể với mọi người rằng gã đã thắng được cả cái khách sạn trong một canh xì tố. Gã không hẳn là một tay sành cờ bạc, nhưng hình như phụ nữ thích nghe những câu chuyện kiểu như vậy. Gã không muốn thú nhận là gã đã nhận bừa bất động sản đó, chỉ nhìn lên giấy tờ, khi người ta gán nợ. Ngay cả khi đã nhìn tận mắt rồi, gã vẫn tự an ủi và có thể cải tạo được, ý tưởng được tự làm chủ đã hấp dẫn gã. Gã không coi đó là nơi mọi người đến thuê phòng để ngủ lại, may ra chỉ có đám thợ săn đến đây vào mùa thu. Gã dự tính sẽ mở quán bán đồ uống và một nhà hàng. Nếu kiếm được một đầu bếp tốt. Nhưng trước khi khởi động được những việc đó, cần phải rót tiền vào. Có quá nhiều việc phải làm - và dù chẳng phải kẻ vụng về, chắc một mình gã cũng không kham nổi. Gã nghĩ nếu trụ được qua mùa đông và túc tắc tự làm được kha khá việc để chứng tỏ quyết tâm tu chí, có lẽ gã sẽ thuyết phục được ngân hàng cho vay khoản tiền đầu tư. Nhưng gã cần một khoản vay nhỏ hơn để tồn tại qua mùa đông, và thế là gã nghĩ đến ông bố vợ. Gã biết là vay của người khác sẽ tốt hơn, nhưng chẳng ai khác có sẵn tiền để bơm cho gã dễ dàng thế.

Gã nghĩ có khi hỏi vay tiền dưới hình thức đề nghị mang bán đồng đồ nội thất lại là một ý tốt, vì gã biết ông già chẳng bao giờ lại chịu động chân động tay làm việc đó cả. Gã biết, tuy không cụ thể, vẫn còn các khoản vay cũ chưa trả được - nhưng gã cũng tự trấn an được rằng mình đáng được hưởng những khoản đó vì đã từng cứu mang Marcelle trong quãng thời gian hành xử vô lối (tất nhiên là nói về cách sống của cô ta, chứ gã lúc đó chưa hành xử như vậy) và vì đã nhận Sabitha là con mình, mặc dù gã có nghi ngờ. Ngoài ra, nhà McCauley là những người duy nhất gã quen biết có tiền không phải do những người đang còn sống làm ra.

Em mang đồ nội thất đến cho anh.

Gã không luận ra được điều đó sẽ mang lại hậu quả tốt xấu ra sao cho gã tại thời điểm này. Gã đã quá mệt rồi. Khi cô mang bánh bích quy đến (và không có điều thuốc nào) gã thấy thèm ngủ hơn ăn. Để làm cô vui lòng, gã cố ăn một nửa cái. Rồi gã ngủ như chết. Gã chỉ lơ mơ tỉnh khi cô lật nửa người gã qua một bên rồi lật lại qua bên kia để rút tấm ga giường bắn ra, rồi nhét tấm mới vào mà vẫn không phải đánh thức gã dậy hoặc bắt gã rời khỏi giường.

“Em tìm thấy một tấm ga sạch nhưng nó mỏng tang,” cô nói. “Lại có mùi lưu cữu khó chịu nữa, nên phải phơi trên dây một lúc.”

Sau đó gã nhận ra âm thanh kéo dài triền miên trong giấc mơ của mình hóa ra là tiếng máy giặt. Gã thắc mắc sao lại có thể thế được, vì bình nước nóng hỏng từ lâu rồi. Chắc cô ta đun từng nồi nước trên bếp điện. Lát sau, gã nghe tiếng xe ô tô quen thuộc của mình nổ máy và chạy đi. Chắc cô ta đã tìm thấy chùm chìa khóa trong túi quần gã.

Cô ta có thể đã lấy đi tài sản duy nhất có giá trị và bỏ gã lại, trong khi gã chẳng thể nào gọi điện cho cảnh sát để truy tìm cô ta. Dù gã có lần ra được tới chỗ để máy thì đường dây điện thoại cũng đã bị cắt từ đời nào rồi. Tình huống ấy lúc này cũng có thể xảy ra - lấy trộm đồ rồi bỏ đi - nhưng khi gã trở mình trên tấm ga mới, có mùi gió đồng nội và mùi cỏ, gã chìm lại vào giấc ngủ, biết chắc rằng cô chỉ đi mua sữa, trứng, bơ, bánh mì và các đồ ăn thức dùng khác - có khi cả thuốc lá nữa - cần thiết cho một cuộc sống tử tế, và rồi cô sẽ về đây và bận rộn việc nọ việc kia dưới nhà, dẹt nên các tiếng động như một tấm lưới an toàn nâng đỡ gã, một món quà trời ban không cần thắc mắc.

Hiện giờ gã cũng đang gặp phiền phức với phụ nữ. Đúng ra là hai người phụ nữ, một cô trẻ và một cụ già hơn (có nghĩa là tầm tuổi gã) chột biết về chuyện của người kia với gã, và sẵn sàng xé xác nhau khi có dịp. Gần đây, mỗi khi gặp họ, gã chỉ được nhận những lời nhiếc móc và kêu ca, điểm

thêm những câu nhắc nhở cấm cửu rằng mình yêu gã hơn người kia. Có lẽ giải pháp cho vụ phiền phức đó cũng đã đến.

Lúc đang mua đồ trong tiệm tạp hóa, Johanna nghe thấy tiếng tàu hỏa và trên đường lái xe về khách sạn, cô thấy một chiếc xe đỗ ở ga tàu. Chưa kịp dừng hẳn chiếc xe của Ken Boudreau, cô đã nhìn thấy các kiện đồ nội thất xếp trên sân ga. Cô nói chuyện với nhân viên đường sắt - đó chính và chiếc xe của anh ta - và anh ta tỏ ra vừa ngạc nhiên vừa khó chịu vì những kiện hàng lớn như vậy lại được chuyển đến ga này. Khi cô moi được thông tin về người có xe tải từ anh ta - mà cô đòi hỏi phải là xe tải sạch sẽ, cô dùng điện thoại của nhà ga để gọi người này, nhà cách đó hai mươi dặm và thỉnh thoảng làm thêm dịch vụ chở hàng, nửa ra lệnh nửa dụ dỗ anh ta phải đến ngay. Rồi cô buộc người nhân viên đường sắt phải ở lại trông kiện hàng cho đến khi xe tải đến.

Quãng sau bữa tối xe tải mới tới, rồi chủ xe cùng với con trai dỡ đồ xuống và mang vào phòng chính trong khách sạn.

Ngày hôm sau cô xem xét kỹ xung quanh. Cô đang nung nấu một ý định.

Rồi hôm sau nữa, khi xét thấy Ken Boudreau đã có thể ngồi dậy và lắng nghe, cô nói, “Bỏ tiền vào chỗ này như bỏ xuống giếng thôi. Thị trấn này sắp hết đất rồi. Giờ việc cần làm là dỡ tất cả những gì có thể bán lấy tiền mặt được, đem bán ngay. Em không nói tới đồ nội thất mới mang tới, chỉ nói những thứ như bàn bi a, bếp điện. Sau đó chúng ta phải bán ngôi nhà cho ai có thể bóc những tấm tôn bọc tường ra bán sắt vụn. Có nhiều thứ anh tưởng không có giá trị gì nhưng có thể bán ra tiền, dù ít dù nhiều. Rồi... Trước khi ôm cái khách sạn này, anh tính sẽ làm gì?”

Gã nói rằng gã từng có ý định đi tới vùng British Columbia, tới thành phố Salmon Arm nơi gã có một người bạn có lần nói sẽ tìm được cho gã việc quản lý vườn cây ăn trái. Nhưng khi đó gã không đi được, vì xe ô tô của gã cần thay lốp mới và chỉnh sửa trước khi có thể chạy đường dài, mà tiền gã có chỉ đủ sống qua ngày. Rồi cái khách sạn đột nhiên rơi vào tay gã.

“Vâng, như quả tạ ngàn cân ấy,” cô nói. “Đầu tư tiền mua lốp và sửa xe còn tốt hơn là chi thêm một đồng một cắc nào vào cái nơi như giếng không đáy này. Nên sang tới bên đó trước khi tuyết bắt đầu rơi thì tốt hơn. Và chúng ta lại chuyển đồ nội thất này bằng tàu hỏa, để dùng khi đến đó. Đóng đồ đó đủ để trang bị cho một ngôi nhà.”

“Có lẽ lời hứa giúp tìm việc đó cũng không chắc chắn lắm đâu.” Cô nói, “Em biết. Nhưng rồi mọi việc sẽ ổn thôi.”

Gã hiểu rằng cô biết thật, và mọi chuyện đã ổn, sẽ ổn. Có thể nói rằng xử lý những trường hợp như của gã là sở trường của cô.

Không hẳn là gã sẽ vô ơn. Gã đã hiểu ra rằng cảm giác biết ơn không phải là gánh nặng, khi nó đến tự nhiên, nhất là khi không đòi hỏi. Trong gã bắt đầu dấy lên ý nghĩa sự hồi sinh. Đây chính là sự thay đổi ta đang cần. Trước đây gã đã từng nói câu đó, nhưng lần này mới thực sự đúng. Mùa đông không quá khắc nghiệt, mùi những cánh rừng thông và táo chín. Chúng ta chỉ cần có thể để xây dựng một gia đình.

Gã có lòng tự trọng, cô nghĩ. Đó là điều đáng ghi nhận. Có lẽ tốt hơn hết là không bao giờ nhắc lại những lá thư trong đó gã đã trải lòng với cô. Trước khi rời nhà, cô đã hủy hết thư từ. Đúng ra, cô đã hủy ngay từng bức thư sau khi đọc đủ kỹ để nhớ thuộc lòng được, và đối với cô chuyện đó không mất nhiều thời gian. Một trong những lý do làm thế là cô không bao giờ muốn những lá thư đó rơi vào tay bé Sabitha và con bạn gian xảo của nó. Nhất là đoạn trong bức thư sau cùng, về chiếc váy ngủ và trên giường. Không phải là những chuyện đó không thể xảy ra, nhưng người ta sẽ nghĩ viết ra trên giấy trắng mực đen thì dung tục, hoặc sến sẩm, hay dễ làm mồi cho những lời châm chọc đàm tiếu. Cô không nghĩ họ sẽ gặp bé Sabitha thường xuyên. Nhưng cô sẽ không bao giờ ngăn cản, nếu gã muốn gặp con bé nhiều.

Cảm giác choáng ngợp về trách nhiệm và tình cảm này không hẳn là một trải nghiệm hoàn toàn mới mẻ với Johanna. Cô đã trải qua cảm giác tương tự với bà Willets - một con người cũng dễ nhìn, đồng bóng, luôn cần

được chăm sóc và quản lý. Hóa ra Ken Boudreau lại nặng về những điểm như thế hơn cô hình dung lúc ban đầu, cộng thêm những điểm khác biệt cần phải lường trước được vì gã là đàn ông, nhưng không có điểm nào ở con người gã mà cô không thể xử lý được.

Sau bà Willets, trái tim cô đã khô cạn, và cô tưởng rằng mình sẽ như thế suốt đời. Giờ đây, thật là một sự xáo trộn ầm ập, một tình yêu bận bịu.

Sau khi Johanna bỏ đi khoảng hai năm thì ông McCauley mất. Đám tang của ông là đám cuối cùng được cử hành tại nhà thờ dòng Anh giáo. Rất đông người đến dự. Sabitha - đi cùng với dì họ, người Toronto - giờ đây thật chững chạc và xinh đẹp, và mảnh mai đến không ngờ. Cô bé đội một cái mũ đen diêm dúa và không bắt chuyện với ai trừ phi họ hỏi chuyện cô trước. Ngay cả khi đã nói chuyện, cô bé cũng có vẻ không nhớ rõ ai với ai.

Bản cáo phó đăng trên báo nói rằng tang quyến của ông McCauley gồm có cháu ngoại Sabitha Boudreau, con rể Ken Boudreau, cô Johanna vợ ông Boudreau và con trai mới sinh của vợ chồng họ, bé Omar, đến từ thành phố Salmon Arm, tỉnh B.C.

Mẹ của Edith đọc to những dòng này - bản thân Edith không bao giờ xem báo địa phương. Tất nhiên, việc hai người đó lấy nhau không phải là tin mới với cả hai mẹ con họ - hay với bố của Edith, lúc này đang xem ti vi trong phòng khách. Tin này đã được đồn về trước đó. Chỉ có tin về Omar là mới mẻ.

“Cô ta với một đứa con”, mẹ Edith nói.

Edith đang dịch những dòng chữ La tinh trên bàn bếp. *Tu ne quesieris, scire nefas, quem mihi, quem tibi...*^[5]

Lúc ở nhà thờ, nó đã thận trọng không bắt chuyện trước với Sabitha, trước khi Sabitha kịp lờ nó đi.

Giờ đây nó không hẳn sợ bị phanh phui - dù vẫn không hiểu được tại sao hai đứa vẫn chưa bị phát giác. Xét ở góc độ nào đó, những trò tinh quái con người quá khứ của nó không nên liên hệ gì với con người hiện tại thì có vẻ

tốt hơn - chưa nói tới con người thật mà nó mong sẽ bộc lộ ra, một khi nó rời khỏi thị trấn này và cách biệt hẳn những người luôn cho rằng họ biết nó. Nó thấy bối rối trước kết cục trái khoáy không thể ngờ được ấy - có vẻ hoang đường, nhưng mờ mờ khó hiểu. Nó còn thấy như bị trêu ngươi, giống như bị ám ảnh bởi một lời nhạo báng hay cảnh báo vô duyên. Vì trong danh sách những việc nó muốn đạt được trong cuộc đời, làm sao lại có chỗ nói rằng nó sẽ góp phần tạo ra một sinh linh tên là Omar trên cõi đời này.

Phốt lò bà mẹ, nó đặt bút viết, *“Đừng hỏi, chúng ta không được phép biết...”*

Nó dừng lại, cắn bút nghĩ ngợi và viết nốt câu dịch với một cảm giác hài lòng, *“... số phận sẽ mang gì tới cho mình, hay cho người...”*

Cầu Pháo

Cô đã từng rời bỏ gã một lần. Lý do ban đầu khá vặt vãnh. Gã đã về hùa với mấy đứa nhóc trong bọn Tội phạm Vị thành niên (mà gã gọi là bọn Ma cà bông) thưởng hết nguyên chiếc bánh ga tô vị gừng cô vừa làm định để dành mời mọi người sau buổi họp tối hôm đó. Cô đã lên ra khỏi nhà, không bị ai phát hiện - ít nhất là không bị Neal và lũ Ma cà bông nhận ra, và tới ngồi trong một trạm chờ xe buýt có ba mặt che kín, nằm ngay trên phố chính, tuy mỗi ngày chỉ có hai chuyến xe nội đô dừng lại đây. Cô chưa bao giờ tới chỗ này, và đợi ở đây hẳn mấy tiếng đồng hồ. Cô ngồi xuống và đọc tất cả những thứ mọi người đã viết hoặc khắc vào vách gỗ nhà thờ. Vài cái tên viết tắt yêu nhau mãi mãi. "*Laurie G. bú cặc*", "*Dunk Cultis là đồ bóng. Thầy Garner (dạy toán) cũng thế*", "*H.W Gange Ăn Cút vô địch*", "*Trượt pa tanh hay là Chết*", "*Chúa Trời ghét ô uế*", "*Kevin S. Là Thằng Thịt Ôi*", "*Amanda W. xinh đẹp ngọt ngào và ước gì nàng không bị đi tù vì ta nhớ nàng bằng cả trái tim*", "*Tao muốn V.P. Các bà phải ngồi đây mà đọc những thứ bẩn thỉu ghê tởm do chính các mụ viết.*"

Vừa đọc những chùm thông điệp của con người kiểu này - choáng nhất là với câu tâm sự chân tình được viết rất nắn nót về cô gái tên *Amanda W.* Jinny vừa bắn khoản không hiểu khi viết những thứ đó người ta có ngồi một mình không. Và cô tiếp tục tưởng tượng đến đoạn mình sẽ ngồi đây hay một chỗ tương tự, trong khi chờ xe buýt một mình, mà nếu cứ theo đúng kế hoạch cô đang vạch ra, thì chắc chắn tình huống đó sẽ xảy ra. Liệu cô có bốc đồng đến mức để lại những tuyên bố này nọ bên những bức vách công cộng không nhỉ?

Lúc đó cô thấy có sự kết nối giữa bản thân với cảm xúc của những người bị đang bị thôi thúc phải viết ra một thứ gì đó - cô thấy kết nối qua cảm xúc bức tức, phần nào giận dữ (chắc chỉ phần nào thôi nhỉ và hào hứng vì những gì cô sắp làm với Neal, để trả thù gã. Nhưng cuộc đời cô sắp dẫn thân vào có lẽ sẽ không cho cô một người nào để cô bức tức, hay nọ nần gì cô, hay được hưởng lợi hoặc bị trừng phạt, thậm chí chịu tác động thực sự từ những việc cô làm. Mọi cảm xúc của cô sẽ trở nên vô nghĩa với bất kỳ người

nào khác ngoài chính bản thân cô, dù những xúc cảm vẫn sẽ tích tụ bên trong cô, bóp nghẹt trái tim và hơi thở của cô.

Rốt cuộc, cô chẳng phải là loại người thiên hạ đổ xô đến chiêm ngưỡng. Nhưng cô vẫn là người kén cá chọn canh theo kiểu riêng của mình.

Cho tới tận khi cô đứng dậy và đi bộ về nhà, vẫn chẳng có chuyến xe buýt nào lai vãng tới.

Neal không có nhà. Gã đang đưa bọn nhóc trở lại trường, và khi gã về tới nhà, đã có lác đác vài người đi họp tới sớm. Cô kể cho gã những việc mình đã làm, sau khi bình tâm trở lại và có thể coi đó như một chuyện đùa. Thực ra, đã khá nhiều lần cô mang câu chuyện đó ra làm trò đùa trong đám bạn - chỉ chừa ra, hoặc kể lướt về nội dung những dòng bậy bạ cô đã đọc được trên vách.

“Thế anh có nghĩ đến chuyện đi tìm em không?” cô hỏi Neal.

“Tất nhiên. Chưa phải lúc thôi.”

* * *

Bác sĩ chuyên khoa ung thư có cung cách của một cha cố, lại còn mặc một cái áo cổ lọ màu đen bên dưới áo choàng trắng - một dấu hiệu gợi ý rằng ông mới trải qua một buổi lễ ban thuốc định toa. Da ông trẻ trung mịn màng - trông giống như viên kẹo caramel. Trên chòm đầu ông chỉ có một nhúm tóc đen mỏng manh, khá giống phần tóc còn sót lại của Jinny. Chỉ có điều tóc cô màu nâu xám, như lông chuột vậy. Thoạt tiên Jinny còn tự vấn không biết có phải ông vừa là bệnh nhân vừa là bác sĩ chẳng. Rồi, lại băn khoăn hay là ông chọn kiểu tóc này để bệnh nhân thấy thoải mái hơn. Chắc đó là tóc cấy. Hay cũng có thể là thứ mốt ông tự chọn cho mình.

Ta chẳng dám hỏi ông. Ông đến từ Syria hay Jordan hoặc một nước nào đó, nơi các bác sĩ luôn giữ vẻ nghiêm trang. Cung cách lịch sự của ông toát

ra vẻ lạnh lùng.

“Thế này,” ông nói. “Tôi không muốn gây ảo tưởng.”

Cô rời khỏi tòa nhà có điều hòa, bước ra ngoài trời nắng chói chang giữa buổi chiều muộn một ngày tháng Tám ở Ontario. Mặt trời lúc chiếu rất mặt, lúc lại ẩn sau những đám mây mỏng - nhưng lúc nào thì cũng nóng như nhau. Những chiếc xe đang đỗ, vỉa hè, tường gạch của những ngôi nhà xung quanh dường như đang chủ động tấn công cô, như những sự kiện riêng rẽ xuất hiện theo một trật tự kỳ quặc. Dạo này cô không thích nghi tốt với những thay đổi về ngoại cảnh, cô muốn mọi thứ phải quen thuộc và ổn định. Thay đổi về thông tin cũng vậy.

Cô nhìn thấy chiếc xe đón mình rời chỗ đậu ở lề đường, chạy xuôi phố về phía cô. Đó là một chiếc xe van sơn màu lam nhạt có nhũ trông muốn buồn nôn. Màu xanh nhạt đi ở những chỗ gỉ cũ bị sơn đè lên. Xe dán đầy đề can: *TÔI BIẾT MÌNH ĐANG LÁI MỘT ĐỒNG SẮT VỤN, NHƯNG HÃY ĐẾN XEM NHÀ TÔI*, rồi *HÃY VINH DANH MẸ - TRÁI ĐẤT*, và (đề can này mới được thêm vào) *DỪNG THUỐC TRỪ SÂU DIỆT TRỪ CỎ DẠI, GIA TĂNG UNG THU*.

Neal xuống xe, đi vòng ra để giúp cô.

“Cháu nó đang ở trong xe rồi,” gã nói. Trong giọng gã có nét hăm dọa, không rõ ngầm ý cảnh báo hay cầu khẩn. Quanh gã toát ra một vẻ sôi nổi, căng thẳng khiến Jinny nghĩ giờ không phải lúc thông báo cho gã biết tin của cô, nếu có thể gọi đó là “tin”. Khi có mặt người khác, dù chỉ một người, ngoài Jinny, cách xử sự của gã khác hẳn, gã trở nên hoạt bát hơn, hào hứng hơn, vồn vã hơn. Jinny không còn thấy phiền lòng vì điều đó nữa - họ đã chung sống với nhau hai mươi một năm rồi. Và chính cô cũng thay đổi - cô từng nghĩ đó là phản ứng tự nhiên - cô đã trở nên giữ kẽ hơn, có phần cay nghiệt. Một vỏ bọc nguy trang là điều cần thiết, hoặc chỉ là thói quen quá đà khó bỏ. Cũng như vẻ ngoài cổ lỗ sĩ của Neal - dải khăn sặc sỡ trên đầu, mái tóc rẽ tre màu muối tiêu buộc túm đuôi ngựa, chiếc khuyên tai vàng lấp lánh phụ họa với những viên răng vàng khắp hai hàng, và kiểu quần

lòng thùng bậm trợn.

Trong khi cô đang gặp bác sĩ, gã đã đi đón cái cô bé sẽ về đỡ dần cuộc sống của họ từ nay trở đi. Gã quen cô bé ở Trung tâm Giáo dưỡng Tội phạm Vị thành niên, nơi gã dạy học và cô bé làm việc cho bếp ăn. Trung tâm Giáo dưỡng nằm ngay ngoại ô thị trấn nơi họ sinh sống, cách thị trấn có bệnh viện này khoảng hai chục dặm. Cách đây mấy tháng cô bé đã bỏ việc ở nhà bếp để nhận một việc mới, làm giúp việc cho một gia đình chủ trang trại có người mẹ già ốm đau. Ở đâu đó không xa thị trấn lớn này. May mắn là đúng lúc này cô bé đang nhàn rỗi.

“Rồi bà lão làm sao?” Jinny từng hỏi. “Chết rồi à?”

Neal trả lời, “Bà ta phải nhập viện.”

“Thế thì cũng chả khác gì.”

Họ đã bắt đầu dĩ phải thực hiện nhiều sự điều chỉnh mang tính thực dụng trong một thời gian ngắn. Dọn khỏi phòng khách toàn bộ hồ sơ, báo và tạp chí có những bài báo, thông tin cần thiết chưa được lưu vào đĩa - những thứ đó trước đây chất tràn ngập các giá kệ cao tới tận trần nhà. Cả hai chiếc máy vi tính, cái máy chữ cổ lỗ, và máy in nữa. Tất cả những thứ đó phải tìm chỗ mới - chỉ tạm thời, dù không ai nói điều đó ra - ở nhà một người khác. Phòng khách sẽ trở thành phòng bệnh.

Jinny đã nói với Neal rằng gã có thể giữ lại, ít nhất là một chiếc máy vi tính để lắp trong phòng ngủ. Nhưng gã đã gạt đi. Dù gã không nói ra, nhưng cô hiểu, gã tin mình không có thời gian dành cho máy tính.

Suốt những năm cô chung sống với gã, Neal dành hầu hết thời gian rảnh rỗi tổ chức và thực hiện các chiến dịch vận động. Không phải toàn các chiến dịch vận động chính trị (dù cũng có) mà về các chiến dịch bảo tồn các ngôi nhà cổ, cây cầu cổ và nghĩa địa cổ, hay ngăn không cho đổ cây cả trên các phố của thị trấn lẫn trong những cụm rừng già còn sót lại, hay bảo vệ các con sông khỏi nguồn nước thải ô nhiễm, các mảnh đất ngon lành khỏi các nhà đầu tư phát triển và dân cư địa phương khỏi các sông bạc. Gã liên

tục viết đơn và thư kiến nghị, vận động các phòng ban chính quyền, phân phát băng rôn khẩu hiệu và tổ chức các cuộc biểu tình. Phòng khách của ngôi nhà là nơi chứng kiến các cơn phẫn nộ (Jinny nghĩ là như thế thì mọi người hả dạ được rất nhiều) và các cuộc bàn luận cũng như đề xuất kiểu ông chẳng bà chuộc, và cá tính bốc đồng đáng sợ của Neal. Giờ đây, căn phòng bỗng đột nhiên trống vắng, khiến cô nhớ lại lần đầu tiên bước chân vào ngôi nhà này, ngay sau khi chuyển khỏi tầng lửng với những bức rèm rủ nhà bố mẹ cô, và nghĩ về những giá kệ chất đầy sách, những bức màn gỗ ngoài cửa sổ và những tấm thảm Trung Đông đẹp đẽ mà cô không bao giờ nhớ nổi tên, trải trên sàn gỗ đánh véc ni. Bản in một tác phẩm của danh họa Canaletto cô mua để treo trong phòng ở hồi còn là sinh viên án ngữ một bức tường trống. Bức *Ngày hội Ngài Thị trưởng trên sông Thames*. Chính tay cô đã treo nó lên, nhưng sau đó không còn để ý đến nó nữa.

Hai người đã thuê một chiếc giường chuyên dụng từ bệnh viện - dù họ chưa cần đến nó, nhưng kiếm một chiếc ngay lúc đang sẵn có thì vẫn tốt hơn, vì giường loại này thường cung không đủ cầu. Neal đã tính đến mọi chuyện. Gã đã treo mấy tấm rèm nặng, được thả ra từ phòng khách nhà một người bạn. Mấy tấm rèm đó có họa tiết hình nhạc ngựa và vại uống bia, theo Jinny là rất xấu xí. Nhưng giờ cô biết, rồi sẽ đến lúc xấu hay đẹp cũng chỉ có một mục đích sử dụng tương tự nhau mà thôi, rồi sẽ đến lúc bất kỳ thứ gì mắt ta nhìn vào cũng chỉ là chỗ tạm treo những mảnh rối bời của tâm trí và cơ thể trong chốc lát.

Cô vừa bước sang tuổi bốn mươi hai, và luôn trông trẻ hơn tuổi rất nhiều, cho tới mãi gần đây. Neal già hơn cô mười sáu tuổi, nên cô từng nghĩ nếu mọi việc cứ theo dòng tự nhiên thì cô mới là người phải ở trong vị trí của gã hôm nay, và đôi lúc băn khoăn không biết mình sẽ xoay xở ra sao. Một lần khi cô nắm tay gã trên giường, trước khi họ chìm vào giấc ngủ, bàn tay gã ấm và hiện hữu, cô đã nghĩ mình sẽ nắm hay vuốt bàn tay này ít nhất là một lần khi gã lìa đời. Và cô không thể tin được điều đó. Rằng gã sẽ chết và không còn sinh khí. Dù có chuẩn bị trước tinh thần bao lâu chẳng nữa,

cô cũng không thể nào chấp nhận được sự thật này. Cô không thể tin được rằng, trong thâm tâm, gã chẳng có suy tư gì về thời điểm đó. Cứ nghĩ đến chuyện gã không suy nghĩ gì đến việc đó là cô như bị đưa đến trước một vực thẳm cảm xúc, một cảm giác rơi tự do đầy kinh hoàng.

Ấy thế nhưng... cũng đầy hứng khởi. Sự hào hứng không thể nói ra lời, khi cảm nhận được một thảm họa đang ập đến, hứa hẹn sẽ giải thoát ta khỏi tất cả mọi nghĩa vụ trong đời ta. Nhưng vì phải giữ thể diện, ta phải tỏ ra hết sức trật tự và nghiêm trang.

“Em định đi đâu thế?” gã đã hỏi như vậy, khi cô vừa thu tay về.

“Đi đâu đâu. Em chỉ trở mình thôi.”

Giờ đây khi việc này xảy đến với mình, cô không rõ Neal cũng có cảm giác giống vậy không. Cô đã có lần hỏi gã đã quen với ý nghĩ đó chưa. Gã lắc đầu.

Cô bèn nói, “Em cũng chưa?” Rồi cô tiếp, “Chỉ cần anh đừng đi gặp các ông bà Chuyên gia Tâm lý Tang gia. Chắc họ đã bu đầy xung quanh rồi. Chỉ chờ dịp tấn công phủ đầu.”

“Đừng giày vò anh thế,” gã nói với giọng tức giận hiếm thấy.

“Em xin lỗi.”

“Em không cần lúc nào cũng phải cố nhìn mọi chuyện ở góc độ nhẹ nhàng hơn.”

“Em biết,” cô nói. Nhưng thực tế là đã có quá nhiều chuyện đang xảy ra và những sự kiện trước mắt đã thu hết tâm trí cô, cô thấy gần như chẳng có độ lùi để nhìn sự việc ở bất cứ góc độ nào cả.

“Đây là Helen,” Neal nói. “Là người sẽ chăm sóc chúng ta từ nay trở đi. Nhưng cháu nó cũng không chấp nhận chuyện gì vô lý đâu.”

“Thế thì tốt cho con bé,” Jinny nói. Cô chìa tay ra, sau khi đã ngồi xuống ghế. Nhưng có lẽ cô bé không nhìn thấy bàn tay Jinny, vì cô đang ngồi lọt thỏm giữa hai ghế trước.

Cũng có thể cô bé không biết phải làm gì. Neal đã kể rằng cô bé vừa thoát khỏi một cảnh ngộ không thể tin được, một gia cảnh cực kỳ man dại. Thực tế đang diễn ra những việc ta không thể tin được ở thời đại này, vào lúc này mà còn có chuyện như vậy. Một trang trại biệt lập, người mẹ qua đời để lại một đứa con gái thiếu năng trí tuệ với một người cha già nua tàn bạo, loạn luân đến mất trí nhớ và hai đứa bé gái. Helen chính là đứa lớn hơn, đã chạy trốn được vào năm mười bốn tuổi sau khi đánh gục được lão già. Em được một người hàng xóm che chở và gọi điện báo cảnh sát. Cảnh sát đã tới giải cứu cho đứa em gái và đưa cả hai vào chương trình Bảo trợ Trẻ em. Lão già và cô con gái lão - tức là cha và mẹ của hai em - đều bị đưa vào bệnh viện Tâm thần. Hai chị em Helen lần lượt trải qua các gia đình cha mẹ nuôi và phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Chúng được cho đi học, nhưng đều thấy rất khổ sở vì phải bắt đầu từ lớp một. Rồi cả hai cũng học đủ để đi làm.

Khi Neal đã khởi động xong chiếc xe, Helen quyết định lên tiếng.

“Cô chú chọn đúng ngày nóng nực để ra đường,” nó nói. Chắc đó là câu nó nghe thấy những người khác nói khi bắt đầu câu chuyện. Nó có một chất giọng cứng cứng, đều đều mang vẻ chống đối và nghi ngờ, nhưng giờ thì Jinny đã biết, kể cả thế thì cũng không nên nghĩ con bé có ý gì. Đơn thuần chỉ là phong cách nói chuyện của nhiều người ở miền đất này - nhất là những người vùng nông thôn.

“Nếu cháu nóng thì cứ bật điều hòa lên,” Neal nói. “Xe này có điều hòa kiểu cổ điển - chỉ việc quay hết kính xuống.”

Tới ngã tư tiếp theo, Neal cho xe rẽ vào hướng Jinny không ngờ tới.

“Chúng ta phải đi qua bệnh viện,” Neal nói. “Không có gì phải lo. Em gái của Helen làm việc ở đó, và nó đang giữ mấy thứ Helen muốn ghé vào lấy. Phải không Helen?”

Helen đáp lại, “Vâng. Đôi giày tốt của cháu.”

“Đôi giày tốt của Helen.” Neal nhìn vào gương chiếu hậu. “Giày tốt của cô

Hồng Helen.”

“Tên cháu không phải là Hồng Helen,” Helen nói. Dường như đây không phải là lần đầu cô bé nói câu đó.

“Ta chỉ gọi cháu thế vì sắc mặt cháu hồng hào như thế mà,” Neal nói.

“Không có đâu.”

“Có đấy. Đúng không, Jinny? Đấy, cô Jinny đồng ý với chú rồi, cháu có sắc mặt hồng hào. Cô Helen Má Hồng.”

Cô bé quả thật có nước da hồng phớt. Jinny cũng đã kịp nhận thấy lông mi và lông mày của cô bé gần như bạc trắng, mái tóc màu vàng kim mềm như của trẻ sơ sinh, và cái miệng, có một vẻ trần trụi rất lạ, không chỉ kiểu trần trụi thông thường của đôi môi không đánh son. Cô bé có cái vẻ non nớt như con gà vừa chui từ trong vỏ trứng ra, như còn thiếu một lớp da nữa, hay lớp lông tơ cần phải thêm thời gian để cứng cáp hơn. Chắc chắn cô bé rất dễ bị mẩn ngứa hay viêm nhiễm, hơi chạm một tí là có thể để lại các vết bầm xước, hay bị nổi mụn quanh miệng và giữa đôi mi mắt trắng. Nhưng cô bé trông không hề yếu ớt. Đôi vai rộng, cô bé gầy nhưng có khung xương lớn. Trông cũng chẳng có vẻ gì ngốc nghếch, tuy có cách biểu lộ bộc trực như một con nai hay con bê vậy. Với cô bé, mọi thứ phải ngang bằng sổ thẳng, khiến có cảm giác như toàn bộ sự chú ý và cá tính của nó dồn hết vào người đối diện, với một vẻ ngây thơ, và - riêng với Jinny - một sức mạnh khó chấp nhận.

Họ đang ngược lên một con dốc dài để đến bệnh viện - chính và chỗ Jinny đã trải qua ca phẫu thuật và đợt hóa trị đầu tiên. Ngay phía bên kia đường, đối diện với bệnh viện có một nghĩa trang. Đây là trục đường chính, và mỗi khi hai người đi qua đây - trước đây họ chỉ đến thị trấn này để mua sắm, hay thỉnh thoảng đổi gió xem một suất phim - Jinny thường nói những câu kiểu như “Quang cảnh gì mà sâu đời thế” hay “Đây là ví dụ quá đáng về tính thuận tiện trong quy hoạch.”

Giờ thì cô chỉ im lặng. Cô không còn thấy phiền lòng về nghĩa trang nữa.

Cô nhận ra nó cũng chẳng đáng ngại.

Neal hẳn cũng nhận ra điều đó. Gã nói vào gương, “Đoán xem có bao nhiêu người chết trong nghĩa trang đó?”

Mất một lúc Helen chẳng nói năng gì. Rồi - hơi đột ngột - “Cháu không biết.”

“Trong nghĩa trang đó ai mà chẳng là người chết.”

“Cô cũng đã bị chú xô bằng trò đó,” Jinny nói. “Đó là trò đùa của học sinh lớp bốn.”

Helen không đáp lại. Có lẽ cô bé chưa từng học qua lớp bốn.

Họ lái xóc tới cổng chính của bệnh viện, rồi theo chỉ dẫn của Helen, vòng qua phía sau. Nhiều người mặc áo choàng bệnh viện, trong đó có những người kéo theo chai truyền dịch, ra ngoài để hút thuốc.

“Hai chú cháu có thấy cái ghế băng đằng kia không,” Jinny nói. “Chẳng sao, đằng nào chúng ta cũng đi qua mất rồi. Trên đó có cái biển đề *ĐỪNG HÚT THUỐC, XIN CẢM ƠN*. Nhưng người ta để cái ghế đó ra là để cho mọi người ngồi khi ra ngoài tòa nhà chứ. Và tại sao họ lại ra ngoài? Để hút thuốc. Thế mà lại cấm họ ngồi ở đó à? Thật không hiểu nổi.”

“Em gái Helen làm ở bộ phận giặt là,” Neal nói. “Nó tên gì, Helen? Tên em cháu là gì?”

“Lois,” Helen đáp. “Dừng ở đây. Được rồi. Ở đây.”

Họ đang ở trong một bãi đỗ xe đằng sau một chái nhà của bệnh viện. Chẳng có cái cửa ra vào nào ở tầng trệt, ngoài cửa kéo, đang đóng chặt. Ở ba tầng trên có cửa mở ra một cầu thang sắt thoát hiểm.

Helen xuống xe.

“Cháu biết đường vào chứ?” Neal hỏi.

“Dễ ợt.”

Cầu thang thoát hiểm cao cách mặt đất chừng mét hai, mét rưỡi, nhưng nó bám được vào tay vịn và đu người lên chỉ trong vài giây, có lẽ nhờ đập

được một chân vào hõm gạch nào đó trên tường. Jinny không thể lý giải nổi nó làm được việc đó như thế nào. Còn Neal thì cười phá lên.

“Tóm hết bọn chúng đi, cô gái,” gã nói.

“Không có đường nào khác à?” Jinny hỏi.

Helen đã chạy tới tầng ba và mất hút.

“Nếu có chắc nó đã đếch phải dùng cách đó,” Neal nói.

“Gan lì tướng quân,” Jinny cố nói.

“Nếu không nó đã chẳng trốn khỏi chỗ đó được”, gã nói. “Lúc đó nó cần đến toàn bộ sự gan lì trời cho.”

Jinny đang đội một chiếc mũ cói rộng vành. Cô cởi nó ra và bắt đầu quạt.

Neal nói, “Xin lỗi. Hình như chẳng có chỗ nào râm để anh đỗ xe vào. Chắc nó ra ngay thôi.”

“Em trông có bê bối quá không?” Jinny hỏi.

Gã đã quen với câu hỏi đó của cô. “Em ổn lắm. Mà cũng có ai ở quanh đây đâu.”

“Ông bác sĩ hôm nay em gặp không phải là ông lần trước. Em nghĩ ông này quan trọng hơn. Buồn cười một nỗi là ông ấy có kiểu tóc lơ thơ như của em. Chắc ông ấy để như vậy để bệnh nhân thấy dễ chịu.”

Cô định tiếp tục kể về những lời bác sĩ đã nói, nhưng gã cắt tiếng, “Cái đứa em gái này không sáng sủa bằng nó đâu. Helen vừa kiêu như chăm sóc, vừa bắt nạt nó. Cái vụ giày dép này - quá điển hình. Hình như em nó không có khả năng tự mua lấy giày cho mình hay sao ấy? Mà nó cũng chưa có chỗ ở riêng của mình nữa - vẫn phải sống với gia đình đang nuôi nó, đâu đó ngoài vùng quê.”

Jinny không tiếp lời nữa. Việc quạt mũ đã ngốn gần hết sức lực của cô. Gã ngẩng nhìn tòa nhà.

“Anh hy vọng ơn Chúa con bé không bị người ta gô cổ vì tội đột nhập,” gã nói. “Vi phạm luật. Luật sinh ra không phải dành cho những đối tượng như

con bé này.”

Vài phút sau gã bật lên tiếng huýt sáo.

“Cô bé ra đây rồi. Cô-bé-đang-ra. Nước rút những bước cuối cùng. Liệu-cô-có đủ khôn ngoan để dừng lại trước khi nhảy không? Có nhìn trước khi vọt xuống? Có-hay-không-có-hay... không. Không. Ối-trời-ôi.”

Helen không cầm đôi giày nào trên tay cả. Nó nhảy lên xe và sập cửa đánh rầm rồi nói, “Một lũ ngốc. Đầu tiên cháu lên đó và cái lão khỉ gió ấy chặn đường. Biển tên đâu? Phải đeo biển tên. Không ai được vào đây mà không có biển tên. Tôi nhìn thấy cô lên đây từ lối thang thoát hiểm, cô không làm thế được. Biết rồi, biết rồi, nhưng cháu cần gặp em cháu. Bây giờ thì không gặp được vì không phải giờ nghỉ của nó. Cháu biết mà, thế cháu mới phải vào bằng thang thoát hiểm vì cháu chỉ cần mấy mấy thứ thôi. Cháu không muốn nói chuyện với nó, cũng không muốn làm mất thì giờ của nó, cháu chỉ muốn lấy mấy thứ thôi. Thế không được. Được chứ. Không thể được. Rồi cháu bắt đầu gọi to Lois. Lois. Với đủ các thứ máy móc đang chạy, ở trong chỗ đó phải nóng tới sáu chục độ C, ai cũng mồ hôi mồ kê mướt mát, bận rộn việc nọ việc kia. Nhưng cháu kệ. Cứ Lois, Lois chẳng cần biết nó ở đâu hay có nghe thấy không. Nhưng rồi nó chạy ào ra, vì vừa nhìn thấy cháu là nó... Chết cha. Chết cha, nó nói, em đi mà quên mất. Nó quên mang giày trả cháu. Tối qua cháu đã gọi điện nhắc nó, thế mà đến lúc đó nó lại cứ, ối, chết cha, nó quên. Đúng ra cháu có thể tấn cho nó một trận. Giờ cô đi ra ngay, lão kia nói. Đi xuống đường cầu thang và ra khỏi cửa. Không được dùng thang thoát hiểm vì như thế là phạm luật. Tổ sư nhà lão.”

Neal vừa cười ngặt nghẽo vừa lắc đầu.

“Thế nó quên thật à? Không mang giày đến cho cháu?”

“Quên ở nhà cô June chú Matt?”

“Thật là bi kịch.”

Jinny nói, “Giờ mình chạy xe cho có gió chút được chưa nhỉ? Quạt tay mãi cũng chả ăn thua.”

“Được ngay,” Neal nói. Gã lùi xe và quay đầu, một lần nữa lại chạy qua cổng trước quen thuộc của bệnh viện, cũng vẫn thấy những người đang đứng hút thuốc, có cả những khuôn mặt họ đã gặp khi tới lần những kẻ mới nhập bọn, trông thật ảm đạm trong đồng phục bệnh viện và chai truyền dịch.

“Helen phải chỉ cho chúng ta chỗ cần đến thôi.” Gã gọi với xuống ghế sau, “Helen?”

“Gì cơ?”

“Từ đây chúng ta rẽ ngã nào thì tới nhà họ?”

“Họ nào cơ?”

“Nơi em cháu ở. Nơi có giày của cháu. Chỉ đường để chúng ta đến đó đi.”

“Chúng ta không đi đến đó. Cháu chẳng chỉ đường đâu.”

Neal đi ngược lại con đường cũ.

“Chú cứ đi lối này cho đến khi nào cháu nhớ ra đường. Nếu đi ra đường cao tốc thì có tiện hơn không? Hay cứ đi vào trung tâm thị trấn? Bắt đầu từ chỗ nào?”

“Chẳng bắt đầu từ đâu cả. Chẳng đi đâu hết.”

“Chỗ đó không xa mấy, phải không nào? Tại sao chúng ta không đi chứ?”

“Chú giúp cháu một lần là đủ rồi.” Helen ngồi vươn lên đằng trước hết tâm, thò đầu ra giữa ghế lái của Neal và ghế phụ của Jinny. “Chú đã đưa cháu đến bệnh viện, thế là đủ rồi phải không nào? Chú không phải lái loanh quanh chỉ để giúp cháu.”

Xe chạy chậm lại, rồi rẽ vào một phố nhánh.

“Ngốc thật,” Neal nói. “Cháu sắp phải đi xa cả ba chục cây và cũng khá lâu nữa mới quay lại đây. Cháu cần mang theo đôi giày đó chứ?”

Không có tiếng đáp lại.

Gã cố thêm, “Hay là cháu không thuộc đường? Cháu không biết đường từ đây đến chỗ đó à?”

“Cháu biết, nhưng cháu không nói đâu.”

“Thế thì chúng ta cứ phải đi lòng vòng vậy. Đi vòng quanh cho đến khi cháu muốn chỉ đường.”

“Cháu chẳng muốn. Cháu không chỉ.”

“Chúng ta có thể quay lại bệnh viện gặp em cháu. Chú cá là nó sẽ chỉ đường. Chắc đến giờ nó tan ca rồi, và chúng ta có thể chở nó về nhà luôn.”

“Hôm nay nó làm ca chiều cơ, ê, ê...”

Họ đang đi ở một khu trong thị trấn mà Jinny chưa thấy bao giờ. Xe chạy rất chậm và rẽ phải rẽ trái liên tục nên chẳng có bao nhiêu gió vào được bên trong xe. Một nhà máy đã niêm phong, các cửa hàng bán đồ giảm giá, cửa hàng cầm đồ với một biển hiệu đèn nhấp nháy dòng chữ *TIỀN, TIỀN, TIỀN MẶT* gắn trên các cửa sổ gắn song sắt. Nhưng cũng có nhà cửa, những căn nhà cũ kỹ tồi tàn, và một kiểu nhà gỗ đơn được dựng lên cấp tốc trong Thế chiến thứ hai. Một khoảng sân nhỏ chất đầy các thứ đồ thanh lý - quần áo treo trên dây, mấy cái bàn chất đầy bát đĩa và đồ gia dụng. Một con chó chúi mũi đánh hơi quanh gầm một cái bàn, suýt húc đổ cả bàn nhưng người phụ nữ ngồi trên bậc thềm, vừa hút thuốc vừa nhìn cảnh vắng khách, chẳng có vẻ gì là bận tâm cả.

Bên ngoài một cửa hàng ở góc phố, mấy đứa trẻ đang mút kem. Một thằng bé đứng ngoài cùng trong bọn - chắc chỉ khoảng bốn năm tuổi - ném cây kem mút về phía chiếc xe họ. Cú ném mạnh không ngờ. Cây kem đập vào cửa xe phía Jinny ngay dưới chỗ cô để tay khiến cô bật lên tiếng kêu khê.

Helen thò đầu ra ngoài cửa kính ghế sau.

“Thằng kia, muốn bó bột tay à?”

Thằng bé bật lên tiếng tru. Nó không dám đôi co với Helen, chắc cũng không dám đôi co về chuyện cây kem đã mất.

Quay vào trong xe, Helen nói với Neal. “Chú chỉ làm tổn xằng thôi.”

“Ở phía Bắc thị trấn?” Neal nói. “Hay phía Nam Đông Tây Nam Bắc, Helen nói cho chắc.”

“Cháu nói rồi. Hôm nay chú đã làm xong việc cho cháu.”

“Và chú nói rồi. Chúng ta sẽ đi lấy giày cho cháu trước khi về nhà.”

Dù giọng gã có nghiêm đến mấy, Neal vẫn tươi cười. Khuôn mặt gã biểu lộ một sự ngờ nghệch cố ý mà vẫn tự nhiên. Dấu hiệu của một niềm vui đang xâm lấn. Xâm chiếm cả thể chất lẫn tâm hồn Neal. Gã rạng rỡ một niềm vui ngờ nghệch.

“Chú ương bướng quá,” Helen nói.

“Rồi cháu sẽ thấy bướng đến mức nào.”

“Cháu cũng thế. Cháu cũng cứng đầu không kém đâu.”

Dường như Jinny cảm nhận được hơi nóng từ cặp má của Helen, giờ đang ở rất gần mặt cô. Đương nhiên cô nghe rõ tiếng thở của nó, hơi nặng và gấp có lẽ do đang phấn khích, điểm những tiếng khò khè di chứng của bệnh hen. Sự hiện diện của Helen trong xe có thể so sánh với một con mèo nhà, không nên mang nó lên bất kỳ một chiếc xe ô tô nào vì quá dễ kích động, không thể cư xử đúng mực, mà cũng quá thông minh nên chẳng thể nhảy phắt từ ghế này sang ghế khác.

Nắng lại như thiêu như đốt xuyên qua cả mây. Mặt trời vẫn chiếu chói chang chưa chịu ngả bóng.

Neal ngoặt xe vào một con phố có hàng cây cổ thụ với những ngôi nhà khả dĩ hơn.

“Ở đây tốt hơn không?” gã hỏi Jinny. “Thêm bóng râm cho em đó?” Giọng gã hạ giọng xuống và có vẻ riêng tư, ý như có thể tạm thời gạt bỏ chuyện đôi co với cô bé, suy cho cùng cũng nhảm nhí thôi mà.

“Đi vào con đường thật đẹp,” gã nói, hướng xuống phía ghế sau. “Hôm nay ta được đi vào con đường thật đẹp nhờ cô Helen Má Hồng.”

“Có lẽ chúng ta nên đi thẳng luôn,” Jinny nói. “Đi luôn về nhà đi.”

Helen xen ngay vào, nói gần như quát. “Cháu đâu có ngăn cản ai về nhà.”

“Thế thì cháu phải chỉ đường cho chú,” Neal nói. Gã cố ghìm giọng để có vẻ nghiêm túc. Và cũng để nén nụ cười, cứ luôn xen vào bất chấp nỗ lực thường xuyên của gã cố nuốt vào trong. “Thôi, đi đến chỗ đó cho xong việc rồi chúng ta về nhà nào.”

Đi thêm được chừng nửa con phố với tốc độ rùa bò nữa thì Helen rên lên.

“Chắc phải làm việc cần làm thôi,” nó nói.

Họ không phải đi xa lắm. Qua một khu khác, rồi Neal lại nói với Jinny, “Chẳng thấy khe suối nào. Cũng chẳng có điền trang nào.”

Jinny hỏi, “Gì cơ?”

“*Điền trang khe suối bạc*. Trên biển đề thế.”

Chắc gã đọc được từ một biển chỉ dẫn mà cô không nhìn thấy.

“Rẽ,” Helen nói.

“Phải hay trái?”

“Ở chỗ đồng rác.”

Họ đi qua một bãi chứa đồ thải, có những xác xe ô tô cũ nhô cao khỏi hàng rào chắn bằng những tấm tôn xập xệ. Rồi đi lên một ngọn đồi qua mấy cánh cổng tới một bãi sỏi, là nơi phong quang nhất ở ngay giữa ngọn đồi.

“Nhà họ ở đó. Hộp thư của họ ngay trước mặt kia,” Helen nói với vẻ trịnh trọng nhất định, và khi họ tới gần hơn, cô đọc to tên chủ nhà.

“Matt và June Bergson. Đúng họ rồi.”

Hai con chó xổ ra sủa dọc lối đi ngắn dẫn vào nhà. Một con to lớn màu đen, con kia nhỏ màu lông bò trông như còn non vậy. Chúng chạy nhặng lên quanh bánh xe khiến Neal phải nhấn còi. Rồi một con khác - con này trông gian và lì hơn, với bộ lông đốm khoang bóng mượt - chui ra từ đám cỏ cao.

Helen quát lũ chó im, nằm xuống và biến đi.

“Không cần để ý lũ này, trừ con Pinto,” cô bé nói. “Hai con kia thì nhất như cáy.”

Họ dừng lại một chỗ khá rộng, trống trải có rải sỏi. Một bên là nhà kho hay lán chứa dụng cụ gì đó, lợp tôn, cạnh đó, ngay sát bờ một ruộng ngô là một căn nhà trang trại cũ bỏ hoang, tường gạch đã bị dỡ gần hết để lộ những vách gỗ đen đúa. Chỗ đang dừng để ở là một cái nhà di động đã được tân trang đẹp đẽ với tiền sảnh và mái, và một vườn hoa bên trong hàng rào xinh xinh như đồ chơi. Căn nhà di động và vườn tược trông khá chỉn chu tươi tắn, mọi chỗ còn lại ở khu đất thì rải rác đầy những thứ không rõ được đặt ở đó có mục đích hay chỉ vứt ra cho mục nát đi.

Helen đã nhảy xuống xe và đang tìm cách xích lũ chó lại. Nhưng chúng liên tục chạy thoát và nhảy xổ lại sửa vào xe, mãi cho đến khi một người đàn ông chui từ cái lán ra và quát chúng. Jinny không nghe rõ ông ta quát chúng những gì và gọi tên chúng như thế nào, nhưng lũ chó im bật ngay.

Jinny đội mũ lại. Suốt từ nãy tới giờ cô cứ cầm mũ trên tay.

“Chúng cứ phải điên thế ấy mà.” Helen nói.

Neal cũng đã rời xe và đang cố thương lượng với lũ chó với một vẻ dứt khoát. Người đàn ông rời lán tiến về phía họ. Ông ta mặc một chiếc áo phông tím đậm mồ hôi, dính chặt vào bụng và ngực. Ông ta béo đến nỗi có ngực và người ngoài có thể nhìn lấy rốn ông ta lòi ra như rốn bà chữa, cứ nhấp nhô tràn bụng như viên bi ve khổng lồ.

Neal tiến lại phía ông ta, chìa tay ra. Người đàn ông chùi tay vào quần bảo hộ, cười lớn và bắt tay Neal. Jinny không nghe được họ nói những gì. Một người phụ nữ ra khỏi căn nhà di động và mở cánh cổng đồ chơi, còn gài chốt lại sau khi đã ra ngoài.

“Lois đi làm mà quên mang giày cho cháu.” Helen nói với về phía bà ta. “Cháu đã gọi điện dặn dò đủ thứ, thế mà lúc đi làm nó vẫn quên, nên chú Lockyer đưa cháu đến lấy.”

Bà ta cũng rất béo tuy không đến nỗi như ông chồng. Bà ta mặc một cái váy hoa dài kiểu Hawaii màu hồng với họa tiết mặt trời Aztec, tóc bà ta điểm xuyết những lọn vàng. Bà ta vượt qua bãi sỏi với vẻ bình thản và xởi lởi. Neal quay ra và tự giới thiệu, sau đó đưa bà ta lại chỗ chiếc xe để giới thiệu Jinny.

“Rất vui được gặp cô chú,” bà ta nói. “Cô không được khỏe lắm nên phải tìm người giúp việc phải không?”

“Tôi vẫn ổn,” Jinny nói.

“Ừ, giờ đã đến đây rồi thì nên vào nhà đi. Vào nhà cho đỡ nóng.”

“Ồ, chúng tôi chỉ ghé qua thôi,” Neal nói.

Người đàn ông đã đến sát bên. “Chúng tôi có điều hòa trong nhà,” ông ta nói. Ông ta vừa nói vừa ngắm soi bên trong chiếc xe van, mặt biểu lộ vẻ vừa thương hại vừa thông cảm.

“Chúng tôi chỉ ghé lấy giày thôi,” Jinny nói.

“Giờ các bạn đã tới nơi rồi thì phải làm được hơn thế chứ,” người đàn bà - tên June - nói và cười phá lên như thể ý định không vào nhà của họ là một trò đùa lố bịch. “Vào nhà đi, nghỉ ngơi chút cho hồi sức.”

“Chúng tôi không muốn làm phiền bữa tối của gia đình,” Neal nói.

“Chúng tôi ăn xong rồi,” ông Matt nói. “Chúng tôi ăn tối sớm lắm?”

“Nhưng còn rất nhiều bò xay xốt ớt.” Bà June nói. “Các bạn phải vào xử lý giúp món đó với.”

Jinny đáp, “Cảm ơn chị. Nhưng tôi nghĩ mình chẳng ăn được gì đâu. Khi trời nóng bức thế này tôi chả muốn ăn gì cả.”

“Thế thì cô phải uống chút gì vậy,” June nói. “Chúng tôi có soda gừng, Coca. Chúng tôi có cả rượu đào.”

“Bia nhé,” Matt nói với Neal. “Cậu muốn làm một chai Blue không?”

Jinny vẫy Neal lại gần chỗ cô ngồi lên xe.

“Em không vào được,” cô nói. “Hãy nói với họ em không thể.”

“Em biết làm thế là họ phật ý mà,” gã thì thầm. “Họ đang cố thể hiện lòng mến khách.”

“Nhưng em không thể. Hay là anh đi thôi.”

Gã cúi xuống sát hơn. “Em biết mình không vào thì họ sẽ nghĩ thế nào. Trông sẽ có vẻ như em tự cho rằng họ không xứng với mình.”

“Thôi anh vào đi.”

“Cứ vào trong nhà là em sẽ khá hơn mà. Điều hòa mát sẽ làm em dễ chịu ngay.”

Jinny lắc đầu.

Neal đứng thẳng người lên và nói.

“Jinny muốn nghỉ ngơi ngoài này vì ở đây có bóng râm.”

June nói, “Nhưng cô ấy cứ vào trong nhà nghỉ cũng được mà...”

“Thật tình tôi muốn làm một chai Blue,” Neal nói. Gã quay lại nhìn Jinny với nụ cười nặng nề. Cô thấy gã có vẻ vừa buồn bã vừa tức giận. “Em có chắc mình sẽ ổn không?” gã nói cho những người khác nghe thấy. “Chắc hả? Anh đi và nhà một chút không sao chứ?”

“Em sẽ ổn thôi,” Jinny nói.

Gã khoác một tay lên vai Helen và tay kia lên vai June, vui vẻ cùng họ tiến lại phía căn nhà di động. Matt nở nụ cười khó hiểu với Jinny rồi bước theo ba người.

Lần này, khi ông ta gọi lũ chó đi theo thì Jinny nghe rõ được tên từng con.

Goober. Sally. Pinto.

Chiếc xe đậu dưới một rừng liễu, toàn những cây to đã già nhưng lá quá thưa nên không tròn bóng. Dù sao thì được yên tĩnh một mình cũng khiến Jinny thấy nhẹ nhõm hẳn.

Sáng nay, khi đi trên đường cao tốc từ thị trấn nơi họ sống, họ đã dừng lại ở một quầy ven đường mua vài trái táo đầu mùa. Jinny lấy ra một trái từ

chiếc túi để dưới chân cô và cắn một miếng nhỏ, chủ yếu để thử xem cô có còn cảm nhận được mùi vị, và có đủ sức nuốt trôi miếng táo xuống dạ dày mà không nôn ra không. Cô cắn cái gì đó để chống lại cảm giác khi nghĩ đến món bò xốt ớt và cái rốn lồi quá khổ của Matt.

Cũng ổn. Quả táo giòn và ròn rọt nhưng không quá chua, nếu cô cắn từng miếng nhỏ và nhai cẩn thận, chắc cũng xoay xở hết được.

Cô từng chứng kiến Neal xử sự kiểu này - hay gần giống như thế này - đã vài lần rồi. Với một thằng nhóc nào đó ở trường gã. Kiểu nhắc đến cái tên ấy một cách suồng sã, thậm chí trịch thượng. Kiểu nhìn giả lả, kiểu cười hì hì về biết lỗi nhưng có nét bất cần.

Nhưng cô không bao giờ phải chứa chấp người ấy ở nhà mình, nên chẳng bao giờ nảy sinh chuyện gì được. Hết giờ gặp gỡ thằng nhóc đó là ai về chỗ nấy. Nên lần này chắc cũng qua đi thôi. Chẳng nên phiền lòng.

Nhưng cô vẫn băn khoăn nếu việc này xảy ra ngày hôm qua thì có nhẹ nhàng hơn hôm nay không.

Cô xuống xe, vẫn để cửa mở để bám được vào tay nắm bên trong. Mọi thứ bên ngoài xe đều nóng quá, không thể bám vào được dù chỉ trong chốc lát. Cô phải thử xem mình có tự đứng vững được không đã. Rồi cô dò bước trong bóng râm. Lác đác vài nhành liễu đã chuyển vàng. Vài cọng lá đã rụng xuống gốc. Từ trong bóng râm cô bắt đầu quan sát mọi thứ xung quanh sân.

Một chiếc xe chở hàng méo mó, đã mất cả hai đèn pha và hàng chữ bên sườn bị sườn dè lên. Một chiếc xe nô đùa đã bị lũ chó cắn rồi ghế ra, một đồng cùi làm chất đốt đổ bừa ra chưa được xếp lại, một chồng lốp xe cỡ lớn, vô vàn bình nhựa và vài can dầu cùng những tấm gỗ xe cũ và mấy tấm bạt màu da cam xiêu vẹo bên cạnh vách lán dụng cụ. Trong lán một xe tải GM hạng nặng, và một xe tải nhỏ hiệu Mazda đã te tua, cùng một chiếc máy kéo cỡ nhỏ, với các dụng cụ còn nguyên vẹn hay đã hỏng hóc và mấy bánh lái, tay cầm, thanh trục rồi còn hữu dụng hay vô dụng tùy theo trí tưởng tượng về công dụng. Sao người ta lại có thể chuốc vào thân nhiều thứ đến thế.

Cũng như cô đã phải quản lý đồng hình ảnh, công văn, biên bản, bài báo, hàng ngàn hạng mục do cô tự nghĩ ra cách phân loại và lưu vào đĩa, cho đến khi cô phải bắt đầu đợt hóa trị và rồi mọi thứ bị mang đi. Chắc rồi cuộc đời chúng cũng bị vứt bỏ thôi. Tất cả những thứ này chắc cũng chung số phận ấy, một khi Matt chết đi.

Ruộng ngô chính là nơi cô muốn tới. Những cây ngô cao quá đầu cô, có khi quá cả đầu Neal - cô muốn chui vào trong bóng râm của chúng. Cô băng ngang qua sân với duy nhất một nghĩ đó trong đầu. Ớn Chúa, lũ chó chắc đã bị bắt vào trong nhà.

Không có rào chắn ruộng. Các luống ngô cứ lan bừa lên cả sân. Cô thẳng bước về phía đó, tới rãnh hẹp giữa hai luống. Những tàu lá đập vào mặt, vào tay cô như những dải cờ bằng vải chống thấm. Cô phải bỏ mũ ra cầm ở tay cho khỏi bị lật. Mỗi thân ngô đều có bắp, trông như đứa trẻ sơ sinh trong tã quần. Không gian đặc quánh mùi cây cỏ sinh sôi, mùi tinh bột xanh, mùi nhựa cây tươi khiến cô hơi váng vất.

Một việc cô định làm, sau khi đi được tới đây, là ngã lưng nằm xuống. Nằm xuống dưới bóng râm của những tàu lá dày đặc này cho đến khi nghe thấy tiếng Neal gọi thì mới ra. Có khi lâu hơn. Nhưng những luống ngô quá dày, ken sát nhau nên không cô không nằm lọt, hơn nữa đầu óc cô đang bận nghĩ việc khác nên không muốn cố tìm giải pháp. Cô đang giận sôi lên.

Không phải vì một việc mới xảy ra gần đây. Cô hồi tưởng lại một buổi tối trong phòng khách - hay còn gọi là phòng họp ở nhà cô, có một nhóm người ngồi chơi những trò chơi tâm lý khá nặng đô. Một trò trong số đó có mục đích làm cho người chơi trở nên trung thực hơn và cứng rắn hơn. Người chơi phải nói ra ý nghĩ của mình khi lần lượt nhìn và từng người xung quanh. Và một phụ nữ tóc bạch kim tên là Addie Norton, một người bạn của Neal, nói, "Tôi không hề muốn nói ra điều này, Jinny, nhưng mỗi khi nhìn cô, ý nghĩ duy nhất của tôi chỉ là, bà Neal tốt bụng."

Jinny không nhớ lúc đó cô phản ứng ra sao. Hình như luật chơi không

buộc người bị nhận xét đưa ra phản hồi thì phải. Nhưng lúc này đây, cô nghĩ, mình sẽ nói, sao chị lại nói không hề muốn nói ra điều đó? Chị không nhận ra được là mỗi khi ai đó nói mình không hề muốn nói điều gì ra thì thực ra là họ rất muốn nói ra điều đó à? Chị không nghĩ được rằng nếu chúng ta đang muốn trung thực, thì ít nhất hãy bắt đầu với việc thừa nhận thực tế đó sao?

Đây không phải là lần đầu cô đưa ra phản hồi tưởng tượng trong óc mình. Và tưởng tượng đến cảnh chỉ ra cho Neal thấy trò chơi này lộ bịch ra sao. Vì khi đến lượt Addie, có ai dám nói điều gì méch lòng bà ta không?Ồ, không đời nào. “Nhiệt tình, là lời nhận xét của họ, hay “Trung thực như một gáo nước lạnh?” Họ quá sợ bà ta, thế đấy.

Rồi giờ đây cô hét to lên, “Gáo nước lạnh” bằng một giọng tức giận đến the thé.

Tất nhiên, những người khác có nói những điều tử tế hơn về cô. “Em bé trong sáng” hay “Đức Mẹ Madonna bên dòng suối.” Cô tình cờ biết được tất cả những người nói ra nhận xét đó thực ra đều muốn nói “Manon bên dòng suối”^[6] nhưng cô không đưa ra lời cải chính nào. Cô thấy rất bực bội vì phải ngồi đó mà nghe ý kiến của những người khác về mình. Ai cũng nói sai bét. Cô chẳng hề e thẹn hay ngoan ngoãn hay tự nhiên hay thuần khiết.

Tất nhiên, khi ta chết đi, những nhận định sai lầm đó là tất cả những gì còn lại.

Trong khi đang miên man với những ý nghĩ đó trong đầu, cô đã làm một việc dễ làm nhất trong ruộng ngô - đi lạc. Cô đã bước qua một luống, rồi một luống nữa, rồi chắc bị mất phương hướng. Cô cố trở lại lối cũ vừa đi nhưng rõ ràng là bị sai hướng. Mặt trời lúc đó lại đang khuất trong mây nên cô không biết đâu là hướng Tây. Mà cô cũng chẳng biết sau khi vào luống ngô thì mình đi về hướng nào nên nhìn mặt trời cũng chẳng giúp được gì. Cô đứng im và lắng nghe, nhưng chỉ thấy tiếng lá ngô rì rào và tiếng xe cộ ở đâu đó xa xăm.

Tim cô đập nhanh y như trái tim một người khỏe mạnh sẽ còn một quãng đời dài nhiều năm trước mắt.

Rồi một cánh cửa bật mở, cô nghe tiếng chó sủa và tiếng Matt quát rồi tiếng cửa đóng sập lại. Cô chen vội qua những thân và lá, đi về hướng đó. Và hóa ra cô chẳng đi xa mấy. Suốt lúc trước cô chỉ loanh quanh ở một góc nhỏ của ruộng ngô.

Matt đưa tay vẫy cô và nạt mấy con chó.

“Đừng dọn chúng, đừng dọn,” ông ta gọi cô. Cũng như cô, ông ta đang tiến lại chiếc xe, chỉ có điều từ một hướng khác. Khi họ đến gần nhau hơn, ông ta nói với một giọng thấp hơn, có lẽ thân mật hơn.

“Đáng ra cô cứ đến gõ cửa chứ.”

Thì ra ông ta nghĩ cô vào ruộng ngô đi giải.

“Tôi vừa bảo chồng cô để tôi ra xem cô ổn cả không.”

Jinny nói, “Cảm ơn ông. Tôi vẫn ổn.” Cô vào trong xe nhưng vẫn để cửa mở. Ông ta chắc sẽ thấy bị xúc phạm nếu cô đóng cửa. Mà cô cũng thấy mình không còn sức nữa.

“Chú ấy quả thật đói bụng, ăn món bò xốt ớt rất nhiệt tình.”

Ông ta đang nói về ai vậy? Neal.

Cô thấy mình hơi run và toát mồ hôi, đầu ong ong như có một sợi dây căng giữa hai tai.

“Nếu cô muốn ăn tôi sẽ mang ra cho cô một ít.”

Cô lắc đầu, mỉm cười. Ông ta giơ chai bia đang cầm ở tay lên - hình như ra dấu chào cô.

“Uống chút gì nhé?”

Cô lại lắc đầu, vẫn mỉm cười.

“Chút nước thôi cũng không được? Nước ở đây tốt lắm.”

“Không, cảm ơn.”

Nếu cô quay mặt lại và nhìn thấy cái rốn lồi dưới tấm áo tím của ông ta, cô sẽ ghệt thở mất.

“Cô biết không, có một tay này,” ông ta nói với một giọng khác hẳn. Thoải mái hơn, xen tiếng khúc khích. “Có một tay đi ra khỏi nhà và cầm theo một hũ xốt củ cải ngựa trên tay. Thế là ông bố hấn liền hỏi, ‘Con mang củ cải ngựa đi đâu đấy?’

‘À, con đi kiếm một con ngựa,’ hấn nói.

‘Dùng củ cải ngựa thì mày không kiếm được con nghêu nào đâu.’

Đến sáng hôm sau, có con ngựa đẹp nhất ta chỉ ước được trông thấy. Ngó con ngựa của con. Rồi hấn cho nó vào chuồng.

Tôi không muốn gây ảo tưởng. Chúng ta không nên để tính lẠc quan làm lẠc hướng. Nhưng dường như ta đang có những kết quả ngoài sự mong đợi.

Hôm sau ông bố lại thấy hấn ra khỏi nhà. Nách kÉp một cuộn băng dính vít. ‘Giờ mày đi đâu?’

‘À, con nghe mẹ nói muốn có một con vịt ngon để nấu bữa tối.’

‘Đồ ngốc, đừng có nghĩ là mày dùng băng dính vít để bắt vịt đấy chứ?’

‘Cứ chờ xem.’

Sáng hôm sau, hấn cắp nách về một con vịt vừa ngon vừa béo.

Trông có vẻ như đã thu nhỏ đáng kể. Tất nhiên đó là điều chúng tôi hy vọng nhưng thực lòng mà nói chúng tôi không mong đợi sẽ xảy ra. Và tôi không muốn nói rằng trận chiến đã kết thúc, nhưng đây là một dấu hiệu khả quan.

Ông bố không biết nói gì. Còn biết nói gì nữa.

Đêm hôm sau, ngay đêm hôm sau, thấy thằng con trai đi ra ngoài tay cầm một bó cành cây.

Một dấu hiệu rất khả quan. Chúng tôi chưa biết được trong tương lai sẽ còn những khó khăn gì nữa nhưng tôi có thể nói chúng tôi đang lẠc quan một cách thận trọng.

‘Mày đang cầm cành cây gì trên tay thế?’

‘Mấy cành liễu bướm^[7] ấy mà.’

‘Được rồi,’ ông bố nói. ‘Mày chờ một phút. Chờ tao một phút tao đi lấy mũ rồi cho tao theo với!’”

“Thật là quá quắt.” Jinny nói thành tiếng.

Thực ra cô đang nói với ông bác sĩ trong đầu mình.

“Gì cơ?” Matt nói. Một vẻ lo lắng và ngơ ngác trườn lên khuôn mặt ông ta, ngay khi vẫn đang còn cười khúc khích. “Có làm sao không?”

Jinny lắc đầu, bụm chặt bàn tay lên miệng.

“Chỉ là chuyện cười thôi mà,” ông ta nói. “Tôi không hề có ý định xúc phạm cô.”

Jinny nói, “Không, không. Tôi... Không.”

“Không sao, tôi đi vào nhà đây. Tôi đi vào ngay không làm phiền cô thậm chí một giây nào nữa.” Và ông ta quay ngoắt đi, quên cả gọi lũ chó.

Cô chưa từng nói điều gì như thế với bác sĩ. Mà sao phải nói? Ông ta có lỗi gì đâu. Nhưng điều đó cũng đúng mà. Thật là quá quắt. Những lời ông ta nói làm mọi chuyện nặng nề hơn. Nó khiến cô phải lặp lại đợt điều trị từ đầu năm nay. Nó tước đi một thứ tự do dù chỉ ở cấp thấp. Một màng bảo vệ mỏng manh, mà cô thậm chí chưa từng biết rằng nó có ở đó, đã bị bóc đi, để cô trơ ra.

Ý nghĩ của Matt rằng cô đã vào ruộng ngô để đi giải khiến cô nhận ra rằng mình đang thực sự muốn đi. Cô rời xe, thận trọng đặt hai chân xuống đất, giạng chân và vén chiếc váy cotton rộng đang mặc. Cô đã chọn mặc váy rộng và không mặc quần lót từ đầu mùa hè này, vì cô không còn tuyệt đối kiểm soát được bàng quang của mình nữa.

Một dòng nước đục chảy từ người cô xuống sân sỏi. Mặt trời đang lặn, buổi tối đang đến. Một bầu trời quang quẻ trên đầu cô, những đám mây đã tan hết.

Một con chó trong đàn sủa mừng rỡ, báo hiệu có người đang đến, nhưng là người quen. Chúng không đến quấy rầy cô khi cô xuống xe - chắc chúng cũng đã quen với cô. Chúng chạy ra đón người đang tới, với thái độ không có gì là cảnh giác hay kích động.

Đó là một cậu trai, hay một thanh niên, đang đi xe đạp. Cậu ta lượn tới chỗ chiếc xe đang đỗ và Jinny đi vòng ra để chào, một tay vẫn phải vịn vào thanh nắm cửa bằng kim loại, giờ đã nguội bớt nhưng vẫn còn ấm. Cô không muốn khi cậu ta cất tiếng thì hai người đứng đối diện nhau qua vũng nước cô vừa xả ra. Và cũng có lẽ đánh lạc hướng cậu ta khỏi nhìn xuống đất để thấy thứ đó, cô lên tiếng trước.

Cô nói, “Xin chào... cậu đến giao hàng gì à?”

Cậu ta bật cười, nhảy khỏi chiếc xe và thả nó đổ xuống đất, tất cả chỉ trong một động tác.

“Nhà tôi ở đây,” cậu ta nói. “Tôi vừa đi làm về.”

Cô nghĩ cô nên giải thích mình là ai, rồi kể với cậu ta cô đến đây như thế nào, ở đây bao lâu. Nhưng điều đó khó khăn quá. Phải vịn vào xe như thế, cô nghĩ chắc mình trông như người vừa thoát khỏi một vụ tai nạn.

“Vâng, tôi sống ở đây,” cậu ta nói. “Nhưng tôi làm ở một nhà hàng trong thị trấn. Tôi làm ở quán Sammy.”

Một cậu bồi bàn. Chiếc áo sáng trắng và quần âu đúng là quần của người chạy bàn. Và cậu ta có phong thái kiên nhẫn và nhanh nhẹn của một người chạy bàn.

“Tôi tên là Jinny Lockyer,” cô nói. “Helen. Helen là...”

“Được rồi, tôi biết rồi,” cậu ta nói. “Cô là người nhận Helen về làm giúp việc. Helen đâu rồi?”

“Ở trong nhà.”

“Thế không ai mời cô vào trong nhà à?”

Cậu ta chắc trạc tuổi Helen, cô nghĩ. Mười bảy hay là mười tám. Thanh

mảnh, điển trai và hóm hỉnh, với một bầu nhiệt huyết nồng nức có lẽ sẽ không đưa cậu ta đi xa như vẫn mong đợi. Cô đã gặp vài đứa như thế rồi cuộc trở thành tội phạm vị thành niên. Nhưng cậu trai này có vẻ hiểu chuyện. Cậu ta có vẻ hiểu được rằng cô đang kiệt sức và đang trong trạng thái bất ổn.

“June cũng trong đó à?” cậu ta hỏi. “June bà mẹ tôi.”

Tóc cậu ta cũng nhuộm giống June, điểm mấy lọn vàng kim trên nền tóc sẫm. Cậu ta để tóc khá dài, rẽ ngôi giữa, cứ rủ xuống hai bên.

“Cả Matt nữa?” cậu nói.

“Ừ. Cả ông xã tôi nữa.”

“Thật đáng xấu hổ.”

“Ồ, không đâu,” cô nói. “Họ có bảo tôi vào. Nhưng tôi muốn đợi ngoài này hơn.”

Trước đây, Neal có đôi lần mang vài đứa trong bọn Ma cà bông của gã về nhà, để hướng dẫn chúng cắt cỏ hay sơn nhà hay làm nghề mộc cơ bản. Gã nghĩ như thế tốt cho chúng, khi được đón nhận ở nhà riêng của người khác. Jinny cũng thỉnh thoảng tán tỉnh ỡm ờ với chúng, theo cách mà không ai có thể bắt tội cô được. Chỉ là giọng nói êm dịu, một vài cử chỉ để chúng ý thức được chiếc váy mềm mại và mùi hương xà phòng tắm của cô. Không phải vì thế mà Neal thôi không đưa đứa nào về nhà nữa. Nhà trường có ý kiến rằng như thế là ra ngoài khuôn khổ.

“Thế cô đợi bao lâu rồi?”

“Tôi không biết.” Jinny nói. “Tôi không mang đồng hồ.”

“Thật à?” cậu ta nói. “Tôi cũng không mang. Tôi ít khi gặp người nào không mang đồng hồ lắm. Cô không bao giờ đeo đồng hồ sao?”

Cô nói, “Đúng vậy. Chẳng bao giờ?”

“Tôi cũng vậy. Chưa bao giờ. Tôi cũng chẳng bao giờ muốn đeo. Không biết tại sao. Chẳng bao giờ muốn. Kiểu như, tôi thường có thể nói ngay được

giờ giấc bất cứ lúc nào. Chỉ sai số vài phút thôi. Không quá năm phút. Và tôi cũng biết tất cả những chỗ có đồng hồ. Trên đường đi làm, tôi nghĩ phải kiểm tra giờ, chỉ để chắc chắn lúc đó chính xác là mấy giờ. Và tôi biết nơi đầu tiên có thể xem giờ là nhìn đồng hồ trên nóc tòa án giữa các khu nhà cao tầng. Thường chênh không quá ba bốn phút. Cũng có khi khách ăn hỏi tôi mấy giờ, tôi cứ áng rồi nói đại. Họ thậm chí còn không để ý việc tôi chẳng đeo đồng hồ. Rồi ngay sau đó vừa rảnh ra là tôi đi xem giờ liền, đồng hồ trong nhà bếp. Nhưng chưa lần nào tôi phải ra báo lại giờ cho khách vì lệch quá.”

“Tôi cũng thỉnh thoảng đoán chuẩn được như thế,” Jinny nói. “Chắc là nếu không bao giờ đeo đồng hồ thì ta sẽ có được linh cảm về thời gian.”

“Ồ, đúng vậy.”

“Thế cậu nghĩ bây giờ là mấy giờ?”

Cậu ta cười. Cậu ta nhìn trời.

“Gần tám giờ. Tám giờ kém sáu, bảy phút gì đó? Nhưng lần này tôi có lợi thế. Tôi biết mấy giờ mình rời khỏi chỗ làm, sau đó tôi đi mua mấy điều thuốc ở cửa hàng tạp hóa 7-Eleven, rồi tôi nói chuyện với mấy đứa khoảng vài phút trước khi đạp xe về nhà. Cô không sống ở thị trấn này phải không?”

Jinny xác nhận.

“Thế nhà cô ở đâu?”

Cô trả lời cậu ta.

“Cô mệt rồi phải không? Cô muốn về nhà chứ? Cô có muốn tôi vào nhà nói với chồng cô rằng cô muốn đi về không?”

“Không. Đừng làm thế,” cô nói.

“Được rồi. Được rồi. Tôi sẽ không làm thế. June chắc cũng đang xem bói cho họ ở trong nhà. Bà biết xem chỉ tay.”

“Biết thật à?”

“Biết thật. Bà có đến nhà hàng vài lần một tuần. Bà còn biết xem bói trà

nữa. Xem bã trà.”

Cậu ta nhắc chiếc xe đạp lên và dắt ra khỏi mũi xe ô tô. Rồi cậu ta nhìn qua cửa kính bên ghế lái.

“Chìa khóa đang ở trong ổ điện,” cậu nói. “VẬY... cô có muốn tôi lái xe đưa cô về nhà không? Tôi sẽ cho xe đạp ra đằng sau. Chồng cô có thể nhờ Matt chở họ được thì June cũng lái xe được. June là mẹ tôi nhưng Matt không phải là bố tôi. Cô có lái được xe không?”

“Không,” Junny nói. Cô đã thôi lái xe từ mấy tháng trước.

“Tôi cũng nghĩ thế. Vậy cứ thế nhé? Cô muốn tôi lái chứ? Được chứ?”

* * *

“Đây là con đường tôi rành hơn. Đường đi này cũng đến đó nhanh như ra đường cao tốc.”

Họ vẫn chưa ra khỏi khu ấy. Đúng ra họ đi theo hướng ngược lại, theo một con đường nhỏ hình như chạy vòng quanh bãi sỏi. Dù sao thì họ cũng đang đi về hướng Tây, về phía trời còn sáng nhất. Ricky - là cái tên cậu ta tự giới thiệu với Jinny - chưa bật đèn pha lên.

“Không sợ gặp ai,” cậu ta nói. “Tôi nghĩ mình chưa bao giờ gặp một chiếc xe nào trên con đường này. Nhìn xem... không mấy ai biết có con đường này ở đây.”

“Và nếu tôi bật đèn lên,” cậu ta nói tiếp, “thì ánh đèn sẽ át hết ánh sáng tự nhiên từ bầu trời, và xung quanh sẽ tối sẽ không nhìn thấy rõ cảnh vật. Cứ chờ thêm một chốc nữa, cho đến khi nhìn thấy sao trên trời, thì đến lúc đó mới cần bật đèn.”

Bầu trời như một tấm kính nhuộm nhẹ một thoáng sắc đỏ, hay vàng, hay xanh lục hoặc xanh lam, tùy từng góc nhìn.

“Như thế có ổn không?”

“Được,” Jinny nói.

Các chùm cây, bụi cỏ sẽ tối đen một khi bật đèn pha lên, rồi sẽ chỉ nhìn thấy những cụm đen dọc đường, với bóng đen của các mảng cây ken đặc đằng sau, thay vì, như bây giờ, vẫn còn trông rõ cây nào ra cây ấy, nào tuyết tùng, nào là vân sam, nào là bách lặc điệp với những tán lá trông như lông vũ, nào những bụi hoa móng tay với những chùm hoa rực lên như những đốm lửa. Cảm giác như chúng ở gần đến mức chạm tay vào được, và xe đang chạy với tốc độ chậm. Cô thò tay ra ngoài.

Không chạm tới được. Nhưng rất gần. Đường hẹp quá, chắc chỉ rộng hơn thân xe một chút thôi.

Cô nghĩ mình nhìn thấy ánh phản chiếu từ một hồ nước phía trước.

“Ở đằng trước có nước phải không?” cô nói.

“Ở đằng trước à?” Ricky nói. “Nước ở đó và ở khắp nơi. Cả bên trái và bên phải chúng ta cũng có nước và rất nhiều nước phía dưới. Cô muốn xem không?”

Cậu ta cho xe chạy chậm lại rồi dừng hẳn. “Cô nhìn xuống bên phải xem,” cậu ta nói. “Mở cửa xe mà xuống.”

Cô làm theo và nhận ra rằng họ đang ở trên một cây cầu. Một cây cầu nhỏ dài không qua ba thước, với các khúc gỗ lót ngang làm sàn. Không có lan can ở hai bên. Và nước ở bên dưới dường như tĩnh lặng tuyệt đối.

“Quanh đây toàn là cầu,” cậu ta nói. “Và ở những chỗ không có cầu thì sẽ có cống tràn. Vì nước luôn chảy qua chảy lại bên dưới đường. Hoặc đọng nguyên một chỗ chẳng chảy đi đâu cả.”

“Sâu không?” cô hỏi.

“Không sâu. Vào mùa này thì không. Không sâu cho tới khi chúng ta đến hồ lớn - ở đó sâu hơn. Rồi đến mùa xuân thì nước tràn hết lên đường, lúc đó thì rất sâu, xe không chạy được. Con đường này rất bằng phẳng và chạy

thẳng một mạch nhiều cây số. Thậm chí cũng chẳng có giao lộ nào cắt ngang. Đây là con đường duy nhất tôi biết đi xuyên qua đầm Borneo.”

“Đầm Borneo?” Jinny nhắc lại.

“Đó là tên người ta thường gọi.”

“Có một hòn đảo tên là Borneo,” cô nói. “Ở cách đây nửa vòng trái đất.”

“Tôi không biết điều đó. Tôi chỉ biết ở đây gọi là đầm Borneo.”

Rồi chợt thấy có một vệt cỏ đen mọc ở giữa đường.

“Đến lúc lên đèn rồi,” cậu ta nói. Cậu ta bật đèn lên và họ như đang ở trong một đường hầm khi xung quanh đột ngột tối đen.

“Một lần khi tôi làm thế này,” cậu nói. “Tôi bật đèn lên như thế, và có một con nhím. Nó đứng ở giữa đường. Nó đứng thẳng trên hai chân sau và nhìn thẳng vào tôi. Trông giống như một ông già nhỏ thó vậy. Nó đang sợ chết khiếp đến nỗi không cử động được. Tôi còn nhìn thấy được cả những chiếc răng già nua đánh vào nhau lập cập.”

Cô nghĩ, đây là chỗ cậu ta hay đưa các cô gái đến.

“Vậy tôi phải làm thế nào? Tôi cố bóp còi, vẫn chẳng ăn thua gì. Tôi không muốn xuống xe để đuổi nó đi. Nó đang sợ thật, nhưng nó vẫn là nhím và nó có thể bắn lông. Nên tôi cứ đậu xe ở đó. Tôi chẳng vội gì mà. Khi tôi bật đèn lên lần nữa thì nó đã biến mất.”

Giờ đây các cành cây thật sát và quệt cả vào cửa xe, nhưng nếu có hoa trên cây đi chẳng nữa thì cô cũng chẳng nhìn thấy được.

“Tôi sẽ chỉ cho cô cái này,” cậu ta nói. “Tôi sẽ chỉ cho cô điều mà tôi cá là cô chưa bao giờ thấy.”

Nếu tình huống này xảy ra khi cô còn có cuộc sống bình thường trước đây, hẳn cô đã bắt đầu thấy hoảng sợ. Nhưng nếu cô còn có cuộc sống bình thường lúc trước thì cô đã chẳng thể nào đến đây.

“Cậu chuẩn bị cho tôi xem con nhím đây,” cô nói.

“Không. Không phải. Thứ còn hiếm hơn nhím nhiều. Ít nhất là theo tôi

được biết.”

Đi được chừng nửa cây số nữa thì cậu ta tắt đèn.

“Cô thấy các vì sao không?” cậu ta nói. “Tôi đã nói mà. Sao trời?”

Cậu ta dừng xe. Thoạt tiên xung quanh cực kỳ tĩnh lặng. Rồi khối tĩnh lặng đó bị xâm chiếm từ bốn phía bởi một âm thanh đều đều, có thể là tiếng xe cộ từ xa, kèm thêm các tiếng động nhỏ chưa kịp nghe rõ thì đã tắt lịm, có thể là âm thanh của các con vật ăn đêm hay chim chóc hay loài dơi.

“Nếu đến đây vào mùa xuân,” cậu ta nói, “sẽ không nghe thấy gì ngoài tiếng ếch nhái. Tưởng như có thể điếc tai vì tiếng ếch.”

Cậu ta mở cửa bên phía ghế lái.

“Xuống xe đi bộ với tôi một đoạn đi.”

Cô làm theo. Cô đi theo vết một bên bánh xe, cậu ta theo vết bên kia. Bầu trời phía trước dường như sáng hơn, và có một âm thanh khác xen vào - nghe như tiếng đối thoại râm rì và có nhịp điệu.

Bề mặt đường giờ đây toàn là gỗ, và không thấy hàng cây hai bên nữa.

“Cứ bước lên đi,” cậu ta nói. “Đi tiếp đi.”

Cậu ta lại gần bên và chạm vào eo cô như thể đang dẫn đường cho cô. Rồi cậu ta rút tay về, để mặc cô bước lên những tấm gỗ như trên boong một con thuyền vậy. Như trên boong thuyền, vì sàn gỗ đang dập dềnh lên xuống. Nhưng không phải theo nhịp sóng, mà theo nhịp bước chân, của hai người, khiến các tấm gỗ dưới chân họ hơi sụt xuống rồi lại trồi lên.

“Giờ cô biết mình đang ở đâu không?” cậu ta hỏi.

“Trên một bến tàu à?” cô nói.

“Trên một chiếc cầu. Cầu phao.”

Giờ thì cô đã nhìn ra - các tấm gỗ trải đường chỉ cách mặt nước phẳng lặng chừng mười phân. Cậu ta kéo cô đến sát bên và họ cùng nhìn xuống. Những vì sao như đang lướt lên mặt nước.

“Nước ở đây rất sậm màu,” cô nói. “Ý tôi là... không phải sậm vì đêm tối,

đúng không?”

“Lúc nào nước ở đây cũng sẫm,” cậu nói về tự hào. “Vì đây là đầm. Nước ở đây có chất như nước trà và trông cũng giống màu nước trà đen.”

Cô bắt đầu nhìn được bờ, và những luống cỏ lác. Nước ở trong đám cỏ lác, nước vỗ vào bờ tạo nên âm thanh rì rầm cô vừa nghe thấy.

“Chất ta nanh,” cậu ta nói, phát âm từ đó một cách đặc ý như vừa moi được nó ra từ đêm tối.

Nhịp chuyển động nhẹ nhàng của cây cầu phao khiến cô tưởng tượng rằng cây cối và những đám cỏ lác mọc ở trên một chiếc đĩa đất, con đường là một dải đất bập bênh còn bên dưới toàn là nước. Và nước thì có vẻ như rất tĩnh lặng, nhưng thực ra không thể tĩnh lặng đến thế, vì nếu ta nhìn cố định vào bóng của một ngôi sao, ta sẽ thấy nó rung rinh và nhòe đi rồi trượt khỏi tầm nhìn. Rồi hình ảnh ngôi sao lại tụ lại, nhưng chắc không còn là ngôi sao cũ nữa.

Chẳng phải đến lúc này cô mới nhận ra mình không mang mũ. Không chỉ riêng tại thời điểm đó cô đang không đội mũ, mà từ lúc ngồi trên xe cô cũng chẳng còn đội mũ nữa. Cô đã không đội mũ từ lúc rời xe đi giải và từ khi bắt đầu nói chuyện với Ricky. Cô cũng chẳng mang mũ khi cô ngồi trong xe, đầu tựa vào ghế và mắt nhắm nghiền, khi Matt kể câu chuyện cười của ông ta. Chắc cô đánh rơi mũ trong ruộng ngô, khi đang phát hoảng vì lạc đường và không để ý tìm lại mũ.

Trong suốt thời gian cô sợ nhìn thấy cái rốn lồi được phủ dưới tấm áo phông màu tím của Matt, thì ông ta chẳng nề hà gì khi nhìn vào chòm đầu trọc của cô.

“Chán quá, trăng vẫn chưa lên,” Ricky nói. “Khi trăng lên cảnh ở đây đẹp lắm.”

“Giờ cũng đẹp rồi mà.”

Cậu ta luồn hai cánh tay quanh người cô như thể không có gì phải băn khoăn về việc mình đang làm, như thể cậu ta muốn có bao nhiêu thời gian

để làm việc đó cũng được. Cậu ta hôn bên miệng cô. Đối với cô, dường như đây là lần đầu tiên cô góp phần trong một nụ hôn không đơn thuần chỉ là nụ hôn, mà là nguyên một sự kiện. Cả câu chuyện này cũng là cả một sự kiện. Một khúc dạo đầu nhẹ nhàng, một áp lực vừa đủ, một bước thăm dò và đón nhận nhiệt tình, một lời cảm ơn nấn ná, và một sự rút lui trong mãn nguyện.

“Ôi,” cậu ta nói. “Ôi trời.”

Cậu ta xoay cô lại, và họ cùng trở về phía chiếc xe. “Đây có phải là lần đầu cô đi trên cầu phao không?”

Cô nói đúng vậy.

“Còn giờ thì cô sắp lái xe đi trên đó.”

Cậu ta cầm bàn tay cô và vung mạnh như muốn hất tay cô đi.

“Và đây là lần đầu tiên tôi hôn một phụ nữ có chồng?”

“Cậu chắc sẽ còn được hôn nhiều phụ nữ có chồng nữa,” cô nói. “Trước khi cậu tới số.”

Cậu ta thở dài. “Ờ,” cậu ta nói. Vẻ như bị choáng ngợp và trầm ngâm với những nghĩ về tương lai. “Ờ, chắc sẽ vậy.”

Jinny chợt nghĩ đến Neal, đang ở trên đất liền. Neal nhẹ dạ và đa nghi đang chìa bàn tay chịu sự soi xét của người phụ nữ có những dải tóc sáng màu, một bà thầy bói. Hồi hộp trước ngưỡng cửa tương lai của mình.

Chẳng sao hết.

Giờ cô chỉ có cảm giác mê say hơi băng lạnh, gần như vui vẻ. Một luồng phấn khích nhẹ đang át hẳn những nỗi đau và sự trống rỗng trong cô, vào lúc này.

Đồ Dạc Gia Đình

Cô Alfrida. Cha tôi gọi cô là Freddie. Hai người là anh em họ, sống hai trang trại kế nhau và sau đó cùng nhà một thời gian dài. Một ngày nọ hai người ra đồng chơi đùa với con chó của cha tôi, tên là Mack. Hôm đó nắng rạng rỡ, nhưng không làm tan băng trên các luống cày. Họ giậm chân thành thịch lên băng và vui thú nghe tiếng kêu răng rắc dưới chân.

“Làm sao mà cô lại nhớ ra một chuyện như thế?” Cha tôi nói. “Cô bịa ra chuyện đó.”

“Em không bịa,” cô nói.

“Cô bịa.”

“Em không bịa.”

Bỗng nhiên họ nghe thấy tiếng chuông rung từng hồi, tiếng còi hú. Chuông tòa thị chính và chuông nhà thờ đang rung. Còi nhà máy đang hú trong thị trấn cách đó ba dặm. Cả thế gian như vỡ òa vì hân hoan, con Mack chạy ủa ra ngoài đường, vì nó chắc mẩm một đoàn diễu hành sắp đi qua. Thế chiến thứ nhất vừa kết thúc.

* * *

Cứ ba lần một tuần, chúng tôi lại thấy tên cô Alfrida trên báo. Chỉ tên gọi của cô thôi - Alfrida. Nó được in như kiểu viết tay, một chữ ký bay bổng bằng bút máy. Dạo quanh phố thị, với Alfrida. Phố thị được nói tới không phải thị trấn gần đó, mà là một thành phố về phía Nam nơi cô Alfrida sống, nơi gia đình tôi đến thăm cỡ hai hay ba năm một lần.

Các cô dâu tháng Sáu tương lai, giờ là lúc cho tất cả các bạn bắt đầu đăng ký lựa chọn của mình ở hiệu Tủ Ly, và tôi phải nói rằng nếu tôi mà là cô dâu tương lai - hỡi ơi, tôi lại không được như thế - thì tôi sẽ cưỡng lại mọi bộ đồ ăn in hoa văn, dù có thanh tú đến mấy, mà chọn bộ Rosenthal màu trắng ngọc trai siêu hiện đại...

Trị liệu làm đẹp có thể đến rồi đi, nhưng mặt nạ dưỡng da người ta bôi cho bạn ở salon Fantine thì đảm bảo - cho các cô dâu - làm da họ bừng sáng như những đóa hoa cam khoe sắc. Và còn làm mẹ cô dâu - cùng các cô dì và có lẽ cả bà của cô dâu - cảm thấy như vừa được tắm trong Suối nguồn Tuổi trẻ...

Nhìn cách cô Alfrida nói chuyện, người ta không thể ngờ được cô lại viết với phong cách này.

Cô cũng là một trong những người viết với bút danh Flora Simpon, trang Các bà nội trợ Flora Simpson. Phụ nữ khắp làng quê tin rằng họ đang viết thư cho một phụ nữ mũm mĩm tóc muối tiêu uốn quăn với nụ cười độ lượng, có ảnh ở đầu trang. Nhưng sự thật - mà tôi không được phép nói ra - là những đoạn trả lời xuất hiện ở dưới mỗi lá thư họ gửi là do cô Alfrida sáng tác, cùng với một ông mà cô gọi là Horse Henry, cái người, ngoài việc này, còn viết cả cáo phó. Các bà các cô đặt cho mình những cái tên như Sao Mai và Linh Lan và Ngón Tay Xanh và Annie Rooney Nhỏ Bé và Nữ Hoàng Giẻ Rửa Bát. Nhiều tên được ưa chuộng đến mức phải đánh số thêm vào - Cô Bé Tóc Vàng 1, Cô Bé Tóc Vàng 2, Cô Bé Tóc Vàng 3.

Sao Mai thân mến, cô Alfrida hay ông Horse Henry sẽ viết như sau: Eczema là một tai họa khủng khiếp, nhất là vào thời tiết nóng như lúc này, và tôi hy vọng bột nở làm dịu đi phần nào. Dĩ nhiên các cách chữa trị gia truyền cần được tôn trọng, nhưng chẳng hại gì mà không hỏi bác sĩ. Thật tuyệt khi nghe tin chồng chị đã hoạt động trở lại. Chẳng thể vui vẻ được khi cả hai cùng khó ở...

Trong mọi thị trấn nhỏ của vùng đó ở tỉnh Ontario, các bà nội trợ thành viên Câu lạc bộ Flora Simpson đều tổ chức một buổi picnic thường niên vào mùa hè. Flora Simpson luôn gửi lời thăm hỏi đặc biệt đến họ, nhưng phân bua rằng có quá nhiều sự kiện nên bà không thể tham dự hết được, mà bà lại không muốn phân biệt người này người kia. Cô Alfrida nói rằng người ta bàn đến chuyện cử Horse Henry cải trang đội tóc giả và nhét gối làm ngực giả, hay có thể chính cô sẽ liếc mắt như Phù thủy xứ Babylon^[8] (đến cả cô cũng không thể trích dẫn Kinh Thánh chính xác mà nói từ “con điểm” bên bàn ăn của bố mẹ tôi) với một bi thuốc phì phèo trên lớp son môi. “Nhưng,”

ôi, cô nói, “tòa báo sẽ giết bọn em mất. Với lại dù sao làm thế thì cũng quá xấu tính.”

Cô luôn gọi thuốc lá là bi. Một lần khi tôi chừng mười lăm mười sáu tuổi, cô nghiêng người qua bàn hỏi tôi, “Làm một bi chứ?” Bữa ăn đã xong, em trai và em gái tôi đã rời bàn ăn. Cha tôi lắc đầu. Trước đó ông đã bắt đầu cuốn thuốc cho mình.

Tôi cảm ơn và để cô Alfrida châm thuốc, rồi hút thuốc lần đầu tiên trước mặt cha mẹ mình. Họ giả bộ như đó là trò đùa tuyệt hảo.

“A, anh xem con gái anh kìa,” mẹ nói với cha. Bà đảo mắt, vỗ ngực và nói bằng giọng yếu ớt giả tạo. “Tôi đến ngất mất thôi.”

“Phải lôi cái roi vọt ngựa ra đây,” cha tôi nói, đoạn vờ nhòm người dậy.

Khoảnh khắc đó thật đáng kinh ngạc, như thể cô Alfrida đã biến chúng tôi thành người khác. Bình thường mẹ tôi sẽ nói bà không thích nhìn phụ nữ hút thuốc. Bà không bảo như thế là không đoan trang, hay không có vẻ quý phái - mà chỉ nói bà không thích. Và khi bà nói rằng bà không thích cái gì bằng một kiểu tông giọng nào đó, thì dường như không phải bà đang thú nhận mình đang cư xử vô lý mà bà đang vận đến một nguồn hiểu biết riêng, vốn không thể công phá và gần như linh thiêng. Chính những lúc bà tiến tới tông giọng đó, kèm theo biểu hiện lắng nghe tiếng nói nội tâm, tôi đặc biệt ghét bà.

Còn về cha tôi, ông từng đánh tôi, trong chính phòng này, không phải bằng roi vọt ngựa mà bằng thắt lưng của ông, vì tội chống lại luật lệ của mẹ và làm tổn thương tình cảm của mẹ, và tội dám cãi lại. Thế mà lúc này đây những chuyện đánh con như thế dường như chỉ có thể xảy ra ở một vũ trụ khác.

Cha mẹ tôi bị cô Alfrida - và cả tôi nữa - dồn vào góc, nhưng họ đáp lại can trường và trang nhã đến độ thực cứ như là cả ba chúng tôi - mẹ, cha và chính tôi - được nâng lên một mức thanh thoát và đỉnh đạc mới. Và giây phút đó, tôi có thể thấy họ - nhất bà mẹ tôi - như có khả năng đạt được một

kiểu thư thái hiếm thấy.

Tất cả là nhờ cô Alfrida.

Cô Alfrida luôn được nhắc đến như một phụ nữ đeo đuổi sự nghiệp. Điều này làm cô có vẻ trẻ hơn cha mẹ tôi, dù ai cũng biết cô xấp xỉ tuổi họ. Người ta cũng nói rằng cô là người thành phố. Và thành phố, khi được nói đến như thế, có nghĩa là thành phố nơi cô sống và làm việc. Nhưng nó cũng có cả nghĩa khác - không chỉ là hình dáng đặc trưng của các tòa nhà và vỉa hè rồi đường tàu điện, hay thậm chí các cá nhân túm tụm thành đám đông. Nó nhắm chỉ cái gì đó trừu tượng hơn và có thể đi lặp lại, một thứ giống như tổ ong, ào ạt như bão tố nhưng có tổ chức, không đích xác là vô tích sự hay hoang tưởng, nhưng phiền phức và đôi khi nguy hiểm. Người ta đến một nơi như thế khi phải đến và vui mừng khi đi khỏi. Tuy vậy, một vài người lại bị nơi đó cuốn hút - như cô Alfrida chắc đã từng thế, cách đây lâu rồi, và như tôi đang rít thuốc lá lúc này, cố giữ điều thuốc với vẻ thờ ơ, cho dù giữa các ngón tay tôi, nó dường như đã phồng lên tới cỡ cây gậy bóng chày.

Gia đình tôi không có hoạt động giao lưu xã hội thường kỳ nào - người ta không đến nhà tôi ăn uống, tiệc tùng lại càng không. Có lẽ là do tầng lớp xã hội. Cha mẹ chàng trai mà tôi cưới, khoảng năm năm sau cái cảnh ở bàn ăn đó, mời cả khách không phải họ hàng đến ăn tối, và họ dự các bữa tiệc chiều mà họ hay thân nhiên gọi là tiệc cocktail. Đó là cuộc sống như tôi từng đọc trong các truyện ngắn trên tạp chí, và dường như đối với tôi cuộc sống ấy đặt gia đình chồng vào một thế giới được ưu đãi theo kiểu sách truyện.

Còn gia đình tôi thì chỉ đặt ba cái trò cờ quạt lên bàn phòng ăn mỗi năm hai hay ba lần, để bà tôi và các bác gái - tức là các chị gái của cha tôi - và chồng họ giải trí. Chúng tôi làm việc này vào lễ Giáng sinh hay lễ Tạ ơn, khi đến lượt gia đình tôi, và có thể là cả khi họ hàng từ vùng khác trong tỉnh đến thăm. Vị khách này luôn khá giống các bác gái và chồng họ, chứ không mấy may giống cô Alfrida chút nào.

Hai mẹ con tôi bắt đầu chuẩn bị cho các bữa ăn như thế từ vài ngày trước. Chúng tôi là ủi tấm khăn trải bàn đẹp, vốn nặng như cái ga trải giường, và rửa bát đĩa đẹp, vốn nằm tích bụi trong tủ ly, và lau chân ghế trong phòng ăn, cũng như làm món xa lát thạch, bánh nướng nhồi nhân và bánh ga tô, vốn nhất thiết đi kèm với món trung tâm là gà tây nướng hay giăm bông bỏ lò, cùng các bát rau củ. Có quá nhiều thức ăn và phần lớn hội thoại ở bàn ăn là liên quan đến đồ ăn, khách khứa thì khen thức ăn ngon ra sao, rồi bị thúc giục ăn nữa, rồi đáp là họ không thể, họ đã no căng rồi, rồi chồng các bác gái mỉm lòng lấy thêm thức ăn, còn các bác gái thì lấy thêm một chút thôi và nói rằng họ không nên làm thế, họ đã no sắp vỡ bụng rồi. Và vẫn còn món tráng miệng tiếp theo.

Hiếm khi có ý tưởng đàm thoại về đề tài chung chung nào, và thật ra người ta có cảm giác rằng cuộc hội thoại nào vượt các giới hạn được hiểu ngầm đều có thể trở thành một sự chia rẽ, một kiểu phô trương. Chưa chắc mẹ tôi đã hiểu được các giới hạn đó, đôi khi bà không thể đợi đến lúc người khác ngừng nói, hay tôn trọng thái độ ác cảm với kiểu nói thêm thắt. Vì thế khi ai đó kể, “Vừa thấy Harley trên phố hôm qua,” nhiều khả năng bà sẽ phát biểu, có lẽ là, “Anh chị có nghĩ một người như Harley chắc sẽ ở vậy cả đời không? Hay chỉ là anh ta chưa gặp người hợp ý?”

Như thế, khi người ta kể gặp ai đó, là phải có điều gì để nói, điều gì đó thú vị.

Tiếp đến có thể là một khoảng im lặng, không phải vì mọi người ở bàn ăn có ý khiếm nhã mà vì họ bị bối rối. Cho đến khi cha tôi nói với vẻ ngượng nghịu và trách móc cạnh khế, “Anh ta có vẻ ổn thỏa khi sống một mình.”

Nếu không có mặt họ hàng, nhiều khả năng ông sẽ nói “một mình”. Và mọi người lại tiếp tục cắt, xúc, nuốt, trong ánh hào nhoáng của khăn trải bàn mới giặt thơm tho, trong ánh sáng rạng rỡ rọi đến qua cửa sổ mới được lau rửa. Các bữa ăn này luôn diễn ra vào giữa ban ngày.

Những người ngồi quanh bàn ăn xúc ấy đều có khả năng tán chuyện đầy

chứ. Khi lau rửa bát đĩa trong bếp, các bác gái có thể nói về ai đó đang có u, đau họng, bị mụn nhọt đầy người. Họ kể về hệ tiêu hóa, thận, hệ thần kinh của chính họ đang hoạt động thế nào. Dường như nhắc đến các vấn đề cơ thể thì không bao giờ là lạc đề, hay đáng ngờ vực, như nhắc đến điều gì đó đọc trên tạp chí, hay một mẫu tin tức - không hiểu sao có gì đó không phải lỗi khi quan tâm đến những chuyện không gần gũi thiết thân. Cùng lúc đó, khi nghỉ ngơi trên hiên, hay trong cuộc đi dạo chóng vánh ngắm hoa màu, các ông chồng có thể truyền nhau thông tin ai đó đang gặp khó khăn với nhà băng, hay vẫn nợ tiền mua máy móc đất tiền nào đó, hay đầu tư vào một vụ ngớ ngẩn mà mới chỉ đang tiến hành cũng đã gây thất vọng rồi.

Có lẽ họ cảm thấy bị dồn nén bởi vẻ trang trọng của phòng khách, bởi sự có mặt của đĩa để ăn bánh mì phết bơ và thìa để ăn món tráng miệng, trong khi vào các dịp khác, họ có thói quen đặt một miếng bánh nướng ngay lên chính cái đĩa ăn vừa được chùi sạch bách bằng mẫu bánh mì. (Nhưng nếu không sắp đặt mọi thứ theo đúng quy cách như vậy thì lại bị coi là xúc phạm khách. Ở nhà của chính họ, vào những dịp tương tự, họ cũng bắt khách khứa chịu cái nhịp độ đó.) Có lẽ đơn giản vì ăn là một chuyện, còn đàm thoại lại và chuyện khác.

Khi cô Alfrida đến chơi, mọi chuyện lại khác hẳn. Bàn được trải khăn đẹp và bát đĩa đẹp được mang ra. Mẹ tôi sẽ rất vất vả chuẩn bị thức ăn và lo lắng về thành quả - bà có thể từ bỏ thực đơn gà tây, món nhồi và khoai tây nghiền quen thuộc mà làm món gì đó như xa lát gà bao quanh là các đồng cơm đổ khuôn và ớt chuông cắt nhỏ, tiếp đó là món tráng miệng có thạch với lòng trắng trứng và kem đánh bông, mà thời gian để nó đông lại lâu đến phát cáu, bởi nhà tôi không có tủ lạnh và phải làm lạnh bánh dưới sàn tầng hầm. Nhưng sự gò bó, nhặt nhẹo ở bàn ăn thì hoàn toàn biến mất. Alfrida không những chấp thuận được tiếp thức ăn lần thứ hai, mà cô còn hỏi xin. Và cô làm thế một cách gần như lơ đãng, cũng như khi cô lơ đãng buông vài câu khen, như thế thức ăn và việc ăn uống chỉ là chuyện thứ yếu, dù dễ chịu, còn cô đến đây thực ra là để nói chuyện và làm người khác nói

chuyện, và người ta muốn nói về bất kỳ chủ đề nào cũng được - gần như mọi chủ đề.

Cô luôn đến thăm vào mùa hè, cô hay mặc một kiểu váy mùa hè óng mượt có kẻ sọc, phần trên là áo yếm khoe lưng trần. Lưng cô không đẹp, rải rác nốt ruồi đậm màu, vai cô xương xẩu, còn ngực gần như phẳng. Cha tôi luôn bình luận về việc cô có thể ăn bao nhiêu mà vẫn gầy. Có khi ông lại nói ngược, kêu ca rằng cô luôn kén ăn nhưng vẫn không tránh khỏi bị tích mỡ. (Gia đình tôi không coi việc bàn tán về béo hay gầy hay xanh xao hay hồng hào hay hói đầu là không thích hợp.)

Mái tóc sẫm màu của cô được uốn lộn phía trên khuôn mặt và ở hai bên, theo một thời đó. Da cô trông nâu nâu, chằng chịt những vết nhăn mảnh, miệng cô rộng, môi dưới khá dày, gần như trễ xuống, tô son thắm khiến môi cô luôn để lại vết trên tách trà và cốc nước. Khi cô mở rộng miệng - mà gần như lúc nào cũng vậy, cả khi nói hay khi cười - người ta có thể thấy vài cái răng ở sâu phía trong đã bị nhỏ. Chẳng ai nói cô xinh cả vả lại, tôi thấy phụ nữ cứ trên hai lăm tuổi là đã vượt xa cái ngưỡng còn khả năng xinh đẹp, và đã mất quyền được xinh, có lẽ thậm chí mất luôn cả ham muốn - nhưng cô vẫn nồng nhiệt và táo bạo. Cha tôi trầm tư phát biểu là cô đầy nhiệt huyết.

Cô Alfrida đàm đạo với cha tôi về tình hình thế giới, về chính trị. Cha tôi đọc báo, ông nghe đài, ông có ý kiến riêng về những chuyện đó nhưng hiếm khi có cơ hội bàn luận đến. Chồng các bác gái cũng có quan điểm riêng, nhưng ý kiến của họ ngắn gọn, bất biến và thể hiện một niềm bất tín vĩnh viễn vào các nhân vật công chúng và nhất là toàn bộ người nước ngoài, cho nên hầu như chỉ moi được họ những lời cần nhằn qua loa cho xong. Bà tôi bị điếc - không ai có thể chắc được bà biết đến đâu và bà nghĩ gì về mọi chuyện, còn bản thân các bác gái thì lại khá tự hào về mức độ không biết gì hay không phải quan tâm gì của họ. Mẹ tôi từng là giáo viên, bà có thể lưu loát chỉ ra tất cả các nước châu Âu trên bản đồ, nhưng bà nhìn mọi thứ qua lớp sương mù của riêng bà, với Đế Chế Anh và gia đình hoàng gia to lù lù

còn mọi thứ khác bị rút giản, bị nằm vào một đồng lộn xộn mà bà dễ dàng không đếm xỉa tới.

Quan điểm của cô Alfrida không thực sự quá xa với quan điểm của các ông bác. Hay có vẻ vậy. Nhưng thay vì cần nhằn cho qua, cô lại ré lên cười, và kể về các thủ tướng và tổng thống Mỹ, và John L. Lewis và thị trưởng Montreal - toàn chuyện xấu về họ. Cô kể về gia đình hoàng gia nữa, nhưng trong những chuyện này cô phân biệt người tốt như vua, hoàng hậu và nữ công tước xứ Kent xinh đẹp, với người xấu xa như gia đình Windsor và lão vua già Eddy, lão ấy - cô kể - bị một bệnh gì đó và còn cố bóp cổ vợ mình đến nỗi để lại vết trên cổ, thành thử bà ta luôn phải đeo vòng hạt trai. Cách phân biệt tốt xấu này khá trùng với cách của mẹ tôi dù bà hiếm khi nói ra, vì thế nên bà không phản đối - cho dù lời ám chỉ đến bệnh giang mai làm bà rúm người lại.

Thấy thế tôi chỉ mỉm cười đầy chủ tâm, với vẻ bình tĩnh bất cần.

Cô Alfrida gọi người Nga bằng những cái tên ngộ nghĩnh. Mikoyan-sky. Bác Joe-sky. Cô tin là họ đang che mắt thiên hạ, Liên Hiệp Quốc chỉ là một trò hề, không bao giờ làm được chuyện gì, còn Nhật Bản sẽ lại trỗi dậy và đáng ra đã phải bị tiêu diệt khi có cơ hội. Cô cũng không tin tưởng vào Québec. Hay vào giáo hoàng. Cô còn lấn cấn với thượng nghị sĩ McCarthy - cô muốn đứng về phe ông ta, nhưng chướng ngại vật nằm ở chỗ ông ta lại theo Công giáo. Cô gọi giáo hoàng là cáo hoàng. Cô thấy hứng thú khi nghĩ về mọi tên lừa bịp và du thủ du thực ta có thể tìm thấy trên thế gian.

Đôi khi cô như đang đóng kịch - tỏ vẻ, có lẽ để trêu chọc cha tôi. Để làm ông cáu, như cách nói của ông, làm ông điên lên. Nhưng không phải vì cô ghét ông hay thậm chí là muốn làm ông khó chịu. Ngược lại là đằng khác. Cô có thể giày vò ông như đám thiếu nữ vẫn giày vò bọn con trai ở trường, cái cớ là niềm khoái cảm kỳ quái cho cả hai phía và xúc phạm được coi là tăng bốc. Cha tôi tranh luận với cô, luôn bằng giọng hòa nhã điềm tĩnh, ấy thế nhưng rõ ràng ông chủ ý kích cô tiếp tục. Đôi khi ông sẽ quay ngoắt thái độ mà nói rằng có thể cô đúng - rằng vì làm báo nên chắc cô có nguồn tin

mà ông không thể có. Cô vừa chinh tôi một trận đấy, ông mai mả, lẽ ra tôi nên biết điều mà biết ơn cô mới phải. Còn cô thì đáp, đừng có vờ vịt với em.

“Hai anh em nhà này,” mẹ tôi nói, với vẻ tuyệt vọng giả bộ nhưng vẻ kiệt sức thì có lẽ là thật, thế là cô Alfrida bảo mẹ tôi nên đi ngả lưng một chút đi, bà đáng được tận hưởng việc đó sau bữa ăn tuyệt trần, cô cháu tôi sẽ lo chuyện bát đĩa. Mẹ tôi bị bệnh run cánh tay phải, ngón tay cứ cứng đờ ra, và bà tin mình bị như thế khi làm việc quá mệt.

Khi hai cô cháu dọn rửa trong bếp, cô Alfrida tán chuyện với tôi về những người nổi tiếng - các tài tử, thậm chí cả các ngôi sao màn bạc nhí đến trình diễn ở thành phố nơi cô sống. Bằng cái giọng nói nhỏ lại nhưng vẫn lạc đi bởi điệu cười bất kính man dại, cô kể cho tôi chuyện họ cư xử tồi tệ ra sao, tin đồn về các xì căng đan riêng tư chưa hề lên mặt báo. Cô nhắc đến người đồng tính, đến ngực giả, đến các chuyện tình tay ba trong nhà - đủ loại chuyện tôi từng loáng thoáng đọc được nhưng vẫn thấy choáng khi nghe kể về chúng ngoài đời thực, kể cả khi nghe qua người thứ ba hay thứ tư.

Răng của cô Alfrida luôn làm tôi chú ý, đến độ ngay cả trong những bận kể lẽ tâm tình đó, đôi chỗ tôi dễ mất mạch chuyện. Ở hàng răng cửa bên trái, cái nào cũng có màu hơi khác, chẳng cái nào giống cái nào. Một vài chiếc răng đóng men khá dày ngả màu ngà thẫm, những chiếc khác trắng đục, gợn màu hoa đình hương, sáng loáng như tấm phản quang dụ cá từ những đường viền răng bằng bạc, đôi khi lại lóe ánh vàng. Răng người thời đó hiếm khi trông vững chắc đẹp đẽ như ngày nay, trừ phi là răng giả. Nhưng hàm răng của cô Alfrida lại khác thường bởi tính cá biệt, độ dẫn cách rõ rệt, và kích thước lớn. Khi cô Alfrida buông lời nhạo báng gây tổn thương đặc biệt và có chủ tâm, răng cô như nhẩy chồm ra phía trước, giống lính gác lâu đài, hay các chiến binh mang giáo mác vui nhộn.

“Cô ta luôn có vấn đề về răng,” các bác gái nói. “Còn nhớ lần cô ta bị áp xe không, chất độc lan khắp cơ thể.”

Thật đúng kiểu của họ, tôi nghĩ, vút xó trí tuệ và phong cách của cô Alfrida, và biến rằng cô thành chuyện dễ thương xót.

“Sao cô ta không nhổ hết đi rồi làm lại nhỉ?” họ nói.

“Có vẻ con bé không đủ tiền làm việc đó,” bà tôi nói, làm ai cũng bất ngờ, thỉnh thoảng bà vẫn làm vậy, chứng tỏ rằng bà vẫn đang theo sát cuộc hội thoại từ đầu đến cuối.

Và bà còn làm tôi bất ngờ bởi làn ánh sáng mới mẻ thường nhật mà nhận xét của bà chiếu lên cuộc đời cô Alfrida. Tôi vốn chắc chắn cô Alfrida giàu có - ít nhất là giàu so với mọi người khác trong gia đình. Cô sống trong một căn hộ - tôi chưa từng đến đó, nhưng với tôi việc này ít nhất truyền tải ý tưởng về một cuộc sống rất văn minh - và cô không mặc loại quần áo tự may, giày cô không phải loại Oxford như giày của hầu hết phụ nữ trưởng thành tôi biết - cô đi xăng đan kết bằng những dải nhựa chất liệu mới có màu rực rỡ. Khó mà biết được liệu có phải bà tôi chỉ đang sống trong quá khứ, cái thời mà làm rằng giả là một khoản chi tiêu hệ trọng, tột bậc của cả đời người, hay thật ra bà biết nhiều chuyện về cuộc sống của cô Alfrida mà tôi không bao giờ đoán ra.

Không người bà con nào có mặt khi cô Alfrida ăn ở nhà tôi. Cô Alfrida có ghé thăm bà tôi, vốn là bác gái, tức là chị gái của mẹ cô. Bà tôi không còn sống ở nhà riêng của mình mà sống lẫn lộn với các bác gái, và cô Alfrida chỉ đến nhà nào bà tôi đang ở lúc đó thôi, chứ không đến thăm bác gái còn lại vốn cũng là anh chị họ của cô như cha tôi vậy. Và cô không bao giờ ăn cơm với bác gái nào cả. Thường thì cô đến nhà tôi trước và ở chơi một lúc, rồi lấy hết tinh thần, như thể miễn cưỡng, đi thăm nhà kia. Sau đó, khi cô quay về và chúng tôi ngồi ăn, không có lời xúc xiểm công khai nào chống lại các bác gái và chồng họ, và chắc chắn không có lời nào thiếu tôn trọng về bà tôi. Thực ra chính cách cô Alfrida nói đến bà - với một vẻ điềm đạm và nỗi quan tâm bất chợt trong giọng nói, thậm chí thoáng vẻ lo sợ (huyết áp của bà thế nào, gần đây bà có đi khám bác sĩ không, bác sĩ nói gì?) - mới làm tôi nhận

ra sự khác biệt, sự lãnh đạm hay có khi còn dè dặt thiếu thân thiện nữa, trong cách cô hỏi thăm người khác. Tiếp đến là vẻ dè dặt tương tự trong lời đáp của mẹ tôi, và vẻ trầm trọng hơn thường lệ trong lời đáp của cha tôi - lối châm biếm sự trầm trọng, người ta có thể nói vậy - để chứng tỏ họ đều đồng ý về một chuyện không thể nói ra.

Vào hôm tôi hút thuốc, cô Alfrida quyết định đẩy chuyện này đi xa hơn chút, cô nghiêm trang hỏi, “Asa thế nào rồi? Anh ta vẫn là người hay bắt chuyện như trước chứ?”

Cha tôi buồn bã lắc đầu, như thể chỉ cần nghĩ về tính ba hoa của ông bác này là chúng tôi tại thấy chán nản vậy. “Vẫn,” ông nói. “Hắn vẫn vậy.”

Tức thì tôi chớp thời cơ.

“Như thể sán nhập và lợn,” Tôi nói. “Ờ.”

Ngoại trừ từ “ờ” ra, đó chính là câu ông bác tôi nói, và bác nói câu đó tại chính bàn ăn này, khi đột nhiên cảm thấy tràn trề nhu cầu phá vỡ yên lặng hay truyền đạt điều gì đó quan trọng vừa nảy ra trong đầu, vốn không giống tính cách bình thường của bác. Và tôi nói câu này bằng đúng giọng cần nhằn oai nghiêm của bác, với vẻ long trọng ngây thơ của bác.

Cô Alfrida cười to hưởng ứng, nhe ra hàm răng vui nhộn. “Chính thế, con bé làm giống anh ta y chang?”

Cha tôi cúi người xuống đĩa ăn, như thể giấu việc ông cũng đang cười nhưng dĩ nhiên không giấu hẳn, còn mẹ tôi thì lắc đầu, cắn môi, mỉm cười. Tôi cảm thấy chiến thắng chói lòa. Không ai nói gì để đưa tôi về đúng chỗ của mình, không một lời quở trách cái đôi khi được gọi là tài mĩa mai của tôi, trò láu của tôi. Từ “láu” khi dùng cho tôi, trong gia đình này, có thể có nghĩa thông minh, và khi đó thì nó được dùng một cách khá bất đắc dĩ - “Ồ, xét ở mặt nào đó, con bé cũng khá láu” - hay là, có thể được dùng để chỉ thói hỗn xược, muốn thu hút sự chú ý, đáng ghét. Đừng có láu.

Đôi khi mẹ tôi buồn bã nói, “Miệng lưỡi con độc địa quá.”

Đôi khi và chuyện này nghiêm trọng hơn rất nhiều - cha tôi phán ớn vì

tôi. “Cái gì làm con nghĩ mình có quyền chỉ trích những người tử tế vậy?”

Hôm đó không xảy ra chuyện gì như thế - tôi có vẻ được tự do như một vị khách ở bàn ăn, gần tự do bằng cô Alfrida, và bùng nổ dưới ngọn cờ cá tính của chính mình.

Nhưng một khe nứt sắp toác ra, và có lẽ đó là lần cuối, thực sự là lần cuối cùng cô Alfrida ngồi ở bàn ăn nhà tôi. Thiếp mừng Giáng sinh vẫn tiếp tục gửi cho nhau, có thể còn cả thư - cho đến khi mẹ tôi còn cầm được bút - và chúng tôi vẫn thấy tên Alfrida trên báo, nhưng tôi không thể nhớ ra cuộc thăm viếng nào nữa, suốt mấy năm cuối tôi sống ở nhà.

Có lẽ là vì Alfrida đã hỏi cô có thể mang bạn mình về không, và bị trả lời và không. Nếu cô đã chung sống với ông ta thì đó có thể là một lý do, và nếu ông ta chính là người mà sau này cô có quan hệ, thì một lý do khác là ông ta đã có gia đình. Cha mẹ tôi hẳn sẽ nhất trí với nhau về vấn đề này. Mẹ tôi kinh hãi chuyện tình dục không đúng lễ giáo hay chuyện phô trương tình dục - hay mọi chuyện tình dục, người ta có thể nói thế, bởi cái thể loại giữa vợ chồng đúng nghĩa thì không hề được tính vào đó và trong giai đoạn cuộc đời này, cha tôi cũng nghiêm khắc phán xét những vấn đề đó. Có thể ông cũng có nỗi bất bình đặc biệt với người đàn ông nắm giữ được cô Alfrida.

Nếu hỏi đưa bạn về nhà, cô sẽ tự làm mình rẻ rúng trong mắt họ. Tôi có thể hình dung cha hoặc mẹ mình nói thế. Cô ấy đâu cần làm mình rẻ rúng như thế chứ.

Nhưng cũng có thể cô không hề hỏi han gì cả, có thể cô đã biết rõ là không nên. Trong những lần đến thăm vui vẻ trước đó, có lẽ cô không hề có người đàn ông nào trong đời, và rồi khi một người như thế xuất hiện, có lẽ mối quan tâm của cô đã dịch chuyển hoàn toàn. Có thể lúc đó cô đã trở thành một người khác, vì sau này đúng là cô đã trở thành một người khác.

Hay có thể cô cảnh giác với cái bầu không khí đặc biệt trong gia đình có người bệnh, đang tiếp tục bệnh nặng hơn và sẽ không bao giờ khỏi. Người đó là mẹ tôi, với các triệu chứng tập hợp lại rồi chuyển bước ngoặt trở

thành toàn bộ định mệnh của bà, thay vì chỉ là một nỗi lo âu và phiền phức.

“Tội nghiệp quá,” các bác gái nói.

Và khi mẹ tôi biến từ một bà mẹ thành một sự hiện diện tàn phế vắt vẻo quanh nhà, thì những người khác, trước vốn là những phụ nữ gò bó trong gia đình, giờ dường như lấy được đôi chút sức sống và gia tăng năng lực trong thế giới. Bà tôi trang bị cho mình một máy trợ thính - điều chẳng ai đề xuất với bà cả. Chồng một bác gái - không phải bác Asa, mà là một ông tên Irvine - qua đời, thế là bác đi học lái xe, tìm được việc sửa quần áo trong một cửa hiệu và không còn đeo lưới bao tóc nữa.

Họ đến thăm mẹ tôi, và lúc nào cũng thấy cùng một cảnh tượng - cái người từng xinh đẹp hơn họ, từng chưa bao giờ để họ quên rằng bà là giáo viên, thì giờ đây thảng qua thảng mỗi lúc lại trở nên chậm chạp và cứng đờ trong chuyển động chân tay và lè nhè những nhiều trong lời nói, và không gì giúp được bà cả.

Họ nhấn nhủ tôi chăm sóc mẹ kỹ càng.

“Cô ấy là mẹ cháu,” họ nhắc tôi. “Tội nghiệp quá.”

Cô Alfrida không có khả năng nói những lời đó, và có lẽ cô cũng không có khả năng nghĩ ra lời gì khác để thế chỗ chúng.

Tôi thấy cô không đến thăm chúng tôi cũng chẳng sao. Tôi không muốn người khác đến thăm. Tôi không có thời gian cho họ, tôi đã thành bà quản gia giận dữ - đánh bóng sàn nhà, là ủi mọi thứ thậm chí cả đồng khăn lau bát, tôi làm mọi việc để xua đi một nỗi hổ thẹn nào đó (sự suy sụp của mẹ dường như là nỗi hổ thẹn độc nhất vô nhị đang đầu độc tất cả chúng tôi) ra thật xa. Tôi làm những việc đó để tỏ vẻ như tôi vẫn đang sống với cha mẹ, em trai và em gái, giữa một gia đình bình thường, trong một ngôi nhà bình thường, nhưng ngay khoảnh khắc ai đó bước qua thêm và nhìn thấy mẹ tôi, họ lập tức hiểu mọi chuyện thực ra không như thế và họ thương hại chúng tôi. Một điều tôi không thể nào chịu nổi.

Tôi kiếm được học bổng. Tôi không ở nhà chăm sóc mẹ, hay làm bất cứ

việc gì khác. Tôi rời nhà đi học đại học. Trường đại học ở thành phố nơi cô Alfrida sống. Sau một vài tháng, cô mời tôi đến ăn tối, nhưng tôi không thể đến, vì tôi đi làm mọi tối trong tuần trừ Chủ nhật. Tôi làm việc ở thư viện thành phố trong khu trung tâm, và ở thư viện của trường, cả hai đều mở cửa đến chín giờ. Ít lâu sau, vào mùa đông, cô Alfrida lại mời tôi, và lần này là lời mời ăn tối vào Chủ nhật. Tôi nói với cô rằng tôi không thể đến vì tôi phải đi nghe hòa nhạc.

“Ồ... hẹn hò à?” Cô hỏi, và tôi nói vâng, nhưng tại thời điểm đó thì điều này không đúng sự thật. Tôi đi nghe hòa nhạc ngày Chủ nhật miễn phí ở thính phòng của trường đại học, với một cô bạn, hay với hai ba cô bạn khác, để có việc mà làm và còn vì niềm hy vọng mong manh gặp được vài chàng trai ở đó.

“Hừm, hôm nào đó cháu phải đưa cậu ta đến chơi đấy nhé,” cô Alfrida nói. “Cô nóng lòng muốn gặp cậu ta quá?”

Gần cuối năm, tôi đã có ai đó để đưa đến thật, và đúng là tôi gặp anh ở một buổi hòa nhạc. Đúng ra thì anh nhìn thấy tôi một buổi hòa nhạc rồi gọi điện cho tôi và hỏi tôi có muốn hẹn hò với anh không. Nhưng tôi sẽ không bao giờ đưa anh đi gặp cô Alfrida. Tôi sẽ không bao giờ mang bạn bè mới nào đi gặp cô. Bạn bè mới của tôi và kiểu người hỏi những câu như, “Cậu đã đọc *Hãy nhìn về nhà bởi thiên thần* chưa. Ôi, cậu phải đọc quyển đó đấy. Thế cậu đã đọc *Gia Đình Buddenbrook* chưa?” Họ là những người cùng tôi đi xem *Trò chơi bị cấm* và *Những đứa trẻ của thiên đường* khi Hội Điện ảnh đưa các phim đó vào chương trình. Chàng trai tôi hẹn hò và sau đó đính hôn đưa tôi đến Tòa nhà Âm nhạc, nơi người ta có thể nghe các đĩa nhạc vào giờ ăn trưa. Anh giới thiệu cho tôi về Gounod, và vì Gounod mà tôi yêu thích nhạc kịch, và vì nhạc kịch mà tôi yêu thích Mozart.

Khi cô Alfrida để lại tin nhắn nhà trọ nơi tôi sống, rằng muốn tôi gọi lại cho cô, tôi không hề gọi lại. Sau đó cô cũng không gọi lại.

Cô vẫn viết báo - thỉnh thoảng tôi lướt mắt qua trong những bài diễn

vấn cường điệu của cô về các bức tượng nhỏ của hãng Royal Doulton hay bánh quy gừng nhập khẩu hay áo ngủ cho tuần trăng mật. Nhiều khả năng là cô vẫn trả lời thư của các bà nội trợ Flora Simpon, và vẫn đang cười nhạo họ. Giờ đây khi đã sống ở thành phố này, tôi hiếm khi xem cái tờ báo mà trước đây với tôi dường như là tâm điểm cuộc sống thị thành - hay thậm chí, theo một nghĩa nào đó, là tâm điểm cuộc sống của chúng tôi ở quê nhà, cách đó gần một trăm cây. Giờ đây tôi chợt nhận ra những chuyện hài hước, lối giả dối ép buộc của những người như cô Alfrida và Horse Henry sao mà lòe loẹt và buồn tẻ.

Tôi không lo sẽ tình cờ gặp cô, thậm chí trong cái thành phố mà xét cho cùng cũng chẳng lớn lắm này. Tôi không bao giờ vào các cửa hiệu cô nhắc đến trong cột báo của mình. Tôi không có lý do gì để đi qua tòa soạn báo, và cô lại sống xa nhà trọ của tôi, ở đâu đó phía Nam thành phố.

Tôi cũng không nghĩ cô Alfrida là kiểu người đi thư viện. Chính cái từ này, “thư viện”, có lẽ sẽ khiến cô trể miệng xuống trong điệu bộ nhàu nhai nổi kinh hoàng, như cô vẫn diễn với các cuốn sách trên giá ở nhà tôi - những cuốn sách đó không được mua vào thời của tôi, vài cuốn là phần thưởng của nhà trường cho cha mẹ lúc thiếu thời (có tên thời con gái của mẹ, bằng nét chữ đẹp dễ mà bà không còn viết được nữa), những cuốn sách mà đối với tôi không giống những thứ được mua ở cửa hàng mà như những linh hồn trong nhà, cũng hết như cây cối ngoài cửa sổ không phải là thực vật mà là những linh hồn bắt rễ trong lòng đất vậy. *Cối xay trên sông Floss*, *Tiếng gọi nơi hoang dã*, *Trái tim của Midlothian*. “Nhiều tác phẩm nặng đô quá nhỉ,” cô Alfrida từng nói. “Em đoán anh không mở chúng ra xem thường xuyên lắm.” Và cha tôi đáp là đúng, ông không mở ra xem, hòa cùng cái giọng coi nhẹ hay thậm chí còn có vẻ khinh thường của cô, đến mức thành nói dối, bởi vì quả thật ông có đọc sách, thỉnh thoảng, khi ông có thời gian.

Đó là kiểu nói dối tôi mong không bao giờ phải lặp lại, sự khinh thường tôi mong không bao giờ phải thể hiện, đối với những thứ thực sự quan

trọng với tôi. Và để không phải làm việc đó, tôi cần tránh xa bằng được những người tôi từng biết.

Cuối năm thứ hai, tôi rời trường đại học - tôi chỉ có học bổng cho hai năm đó. Không hề gì - đăng nào thì tôi cũng đang có kế hoạch làm nghề viết văn. Và tôi sắp lấy chồng. Cô Alfrida nghe được tin này, và cô liên lạc lại với tôi.

“Cô đoán cháu chắc rất bận nên đã không gọi điện cho cô, hay có lẽ không ai chuyển tin nhắn của cô cho cháu,” cô nói.

Tôi đáp có lẽ tôi bận, hay có lẽ họ đã không chuyển tin.

Lần này tôi đồng ý đến chơi. Một cuộc viếng thăm không buộc tôi cam kết điều gì, vì trong tương lai tôi sẽ không sống ở thành phố này nữa. Tôi chọn một ngày Chủ nhật, ngay lúc kỳ thi cuối năm vừa kết thúc, khi chồng chưa cưới của tôi sắp đi Ottawa để dự phỏng vấn xin việc. Hôm đó trời sáng sủa và nhiều nắng - khoảng đầu tháng Năm. Tôi quyết định đi bộ. Tôi gần như chưa bao giờ đến phía Nam phố Dundas hay phía Đông Adelaide, nên nhiều khu trong thành phố còn hoàn toàn xa lạ với tôi. Những cây bóng râm dọc các phố phía Bắc vừa trở lá, rồi những cây tử đinh hương, những cây hải đường làm cảnh, những luồng uất kim hương đều đang nở hoa, các bãi cỏ như những tấm thảm tươi mát. Nhưng sau một lúc thì tôi thấy mình đang bước dọc các phố không có cây bóng râm, các phố nơi nhà cửa chỉ cách vỉa hè một sải tay, còn những cây tử đinh hương ở đó - tử đinh hương vốn mọc ở khắp nơi - trông nhợt nhạt như thể bị phai nắng, và không tỏa hương. Khu phố này, ngoài nhà riêng, còn có những tòa căn hộ nhỏ hẹp, chỉ cao hai ba tầng - vài tòa nhà trang trí kiểu tiện ích với một đường viền gạch quanh cửa ra vào, vài tòa khác có cửa sổ kéo lên và rèm rủ thả ra ngoài, phủ lên bậc cửa sổ.

Cô Alfrida sống trong một ngôi nhà riêng, chứ không phải trong một căn hộ. Cô ở toàn bộ tầng trên. Tầng dưới, đúng ra là mặt tiền của tầng dưới, thì biến thành một cửa hiệu, đang đóng cửa vì hôm đó là Chủ nhật. Đó là cửa

hiệu đồ cũ - qua quây kính trưng bày bản thủ phía trước, tôi có thể thấy nhiều đồ nội thất không có gì đặc sắc, hàng chồng đĩa cũ và đồ gia dụng khắp nơi. Thứ duy nhất thu hút tôi là một cái xô đựng mật ong y chang cái xô mật ong có hình trời xanh và tổ ong vàng óng tôi dùng để đựng bữa trưa mang đi học hồi sáu hay bảy tuổi. Tôi vẫn còn nhớ mình đã đọc đi đọc lại những chữ viết trên thành xô: *Tất cả mật ong nguyên chất đều sẽ kết thành hạt*. Lúc đó tôi không hề biết “kết thành hạt” nghĩa là gì, nhưng tôi thích âm thanh của từ đó có vẻ hoa mỹ và ngon lành.

Tôi mất nhiều thời gian hơn dự tính để đến được đó và tôi thấy rất nóng. Tôi không ngờ rằng cô Alfrida, khi mời tôi đến ăn trưa, sẽ thết đãi tôi một bữa như các bữa ăn Chủ nhật quê hồi xưa, song khi trèo lên cầu thang ngoài trời tôi đã ngửi thấy mùi thịt thà rau củ đang nấu.

“Cô cứ tưởng cháu lạc rồi,” cô Alfrida nói vọng từ phía trên. “Suýt nữa thì cô lập một đội cứu hộ đấy.”

Thay vì váy mùa hè, cô mặc áo cánh màu hồng có nơ rủ ở cổ, giắt trong váy xếp nếp màu nâu. Tóc cô không còn uốn lọn óng mượt mà cắt ngắn và gọn sóng quanh mặt, màu tóc nâu sẫm giờ nhuộm đậm tông đỏ. Và khuôn mặt cô, theo tôi nhớ vốn gầy gò và rám nắng, giờ đầy đặn hơn và ít nhiều chảy nhão. Lớp trang điểm nổi bật trên da như nước sơn màu hồng cam trong nắng trưa.

Nhưng khác biệt lớn nhất là cô đã làm răng giả, màu đồng đều, hơi đầy tràn cả miệng và mang đến cho vẻ háo hức ấu tả cố hữu của cô một nét lo âu.

“Hừm... cháu có vẻ tròn ra,” cô nói. “Trước đây cháu vốn gầy nhom.”

Điều này đúng, nhưng tôi không thích nghe. Cùng với các cô bạn ở nhà trọ, tôi ăn đồ rẻ tiền - những bữa hậu hĩ gồm mì nùi phô mai đóng gói hiệu Kraft và các gói bánh quy nhân mứt. Chồng chưa cưới của tôi, thiên vị mọi thứ ở tôi một cách mãnh liệt và theo kiểu chiếm hữu, nói rằng anh thích phụ nữ có thân hình đầy đặn và tôi làm anh nhớ đến Jane Russell. Tôi

không thấy phiền khi anh nói vậy, dù bình thường tôi sẽ thấy mất thể diện khi ai đó nhận xét gì về ngoại hình của mình. Nhất là ai đó lại là người như cô Alfrida - một người không còn gì quan trọng trong đời tôi. Tôi tin là những người như thế không có quyền nhìn tôi, hay có ý kiến gì về tôi, chưa nói đến việc tuyên bố ý kiến ấy thành lời.

Ngôi nhà này hẹp ngang mặt tiền, nhưng dài từ trước ra sau. Có mặt phòng khách trần dốc bốn phía và cửa sổ nhìn ra phố, một phòng ăn trông như sảnh không có cửa sổ, vì các phòng ngủ bên hông mở sang phòng ăn lại có cửa sổ mái, một bếp, một nhà tắm cũng không có cửa sổ và đón ánh sáng ban ngày qua ô kính sần trên cửa ra vào, còn ngang mặt sau ngôi nhà là hiên hứng nắng bao kín bằng kính.

Trần nhà dốc nghiêng làm phòng ốc trông giống một nơi chốn tạm thời, như thể chúng tỏ vẻ là cái gì khác chứ không phải phòng ngủ. Tuy thế, trong nhà lại kê đầy nội thất nghiêm chỉnh - bàn ghế phòng ăn, bàn ghế phòng bếp, xô pha phòng khách và ghế thư giãn - tất cả đều là đồ dành cho các căn phòng rộng hơn, mang đúng nghĩa phòng hơn. Tấm lót bát đĩa trên bàn, những vuông vải trắng thêu để che lưng và tay ghế xô pha cùng ghế tựa, rèm mỏng treo ngang cửa sổ và màn dày in hoa ở hai bên - tôi không thể ngờ mọi thứ trông lại giống nhà các bác gái đến vậy. Và trên tường phòng ăn - không phải trong phòng tắm hay phòng ngủ mà trong phòng ăn - treo bức tranh hình bóng một cô gái mặc váy phồng, toàn bộ được làm từ ruy băng xa tanh hồng. Một dải vải sơn thô ráp được trải trên sàn phòng ăn, ở lối đi từ bếp đến phòng khách.

Cô Alfrida dường như đoán được phần nào suy nghĩ trong đầu tôi.

“Cô biết là mình tích nhiều đồ quá,” cô nói. “Nhưng toàn là đồ của cha mẹ cô. Đó là đồ đặc của gia đình, cô không bỏ đi được.”

Tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc cô cũng có cha mẹ. Mẹ cô mất đã lâu, và cô được bà tôi và bác gái nuôi lớn.

“Của cha mẹ cô cả,” cô Alfrida nói. “Khi cha cô bỏ đi, bà cháu giữ lại đồng

đồ đạc vì bà nói chúng phải là của cô khi cô lớn, thế nên giờ chúng ở đây. Cô không thể vứt bỏ chúng đi được, khi mà bà cháu đã mất công đến thế.”

Giờ thì tôi nhớ ra rồi - cái phần đời của cô Alfrida mà tôi đã quên mất. Cha cô tái giá. Ông bỏ trang trại và tìm được việc trong ngành đường sắt. Ông có vài đứa con nữa, gia đình họ chuyển từ thành phố này sang thành phố khác, và hồi xưa cô Alfrida đôi khi vẫn nhắc đến họ với giọng đùa cợt, chuyện họ có bao nhiêu con rồi, họ trở nên gần gũi thế nào, gia đình phải di chuyển nhiều ra sao.

“Đến gặp chú Bill nào,” cô Alfrida nói.

Chú Bill đang ở trên hiên hứng nắng. Chú ngồi, như đang đợi được gọi đến, trên một chiếc đi văng hay trường kỷ thấp phủ chăn sọc vuông màu nâu. Tấm chăn nhàu nhĩ - chắc chú vừa nằm trên đó - và tất cả mảnh cửa sổ đều bị kéo xuống đến bệ. Ánh sáng trong phòng - ánh nắng nóng bỏng chiếu qua lớp mảnh màu vàng có những vết mưa - và chiếc chăn thô nhàu, gối tựa phai màu cong lõm, thậm chí mùi chăn, mùi dép đi trong nhà của đàn ông, đôi dép cũ mòn đã không còn nhìn ra hình thù hoa văn gì cả, gọi tôi nhớ đến nhà các bác gái - cũng y như những tấm lót bát đĩa và đồng đồ đạc nặng nề bóng loáng ở các phòng phía trong, và cả cô gái ruy băng trên tường. Ở nhà họ, người ta cũng có thể bắt gặp chỗ ẩn náu tàn của cánh đàn ông với những thứ mùi ngấm ngấm nhưng dai dẳng, với cái vẻ bên lên nhưng ngang bướng trái ngược với lãnh địa của đàn bà.

Nhưng chú Bill lại đứng dậy bắt tay tôi, trong khi các ông bác sẽ không bao giờ làm thế với một cô gái lạ. Hay với bất kỳ cô gái nào. Không phải do tính kiếm nhả đặc thù nào đó kìm giữ họ, chỉ là họ sợ làm thế có vẻ kiểu cách quá mà thôi.

Chú cao, mái tóc muối tiêu óng mượt bỗng bệnh, khuôn mặt mịn nhẵn nhưng trông không trẻ. Một người đàn ông điển trai, nhưng sức mạnh của vẻ đẹp không hiểu sao đã cạn kiệt - bởi sức khỏe xoàng xoàng, bởi vận rủi, hay bởi thiếu quả quyết. Nhưng ở chú vẫn toát lên một vẻ nhả nhận đã hao

mòn, một kiểu cúi mình trước phụ nữ, khiến ta có cảm giác buổi gặp mặt sẽ dễ chịu, cho người phụ nữ đó và cho bản thân chú nữa.

Cô Alfrida dẫn chúng tôi vào phòng ăn không cửa sổ, một nơi phải bật đèn giữa một ngày sáng sủa thế này. Tôi có ấn tượng là bữa ăn đã sẵn sàng trước đó một lúc rồi, và việc tôi đến muộn đã làm trễ giờ giấc bình thường của họ. Chú Bill tiếp món gà quay và nước sốt, cô Alfrida thì tiếp món rau. Cô Alfrida nói với chú Bill, “Anh yêu, thế anh nghĩ cái thứ ở cạnh đĩa của anh là gì vậy?” và rồi chú nhớ ra cần cầm khăn ăn của mình lên.

Chú không có gì nhiều để nói. Chú mời nước thịt, chú hỏi xem tôi muốn nước chấm mù tạt hay muối tiêu, chú theo dõi cuộc hội thoại bằng cách quay đầu về phía Alfrida hay phía tôi. Thỉnh thoảng chú huýt sáo nho nhỏ qua kẽ răng, một âm thanh run rẩy dường như tỏ ý thân ái và tán thưởng, mà ban đầu tôi cứ nghĩ có thể đó là khúc dạo đầu cho một nhận xét nào đó. Nhưng chẳng có nhận xét nào cả, còn cô Alfrida thì chẳng hề ngừng lại để cho chú nhận xét. Sau đó tôi có gặp những người đã cai rượu cũng cư xử như chú hôm đó - phụ họa theo một cách dễ chịu nhưng không có khả năng dẫn mọi thứ đi xa hơn, tâm trí vướng bận một cách bất lực. Tôi không bao giờ biết liệu điều này có đúng với Bill không, nhưng dường như chú mang theo mình một quá khứ bại trận, từng chịu nhiều khổ nhục và thấm nhiều bài học. Chú cũng có dáng vẻ thích nghi hào hiệp với bất kỳ lựa chọn biến thành sai lầm nào, hay bất kỳ cơ hội không có kết quả nào.

“Đây là đậu Hà Lan và cà rốt đông lạnh,” cô Alfrida nói. “Rau đông lạnh lúc đó còn khá mới mẻ.”

“Loại này hơn hẳn loại đóng hộp,” cô nói. “Gần như ngon bằng rau tươi.”

Thế rồi chú Bill bỗng phát biểu một câu trọn vẹn. Chú nói loại lau này còn ngon hơn cả rau tươi. Màu sắc, mùi vị, mọi thứ đều hơn rau tươi. Chú nói, thật phi thường làm sao những gì hiện giờ người ta làm được và những gì có thể làm được trong tương lai bằng cách đông lạnh các thứ.

Cô Alfrida ngả người về phía trước, miệng mỉm cười. Cô có vẻ gần như

nín thở, như thể chú là đứa con của cô đang đi những bước không ai nâng đỡ, hay đang đơn độc loạng choạng trên xe đạp lần đầu.

Người ta có cách tiêm chất gì đó vào gà, chú kể cho chúng tôi, có một phương pháp mới làm mới con gà thành như nhau hết, béo mẫm và ngon lành. Không còn nguy cơ mua phải con gà thấp kém hơn nữa.

“Chú Bill làm trong ngành hóa học,” cô Alfrida nói.

Khi tôi không có gì để đáp thì cô nói thêm, “Chú từng làm việc ở Gooderhams?”

Vẫn không có gì để đáp.

“Nhà máy rượu,” cô nói. “Whisky của Gooderhams ấy.”

Lý do tôi không nói gì không phải vì tôi khiếm nhã hay thấy chán ngấy (tôi không khiếm nhã hơn mức khiếm nhã tự nhiên của tôi hồi đó, cũng chẳng thấy chán ngấy hơn cái mức mà tôi đã dự đoán trước khi đến) mà vì tôi không hiểu là cần phải đặt câu hỏi - gần như bất kỳ câu hỏi gì cũng được, để kéo một người đàn ông rụt rè vào câu chuyện, để lắng chú tỉnh khỏi sự lơ đãng và dựng chú dậy thành một người đàn ông có uy quyền nào đó, tức và người đàn ông trong gia đình. Tôi không hiểu vì sao cô Alfrida lại nhìn chú với nụ cười cổ vũ mãnh liệt như thế. Toàn bộ kinh nghiệm của tôi về chuyện phụ nữ với đàn ông, chuyện một phụ nữ lắng nghe người đàn ông của mình nói, lòng tha thiết hy vọng rằng anh ta sẽ chứng tỏ mình là người cô ta có lý do để tự hào - toàn bộ kinh nghiệm đó chỉ tồn tại ở thời tương lai. Quan sát duy nhất về các cặp tôi có được lúc đó là qua các bác gái với chồng họ và cha mẹ tôi, và những ông chồng bà vợ đó dường như có mối liên kết được nghi thức hóa rất mơ hồ, và không hề có sự phụ thuộc qua lại rõ rệt nào.

Chú Bill tiếp tục ăn như thể chú không nghe thấy lời nhắc đến nghề nghiệp và nơi công tác của mình, còn cô Alfrida bắt đầu hỏi han tôi về các môn học. Cô vẫn mỉm cười, nhưng nụ cười của cô đã khác đi. Nó hơi rúm lại vẻ sốt ruột và khó chịu, như thể cô đang đợi tôi giải thích cho xong để cô

được nói - và đúng là cô đã nói - “Có cho một triệu đô la cũng đừng hòng bắt cô đọc nổi mấy thứ đó.”

“Cuộc đời quá ngắn,” cô nói. “Cháu biết không, ở tòa báo đôi khi bọn cô cũng tuyển một người từng học hết mọi thứ đó. Bằng danh dự Văn chương. Bằng danh dự Triết học. Người ta không biết làm gì với họ. Họ không viết nổi cái gì đáng một xu. Em đã kể chuyện đó cho anh rồi phải không,” cô nói với chú Bill, còn chú Bill nhìn lên và nở với cô nụ cười của kẻ sẵn sàng làm bốn phen.

Cô để chuyện đó lắng xuống.

“Thế cháu làm gì để giải trí?” cô hỏi.

Lúc đó vở *Chuyến tàu mang tên dự vọng* đang diễn ở nhà hát Toronto, và tôi nói với cô rằng tôi đã đi tàu xuống Toronto với vài người bạn để xem.

Cô Alfrida để dao đĩa chạm vào đĩa kêu lách cách.

“Thứ rác rưởi đó,” cô la lên. Mặt cô tức thì đập vào mắt tôi, tạc khắc trong vẻ ghê tởm. Rồi cô nói tiếp giọng bình tĩnh hơn nhưng vẫn mang vẻ khó chịu độc địa. “Cháu đến tận Toronto để xem thứ rác rưởi đó?”

Chúng tôi đã ăn xong món tráng miệng, và chú Bill chọn đúng lúc ấy để hỏi xem chú có thể cáo lui được không. Chú xin phép cô Alfrida, rồi cúi người chú xin phép tôi. Chú quay về hiên hứng nắng và một chốc sau chúng tôi ngửi thấy mùi tẩu thuốc. Cô Alfrida dõi theo chú, dường như quên mất tôi và vở kịch. Mặt cô bỗng lộ vẻ dịu dàng tha thiết, đến nỗi khi cô đứng dậy tôi tưởng cô sẽ đi theo chú. Nhưng cô chỉ đi lấy thuốc lá.

Cô chìa thuốc ra cho tôi, và khi tôi lấy một điếu, cô nói, với nỗ lực chủ tâm tỏ ra vui vẻ, “VẬY và cháu vẫn giữ thói xấu cô xúi bẩy hả.” Có lẽ cô đã nhớ ra tôi không còn là trẻ con nữa, tôi không bắt buộc phải đến nhà cô và chẳng ích gì khi biến tôi thành kẻ thù. Và tôi sẽ không cãi lại - tôi chẳng thêm quan tâm cô Alfrida nghĩ gì về Tennessee Williams. Hay cô nghĩ gì về mọi thứ khác.

“Cô nghĩ đó là việc riêng của cháu,” cô Alfrida nói. “Cháu có thể đi đâu

cháu muốn.” Và cô nói thêm, “Xét cho cùng... chẳng bao lâu nữa cháu sẽ thành một phụ nữ có chồng.”

Qua giọng cô, có thể câu ấy có ý “Cô phải thừa nhận cháu giờ đã lớn” hoặc là “Chẳng mấy chốc cháu cũng sẽ phải phục tùng mà thôi?”

Chúng tôi đứng dậy và bắt đầu thu dọn bát đĩa. Dọn dẹp ở cạnh nhau trong một không gian nhỏ, giữa bàn bếp, kệ bếp và tủ lạnh, chúng tôi nhanh chóng lẳng lặng triển khai một trình tự và nhịp độ hài hòa trong việc cạo, xếp, bỏ thức ăn thừa vào những hộp trữ thực phẩm nhỏ hơn, đổ đầy nước xà phòng nóng vào bồn rửa, tóm lấy dao đĩa thìa chưa đựng đến thả vào ngăn kéo lót nỉ trong tủ búp phê phòng ăn. Chúng tôi mang gạt tàn vào bếp và thỉnh thoảng ngưng lại để rút một hơi thiết thực cho tỉnh người. Khi làm việc cùng nhau như thế này, sẽ có những chuyện mà phụ nữ có thể nhất trí hoặc bất đồng với nhau - chẳng hạn, có được hút thuốc không hay là tốt hơn hết không nên hút vì đám tàn thuốc lang thang có thể bay đến đậu lên một chiếc đĩa sạch, hay liệu có phải rửa tất cả những thứ trên bàn kể cả khi chưa dùng đến hay không - và hóa ra cô Alfrida và tôi lại đồng ý với nhau. Vả lại, cứ nghĩ đến việc rửa bát xong là mình có thể chuồn, tôi lại thấy mình thoải mái và rộng lượng hơn hẳn. Tôi đã nói là chiều hôm đó mình phải đi gặp một người bạn.

“Bát đĩa đẹp quá,” tôi nói. Bát đĩa màu kem, hơi vàng vàng, có viền hoa xanh da trời.

“Ờ... đây là bát đĩa đám cưới mẹ cô,” cô Alfrida nói. “Lại là một việc tốt nữa mà bà cháu làm cho cô đấy. Bà đóng gói tất cả bát đĩa của mẹ cô cất đi đợi đến lúc cô có thể dùng. Jeanie không hề biết đến đồ bát đĩa này. Chúng không thể tồn tại lâu được với đám đó.”

Jeanie. Đám đó. Mẹ kế của cô và các em trai em gái cùng cha khác mẹ.

“Cháu biết chuyện đó, phải không?” cô Alfrida hỏi. “Cháu biết chuyện xảy ra với mẹ cô chứ?”

Dĩ nhiên tôi biết. Mẹ cô Alfrida chết vì đèn nổ trên tay - đúng hơn là bà

chết vì bị bỏng do đèn nổ trên tay - các bác gái và mẹ tôi thường xuyên nói đến chuyện này. Không có chuyện gì về mẹ cô Alfrida hay về cha cô Alfrida, và rất ít chuyện về chính cô Alfrida lại được kể đến mà không lôi cái chết đó ra thêm thắt. Đó là lý do cha cô Alfrida bỏ trang trại ra đi (luôn được xem như một bước sa sút về đạo đức, nếu không muốn nói là sa sút cả về tài chính nữa). Người ta có lý khi thận trọng đến cùng cực với dầu than đá, và có lý khi thấy may mắn vì có điện, bất kể tốn kém đến đâu. Và chuyện xảy ra cũng thật khủng khiếp đối với một đứa trẻ ở tuổi cô Alfrida, dù thế nào chăng nữa. (Ý là... dù cô có làm gì với đời mình sau đó đi chăng nữa.)

Nếu không vì trận mưa đông đó thì bà đã không châm đèn vào giữa buổi chiều. Bà sống qua được đêm hôm đó, cả ngày hôm sau và đêm hôm sau nữa, giá như bà không phải sống thoi thóp như thế thì hẳn sẽ là điều tốt nhất trần đời đối với bà.

Thế rồi chỉ một năm sau đó, nhà máy điện Hydro bắt đầu hoạt động, và người ta không cần đến đèn dầu nữa. Các bác gái và mẹ tôi hiếm khi có cùng cảm nhận, nhưng họ chia sẻ cảm xúc về chuyện này. Cảm xúc đó ở trong giọng họ bất cứ khi nào nhắc đến tên mẹ cô Alfrida. Dường như với họ câu chuyện ấy là một báu vật kinh hoàng, một điều gia đình chúng tôi có thể nhận về mình mà không ai khác có thể, một sự khác biệt mà họ không bao giờ buông bỏ. Khi nghe họ nói, tôi luôn thấy như thực sự đồng lõa bắn thủ nào đó đang diễn ra, một sự mê mẩn thích thú bất cứ thứ gì rùng rợn hay thảm họa. Giọng họ như giun trườn quanh trong ruột tôi.

Đàn ông thì không như vậy, theo kinh nghiệm của tôi. Đàn ông quay đi khỏi những biến cố hãi hùng ngay khi có thể, và cư xử như thể một khi chuyện đã xong thì nhắc đến hay nghĩ đến cũng chẳng ích gì. Họ không muốn khuấy động bản thân, hay khuấy động người khác.

Vì thế nếu cô Alfrida sắp nói về chuyện đó, tôi nghĩ, chồng chưa cưới của tôi không đến lại là hay. Hay vì anh không phải nghe kể về mẹ của Alfrida, thêm vào đó là phát hiện ra chuyện của mẹ tôi cùng họ hàng thân thích nhà tôi, hay có lẽ cả về gia cảnh nghèo khó túng quẫn. Anh mê nhạc kịch và

bộ phim *Hamlet* của Laurence Olivier, nhưng anh không có thời gian cho bi kịch - cho sự bi kịch dơ dáy - trong đời thường. Cha mẹ anh khỏe mạnh, đẹp đẽ và phát đạt (dù dĩ nhiên anh nói họ tẻ nhạt), và dường như anh chưa từng quen ai lại không sống trong hoàn cảnh tương đối sáng sủa. Nhưng thất bại trong đời - thiếu may mắn, thất bại về sức khỏe hay tài chính - anh có ấn tượng rằng tất thảy đều là những sự thay đổi, và thái độ nhất nhất chấp thuận tôi của anh không hề bao gồm việc chấp thuận cả xuất thân xoàng xĩnh của tôi.

“Họ không cho cô gặp mẹ, ở bệnh viện ấy,” cô Alfrida kể, và ít ra cô nói câu này bằng giọng điệu bình thường, không dọn đường bằng tấm lòng hiếu thảo đặc biệt, hay sự kích động thớ lợ nào. “Ờ, nếu ở tình cảnh của họ, có lẽ cô cũng sẽ không để cô vào đó. Cô chẳng biết trông bà thế nào. Có lẽ là bị bó kín như xác ướp. Nếu không phải như thế thì bà nên bị bó lại mới đúng. Cô không ở đó khi chuyện xảy ra, cô ở trường. Trời sập tối nên thầy giáo bật đèn lên - ở trường có đèn điện - và ai cũng phải ở lại đó chờ giông tan. Rồi bác Lily - ờ, bà cháu đó - đến đón cô đưa về nhà bác. Và cô không bao giờ được gặp lại mẹ nữa.”

Tôi tưởng cô chỉ kể có thế, nhưng một giây sau cô lại tiếp tục, bằng một giọng thực sự vui tươi hơn đôi chút, như là cô đang chuẩn bị cười.

“Cô gào thét đến khản cả cổ rằng cô muốn gặp mẹ. Cô cứ la hét rồi la hét, cuối cùng không thể làm cô nín, bà cháu nói với cô, ‘Cháu không gặp mẹ là hay hơn, cháu sẽ không muốn thấy mẹ đâu, nếu cháu biết giờ mẹ cháu trông như thế nào. Cháu sẽ không muốn nhớ về mẹ như thế đâu.’ Nhưng cháu biết cô nói gì không? Cô vẫn nhớ câu cô nói. Cô bảo, ‘Nhưng mẹ cháu muốn gặp cháu. Mẹ cháu muốn gặp cháu.’”

Rồi cô cười thật, hay cũng có thể là phát ra tiếng khụt khịt khinh khỉnh để lảng tránh.

“Chắc cô tưởng mình là một nhân vật quan trọng, nhỉ? Mẹ cháu muốn gặp cháu.”

Phần này của câu chuyện tôi chưa từng được nghe.

Và khi tôi nghe được chuyện ấy, một điều gì đó xảy ra. Như thể một cái bẫy vừa sập lại, giam giữ những lời nói đó trong đầu tôi. Tôi không hiểu chính xác tôi có ích gì cho chúng. Tôi chỉ biết chúng lắc bật tôi ra, giải thoát tôi, ngay tức thì, để hít thở một luồng khí khác, ở sẵn đó chỉ chờ cho mình tôi.

Mẹ cháu muốn gặp cháu. Trong truyện ngắn tôi viết có câu này, truyện được viết ra nhiều năm sau đó, khi câu hỏi ai đã găm vào đầu tôi ý tưởng ấy trở nên không còn quan trọng nữa.

Tôi cảm ơn cô Alfrida rồi nói tôi phải về. Cô Alfrida đi gọi chú Bill ra chào tôi, nhưng quay lại thông báo rằng chú đã ngủ rồi.

“Chú ấy sẽ đấm ngực tự trách mình khi tỉnh dậy mất thôi,” cô nói. “Chú ấy rất thích gặp cháu.”

Cô cởi tạp dề ra và đi cùng tôi xuống hết cầu thang ngoài trời. Ở chân cầu thang là lối đi rải sỏi vòng ra đến vỉa hè. Tiếng sỏi lạo xạo dưới chân và cô trượt chân trong đôi dép đế mỏng đi trong nhà.

Cô nói, “Ồi! Chết tiệt,” và túm lấy vai tôi.

“Cha cháu thế nào?” cô hỏi.

“Ông vẫn ổn.”

“Cha cháu làm việc vất vả quá.”

Tôi đáp, “Thì ông buộc phải thế.”

“Ừ, cô biết. Thế mẹ cháu thì sao?”

“Mẹ cháu đại loại vẫn vậy.”

Cô quay người sang phía quầy trưng bày của cửa hiệu.

“Họ nghĩ ai sẽ mua mấy đồ đồng nát này đây? Nhìn cái xô mật ong kia. Cha cháu và cô thường mang bữa trưa đựng trong xô đúng như thế đến trường.”

“Cháu cũng thế,” tôi nói.

“Cháu cũng thế à?” Cô ôm chặt tôi. “Cháu nói với cha mẹ là cô nhớ họ, cháu nhớ nói nhé.”

* * *

Cô Alfrida không đến dự lễ tang cha tôi. Tôi tự hỏi có phải vì cô không muốn gặp tôi. Theo tôi biết, cô chưa bao giờ công khai nói cô ác cảm gì với tôi; cũng chẳng ai khác biết gì về chuyện đó. Nhưng cha tôi thì biết. Khi tôi về nhà thăm ông và được biết cô Alfrida sống gần đó - thực ra là ngay trong nhà bà tôi mà cuối cùng cô lại được thừa kế - tôi đề xuất hai cha con đi thăm cô. Đó là giai đoạn xáo động giữa hai cuộc hôn nhân của tôi, lúc tôi đang trong tâm trạng cởi mở, vừa mới được giải thoát và có khả năng giao tiếp với bất kỳ ai tôi chọn.

Cha tôi nói, “Ờ, con biết đấy, cô Alfrida hơi bực bội.”

Bây giờ ông gọi cô là Alfrida. Từ khi nào vậy?

Ban đầu tôi thậm chí còn không thể nghĩ là cô Alfrida có thể bực bội chuyện gì. Cha phải nhắc tôi đến cái truyện tôi viết, được đăng cách đó vài năm, còn tôi thì ngạc nhiên, thậm chí sốt ruột và hơi giận dữ khi nghĩ rằng Alfrida phản đối một việc dường như giờ không còn mấy liên quan đến cô nữa.

“Hoàn toàn không phải cô Alfrida đâu,” tôi nói với cha tôi, “Con đã thay đổi câu chuyện, con thậm chí chẳng nghĩ đến cô ấy. Đó là một nhân vật thôi. Ai cũng thấy được điều đó.”

Nhưng thực tế là vẫn có chuyện đèn nổ, bà mẹ quần vải chết chóc, đứa trẻ mồ côi kiên định.

“Hừm,” cha tôi nói. Nói chung ông khá hài lòng về việc tôi trở thành nhà văn, nhưng ông không tán thành cho lắm với cái được gọi là nhân vật của tôi. Cũng như với việc tôi bỏ chồng vì lý do cá nhân - nói đúng ra là lý do

bừa bãi - và cách tôi bào chữa cho mình khắp nơi - hay có lẽ, theo cách nói của ông, tháo lui khỏi mọi chuyện. Dù ông không nói ra - đó không còn là việc của ông nữa.

Tôi hỏi làm sao ông lại biết cô Alfrida cảm nhận như thế.

Ông đáp, “Một lá thư.”

Một lá thư, dù họ sống không xa nhau. Tôi thấy buồn khi nghĩ đến việc ông đã phải chịu mũi dùi bởi cái điều có thể coi là sự khinh suất, hay thậm chí việc làm sai trái của tôi. Tôi cũng buồn vì dường như bây giờ ông và cô Alfrida chỉ giữ quan hệ khách khí. Tôi tự hỏi ông đang bỏ lỡ điều gì. Có phải ông đã cảm thấy ông buộc phải bảo vệ tôi trước cô Alfrida, cũng như ông phải bảo vệ những gì tôi viết trước người khác? Giờ ông cũng sẽ làm vậy, dù việc này không dễ với ông. Khi làm cái việc bảo vệ không mấy dễ chịu ấy, có lẽ ông đã nói gì đó gay gắt. Vì tôi, những khó khăn kỳ dị càng chồng chất lên ông.

Có một mối nguy hại xuất hiện mỗi khi tôi về quê. Đó là mối nguy hại của việc nhìn đời mình qua mắt người khác chứ không phải mắt chính tôi. Nhìn đời mình như một cuốn sách cứ kéo dài ra mãi, như cuộn dây thép gai rối rắm, gây hoang mang, gây khó chịu - bị đặt đối chọi với những sản phẩm phong phú, thức ăn, hoa hoét, quần áo đan dệt trong đời sống gia đình của các phụ nữ khác. Lúc ấy, thật khó mà nói rằng chuyện về quê này đáng để nhọc công. Có lẽ là đáng để tôi nhọc công thật, nhưng còn người khác thì sao?

Cha tôi kể cô Alfrida bây giờ sống một mình. Tôi hỏi chú Bill thì thế nào. Ông nói toàn bộ chuyện ấy nằm ngoài quyền phán xét của ông. Nhưng ông tin là đã có chút phi vụ giải thoát.

“Giải thoát chú Bill á? Sao lại thế? Ai giải thoát?”

“Ờ, bố tin là có một bà vợ.”

“Con gặp chú ấy ở nhà cô Alfrida một lần. Con thích chú ấy.”

“Người ta vẫn thích hẳn. Phụ nữ ấy mà.”

Tôi phải coi như sự tuyệt giao đó có lẽ không liên quan gì đến tôi. Mẹ kế của tôi đã thúc giục cha tôi sống kiểu mới. Họ đi chơi bowling và đánh bi đá trên tuyết, và thường xuyên gặp gỡ các cặp khác để uống cà phê hay ăn bánh rán vòng ở hiệu Tim Horton. Bà sống đời góa bụa một thời gian dài trước khi lấy ông, thời đó bà có nhiều bạn bè và họ trở thành bạn mới của ông. Chuyện xảy ra giữa ông và cô Alfrida có lẽ đơn thuần chỉ là một trong những thay đổi đó, những mối gắn bó cũ cứ sòn mòn đi, một điều tôi hiểu rõ qua chính đời mình nhưng không tưởng tượng nổi lại có thể xảy đến với cuộc sống của những người lớn tuổi hơn - nhất là, như tôi hẳn sẽ nói, cuộc sống những người quê tôi.

Mẹ kế của tôi qua đời không lâu trước cha tôi. Sau cuộc hôn nhân ngắn ngủi hạnh phúc của họ, hai người được gửi đến hai nghĩa trang khác nhau để nằm cạnh người bạn đời đến sớm hơn nhưng rầy rà hơn. Trước khi hai người qua đời, cô Alfrida quay lại sống ở thành phố. Cô không bán nhà đi, cô chỉ bỏ đi và để nó đó. Cha tôi viết cho tôi, “Thật là một kiểu xử lý khôi hài.”

Đông người đến dự lễ tang cha tôi, nhiều người tôi không quen. Một phụ nữ bước qua bãi cỏ trong nghĩa trang đến nói với tôi ban đầu tôi nghĩ đó hẳn là bạn của mẹ kế. Rồi tôi nhận ra người này chỉ hơn tôi vài tuổi. Dáng bè bè chắc nịch, vòng tóc màu vàng tro uốn xoắn cùng áo vét in hoa khiến chị ta trông có vẻ già hơn.

“Tôi nhận ra chị qua ảnh,” chị ta nói. “Bà Alfrida từng luôn khoe khoang về chị.”

Tôi nói, “Cô Alfrida chưa chết sao?”

“Ồ, chưa,” người kia đáp, và kể tiếp cho tôi rằng cô Alfrida đang ở một nhà dưỡng lão tại một thị trấn ngay phía Bắc Toronto.

“Tôi chuyển bà xuống đó để tiện thăm nom.”

Giờ thì dễ dàng nhận ra - cả qua giọng nói - chị ta cùng thế hệ với tôi, và tôi chợt nghĩ chắc hẳn chị ta, người trong cái gia đình kia của cô Alfrida, em

cùng cha khác mẹ với cô, ra đời khi cô Alfrida gần như đã lớn.

Chị ta xưng tên họ với tôi, và dĩ nhiên đó không phải họ của cô Alfrida - hẳn chị ta đã lập gia đình. Mà tôi lại chẳng nhớ nổi có khi nào cô Alfrida nhắc đến các em cùng cha khác mẹ bằng tên hay không.

Tôi hỏi cô Alfrida dạo này thế nào, người phụ nữ nói thị lực của cô kém đến nỗi cô chính thức bị mù. Và cô có vấn đề nghiêm trọng về thận, có nghĩa là cô phải đi lọc thận hai lần một tuần.

“Còn ngoài chuyện đó ra ấy à...?” chị ta hỏi và cười lớn. Tôi nghĩ, ừ, một người em gái, bởi vì tôi nghe ra cái gì đó rất Alfrida trong giọng cười phá lên bật mẠng đó.

“Vì thế bà đi lại không được dễ lắm,” chị ta nói. “Nếu không tôi đã đưa bà đến. Bà vẫn nhận báo từ đây và thỉnh thoảng tôi đọc cho bà nghe. Chính qua đó mà tôi biết tin cha chị.”

Tôi bốc đồng tự hỏi lên thành lời, rằng liệu tôi có nên đi thăm cô ở nhà dưỡng lão không. Những nỗi xúc động ở lễ tang - mọi cảm xúc ầm ập, lắng dịu và hòa giải mở ra trong tôi sau cái chết ở một tuổi hợp lý của cha - đã gợi ra đề xuất này. Sẽ khó mà thực hiện được. Chồng tôi - người chồng thứ hai của tôi - và tôi chỉ có hai ngày ở đây, trước khi bay sang châu Âu cho kỳ nghỉ đã bị trì hoãn.

“Chẳng biết chị có thăm hỏi được gì nhiều không nữa,” người phụ nữ nói. “Có ngày thì bà bình thường. Rồi lại có ngày không bình thường. Ta chẳng bao giờ biết được. Đôi khi tôi nghĩ là bà đang giả vờ. Chẳng hạn như, bà sẽ ngồi đó cả ngày và bất kể người ta nói gì với bà, bà sẽ chỉ nói mãi một thứ. ‘Khỏe như vâm và sẵn sàng yêu đương’^[9]. Cả ngày bà chỉ nói câu đó. Khỏe như vâm và sẵn sàng yêu đương. Bà sẽ làm chị phát điên lên mất. Rồi lại có hôm bà trả lời bình thường được.”

Một lần nữa, giọng nói và giọng cười - lần này nửa ẩn nửa hiện - làm tôi nhớ đến cô Alfrida, thế là tôi bèn nói, chị biết không, tôi chắc chắn đã gặp chị, tôi nhớ một lần mẹ kế của cô Alfrida và cha cô ấy đến chơi, hay có lẽ là

khi cha cô ấy cùng vài đứa trẻ...”

“Ồ, tôi không phải người ấy,” người phụ nữ nói. “Chị nghĩ tôi là em gái Alfrida sao? Thật hết ý! Tôi chắc là trông đúng tuổi chứ nhỉ.”

Tôi bắt đầu nói rằng tôi không nhìn chị ta được rõ lắm, mà đúng là thế thật. Vào tháng mười, mặt trời buổi chiều đã xuống thấp và đang chiếu thẳng vào mắt tôi. Người phụ nữ đứng ngược sáng, nên khó mà nhìn ra đường nét và vẻ mặt chị ta.

Chị ta so vai về bốn chôn và nghiêm trọng. Chị ta nói, “Alfrida là mẹ ruột của tôi.”

Ôi. Mẹ ời.

Rồi chị ta kể cho tôi, không dài dòng lắm, câu chuyện mà chắc chị ta phải kể thường xuyên, vì đó là sự kiện quan trọng của đời chị, là cuộc phiêu lưu chị phải cô độc dẫn thân vào. Chị ta được một gia đình ở miền Đông Ontario nhận làm con nuôi; họ là gia đình duy nhất chị từng biết đến (“và tôi yêu họ tha thiết”), chị ta đã lập gia đình và có con, con cái chị đã trưởng thành trước khi chị cảm thấy niềm thôi thúc muốn tìm ra mẹ ruột của mình. Việc này không dễ lắm, vì cách lưu giữ hồ sơ trước đây, và cả vì vụ giữ bí mật (“Việc bà sinh tôi đã được giữ bí mật trăm phần trăm”), nhưng cách đây vài năm chị ta đã lần ra cô Alfrida.

“Cũng đúng lúc nữa,” chị ta nói. “Ý tôi là đúng lúc ai đó phải đến chăm sóc bà. Tôi làm hết sức mình có thể.”

Tôi nói, “Tôi không hề biết gì.”

“Ừ. Ngày ấy tôi không cho là nhiều người biết. Khi mình bắt đầu tìm kiếm, người ta cảnh báo rằng mình mà xuất hiện thì có khi sẽ gây sốc. Người già mà, đó vẫn là một cú nặng đô đấy. Nhưng mà. Tôi không cho là bà thấy phiền lắm. Trước đó thì có lẽ bà sẽ thấy phiền?”

Ở chị ta toát ra một vẻ đắc thắng nào đó, cũng không khó hiểu. Nếu ta có một câu chuyện mà kể ra có thể làm người khác choáng váng, rồi ta nói ra, và đúng là người ta choáng thật, thì hẳn phải có một khoảnh khắc êm dịu

của quyền lực. Trong trường hợp này, khoảnh khắc đó trọn vẹn đến độ chị ta cảm thấy phải xin lỗi.

“Xin lỗi chị, tôi cứ nói về bản thân mà chưa bày tỏ nỗi buồn thương cha chị.” Tôi cảm ơn chị ta.

“Chị biết không, bà Alfrida kể cho tôi rằng một hôm cha chị và bà đang đi học về, đó là khi họ học cấp ba. Họ không thể đi cùng nhau hết đường vì, chị biết đấy, thời đó, con trai và con gái, họ có thể bị trêu chọc chuyện gì đó kinh khủng. Vì thế nếu cha chị tan học trước ông sẽ đợi chỗ con đường về nhà rẽ khỏi đường chính, bên ngoài thị trấn, và nếu bà ra trước thì bà cũng làm như vậy, đợi ông. Và một hôm đang đi cùng nhau, họ nghe thấy chuông rung khắp nơi và chị biết chuyện gì không, Thế chiến Thứ nhất đã kết thúc.”

Tôi kể là tôi cũng đã được nghe chuyện đó.

“Chỉ có điều tôi cứ tưởng lúc đó họ còn bé.”

“Thế thì làm sao họ cùng nhau đi về từ trường cấp ba được, nếu họ còn bé?”

Tôi nói là tôi tưởng họ đang chơi ngoài đồng. “Họ mang chú chó của cha tôi đi theo. Nó tên là Mack.”

“Có lẽ đúng là họ có một con chó thật. Có lẽ nó chạy ra đón họ. Tôi không nghĩ bà lẫn lộn về chuyện bà kể cho tôi đâu. Bà rất giỏi nhớ bất kỳ chuyện gì về cha chị.”

Bây giờ thì tôi nhận ra hai điều. Thứ nhất, cha tôi sinh năm 1902, và cô Alfrida cũng trạc tuổi đó. Vì thế nhiều khả năng là họ đi học về từ trường cấp ba, hơn là họ đang chơi trên đồng, thật kỳ quặc là trước đây tôi chưa từng nghĩ đến chuyện đó. Có lẽ họ đã kể là họ ở trên cánh đồng, tức là, đang đi qua cánh đồng. Có lẽ họ chưa bao giờ nói từ “chơi”.

Đồng thời, cái cảm giác hối lỗi hay thân thiện, sự vô hại tôi nhận thấy ở người phụ nữ này một lúc trước đó, giờ đã không còn nữa.

Tôi nói, “Mọi thứ đều bị biến đổi”.

“Đúng vậy,” người phụ nữ nói. “Người ta biến đổi mọi thứ. Chị có muốn biết bà Alfrida nói gì về chị không?”

Đến rồi. Tôi biết chuyện này sẽ đến mà.

“Gì thế?”

“Bà nói chị lười, nhưng chị không lười đến mức như chị vẫn nghĩ về mình.”

Tôi buột đôi mắt mình không được rời khuôn mặt sẫm tối ngược sáng ấy.

Lười, quá lười, không đủ lười.

Tôi nói, “Chỉ vậy thôi sao?”

“Bà nói chị là kiểu người máu lạnh. Đó là bà nói chứ không phải tôi nhé. Tôi chẳng có gì phản đối chị cả.”

* * *

Chủ nhật đó, sau bữa trưa ở nhà cô Alfrida, tôi bắt đầu đi bộ suốt đường về nhà trọ. Nếu đi cả hai chiều, tính ra tôi đi hết khoảng mười sáu cây, như thế chắc bù lại hiệu ứng của bữa vừa ăn. Tôi thấy no căng, không chỉ no thức ăn mà cả mọi thứ tôi nhìn thấy và cảm thấy trong căn hộ ấy. Những đồ nội thất cổ lỗ sĩ, chật ních. Những khoảnh khắc im lặng của chú Bill. Tình yêu của cô Alfrida, bướng bỉnh như bùn quánh, không thích hợp và tuyệt vọng - từ những gì tôi thấy - ngay chỉ về mặt tuổi tác.

Sau khi đi bộ một lúc, tôi không còn thấy nặng bụng nữa. Tôi thể không ăn gì nữa trong hai tư tiếng đồng hồ tới. Tôi đi theo hướng Bắc rồi hướng Tây, hướng Bắc rồi hướng Tây, trên các con phố của thành phố nhỏ bé khá là vuông vắn này. Vào một chiều Chủ nhật, hiếm khi có xe cộ, trừ trên các đường lớn. Đôi khi hành trình của tôi trùng với một tuyến xe buýt trong

suốt vài đoạn phố. Một chiếc xe buýt đi ngang qua, có thể chỉ chở có hai ba hành khách thôi. Những người tôi không quen và những người không quen tôi. Thật là một ân phúc.

Tôi đã nói dối, tôi không đi gặp bạn bè nào cả. Các bạn tôi hầu hết đã về nhà mình, bất kể họ đang sống ở đâu. Chồng chưa cưới của tôi đi vắng đến ngày hôm sau - anh đang ghé thăm cha mẹ anh ở Cobourg, trên đường về nhà từ Ottawa. Không có ai trong nhà trọ khi tôi về tới đó - không có ai để tôi lo ngại phải nói chuyện hay phải nghe chuyện. Tôi không có việc gì phải làm cả.

Khi đã cuộc bộ hơn một tiếng, tôi thấy một hiệu dược phẩm^[10] đang mở cửa. Tôi đi vào đó uống một tách cà phê. Cà phê được hâm lại, đen và đắng - có vị như thuốc, đúng như tôi đang cần. Tôi đã cảm thấy nhẹ nhõm, và lúc này tôi còn bắt đầu thấy hạnh phúc. Hạnh phúc được cô độc. Để nhìn ánh nắng tràn vỉa hè trong buổi chiều muộn nóng nực, những cành cây vừa trở lá, đổ xuống bóng râm hồng hụt. Để nghe những âm thanh, đến từ sau cửa hiệu, những âm thanh của trận bóng trên đài mà người đàn ông vừa phục vụ tôi đang nghe. Tôi không nghĩ đến cái truyện ngắn tôi sẽ viết về cô Alfrida - không nghĩ riêng về điều đó - mà về công việc tôi muốn làm, dường như giống với việc chộp lấy một thứ bất ngờ xuất hiện, hơn là dựng nên câu chuyện. Tiếng đám đông reo hò khi tới tai tôi nghe như tiếng tim đập mạnh, tràn ngập nỗi buồn. Những đợt sóng đẹp dễ, nghe thật trang nghiêm, với những lời cổ vũ và than vãn xa xôi, gần như không phải của con người.

Đó là điều tôi muốn, đó là điều tôi nghĩ mình phải chú tâm đến, đó là cách mà tôi muốn sống.

$A_n U_i$

Nina vẫn hay chơi quần vợt vào buổi chiều muộn trên sân trường trung học. Sau khi Lewis bỏ việc ở trường, bà tẩy chay sân này một thời gian, nhưng đó là gần một năm trước, rồi bạn bà, bà Margaret - cũng là giáo viên về hưu nhưng nghỉ việc theo thông lệ với nghi lễ long trọng, chứ không như Lewis - thuyết phục bà đến chơi lại đó.

“Chị nên đi ra ngoài đôi chút khi còn có thể.”

Margaret đã nghỉ làm trước khi sự cố xảy đến với Lewis. Từ Scotland bà gửi một lá thư ủng hộ ông. Nhưng bà vốn là người có lòng thương cảm mệnh mang, sự thấu hiểu rộng mở và quan hệ bạn bè quảng giao đến độ có lẽ lá thư đó không mang nhiều trọng lượng. Mà nhiều lòng tốt của Margaret hơn.

“Sức khỏe Lewis thế nào?” bà hỏi, khi Nina lái xe đưa bà về nhà chiều hôm đó.

Nina đáp, “Xuống dốc.”

Mặt trời đã xuống gần đến mặt hồ. Một vài cây còn lá vàng rực lên, nhưng hơi ẩm mùa hè của buổi chiều đã bị giặt đi mất. Đám cây bụi trước nhà Margaret bị bỏ lại trong bao tải trông như các xác ướp.

Khoảnh khắc này trong ngày làm Nina nghĩ đến những buổi bà và Lewis cùng đi dạo trước đây, sau giờ dạy học và trước bữa tối. Những buổi đi dạo bất đắc dĩ phải mau lẹ vì trời tối, dọc theo các con đường nhỏ ngoại thành và những đường xe lửa cũ đắp cao. Nhưng đây ắp những quan sát rành mạch, dù nói ra thành lời hay không, mà bà học được hay thấm thấu được từ Lewis. Sâu bọ, ấu trùng, ốc sên, rong rêu, lau sậy trong rãnh mương và nấm đậu trên bãi cỏ, vết chân thú, cây com cháy, nam việt quất - một tổ hợp các thứ được khuấy lên, mỗi ngày một khác đi đôi chút. Và mỗi ngày lại thêm một bước tới gần mùa đông, tới sự thanh tịnh tăng dần, tới úa tàn.

Ngôi nhà Nina và Lewis đang sống được xây vào những năm 1840, gần sát lề đường theo kiểu cách thời đó. Nếu trong phòng khách hay phòng ăn, ta có thể nghe thấy không chỉ tiếng bước chân mà cả tiếng nói chuyện bên

ngoài. Nina nghĩ rằng Lewis sẽ ngạc nhiên thấy tiếng đóng cửa ô tô.

Bà bước vào miệng huyết sáo, cổ huyết hay hết cỡ. *Bản Xem kìa, người chinh phạt đang đến.*

“Em thắng rồi. Em thắng rồi. Có ai ở nhà không?”

Nhưng trong lúc bà vắng nhà, Lewis đang chết. Thực ra là, ông đang tự sát. Trên chiếc bàn cạnh giường có bốn gói nilon nhỏ trắng kim loại. Mỗi gói đựng hai viên thuốc giảm đau loại mạnh. Thêm hai gói nữa nằm cạnh mấy gói kia, chưa hề bị đựng vào, những viên thuốc con nhộng trắng vẫn làm căng phồng lớp vỏ bọc nilon. Lúc sau, khi Nina nhặt hai gói đó lên, hẳn bà sẽ thấy một gói có vết trên lớp kim loại, như thể ông đã bắt đầu dùng móng tay thọc vào rồi lại bỏ cuộc, như thể ông quyết định rằng mình đã uống đủ, mà cũng có thể đúng lúc đó ông lịm đi bất tỉnh.

Ly nước của ông gần cạn. Không giọt nào sánh ra ngoài.

Đó là chuyện họ đã từng bàn luận. Kế hoạch đã được thống nhất, nhưng luôn như thể đó là một chuyện có thể xảy ra - sẽ xảy ra - trong tương lai. Nina cứ tin rằng bà sẽ có mặt và sẽ có nghi thức ghi nhận nào đó. Âm nhạc. Những chiếc gối xếp gọn và một chiếc ghế được kéo gần lại để bà có thể cầm tay ông. Hai điều bà không hề tính tới - ông cực kỳ ghét các loại nghi lễ, và sự tham gia đó rồi sẽ đặt gánh nặng thế nào lên bà. Các câu hỏi đã được đặt ra, các ý kiến đã được thông qua, về nguy cơ bà cũng bị nghi ngờ tham gia vào vụ việc.

Làm như thế này thì những chuyện đáng công che đậy ông để lại cho bà đã ít hết mức có thể.

Bà đi tìm thư nhắn. Bà nghĩ ông sẽ viết gì đây? Bà không cần chỉ dẫn. Bà chắc chắn không cần một lời giải thích, lại càng không cần một lời xin lỗi. Thư nhắn chẳng thể nói gì hơn những điều bà đã biết. Thậm chí câu hỏi: Tại sao lại sớm vậy? bà cũng tự đoán được câu trả lời. Họ đã nói - đúng ra là ông đã nói - đến cái ngưỡng quá sức chịu đựng cái tình cảnh bất lực, nỗi đau, hay cái cảm giác ghê tởm bản thân, và tầm quan trọng của việc nhận ra

cái ngưỡng đó, không để trượt mất nó. Sớm còn hơn là muộn.

Dẫu vậy, chuyện ông không còn để nói với bà dường như là bất khả thi. Đầu tiên bà tìm trên sàn nhà, vì nghĩ rằng khi ông đặt ly nước xuống lần cuối, biết đâu tay áo ngủ ông đã gạt tờ giấy khỏi chiếc bàn cạnh giường. Mà cũng có thể ông đã đặc biệt cẩn trọng để chuyện đó không xảy ra - bà nhìn phía dưới chân đèn. Rồi trong ngăn kéo bàn. Rồi phía dưới, và cả bên trong đôi dép đi trong nhà của ông. Bà lật cuốn sách ông đang đọc gần đây lên và giữ tung các trang ra, một cuốn cổ sinh vật học về một thứ mà bà tin chắc được gọi là sự bùng nổ các hình thức sống đa bào ở kỷ Cambri. Không có gì ở đó.

Bà bắt đầu sục sạo khắp chăn mền. Lật tấm chăn bông rồi tấm ga trên cùng. Ông nằm đó, trong bộ đồ ngủ lụa màu xanh đậm bà mua cho ông vài tuần trước.

Ông than thấy rét - mà trước đó ông vốn không bao giờ thấy lạnh khi ngủ - nên bà đi mua bộ đồ ngủ đắt tiền nhất ngoài hiệu. Bà mua bộ đó vì lụa vừa nhẹ vừa ấm, và vì mọi bộ đồ ngủ khác bà thấy ở đó, có kẻ sọc và in những thông điệp kỳ quái hay tình nghịch đều làm bà nghĩ đến các ông già, hay các ông chồng trong truyện tranh, những kẻ lê bước bại trận. Bộ đồ này gần như cùng màu với ga giường, khiến người ông chỉ lộ ra đôi chút cho bà thấy. Bàn chân, cổ chân, cẳng chân. Bàn tay, cổ tay, cổ, đầu. Ông nằm nghiêng, mặt ngoảnh khỏi phía bà. Vẫn còn kiên quyết tìm thư nhắn, bà di chuyển chiếc gối, kéo mạnh nó ra từ dưới đầu ông.

Không. Không.

Bị dịch chuyển từ gối xuống đệm, đầu ông thoáng gây một tiếng động, một tiếng động nghe nặng hơn bà tưởng. Và thế đấy, cũng như khoảnh ga giường trống trơn, nó dường như muốn nói với bà rằng có tìm cũng vô ích.

Mấy viên thuốc hẩn đã đưa ông vào giấc ngủ, lén lút tước đi mọi hoạt động của ông, nên không có cảnh mắt trừng trừng chết chóc, mặt mũi méo mó. Miệng ông mở hé, nhưng khô khốc. Mấy tháng vừa rồi làm ông biến đổi

rất nhiều - thực sự chỉ lúc này bà mới thấy ông thay đổi nhiều đến thế nào. Khi ông thức, hay thậm chí khi ngủ, một nỗ lực nào đó trong ông đã duy trì được cái ảo tưởng rằng sự suy sụp chỉ và tạm thời - rằng khuôn mặt của một người đàn ông sáu mươi hai tuổi mạnh mẽ, luôn tiềm tàng khả năng gây hấn vẫn còn đó, dưới các nếp nhăn của làn da xanh xao, dưới vẻ cảnh giác chai lì của bệnh tật. Cấu trúc xương không phải là thứ mang lại cho khuôn mặt ông vẻ dữ dội và hoạt bát - tất thấy nằm ở đôi mắt sâu và sáng, ở cái miệng giật giật và khả năng biểu cảm linh hoạt, ở cách phô diễn những nếp nhăn biến đổi mau chóng làm thành vốn tiết mục của ông, bao gồm kiểu giễu cợt, hoài nghi, nhẩn nại một cách mỉa mai, ghê tởm một cách khổ sở. Vốn tiết mục cho lớp học - và không phải lúc nào cũng chỉ giới hạn ở đó.

Hết rồi. Hết rồi. Giờ đây khi đã chết vài tiếng (bởi chắc hẳn ông đã vào việc ngay khi bà vừa đi khỏi, vì không muốn có nguy cơ chưa xong việc thì bà đã về), giờ thì rõ ràng là sự hao mòn và tan rã đã thắng cuộc, khuôn mặt ông tụt sâu xuống. Nó đã phong kín, xa cách, già nua và thơ trẻ - có lẽ như khuôn mặt một đứa trẻ sơ sinh chết yểu.

Căn bệnh ấy có ba kiểu tấn công. Một kiểu liên quan đến bàn tay và cánh tay. Ngón tay dần tê liệt và mục đi, tay nắm lại khó khăn vụng về và rồi không nắm lại được nữa. Hay có thể chân bị yếu đi trước, và bàn chân bắt đầu vấp trượt, rồi nhanh chóng không chịu tự nhắc mình lên bậc thang hay thậm chí qua mép thảm. Kiểu thứ ba, và có lẽ và kiểu tấn công mạnh nhất, thì diễn ra ở họng và lưỡi. Nuốt trở thành một bi kịch khó tin, đáng sợ và nghệt thở, và lời nói biến thành một dòng vốn cục các âm tiết những nhieu. Cơ vân^[11] bị ảnh hưởng, bao giờ cũng thế, và đúng là thoát tiên chuyện đó nghe có vẻ như một tai họa không mấy trầm trọng. Không trực trặc gì ở tim hay não, không hồng hóc gì trong việc truyền tín hiệu, không xáo trộn ác hiểm nào trong tính cách. Thị giác, thính giác, vị giác, xúc giác, và hay hơn cả là trí thông minh, vẫn sống động và mạnh mẽ như trước giờ vẫn vậy. Bộ não bận bịu giám sát tất cả nhưng sự đình trệ hoạt động ngoài rìa, thu thập nhưng thiếu hồng và suy yếu. Chẳng phải đây là điều ai cũng muốn hơn

sao?

Tất nhiên, Lewis nói vậy. Nhưng chỉ bởi cái cơ hội nó đem đến cho ta, để hành động.

Vấn đề của riêng ông bắt đầu ở cơ chân. Ông đăng ký học lớp Thể dục cho người cao tuổi (dù ông căm ghét ý tưởng đó) để xem sức lực có thể vì bị uy hiếp mà quay về với cơ bắp không. Ông đã nghĩ lớp ấy có hiệu quả, trong vòng một hay hai tuần. Nhưng rồi tiếp đến là bàn chân nặng như chì, bước lê, vấp trượt, và chẳng mấy chốc, là kết quả chẩn đoán. Ngay khi vừa biết được chừng ấy, họ đã bàn đến việc phải làm gì khi thời điểm đến. Đầu hè, ông phải chống hai cây gậy để đi lại. Đến cuối hè, ông hoàn toàn không đi lại được nữa. Nhưng tay ông vẫn còn lật được sách, cũng như vẫn xoay xở cầm được đĩa, thìa hay bút, dù khó khăn. Nina thấy khả năng nói của ông có vẻ gần như không bị ảnh hưởng, dù khách đến thăm thấy khó mà hiểu ông nói gì. Dầu sao chẳng nữa, ông cũng quyết rằng khách khứa phải bị cấm. Chế độ ăn uống của ông được thay đổi, để ông nuốt dễ hơn, và đôi khi nhiều ngày qua đi mà không hề có khó khăn nào trong việc ăn uống.

Nina đã tìm hiểu về xe lăn. Ông không phản đối việc này. Họ không còn nói về cái mà họ gọi là Cuộc Đại Đình Công nữa. Bà thậm chí còn băn khoăn không biết liệu họ - đúng hơn là ông - có sắp bước vào một giai đoạn bà từng đọc đến hay chưa, một thay đổi đôi khi xảy đến với những người đang mắc bệnh trầm trọng. Một phương sách lạc quan đấu tranh để vươn lên phía trước, không phải bởi vì nó được bảo đảm, mà bởi vì toàn bộ trải nghiệm đã trở thành hiện thực chứ không còn là một khái niệm trừu tượng nữa, việc tìm cách đương đầu đã trở thành một công việc thường trực chứ không chỉ là một mối phiền toái.

Cái kết vẫn chưa đến. Hãy sống cho hiện tại. Hãy nắm bắt khoảnh khắc. Kiểu lý luận như thế dường như không giống tính cách của Lewis. Nina đã từng nghĩ rằng ông không có khả năng tự lừa dối bản thân ngay cả khi làm thế hữu ích đến mức nào đi nữa. Nhưng bà cũng đâu có muốn tượng được sự suy sụp thể chất lại ập đến với ông. Và giờ đây khi cái chuyện không

lường đến ấy đã xảy ra, liệu các chuyện khác có thể không? Có lẽ nào những biến đổi từng đến với người khác sẽ không đến với ông? Những hy vọng thầm kín, sự chệch hướng, những thỏa thuận ranh mãnh?

Không.

Bà cầm cuốn danh bạ điện thoại cạnh giường lên và tìm “Người làm đám ma”, dĩ nhiên không có từ nào như thế trong đó. “Giám đốc tang lễ”. Sắc thái trầm trọng hóa bà cảm thấy ở cái danh hiệu đó là một trong những chuyện bà thường chia sẻ với ông. Người làm đám ma, lạy Chúa, người làm đám ma thì có gì sai nào? Bà quay về phía ông thì thấy nãy giờ bà đã để ông chơ vơ nằm đó đầy bất lực. Trước khi quay số điện thoại, bà kéo chăn ga trở lại.

Giọng một người đàn ông trẻ tuổi hỏi bà bác sĩ có đang ở đó không, bác sĩ đã đến chưa?

“Chồng tôi không cần bác sĩ. Tôi vào nhà thì thấy ông ấy đã chết rồi.”

“Đó là lúc nào vậy?”

“Tôi không biết... cách đây hai mươi phút.”

“Bà thấy ông nhà đã qua đời? Thế thì... bác sĩ của ông bà là ai? Tôi sẽ gọi điện nhắn ông ta đến.”

Trong những cuộc bàn luận điềm nhiên giữa họ về tự tử, Nina và Lewis, theo bà nhớ, chưa hề nói đến việc liệu có phải giữ kín chuyện này không, hay cứ cho mọi người biết. Một mặt, bà tin chắc Lewis muốn mọi người biết sự thật. Chắc hẳn ông sẽ muốn cho mọi người biết rằng chính ông đã nghĩ ra cái phương cách đáng tôn trọng và hợp lý này để xử lý tình cảnh ông đang lâm vào. Nhưng mặt khác, ông hẳn không thích tiết lộ như thế. Ông không muốn ai nghĩ rằng đây là hệ quả của chuyện ông bị mất việc, của cuộc đấu tranh thất bại của ông ở trường. Làm người ta nghĩ ông suy sụp đến thế là do bị đánh bại trong vụ đó - điều này mới khiến ông giận điên lên.

Bà thu nhặt những gói thuốc khỏi chiếc bàn cạnh giường, cả những gói

còn nguyên cũng như những gói rỗng, và giặt nước toa lét để chúng trôi đi.

Nhân viên của người làm đám ma là mấy thanh niên địa phương cao to, học trò cũ, đôi chút bối rối hơn họ muốn thể hiện. Bác sĩ cũng còn trẻ và là một người lạ - bác sĩ thường lệ của Lewis đang đi nghỉ, ở Hy Lạp.

“Thế thì là một phúc lành,” bác sĩ nói sau khi được thông báo về các sự việc. Bà hơi ngạc nhiên khi nghe anh ta thú nhận điều đó thẳng thắn đến vậy, và nghĩ rằng Lewis mà nghe được thì có thể đã thoáng nghĩ ra mùi tôn giáo không được chào đón. Những gì bác sĩ nói tiếp ít gây ngạc nhiên hơn.

“Bà có muốn nói chuyện với ai đó không? Chúng tôi có những người, bà biết đấy, có thể giúp bà gỡ rối tâm tư lúc này.”

“Thôi. Thôi. Cảm ơn anh, tôi không sao cả.”

“Bà sống ở đây lâu rồi chứ? Bà có bạn bè để trông cậy chứ?”

“À, có. Có chứ.”

“Bà sẽ gọi cho ai đó ngay bây giờ chứ?”

“Vâng,” Nina đáp. Bà nói dối. Ngay khi bác sĩ, mấy cậu khiêng xác trẻ tuổi, và Lewis, vừa ra khỏi nhà - Lewis bị khiêng như một món đồ nội thất được bọc lại để che chắn khỏi va chạm - bà phải tiếp tục tìm kiếm. Giờ mới thấy có vẻ như bà thật ngốc khi chỉ giới hạn tìm kiếm gần giường. Bà thấy mình lục hết túi của cái áo choàng tắm mặc ở nhà đang treo sau cửa phòng ngủ. Một chỗ tuyệt vời, vì đây là bộ bà mặc mỗi sáng trước khi lật đật chạy đi pha cà phê, và bà vẫn luôn lục túi áo để tìm một cái khăn giấy, một thỏi son. Chỉ có điều nếu giấu ở đây thì ông sẽ phải đứng dậy bước ra khỏi giường rồi đi ngang qua phòng - mà ông thì từ vài tuần nay đã không đi nổi một bước nếu không có bà giúp.

Nhưng tại sao lại phải viết thư nhắn rồi để một chỗ vào ngày hôm qua? Chẳng phải viết rồi giấu đi từ nhiều tuần trước mới là có lý sao, nhất là khi ông không biết chữ mình sẽ nguệch ngoạc đi với tốc độ nào? Và nếu thế thì lá thư có thể ở bất kỳ chỗ nào. Trong ngăn kéo bàn viết của bà - bà đang lục soát chỗ ấy ngay lúc này đây. Hay dưới chai sâm banh bà mua để uống

mừng sinh nhật ông rồi đặt trên tủ com mốt, để nhắc ông ngày đó sẽ đến trong vòng hai tuần nữa - hay giữa những trang sách của bất cứ cuốn nào gần đây bà mở ra xem. Quả là ông đã hỏi bà, cách đây không lâu, “Lúc này em đang đọc sách gì cho em?” Ý ông là, ngoài cuốn bà đang đọc cho ông nghe - *Frederick vĩ đại* của Nancy Mitford. Bà chọn đọc cho ông sách sử giải trí - ông sẽ không chịu nổi truyện hư cấu - còn sách khoa học thì để ông tự đọc lấy. Bà đã đáp là, “Vài truyện ngắn Nhật ấy mà,” rồi giở cuốn sách ra. Giờ thì bà ném sách sang một bên để tìm cuốn đó, để đọc ngược và giũ các trang ra. Cả những cuốn bị bà đẩy ra cũng chịu cách đối xử như thế. Gối tựa trên cái ghế bà hay ngồi bị ném xuống sàn nhà để xem có gì phía sau không. Cuối cùng thì tất cả gối tựa trên xô pha cũng bị ném tan tác như vậy. Hạt cà phê bị lắc tung khỏi hộp thiếc, phòng trường hợp ông (bất thành công?) giấu lời chia tay ở chỗ đó.

Bà không muốn có ai ở cạnh, không muốn có ai quan sát cuộc tìm kiếm này - tuy nhiên, bà vẫn bật đèn đóm sáng trung và kéo toang rèm ra khi tìm. Chẳng ai nhắc bà phải bình tĩnh lại. Trời đã tối được một lúc thì bà mới nhận ra mình phải kiếm cái gì để ăn. Bà có thể gọi điện cho Margaret. Nhưng bà chẳng làm gì cả. Bà đứng dậy, đáng ra để đi đóng rèm thì bà lại tắt đèn.

* * *

Nina cao nhỉnh hơn mét tám đôi chút. Thậm chí ngay từ thuở thiếu thời, các giáo viên thể dục, các cố vấn hướng nghiệp cùng những bạn bè lo âu của mẹ bà đã thúc giục bà bỏ cái dáng gù lưng ấy đi. Bà đã cố hết sức, nhưng ngay cả bây giờ, khi xem ảnh mình, Nina vẫn chán nản khi thấy bà đã tự biến mình thành một kẻ nhún nhường ra sao - vai so lại, đầu nghiêng về một bên, thái độ hoàn toàn giống một người phục vụ tươi cười. Khi trẻ, bà quen với các cuộc gặp mặt được sắp đặt, bạn bè đưa bà đi chơi với đàn

ông cao. Cứ như thể những mặt khác của anh ta thế nào cũng không quan trọng lắm - chỉ cần cao trên mét tám là chắc chắn sẽ bị ghép cặp với Nina. Khá thường xuyên anh ta sẽ sung sĩa vì tình cảnh đó - xét cho cùng, một người đàn ông cao thì có thể chọn và lựa chứ - còn Nina, lưng vẫn gù và miệng vẫn cười, thì sa vào cảnh ngượng nghịu.

Ít ra thì cha mẹ Nina cũng cư xử như thể đời bà là chuyện riêng của bà. Cả hai đều là bác sĩ, sống tại một thành phố nhỏ ở Michigan. Nina sống với họ sau khi tốt nghiệp đại học. Bà dạy tiếng La tinh ở trường trung học địa phương. Vào các kỳ nghỉ bà đi sang châu Âu với đám bạn bè thời đại học, những đứa vẫn chưa bị gạn ra để kết hôn và tái hôn, và có lẽ sẽ không lập gia đình. Trong chuyến đi bộ việt dã ở rừng Cairngorm, bà và nhóm bạn làm quen với một toán người Úc và New Zealand, một hội hippie nhất thời mà thủ lĩnh hình như là Lewis. Ông hơn những người khác trong hội vài tuổi, trông giống một người lữ hành dày dặn hơn là một gã hippie, và chắc chắn ông là người được gọi đến khi tranh cãi và khó khăn nảy sinh. Ông không cao gì cho lắm - thấp hơn Nina tầm bảy đến mười phân. Tuy nhiên, ông bám lấy bà, thuyết phục bà thay đổi hành trình và đi riêng với ông - bản thân ông cũng phấn khởi để toán bạn của mình tự xoay sở lấy.

Hóa ra ông đã chán đi lang thang, hơn nữa ông cũng có bằng về sinh học hoàn toàn đúng chuẩn, và một chứng chỉ sư phạm được cấp ở New Zealand. Nina kể cho ông nghe về thành phố trên bờ Đông hồ Huron, ở Canada, nơi bà từng đi thăm họ hàng lúc nhỏ. Bà tả những cây cao dọc phố, những ngôi nhà giản dị cũ kỹ, những cảnh hoàng hôn trên hồ - một nơi tuyệt vời để họ chung sống, và nhờ mối quan hệ giữa các nước trong khối Thịnh vượng chung, có thể Lewis sẽ thấy dễ tìm việc hơn. Đúng là họ đã tìm được việc, cả hai, tại trường trung học - dù vài năm sau thì Nina bỏ dạy, khi tiếng La tinh hết thời. Bà có thể theo học lớp nâng cao, trang bị kiến thức để dạy môn gì khác nhưng bà lại vui mừng, một cách thầm kín, rằng mình không còn làm chung chỗ và chung nghề với Lewis nữa. Cá tính mạnh của ông, phong cách giảng dạy gây xáo động của ông tạo ra cả kẻ thù lẫn bạn bè, và bà thấy

thanh thần khi không bị dính vào những chuyện đó.

Họ để chuyện có con thành quá muộn. Và bà ngờ rằng cả hai đều có chút gì quá phù phiếm - họ không thích ý tưởng ràng buộc bản thân vào những danh tính hơi khô cứng và bị xem thường của Cha và Mẹ. Cả hai - nhưng đặc biệt là Lewis - được học trò ngưỡng mộ vì họ không giống những người lớn ở nhà. Sôi nổi hơn về tinh thần và thể chất, phức tạp hơn, sinh động hơn và nhiều khả năng tìm ra điều gì đó hay ho từ cuộc đời hơn.

Bà tham gia vào đội hợp xướng. Nhiều buổi biểu diễn của đội diễn ra ở nhà thờ, và phải đến lúc đó bà mới biết Lewis ghét cay ghét đắng chốn ấy đến mức nào. Bà lý luận rằng thường không sẵn chỗ nào khác phù hợp để biểu diễn và điều đó không có nghĩa các bài hát là theo kiểu tôn giáo (cho dù hơi khó biện luận khi bản nhạc lại là *Chúa cứu thế*). Bà nói ông cổ hủ và ngày nay tôn giáo cũng không gây hại gì mấy. Chuyện này làm bùng nổ một cuộc cãi vã lớn. Họ vội chạy khắp phía đóng sập cửa sổ xuống, sao cho không ai từ vỉa hè nghe được giọng nói kích động của họ trong buổi tối mùa hè ẩm áp đó.

Một vụ cãi nhau như thế gây choáng váng và tiết lộ nhiều điều, không chỉ về việc ông đang tha thiết tìm kiếm kẻ thù đến mức nào, mà còn về việc bà không có khả năng từ bỏ cuộc tranh luận đã leo thang thành cơn giận điên cuồng. Không ai trong hai người chịu rút lui, họ quyết liệt bám vào nguyên tắc.

Sao anh không thể dung thứ những người khác biệt, tại sao điều này lại quan trọng đến thế?

Nếu điều này mà không quan trọng thì chẳng có gì quan trọng cả.

Dường như không khí ngày càng chất nặng sự ghét bỏ. Toàn bộ chỉ về một vấn đề vốn sẽ không bao giờ được giải quyết. Họ lặng thinh đi ngủ, lặng thinh ra khỏi nhà sáng hôm sau, và suốt cả ngày bị một nỗi sợ hãi choán lấy - nỗi sợ của bà là ông sẽ không bao giờ về nhà nữa, còn nỗi sợ của ông là khi về nhà bà lại không ở đó. Tuy nhiên, may mắn đã mỉm cười với họ. Họ về

nhà cùng lúc vào chiều muộn, xanh xao vì hồi hận, run rẩy vì tình yêu, như những người vừa thoát một cơn động đất trong gang tấc và đang đi loanh quanh trong nỗi cô độc trần trụi.

Đó không phải là lần cuối. Nina, vốn được dạy dỗ thành người bình lặng, bản khoản tự hỏi chuyện như thế có phải là đời thường. Bà không thể bàn luận về vấn đề đó với ông - các cuộc hòa giải quá dễ chịu, quá ngọt ngào và ngớ ngẩn. Ông gọi bà là Nini-Hyena^[12] Dị Dàn, còn bà gọi ông là Merry Weather Lewis^[13].

Vài năm trước, một loại biển hiệu mới bắt đầu xuất hiện dọc lề đường. Từ lâu rồi vốn chỉ có các biển hiệu hối thúc cải đạo, rồi biển hiệu với hình trái tim lớn màu hồng và đường điện tâm đồ dần thẳng ra, ý là không khuyến khích việc phá thai. Còn bây giờ, những thứ trưng ra là lời từ sách Sáng thế.

Ban đầu, Đức Chúa Trời dựng nên trời đất.

Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có sự sáng, thì có sự sáng.

Đức Chúa Trời dựng nên loài người theo hình ảnh Ngài.

Ngài dựng nên người nam và người nữ.

Bên cạnh những dòng đó thường có hình cầu vồng, hoặc một bông hồng, hay một biểu tượng của vẻ đẹp Vườn Địa Đàng.

“Tất cả những thứ này có nghĩa gì vậy?” Nina hỏi. “Dù sao thì cũng là một thay đổi. Không còn là ‘Đức Chúa Trời yêu thế giới này biết bao.’”

“Thuyết Sáng thế đấy,” Lewis đáp.

“Em biết rồi. Ý em là, tại sao nó lại ở trên biển hiệu khắp nơi?”

Lewis nói rằng chắc chắn hiện giờ đang có trào lưu gia cố niềm tin vào câu chuyện trong Kinh Thánh theo nghĩa đen.

“Adam và Eve. Vẫn mấy chuyện nhảm nhí cũ rích đó.”

Ông có vẻ không bị quấy rầy nhiều về chuyện này - ông cũng chỉ thấy bị sỉ nhục như khi đứng cạnh máng cỏ dựng lên mỗi dịp Giáng sinh, không

phải ở trước nhà thờ mà ngay trên thềm cỏ của Tòa Thị chính mà thôi. Trong địa phận nhà thờ là một chuyện, ông nói, trong địa phận của thành phố lại là chuyện khác. Những bài giảng phái Giáo Hữu của Nina không chú trọng nhiều đến Adam và Eve, nên khi về đến nhà bà lôi cuốn Kinh Thánh bản King James ra đọc một mạch toàn bộ câu chuyện. Bà thấy thích thú với những diễn tiến uy nghi của sáu ngày đầu tiên - sự phân cách nước, sự sắp đặt mặt trời mặt trăng, sự xuất hiện của những thú bò trên mặt đất và chim chóc trong không trung, vân vân và vân vân.

“Đẹp thật,” bà nói. “Thi vị tuyệt vời. Mọi người nên đọc cuốn này.”

Ông nói nó không hay cũng không dở hơn bất kỳ chỗ nào trong toàn bộ cái mớ huyền thoại về Sáng thế nảy nở ở mọi góc ngách trên trái đất này, và rằng ông đã chán ớn và mệt mỏi vì phải nghe người ta nói nó đẹp ra sao, nó thơ thế nào.

“Đó chỉ là một màn hỏa mù thôi,” ông nói. “Họ chẳng quan tâm quái gì đến thi với chả ca đâu.”

Nina cười phá lên. “Góc trái đất,” bà nói. “Nhà khoa học mà nói thế à! Em đánh cuộc ‘góc trái đất’ cũng từ Kinh Thánh mà ra?”

Thỉnh thoảng bà liếc nhìn trên choker ông về chủ đề này. Nhưng bà phải cẩn trọng để không quá đà. Bà phải coi chừng thời điểm ông có thể cảm thấy lời đe dọa chết chóc, lời xúc phạm làm mất danh dự.

Đôi khi bà tìm thấy một tập tài liệu tuyên truyền trong hộp thư. Bà không đọc hết, và có dạo bà cứ nghĩ ai cũng nhận được tập tài liệu này, cùng với các loại thư tạp nhạp rao bán các chuyến đi nghỉ ở vùng nhiệt đới và các thác nước lèo lèo khác. Rồi bà phát hiện ra Lewis cũng nhận được tập tài liệu như thế ở trường - ông gọi nó là “tuyên truyền của thuyết sáng thế” - để trên bàn làm việc hay nhét đầy hộp thư của ông văn phòng.

“Bọn trẻ con được lui tới bàn làm việc của tôi, thế nhưng đứa quỷ nào nhét đầy hộp thư của tôi ở đây hả?” ông hỏi ông hiệu trưởng như thế.

Ông hiệu trưởng đáp rằng chịu không đoán ra ai, ông cũng phải nhận

mấy thứ đó. Lewis nêu tên một vài giáo viên trong trường, một vài tín đồ Cơ Đốc giáo bí mật, ông gọi họ như thế, và ông hiệu trưởng nói rằng chuyện này không đáng để Lewis bực dọc, ông luôn có thể vứt mấy thứ đó đi mà.

Có nhiều chất vấn trong giờ học. Tất nhiên, lúc nào chẳng có. Ta có thể dự tính chuyện đó, Lewis nói. Một thiếu nữ thánh thiện bệnh hoạn hay một đứa tinh tướng, nam hay nữ, đang cố ném đá phá hoại thuyết tiến hóa. Để đối phó với chuyện này Lewis có các cách của riêng mình, tất cả đều đã được thử nghiệm và chứng tỏ đáng tin cậy. Ông nói với những kẻ phá bĩnh rằng nếu chúng muốn diễn giải theo kiểu tôn giáo về lịch sử thế giới thì đã có Trường Cơ Đốc giáo Độc lập ở thành phố bên cạnh hoan nghênh chúng đến học. Các chất vấn trở nên thường xuyên hơn, ông lại nói thêm rằng trường đó có xe buýt chở học sinh đi học, và chúng có thể thu dọn sách vở đi ngay lập tức nếu có ý định chuyển trường.

“Và chúc các anh các chị thuận buồm xuôi đ...” ông nói. Sau đó có một vụ tranh cãi - về việc liệu ông có thực sự dùng từ “đít” không hay chỉ bỗ lũng không nói ra. Nhưng kể cả nếu ông quả thật không nói ra từ ấy thì chắc chắn ông cũng đã có xúc phạm rồi, vì ai cũng biết câu đó sẽ được nói nốt thế nào.

Dạo này học trò đang dùng một chiến thuật mới.

“Không phải chúng em nhất thiết muốn theo quan điểm tôn giáo, thưa thầy. Chỉ là chúng em băn khoăn tại sao thầy không dành thời gian đồng đều để nói về quan điểm đó.”

Lewis để mình bị cuốn vào cuộc tranh cãi.

“Bởi vì tôi đến đây là để dạy khoa học, chứ không phải dạy tôn giáo.”

Đó là câu ông bảo là mình đã nói. Lại có người báo cáo rằng ông đã nói, “Bởi vì tôi đến đây không phải để dạy cốt.” Và quả là, Lewis giải thích rằng, sau khi bị ngắt lời đến lần thứ tư hay thứ năm, dù cách đặt câu hỏi có hơi khác đi kiểu gì chẳng nữa (“Thầy cho rằng nghe câu chuyện từ phía kia thì có hại cho chúng em sao? Nếu dạy chúng em chủ nghĩa vô thần, chẳng phải

thế cũng như dạy chúng em một loại tôn giáo đó sao?”), cái từ kia có lẽ đã buột ra khỏi miệng ông, và khi bị khiêu khích như thế thì ông không chịu xin lỗi.

“Tình cờ sao trong lớp học này tôi lại là chỉ huy và tôi là người quyết định dạy cái gì.”

“Em nghĩ Chúa Trời mới là chỉ huy, thưa thầy.”

Có nhiều vụ học trò bị tống ra khỏi lớp. Phụ huynh đến nói chuyện với hiệu trưởng. Hoặc có lẽ họ đã định nói chuyện với Lewis, nhưng hiệu trưởng đảm bảo sao cho việc này không xảy ra được. Chỉ sau đó Lewis mới nghe nói đến những buổi trao đổi riêng ấy, từ những nhận xét qua lại, ít nhiều đùa cợt trong phòng giáo viên.

“Ông không cần lo lắng về chuyện này,” ông hiệu trưởng nói - tên ông này là Paul Gibbings, trẻ hơn Lewis vài tuổi. “Họ chỉ cần cảm thấy được lắng nghe. Cần phải phỉnh phờ một chút.”

“Tôi cũng phỉnh phờ họ được mà,” Lewis nói.

“Vâng. Đó lại không hẳn là cách phỉnh phờ tôi nghĩ thế.”

“Cần phải có biển. Cấm chó và phụ huynh trong khu vực của trường?”

“Kiểu kiểu như thế,” Paul Gibbings nói, thở dài nhả nhận. “Nhưng tôi cho là họ có quyền của họ.”

Các lá thư bắt đầu xuất hiện trên báo địa phương. Cứ vài tuần lại có một lá, ký tên “Một phụ huynh lo âu” hay “Người đóng thuế Cơ Đốc giáo” hay “Cứ thế này thì chúng ta sẽ đi về đâu?” Những lá thư đó được viết chỉnh tề, chia đoạn rành mạch, lập luận thành thực, như thể chúng đều được viết bởi một ngòi bút đại diện. Các lá thư nêu rõ việc không phải phụ huynh nào cũng có thể chi trả học phí cho trường Cơ Đốc giáo tư thục, tuy vậy phụ huynh nào cũng đóng thuế. Vì thế con cái họ xứng đáng được dạy dỗ ở trường công, theo cách không gây xúc phạm, hay cố tình phá hủy niềm tin của chúng. Bằng ngôn ngữ khoa học, một số còn giải thích lời chúng đã bị hiểu sai ra sao và những khám phá vốn có về chứng minh cho thuyết tiến

hóa thực ra chỉ khẳng định những miêu tả trong Kinh Thánh. Rồi dẫn những trích đoạn Kinh Thánh dự đoán việc giáo huấn sai lầm ngày nay và điều này sẽ dẫn đến việc từ bỏ mọi luật lệ khuôn phép trong cuộc sống.

Chẳng bao lâu sau giọng điệu trong thư thay đổi, trở nên phẫn nộ. Bộ hạ của Kẻ Chống Chúa phụ trách chính quyền và nhà trường. Móng vuốt của Satan duỗi dài đến tâm hồn con trẻ, chúng thực sự bị buộc phải nhai đi nhai lại trong những kỳ thi các giáo lý đọa đày.

“Sự khác nhau giữa Satan và Kẻ Chống Chúa là gì, mà hai cái đó có khác nhau không nhỉ?” Nina hỏi. “Tín đồ phái Giáo Hữu rất chảnh mắng trong mấy chuyện kiểu này.”

Lewis nói rằng ông vẫn ổn mà không cần bà phải coi toàn bộ vụ việc này như trò đùa.

“Em xin lỗi,” bà điềm tĩnh nói. “Theo anh thì ai mới đích thực là người viết những lá thư đó? Một ông mục sư nào đó à?”

Ông đáp không phải, chuyện này chắc phải được tổ chức tốt hơn thế. Một chiến dịch có quân sư bậc thầy chỉ đạo, một tổng hành dinh nào đó, cung cấp để thư gửi đi từ các địa chỉ trong vùng. Ông không nghĩ rằng có bất kỳ phần nào của kế hoạch lại nảy sinh tại đây, ngay trong lớp của ông. Toàn bộ vụ này được dàn dựng, nhà trường là mục tiêu, có lẽ là ở những khu vực có nhiều hy vọng lấy được lòng dân chúng.

“Vậy sao? Không phải cá nhân nào sao?”

“Đó không phải là cách an ủi đâu.”

“Thế à? Em lại nghĩ nói vậy có thể an ủi.”

Ai đó viết “Hỏa ngục” lên xe của Lewis. Không phải bằng sơn phun - chỉ là vết ngón tay trên bụi.

Một nhóm học trò bắt đầu tẩy chay giờ học lớp cuối cấp, bọn trẻ ngồi bệt trên sàn bên ngoài, vũ trang bằng giấy nhấn của bố mẹ. Khi Lewis bắt đầu dạy thì chúng cất tiếng hát.

Muôn ngàn sự vật đẹp tươi

Muôn sinh linh lớn nhỏ trên đời

Muôn điều ảo diệu kỳ khôi

Đến từ tay Đức Chúa Trời tạo ra...

Ông hiệu trưởng viện dẫn một quy chế cấm ngồi trên sàn hành lang, nhưng ông không ra lệnh bắt chúng quay vào lớp. Chúng phải đi vào phòng kho của nhà thể chất. Ở đó chúng vẫn tiếp tục hát - chúng có sẵn các bài thánh ca khác nữa. Giọng chúng lẫn vào những lời chỉ dẫn lạc giọng của giáo viên thể dục và những tiếng chân dậm huỳnh huých lên sàn nhà thể chất, đến độ gây bối rối.

Vào một sáng thứ Hai, một bản kiến nghị xuất hiện trên bàn làm việc của hiệu trưởng và đồng thời một bản sao được chuyển đến văn phòng tòa báo thành phố. Chữ ký được thu thập không chỉ từ phụ huynh của bọn trẻ liên đới mà còn từ nhiều giáo đoàn nhà thờ khác nhau quanh thành phố. Đa số là từ các giáo hội theo trào lưu chính thống, nhưng có cả một số từ các giáo hội Hiệp Nhất, Anh giáo và Trưởng lão.

Bản kiến nghị không nhắc đến Hỏa ngục. Cũng không có gì về Satan hay Kẻ Chống Chúa. Nó chỉ thỉnh cầu rằng phiên bản Kinh Thánh về Sáng thế phải được dạy ngang số tiết, được xem xét một cách tôn trọng như một lựa chọn. “Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, tin rằng Chúa Trời đã bị để ngoài đời sống quá lâu.”

“Vớ vẩn,” Lewis nói. “Bọn chúng đâu có tin và số tiết ngang bằng - bọn chúng đâu có tin vào lựa chọn. Rặt một lũ độc đoán. Cái bọn phát xít.”

Paul Gibbings đến nhà thăm Lewis và Nina. Ông không muốn bàn chuyện này ở nơi tai vách mạch rừng. (Một thư ký trong trường là thành viên nhà thờ thánh Kinh.) Ông không kỳ vọng gì nhiều là sẽ thuyết phục được Lewis, nhưng ông phải thử.

“Họ đẩy tôi đến chỗ tiến thoái lưỡng nan đáng nguyên rủa này,” ông hiệu trưởng nói.

“Cứ đuổi việc tôi đi,” Lewis đáp. “Tuyển một tên chó chết ngu xuẩn nào đó theo thuyết Sáng thế ấy.”

Tên chó đẻ đang thích thú chuyện này đây, Paul nghĩ. Nhưng ông tự kiểm chế. Đạo này dường như việc ông làm chủ yếu là tự kiểm chế.

“Tôi không đến đây để nói chuyện này. Ý tôi là nhiều người sẽ cho rằng đám này chỉ đang ứng xử hợp lý thôi. Cả những người trong Hội đồng Giáo dục nữa.”

“Thì làm họ hài lòng đi vậy. Đuổi việc tôi đi. Diễu hành trong trang phục Adam và Eve ấy.”

Nina mang cà phê đến mời họ. Paul cảm ơn bà và cố tìm ánh mắt bà để xem bà đứng về phía nào trong chuyện này. Nhưng chỉ vô ích.

“Hẳn rồi,” ông đáp. “Tôi không thể làm việc đó, dù tôi có muốn. Mà tôi lại không muốn. Công đoàn sẽ làm lông tôi. Chuyện này sẽ lan la khắp tỉnh, thậm chí có thể khơi lên một vụ đình công, chúng ta phải nghĩ đến bọn trẻ.”

Người ta hẳn nghĩ rằng nói thế sẽ làm Lewis mỉm lòng - nghĩ đến bọn trẻ. Nhưng ông vẫn chìm vào những thiên kiến của mình, như thường lệ.

“Diễu hành trong trang phục Adam và Eve. Có hay không có lá nho cũng được.”

“Điều tôi đòi hỏi chỉ là vài lời ngắn gọn ngụ ý rằng đây là một diễn giải khác và có người tin chuyện này, có người lại tin chuyện khác. Rút gọn chuyện sáng thế xuống mười lăm hay hai mươi phút. Đọc to nó tên. Chỉ làm thế một cách tôn trọng thôi. Anh hiểu toàn bộ chuyện này xảy ra là do đâu phải không? Người ta cảm thấy không được đếm xỉa đến. Đơn giản là họ không thích khi thấy mình không được đếm xỉa đến?”

Lewis ngồi lặng thinh lâu đến độ gieo hy vọng - cho Paul, và có lẽ cho cả Nina, ai biết được nào - nhưng hóa ra đoạn tạm ngưng dài đó chỉ là phương sách để ông dần hiểu ra cái điều trái đạo lý trong lời đề xuất đó.

“Anh thấy thế nào?” Paul thận trọng hỏi.

“Tôi sẽ đọc to toàn bộ sách Sáng thế như anh muốn, nhưng sau đó tôi sẽ tuyên bố rằng đó là một món ô tạp bao gồm sự tự thù dệt bầy đàn và những quan niệm thần học chủ yếu vay mượn từ những nền văn hóa khác hay ho hơn...”

“Thần thoại,” Nina nói. “Một truyện thần thoại xét cho cùng không phải và điều nói láo, chỉ là...”

Paul thấy chú ý đến bà cũng chẳng ích gì lắm. Còn Lewis thì không hề chú ý.

Lewis viết một lá thư gửi cho báo. Lời lẽ trong phần đầu lá thư chừng mực và uyên thâm, miêu tả việc các lục địa trôi dạt, các biển mở ra và khép lại, và buổi khởi đầu không may mắn của sự sống.

Vi khuẩn cổ xưa, đại dương không cá và bầu trời không chim. Sự phồn thịnh rồi diệt vong, sự ngự trị của các loài lưỡng cư, bò sát, khủng long; các miền khí hậu dịch chuyển, các loài động vật có vú nhỏ bé bắt đầu tiên. Thử, sai, thử lại, các loài linh trưởng muộn màng và không hứa hẹn xuất hiện, vượn nhân hình đứng trên hai chân sau và tìm ra lửa, mài đá, đánh dấu lãnh thổ, và cuối cùng, trong bước tiến ồ ạt gần đây, họ đóng tàu, xây kim tự tháp rồi chế tạo bom, tạo ra ngôn ngữ và thánh thần rồi cúnng tế và giết lẫn nhau. Tranh cãi về chuyện Chúa Trời tên là Jehovah hay Krishna (đến đây lời lẽ trong thư trở nên gay gắt), hoặc là có được ăn thịt lợn không, quỳ gối và gào rú cầu nguyện một Lão Kỳ Dị nào đó trên trời, lão này rất quan tâm đến việc ai thắng trong chiến tranh và trong các trận bóng bầu dục. Cuối cùng, thật kinh ngạc biết bao, họ cũng tìm hiểu được vài việc và bắt đầu hiểu biết về bản thân và cái vũ trụ nơi họ đang sống, và rồi quyết định tốt nhất và nên vứt bỏ mọi tri thức vất vả mới có được đó đi, lôi Lão Kỳ Dị kia về và buộc mọi người quỳ gối trở lại, để bị dạy dỗ và để tin vào cái chuyện mảnh qué cũ rích, mà đã thế thì sao họ không lôi Trái Đất Phẳng về luôn thế?

Kính thư, Lewis Spiers.

Chủ bút tờ báo là một người quê ở nơi khác, vừa tốt nghiệp trường báo chí. Anh ta sung sướng vì vụ ồn ào này và tiếp tục cho đăng những phản hồi (Chúa Trời không bị nhạo báng với chữ ký của tất cả thành viên giáo đoàn nhà thờ Thánh Kinh; Người viết làm giảm giá trị lý lẽ từ vị mục sư giáo hội Hiệp Nhất, độ lượng nhưng buồn bã vì vụ việc, cảm thấy bị xúc phạm bởi chuyện mánh què và Lão Kỳ Dị), cho đến khi nhà xuất bản của tờ báo cho biết rằng kiểu nhiều loạn này đã lỗi thời, không đúng chỗ và làm cho các nhà quảng cáo chán nản. Ngậm miệng cả lại, ông ta nói.

Lewis viết một lá thư khác, lần này là để từ chức. Việc xin từ chức được chấp thuận với niềm tiếc nuối, Paul Gibbings nói rõ - cả trên báo - lý do là sức khỏe kém.

Điều này đúng, dù không phải là lý do bản thân Lewis muốn công khai cho mọi người biết. Trong vài tuần, ông cảm thấy chân yếu đi. Và ngay đúng thời điểm ông thấy việc phải đứng lên trước lớp và bước đi bước lại trước học trò là quan trọng, thì ông lại thấy mình đang run rẩy chỉ mong được ngồi xuống. Ông chưa bao giờ chịu thua, nhưng đôi khi ông phải túm lấy lưng ghế, ra vẻ như đang muốn nhấn mạnh. Và thỉnh thoảng ông nhận ra ông không cảm thấy chân mình ở đâu nữa. Nếu sàn mà trải thảm thì có lẽ ông đã vấp chân cả trên nếp gấp nhỏ nhất, và kể cả trong lớp học, nơi không có thảm, thì một mẫu phấn roi, một cái bút chì cũng đồng nghĩa với thảm họa.

Ông điên tiết với tình cảnh bệnh tật này, nghĩ đây hẳn là tâm bệnh. Ông chưa bao giờ căng thẳng thần kinh trước lớp, hay trước bất kỳ nhóm nào. Khi nhận kết quả chẩn đoán chính xác, trong phòng khám của bác sĩ chuyên khoa thần kinh, điều đầu tiên ông cảm thấy - như ông kể lại cho Nina - là một cảm giác nhẹ cả người kỳ cục.

“Anh cứ sợ là mình bị loạn thần kinh chức năng,” ông nói, và cả hai bắt đầu cười phá lên.

“Anh cứ sợ là mình bị loạn thần kinh chức năng, nhưng chỉ bị xơ cứng

teo cơ một bên thôi.” Họ cười, vừa đi vừa vấp dọc hành lang yên ắng trải thảm nhung, và bước vào thang máy, tại đó người ta kinh ngạc nhìn họ chòng chọc - cười to là chuyện rất lạ lùng ở một chỗ như vậy.

* * *

Nhà tang lễ Lake Shore là một tòa nhà mới rộng rãi, xây bằng gạch ánh kim - mới đến độ khu sân bao quanh vẫn chưa bị biến thành thảm cỏ và bụi cây. Nếu không vì cái biển hiệu thì người ta đã có thể nghĩ đó là phòng khám y khoa, hay tòa nhà của cơ quan công quyền. Cái tên Lake Shore không có nghĩa trông ra hồ mà là sự ngấm ghép họ của người làm đám ma - Bruce Shore. Vài người nghĩ cách ghép tên đó thật là nhạt nhẽo. Khi công việc kinh doanh còn được thực hiện tại một căn nhà lớn kiểu Victoria trong phố và còn thuộc về cha của Bruce, tên nó chỉ đơn giản là Nhà tang lễ Shore. Và thực ra đó là nhà ở, có rộng chỗ cho Ed và Kitty Shore cùng năm đứa con ở tầng hai và tầng ba.

Không ai sống tại cơ sở mới này, nhưng ở đó có một phòng ngủ với thiết bị nhà bếp, và một phòng tắm hoa sen. Đó và phòng trường hợp Bruce Shore thấy ngủ lại thuận tiện hơn lái xe mười lăm dặm về nhà ở quê, nơi vợ chồng anh nuôi ngựa.

Đêm qua cũng là một đêm anh ngủ lại, bởi có một tai nạn ở phía bắc thành phố. Một chiếc xe hơi chở mấy đứa choai choai đâm sầm vào trụ cầu. Những chuyện kiểu này - người lái vừa mới có bằng hay không hề có, và ai cũng say bí tỉ - thường xảy ra vào mùa xuân gần dịp tốt nghiệp, hay trong không khí nhộn nhịp của vài tuần khai giảng tháng Chín. Còn bây giờ là lúc người ta chờ tai ương của những người mới đến - các y tá chân ướt chân ráo từ Philippines sang năm ngoái - bị mắc vào trận tuyết đầu mùa mà họ tuyệt nhiên chưa quen.

Tuy nhiên, vào một đêm hoàn toàn yên ả và đường sá khô ráo, nạn nhân lại là hai thanh niên mười bảy tuổi, đều sống ở thành phố này. Và ngay trước đó, Lewis Spiers được đưa đến. Bruce bận không thở được - phải tát cho hai đứa trẻ, để chúng trông dễ coi, làm anh thức đến khuya. Trước đó anh gọi điện cho cha mình. Vào mùa hè Ed và Kitty vẫn sống ở ngôi nhà trong phố, chưa đi Florida, và Ed đến để sửa soạn cho Lewis.

Bruce vừa ra ngoài chạy bộ, cho tươi tỉnh tại. Khi nhìn thấy bà Spiers tắt chiếc xe Honda Accord cũ vào, anh vẫn chưa ăn sáng và đang mặc bộ đồ thể thao. Anh vội đi ra phòng chờ để mở cửa cho bà.

Bà là một phụ nữ cao, gầy, tóc muối tiêu nhưng cử động nhanh nhẹn trẻ trung. Sáng nay trông bà không có vẻ quá đau thương, cho dù anh để ý thấy bà chẳng bận tâm mặc áo khoác.

“Xin lỗi. Xin lỗi,” anh nói. “Cháu vừa đi tập thể dục một chút. Cháu e là Shirley vẫn chưa đến. Chúng cháu thực sự buồn trước nỗi mất mát của cô.”

“Vâng,” bà đáp.

“Thầy Spiers dạy cháu môn khoa học hồi lớp mười một và mười hai, thầy là người thầy cháu sẽ không bao giờ quên. Cô có muốn ngồi xuống không? Cháu biết hẳn cô đã chuẩn bị theo cách nào đó, nhưng đây vẫn là một trải nghiệm người ta không bao giờ sẵn sàng được khi nó đến. Thế bây giờ cô có muốn cháu soát toàn bộ giấy tờ cùng cô không, hay cô muốn vào chăm thầy?”

Bà nói, “Chúng tôi chỉ muốn hỏa táng.”

Anh gật đầu. “Vâng. Hỏa táng sẽ được làm sau đó.”

“Không. Chồng tôi phải được hỏa táng ngay lập tức. Đó là điều ông ấy muốn. Tôi cứ nghĩ tôi đã có thể mang tro của chồng về.”

“Ôi, chúng cháu không hề nhận được chỉ thị như thế,” Bruce nói chắc. “Chúng cháu lại chuẩn bị xác cho lễ viếng. Thầy trông rất đẹp, thực vậy. Cháu nghĩ cô sẽ hài lòng.”

Bà đứng chăm chăm nhìn anh.

“Cô không muốn ngồi xuống sao?” anh nói. “Chắc cô dự tính tổ chức lễ viếng chứ ạ? Một kiểu lễ nào đó? Sẽ có rất nhiều người muốn bày tỏ lòng thành kính tới thầy Spiers đấy ạ. Cô biết đấy, ở đây chúng cháu thực hiện nhiều kiểu lễ khác, không theo tôn giáo nào. Chỉ có ai đó đọc điệu văn, thay vì một nhà thuyết pháp. Mà kể cả khi cô không muốn nghi thức cầu kỳ như thế thì cô có thể chỉ để mọi người đứng dậy nói lên những tâm tư của họ. Cô muốn nắp quan tài mở hay đóng thì tùy. Nhưng quanh đây có vẻ như mọi người thường muốn để mở nắp. Nếu cô chọn hỏa táng thì không dùng cùng loại quan tài, tất nhiên rồi. Chúng cháu có quan tài trông rất đẹp mà giá thì chỉ bằng một phần nhỏ loại không hỏa táng.”

Đứng nhìn chăm chăm.

Sự thực là mọi chuyện đã chuẩn bị xong, và chẳng có chỉ thị nào là không được làm thế cả. Việc này, cũng như mọi việc khác, đều phải trả tiền. Chưa tính đến vật liệu.

“Cháu chỉ đang nói về những chuyện mà chắc cô sẽ muốn làm khi cô có thời gian ngồi xuống xem xét thôi ạ. Ở đây nhiệm vụ của chúng cháu là làm theo mong muốn của cô...”

Có lẽ nói thế là quá lời.

“Nhưng chúng cháu đã tiến hành làm theo cách kia bởi vì không có chỉ thị nào ngược lại.”

Một chiếc ô tô đỗ lại bên ngoài, cửa xe đóng lại, và Ed Shore bước vào phòng đợi. Bruce cảm thấy như trút được một gánh nặng to lớn. Vẫn còn nhiều thứ anh phải học trong nghề này. Cái phần ứng xử với người còn sống.

Ed nói, “Chào bà, Nina. Tôi thấy xe của bà. Tôi chỉ nghĩ mình phải vào nói bởi chia buồn?”

Nina đã qua đêm ở phòng khách. Bà tưởng là mình đã ngủ, nhưng giấc ngủ của bà không sâu, đến độ suốt thời gian đó bà nhận thức rõ mình đang

ở đâu - trên xô pha phòng khách - cũng như Lewis đang chỗ nào - trong nhà tang lễ.

Lúc này khi cố nói nên lời, rằng bà va lập cập. Chuyện này là hoàn toàn bất ngờ với bà.

“Tôi muốn hỏa táng cho chồng tôi ngay lập tức,” là câu bà đang cố nói ra, và là câu bà chồm nói, khi tưởng rằng mình vẫn đang nói bình thường. Và rồi bà nghe thấy, hay cảm thấy, hơi thở hỗn hển và những lời lắp bắp không kiểm soát nổi của mình.

“Tôi muốn... tôi muốn... chồng tôi muốn...”

Ed Shore nắm lấy cánh tay bà và vòng tay ôm vai bà. Bruce đưa tay lên nhưng không chạm vào bà.

“Lẽ ra con phải để cô ấy ngồi xuống đã,” anh rầu rĩ nói.

“Không sao cả,” Ed nói. “Bà có muốn đi ra ngoài đến chỗ xe của tôi không, Nina? Chúng ta đưa bà đi thay đổi không khí chút nào.”

Ed để cửa sổ mở, lái xe đi lên khu phố cổ và vào một con phố cụt có đường vòng nhìn ra hồ. Ban ngày người ta lái xe đến đây để ngắm cảnh - đôi khi vừa ngắm vừa ăn bữa trưa mua sẵn nhưng vào ban đêm đây là chỗ cho các cặp tình nhân. Ý nghĩ này có thể đã lóe lên trong đầu Ed, cũng như trong đầu bà, khi ông đỗ xe.

“Thế này đã đủ thay đổi không khí chưa?” ông hỏi. “Bà muốn bị cảm hay sao mà ra ngoài không mặc áo khoác thế.”

Bà cẩn trọng đáp, “Trời đang ấm lên rồi. Như ngày hôm qua.”

Họ chưa bao giờ ngồi cùng nhau trong xe đang đỗ, cả khi trời tối hay còn sáng, chưa bao giờ đi tìm chỗ nào như vậy để ở một mình bên nhau.

Dường như đây là một chuyện không đứng đắn để nghĩ tới lúc này.

“Tôi xin lỗi,” Nina nói. “Tôi mất bình tĩnh. Tôi chỉ có ý nói rằng Lewis... rằng chúng tôi... rằng anh ấy...”

Và mọi thứ lại bắt đầu trở lại. Rằng lại va lập cập, người run rẩy, từ ngữ

rời rạc. Sự thân thương kinh khủng của tình cảnh này. Thậm chí đó không phải là biểu hiện của những gì bà đang thực sự cảm thấy. Những gì bà cảm thấy trước đó bà giận dữ và thất vọng, khi nói với Bruce - hay khi nghe Bruce nói. Còn lúc này bà cảm thấy - bà đã nghĩ mình cảm thấy - khá bình tĩnh và có chừng mực.

Và lúc này, vì họ đang ở một mình bên nhau, ông không chạm vào bà. Ông chỉ bắt đầu nói. Đừng lo lắng về mọi chuyện. Tôi sẽ thu xếp. Ngay lập tức. Tôi sẽ đảm bảo mọi chuyện diễn ra ổn thỏa. Tôi hiểu mà. Hỏa táng.

“Hít thở nào,” ông nói. “Hít một hơi nào. Giờ nín thở. Giờ thở ra.”

“Tôi ổn mà.”

“Hẳn rồi.”

“Tôi không biết mình bị làm sao.”

“Sốc,” ông điềm điềm nói.

“Tôi không như vậy.”

“Hãy nhìn ra chân trời. Làm vậy cũng đỡ hơn.”

Ông rút cái gì đó ra khỏi túi áo. Khăn mùi soa à? Nhưng bà không cần khăn mùi soa. Bà không hề rơi nước mắt. Bà chỉ run rẩy thôi.

Đó là một mẫu giấy được gấp chặt.

“Tôi đã cất cái này đi cho bà,” ông nói. “Nó ở trong túi áo ngủ của ông ấy.”

Bà cất tờ giấy vào ví, cẩn thận và không hồi hộp, cứ như đó là một đơn thuốc vậy. Rồi bà hiểu ra mọi điều ông đang kể cho bà.

“Ông ở đó khi chồng tôi được đưa đến.”

“Tôi trông nom ông ấy. Bruce gọi tôi đến. Có vụ tai nạn ô tô, nó phải làm nhiều việc quá nên không xoay sở được.”

Bà thậm chí không hỏi, Tai nạn nào? Bà không quan tâm. Lúc này bà chỉ muốn ở một mình và đọc lời nhắn. Túi áo ngủ. Cái chỗ duy nhất bà không tìm đến. Bà không chạm vào thân thể ông.

Bà lái xe của mình về nhà, sau khi Ed chở bà quay lại chỗ đỗ xe. Ngay sau

khi ông vẫy tay chào bà cho đến ngoài tầm mắt, bà tấp xe vào lề đường. Hồi này khi đang lái xe, một tay bà thậm chí đã cố rút tờ giấy ra khỏi ví. Bà đọc những gì viết trên đó, khi xe vẫn nổ máy, rồi lái đi tiếp.

Trên vỉa hè trước nhà bà có một lời nhắn khác.

Ý muốn của Chúa Trời.

Vội vàng, chữ như gà bới, bằng phấn. Xóa đi cũng dễ thôi. Lời nhắn Lewis viết để cho bà tìm là một bài thơ. Mấy câu vần về cay độc. Nó có nhan đề: “Cuộc chiến giữa tín đồ thuyết Sáng thế và những người con của Darwin vì linh hồn của thế hệ uỷ mị.”

Huron tọa Thụ giáo đên

Gà mà Tối dạ thấy bèn vào nghe

Nghe quân Nhiêu sự o oe

Vua quân Nhiêu sự ai dè thanh tao,

Răng nhe cười rạng như sao

Ngu si một ý lớn lao trong đầu...

Nói lời lữ đò mong cầu!

* * *

Một mùa đông nọ, Margaret nảy ra ý tổ chức một chuỗi các buổi hội họp buổi tối để mọi người có thể thảo luận - không quá dài về bất kỳ chủ đề nào họ hiểu biết và dành nhiều quan tâm. Bà dự tính hoạt động này là dành cho giáo viên (“Giáo viên luôn là những người đứng ba hoa trước các khán giả bị câu thúc bà nói. “Để thay đổi, họ cần ngồi xuống nghe người khác nói cho họ nghe về đề tài gì đó.”), nhưng rồi mọi người quyết định mời cả người không trong nghề dạy học nữa thì sẽ thú vị hơn. Trước đó sẽ có bữa tối theo kiểu sẵn gì ăn nấy và rượu vang, ở nhà Margaret.

Vậy là một tối trời lạnh quang đãng, Nina thấy mình đang đứng ngoài cửa bếp nhà Margaret, trong tiền sảnh tối om chất đầy áo khoác, cặp sách và gậy khúc côn cầu của con trai Margaret - hồi đó cả mấy đứa vẫn còn ở nhà. Trong phòng khách - không tiếng động nào từ trong đó còn lọt đến tai Nina nữa - Kitty Shore đang nói không ngưng nghỉ về chủ đề bà chọn, các vị thánh. Kitty và Ed là hai trong số những “người thường” được mời vào nhóm - họ cũng là hàng xóm của Margaret. Tối hôm nọ Ed đã diễn thuyết, về leo núi. Bản thân ông cũng có leo núi, trên rặng Rocky, nhưng ông chủ yếu nói về những cuộc thám hiểm nguy nan và bi thảm, đề tài ông thích đọc. (Tối hôm ấy lúc hai người đi lấy cà phê, Margaret đã nói với Nina, “Tôi đã hơi lo là ông ta sẽ nói về ướp xác,” và Nina cười khúc khích đáp lại, “Nhưng đó không phải là sở thích của ông ấy. Đó không phải thứ nghiệp dư. Tôi không cho là có nhiều người làm ướp xác nghiệp dư.”)

Ed và Kitty là một cặp đẹp đôi. Margaret và Nina từng bí mật đồng ý với nhau rằng Ed sẽ là một đối tượng hấp dẫn đáng kể nếu ông không làm nghề đó. Vẻ xanh xao được kì cọ sạch sẽ của đôi bàn tay dài khéo léo ấy thật lạ thường, khiến người ta phải nghĩ. Đôi bàn tay đó vừa ở chỗ nào Kitty đầy đặn thì thường được nhắc đến như một phụ nữ đáng yêu - bà người thấp, ngực to, tóc đen, đôi mắt ấm áp, giọng nói ngập tràn nhiệt tình hỗn hển. Nhiệt tình với hôn nhân và con cái, với các mùa, với thành phố, và đặc biệt là với tôn giáo của mình. Trong nhà thờ Anh giáo mà Kitty là một thành viên, những người mộ đạo như bà rất hiếm, và có tin đồn rằng bà là tín đồ đang trong giai đoạn thử thách, với tính nghiêm ngặt và đồng bóng, và cả thiên hướng thích các nghi lễ bí truyền như lễ Giải cứu. Nina, và cả Margaret, cũng thấy khó mà chịu đựng nổi Kitty, còn Lewis thì coi bà là độc dược. Nhưng mọi người thì đa số bị gây ấn tượng mạnh.

Tối nay bà mặc váy len đỏ thẫm và đeo đôi hoa tai do một đứa con bà làm tặng nhân dịp Giáng sinh. Bà ngồi ở góc ghế xô pha, chân gập lại. Chừng nào Kitty còn bám vào phạm vi ảnh hưởng về lịch sử và địa lý của các thánh thì không sao - tức là Nina thấy không sao, vì bà đang hy vọng

Lewis cũng sẽ thấy không cần thiết phải tấn công.

Kitty nói rằng bà buộc phải bỏ qua toàn bộ các thánh ở Đông Âu và tập trung chủ yếu vào các thánh ở quần đảo Anh, đặc biệt là các thánh ở Cornwall, xứ Wales và Ai Len, những vị thánh Celt có tên tuyệt hay, vốn và các thánh yêu thích của bà. Khi bà nói sâu về các phép chữa bệnh, các phép lạ, và nhất là khi giọng bà mỗi lúc một vui sướng, kiểu thổ lộ tâm tình, và hoa tai của bà kêu leng keng, thì Nina càng thấy sợ hơn. Kitty nói, bà biết người ta hẳn sẽ nghĩ có họa ngó ngẩn mới đi nói chuyện với một vị thánh nào đó khi vừa nấu hồng một món ăn, nhưng bà thực lòng tin rằng các thánh tồn tại là vì những chuyện như thế. Họ đâu có quá cao xa và quá hùng mạnh đến nỗi không quan tâm đến hết thảy các thử thách và khổ đau đó, những tiểu tiết trong đời sống mà chúng ta sẽ thấy ngại ngùng nếu làm phiền Chúa Trời vì chúng. Với sự giúp đỡ của các thánh, người ta có thể phần nào ở lại thế giới trẻ con, với một niềm hy vọng trẻ con là được trợ giúp và được an ủi. Các người nên như đứa trẻ. Và chính những phép lạ nho nhỏ ấy - có phải chắc chắn chính những phép lạ nho nhỏ ấy đã giúp chúng ta sẵn sàng hơn để đón nhận những phép lạ vĩ đại?

Nào. Có câu hỏi gì không?

Ai đó hỏi về vị thế của các thánh trong nhà thờ Anh giáo. Trong nhà thờ Tin Lành.

“Hừm, nói chính xác thì tôi không cho Anh giáo là một nhà thờ Tin Lành,” Kitty đáp. “Nhưng tôi sẽ không đi sâu vào chuyện này. Trong tín điều khi chúng ta nói, ‘Tôi tin vào Nhà thờ công giáo Thánh thần,’ tôi chỉ coi điều đó nói đến toàn thể nhà thờ Cơ Đốc giáo vạn năng rộng lớn. Và rồi chúng ta nói, ‘Tôi tin vào các Thánh Thông công.’ Dĩ nhiên chúng ta không có tượng trong nhà thờ, dù cá nhân tôi nghĩ nếu có thì sẽ rất đẹp.”

Margaret nói, “Cà phê chứ?” và câu đó được hiểu là phần chính thức của buổi tối đã kết thúc. Nhưng Lewis dịch ghế đến gần Kitty hơn và nói với giọng gần như thân ái, “Thế thì sao? Chúng tôi có phải hiểu là bà tin vào các

phép lạ này không?”

Kitty cười. “Tin tuyệt đối. Tôi không thể tồn tại được nếu không tin vào phép lạ.”

Lúc đó Nina biết điều gì sẽ đến. Lewis vào chuyện bình thần không nao núng, Kitty phản công bằng sự tin chắc vui vẻ, và bằng cái mà có lẽ bà cho là những tuyên bố mâu thuẫn đầy nữ tính và quyến rũ. Niềm tin của bà đặt vào đó, hẳn vậy - vào sự quyến rũ của chính mình. Nhưng Lewis lại không bị quyến rũ. Ông muốn biết, “Thế các vị thánh đó ngay lúc này đang có hình dạng thế nào? Trên Thiên đường, họ có ở cùng lãnh thổ như những người chết thường, các tổ tiên đức độ không? Và họ được chọn như thế nào? Có phải bằng các phép lạ đã được chứng nhận, chứng minh? Và bằng cách nào người ta lại chứng minh được phép lạ của ai đó sống cách đây mười lăm thế kỷ? Mà dù sao đi nữa, chứng minh phép lạ như thế nào đây? Trong trường hợp bánh mì và cá thì đếm được. Nhưng như thế có phải là đếm thực sự không, hay đó chỉ bà cảm thức? Lòng tin? À, đúng rồi. Thì ra mọi thứ đều quy về lòng tin. Trong các vấn đề hằng ngày, trong suốt cả đời mình, Kitty sống bằng lòng tin chẳng?”

Đúng là như vậy.

Bà không dựa vào khoa học theo một cách nào đó sao? Chắc chắn không. Khi con bà bị ốm, bà không cho bọn trẻ uống thuốc. Bà không cần bận tâm về xăng cho ô tô, bà đã có lòng tin...

Lúc này quanh họ đã có đến cả tá hội thoại nổ ra, ấy thế nhưng, vì tính dữ dội và mối đe dọa toát ra từ cuộc hội thoại giữa hai con người này - giọng Kitty lúc này lên lên xuống xuống như chú chim trên dây điện, đừng nói ngớ ngẩn thế, ông nghĩ tôi hoàn toàn điên à? Còn Lewis thì trêu tức ngày càng khinh miệt hơn, ngày càng chí tử hơn - thế nên cuộc đối thoại giữa họ rồi sẽ bị người khác nghe thấy hết, mọi lúc, mọi nơi trong phòng.

Nina thấy đáng miệt. Bà đi ra bếp giúp Margaret. Họ đi ngang qua nhau, Margaret đang mang cà phê vào. Nina đi thẳng qua bếp rồi ra ngoài

hành lang, qua ô kính nhỏ trên cánh cửa hậu, bà ngó ra nhìn màn đêm không trăng, những đống tuyết dọc phố, những vì sao. Bà áp một bên má nóng bỏng lên kính.

Bà đứng thẳng dậy ngay khi cửa bếp mở ra, bà quay lại mỉm cười và định nói, “Tôi chỉ ra ngoài xem thời tiết?” Nhưng khi thấy khuôn mặt ngược sáng của Ed Shore, trong khoảnh khắc trước lúc ông đóng cửa, bà nghĩ mình không cần nói nữa. Họ chào nhau bằng tiếng cười vắn tắt, thân mật, hơi có vẻ biết lỗi và từ bỏ, dường như có nhiều điều được truyền đạt và được hiểu qua tiếng cười ấy.

Họ đang bỏ mặc Kitty và Lewis. Chỉ một lúc thôi - Kitty và Lewis sẽ không đặc ý. Lewis sẽ không cạn nhiệt huyết còn Kitty sẽ tìm được cách nào đó - tỏ ra thương hại Lewis có thể là một cách - để thoát khỏi thế tiến thoái lưỡng nan bị ăn tươi nuốt sống ấy. Kitty và Lewis sẽ không phát ngán với chính họ.

Phải chăng đó là cảm xúc của Ed và Nina? Phát ngán với những con người ấy, hay đúng hơn là phát ngán với những lập luận và sự tin chắc. Một mối vì những cá tính tranh đấu đó chẳng bao giờ dịu đi.

Họ sẽ không nói hẳn ra như thế. Họ sẽ chỉ nói là họ mệt. Ed Shore quàng tay ôm Nina. Ông hôn bà - không phải lên môi, không phải lên mặt, mà là lên cổ họng. Trên cổ họng, nơi một mạch máu bối rối đang đập.

Ông là người phải cúi xuống để làm việc này. Với nhiều người đàn ông, có thể đó là chỗ tự nhiên để hôn Nina, khi bà đứng dậy. Nhưng ông đủ cao để cúi xuống hôn bà đầy chủ tâm, ở cái chỗ phoir mở nháy cảm đó.

“Ở ngoài này em sẽ bị lạnh đấy,” ông nói.

“Tôi biết. Tôi đi vào đây.”

Cho đến tận hôm nay Nina chưa bao giờ quan hệ tình dục với người đàn ông nào khác ngoài Lewis. Chưa bao giờ đến gần chuyện ấy.

Quan hệ tình dục. Quan hệ tình dục với. Trong một thời gian dài bà không thể nói được mấy từ đó. Bà nói làm tình. Lewis không nói gì. Ông là

một bạn tình lực lưỡng và sáng tạo, và về mặt thể chất không phải là không để ý đến bà. Không thiếu ân cần. Nhưng ông cảnh giác đề phòng bất kỳ thứ gì nghiêng về tình cảm, và trong mắt ông, có rất nhiều thứ như thế. Bà trở nên rất nhạy cảm với sự không ưa này, gần như là chia sẻ nó.

Tuy thế ký ức của bà về nụ hôn của Ed Shore ngoài cửa bếp đã trở thành một báu vật. Lúc Ed hát sô lo giọng nam cao khi đội hợp xướng trình diễn bài *Chúa cứu thế* mỗi dịp Giáng sinh, khoảnh khắc đó lại trở về với bà. Câu hát “Hãy an ủi, hãy an ủi dân ta” xuyên thấu cổ họng bà những mũi kim hình sao. Như thế mọi điều về bản thân bà đã được nhìn nhận, được trân trọng và thấp sáng.

Paul Gibbings đã không tính đến rắc rối nào từ phía Nina. Ông vẫn luôn nghĩ bà là người nồng hậu, theo cách dè dặt của bà. Không châm biếm chua cay như Lewis. Mà khéo léo.

“Không,” bà nói. “Anh ấy sẽ không muốn chuyện này.”

“Nina à, dạy học là cuộc đời của ông ấy. Ông ấy đã cống hiến rất nhiều. Rất nhiều người, tôi không biết bà có hiểu là nhiều đến thế nào không, vẫn nhớ đã từng say mê ngồi trong lớp ông ấy dạy. Họ có lẽ không nhớ chuyện nào khác về thời cấp ba như nhớ về Lewis. Ông ấy đã hiện diện, Nina à. Người ta hoặc đã từng hiện diện, hoặc là không. Sự hiện diện của Lewis rất lớn lao.”

“Tôi không tranh cãi về điều đó.”

“Bà thấy là tất cả những người ấy muốn nói lời chia tay rồi đấy, theo cách nào đó. Tất cả chúng tôi đều cần nói lời chia tay. Và cũng để bày tỏ lòng kính trọng ông ấy. Bà biết tôi đang nói chuyện gì chứ? Sau toàn bộ những chuyện đã xảy ra. Kết thúc?”

“Vâng. Tôi nghe thấy rồi. Kết thúc.”

Một âm sắc cáu giận, ông nghĩ. Nhưng ông lờ đi. “Không cần có một chút hơi hướm tín ngưỡng nào ở đây. Không cầu kinh. Không tuyên dương. Tôi cũng như bà đều biết ông ấy sẽ ghét chuyện đó.”

“Anh ấy sẽ ghét chuyện đó.”

“Tôi biết. Tôi có thể làm người, kiểu như là, dẫn chương trình cho toàn bộ buổi lễ, nếu từ đó có vẻ không sai. Tôi biết khá rõ có thể yêu cầu ai nói đôi lời tri ân. Có lẽ là sáu hay bảy người, rồi tôi kết thúc bằng vài lời. ‘Lời ca tụng,’ tôi nghĩ từ này mới đúng, nhưng tôi thích từ ‘tri ân’ hơn...”

“Lewis không thích làm gì cả.”

“Và chúng tôi có thể để bà tham dự vào bất kỳ bước nào tùy bà chọn...”

“Paul. Hãy nghe tôi. Hãy nghe tôi nào.”

“Tất nhiên. Tôi đang nghe đây.”

“Nếu ông tiếp tục làm chuyện này, tôi sẽ tham gia?”

“Vâng. Thế thì tốt.”

“Khi Lewis chết, anh ấy để lại một... anh ấy để lại một bài thơ, đúng vậy. Nếu ông tiếp tục làm chuyện này, tôi sẽ đọc bài thơ đó.”

“Tức là thế nào?”

“Tôi muốn nói là tôi sẽ đọc ở đó, đọc to thành lời. Tôi sẽ đọc một đoạn cho ông nghe bây giờ.”

“Được thôi. Bà đọc đi.”

“Huron tọa Thụ giáo đền

Gà mờ Tối dạ thấy bèn vào nghe

Nghe quân Nhiều sự o oe.”

“Nghe đúng giọng Lewis rồi.”

“Vua quân Nhiều sự ai dè thanh tao,

Răng nhe cười rạn như sao...”

“Nina. Được rồi. Được rồi. Tôi hiểu ý bà rồi. Thế đây là điều bà muốn phải không? Hội phụ huynh và giáo viên trường Harper Valley^[14] phải không?”

“Vẫn còn nữa.”

“Hắn là còn nữa rồi. Tôi nghĩ bà đang rất bực mình, Nina ạ. Tôi không

nghĩ bà sẽ cư xử như thế này, nếu bà không bức mình đến thế. Và khi nào bà cảm thấy dễ chịu hơn, bà sẽ hối tiếc chuyện này đấy.”

“Không.”

“Tôi nghĩ bà sẽ hối tiếc chuyện này. Tôi cúp máy đây. Tôi nhất định sẽ phải nói lời chia tay.”

“Chà,” Margaret hỏi. “Ông ấy phản ứng thế nào?”

“Ông ấy nói ông ấy sẽ phải nói lời chia tay.”

“Chị có muốn tôi ghé nhà không? Tôi sẽ chỉ ở cạnh cho có bầu bạn thôi.”

“Thôi. Cảm ơn chị.”

“Chị không cần có ai ở cạnh sao?”

“Tôi nghĩ là không. Không phải lúc này.”

“Chị có chắc không? Chị ổn chứ?”

“Tôi ổn.”

Bà thực sự không hài lòng về bản thân, về cách ứng xử trên điện thoại.

Lewis từng nói với bà, “Em phải đảm bảo dẹp ngay nếu họ muốn lãng nhăng về chuyện nghi lễ. Cái lão nhát gan đó có khả năng làm chuyện này đấy.” Vì thế nhất thiết phải ngăn cản Paul bằng cách nào đó, nhưng cách bà làm có vẻ cường điệu thô thiển. Xúc phạm vốn là phần của Lewis, trả miếng là chuyên môn của ông - tất cả những gì bà xoay sở làm được chỉ là trích lời ông.

Bà chịu không thể nghĩ ra mình sẽ sống sao với toàn những thói quen hiền hòa như vậy. Lạnh lẽo và nín lặng, bị tước mất ông.

Trời tối một lúc thì Ed Shore gõ cửa hậu nhà bà. Ông ôm một hộp tro cốt và một bó hoa hồng trắng.

Ông đưa hộp tro cốt cho bà trước.

“Ôi,” bà nói. “Xong rồi.”

Bà cảm thấy hơi ấm qua lớp các tông dày. Hơi ấm đó không đến ngay mà

dần dần, như hơi ấm của dòng máu qua làn da.

Bà phải đặt nó đâu đây? Không thể để trên bàn ăn trong bếp, cạnh bữa tối muộn màng gần như chưa đụng đến. Trứng bác sốt salsa, một sự kết hợp bà vốn luôn mong chờ vào những tối Lewis về trễ vì một lý do nào đó rồi ăn với các giáo viên khác tại quán Tim Horton hay ở quán rượu. Tối nay món này tỏ ra là một lựa chọn dở.

Cũng không thể để trên kệ bếp. Trông sẽ như một món đồ thực phẩm kênh cang. Và cũng không thể để trên sàn, ở đó có lẽ nó sẽ dễ dàng bị bỏ qua hơn, nhưng lại có vẻ bị hạ xuống một vị trí thấp kém - như thể nó đựng mấy thứ chẳng hạn như cát vệ sinh cho mèo hay phân bón vườn, những thứ không nên để gần bát đĩa và thức ăn vậy.

Bà thực lòng muốn mang nó để ở phòng khác, đặt nó đâu đó trong một căn phòng mặt tiền không thấp đèn. Mà hay hơn, ở trên giá trong phòng kho. Nhưng xưa đuổi thế có lẽ là hơi quá sớm. Hơn nữa, nếu tính đến chuyện Ed Shore đang quan sát bà, việc đó có thể trông như một sự thu dọn chiến trường mau mắn cục súc cho trận chiến mới, một lời mời chào thô thiển.

Cuối cùng bà đặt hộp tro lên chiếc bàn điện thoại thấp.

“Tôi không có ý để ông phải đứng,” bà nói. “Ông ngồi đi. Mời ông ngồi.”

“Tôi làm gián đoạn bữa ăn của bà rồi.”

“Tôi không muốn ăn nốt nữa.”

Ông vẫn đang ôm bó hoa. Bà nói, “Hoa đó cho tôi à?” Hình ảnh ông ôm bó hoa, hình ảnh ông ôm hộp tro cốt và bó hoa, khi bà mở cửa - có vẻ kỳ cục, và giờ đây khi bà nghĩ về nó, buồn cười khủng khiếp. Đó là kiểu chuyện có thể làm bà cười như điên khi kể cho ai đó. Kể cho Margaret. Bà hy vọng bà sẽ không bao giờ kể.

Hoa đó là cho mình à?

Mà cũng dễ hiểu là cho người chết. Hoa cho nhà có người chết. Bà bắt đầu tìm một cái bình, rồi vừa đổ nước vào ấm vừa nói, “Tôi chỉ pha chút trà

thôi,” rồi quay lại cuộc săn lùng bình hoa và tìm thấy nó, đổ nước vào bình tìm thấy chiếc kéo bà cần để xén cuống hoa, và cuối cùng thì đỡ bó hoa khỏi tay ông. Rồi bà để ý thấy mình chưa bật bếp đặt ấm nước. Bà gần như mất tự chủ. Bà cảm thấy như mình có thể dễ dàng ném bó hoa hồng xuống sàn, đập tan bình hoa, nghiền nát giữa ngón tay móng hổ lớn của bữa tối đang đông lại trên đĩa. Nhưng tại sao lại thế? Bà không tức giận. Chỉ là một nỗ lực điên cuồng, để cứ làm hết thứ này rồi thứ khác. Bây giờ bà phải làm nóng bình trà, bà phải đun trà.

Bà nói, “Ông có đọc tờ giấy ông lấy ra từ túi áo Lewis không?”

Ông lắc đầu, không nhìn bà. Bà biết ông đang nói dối. Ông đang nói dối, người ông run rẩy, ông định tiến xa đến đâu vào đời bà? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu bà suy sụp rồi kể với ông về nỗi kinh ngạc bà đã cảm thấy - sao lại không nói ra, cơn ớn lạnh nơi trái tim bà - khi đọc được những gì Lewis viết? Khi bà nhận ra đó là toàn bộ những gì chồng bà đã viết.

“Đừng bận tâm,” bà nói. “Chỉ là vài câu thơ thôi.”

Họ là một cặp không có chỗ đứng lưng chừng, không có gì ở giữa những nghi thức lịch sự và tình thân ái ngập tràn. Chuyện giữa họ, suốt những năm qua, được giữ cân bằng bởi cuộc hôn nhân của mỗi người. Hôn nhân của họ là nội dung thực tồn của cuộc đời họ - cuộc hôn nhân của bà với Lewis, cái nội dung không thể thiếu được này của đời bà, đôi khi khắc nghiệt và gây hoang mang. Chuyện giữa họ phụ thuộc vào hai cuộc hôn nhân ấy, để có được vị ngọt ngào, để có được lời hứa hẹn khuây khỏa. Nó không phải mối quan hệ có thể tự đứng vững, kể cả nếu hai người có tự do. Thế nhưng cũng không phải là không có gì cả. Mối nguy hiểm nằm ở việc thử nó, nhìn nó tan vỡ và rồi nghĩ nó không là gì cả.

Bà bật bếp lên, bà đã có bình trà ở đó chỉ cần làm nóng. Bà nói, “Ông đã rất tốt bụng mà tôi thậm chí còn chưa cảm ơn. Ông phải uống chút trà.”

“Bà thật chu đáo,” ông đáp.

Và khi họ đã yên vị bàn, trà đã rót vào tách, sữa và đường được mang ra

mời - đúng thời điểm khi cơn hoảng sợ có thể đến - bà chợt có một cảm hứng rất kỳ lạ.

Bà hỏi, “Thật ra thì ông làm cái gì?”

“Tôi làm gì ấy à?”

“Ý tôi là... ông làm gì với ông ấy, tối qua? Hay là ông không hay bị người ta hỏi câu đó?”

“Không hỏi thẳng thừng.”

“Ông có thấy phiền không? Ông đừng trả lời nếu thấy phiền.”

“Tôi chỉ ngạc nhiên thôi. Tôi không thấy phiền.”

“Tôi cũng ngạc nhiên là mình hỏi.”

“Ừm, không sao,” ông nói, đặt lại tách trà vào đĩa. “Căn bản là ta phải dẫn lưu các mạch máu và các khoang cơ thể, và khi làm thế ta có thể gặp khó khăn tùy thuộc vào các cục nghẽn vân vân, vì thế ta phải tránh chuyện đó. Trong đa số trường hợp ta có thể dùng tĩnh mạch cảnh, nhưng đôi khi phải chích tim. Và để dẫn lưu khoang cơ thể, ta có dùng một thứ gọi là dùi chọc, đại khái là một cây kim dài mảnh cắm vào một cái ống mềm dẻo. Nhưng tất nhiên việc này sẽ khác nếu phải mổ xác để khám nghiệm và lôi các cơ quan ra. Khi đó ta phải cho đệm lót vào, để khôi phục dáng vẻ bên ngoài tự nhiên...”

Trong suốt lúc nói ông không rời mắt khỏi bà và nói tiếp một cách cẩn trọng. Mọi thứ ổn cả - bà thấy cảm giác khơi dậy trong bà chỉ là một sự tò mò bình thản và mông lung.

“Đó có phải là điều bà muốn biết?”

“Vâng,” bà điềm tĩnh đáp.

Ông thấy mọi chuyện đều ổn. Ông cảm thấy nhẹ nhõm. Nhẹ nhõm và có lẽ cảm động. Ông hẳn đã quen với việc người ta hoàn toàn né tránh việc ông làm, hay nếu không thì lại đùa cợt về việc đó.

“Và sau đó ta tiêm chất lỏng, tức là dung dịch formaldehyde và phenol

cùng rượu cồn, chút thuốc nhuộm thường được thêm vào tay và khuôn mặt. Mọi người coi khuôn mặt bà quan trọng, có nhiều thao tác phải làm để đặt cái chụp mắt và chằng dây thép vào lợi. Cũng như xoa bóp, chỉnh đi chỉnh lại lông mi và hóa trang chuyên biệt. Nhưng người ta cũng hay quan tâm đến tay và muốn tay mềm mại tự nhiên, không nhăn nhúm ở đầu ngón tay...”

“Ông đã làm toàn bộ việc đó à.”

“Đúng vậy. Đó lại không phải là điều bà muốn. Chúng tôi chỉ làm mấy việc hóa trang, chủ yếu vậy thôi. Chúng tôi chỉ quan tâm đến việc đó cho bây giờ thôi, chứ không lo bảo quản dài hạn. Kể cả cụ Lê nin, bà biết đấy, họ đã phải liên tục vào tiêm thuốc sao cho ông cụ không bị khô và phai màu - tôi không biết họ có còn làm thế nữa không.”

Giọng ông dường như dần ra, thoải mái hơn, kết hợp với đôi chút nghiêm trang, khiến bà nghĩ đến Lewis. Bà nhớ đến Lewis vào cái đêm trước đêm cuối, nói với bà bằng giọng yếu ớt nhưng thỏa mãn về các loài sinh vật đơn bào - không có nhân, không có nhiễm sắc thể ghép cặp, không gì nữa nữa - đó là hình thức sống duy nhất trên trái đất trong suốt gần hai phần ba lịch sử sự sống trên trái đất.

“Còn người Ai Cập cổ đại,” Ed nói, “họ có ý nghĩ là linh hồn đi du ngoạn một chuyến, mất khoảng ba nghìn năm mới xong, rồi linh hồn quay về với thân xác và lúc đó thân xác phải ở tình trạng tương đối tốt. Vì thế, nỗi lo lắng chính của họ là bảo quản, ngày nay chúng ta không có việc bảo quản nào đến mức như thế cả.”

Không lục lạp và không... ty thể.

“Ba nghìn năm,” bà nói. “Rồi nó quay lại.”

“Vâng, theo họ thì như thế,” ông đáp. Ông đặt tách trà đã uống cạn xuống và nói rằng có lẽ ông nên về nhà.

“Cảm ơn ông,” Nina nói. Rồi, bà vội hỏi, “Ông có tin vào mấy thứ như linh hồn không?”

Ông đứng chống hai tay lên bàn bếp nhà bà. Ông thở dài, lắc đầu và nói, “Vâng.”

Ngay khi ông vừa đi khỏi, bà lấy hộp tro cốt ra đặt lên ghế phụ xe hơi. Rồi bà quay vào nhà lấy chìa khóa và áo khoác. Bà lái xe xa khỏi thành phố khoảng một cây rưỡi, đến một ngã tư, đỗ xe và bước ra đi về phía con đường nhỏ rẽ ngang, mang theo chiếc hộp. Đêm khá lạnh và yên ắng, trăng đã lên cao trên trời.

Con đường này đoạn đầu đi qua một khoảng đất lầy lội có cỏ nển mọc - lúc này cỏ đã khô héo, cao và trông hiu hắt. Còn có cả cây bông tai, vỏ hạt đã trống trơn, lấp lánh như vỏ sò. Mọi thứ rõ nét dưới ánh trăng. Bà có thể ngửi thấy mùi ngựa. Đúng vậy... có hai con ngựa ngay gần đó, hai khối đen kịt phía sau đám cỏ nển và hàng rào trang trại. Chúng đứng cọ thân hình to tướng vào nhau, quan sát bà.

Bà mở hộp ra và ấn tay vào giữa lớp tro man mát, rồi tung, hay đúng hơn và thả tro - cùng những mẫu cơ thể li ti bướng bỉnh khác - xuống giữa đám cây cỏ bên lề đường. Làm việc này giống như lội đến, rồi lao xuống hồ và bơi lần đầu trong làn nước băng giá tháng Sáu. Thoạt tiên và cơn sốc ớn người, rồi sững sốt thấy rằng ta vẫn đang cử động, đang được đẩy dâng lên cao bởi một luồng cảm xúc thành tâm sắt đá - tĩnh lặng phía trên bề mặt cuộc đời, vẫn đang sinh tồn, qua nỗi đau của cơn giá lạnh đang tiếp tục cuốn tràn vào thân thể.

Tâm Ma

Mùa hè năm 1979, tôi bước vào bếp nhà Sunny, bạn tôi, ở gần Uxbridge, Ontario, và nhìn thấy một người đàn ông đang đứng bên kệ bếp, tự làm món sandwich phết sốt cà chua.

Nãy giờ tôi cứ lái xe loanh quanh trong vùng đồi phía Đông Bắc Toronto, cùng với chồng - chồng thứ hai, chứ không phải người tôi đã bỏ vào mùa hè năm đó - tôi đã đi tìm ngôi nhà này một cách bền bỉ vô ích, tôi cố gắng định vị nó nằm trên đường nào nhưng công cốc. Có thể nó đã bị phá đi. Vợ chồng Sunny đã bán nó vài năm sau lần tôi đến thăm. Nó quá xa Ottawa nơi họ sống, nên không tiện làm nhà nghỉ mùa hè. Con cái họ đến tuổi thiếu niên lại ngại đến đó. Và có quá nhiều việc sửa sang mà Johnston - chồng Sunny - phải làm, trong khi anh ta lại thích cuối tuần đi đánh gôn.

Tôi tìm thấy sân gôn - tôi nghĩ đúng là nó, dù lẽ sân nham nhở đã được sửa lại gọn ghẽ và có nhà câu lạc bộ trang trí cầu kỳ hơn.

Ở làng quê nơi tôi sống lúc nhỏ, giếng có thể bị cạn vào mùa hè. Chuyện này xảy ra cỡ năm hay sáu năm một lần, khi mưa không đủ. Những cái giếng này là hố đào dưới đất. Giếng nhà tôi sâu hơn đa số giếng khác, nhưng chúng tôi lại cần nhiều nước dự trữ cho thú nuôi trong chuồng - cha tôi nuôi cáo xám bạc và chồn - vì thế một ngày thợ khoan giếng đến, mang theo thiết bị trông rất ấn tượng, và cái hố được đào sâu nữa sâu mãi vào lòng đất đến khi tìm được nước trong đá. Từ đó chúng tôi có thể bơm lên nước tinh khiết mát lạnh, bất kể thời điểm nào trong năm và dù thời tiết có khô đến đâu. Đó là điều đáng tự hào. Một cái ca thiếc treo trên máy bơm, và khi uống nước trong ca vào một ngày nóng bỏng, tôi nghĩ đến những tảng đá đến nơi nước chảy lóng lánh như kim cương.

Thợ khoan giếng - thỉnh thoảng bị gọi là thợ đào giếng, như thể chẳng ai thèm bận tâm gọi tên chính xác công việc ông làm vào lối mô tả nào càng cũ kỹ thì càng thuận tiện - là một người đàn ông tên Mike McCallum. Ông sống ở thị trấn gần trang trại nhà tôi nhưng không có nhà riêng ở đó. Ông trọ trong khách sạn Clark - ông đến đó vào mùa xuân, và sẽ ở lại cho đến khi

làm xong bất kỳ việc gì tìm được ở vùng đất này. Rồi ông lại đi tiếp.

Mike McCallum trạc tuổi cha tôi, nhưng ông có một cậu con trai lớn hơn tôi một năm hai tháng. Cậu này sống với cha trong phòng khách sạn và nhà trọ, bất kỳ nơi nào cha cậu làm việc, và cậu đi học ở bất kỳ trường nào gần đó. Tên cậu cũng là Mike McCallum.

Tôi biết đích xác tuổi cậu, vì đó là điều trẻ con xác minh ngay lập tức, một trong những vấn đề chủ chốt mà dựa vào đó chúng thương lượng có làm bạn với nhau hay không. Cậu chín tuổi, còn tôi tám tuổi. Sinh nhật cậu vào tháng tư, còn tôi vào tháng Sáu. Khi cậu cùng cha đến nhà tôi, thì kỳ nghỉ hè đã bắt đầu từ lâu.

Cha cậu lái chiếc xe tải màu đỏ thẫm luôn lấm bùn hoặc bụi. Mike và tôi leo vào buồng lái khi trời mưa. Tôi không nhớ lúc đó cha cậu đi vào bếp nhà tôi, để hút thuốc và uống một tách trà, hay đứng dưới cây, hay đi làm việc ngay nữa. Mưa xối rửa cửa sổ buồng lái và gây tiếng ồn như đá rơi trên mái nhà. Mùi đàn ông - áo bảo hộ lao động và đồ nghề và thuốc lá và ủng nhộp nhúa và tất chua loét. Cả mùi chó lông dài ẩm ướt, vì chúng tôi mang chú chó Ranger theo. Tôi coi Ranger là vật nghiễm nhiên đã có đó, tôi quen có nó đi theo khắp nơi và đôi khi chẳng có lý do gì tôi cũng bắt nó ở nhà, hay đi ra nhà kho, hay để tôi yên một mình. Nhưng Mike thì rất thích nó và luôn gọi nó thân mật bằng tên, kể cho nó nghe kế hoạch của chúng tôi và đợi chờ nó khi nó bỏ đi đeo đuổi một trong những công cuộc của loài chó, truy đuổi chuột chũi hay thỏ. Sống như cậu đang sống với cha, Mike không bao giờ có được một chú chó của riêng mình.

Một hôm khi đang đi với chúng tôi thì Ranger đuổi theo một con chồn hôi, và con chồn quay lại phun dịch lên nó. Mike và tôi bị kết tội đôi chút. Mẹ tôi phải ngưng mọi việc đang làm dở để lái xe vào thị trấn mua vài hộp nước cà chua. Mike thuyết phục Ranger vào bồn tắm, chúng tôi đổ nước cà chua lên người nó và chải cho nước cà chua thấm vào lông. Trông như là chúng tôi tắm nó trong máu. Cần bao nhiêu người để cung cấp chừng ấy máu chúng tôi tự hỏi. Bao nhiêu con ngựa? Bao nhiêu con voi?

Tôi quen với máu và với việc sát sinh hơn Mike. Tôi dẫn cậu đi xem cái chỗ ở góc đồng cỏ gần cổng sân kho, nơi cha tôi bắn và mổ ngựa để nuôi cáo và chồn. Mặt đất bị giẫm trụi và dường như nhuộm màu máu đậm, một sắc đỏ gỉ sắt. Rồi tôi đưa cậu đến nhà mổ thịt trong sân kho, chỗ xác ngựa được treo lên trước khi bị xay ra làm thức ăn. Nhà mổ thịt chỉ là một cái lán có tường chằng dây thép, đen kịt lũ ruồi đang cuồn lên vì mùi xác thối. Chúng tôi lấy đá cuội đập chết chúng.

Trang trại nhà tôi nhỏ thôi - chín mẫu. Đủ nhỏ để tôi thám hiểm mọi ngóc ngách, và mỗi ngóc ngách đều có dáng vẻ và tính cách riêng tôi không tả nổi thành lời. Thật dễ nhận thấy điều đặc biệt toát ra từ cái lán chằng dây thép với những xác ngựa dài thượt tái nhợt thông xuống từ những cái móc bạo tàn, hay toát ra từ mặt đất bị đạp giẫm, dẫm máu, nơi chúng bị biến từ những con ngựa sống thành nguồn cung cấp thịt. Nhưng còn có các thứ khác, như những hòn đá trên hai bờ lối đi hẹp trong sân kho, vốn cũng thổ lộ với tôi nhiều điều như thế, dù chẳng có chuyện gì đáng nhớ xảy ra ở đó cả. Một bờ có hòn đá trắng trắng trơn nhẵn cộm lên và nổi trội hơn tất cả, vì thế mà với tôi bờ đó có vẻ rộng rãi công khai, và tôi luôn chọn trèo lên đó chứ không phải bên kia. Còn những hòn đá phía bên kia có màu sẫm hơn và dính vào nhau theo phong thái bần tiện hơn. Cũng như thế, mỗi cái cây ở chốn đó cũng mang một thái độ và tinh thần riêng - cây du trưng thư thái còn cây sồi hăm dọa, những cây thích thân thiện và bình dị, cây táo gai già cỗi và cáu kỉnh. Thậm chí cả những hố lõm dưới lòng sông - nhiều năm trước cha tôi lấy sỏi đó đem bán - cũng có cá tính riêng, có lẽ dễ phát hiện nhất nếu nhìn chúng đẩy nước khi các con lũ mùa xuân rút đi. Một hố nhỏ, tròn, sâu và hoàn hảo; một hố trái dài như hình cái đuôi; còn một hố thì rộng, hình dạng không cố định, bề mặt luôn gợn sóng vì nước quá nông.

Mike nhìn tất cả những thứ ấy từ một góc độ khác. Và tôi cũng vậy, khi ở bên cậu. Tôi nhìn chúng theo cả cách của cậu lẫn cách của tôi, mà cách của tôi thì về bản chất là không thể nói ra, vì thế nó buộc phải là điều bí mật. Cách của cậu liên quan đến những lợi ích tức thì. Hòn đá rộng nhạt màu ở

lối đi hẹp là để nhảy xuống, chạy một quãng ngắn thật nhanh rồi phóng mình lao vào không trung, để tránh những hòn đá nhỏ trên con dốc phía dưới và rồi hạ cánh lên đồng đất nén cạnh cửa chuồng ngựa. Cây cối là để leo trèo, nhưng đặc biệt là cây thích cạnh nhà, cây này có cành từ đó có thể bò ra để thả người xuống mái hiên. Và hổ sói chỉ đơn thuần là để nhảy vào, rú lên tiếng của loài thú đang lao vào con mồi, sau khi điên cuồng chạy qua lùm cỏ cao. Nếu giờ mà là thời điểm sớm hơn trong năm, Mike nói, khi mấy hổ này chứa nhiều nước hơn, thì chúng mình đã có thể làm một cái bè rồi.

Dự án đó được xem xét, cho con sông. Nhưng sông vào tháng Tám gần như chỉ là một con đường đá, như một dòng nước, và thay vì trôi xuôi theo nó hay dừng ở đó thì chúng tôi lại cởi giày lội qua - nhảy từ một hòn đá tro trụi trắng như xương sang một hòn khác, trượt trên những hòn đầy cặn bẩn chìm dưới mặt nước, xuyên rẽ qua những thảm hoa súng lá phẳng và những loại cây thủy sinh khác mà giờ tôi không nhớ ra tên, mà có khi là chưa từng biết tên (củ cải vàng hoang, độc cần nước?). Chúng mọc dày đến độ trông như bển rế trên đảo, trên đất khô, nhưng thực ra chúng mọc lên từ rác bẩn dưới sông, và bầy chân chúng tôi vào đám rế như rấn quẩn.

Con sông đó cũng chính là con sông chảy khơi khơi xuyên suốt thị trấn, và khi đi ngược dòng, ta sẽ đến chỗ nhìn được cây cầu cao tốc hai làn. Lúc ở một mình hay chỉ với Ranger, tôi không bao giờ ra xa đến tận cầu, vì ở đó thường có dân thị trấn. Họ đến đứng trên thành cầu câu cá, và khi nước đủ cao, bọn con trai nhảy xuống từ lan can. Chúng sẽ không làm thế lúc này, nhưng rất nhiều khả năng là vài đứa đang té nước dưới đó to mồm và thù địch, như bọn trẻ con phố thị vẫn thế.

Cũng có khả năng sẽ đụng phải những kẻ lang thang. Nhưng tôi không hé mồm gì với Mike về điều này, cậu đi trước tôi như thể cây cầu là một cái đích bình thường, không có gì khó chịu hay bị cấm. Tiếng những giọng nói vọng đến chỗ chúng tôi, và đúng như tôi dự đoán, đó là giọng bọn con trai đang la hét - nghe cứ như thể cây cầu là của chúng. Ranger theo chúng tôi đến tận đây, một cách thiếu nhiệt tình, nhưng giờ thì nó đổi hướng đi về

phía bờ sông. Lúc đó nó đã là một con chó già, và chưa bao giờ thích trẻ con mà không có chọn lọc.

Một người đàn ông đang câu cá, không phải từ trên cầu mà từ bờ sông, gã chửi thề vì chấn động Ranger gây ra khi chạy lên bờ. Gã bảo sao chúng tôi không để con chó ngu xuẩn đó ở nhà. Mike cứ đi thẳng tiếp như thể gã kia chỉ huyết sáo với chúng tôi mà thôi, rồi chúng tôi đi vào bóng râm của chính cây cầu, chỗ tôi chưa từng đến trong đời.

Thêm cầu là mái nhà của chúng tôi, với những dải nắng lọt qua khe ván. Giờ thì một chiếc ô tô đi qua, âm âm như sấm và che mất ánh sáng. Chúng tôi đứng im trước sự kiện này, ngược lên nhìn. Gầm cầu là một chốn riêng độc lập, chứ không chỉ là một quãng ngắn của con sông. Khi chiếc xe đi qua, mặt trời lại chiếu qua các kẽ nứt, ánh nắng phản chiếu trên mặt nước hắt những sóng ánh sáng và những bọt ánh sáng lạ lùng lên cột cầu xi măng phía trên cao. Mike hét lên để thử âm vọng, và tôi cũng làm thế, nhưng yếu ớt, vì bọn con trai trên bãi sông ở bờ kia cây cầu, những đứa không quen đó, làm tôi sợ hãi, còn hơn cả những kẻ lang thang.

Tôi đi học ở trường làng ở phía bên kia trang trại. Số người đăng ký học càng ngày càng ít đi đến độ tôi là đứa duy nhất trong lớp. Nhưng Mike đi học ở trường trên phố từ mùa xuân và bọn con trai này không xa lạ với cậu. Có lẽ cậu sẽ chơi với chúng, chứ không chơi với tôi, nếu mà cha cậu không có cái ý tưởng mang cậu theo khi đi làm, để có thể thỉnh thoảng để mắt đến cậu.

Nếu thế thì hẳn đã có vài lời chào qua lại giữa bọn con trai phố thị và Mike.

Này. Mà nghĩ mà đang làm gì đây hả?

Chẳng làm gì cả. Thế mà nghĩ mà đang làm gì?

Chẳng làm gì cả. Mà kiếm được ai đi cùng thế?

Chẳng ai cả. Chỉ là con bé ấy.

Chẳngggg aiii. Chỉ là con bé ấy.

Trên thực tế thì đang diễn ra một trò chơi mà ai nấy đều bị cuốn vào. Và ai nấy ở đây bao gồm cả con gái - đám con gái ở xa hơn trên bờ sông, chú tâm vào việc riêng của chúng - cho dù cả lũ đã qua cái tuổi con trai con gái chơi chung là chuyện thường. Có lẽ đám con gái đó đã theo bọn con trai ra khỏi thị trấn - giả vờ là không theo - hay có lẽ đám con trai đi theo chúng, với ý đồ quấy rối, tuy nhiên khi cả hội đi cùng nhau, chẳng hiểu sao trò chơi này hình thành và cần tất cả tham gia, vì thế những giới hạn thông thường được phá vỡ. Và càng nhiều người tham gia thì chơi càng hay, nên Mike dễ dàng được nhập cuộc và đưa tôi đi theo.

Đó là trò trận giả. Đám con trai chia thành hai phe đánh nhau từ sau chướng ngại vật tạo dựng sơ sài bằng cành cây, và cả từ chỗ trú ẩn và đám cỏ thô sặc, cỏ nến và rong đuôi chó cao quá đầu chúng tôi. Vũ khí chủ đạo là đạn đất sét, đạn đất bùn, to cỡ trái bóng chày. Tình cờ sao ở đó có một nguồn đất sét đặc biệt, một hố màu xám sẫm hoắm, nửa ẩn nửa hiện trong đám cỏ dại, ở lưng chừng đường lên bờ sông (có lẽ chính khám phá này đã gọi ra trò chơi), và đó cũng là chỗ đám con gái lao động, chuẩn bị đạn dược. Chúng ép và vỡ đất sét bầy nhầy thành các viên đạn chắc cứng hết mức - có thể nhặt vào trong vại hòn sỏi và chất liệu kết rắn bằng cỏ, lá và các mẫu cành cây thu lượm tại chỗ, nhưng không được cố tình thêm đá vào - và phải có thật nhiều đạn như thế, vì đạn chỉ dùng được cho một lần ném thôi. Không thể thu nhặt đạn ném trượt, xếp lại và ném lần nữa.

Luật chiến tranh đơn giản. Nếu ai bị trúng đạn - tên chính thức cho loại đạn này là đạn đại bác - vào mặt, đầu, hay thân người, thì phải ngã xuống chết. Nếu ai bị trúng vào tay hay chân, thì phải ngã xuống, nhưng chỉ bị thương. Rồi còn một việc nữa đám con gái phải làm là bò ra kéo các chiến binh bị thương trở lại cái chỗ tan tành được dùng làm bệnh viện. Lá cây được đắp lên vết thương của các chiến binh, và chúng phải nằm yên cho đến khi đếm tới một trăm. Đếm xong, chúng có thể đứng dậy chiến đấu tiếp. Các chiến binh tử trận thì không được đứng dậy cho đến khi hết chiến tranh, và chiến tranh chỉ kết thúc khi quân của một phe bị chết hết.

Con gái lẫn con trai cũng chia thành hai phe, nhưng vì con gái ít hơn con trai đáng kể, nên không thể đủ người sản xuất đạn được và y tá phục vụ riêng mỗi chiến sĩ. Dù sao thì cũng có các liên minh. Mỗi đứa con gái có đồng đạn riêng và phục vụ riêng cho một số chiến sĩ, và chiến sĩ nào khi bị thương ngã xuống thì gọi tên một đứa con gái để con bé đến kéo nó ra và đắp thuốc lên vết thương ngay khi có thể. Tôi làm vũ khí cho Mike và tên tôi được Mike gọi. Quá nhiều tiếng ồn - những tiếng hét không ngưng nghỉ “Mày chết,” với giọng hoặc đắc thắng hoặc phẫn nộ (phẫn nộ vì dĩ nhiên những đứa đáng ra phải chết thì lại luôn cố lên quay lại chiến đấu) và tiếng chó sủa, không phải tiếng của Ranger, dù không hiểu sao nó cũng lạc vào giữa cuộc chiến - ồn ào đến độ đám con gái phải thật tỉnh mới nghe ra tiếng đứa con trai gọi mình. Một cảm giác lo âu nhói buốt khi tiếng thét cất lên, như một sợi dây thép rít xuyên khắp thân thể, một cảm xúc tận tâm cuồng tín. (Ít nhất thì với tôi là như thế, vì không giống đám con gái kia, tôi có trách nhiệm phục vụ chỉ một chiến binh mà thôi.)

Tôi cũng không nghĩ là trước đó tôi đã từng chơi trong một nhóm kiểu này.

Thật vui khi được tham gia vào một đội ngũ đông đảo và tuyệt vọng, được chọn ra từ đội ngũ áo, để mà thực thụ thể nguyện phục vụ một chiến sĩ. Khi Mike bị thương, cậu không bao giờ mở mắt, cậu nằm im ừ ừ khi tôi ép những chiếc lá to nhầy nhót lên trán và cổ họng cậu, rồi - kéo áo cậu lên - đắp lên phần bụng trắng nhợt mềm mại, với cái rốn xinh xắn dễ bị tổn thương.

Không ai thắng cả. Sau một lúc lâu, trò chơi tan rã thành cãi cọ và phục sinh hàng loạt. Trên đường về nhà, chúng tôi cố gỡ phần nào đất sét ra khỏi người, bằng cách nằm thẳng cẳng trong nước sông. Quần soóc và áo của chúng tôi bẩn thỉu, nước nhỏ tong tong.

Lúc đó là chiều muộn. Cha của Mike đang chuẩn bị ra về.

“Trời đất ơi,” ông nói.

Nhà tôi có một người làm thuê bán thời gian, lão này đến giúp cha tôi khi có việc mỗ thịt hay việc phụ thêm cần làm. Lão có dáng vẻ của người già, điệu bộ như trai trẻ và điệu thở khò khè hen suyễn. Lão thích tóm lấy tôi mà cù cho đến khi tôi nghĩ mình sắp nghẹt thở. Không ai can thiệp cả. Mẹ tôi không thích chuyện này, nhưng cha tôi nói với bà đó chỉ là đùa vui thôi. Lão đang ở đó trong sân, giúp cha của Mike.

“Hai đứa vừa lặn lội trong bùn,” lão nói. “Việc đầu tiên, hai đứa biết đấy, là phải làm đám cưới.”

Từ sau cửa lưới mẹ tôi nghe thấy vậy. (Nếu hai người đàn ông này mà biết bà ở đó thì không ai nói thế cả.) Bà bước ra nói gì đó với lão làm thuê, hạ giọng quở trách, trước khi nói đến bộ dạng của chúng tôi.

Tôi nghe thấy một vài câu bà nói.

Như anh trai em gái.

Lão làm thuê nhìn xuống ủng, nhe răng cười toe toét không sao ngậm lại được.

Bà đã nhầm. Lão làm thuê hiểu đúng hơn bà. Chúng tôi không phải là anh trai em gái, hay có lẽ là không giống kiểu anh trai em gái nào tôi từng gặp. Em trai duy nhất của tôi chỉ là một em bé, nên tự tôi không có kinh nghiệm về chuyện này. Và chúng tôi cũng không giống các cặp vợ chồng mà tôi biết, họ già là một nhẽ, và họ còn sống trong những thế giới cách biệt đến độ dường như họ không thừa nhận nhau mấy. Chúng tôi là một cặp yêu nhau mãnh liệt đã thành quen, và mối gắn bó giữa chúng tôi không cần nhiều biểu hiện bề ngoài.

Và ít nhất với tôi mối gắn bó đó thật trang nghiêm và cảm động.

Tôi biết lão làm thuê nói đến tình dục, dù tôi không nghĩ lúc đó tôi đã biết đến từ “tình dục”. Và vì chuyện đó, tôi ghét lão ta còn nhiều hơn lúc thường. Chính xác là lão đã nhầm. Chúng tôi không thích thú chuyện phô bày và cọ xát và những lối thân mật tội lỗi - không hề có trò phiên phức tìm chỗ trốn, không hề có khoái cảm nghịch ngợm, hay vỡ mộng, hay hổ thẹn

non nót tức thì. Những cảnh này xảy đến với tôi cùng một người anh họ và một cặp thiếu nữ hơn chút tuổi, hai chị em, học cùng trường với tôi. Tôi không thích những đối tác này cả trước và sau sự kiện ấy, và tôi sẽ giận dữ phủ nhận, thậm chí ngay trong tâm trí, rằng không có chuyện nào như thế xảy ra cả. Những sự tự do phóng túng như vậy không bao giờ được xét đến, với bất kỳ ai tôi cảm thấy đôi chút yêu mến hay tôn trọng - mà chỉ với những kẻ làm tôi ghê tởm, như những thèm khát dâm dục đáng ghét vốn làm tôi ghê tởm bản thân.

Trong tình cảm tôi dành cho Mike, tên quỷ sứ bị giam cầm đã chuyển hóa thành niềm phấn khích lan tỏa và lòng thương mến tràn khắp dưới da, một niềm khoái cảm trong mắt, trong tai và sự mãn nguyện rộn lên, trước sự hiện diện của người kia. Tôi tỉnh dậy mỗi sáng khao khát được nhìn thấy cậu, khao khát được nghe tiếng xe tải của người thợ khoan giếng chồm lên chạy rầm rầm dọc đường làng. Tôi tôn thờ, mà không thể hiện ra, gáy và hình dáng đầu, nét nhíu mày, các ngón chân dài để trần và khuỷu tay nhem nhuốc, giọng nói to tự tin, và mùi của cậu. Tôi sẵn sàng chấp nhận, thậm chí một cách thành kính, những vai trò vốn không cần được giải thích hay vạch ra tỉ mỉ giữa chúng tôi - rằng tôi sẽ giúp đỡ và ngưỡng mộ cậu, cậu sẽ chỉ đạo và luôn sẵn sàng bảo vệ tôi.

Một buổi sáng, xe tải không đến. Một buổi sáng, dĩ nhiên, toàn bộ công việc đã hoàn tất, giếng đầy lại, bơm lắp lại, nước ngọt làm người ta kinh ngạc. Bàn ăn ít đi hai ghế vào bữa trưa. Cả hai người tên Mike, trẻ và già, trước đó luôn ăn với chúng tôi. Người trẻ tên Mike và tôi thì không bao giờ nói chuyện và gần như không nhìn nhau. Cậu thích phết xốt cà chua lên bánh mì. Cha cậu nói chuyện với cha tôi, và đề tài đa phần là giếng, tai nạn, mức nước ngầm. Một người đàn ông nghiêm túc. Chỉ có công việc, cha tôi nói vậy. Tuy thế ông - cha của Mike - kết thúc mọi lời bằng một tiếng cười. Trong tiếng cười đó có âm oang oang cô độc, như thể ông vẫn còn đang ở sâu dưới giếng.

Họ không đến. Công việc đã xong, họ chẳng còn lý do nào để đến thêm

lần nữa. Và hóa ra đây là việc cuối cùng người thợ khoan giếng đó phải làm trên vùng đất của chúng tôi. Ông đã nhận việc ở chỗ khác, và ông muốn đến đó càng sớm càng tốt, lúc thời tiết vẫn còn đẹp. Sống như ông, trong khách sạn, thì chỉ cần xếp hành lý và ra đi. Và ông đã làm như thế.

Vì sao tôi lại không hiểu chuyện gì đang xảy ra? Không một lời chào, không biết rằng khi Mike leo lên xe tải buổi chiều cuối cùng đó, cậu sẽ đi mãi mãi? Không vẫy tay, không quay đầu về phía tôi - hay không ở đó cho tôi thấy - lúc chiếc xe tải chất nặng toàn bộ đồ nghề, lão đảo chạy dọc con đường làng lần cuối? Khi nước phun ra - tôi nhớ nước đang phun ra, và mọi người đang tụ tập xung quanh để uống - tại sao tôi lại không hiểu rằng bao điều đã kết thúc, đối với tôi? Lúc này đây tôi tự hỏi phải chăng đã có một kế hoạch chủ ý để không biến nó thành một dịp gì đó, để loại trừ mọi cảnh chia tay, để cho tôi hay chúng tôi - không phải trở nên khổ sở và rầy rà.

Dường như thời đó tình cảm của trẻ con khó mà được lưu tâm. Đau khổ hay kìm nén là việc của chúng tôi.

Tôi không gây rầy rà. Sau cơn sốc ban đầu, tôi không để ai thấy gì. Lão làm thuê trên tôi mỗi khi nhìn thấy tôi (“Người yêu bỏ cháu đi rồi à?”), nhưng tôi không bao giờ nhìn về phía lão.

Hắn tôi đã biết rồi Mike sẽ phải ra đi. Cũng như tôi biết Ranger đã già và chẳng bao lâu nữa sẽ chết. Tôi chấp nhận những sự thiếu vắng trong tương lai - chỉ là tôi chưa có chút ý tưởng nào về việc sự thiếu vắng ấy có thể ra sao, cho đến khi Mike biến mất. Toàn bộ lãnh địa của riêng tôi sẽ bị biến đổi thế nào, như thể một cơn lốc đất quét qua và gạn đi hết mọi ý nghĩa, ngoại trừ sự mất mát Mike. Tôi không bao giờ có thể nhìn lại hòn đá trắng ở lối đi hẹp mà không nghĩ đến cậu, thế nên tôi có ác cảm với nó. Tôi cũng có cảm giác này với cành cây thích, và khi cha tôi chặt nó đi vì nó quá sát nhà, tôi coi đó như vết sẹo để lại.

Một hôm sau đó nhiều tuần, khi mặc chiếc áo khoác mùa thu đứng bên cửa một hiệu giày trong khi mẹ thử giày, tôi nghe thấy giọng một phụ nữ

gọi, “Mike”. Người phụ nữ đó vừa chạy qua cửa hiệu vừa gọi “Mike”. Bất chợt tôi tin chắc rằng người phụ nữ tôi không quen đó là mẹ của Mike - tôi biết, dù không phải từ cậu, rằng bà ly thân với cha cậu, chứ không phải đã qua đời và rằng họ quay lại thị trấn vì một lý do nào đó. Tôi không nghĩ đến sự trở về này và tạm thời hay lâu dài, mà tôi chỉ nghĩ rằng - lúc này tôi đang chạy ra khỏi cửa hiệu - trong một phút nữa thôi, tôi sẽ nhìn thấy Mike.

Người phụ nữ đuổi kịp một thằng bé khoảng năm tuổi, nó vừa tự lấy ăn một quả táo từ giỏ táo đặt trên vỉa hè trước cửa hiệu tạp phẩm bên cạnh.

Tôi đứng lại và dăm dăm nhìn đứa trẻ, không tin nổi, như thể một trò bỏ bùa thái quá bất công vừa diễn ra trước mặt tôi.

Một cái tên phổ biến. Một đứa trẻ mặt bèn bẹt ngờ nghệch, tóc vàng xỉn.

Tim tôi đập thành thịch, như những tiếng gào rú đang dội lên trong lồng ngực.

* * *

Sunny đón chiếc xe buýt chở chúng tôi ở Uxbridge. Cô là một phụ nữ khung xương to, mặt sáng sủa, tóc quăn màu nâu bạc được túm lại phía sau bằng mấy cái xược lẻ bộ ở hai bên mặt. Kể cả khi béo lên - điều đã đến với cô - trông cô cũng không bị già mà có vẻ thiếu nữ một cách uy nghiêm.

Cô cuốn tôi vào chuyện đời cô như thường lệ, kể với tôi rằng cô cứ tưởng mình sẽ đến muộn vì sáng hôm đó Claire bị một con bọ chui vào tai phải đưa đi bệnh viện để rửa ra, rồi thì con chó nôn trên cái thang bếp, có lẽ vì nó ghét chuyển đi và ngôi nhà cùng làng quê, và trong lúc cô - Sunny - phải đi đón tôi thì Johnston đang bắt hai cậu con dọn chỗ nôn, vì hai đứa là người muốn nuôi chó, còn Claire thì than rằng nó vẫn còn nghe thấy cái gì đó kêu *dzi dzi* trong tai.

“Thế nên giả thử chúng mình đến chỗ nào đó dễ chịu yên tĩnh, rồi uống

say và không bao giờ quay về đó nữa có được không nhỉ?” cô nói. “Dù sao chúng ta vẫn phải về. Johnston đã mời bạn rồi, vợ con anh ta đang đi Ai Len, còn họ thì muốn đi chơi gôn.”

Sunny và tôi làm bạn với nhau ở Vancouver. Những lần mang thai của chúng tôi ăn khớp vừa vặn nên hai đứa có thể xoay xở chỉ với một bộ gồm mấy món quần áo bầu. Trong bếp của tôi và của cô, mỗi tuần một lần hay áng chừng vậy, trong khi bị lũ trẻ làm quẩn trí và đôi khi chóng mặt vì thiếu ngủ, chúng tôi nốc đầy cà phê đặc, thuốc lá và lao vào một cuộc trò chuyện đầy giận dữ - về hôn nhân, cãi cọ, những khuyết điểm cá nhân, những động cơ cả thú vị lẫn nhục nhã, những hoài bão đã qua. Chúng tôi đọc Carl Jung cùng một lúc và cố gắng theo dõi các giấc mơ của mình. Trong đoạn đời đó, đáng ra phải mê mụ do sinh sản, với tâm trí đàn bà ngập lún giữa hỗn dịch của cơ thể người mẹ, chúng tôi vẫn buộc phải bàn luận về Simone de Beauvoir và Arthur Koestler và vở kịch *Bữa tiệc cocktail*.

Hai ông chồng hoàn toàn không có tâm trạng đó. Khi chúng tôi cố bàn luận những thứ kiểu như thế với họ, họ sẽ nói, “Ôi, văn chương thôi mà” hay “Em nói như Triết học 101^[15].”

Giờ thì cả hai chúng tôi đã chuyển nhà khỏi Vancouver. Nhưng Sunny chuyển đi cùng chồng con và đồ đạc, theo cách thông thường và vì lý do thường gặp - chồng cô có công việc mới. Còn tôi chuyển đi vì một lý do khác lạ, trong sự tán thành mạnh mẽ nhưng thoáng qua và chỉ từ vài nhóm đặc biệt - lý do đó là bỏ chồng, bỏ nhà và bỏ mọi thứ có được trong suốt cuộc hôn nhân (dĩ nhiên trừ con cái, rồi chúng sẽ được phân chia) trong niềm hy vọng tạo dựng một cuộc sống không phải đạo đức giả, không phải chịu mất mát, không phải hổ thẹn.

Bấy giờ tôi sống trên tầng hai một ngôi nhà ở Toronto. Những người sống tầng dưới - tức chủ nhà - đến từ Trinidad mười năm trước. Từ đầu đến cuối phố, những ngôi nhà gạch cũ kỹ có mái hiên với cửa sổ cao hẹp vốn trước đây là của các tín đồ giáo hội Giám Lý và Trưởng Lão với những cái tên như Henderson, Grisham, McAllister, giờ đây đầy kín người da màu ô

liu hay nâu nâu; họ nói tiếng Anh theo kiểu tôi không quen, nếu quả là họ có nói thứ ngôn ngữ này, còn không khí thì ngập mùi thức ăn cay ngọt bất kể giờ nào. Tôi vui lòng với hoàn cảnh này - nó làm tôi cảm thấy như mình đã có một thay đổi thực sự, một cuộc du hành dài, cần thiết, xa khỏi mái nhà hôn nhân. Nhưng mong chờ hai cô con gái, một lên mười và một lên mười hai, chia sẻ cảm xúc đó với tôi thì quả là quá mức. Tôi đi khỏi Vancouver vào mùa xuân, và hai con đến chỗ tôi vào đầu kỳ nghỉ hè, dự định ở lại trọn hai tháng. Hai đứa trẻ thấy mùi phố đến buồn nôn và tiếng ồn thật đáng sợ. Trời nóng, và chúng không ngủ được dù đã có cái quạt tôi mua. Chúng tôi phải để cửa sổ mở, mà những cuộc tiệc tùng ở sân sau thì đôi khi kéo dài đến tận bốn giờ.

Những chuyến thám hiểm tới Trung tâm Khoa học và tháp C.N.^[16], viện bảo tàng và sở thú, những cuộc chiêu đãi ở quán ăn mát mẻ trong các cửa hàng bách hóa, một chuyến du thuyền đến đảo Toronto, cũng không thể đền bù cho chúng nỗi thiếu vắng bạn bè hay khiến chúng cam chịu đáng vẻ như trò hề của ngôi nhà tôi chu cấp cho chúng. Chúng nhớ lũ mèo của chúng. Chúng muốn có phòng riêng, có tự do lảng giềng, và có những buổi ở nhà nhơn nhơ.

Trong một thời gian, chúng không phàn nàn gì cả. Tôi nghe thấy đứa lớn nói với đứa bé. “Hãy để mẹ nghĩ chúng mình đang sung sướng. Không thì mẹ sẽ buồn đấy.”

Cuối cùng cảm xúc cũng bùng nổ. Những lời cáo buộc, thú nhận nỗi khổ sở (thậm chí còn phóng đại nỗi khổ sở lên, tôi nghĩ thế, vì lợi ích của tôi). Đứa nhỏ rên rỉ, “Sao mẹ không thể về nhà mà sống,” và đứa lớn chua chát nói với em, “bởi vì mẹ ghét bố.”

Tôi gọi điện cho chồng - anh hỏi tôi một câu hỏi tương tự và tự đưa ra một câu trả lời tương tự. Tôi đổi vé và giúp hai con thu xếp hành lý rồi đưa chúng ra sân bay. Suốt đường đi chúng tôi chơi một trò ngớ ngẩn do đứa lớn giới thiệu. Người chơi phải chọn một con số - 27, 42 - rồi nhìn ra cửa sổ và đếm đàn ông nhìn thấy, và người thứ 27 hay 42, hay bất kỳ số nào, sẽ là

người phải cười.

Quay về một mình, tôi thu nhặt mọi thứ gọi nhớ tới hai con - một bức tranh vui đứa bé vẽ, một tờ tạp chí Glamour đứa lớn mua, đủ loại đồ trang sức và quần áo chúng có thể mặc ở Toronto nhưng không mặc được ở nhà - rồi nhét cả vào túi rác. Và mỗi lần nghĩ đến con tôi lại làm một việc gần tương tự - tôi đóng sập tâm trí của mình lại. Tôi có thể chịu được nhiều nỗi khổ sở - những chuyện liên quan đến đàn ông. Còn những nỗi khổ sở khác - liên quan đến con cái - tôi không chịu đựng nổi.

Tôi quay lại nếp sống trước khi các con đến. Tôi thôi nấu bữa sáng và ra ngoài uống cà phê, ăn bánh mì mới ra lò ở quầy đồ ăn sẵn kiểu Ý. Từ trước tới nay cái ý tưởng được giải thoát khỏi khung cảnh gia đình vẫn làm tôi vui thích.

Nhưng lúc này tôi mới nhận ra điều trước đây tôi không hề thấy, đó là nét mặt của mấy người sáng nào cũng ngồi trên ghế đẩu đằng sau cửa sổ hay ở bàn tròn vỉa hè - đối với họ, đây không hề là việc hay ho thú vị gì, mà chỉ là thói quen cũ rích của một cuộc đời cô đơn.

Sau đó về nhà, tôi sẽ ngồi viết hàng giờ bên chiếc bàn gỗ dưới cửa sổ, ở cái chỗ từng là hiện hứng nắng giờ thành bếp tạm thời. Tôi đang hy vọng kiếm sống bằng nghề viết văn. Mặt trời nhanh chóng làm căn phòng nhỏ nóng lên, và mặt sau của chân tôi - tôi đang mặc quần soóc - dán vào ghế. Tôi có thể ngửi thấy mùi hóa học ngọt ngào kỳ cục từ đôi xăng đan nhựa đang hấp thu mồ hôi chân. Tôi thích mùi này - đó là mùi sự cần cù, và tôi hy vọng, mùi thành quả của tôi nữa. Những gì tôi viết không hay hơn những gì trước đó tôi xoay sở viết được trong quãng đời cũ, khi mà khoai tây đang được nấu và quần áo đang đập quanh trong chu kỳ tự động của máy giặt. Chỉ là viết nhiều hơn, và không dở hơn - vậy thôi.

Muộn hơn trong ngày, tôi sẽ đi tắm và có thể đi gặp người này người kia trong số các bạn gái của mình. Chúng tôi uống rượu vang ở bàn vỉa hè trước những nhà hàng nhỏ nhếch trên phố Queen, phố Baldwin hay phố

Brunswick và nói chuyện về cuộc sống của chúng tôi - chủ yếu là về những người tình, nhưng vì cảm thấy buồn nôn khi nói “người tình” nên chúng tôi gọi họ là “những người đàn ông chúng ta qua lại.” Và đôi khi tôi gặp người đàn ông tôi đang qua lại. Anh bị xua đuổi khi các con đến với tôi, cho dù tôi phá luật này hai lần, khi bỏ chúng trong rạp chiếu phim lạnh lẽo.

Tôi biết anh trước khi bỏ chồng và anh là lý do trực tiếp khiến tôi làm việc đó, cho dù tôi giả bộ với anh - và với mọi người khác - là không phải vậy. Khi gặp anh, tôi cố vô tư lự và trưng ra một tinh thần độc lập. Chúng tôi trao đổi tin tức - tôi đảm bảo sao cho tôi có tin để kể - và chúng tôi cười, rồi đi dạo ở hẻm núi, nhưng điều duy nhất tôi muốn là dụ anh làm tình với tôi, vì tôi nghĩ hăng hái tình dục cao độ sẽ hợp nhất những bản ngã tốt đẹp nhất trong con người. Về mặt này thì tôi thật ngốc, theo kiểu rất liều lĩnh, nhất là đối với phụ nữ ở tuổi tôi. Có những lần tôi thấy hạnh phúc, sau khi chúng tôi gặp nhau - cảm thấy sống sờ và an toàn - lại có những lần tôi nằm thượt, lòng nặng trĩu nghi ngờ. Sau khi bỏ đi, tôi thấy nước mắt chảy dài rồi mới hiểu ra mình đang khóc. Bởi một bóng tối nào đó tôi thoáng thấy trong anh, hay là bởi sự thiếu ân cần, hoặc là vì một lời cảnh báo lắt léo anh gửi đến tôi. Bên ngoài cửa sổ, khi trời tối dần, những cuộc tiệc tùng ở sân sau sẽ bắt đầu, trong tiếng nhạc và la hét và công kích có thể tiến triển thành cãi vã, và tôi sẽ thấy sợ hãi, không phải sợ hãi một sự thù địch này, mà sợ một dạng cảm giác không-tồn-tại.

Trong tâm trạng như thế tôi gọi điện cho Sunny, và được mời đến chơi cuối tuần ở quê.

“Chỗ này đẹp quá,” tôi nói.

Nhưng cảnh làng quê nơi chúng tôi đang lái xe qua chẳng có ý nghĩa gì với tôi. Dãy đồi chỉ là một chuỗi những ụ đất màu xanh lá, thỉnh thoảng xuất hiện mấy con bò. Có những cây cầu bê tông thấp bắc qua những con suối nghẽn cổ đại. Cỏ khô được thu hoạch theo kiểu mới, cuộn tròn rồi bỏ lại trên đồng.

“Cứ đợi đến khi cậu nhìn thấy ngôi nhà,” Sunny nói. “Dơ dáy lắm. Trong ống nước có một con chuột. Đã chết. Bọn mình cứ liên tục thấy những sợi lông ngán trong nước tắm. Giờ thì chuyện đó được xử lý rồi, nhưng không ai biết điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.”

Cô không hỏi tôi - do tình tế hay vì không tán thành? - về cuộc sống mới của tôi. Có lẽ chỉ là cô không biết bắt đầu thế nào, không hình dung ra nổi mà thôi. Đằng nào thì tôi cũng sẽ nói dối cô, hay là nửa dối nửa thật. *Khó mà dứt bỏ nhưng phải làm vậy thôi. Mình nhớ các con kinh khủng, nhưng luôn có cái giá phải trả. Mình đang học cách để một người đàn ông được tự do và để chính bản thân mình tự do. Mình đang học cách coi nhẹ tình dục, chuyện này khó đối với mình vì đó không phải là cách mình bước vào đời, và mình cũng chẳng còn trẻ nữa, nhưng mình đang học.*

Hai ngày cuối tuần, tôi nghỉ. Đường như rất dài.

Những viên gạch của ngôi nhà trưng ra một vết sẹo ở nơi hàng hiên bị dỡ bỏ. Hai cậu con trai của Sunny đang chạy bình bịch quanh sân.

“Mark đánh mất quả bóng,” đứa lớn - Gregory hét lên.

Sunny bảo thằng bé chào tôi.

“Chào cô. Mark ném bóng qua cái lán và giờ thì bọn con không tìm được nữa.”

Cô con gái ba tuổi, ra đời sau lần cuối tôi gặp Sunny, chạy ra từ cửa bếp rồi đứng lại, ngạc nhiên khi nhìn thấy người lạ. Nhưng rồi con bé trở lại bình thường và nói với tôi, “Có một con bọ đang bay trong đầu cháu đấy ạ.”

Sunny bế con bé và tôi xách túi đựng đồ qua đêm lên, rồi chúng tôi đi vào bếp, ở đó Mike McCallum đang phết sốt cà chua lên một miếng bánh mì. “Cậu đấy ư,” chúng tôi nói, gần như cùng một lúc. Chúng tôi cười phá lên, tôi vội chạy về phía cậu, còn cậu về phía tôi. Chúng tôi bắt tay.

“Mình cứ tưởng là cha cậu,” tôi nói.

Giờ đây tôi cũng chẳng rõ có thật lúc ấy tôi đã nhầm lẫn đến độ nghĩ đó

là người thợ khoan giếng không. Tôi đã nghĩ, Ai mà trông quen thế này? Một người đàn ông di chuyển thân hình một cách nhẹ nhõm, như thể anh ta coi việc leo ra leo vào giếng là như không. Tóc cắt ngắn, chuyển màu muối tiêu, mắt sâu nhạt màu. Mặt gầy, vui vẻ nhưng khắc khổ. Một vẻ dè dặt theo thói quen, nhưng không khó chịu.

“Không thể thế được,” anh nói. “Cha mình đã mất.”

Johnston đi vào bếp, tay cầm mấy túi đồ chơi gôn, chào tôi rồi bảo Mike làm nhanh lên, còn Sunny thì nói, “Họ quen nhau đấy, anh yêu à. Họ quen nhau. Ai mà tưởng tượng được!”

“Từ hồi nhỏ,” Mike đáp.

Johnston nói, “Thật sao? Đặc biệt quá nhỉ.” Và hai chúng tôi cùng nói ra cái câu mà chúng tôi biết anh ta sắp nói.

“Thế giới này nhỏ thật.”

Mike và tôi vẫn nhìn nhau cười lớn - dường như chúng tôi đang tỏ rõ cho nhau thấy rằng cái khám phá mà có lẽ Sunny và Johnston thấy đặc biệt thì với chúng tôi lại là một vận may lóe lên làm hoa mắt đến khò hời.

Suốt buổi chiều khi hai người đàn ông không có nhà, người tôi tràn trề sinh lực hạnh phúc. Tôi làm bánh nướng quả đào cho bữa tối và đọc truyện cho Claire để con bé chìm vào giấc ngủ, trong khi Sunny đưa bọn con trai đi câu cá nơi con lạch vắng bọ mà không được gì. Rồi cô và tôi ngồi trên sàn phòng khách với một chai vang và lại thành bạn bè, bàn luận về sách truyện thay vì về cuộc sống. Những gì Mike nhớ lại khác những gì tôi nhớ. Anh nhớ đã đi quanh trên đỉnh nhỏ hẹp của một cái móng nhà bằng xi măng cũ kỹ nào đó và giả bộ nó cũng cao như tòa nhà cao nhất, và nếu vấp thì chúng tôi sẽ rơi xuống rồi chết. Tôi nói chắc đó là chỗ khác, rồi tôi nhớ ra cái móng cho một ga ra đã được đổ, nhưng cái ga ra thì chẳng hề được xây lên, chỗ đó là nơi đường làng tôi cắt con đường chính. Chúng mình đã đi lên đó thật sao?

Chúng mình đã đi thật.

Tôi nhớ là đã muốn hét ầm lên dưới cầu nhưng lại sợ bọn con trai thị trấn. Anh thì chẳng nhớ ra cái cầu nào.

Cả hai đều nhớ những viên đạn đại bác bằng đất sét, và trò trận giả.

Chúng tôi cùng rửa bát đĩa, để có thể nói hết mọi chuyện muốn nói mà không ngại bất lịch sự.

Anh kể cho tôi cha anh qua đời thế nào. Ông chết trong một tai nạn giao thông, khi trở về từ chỗ làm gần Bancroft.

“Cha mẹ cậu vẫn còn sống chứ?”

Tôi đáp là mẹ tôi đã chết và cha tôi cưới vợ mới.

Đến một lúc, tôi kể cho anh là tôi đã ly thân với chồng, tôi đang sống ở Toronto. Tôi kể rằng các con sống với tôi một thời gian nhưng giờ đang đi nghỉ với cha chúng.

Anh kể cho tôi rằng anh sống ở Kingston, nhưng mới ở đó chưa lâu lắm. Anh mới quen Johnston thôi, qua công việc. Anh, cũng như Johnston, là kỹ sư xây dựng. Vợ anh là một cô gái Ai Len, sinh ở Ai Len nhưng làm việc ở Canada khi anh gặp cô. Cô là y tá. Hiện giờ cô đang về Ai Len, ở hạt Clare, để thăm gia đình. Cô mang trẻ con theo.

“Mấy đứa con vậy?”

“Ba.”

Khi bát đĩa đã rửa xong, chúng tôi vào phòng khách và đề nghị chơi ghép chữ với hai thằng bé để Sunny và Johnston có thể đi dạo. Chỉ một ván - rồi sau đó là đến lúc đi ngủ. Nhưng hai đứa thuyết phục chúng tôi chơi thêm ván nữa, và khi cha mẹ mấy đứa trở về chúng tôi vẫn còn đang chơi.

“Bố đã dặn các con thế nào?” Johnston hỏi.

“Vẫn là ván đó mà,” Gregory nói. “Bố nói chúng con có thể chơi hết một ván, thì giờ vẫn đang là ván đó mà.”

“Hắn rồi,” Sunny nói.

Cô kể tối đó thật dễ chịu, cô với Johnston đang được nuông quá thành

hư rồi, có đến hai người trông trẻ tại gia.

“Thực ra tối qua chúng tôi đã đi xem phim đấy chứ, Mike ở nhà với bọn trẻ. Một bộ phim cũ. *Cây cầu qua sông Kwai*.”

“Trên,” Johnston nói. “*Trên sông Kwai*.”

Mike nói, “Dù sao thì tôi cũng đã xem phim ấy rồi. Nhiều năm trước.”

“Phim khá hay,” Sunny nói. “Chỉ có điều tôi không đồng ý với cái kết. Tôi nghĩ kết cục như thế là hỏng. Anh biết khi Alec Guinness nhìn thấy sợi dây thép trong nước vào buổi sáng, và nhận ra ai đó sẽ phá nổ cầu chứ? Và anh ta phát điên lên, rồi câu chuyện trở nên quá rắc rối và ai cũng phải bị giết và đủ thú? Hừm, tôi nghĩ anh ta đáng ra chỉ nên nhìn thấy dây thép và biết chuyện gì sắp xảy ra và ngồi trên cầu để mình nổ tung cùng với nó. Tôi nghĩ đó mới đúng là điều nhân vật của anh ta làm, và như thế sẽ hiệu quả hơn về mặt kịch tính.”

“Không, sẽ chẳng hiệu quả hơn đâu,” Johnston nói, với giọng của người trước đó đã trải qua cuộc cãi cọ này. “Thế thì hồi hộp ở chỗ nào?”

“Tôi đồng ý với Sunny,” tôi nói. “Tôi nhớ mình cũng từng nghĩ kết cục đó quá rắc rối.”

“Thế còn Mike?” Johnston hỏi.

“Tôi thấy phim khá hay,” Mike đáp. “Khá hay theo kiểu của nó.”

“Đàn ông chống lại đàn bà,” Johnston nói. “Đàn ông thắng.”

Rồi anh bảo mấy cậu con trai xếp hộp ghép chữ lại và chúng vâng lời.

Nhưng Gregory lại nảy ra ý xin đi ngắm sao. “Đây là chỗ duy nhất bọn con có thể nhìn thấy sao,” thằng bé nói. “Ở nhà chỉ có đèn và cút.”

“Coi chừng mồm miệng đấy,” cha thằng bé nhắc. Nhưng anh lại nói tiếp, thôi được rồi, năm phút, thế là tất cả chúng tôi cùng ra ngoài ngắm bầu trời. Chúng tôi tìm sao Bắc Cực, sát cạnh ngôi sao thứ hai ở tay cầm của chòm Bắc Đẩu. Nếu ai nhìn thấy ngôi sao đó, Johnston nói, thì thị lực người ấy đủ tốt để vào được không quân, ít ra trong Thế chiến thứ hai là thế.

Sunny nói, “Hừm, em có thể thấy nó, nhưng là vì em biết trước nó ở đó.”

Mike nói, “anh cũng thế.”

“Con có thể thấy nó,” Gregory nói giọng khinh khi. “Con thấy nó dù con có biết nó ở đó hay không.”

“Con cũng thấy nó đấy ạ,” Mark nói.

Mike đứng phía trước tôi một chút và chếch về một bên. Thực ra anh đứng gần Sunny hơn. Không ai ở sau chúng tôi cả, và tôi muốn cọ vào người anh - chỉ vô tình cọ nhẹ vào tay hay vai anh thôi. Và nếu anh không nhích ra - vì nhỡ nhận coi sự đụng chạm của tôi là tình cờ thực sự? - tôi lại muốn chạm một ngón tay vào chiếc cổ trần của anh. Anh có làm thế không, nếu giả sử anh đứng sau tôi? Anh có chú tâm vào chuyện đó không, thay vì ngắm sao?

Tuy thế, tôi có cảm giác anh là người thận trọng, anh sẽ kiềm chế.

Và hẳn nhiên, vì lý do đó, đêm hôm ấy anh sẽ không vào giường tôi. Dù thế nào đi chăng nữa, làm thế là liều lĩnh cũng như bất khả. Nhà có ba phòng ngủ trên gác - phòng cho khách và phòng cha mẹ đều mở ra phòng rộng hơn chỗ trẻ con ngủ. Để đến gần một trong hai phòng ngủ nhỏ thì chỉ có cách đi qua phòng bọn trẻ. Đêm trước Mike ngủ ở phòng cho khách, giờ thì anh đã bị chuyển xuống tầng dưới, để ngủ trên ghế xô pha giường trong phòng khách. Sunny mang cho anh chăn ga sạch chứ không tháo chăn ga cũ rồi trải lại chăn ga mới cho cái giường anh để lại cho tôi.

“Anh ấy khá sạch sẽ,” cô nói. “Mà xét cho cùng, anh ấy cũng là bạn cũ của cậu mà.”

Nằm trong bộ chăn ga đó không giúp đêm bình an. Trong giấc mơ, dù không phải trong thực tế, chúng có mùi rong đuôi chó, bùn sông, và sậy dưới nắng nóng.

Tôi biết anh sẽ không đến chờ tôi dù ít nguy cơ đến đâu. Sẽ quá thấp hèn nếu làm thế ở nhà bạn của anh, những người cũng sẽ là bạn của vợ anh - nếu không phải họ đã là bạn rồi. Và lại làm sao anh có thể biết chắc tôi

muốn điều đó? Hay biết chắc anh có thực sự muốn hay không? Thậm chí tôi cũng không chắc. Cho đến giờ, tôi luôn có thể nghĩ về bản thân như một phụ nữ chung thủy với người đàn ông mình ngủ cùng, ở bất kỳ thời điểm nào.

Giấc ngủ của tôi không sâu, những giấc mơ đầy dự vọng theo kiểu đơn điệu, với những tình tiết đến phát cáu và khó chịu. Có lúc Mike sẵn sàng hợp tác, nhưng chúng tôi lại gặp trở ngại. Có lúc thì anh lãng ra, như khi anh nói anh mua quà cho tôi, nhưng để thất lạc món quà, và tìm nó là việc cực kỳ quan trọng với anh. Tôi nói anh đừng bận tâm, tôi không quan tâm đến quà, bởi vì chính anh đã là món quà cho tôi, người tôi đang yêu và đã luôn yêu, tôi nói vậy. Nhưng anh lại bận tâm. Và đôi khi anh trách cứ tôi.

Cả đêm - hay ít nhất những khi tôi tỉnh giấc, mà tôi thì tỉnh giấc thường xuyên - để đang gáy bên ngoài cửa sổ. Ban đầu tôi nghĩ đó là tiếng chim, dàn đồng ca những chú chim ăn đêm miệt mài. Tôi sống trong thành phố đủ lâu để mà quên hẳn để có thể tạo nên một thác âm thanh hoàn hảo.

Cũng phải nói rằng, có lúc khi tỉnh giấc tôi lại thấy mình mắc cạn trên một mảnh đất khô khốc. Đầu óc mình mãi không phải lúc. Mà biết gì về người đàn ông này? Hay anh ta biết gì về mày? Anh ta thích loại nhạc nào, quan điểm chính trị ra sao? Anh ta chờ đợi gì từ phụ nữ?

“Hai người ngủ ngon không?” Sunny hỏi.

Mike nói, “Ngủ một mạch.”

Tôi nói, “Ổn cả. Ngủ được.”

Sáng hôm ấy mọi người được mời đến ăn bữa điểm tâm muộn ở nhà hàng xóm có bể bơi. Mike nói anh thấy làm một vòng sân gôn thì hay hơn, nếu làm vậy không phiền ai.

Sunny nói, “Tất nhiên rồi,” và nhìn tôi. Tôi nói, “Ờ, không biết nếu mình...” và Mike hỏi, “Cậu không chơi gôn, phải không?”

“Không.”

“Kể cả thế. Cậu có thể đi cùng và kéo bao gậy cho mình.”

“Cháu sẽ đi kéo bao gậy,” Gregory nói. Thằng bé đã sẵn sàng gia nhập mọi hành trình của chúng tôi, chắc chắn rằng chúng tôi sẽ rộng rãi và vui thú hơn cha mẹ nó.

Sunny nói không. “Con đi với bố mẹ. Con không muốn đi bơi à?”

“Đứa nhóc nào cũng đái trong bể bơi đó. Con hy vọng là mẹ biết điều này.”

Trước khi chúng tôi đi, Johnston đã cảnh báo rằng có dự báo trời mưa. Mike đáp là chúng tôi sẽ phó mặc cho số phận. Tôi thích cách anh nói “chúng tôi” và tôi thích ngồi trong xe bên cạnh anh, vị trí người vợ. Tôi cảm thấy vui sướng khi nghĩ về chúng tôi như một cặp - một niềm vui sướng tôi biết là nông nổi như một cô bé mới lớn. Ý niệm làm vợ khiến tôi khuây khỏa, như thể tôi chưa bao giờ làm vợ vậy. Điều này chưa bao giờ xảy đến với người đàn ông giờ đang là người tình thực thụ của tôi. Liệu có thể nào tôi đã thực sự quen dần với một tình yêu đích thực, và phần nào đã dứt bỏ được những phần không thích hợp của bản thân, và sẽ hạnh phúc?

Nhưng giờ khi chỉ còn hai đứa với nhau, giữa hai chúng tôi lại có đôi chút gượng gạo.

“Làng quê ở đây đẹp nhỉ,” tôi nói. Và hôm nay tôi nghĩ thế thật. Dưới bầu trời mây trắng, dãy đồi trông mềm mại hơn, so với hôm qua trong ánh nắng màu đồng thau. Cây cối, vào cuối hè, tả tơi tán lá, nhiều lá bắt đầu chuyển màu gỉ sắt quanh mép, lại có nhiều lá khác đã thực sự chuyển sang màu nâu hay đỏ. Giờ thì tôi đã nhận biết được các loại lá cây khác nhau. Tôi nói, “Cây sồi.”

“Chỗ này là đất cát,” Mike nói. “Khắp vùng này đều thế - người ta gọi nó là Đỉnh Sồi.”

Tôi nói chắc là Ai Len đẹp lắm.

“Nhiều vùng ở đó trụi lơ trụi lóc. Trơ ra toàn lá.”

“Vợ cậu lớn lên ở đó à? Cô ấy có nói giọng Ai Len đáng yêu không?”

“Nếu nghe cô ấy nói cậu sẽ nghĩ cô ấy nói giọng Ai Len. Nhưng khi quay về Ai Len, người ta lại bảo cô đã mất giọng đó. Người ta bảo cô ấy nói như người Mỹ. Họ luôn nói người Mỹ - họ chẳng thêm nghĩ đến người Canada.”

“Thế trẻ con nhà cậu - mình đoán chúng không hề nói giọng Ai Len?”

“Không hề.”

“Chúng thế nào - trai hay gái?”

“Hai trai và một gái.”

Đến đây tôi chợt tha thiết muốn kể cho anh về những mâu thuẫn, những nỗi sầu khổ và những điều cấp thiết trong đời mình. Tôi nói, “Mình nhớ con.”

Nhưng anh không nói gì. Không một lời cảm thông, không một lời động viên. Có lẽ anh nghĩ rằng nói về bạn đời và con cái của hai người trong hoàn cảnh này là không thích hợp.

Chẳng bao lâu sau, chúng tôi lái vào bãi đỗ xe bên ngoài nhà câu lạc bộ, và anh nói, giọng khá huyền não, như thể bù lại vẻ cứng nhắc của mình, “Có vẻ cơn mưa đã giữ chân những người chơi gôn ngày Chủ nhật ở nhà.”

Chỉ có một xe đỗ trong bãi.

Anh xuống xe và đi vào văn phòng trả phí khách chơi.

Tôi chưa bao giờ đến sân gôn. Tôi đã xem người ta chơi trò này trên vô tuyến, một hay hai lần, chưa lần nào là do tự chọn, và tôi chỉ biết lơ mờ rằng một số loại gậy đánh gôn được gọi là gậy sắt, hay một số loại gậy bằng sắt, và có một cây gậy sắt được gọi là gậy đánh vông, còn bản thân sân gôn thì được gọi là sân ven biển. Khi tôi nói thế với Mike, anh đáp, “Có lẽ cậu sẽ thấy chán ngấy đấy.”

“Nếu chán thì mình sẽ đi dạo.”

Điều đó có vẻ làm anh hài lòng. Anh đặt sức nặng bàn tay ấm áp của mình lên vai tôi và nói, “Cậu cũng sẽ chán cả đi dạo cho mà xem.”

Sự ngô nghê của tôi không gây phiền hà gì lắm - dĩ nhiên tôi không thực

sự phải kéo bao gậy - và tôi không thấy chán. Việc duy nhất tôi phải làm là đi theo anh và xem anh chơi. Thậm chí tôi cũng chẳng phải xem anh chơi. Tôi có thể ngắm cây ở rìa sân - đó là những cây cao, ngọn trông như lông chim và thân mảnh, tên chúng thì tôi không chắc lắm - cây keo? - Chúng lao xao trong những cơn gió thỉnh thoảng nổi lên, dù ở dưới đất chúng tôi không hề cảm thấy. Có cả những đàn chim, chim két hay chim sáo, bay vòng quanh, tất cả đều có chung cảm giác gấp rút, nhưng chỉ từ ngọn cây này sang ngọn cây khác. Giờ tôi nhớ ra chim chóc vốn vậy; và tháng Tám hay thậm chí cuối tháng Bảy chúng bắt đầu những cuộc họp ồn ã cả đàn, chuẩn bị cho chuyến đi xuống miền Nam.

Đôi khi Mike nói, nhưng hầu như không nói với tôi. Tôi không cần phải trả lời, và thực tế là lúc đó tôi cũng không thể trả lời được. Tuy thế, tôi nghĩ anh nói nhiều hơn một người đang chơi một mình. Những lời rời rạc của anh là những lời trách móc, khen ngợi cần trọng, cảnh báo bản thân, hay có lẽ chúng cũng chẳng hẳn là lời lẽ gì thực sự - mà chỉ như loại âm thanh dùng để truyền tải ý nghĩa, và đã thực sự truyền tải được ý nghĩa ấy, trong sự mật thiết lâu dài của những đời người sống gần gũi một cách tự nguyện.

Đáng ra tôi phải làm một việc lúc đó - mang cho anh một ý niệm được mở rộng và kéo dài, về bản thân anh. Một ý niệm an ủi hơn, có thể nói vậy, một cảm giác yên lòng về lớp đệm nhân tính bao quanh nỗi cô đơn của anh. Giả sử tôi là người đàn ông khác, anh sẽ không đón chờ việc này theo cùng một cách, hay cũng không tự như dễ dàng đòi hỏi nó. Và cũng sẽ như vậy nếu tôi là một người phụ nữ khác, một người mà anh không cảm thấy một mối liên hệ vững chắc.

Tôi đã không nghĩ ra. Tất cả đều nằm trọn trong niềm vui sướng tôi cảm thấy đang choán lấy mình, trong khi chúng tôi đi quanh sân gôn. Nỗi ham muốn vốn làm tôi đau nhói ban đêm giờ đây bị kìm nén và dọn sửa thành ngọn lửa châm ngòi gọn ghẽ, chu đáo, như một người vợ. Tôi làm theo sự bố trí, chọn lựa, suy ngẫm, nheo mắt và vung gậy của anh, rồi ngắm quỹ đạo trái bóng bay tới vị trí thách thức tiếp theo, tới tương lai tức thì của chúng

tôi - tôi luôn thấy quỹ đạo ấy là thắng lợi, nhưng anh thì thường thấy nó nan giải.

Khi đi bộ đến vị trí tiếp theo, chúng tôi hầu như không nói chuyện. Trời có mưa không nhỉ? Chúng tôi hỏi nhau. Cậu có cảm thấy giọt nào không? Tôi nghĩ mình cảm thấy một giọt. Mà cũng có lẽ là không. Đây không phải là đoạn hội thoại về thời tiết kiểu câu nệ - nó hoàn toàn nằm trong bối cảnh trò chơi. Chúng tôi có kết thúc được vòng này hay không đây?

Hóa ra chúng tôi không kết thúc được. Một giọt mưa, chắc chắn và một giọt mưa, rồi một giọt nữa, rồi mưa rơi lộp độp. Mike nhìn dọc theo sân gôn, đến chỗ mây chuyển màu trở thành xanh thẫm chứ không trắng, và anh nói, giọng không có vẻ báo động hay thất vọng đặc biệt nào, “Thời tiết của chúng ta đến rồi.” Anh bắt đầu tuần tự xếp đồ và cài túi lại.

Lúc đó chúng tôi đang ở cách nhà câu lạc bộ rất xa. Trên đầu chim chóc rối loạn hơn và lượn vòng quanh một cách bồn chồn, lưỡng lự. Các ngọn cây lắc lư, và có một âm thanh dường như ở phía trên chúng tôi - như âm thanh một con sóng chứa đầy đá đang xô lên bãi biển. Mike nói, “Được rồi. Chúng ta nên vào đây,” và anh nắm lấy tay tôi, vội vã kéo tôi đi băng qua bãi cỏ đã cắt tỉa, đến đám bụi rậm và cỏ dại cao mọc giữa sân gôn và con sông.

Những cây bụi ngay rìa bãi cỏ có lá sẫm màu và mang vẻ khá chẵn chu, như thể chúng đã từng là một bờ gậy người ta sắp đặt ở đó. Nhưng giờ chúng mọc hoang thành lùm. Chúng cũng có vẻ không đi xuyên qua được, nhưng gần đó có những lỗ hổng nhỏ, những lối đi hẹp mà thú vật hay người đi tìm bóng gôn làm thành. Mặt đất hơi dốc xuống, và một khi qua được bức tường bụi cây không đúng quy cách này, người ta có thể nhìn thấy một góc nhỏ con sông - con sông này đích thị là lý do cho tấm biển ở cổng, cái tên trên nhà câu lạc bộ. Câu lạc bộ gôn Bờ Sông. Nước có màu xám thép, và trông như đang cuộn cuộn dưới cuộc tấn công của thời tiết, chứ không vỡ ra thành gợn sóng như nước trong ao. Giữa con sông và chúng tôi là một bãi cỏ dại, dường như chỗ nào cũng đang nở hoa. Hoa cúc hoàng anh, hoa bóng nước với những chùm chuông đỏ và vàng, một loài cây tôi nghĩ là tầm ma

đang nở những cụm hoa tím hồng, và cúc tây dại. Cả dây nho nữa, bám lấy và cuốn quanh bất cứ thứ gì tìm được, vương vীu dưới chân. Mặt đất mềm và không dính lắm. Kể cả những cây cuống mảnh trông ảo lả cũng mọc lên cao, gần như ngang tầm, có khi vượt quá cả đầu chúng tôi. Khi dừng lại nhìn lên qua đám cây ấy, chúng tôi có thể thấy các cây ở cách đó một quãng ngắn đang lật qua lật lại như những bó hoa. Và một điều gì đó đang đến, từ hướng những đám mây màu nửa đêm. Mưa thật, xông đến đằng sau những giọt lộp độp đang rơi lên chúng tôi, nhưng có vẻ còn hơn cả mưa rất nhiều. Như thể một mảng rộng của bầu trời tách rời ra và đang đổ sập xuống, ồn ào quả quyết, biến thành một hình thù chẳng nhận ra là cái gì nhưng náo động. Những rèm mưa - không phải màn mưa mà những tấm rèm rất dày đang vỗ đập điên cuồng - bị dồn đuổi ở phía trước mảng trời đang sụp xuống đó. Chúng tôi nhìn rõ những tấm rèm ấy, ngay từ khi mới chỉ cảm thấy những giọt mưa lười nhác này. Gần như giống việc nhìn qua một ô cửa sổ, và không mấy tin cửa sổ sẽ vỡ vụn, cho đến lúc nó thực sự vỡ vụn, còn mưa gió thì giáng lên chúng tôi, cùng một lúc, tóc tôi bị tốc lên và bay tung tóe trên đầu. Tôi cảm thấy như thể tiếp đến da tôi cũng sẽ như thế.

Lúc đó tôi cố quay người lại - tôi có cảm giác bị thúc hối chưa từng có, phải chạy ra khỏi bụi cây hương về phía nhà câu lạc bộ. Nhưng tôi không dịch chuyển nổi. Đứng lên thôi đã đủ khó rồi - ra ngoài chỗ quang thì sẽ bị gió đánh gục ngay tức thì.

Cúi người, húc đầu qua cỏ dại, Mike di chuyển ngược chiều gió, vòng ra phía trước tôi, suốt lúc đó vẫn giữ cánh tay tôi. Rồi anh quay mặt về phía tôi, cơ thể anh ở giữa tôi và cơn bão. Làm thế thì cũng chẳng thấm tháp gì. Anh nói gì đó, thẳng vào mặt tôi, nhưng tôi không nghe được. Anh đang hét lên, nhưng không một âm thanh nào đến được với tôi. Lúc này anh đã giữ cả hai tay tôi rồi, anh dịch chuyển tay mình xuống cổ tay tôi và nắm chặt. Anh kéo tôi xuống - cả hai loạng choạng ngay khi cố gắng thay đổi tư thế - để chúng tôi cúi người cho sát đất. Gần sát đến độ chúng tôi không nhìn được nhau - chúng tôi chỉ có thể nhìn xuống, chỗ có những dòng sông li ti

đang làm mặt đất nứt quanh chân, quanh những cây cỏ bị xô đẩy và quanh đôi giày ướt sũng của chúng tôi. Và thậm chí cả điều này cũng phải nhìn qua thác nước đang trút xuống trên mặt.

Mike thả cổ tay tôi ra và giữ chặt vai tôi. Cách anh động chạm vẫn là kiểu kiểm chế, chứ không phải an ủi. Chúng tôi ngồi như thế đến khi gió qua đi. Chùng đó không thể hơn năm phút, có lẽ chỉ hai hay ba. Mưa vẫn rơi, nhưng bây giờ đó chỉ là cơn mưa lớn bình thường. Anh rút tay lại, và chúng tôi run rẩy đứng dậy. Áo quần chúng tôi dính chặt vào cơ thể. Tóc tôi rũ xuống trên mặt thành xoắn dài như phù thủy, còn tóc anh phẳng ra thành những cái đuôi ngắn sẫm màu bết vào trán. Chúng tôi cố cười nhưng hầu như chẳng có sức để cười. Rồi chúng tôi hôn và ép sát vào nhau một lúc ngắn. Cử chỉ này như là một thủ tục, một cách ghi nhận sự sống sót hơn là do ý muốn của cơ thể. Môi trượt trên môi, trơn và mát, áp lực của vòng ôm làm chúng tôi thoáng ớn lạnh, còn nước mát từ quần áo thì rỏ xuống lồm bồm.

Mưa ngớt đi từng phút. Hơi loạng choạng, chúng tôi len qua đám cỏ dại bị đánh rạp chỉ còn cao bằng một nửa, rồi len giữa những bụi cây dày ướt sũng. Những cành cây to văng khắp sân gôn. Mãi về sau tôi mới nghĩ đến việc bất kỳ cành nào cũng đã có thể giết chết chúng tôi.

Chúng tôi bước đi ngoài chỗ quang, vòng qua những cành cây đổ. Mưa gần như đã tạnh, và trời hửng lên. Tôi cúi đầu bước - để nước từ tóc rơi xuống đất chứ không chảy lên mặt - và cảm thấy hơi nóng của mặt trời chiếu lên vai trước khi nhìn lên ánh sáng tung bừng của nó.

Tôi đứng yên, hít một hơi thở sâu, và lắc tóc ra khỏi mặt. Giờ đã đến lúc, khi cả hai ướt sũng và bình an vô sự và rạng rỡ đối diện nhau. Giờ thì điều gì đó phải được nói ra.

“Có một chuyện mình chưa kể cho cậu.”

Giọng anh làm tôi bất ngờ, như mặt trời vậy. Nhưng theo cách ngược lại. Nó trĩu một gánh nặng, một lời cảnh báo - một quyết tâm bọc trong vẻ hối

lỗi.

“Về con trai út của mình,” anh nói. “Con trai út của bọn mình chết hè năm ngoái.”

Ôi.

“Thằng bé bị xe cán,” anh nói. “Mình là người cán thằng bé. Lùi xe khỏi lối lái xe.”

Tôi dừng lại lần nữa. Anh dừng lại với tôi. Cả hai nhìn chằm chằm về phía trước.

“Thằng bé tên là Brian. Nó ba tuổi.”

“Chuyện là, mình cứ nghĩ nó đang ngủ trên gác. Những đứa khác vẫn thức, nhưng nó đã được đưa đi ngủ. Rồi nó lại tỉnh dậy.”

“Dù sao thì đáng ra mình phải nhìn. Đáng ra mình phải nhìn cẩn thận hơn.”

Tôi nghĩ đến khoảnh khắc anh xuống xe. Tiếng động anh gây ra. Khoảnh khắc khi mẹ đưa trẻ chạy ra khỏi nhà. Không phải thằng bé đâu, nó không ở đây, chuyện này không xảy ra.

Anh lại đi tiếp, vào bãi đỗ xe. Tôi đi sau anh một chút. Và chúng tôi không nói gì - không một lời ân cần, thông thường, vô ích. Chúng tôi đã lờ hững việc đó rồi.

Anh không nói. Đó là lỗi của mình và mình sẽ không bao giờ vượt qua được chuyện này. Mình sẽ không bao giờ tha thứ bản thân. Nhưng mình cố làm những gì có thể. Hay, vợ mình tha thứ cho mình nhưng cô ấy cũng sẽ không bao giờ vượt qua được chuyện này.

Tôi biết hết những điều đó. Giờ thì tôi biết rằng anh là người đã sa xuống chỗ thê thảm nhất. Anh là người biết - tôi thì không biết, còn lâu mới biết được - sa xuống chỗ thê thảm nhất đích xác là thế nào. Anh cùng vợ biết điều đó và việc này kết gắn họ lại, vì một chuyện kiểu như thế hoặc sẽ làm người ta tan nát hoặc ràng buộc họ suốt đời. Không phải họ sẽ sống chỗ

thê thảm nhất đó. Nhưng họ sẽ chia sẻ hiểu biết về nó - cái khoảng không gian trung tâm lạnh lẽo, trống rỗng và khóa trái. Điều đó có thể xảy ra với bất kỳ ai.

Đúng thế. Nhưng có vẻ không phải vậy. Dường như nó chỉ xảy ra với người này, người kia, được đặc biệt chọn ra từ chỗ này chỗ kia, từng người một.

Tôi nói, “Thật bất công.” Tôi đang nói đến việc phân phối những sự trừng phạt vô căn cứ, những cú đánh ác độc và tàn hại như thế. Có lẽ còn tồi tệ hơn cả khi những chuyện ấy xảy ra giữa cơn đau buồn chất ngất, giữa chiến tranh hay thảm họa trên trái đất. Tồi tệ nhất là khi một ai đó phải đơn độc và vĩnh viễn chịu trách nhiệm cho một hành vi, có lẽ là không đặc trưng, của mình.

Đó là điều tôi đang muốn nói. Nhưng câu đó cũng có nghĩa là, *Thật bất công. Chuyện bình thường thì liên quan gì đến chúng ta?*

Một lời phản kháng tàn bạo đến độ nghe có vẻ gần như vô tội, bởi được thốt ra từ cốt lõi nguyên sơ của cái tôi. Đúng ra là, vô tội nếu ta chính là người thốt ra nó, và nếu nó không được công bố.

“Ờ,” anh nói, khá dịu dàng. Sự công bằng không ở chỗ này cũng không ở chỗ kia.

“Sunny và Johnston không biết chuyện này,” anh nói. “Không ai biết cả, không ai trong số những người chúng mình quen sau khi chuyển nhà. Dường như thế lại hay hơn. Thậm chí hai đứa lớn - chúng hầu như không nhắc đến thằng bé. Không bao giờ nhắc đến tên nó.”

Tôi không phải là một trong những người họ quen sau khi chuyển nhà. Không phải một trong những người sẽ ở bên cạnh khi họ làm lại một cuộc đời mới, gian nan, bình thường. Tôi là một người biết chuyện này - vậy thôi. Một người anh có, cho riêng mình, biết chuyện này.

“Thật kỳ lạ,” anh vừa nói vừa nhìn quanh trước khi mở cốp xe để xếp gọn hộp đựng đồ chơi gôn. “Chuyện gì xảy ra với người đồ xe ở đây lúc trước

nhỉ? Cậu có thấy một cái xe khác đỗ ở đây khi chúng ta lái vào không? Thế mà mình chẳng hề thấy ai trên sân gôn. Giờ mới nghĩ đến. Cậu có thấy ai không?”

Tôi nói không.

“Bí hiểm,” anh nói. Và lần nữa, “Ờ.”

Đó là từ tôi nghe khá thường xuyên, được nói với cùng một tông giọng, khi tôi còn nhỏ. Một cầu nối giữa chuyện này và chuyện khác, hay một kết luận, hay một cách để nói điều gì đó vốn không thể nói hay suy ngẫm đầy đủ hơn.

“Giếng là một cái hố trong đất.” Đó là câu trả lời đùa cợt.^[17]

Con bão làm bữa tiệc bể bơi kết thúc. Quá nhiều người đến dự nên không phải ai cũng có thể chen chân vào nhà, thế nên những người mang theo trẻ con đã phần chọn đi về.

Trong khi chúng tôi lái xe về, Mike và tôi đều để ý và nói đến cảm giác như bị kim châm, ngứa ngáy và bỏng rát, trên cẳng tay trần, trên mu bàn tay và quanh mắt cá chân. Những chỗ không được quần áo che khi chúng tôi ngồi xổm trong đám cỏ dại. Tôi nhớ đến cây tầm ma.

Khi ngồi trong bếp căn nhà nông thôn của Sunny, mặc quần áo khô, chúng tôi nói về cuộc phiêu lưu của mình và tiết lộ những chỗ mẩn ngứa.

Sunny biết cần làm gì cho chúng tôi. Chuyển đi hôm qua với Claire, đến phòng cấp cứu ở bệnh viện địa phương, không phải là lần đầu đi thăm khám của gia đình này. Hồi cuối tuần trước, hai cậu con trai đi xuống cánh đồng đầy cỏ dại, đáy ngập bùn, ở đằng sau nhà kho rồi quay về người đầy những vết lằn và tấy. Bác sĩ nói chắc là chúng đã động vào cây tầm ma. Hẳn là chúng đã lẫn lộn trong đó, ông ta nói thế. Bác sĩ kê đơn thuốc gồm gạc lạnh, kem chống dị ứng và thuốc viên. Một phần lọ kem vẫn còn chưa dùng, và còn cả vài viên thuốc, vì Mark và Gregory đã chóng khỏi.

Chúng tôi từ chối thuốc viên - ca của chúng tôi không có vẻ bị nghiêm trọng đến thế.

Sunny kể cô đã từng nói chuyện với một chị bơm xăng cho xe cô trên đường cao tốc, chị ta nhắc đến một loại cây có lá làm thuốc đắp hiệu quả nhất cho vết mẩn ngứa do tằm ma. Không cần thuốc viên hay mấy thứ linh tinh kia, chị đó nói vậy. Tên của cây ấy hình như là chân-bê-con. Hay chân-tê-cóng nhỉ? Chị đó nói với cô là có thể tìm thấy cây này ở một con đường cắt qua núi nào đó, cạnh một cây cầu.

Cô hăm hở muốn làm việc đó, cô thích ý tưởng bài thuốc dân gian. Chúng tôi phải chỉ ra là đã có thuốc bôi rồi và đã trả tiền thuốc rồi.

Sunny vui thích với việc chăm sóc chúng tôi. Thực ra, cảnh ngộ của chúng tôi làm cả nhà vui vẻ và thoát khỏi sự tẻ nhạt của một ngày mưa bão với những kế hoạch bị hủy bỏ. Việc chúng tôi chọn cùng nhau đi ra ngoài và rồi có chuyến phiêu lưu này - một chuyến phiêu lưu để lại bằng chứng trên thân thể dường như khơi lên trong Sunny và Johnston niềm háo hức muốn trêu chọc. Các kiểu mặt khôì hài từ anh, vẻ lo âu rạn rở từ cô. Nếu chúng tôi không mang về bằng chứng cho một lần lần thực thụ - vết lằn trên hông, đốm đỏ trên đùi và bụng - thì dĩ nhiên họ đã không thích thú và khoan dung như thế.

Bọn trẻ thì thấy rất buồn cười khi nhìn chúng tôi ngồi ngâm chân trong chậu, cánh tay và bàn tay vụng về vì bị băng bó bằng vải dày. Claire đặc biệt vui sướng nhìn bàn chân người lớn, để trần và đại dột của chúng tôi. Mike ngúc ngoắc những ngón chân dài của anh cho con bé xem, và nó phá lên những trận cười khúc khích sợ hãi.

Ờ. Mọi chuyện sẽ lại như cũ, nếu chúng tôi có bao giờ gặp lại nhau. Hay là không gặp lại. Một tình yêu không sử dụng được, một tình yêu biết thân biết phận. (Một vài người sẽ nói là tình yêu ấy không có thật, vì nếu và thật nó sẽ không bao giờ mạo hiểm để bị siết cổ, hay mạo hiểm trở thành trò đùa dở ẹc, hay mạo hiểm buồn bã bao mòn đi.) Không mạo hiểm làm gì cả, mà vẫn sống như một tia nước ngọt ngào, một nguồn nước ngầm. Dưới sức nặng mà sự tĩnh lặng mới mẻ này đè lên, cái dấu niêm phong này.

Tôi không bao giờ hỏi thăm Sunny về anh, hay nhận được tin gì, trong suốt những năm tháng tình bạn giữa chúng tôi hư hao dần.

Thứ cây có hoa tím hồng to tướng đó không phải là tầm ma. Tôi khám phá ra rằng chúng tên là cỏ rế sỏi. Những cây tầm ma gây đau rát mà chắc chúng tôi đã dính vào là loại cây ít nổi bật hơn, có hoa tím nhạt hơn, và thân được trang bị dữ dằn với những cái gai mảnh, hung dữ, xuyên thủng da và làm sưng tấy. Có thể cây đó cũng góp mặt trong đám hoa cỏ đang khoe sắc ở bãi hoang đó, mà không ai đến tới.

Cột Và Dầm

Lionel kể cho họ nghe mẹ cậu đã qua đời như thế nào.

Mẹ bảo cậu mang đồ trang điểm đến cho bà. Lionel cầm gương cho bà soi.

“Chắc sẽ khoảng một tiếng đồng hồ đấy,” bà nói.

Kem nền, phấn, chì kẻ chân mày, mascara, chì viền môi, môi son, phấn hồng. Bà trang điểm chậm chạp và run rẩy, nhưng trông cũng không tệ.

“Con thấy đâu có mất đến một tiếng đâu,” Lionel nhận xét.

Bà bảo không, bà không có ý đó.

Ý bà là, khoảng một tiếng nữa bà sẽ chết.

Cậu hỏi mẹ có muốn gọi cha đến không. Cha cậu, chồng bà, mục sư của bà.

Bà bảo: “Để làm gì.”

Bà chỉ còn khoảng năm phút nữa, bà tiên đoán.

Họ đang ngồi sau nhà - nhà của Lorna và Brendan - trên cái hiên nhỏ trông ra vịnh Burrard và những ánh đèn ở mũi Grey. Brendan đứng dậy chuyển vòi phun nước qua bãi cỏ khác.

Lorna mới chỉ gặp mẹ của Lionel cách đó vài tháng. Một phụ nữ nhỏ nhắn, tóc trắng, xinh đẹp, với sức lôi cuốn của một người không biết sợ là gì, đến Vancouver từ một thị trấn trên dãy Rocky để xem buổi diễn của đoàn kịch lưu diễn Comédie Francaise. Lionel mời Lorna đi xem cùng với mẹ con cậu. Sau buổi diễn, trong khi Lionel giúp bà mặc chiếc áo choàng nhung màu xanh dương, mẹ cậu đã nói với Lorna, “Bác rất vui vì đã được gặp *belle-amie* của con trai bác.”

“Thôi mình đừng làm quá bằng tiếng Pháp nữa,” Lionel nói.

Lorna thì thậm chí không chắc lắm từ đó có nghĩa là gì. *Belle-amie*. Một cô bạn đẹp? Người tình?

Qua đầu của mẹ cậu, Lionel nhướng mày nhìn cô. Như thể cậu muốn phân trần, mẹ em có hiểu lắm gì thì đó hoàn toàn không phải là lỗi của em

đâu nhé.

Lionel từng là học trò của Brendan ở trường đại học. Một thần đồng chưa được mài giũa, mười sáu tuổi. Một trí tuệ toán học sáng chói nhất mà Brendan từng biết. Sau này nhìn lại, Lorna tự hỏi không biết Brendan có phóng đại quá hay không, vì anh thường hào phóng một cách không bình thường đối với những sinh viên có năng khiếu. Và cũng vì sự việc đã xảy ra như vậy. Brendan quay lưng lại với tất cả những gì liên quan đến Ai Len - gia đình của anh, giáo phái của anh và những bài hát ủy mị - nhưng anh không thể nào cưỡng lại nổi những câu chuyện bi thảm. Và quả nhiên, sau khỏi đầu rực rỡ, Lionel đã bị bệnh gì đó như suy nhược, phải nhập viện, rồi biệt tăm. Cho đến khi Brendan gặp cậu ta ở siêu thị và phát hiện ra là Lionel sống cách nhà họ chỉ khoảng một cây số, ngay tại Bắc Vancouver. Cậu đã hoàn toàn bỏ ngành toán và làm việc cho một văn phòng xuất bản của Anh giáo.

“Hôm nào em đến chơi với chúng tôi nhé,” Brendan mời. Anh thấy Lionel trông có vẻ hơi buồn bã, và cô đơn. “Đến làm quen với vợ tôi.”

Brendan vui vì bây giờ mình đã có nhà và có thể mời khách đến chơi.

“Em không biết cô sẽ như thế nào,” Lionel nói khi cậu kể lại cho Lorna. “Em nghĩ, rất có thể cô là một người khó chịu.”

“Ồ,” Lorna nói. “Tại sao?”

“Em không biết nữa. Các phụ nhân thường hay thế.”

Cậu thường đến chơi vào buổi tối, khi bọn trẻ con đã lên giường. Những cuộc viếng thăm có đôi chút xâm phạm vào đời sống gia đình - tiếng trẻ con khóc lọt ra ngoài từ cửa sổ để ngủ, tiếng Brendan đôi khi phải trách mắng Lorna về chuyện đồ chơi vứt bừa bãi trên bãi cỏ mà không để lại vào khuôn cát, tiếng gọi vọng ra từ bếp hỏi xem cô có nhớ mua chanh để uống với rượu gin và tonic hay không - tất cả những âm thanh này khiến tấm thân cao gầy, gương mặt chăm chú và ngờ vực của Lionel run rẩy và căng thẳng. Những lúc như vậy phải có một khoảng lặng, để quay trở lại mức độ giao

tiếp hữu ích giữa người với người. Có lần cậu hát khe khẽ “Ô cuộc sống vợ chồng, ô cuộc sống vợ chồng”, nhại theo điệu nhạc bài hát “O Tannenbaum”. Cậu hơi mỉm cười, hay cũng có thể Lorna có cảm giác là cậu hơi mỉm cười, trong bóng tối. Cái mỉm cười mà đối với cô như là của bé Elizabeth, đứa con gái bốn tuổi của cô, khi con bé thì thầm với mẹ một nhận xét gì đó hơi táo bạo ở nơi công cộng. Nụ cười mỉm bí hiểm, thỏa mãn, có phần hơi cảnh giác.

Lionel đạp lên đôi trên chiếc xe cao, kiểu cũ - ấy là cái thời mà ngoài trẻ con ra ít ai đi xe đạp. Cậu sẽ không thay bộ quần áo làm việc của mình ra. Quần tây đậm màu, áo sơ mi trắng, cổ tay và cổ áo trông lúc nào cũng bẩn và cũ mòn, cà vạt chẳng có gì đặc biệt. Khi họ đi xem buổi diễn của Comédie Francaise, cậu chỉ trông thêm cái áo vét vải tuyết, vai thì quá rộng trong khi tay lại quá ngắn. Có lẽ cậu chẳng có bộ cánh nào khác.

“Em lao động với đồng lương rẻ mạt ấy mà,” cậu nói. “Thậm chí còn chẳng được làm trong vườn nho của Chúa. Mà chỉ là trong giáo phận của Đức Tổng Giám mục.”

Và, “Đôi khi em cứ nghĩ mình đang ở trong tiểu thuyết của Dickens. Mà buồn cười ở chỗ, em thậm chí còn chẳng thích Dickens.”

Thường khi nói chuyện, đầu cậu sẽ nghiêng qua một bên, ánh mắt như nhìn vào cái gì đó hơi xa hơn một chút, phía sau đầu Lorna. Giọng cậu nhẹ và nhanh, đôi khi rin rít vì hồ hởi kích động. Cậu kể mọi chuyện với cái cách luôn pha chút ngạc nhiên. Cậu kể về văn phòng làm việc trong tòa nhà phía sau nhà thờ. Những ô cửa sổ cao nhỏ kiểu Gothic, và đồ gỗ đánh véc ni (để cho mọi thứ mang vẻ nhà thờ), giá treo mũ và kệ để ô dù (không hiểu sau những thứ này khiến cậu tràn ngập một nỗi u hoài sâu thẳm), Janine - cô đánh máy, bà Penfound - biên tập viên của tờ *Tin tức Nhà thờ*. Đức Tổng Giám mục thỉnh thoảng xuất hiện, như một bóng ma lơ đãng. Cuộc chiến bất phân thắng bại giữa Janine và bà Penfound về trà túi lọc, Janine thích trà túi lọc, còn bà Penfound thì không. Ai cũng nhai tóp tép món đồ ăn vặt bí mật của mình nhưng chả bao giờ mời nhau. Janine thích ăn kẹo caramel,

Lionel thích hạt hạnh nhân tẩm đường. Còn món ưa thích của bà Penfound là gì thì cả Lionel và Janine đều chưa khám phá ra được vì bà không bao giờ bỏ giấy bọc vào thùng rác. Nhưng mà hai hàm răng của bà ta rõ ràng lúc nào cũng bận rộn rón rén nhai.

Khi kể về chuyện ăn vụng, cậu nhắc đến bệnh viện nơi trước đây cậu chữa trị một thời gian và bảo ở bệnh viện cũng thế. Cái gì cũng bí mật. Chỉ khác là ở bệnh viện, thỉnh thoảng họ tóm lấy mình, trói gô lại, lột đồ của mình ra và, theo như cậu nói, cắm mình vào ổ điện.

“Nghe thì khá là thú vị. Thực ra đau đớn vô cùng. Nhưng em không thể nào diễn đạt được. Quái lạ! Em nhớ nhưng em không tài nào diễn tả nổi.”

Vì những chuyện đó ở bệnh viện, cậu nói, cậu thà không nhớ còn hơn. Thà không nhớ chi tiết. Cậu thích nghe Lorna kể chuyện của cô.

Cô kể cho cậu nghe về cuộc đời của cô trước khi lấy Brendan. Về hai ngôi nhà giống hệt nhau, xây cạnh nhau ở thị trấn nơi cô lớn lên. Trước nhà là một cái rãnh sâu gọi là lạch Thuốc Nhuộm vì nó được dùng để dẫn nước thải màu nhuộm từ nhà máy dệt. Đằng sau nhà là cánh đồng cỏ hoang mà bọn con gái không được phép ra đó chơi. Cô sống với cha ở một trong hai căn nhà đó - còn căn kia là của bà nội, bác Beatrice và cô chị họ Polly.

Polly không có cha. Họ đã nói thế và Lorna đã từng thực sự tin như vậy.

Polly không có cha, kiểu như con mèo Manx không có đuôi.

Trong phòng khách nhà bà nội có một cái bản đồ vùng Đất Thánh, được đan bằng nhiều màu len khác nhau, chỉ rõ những địa danh trong Kinh Thánh. Theo di chúc, bà để lại nó cho lớp giáo lý của giáo hội Hiệp Nhất. Cuộc sống giao tiếp xã hội của bác Beatrice không có tí dính líu gì đến đàn ông, kể từ khi chuyện ô nhục của bác được tẩy sạch. Bác rất khó tính và cực kỳ nghiêm khắc về đạo đức, đến nỗi thực sự là cũng dễ dàng khi tin chuyện bác có mang Polly là tinh khiết như Đức Mẹ Đồng Trinh. Điều duy nhất mà Lorna học được từ bác Beatrice là phải ủi quần áo từ đường may bên hông chứ đừng có banh ra, để không nhìn thấy vết ủi, và nếu mặc áo mỏng thì

phải mặc thêm áo lót trong để không lộ áo coóc xê.

“Ồ, đúng. Đúng rồi,” Lionel nói. Cậu duỗi chân như thể sự tán thưởng của cậu lan tỏa tới tận từng ngón chân. “Bây giờ cô kể về Polly đi. Sinh ra trong ngôi nhà tắm tối đó, Polly là người thế nào?”

Polly bình thường, Lorna trả lời. Đầy nhiệt huyết, chan hòa, tốt bụng và tự tin.

“Vậy à,” Lionel nói. “Kể em nghe lại chuyện căn bếp đi.”

“Căn bếp nào?”

“Cái căn bếp không có chim hoàng yến ấy.”

À, bếp nhà cô. Cô tả cô đã đánh bóng bếp đun bằng giấy gói bánh mì như thế nào, cái giá ám đen đằng sau bếp để treo xoong chảo, bồn rửa và tấm gương nhỏ phía trên bị khuyết mất một góc hình tam giác, dưới gương là cái khay nhỏ bằng thiếc - do cha cô làm - lúc nào cũng đựng một chiếc lược, một cái tay cầm ly tách đã cũ, một cái hũ bé xíu đựng phấn hồng, chắc từng là của mẹ cô.

Cô kể cho cậu nghe ký ức duy nhất của cô về mẹ. Cô ở trung tâm thị trấn, với mẹ, trong một ngày đông giá. Tuyết đọng giữa vỉa hè và đường phố. Cô vừa mới học được cách xem giờ, cô nhìn lên đồng hồ bưu điện thì thấy đã đến giờ phát vở kịch dài kỳ mà hai mẹ con vẫn thường đón nghe hằng ngày trên đài phát thanh. Cô thấy lo lắng ghê gớm, không phải vì bị lỡ mất một kỳ kịch mà bởi cô không biết điều gì sẽ xảy ra với những nhân vật trong kịch, khi radio không được bật lên và mẹ cô cùng chính cô không nghe. Cô cảm thấy còn hơn cả lo lắng, đó là nỗi khiếp sợ, khi nghĩ về khả năng mọi thứ có thể mất đi, không thể xảy ra, chỉ vì một sự vắng mặt tình cờ hay một điều ngẫu nhiên nào đó.

Thậm chí trong ký ức duy nhất đó, mẹ chỉ là vòng hông, là bả vai, trong chiếc áo choàng dày cộp.

Lionel bảo cảm nhận của cậu về cha hầu như cũng chẳng hơn gì, mặc dù cha cậu còn sống. Trong sọt soạn của chiếc áo tể? Lionel và mẹ thường chơi

cá độ về việc cha cậu có thể không cần nói chuyện với họ trong bao lâu. Có lần cậu hỏi mẹ vì sao cha có vẻ giận dữ như vậy, bà bảo bà thực lòng không biết.

“Mẹ nghĩ chắc là cha con không thích công việc của mình,” bà nói.

Lionel hỏi, “Sao cha không tìm việc khác?”

“Có thể là cha không nghĩ ra được mình thích việc gì.”

Thế rồi Lionel nhớ ra khi mẹ dẫn cậu vào viện bảo tàng, cậu đã sợ những cái xác ướp, và mẹ bảo cậu rằng họ không thực sự chết, mà sẽ từ quan tài chui ra khi tất cả mọi người đã ra về. Thế nên cậu hỏi, “Liệu cha có thể là cái xác ướp không?” Mẹ cậu hiểu nhầm xác ướp là mẹ^[18], và sau đó bà cứ kể đi kể lại chuyện này như một truyện cười, mà cậu thì đã quá nản lòng, thực thế, nên chả dính chính. Quá nản lòng, khi còn quá nhỏ như vậy, về một vấn đề lớn sao như vậy - vấn đề giao tiếp.

Đó là một trong số ít những kỷ niệm mà cậu còn nhớ.

Brendan cười phá lên - anh cười khi nghe chuyện này còn nhiều hơn cả Lorna và Lionel. Thường thì Brendan sẽ ngồi cùng với họ một lúc, hỏi, “Hai người đang huyền thuyên gì đấy và rồi, với cảm giác phần nào nhẹ nhõm, như thể đã tạm thời làm xong nghĩa vụ, anh sẽ đứng dậy và bảo mình có việc cần làm rồi đi vào nhà. Như thể anh vui vì tình bạn giữa họ, ở một phương diện nào đó anh đã tiên đoán được nó, đã thai nghén ra nó - nhưng những câu chuyện của họ làm anh sốt ruột

“Lên đây chơi sẽ tốt cho thằng bé, để nó được bình thường một chút thay vì ngồi ru rú trong phòng,” anh nói với Lorna. “Tất nhiên là nó đang si mê em. Tội nghiệp thằng bé.”

Anh thích nhận xét là đàn ông si mê Lorna. Đặc biệt là khi họ đi dự những bữa tiệc trong khoa và cô là người vợ trẻ nhất ở đấy. Cô thường xấu hổ khi có bất kỳ ai nghe thấy anh nói thế, sợ người ta sẽ cho rằng chính anh mong muốn và ngốc nghếch thổi phồng chuyện đó. Nhưng đôi khi, nhất là những khi Lorna ngà ngà say, cô và cả Brendan nữa đều thấy hưng phấn

khi nghĩ cô có thể hấp dẫn mọi người đến thế. Tuy nhiên, trong trường hợp của Lionel, cô khá chắc là không phải như vậy, và cô rất hy vọng là Brendan đừng bao giờ ám chỉ chuyện gì như thế trước mặt cậu học trò. Cô nhớ ánh nhìn của cậu qua đầu mẹ cậu. Đó là sự phủ nhận, một lời cảnh báo nhẹ nhàng.

Cô không nói với Brendan về những bài thơ. Khoảng mỗi tuần một lần cô nhận được một bài thơ trong hòm thư, dán và gửi qua bưu điện khá kín chu. Đây không phải là những bài thơ giấu tên - Lionel ký tên đang hoàng. Chữ ký của cậu nguệch ngoạc, rất khó nhận ra - nhưng tất cả mọi từ trong bài thơ cũng vậy nốt. Cũng may là chẳng có mấy chữ - nhiều khi chỉ có khoảng một, hai chục từ - được viết theo một hàng lối khó hiểu trên trang giấy, như những dấu chân chim ngập ngừng. Thoạt nhìn, Lorna chẳng luận ra được chữ gì. Cô nghĩ tốt nhất là không nên cố gắng quá, cứ giơ tờ giấy ra trước mặt, điềm tĩnh nhìn thật lâu như đi vào trạng thái hôn mê. Và rồi, thường thì những từ ngữ sẽ hiện ra. Không phải là tất cả - mỗi bài thơ sẽ có hai, ba từ cô không nhận ra được - nhưng chẳng ảnh hưởng gì. Không có dấu chấm câu, chỉ có gạch ngang. Hầu hết là danh từ. Lorna không phải là người không biết thơ ca là gì, cũng chẳng phải là người dễ dàng bỏ qua cái gì mình chưa hiểu ngay được. Nhưng cách cô cảm nhận những bài thơ của Lionel cũng gần tương tự cách cô cảm nhận những thứ như đạo Phật chẳng hạn - đó là một kho tri thức mà có lẽ một ngày nào đó cô sẽ lĩnh hội và thấu hiểu được, nhưng bây giờ thì cô chưa thể.

Sau bài thơ đầu, cô đã khổ sở nghĩ xem mình phải nói gì. Điều gì đó vừa để khen ngợi nhưng cũng không có vẻ ngu ngốc. Nhưng rồi cô chỉ có thể nói, “Cảm ơn em về bài thơ” - khi cô chắc chắn Brendan đã đi xa khỏi tầm tai nghe. Cô đã kìm lại không nói, cô thích bài thơ Lionel gặt đầu nhất gừng, âm ừ như để cắt đứt câu chuyện. Thơ tiếp tục được gửi đến nhưng đề tài này không bao giờ được nhắc tới nữa. Cô bắt đầu suy diễn đây là những lời mời chào, không phải là thông điệp. Nhưng không phải là những lời mời chào yêu đương - như Brendan chẳng hạn, sẽ nghĩ trong trường hợp này.

Không có một cái gì trong đó nói lên tình cảm của Lionel đối với cô, hoàn toàn không có gì riêng tư cả. Nó gợi cô liên tưởng đến những dấu ấn mờ nhạt thỉnh thoảng ta thấy trên vỉa hè vào mùa xuân - hình bóng của những chiếc lá ướt in xuống mặt đường từ năm trước.

Có một việc khác cấp bách hơn mà cô đã không nói với Brendan. Hay với Lionel. Cô không nói cho họ biết là Polly sẽ đến chơi. Polly, chị họ của cô, sẽ từ quê lên chẳng.

Polly lớn hơn Lorna năm tuổi và làm việc ở một ngân hàng địa phương từ sau khi tốt nghiệp phổ thông. Trước đây chị đã tiết kiệm gần đủ tiền cho chuyến đi này nhưng rồi lại quyết định dùng số tiền ấy để mua máy hút nước. Nhưng bây giờ chị đang trên đường băng qua đất nước bằng xe buýt. Đối với chị, dường như đây là một việc làm tự nhiên và đúng đắn nhất trần đời - đến thăm em họ, chồng em họ và gia đình của em họ. Đối với Brendan, việc này gần chắc chắn là một hình thức xâm phạm riêng tư, một việc người ta không nên làm trừ phi được mời. Không phải là anh không ưa khách khứa - cứ trông trường hợp của Lionel đấy - nhưng anh muốn mình được quyết định mời ai tới. Mỗi ngày Lorna đều nghĩ đến chuyện làm thế nào để nói cho anh biết. Và cứ mỗi ngày cô lại trì hoãn.

Đây không phải là một chuyện cô có thể tâm sự với Lionel. Không thể nói với cậu ta bất cứ chuyện gì được nhìn nhận nghiêm túc như một vấn đề. Bởi nói chuyện về các vấn đề có nghĩa là phải nói về việc tìm kiếm giải pháp, hy vọng có giải pháp. Mà như vậy thì chẳng có gì thú vị cả, nó không biểu thị thái độ thú vị đối với cuộc sống. Thay vào đó là niềm hy vọng hơi hợt và mệt mỏi. Những lo âu đời thường, những cảm xúc không phức tạp không phải là những thứ cậu thích nghe. Cậu thích những thứ khiến người ta hoàn toàn hoang mang, những thứ gây đau đớn khôn kham, nhưng trớ trêu thay người ta vẫn phải cam chịu, thậm chí sung sướng cam chịu.

Cô có lẽ cũng hơi mạo hiểm khi kể cậu nghe một chuyện. Chuyện cô đã khóc như thế nào ngày cô lên xe hoa và trong suốt lễ cưới. Nhưng cô đã có thể đùa tếu về chuyện đó, vì cô kể cô đã cố gắng rút tay mình để lấy khăn

tay nhưng Brendan cương quyết giữ chặt tay cô và cô cứ phải sụt sịt suốt. Thực tế, cô không khóc vì không muốn lấy chồng hay vì không yêu Brendan. Cô khóc vì tất cả những thứ ở nhà dường như đột nhiên trở nên quý giá với cô vô cùng - mặc dù cô luôn có kế hoạch ra đi - những con người ở đó dường như gần gũi với cô hơn bất cứ ai khác, mặc dù cô đã giấu họ mọi suy nghĩ riêng tư của mình. Cô khóc vì ngày hôm trước, trong lúc hai chị em sau dọn kệ bếp, cọ rửa vài sơn lót sàn, cô và Polly đã cười ngặt nghẽo khi cô giả bộ như mình đang đóng một vai kịch tình cảm, tạm biệt nhé sàn nhà, tạm biệt nhé vết nứt nơi ấm trà, chào nhé những chỗ tôi đã gắn bã kẹo cao su dưới mặt bàn, tạm biệt.

Sao em không bảo hấn quên đi, Polly gợi ý. Nhưng tất nhiên là chị không có ý đó, chị hãnh diện tự hào, và chính Lorna cũng hãnh diện tự hào, mười tám tuổi, chưa bao giờ có một bạn trai thực thụ, giờ đây đang chuẩn bị cưới một người đàn ông ba mươi tuổi, đẹp trai, giáo sư hảnh hoi.

Vậy mà cô đã khóc, và cô lại khóc khi cô nhận được thư nhà những ngày đầu mới lấy chồng. Brendan bắt gặp cô khóc, anh bảo, “Em yêu gia đình em lắm, phải không?”

Cô nghĩ là giọng anh có vẻ thông cảm. Cô trả lời, “Vâng.”

Anh thở dài. “Anh nghĩ em yêu họ hơn yêu anh.”

Cô bảo không đúng thế, cô chỉ thỉnh thoảng thấy thương gia đình mình. Họ cực khổ quá, bà nội đã phải dạy lớp bốn hết năm này qua năm khác mặc dù mắt bà kém đến nỗi hầu như không thấy được mình viết gì trên bảng, bác Beatrice với quá nhiều những khiếu nại kích động đến nỗi không bao giờ có nổi một việc làm, và cha cô - cha của Lorna - thì làm việc trong một cửa hàng ngũ kim mà thậm chí ông không phải là chủ.

“Cực khổ á?” Brendan nói. “Thế họ có bao giờ phải trại tập trung chưa?”

Anh bảo trên đời này, người ta cần có óc thực tế. Thế là Lorna, nằm vật xuống chiếc giường cưới của mình, bắt đầu một trong những cơn gào khóc tức giận mà bây giờ cô thấy xấu hổ đến nỗi không muốn nhớ lại nữa.

Thường thì một lúc sau Brendan sẽ đến an ủi vỗ về cô, nhưng anh vẫn tin là cô khóc như phụ nữ thường khóc, để giành phần thắng trong tranh luận, vì họ không thể thắng bằng bất cứ cách nào khác.

Có vài điểm về ngoại hình của Polly mà Lorna đã quên. Chị cao như thế nào, cổ dài eo hẹp ra sao, và ngực gầy như phẳng lì. Cằm nhỏ hơi nhô và khuôn miệng nhăn nhó. Da xanh xao, tóc nâu nhạt cắt ngắn, mảnh như lông vũ. Trông chị vừa ẻo lả vừa cứng nhắc, như bông hoa cúc trắng trên cái cọng dài. Chị mặc chiếc váy denim thêu diềm xếp nếp.

Brendan biết trước bốn mươi tám tiếng đồng hồ là chị sẽ đến. Chị gọi điện từ Calgary, theo hình thức người nghe phải trả tiền, và anh là người trả lời điện thoại. Sau đó anh có ba câu hỏi. Giọng anh xa lạ, nhưng bình tĩnh.

Cô ta sẽ ở lại bao lâu?

Tại sao em không nói cho anh biết?

Tại sao cô ta gọi điện mà lại bắt mình phải trả tiền?

“Em không biết,” Lorna trả lời.

Lúc này, từ trong bếp nơi cô đang chuẩn bị bữa tối, Lorna căng tai lắng nghe xem họ sẽ nói gì với nhau. Brendan vừa về đến nhà. Cô không nghe thấy tiếng anh chào hỏi, nhưng giọng Polly thì oang oang đầy vẻ xởi lởi liêu lĩnh.

“Đúng là tôi đã bước chân trái ra khỏi nhà rồi Brendan ạ, để tôi kể cho mà nghe. Lorna và tôi đang đi dọc phố từ bến xe buýt thì tôi mới bảo, Ui cha, em ở khu phố này trông khá sang trọng đây, Lorna - rồi tôi bảo, Nhưng mà nhìn kìa, cái quái gì lạc vào đây thế nhỉ? tôi hỏi, Trông như cái chuồng nuôi súc vật.”

Đúng là không thể nào tệ hơn. Brendan rất tự hào về ngôi nhà của họ. Đây là ngôi nhà kiến trúc đương đại, xây theo kiểu bờ tây gọi là Cột và Dầm. Nhà kiểu này không sơn phết gì cả; ý tưởng là để cho ngôi nhà hòa vào rừng cây nguyên thủy. Vì vậy ấn tượng là trông từ bên ngoài, nó đơn giản và thực dụng, với mái phẳng nhô ra ngoài các bức tường. Bên trong, xà rầm lộ lộ và

tất cả những bộ phận gỗ của căn nhà yếu không được che giấu. Lò sưởi là loại lò ống khói đá xây cao lên đến trần nhà, cửa sổ dài, hẹp và không có rèm. Kiểu kiến trúc này luôn luôn ưu việt, công ty xây dựng đã nói với họ như vậy, và Brendan đã lặp lại nguyên văn cùng với cả từ “đương đại” khi giới thiệu về ngôi nhà với khách khứa mới đến lần đầu.

Anh chẳng thèm bận tâm nói điều này với Polly, cũng như anh chẳng thèm cho chị xem tờ tạp chí có bài báo về kiểu kiến trúc này, với hình ảnh minh họa - mặc dù không phải là ảnh chụp chính ngôi nhà này.

Polly mang theo thói quen từ quê nhà là mở đầu câu bằng cách gọi tên của chính người đối thoại. Chị thường nói “Lorna này...”, hay “Brendan này...” Lorna đã quên kiểu nói chuyện này - giờ đây đối với cô nó nghe có vẻ cưỡng bách và thô lỗ. Hầu hết các câu đối thoại của Polly bên bàn ăn đầu bắt đầu bằng “Lorna này...” và đều về những người chỉ quen biết với cô và Polly. Lorna biết Polly không cố ý thô lỗ, rằng chị đã nỗ lực nhiều để tỏ ra tự nhiên, một nỗ lực tuy ồn ào nhưng dũng cảm. Mới đầu chị cố gắng lôi kéo Brendan vào câu chuyện của họ. Cả chị và Lorna đều cố, họ lao vào giải thích về những người mà họ đang nói tới - nhưng chẳng ăn thua gì. Brendan chỉ nói khi cần gọi Lorna chú ý đến thứ gì đó anh cần trên bàn, hoặc chỉ cho cô thấy là Daniel đã làm đổ thức ăn nghiền ra sàn xung quanh cái ghế ăn cao của thằng bé.

Polly tiếp tục nói trong khi cùng Lorna dọn bàn ăn, và rồi cả khi họ rửa bát.

Lorna thường tắm cho bọn trẻ con và cho chúng đi ngủ trước khi cô rửa bát, nhưng tối nay cô quá bồn chồn - cô cảm nhận được là Polly sắp phát khóc - nên không thể lo mọi việc đúng trình tự. Cô để cho Daniel bò quanh nhà, còn Elizabeth thì vốn thích những dịp giao tiếp và thích làm quen với những nhân cách mới nên cứ luẩn quẩn để hóng chuyện. Cho đến khi Daniel làm đổ cái ghế cao - may mà cái ghế không đè lên người thằng bé, nhưng nó khóc ré lên vì sợ - và thế là Brendan đi vào từ phòng khách.

“Có vẻ như giờ đi ngủ đã bị hoãn lại nhỉ,” anh nói trong khi kéo thẳng bé ra khỏi tay Lorna. “Elizabeth. Con chuẩn bị đi tắm đi.”

Polly đã chuyển từ chuyện những người trong thị trấn sang chuyện ở nhà. Tình hình không được tốt. Chủ tiệm ngũ kim - người đàn ông mà cha Lorna luôn nhắc đến như một người bạn chứ không phải ông chủ - đã bán cửa hàng mà không một lời báo trước, cho đến khi mọi sự đã rồi. Ông chủ mới mở rộng cửa hàng trong lúc việc kinh doanh cứ mất dần vào tay hãng Lốp Xe Canada, vì vậy, không ngày nào là ông ta không kiếm chuyện để gây với cha của Lorna. Cha của Lorna quá bất mãn, đến nỗi đi làm về là ông chẳng muốn làm gì, chỉ nằm bệt ở đi vắng. Ông chẳng quan tâm đến báo chí hay tin tức nữa. Ông uống nước ngọt có ga và không chịu nói về những cơn đau bụng của mình.

Lorna nhắc đến lá thư của cha, trong đó ông đã nói giảm nói tránh những khó khăn này.

“Chẹp, dĩ nhiên bố em sẽ làm thế rồi, không phải,” sao Polly nói.

“Với em thôi.”

Việc bảo trì cả hai căn nhà, Polly kể, là cả một cơn ác mộng triền miên. Mọi người nên dồn về ở chung một căn và bán căn kia đi, nhưng bây giờ, khi bà ngoại cô đã nghỉ hưu, bà lúc nào cũng la mắng mẹ của Polly, và cha của Lorna không thể chịu được ý tưởng ở chung với hai người đàn bà này. Polly thường muốn bỏ đi không bao giờ quay trở lại, nhưng họ sẽ xoay xở thế nào nếu không có chị?

“Chị phải sống cuộc sống của riêng mình,” Lorna nói. Cô cảm thấy là lạ khi cô là người khuyên bảo Polly.

“Ồ, tất nhiên, tất nhiên,” Polly trả lời. “Lẽ ra chị phải thoát ly trong khi mọi việc còn tốt, chị nghĩ lẽ ra mình nên làm như vậy. Nhưng khi mọi việc còn tốt là khi nào cơ chứ? Chị chẳng nhớ có lúc này có thể gọi là đặc biệt tốt. Chị đã mắc kẹt vì phải lo cho em tốt nghiệp phổ thông xong đã, đó là một trong những nguyên nhân.”

Lorna nói với giọng hối hận, thân ái, nhưng cô nhất định không ngừng tay để cho tin tức của Polly cái quyền nó xứng đáng được hưởng. Cô chấp nhận nó như thể đó là chuyện liên quan đến những người cô quen biết và thương yêu, nhưng cô không có trách nhiệm đối với họ. Cô nghĩ đến cảnh cha nằm trên đi văng những buổi chiều tối, lịm đi vì những cơn đau mà ông không chịu thú nhận, và bác Beatrice cạnh nhà, chỉ lo người khác xì xào về mình, lo người ta cười sau lưng và viết lên tường chế nhạo bác. Khóc lóc vì bác đã đi nhà thờ mà để lộ váy lót. Nghĩ về gia đình khiến Lorna đau đớn, nhưng cô không thể không có cảm giác là Polly đang quấy rầy cô, cố bắt cô phải chấp nhận một thỏa ước đầu hàng nào đó, nhấn chìm cô vào nỗi thống khổ riêng tư. Và cô nhất định không đầu hàng.

Cứ trông mày kìa. Trông cuộc sống của mày xem. Bồn rửa bằng thép không gỉ. Nhà có kiểu kiến trúc yêu việt.

“Nếu chị bỏ đi bây giờ, chị nghĩ chị sẽ chỉ thấy có lỗi,” Polly nói. “Chị không thể chịu được. Chị sẽ cảm thấy vô cùng tội lỗi nếu chị bỏ gia đình.”

Tất nhiên có những người chẳng bao giờ thấy tội lỗi cả. Họ chẳng bao giờ thấy tội lỗi gì hết.

“Em được nghe chuyện thương tâm quá nhỉ,” Brendan nhận xét, khi họ nằm cạnh nhau trong bóng tối.

“Chị ấy lúc nào cũng suy nghĩ về chuyện ấy,” Lorna nói.

“Em chỉ cần nhớ. Mình không phải là triệu phú gì đâu nhé.”

Lorna giật mình. “Chị ấy đâu có cần tiền.”

“Có thật không đó?”

“Chị ấy kể em nghe mấy chuyện đó không phải để xin tiền.”

“Em đừng có quá tự tin thế.”

Cô nằm cứng đờ, không trả lời. Thế rồi cô nghĩ ra một điều có lẽ sẽ làm anh vui vẻ hơn.

“Chị ấy chỉ ở đây hai tuần thôi.”

Bây giờ đến lượt anh ta không trả lời.

“Anh có nghĩ trông chị ấy xinh không?”

“Không.”

Cô định kể là Polly đã may áo cưới cho cô. Cô định sẽ mặc bộ vét màu xanh dương, nhưng vài ngày trước khi cưới Polly đã nói, “Em mặc thế này không được.” Thế rồi chị lấy ra bộ váy dạ hội thời trung học của chị (Polly lúc nào cũng nổi tiếng hơn Lorna, chị đã từng đi dự dạ hội), đệm thêm vài ren trắng và may thêm hai cánh tay ren trắng. Bởi vì, chị bảo, cô dâu không nên mặc váy áo không có tay.

Nhưng chắc gì anh thêm quan tâm đến chuyện ấy?

Lionel đi xa vài ngày. Cha cậu về hưu và Lionel giúp cha mình chuyển nhà từ thị trấn trên dãy Rocky đến đảo Vancouver. Vào hôm sau ngày Polly đến, Lorna nhận được lá thư của Lionel. Không phải thơ - một lá thư hỏi hoi, mặc dù rất ngắn gọn.

Em mơ thấy mình chở cô đi bằng xe đạp. Mình đi rất nhanh. Đường như cô không sợ gì cả, mặc dù có lẽ cô nên sợ. Mình không nên thấy thôi thúc phải giải thích giấc mơ này.

Brendan đã đi từ sớm. Anh đang dạy lớp hè, anh bảo anh sẽ ăn sáng ở căng tin. Polly ra khỏi phòng ngay sau khi Brendan đi. Chị mặc quần dài thay vì váy viền ren, và chị mỉm cười suốt, như thể cười chuyện gì của riêng mình. Chị cứ hơi cúi đầu xuống để tránh ánh mắt của Lorna.

“Chị nên đi tham quan gì đó ở Vancouver,” chị bảo, “vì chắc là chị sẽ chẳng bao giờ đến đây lần nữa.”

Lorna đánh dấu một vài chỗ lên bản đồ, chỉ dẫn cho chị và bảo cô xin lỗi không đi với chị được, vì có trẻ con đi cùng sẽ phiền hà lắm, không đáng.

“Ồ.Ồ, không có gì đâu. Chị cũng không mong thế. Chị qua đây không phải để bắt em lúc nào cũng phải lo cho chị.”

Elizabeth cảm nhận được không khí căng thẳng. Con bé hỏi, “Sao chúng

con lại phiền hà?”

Lorna cho Daniel đi ngủ giấc ngắn buổi sáng, và khi thằng bé dậy, cô cho nó vào xe đẩy và nói với Elizabeth là họ ra sân chơi. Sân chơi cô chọn không phải là cái trong công viên gần nhà - nó ở dưới chân đồi, gần con phố nhà Lionel. Lorna biết địa chỉ nhưng chưa bao giờ nhìn thấy ngôi nhà. Cô biết đó là nhà riêng, không phải khu căn hộ. Cậu sống ở trong một căn phòng trên lầu.

Đến nơi cũng không tốn thời gian lắm - mặc dù chắc chắn, đi về sẽ lâu hơn vì cô phải đẩy xe đi ngược lên đồi. Nhưng cô đã đi vào phần cổ kính hơn của Bắc Vancouver mất rồi, ở đây nhà nhỏ hơn, đậu trên những lô đất hẹp. Căn nhà nơi Lionel sống có bảng tên cậu cạnh một cái chuông, và tên B. Hutchinson bên cạnh một cái chuông khác. Cô biết bà Hutchinson là chủ nhà. Cô bấm chuông nhà bà.

“Cháu biết là Lionel đi vắng và cháu xin lỗi đã phiền bác,” cô nói. “Nhưng cháu cho cậu ấy mượn một quyển sách, sách thư viện và đã quá hạn trả rồi, không biết bác có thể cho cháu chạy lên phòng cậu ấy thử tìm được không?”

Bà chủ nhà bảo, “Thế à.” Đó là một bà già đầu quấn khăn hoa, gương mặt có những đốm đồi mồi lớn.

“Hai vợ chồng cháu là bạn của Lionel. Chồng cháu trước đây là giáo sư của cậu ấy ở trường đại học.”

Từ “giáo sư” bao giờ cũng hiệu nghiệm. Bà ta đưa chìa khóa cho Lorna. Cô đậu chiếc xe đẩy vào bóng mát của ngôi nhà và dặn Elizabeth trông Daniel.

“Đây có phải là sân chơi đâu,” Elizabeth nhận xét.

“Mẹ chỉ chạy lên lầu một tí thôi là xuống. Chỉ một phút thôi, nhé?”

Phòng của Lionel có một cái hốc cuối phòng, nơi để cái bếp ga đôi và tủ chén đĩa. Không tủ lạnh, không bồn rửa, trừ một cái ở trong phòng tắm. Màn hình kéo xuống lưng chừng cửa sổ một vuông vải sơn lót sàn, hoa văn bị

quét chồng lên một lớp sơn màu nâu. Thoang thoảng mùi ga nấu bếp pha trộn với mùi quần áo ẩm không được phơi, mùi mồ hôi, và mùi thuốc nhỏ mũi có mùi thông, cái mùi cô chấp nhận - hầu như không nghĩ đến nó và hoàn toàn không ghét nó - là mùi đặc biệt của riêng Lionel.

Ngoài ra, căn phòng này hầu như chả nói lên điều gì cả. Tất nhiên cô đến đây chẳng phải vì cuốn sách thư viện nào, mà là để có được một khoảnh khắc ở trong không gian nơi cậu sống, hít thở không khí của cậu và nhìn qua cửa sổ nhà cậu. Cảnh quan là những ngôi nhà khác, chắc cũng như ngôi nhà này, được băm nhỏ ra thành những căn hộ bé xíu, nằm cheo leo dọc theo sườn núi Grouse phủ đầy cây rừng. Sự trơ trụi và thiếu bản sắc của căn phòng quả là một thách thức thực sự. Giường, tủ, bàn, ghế. Những thứ đồ đạc được bày biện chỉ để quảng cáo là căn phòng được trang bị nội thất. Ngay cả tấm khăn trải trang trí giường dệt bằng len xù màu nâu có lẽ cũng đã có sẵn khi cậu dọn vào đây ở. Không tranh ảnh - không cả một tờ lịch - và ngạc nhiên nhất là, không có sách.

Mọi thứ chắc phải được giấu đâu đó. Trong ngăn kéo tủ chẳng? Cô không thể nào tìm trong đó. Không phải chỉ vì cô không có thời gian - cô nghe tiếng Elizabeth đang kêu réo từ ngoài sân - mà chính sự thiếu vắng cái gì riêng tư lại khiến cô cảm nhận được sự hiện diện của Lionel rõ rệt hơn cả. Không chỉ là cảm giác về sự khổ hạnh và những bí mật của cậu, mà còn là cảm giác mình đang bị theo dõi - gần như thể cậu đã đặt bẫy sẵn và đang chờ xem cô sẽ làm gì.

Điều cô thực sự muốn làm không phải và điều tra thêm nữa, cô chỉ muốn ngồi xuống đất, giữa vòng vãi sơn lót sàn. Ngồi đó hàng giờ, không phải để quan sát căn phòng, mà là để chìm đắm vào nó. Ở trong căn phòng này, nơi không ai biết cô là ai và không ai đòi hỏi gì từ cô. Ở đây lâu, thật lâu, để cô có thể tôi luyện thành sắc bén hơn và nhẹ nhàng hơn, nhẹ như một cái kim.

Sáng thứ Bảy, Lorna, Brendan và bọn trẻ con chuẩn bị lái xe đến Penticton. Một sinh viên vừa tốt nghiệp mời họ đến dự đám cưới. Họ sẽ ở

chơi đêm thứ Bảy, cả ngày Chủ nhật cũng như đêm Chủ nhật, và sẽ về nhà vào sáng thứ Hai.

“Em đã nói với cô ta chưa?” Brendan hỏi.

“Không có gì phải lo cả. Chị ấy không định đi đâu.”

“Nhưng em đã nói chưa?”

Cả ngày thứ Năm họ đã đi bãi biển Ambleside. Lorna, Polly và bọn trẻ con đến đó bằng xe buýt, phải hai lần đổi tuyến, lĩnh kính nào là khăn tắm, đồ chơi bãi biển, tã lót, đồ ăn trưa và cả cái phao hình cá heo của Elizabeth. Tất cả những lễ mễ khổ sở mà họ thấy mình đang lâm vào, vẻ bực bội và kinh hoàng của các hành khách trên xe khi nhìn thấy bầu đoàn nhà họ, đã khơi dậy một phản ứng phụ nữ đến kỳ quặc - một tâm trạng gần như vui nhộn. Thoát ra khỏi ngôi nhà nơi Lorna được sắp đặt như là một người vợ cũng góp phần cho tâm trạng vui nhộn này. Họ đến bãi biển trong chiến thắng, lôi thôi lếch thếch, họ dựng trại, thay phiên nhau xuống nước, trông chừng bọn trẻ con, lấy nước ngọt, kem que, khoai tây chiên.

Lorna hơi rám nắng. Polly thì hoàn toàn không. Chị đuổi một bàn chân ra cạnh chân Lorna và bảo, “Nhìn này. Trắng như bột.”

Bao nhiêu việc phải làm ở cả hai nhà, rồi việc ở ngân hàng, chị kể, chị không được rảnh rỗi dù chỉ mười năm phút, để ngồi phơi nắng. Nhưng bây giờ chị nói về điều đó rất thản nhiên, không còn mang giọng điệu đức hạnh và oán trách nữa. Cái không khí chua chát vây quanh chị - như những cái khăn lau bát lâu ngày - đang rơi rụng dần. Chị đã tự tìm được đường đi nước bước trong Vancouver - một việc trước đó chị chưa bao giờ làm khi đến một thành phố. Chị nói chuyện với người lạ ở trạm xe buýt, hỏi han xem nên đi tham quan nơi nào và chị đã nghe theo lời khuyên của ai đó là đi xe cáp lên đỉnh núi Grouse.

Khi họ nằm trên cát, Lorna thanh minh.

“Thời điểm này trong năm là lúc khó khăn cho Brendan. Dạy khóa hè rất căng thẳng, vì phải làm nhiều trong một thời gian ngắn?”

Polly nói, “Thế à? Vậy lý do không phải là do mình chị à?”

“Đừng có ngớ ngẩn thế. Tất nhiên không phải tại chị?”

“Thế thì đỡ quá. Chị cứ nghĩ là anh ấy ghét cay ghét đắng chị.”

Rồi chị kể về một người đàn ông ở quê, người muốn tìm hiểu chị.

“Anh ấy nghiêm túc quá. Anh ấy muốn kiếm vợ. Chắc Brendan cũng thế, nhưng chị nghĩ em đã yêu anh ta.”

“Đã và đang yêu,” Lorna cải chính.

“Ừ, còn chị thì không.” Polly nói, mặt ép vào khuỷu tay. “Chị nghĩ là chuyện cũng có thể thành nếu mình chỉ cần thích ai đó, đi chơi với họ và quyết tâm chỉ để mắt đến ưu điểm.”

“Vậy ưu điểm là gì nào?” Lorna ngồi dậy để có thể trông Elizabeth bơi với cái phao cá heo.

“Đợi một lát để chị nghĩ đã nhé,” Polly nói, cười khúc khích. “Không. Rất nhiều ưu điểm. Chị chỉ chọc thế thôi?”

Khi họ thu dọn đồ chơi và khăn tắm, chị nói, “Chị không phiền nếu ngày mai mình lại làm y si như hôm nay đâu?”

“Em cũng vậy,” Lorna trả lời, “nhưng mà em phải chuẩn bị để đi Okanagan. Chúng em được mời dự đám cưới.” Cô làm ra vẻ như đây là việc phải làm - một việc đến tận bây giờ cô mới nhắc tới vì cô không thích và chán ngấy.

Polly nói, “Ồ. Vậy à, chắc chị sẽ đi một mình.”

“Được thôi. Chị nên đi.”

“Okanagan ở đâu?”

Tối hôm sau, sau khi cho bọn trẻ con đi ngủ, Lorna vào phòng Polly. Cô vào để lấy va li từ trong tủ kho, cô đoán là trong phòng không có ai - cô nghĩ Polly vẫn ở trong phòng tắm, ngâm vết cháy nắng hồi ban ngày trong nước ấm và soda.

Nhưng Polly đang nằm trên giường, quần chần quanh người như một

tắm vài liệm.

“Chị tắm xong rồi à?” Lorna hỏi, làm như những gì cô thấy là hoàn toàn bình thường. “Mấy chỗ cháy nắng của chị thế nào rồi?”

“Không sao cả,” Polly nói giọng nghẹn ngào. Lorna biết ngay là chị đã khóc và rất có thể là vẫn đang khóc. Cô đứng ở chân giường, không thể rời khỏi phòng. Cô cảm thấy một nỗi thất vọng tràn trề, như một con bệnh, một làn sóng phần nộ. Polly thực sự không có ý định giấu giếm, chị lặn người nhìn ra, mặt nhăn nhúm, bất lực, đỏ vì cháy nắng và vì khóc. Nước mắt trào lên trong mắt chị. Chị là cả một đụn đau khổ, một lời lên án đanh thép.

“Có chuyện gì vậy?” Lorna hỏi. Vờ ngạc nhiên và vờ quan tâm.

“Em không muốn chị.”

Mắt chị nhìn Lorna khôn nguôi, tràn đầy nước mắt, tràn đầy cay đắng với lời buộc tội phản bội, nhưng không chỉ có thế, cặp mắt còn đòi hỏi quá đáng, đòi được ôm ấp, vỗ về, an ủi.

Lorna chỉ muốn đánh chị. Cô muốn gào lên, chị có quyền gì? Tại sao chị cứ bám lấy tôi? Chị có quyền gì cơ chứ?

Gia đình. Mỗi liên hệ gia đình cho Polly cái quyền ấy. Chị đã dành dụm tiền và lên kế hoạch trốn thoát, nghĩ bụng là Lorna sẽ đón nhận chị. Có phải thế không- rằng chị đã mơ ước được ở lại đây và không bao giờ trở về quê nữa? Được hưởng hơi hướm vận may mà Lorna đang có, được đổi đời như Lorna?

“Chị nghĩ là em có thể làm gì cho chị,” Lorna hần học dữ dội, đến nỗi chính cô cũng ngạc nhiên. “Chị nghĩ em có quyền lực gì à? Anh ấy không bao giờ cho em quá hai mươi đô la.”

Cô kéo lê cái va li ra khỏi phòng.

Điều cô nói là giả dối và đáng ghê tởm - bịa ra những than vãn của chính mình cái kiểu ấy, để so đo với nỗi khổ của Polly. Chuyện hai mươi đô la thì có liên quan gì ở đây? Cô có thể tin dụng và nếu cô cần tiền, anh không bao

giờ từ chối cô cả.

Cô không tài nào ngủ được, trong tâm trí, cô không ngừng nhieéc móc Polly.

Cái nóng của Okanagan làm cho mùa hè có vẻ đúng là mùa hè hơn so với mùa hè dọc bờ biển. Những ngọn đồi cỏ úa, thừa thốt vài bóng râm của những cây thông vùng đất khô cằn, dường như là một khung cảnh tự nhiên cho một đám cưới đình đám như vậy, với rượu sâm banh không bao giờ cạn, nhảy múa, tán tỉnh, không khí tràn ngập thiện chí và tình bạn nảy sinh trong phút chốc. Lorna nhanh chóng bị say và ngạc nhiên khi thấy thật dễ dàng làm sao để thoát khỏi ràng buộc tâm hồn bằng rượu. Đau khổ tan biến hết. Cô lên giường mà vẫn còn say, và phóng đãng, chỉ lợi cho Brendan. Thậm chí con vầng vất vào sáng hôm sau cũng có vẻ êm dịu, mang lại cảm giác thanh tẩy chứ không phải hành xác. Cảm thấy yếu ớt, nhưng hoàn toàn không bất mãn với bản thân một chút nào, cô nằm bên bờ hồ quan sát Brendan giúp Elizabeth xây lâu đài cát.

“Con có biết là bố mẹ lần đầu gặp nhau ở một đám cưới không?” cô hỏi.

“Nhưng không giống đám cưới này mấy,” Brendan xen vào. Ý anh là đám cưới đó, khi bạn anh cưới con gái nhà Mc Quaig (McQuaig là gia đình giàu nhất thị trấn), chính thức không cho phép uống rượu. Tiệc cưới được tổ chức trong đại sảnh của nhà thờ giáo hội Hiệp Nhất - Lorna là một trong những cô gái được thuê để phục vụ bánh sandwich - và người ta phải uống rượu vội vã trong bãi đậu xe. Lorna không biết mùi rượu whisky từ đàn ông là như thế nào, cô tưởng đâu Brendan đã bôi quá nhiều một loại dầu tóc lạ lẫm nào đó. Nhưng cô mê đôi vai dày, cái cổ trâu, giọng cười và cặp mắt nâu vàng uy nghiêm của anh. Khi được biết anh là thầy giáo dạy toán, cô đã yêu thêm cả những gì nằm trong đầu anh. Cô hào hứng với bất cứ thứ kiến thức nào mà một người đàn ông có thể có, những kiến thức hoàn toàn xa lạ đối với cô. Kiến thức về cơ khí tự động có lẽ cũng sẽ có tác động như vậy đối với cô.

Tình cảm đáp lại của anh đối với cô thì như là một phép mầu. Sau này cô mới biết lúc đó anh đang đi tìm vợ; cũng tới tuổi rồi, đã đến lúc lấy vợ. Anh muốn có vợ trẻ. Không phải là đồng nghiệp, không phải là học sinh, có lẽ thậm chí không phải là loại con gái mà cha mẹ muốn cho đi học đại học. Không hư hỏng. Thông minh, nhưng không được hư hỏng. Một bông hoa dại, anh ví von như vậy trong những ngày nóng bỏng thuở đầu tiên ấy, và đôi khi ngay cả bây giờ.

Trên đường lái xe về nhà, họ bỏ lại sau lưng mình làng quê nóng bức óng vàng, đầu đó giữa Keremeos và Princeton. Mặt trời vẫn rạng rỡ, và Lorna chỉ hơi gợn một chút lo âu trong tâm trí, như một cọng tóc vương mắt, chỉ cần búng nhắc là bay đi, hay có thể tự nó sẽ trôi ra khỏi tầm mắt.

Nhưng mà nó cứ quay lại. Nó càng lúc càng rõ hơn, như một điềm gở, và dai dẳng hơn, cho đến khi hiện rõ ra hoàn toàn và cô hiểu nó là cái gì.

Cô sợ cô gần như chắc chắn - là trong lúc họ ở Okanagan, Polly có lẽ đã tự tử trong phòng bếp của căn nhà ở Bắc Vancouver.

Trong phòng bếp. Lorna hình dung được rõ ràng. Cô thậm chí hình dung được chính xác Polly sẽ tự tử như thế nào. Chị sẽ treo cổ ngay đằng sau cửa hậu. Khi họ về, khi họ vào nhà từ ga ra, họ sẽ thấy cửa khóa. Họ sẽ mở khóa và đẩy cửa vào nhưng sẽ không vào được vì vướng xác của Polly. Họ sẽ vội vã chạy vào nhà theo lối cửa trước rồi vào bếp từ lối đó và sẽ thấy toàn bộ cảnh tượng Polly đã chết như thế nào. Chị sẽ mặc cái váy denim viền ren và chiếc áo trắng có dây rút - bộ cánh chị đã dùng cảm mặc lần đầu tiên khi đến thử lòng hiếu khách của họ. Đôi chân dài nhợt nhạt của chị treo lủng lẳng, đầu ngoẹo quặt xuống trên cần cổ mảnh dẻ. Trước mặt chị là chiếc ghế nhà bếp chị đã dùng để trèo lên, rồi bước ra, hay nhảy ra, để xem mọi đau khổ có thể tự kết liễu ra sao.

Cô đơn trong căn nhà của những người không muốn chị, nơi mà cả những bức tường, những cửa sổ và cái tách cà phê chị uống cũng dường như khinh miệt chị.

Lorna nhớ lần mọi người để cô lại với Polly, cho Polly trông cô cả một ngày, ở nhà bà nội. Có thể là cha cô đi làm ở cửa hàng. Nhưng cô có cảm giác là cha đi xa, cả ba người lớn đều đi xa. Chắc đó phải là một dịp gì đó khác thường, vì họ chẳng bao giờ đi mua đồ, chứ đừng nói là đi chơi cùng nhau. Chắc là một đám tang - cô gần như chắc chắn đó là một đám tang. Hôm đó là thứ Bảy, không phải đến trường. Đẳng nào thì Lorna cũng còn quá nhỏ, chưa đi học. Tóc chưa đủ dài để tết thành bím. Tóc cô thổi tung bay quanh đầu như tóc Polly bây giờ.

Polly lúc ấy đang ở giai đoạn thích làm các loại bánh kẹo ngọt, theo cuốn sách dạy nấu ăn của bà nội. Ga tô sô cô la với quả chà là, bánh quy hạnh nhân, kẹo kem mềm. Hôm đó, trong lúc đang khuấy trộn gì đó thì chị phát hiện ra trong tủ thiếu một nguyên liệu chị cần. Chị phải đạp xe lên phố trên để mua. Trời hôm ấy gió lạnh, mặt đất tro khốc - chắc đang là cuối thu hoặc đầu xuân. Trước khi đi, chị Polly đóng ống thông khí của bếp củi. Nhưng chị vẫn nghĩ đến những câu chuyện được nghe kể về trẻ con thiệt mạng vì cháy nhà trong khi mẹ chúng cũng chạy ù ra ngoài có chút việc thế này. Thế nên chị bắt Lorna mặc áo ấm, mang Lorna ra ngoài, vòng ra góc giữa bếp và nhà trên, nơi gió không quá mạnh. Nhà bên cạnh chắc là khóa cửa, nếu không chị đã mang Lorna qua đó. Chị bảo cô ngồi yên đợi, để chị đạp xe ra cửa hàng. Ngồi đó, không được đi đâu hết, đừng lo lắng gì nghe chưa, chị dặn dò. Rồi chị hôn vào tai Lorna. Lorna nghe theo lời chị, đứng từng chữ. Mười, có thể là mười lăm phút, cô ngồi thu lu đằng sau bụi tử đinh hương màu trắng, quan sát hình thù từng viên đá móng nhà, những viên đậm màu, những viên nhạt màu. Cho đến khi Polly học tốc chạy về, quăng xe đạp ngoài sân và gọi tên cô. Lorna, Lorna, chị vút gói đường vàng hay hạt óc chó gì đó xuống đất, hôn chùn chụt khắp đầu cô. Vì chị bất chợt nghĩ đến chuyện Lorna có thể đã bị bọn bắt cóc trẻ con hay rình rập bắt gặp đang ngồi ở cái góc ấy - bọn đàn ông xấu xa mà vì chúng, các bé gái không được ra cánh đồng sau nhà chơi. Suốt đường về chị chỉ cầu cho chuyện này đừng xảy ra. Và nó đã không xảy ra. Chị hối hả giục Lorna vào nhà, sưởi ấm

đôi bàn tay và hai đầu gối hở ra ngoài trời lạnh.

Ôi, tội nghiệp hai bàn tay nhỏ xíu, chị xuýt xoa. Ôi, em có sợ không? Lorna thích thú khi được chị rối rít quan tâm như vậy và cúi đầu để được chị vuốt ve, như một chú ngựa non.

Những cây thông đã nhường chỗ cho rừng cây thường xanh dày đặc hơn, những đồi đất nâu nhường chỗ cho những ngọn núi xanh màu lục lam cao dần. Daniel bắt đầu thút thít, Lorna rút bình nước quả ra cho thằng bé. lát sau cô bảo Brendan dừng xe để cô có thể đặt thằng bé nằm xuống ở ghế trước và thay tã. Brendan tránh ra xa khi cô làm việc này để hút thuốc lá. Lễ nghi thay tã luôn làm anh thấy hơi hơi khó chịu.

Lorna tiện thể lấy một cuốn sách cho Elizabeth và khi bọn trẻ đã yên vị đầu vào đó, cô đọc sách cho chúng nghe. Đó là cuốn của Dr. Seuss. Elizabeth nhớ hết các câu thơ, ngay cả Daniel cũng mang máng biết phải chêm những từ thằng bé tự sáng chế vào chỗ nào.

Polly không còn là người đã xoa ấm hai bàn tay nhỏ xíu của Lorna trong tay chị, không còn là người biết mọi thứ mà Lorna không biết và không còn là người có thể được tin cậy giao phó chăm lo cho cô trọn đời này nữa. Mọi thứ đã đảo ngược, và dường như trong những năm tháng kể từ khi Lorna lấy chồng, Polly chỉ giậm chân tại chỗ. Lorna đã vượt qua chị. Và bây giờ Lorna có hai con nhỏ đang ngồi ở ghế sau để chăm sóc và yêu thương. Thật không đúng khi một người ở tuổi Polly lại đến giằng xé đời phần của mình.

Chẳng ích lợi gì cho Lorna khi nghĩ về chuyện này. Ngay khi vừa củng cố lý lẽ bào chữa thì cô lại cảm giác thân thể chị Polly tấn vào cánh cửa khi họ cố đẩy cửa vào. Sức nặng của cái xác, thân thể xám xịt. Thân thể của Polly, người chả cho lợi lộc gì. Không tìm được chỗ đứng trong gia đình, không một hy vọng về sự thay đổi mà hẳn chị đã mơ sẽ đến với cuộc đời mình.

“Mình đọc Madeline đi mẹ,” Elizabeth đề nghị.

“Hình như mẹ không mang theo quyển Madeline,” Lorna trả lời. “Không. Mẹ không mang theo. Nhưng có sao đâu, con thuộc lòng rồi mà.”

Rồi cô và Elizabeth cùng bắt đầu.

“Giữa kinh thành cổ Ba Lê

Một căn nhà cũ bốn bề tường rêu

Mười hai bé gái chia đều

Cùng nhau thức, ngủ, ăn theo hai hàng...”

Thật ngu ngốc, thật ủy mị, thật tội lỗi. Chuyện này không thể xảy ra được.

Nhưng những chuyện như thế quả thật vẫn xảy ra. Có những người quy ngã, họ không được trợ giúp đúng lúc. Họ không được trợ giúp một chút nào. Có những người bị ném vào tăm tối.

“Khuya khoắt lúc nửa đêm

Clavel chợt thức giấc, bật đèn

‘Sao có gì không ổn’

Cô vội hét toáng lên...”

“Mẹ ơi!” Elizabeth gọi. “Sao mẹ dừng lại?”

Lorna trả lời, “Mẹ phải dừng lại một chút. Miệng mẹ khô quá.”

Họ dừng ở Hope, ăn bánh hamburger và uống sữa lắc. Khi xuống đến thung lũng Fraser thì bọn trẻ con đã ngủ hết ở ghế sau. Vẫn còn một lúc nữa. Một lúc nữa thì mới tới Chilliwack, mới tới Abbotsford, mới nhìn thấy những ngọn đồi New Westminster phía trước, rồi những ngọn đồi khác mà nhà cửa bao trùm, nơi bắt đầu vào thành phố. Còn những cây cầu phải vượt qua, những ngã đường phải rẽ, những con đường phải đi theo, những góc phố phải băng qua. Tất cả những thứ ấy là tiền sự. Khi cô thấy chúng sắp tới đây thì tất cả sẽ trở thành hậu sự.

Khi họ vào đến công viên Stanley, cô nảy ra ý nghĩ là mình cần phải cầu nguyện. Thật đúng là không biết hổ thẹn - một kẻ vô tín cầu nguyện chỉ lúc cần. Những câu chữ lấp bắp xin-đừng-để-chuyện-đó-xảy-ra, xin-đừng-để-chuyện-đó-xảy-ra. Xin đừng để chuyện đó là sự đã rồi.

Trời vẫn quang mây. Từ cầu Lion's Gate, họ trông ra eo biển Georgia.

"Hôm nay em có thấy được đảo Vancouver không?" Brendan hỏi. "Em thử xem, anh không nhìn được."

Lorna nghiêng cổ nhìn qua đầu anh.

"Xa tí," cô nói. "Em thấy được nhưng chỉ mờ mờ?"

Khi nhìn những cái gò xanh như đang trôi dạt trên mặt biển càng lúc càng mờ dần và cuối cùng tan biến, cô nghĩ là còn một việc nữa cô có thể làm. Xin được đánh đổi. Cô tin là vẫn còn kịp, cho đến phút cuối cô vẫn còn thời gian để thương lượng.

Phải thật nghiêm túc, một lời hứa hay một sự dâng hiến hết sức kiên định và khổ hạnh. Xin hãy nhận lấy. Con xin hứa sẽ làm. Chỉ cần Người làm cho chuyện đó không biến thành hiện thực, chỉ cần nó không thể là sự đã rồi.

Không thể là bọn trẻ. Cô giật lại ý nghĩ đó như cố chộp con mình ra khỏi ngọn lửa đang cháy. Không thể là Brendan, nhưng vì một lý do hoàn toàn ngược lại. Cô không đủ yêu anh. Cô có thể nói yêu anh, và thật lòng ở một mức độ nào đó, và cô cũng muốn được anh yêu, nhưng gần như lúc nào cũng vậy, luôn có chút thanh âm của lòng căm ghét ong ong bên cạnh tình yêu của cô. Vì vậy, việc xin được đánh đổi anh là một điều đáng bị quở trách - và cũng không ích gì.

Hay là chính cô? Sắc đẹp của cô? Sức khỏe của cô?

Thế rồi cô chợt nghĩ rằng rất có thể mình đang đi lầm đường. Trong trường hợp như thế này, rất có thể mình không có quyền tự lựa chọn. Mình không có quyền ra điều kiện. Mình sẽ biết mình phải làm gì khi đến lúc. Và mình phải hứa sẽ thực hiện đúng điều kiện, mặc dù mình không biết sẽ là điều kiện gì. Hứa.

Nhưng không được liên quan đến bọn trẻ.

Lái xe lên đường Capilano, vào chính địa phận thành phố của họ, cái góc nhỏ của chính họ trong thế giới này, nơi cuộc đời họ nhận lấy gánh nặng

thực sự và hành động của họ nhận lãnh hậu quả. Và kia, đang hiện dần qua hàng cây là những bức tường gỗ không khoan nhượng của ngôi nhà họ.

“Đi cửa trước tiện hơn,” Lorna đề nghị. “Mình không phải lên bậc tam cấp?”

Brendan bảo, “Chỉ có vài bậc thì đã làm sao?”

“Con lại không được nhìn thấy cầu,” Elizabeth òa khóc, thỉnh linh con bé hoàn toàn tỉnh táo và thất vọng. “Tại sao mẹ chẳng bao giờ đánh thức con để con được nhìn thấy cầu?”

Không ai trả lời con bé.

“Tay Daniel bị cháy nắng hết rồi,” cô nói, giọng không hài lòng cho lắm.

Lorna nghe thấy tiếng ai đó, cô nghĩ là vọng qua từ sân nhà bên cạnh. Cô đi theo Brendan vòng ra sau nhà. Daniel nằm tựa vai cô, vẫn đang say ngủ. Cô đeo theo túi đựng tã và túi sách, còn Brendan mang va li.

Cô nhìn thấy những người mà cô nghe thấy tiếng ngay trong chính sân sau nhà cô. Polly và Lionel. Họ xoay ghế lại để tránh ánh mặt trời. Lưng họ quay về phía nhìn ra vịnh.

Lionel. Cô đã hoàn toàn quên mất cậu.

Cậu đứng bật dậy và chạy ra mở cửa sau cho họ.

“Đoàn thám hiểm đã trở về với đầy đủ mọi thành viên cậu nói, với cái giọng mà Lorna tin là cô chưa từng nghe thấy bao giờ. Một vẻ chân tình tự nhiên không gượng ép, một sự tự tin thoải mái và thích hợp. Giọng của một người bạn gia đình. Khi giữ cửa, cậu nhìn thẳng vào mặt cô - một việc cậu hầu như chưa bao giờ làm - và mỉm cười với cô một nụ cười hoàn toàn không có tí gì là mơ hồ, bí mật, mỉa mai đồng lõa và sùng bái bí ẩn. Tất cả những rắc rối phức tạp, những thông điệp riêng tư đã hoàn toàn rũ sạch.

Cô hòa theo giọng điệu của cậu ta.

“Ô... em về bao giờ vậy?”

“Thứ Bảy,” cậu trả lời. “Em quên mất là cả nhà đi vắng. Em hùng hục lên

trên này để chào mà mọi người không có nhà, nhưng có chị Polly, và tất nhiên chị ấy nói cho em biết, lúc đó em mới nhớ ra.”

“Polly nói gì nào?” Polly vừa nói vừa vào theo sau cậu. Đây thực ra không phải là câu hỏi để hỏi, mà là một câu trêu đùa một người phụ nữ nói khi cô ta biết hầu hết những gì mình nói sẽ được người nghe vui vẻ chấp nhận. Vết cháy nắng của Polly đã sạm, thành một màu da ửng hồng mới, trên trán và cổ chị.

“Đưa đây cho chị,” chị nói với Lorna, đỡ túi đeo trên vai và chai nước quả đã uống cạn trong tay Lorna. “Chị sẽ mang hết cho, trừ em bé ra.”

Mái tóc mềm của Lionel bây giờ nâu đen chứ không đen tất nhiên đây là lần đầu tiên cô nhìn thấy cậu dưới trời sáng - và da cậu cũng sạm nắng, vừa đủ sạm để trán cậu trông không còn ánh nhọt nhọt nữa. Cậu vẫn mặc quần tây đậm màu như thường lệ, nhưng cái áo thì cô chưa thấy bao giờ. Áo sơ mi vàng, tay ngắn, vải sáng bóng loại rẻ tiền đã được là đi là lại nhiều lần, vai quá rộng, chắc là mua từ cửa hàng đồ cũ của nhà thờ.

Lorna mang Daniel lên phòng. Cô đặt thẳng bé vào trong cũi, rồi đứng bên cạnh nhẹ nhàng vỗ về và xoa lưng cho thẳng bé.

Cô nghĩ chắc Lionel đang trừng phạt cô vì cô đã lỡ vào phòng cậu ta. Bà chủ nhà chắc là đã nói cho cậu ta biết. Lẽ ra Lorna phải biết trước điều đó, nếu cô thận trọng suy nghĩ. Nhưng cô đã không làm thế, rất có thể vì cô nghĩ và nó sẽ chẳng ảnh hưởng gì. Có thể thậm chí cô còn định sẽ tự nói cho cậu nghe.

Trên đường ra sân chơi tôi đi ngang qua nhà em, thế là tôi chỉ nghĩ tôi sẽ vào ngồi trên sàn. Tôi không giải thích được vì sao. Dường như làm như vậy tôi sẽ được một khoảnh khắc bình yên, ở trong phòng em và ngồi ở giữa sàn nhà.

Cô nghĩ - chắc là sau lá thư - rằng giữa họ có một mối quan hệ không cần phải làm rõ ràng nhưng có thể nương tựa được. Cô đã sai lầm, cô đã làm cậu sợ. Quá mạo muội. Cậu thoái lui và Polly xuất hiện. Vì tội lỗi của cô, cậu đã

đánh bạn với Polly.

Nhưng, cũng có thể không phải là như vậy. Cũng có thể chỉ đơn giản là cậu thay đổi. Cô nghĩ đến vẻ trơ trọi khác thường của căn phòng, ánh sáng trên những bức tường. Từ đó có thể sinh ra một phiên bản biến thể của chính cậu, một phiên bản được kiến tạo lại dễ dàng trong nháy mắt. Đó có thể là để phản ứng lại một chuyện gì đó hơi chệch hướng, hay do cậu nhận thức được là cậu không thể tiếp tục như vậy. Hay không phải là do một cái gì cụ thể cả - đơn giản chỉ trong nháy mắt.

Khi Daniel đã ngủ say, cô đi xuống lầu. Trong phòng tắm cô thấy Polly đã xả tã cẩn thận và bỏ vào xô, ngâm trong dung dịch màu xanh để khử trùng. Cô nhấc va li đang nằm giữa sàn phòng bếp, mang lên lầu, để trên chiếc giường lớn rồi mở ra soạn quần áo, cái nào cần giặt cái nào cất đi.

Cửa sổ căn phòng là nhìn ra sân sau. Cô nghe được tiếng mọi người - giọng

Elizabeth cất cao, gần như hét, phấn khích vì đã về đến nhà, và cũng có thể là vì con bé cố gắng tập trung sự chú ý của số khán giả đông hơn bình thường, giọng Brendan nghe rất oai nhưng vui vẻ dễ chịu, đang kể về chuyến đi của họ.

Cô đến bên cửa sổ và nhìn xuống. Cô thấy Brendan đến lán trũ đồ, mở khóa và bắt đầu lôi ra cái bể phao cho trẻ con. Cửa đóng sập vào Brendan và Polly vội vã chạy lại giữ cửa.

Lionel đứng dậy và kéo vòi nước ra. Cô không nghĩ là cậu thậm chí biết vòi nước cất ở đâu.

Brendan nói cái gì đó với Polly. Cảm ơn chị chẳng? Nếu không biết thì người ta có thể nghĩ là hai người bọn họ thân thiện với nhau lắm.

Sao mà có thể xảy ra thế được nhỉ?

Có thể bây giờ Polly đã xứng đáng được chiếu cố đến, vì cô đã được Lionel chọn. Vì sự lựa chọn của Lionel, không phải vì sự áp đặt của Lorna.

Hoặc giả, đơn giản là Brendan cảm thấy thoải mái hơn sau chuyến đi

chơi xa. Vì anh đã có thể được nghỉ ngơi chốc lát khỏi gánh nặng của một người chủ gia đình. Có thể anh nhận ra rằng, công bằng mà nói, cái cô Polly trở tính trở nết này cũng không phải là mối đe dọa.

Một cảnh tượng thật bình dị và tuyệt vời, xảy ra như một phép mầu. Tất cả mọi người đều hạnh phúc.

Brendan bắt đầu thổi phồng bể phao bằng nhựa dẻo. Elizabeth cởi hết quần áo chỉ chừa lại quần lót và nhảy nhót vòng quanh vì sốt ruột. Brendan cũng chẳng buồn bảo con chạy vào nhà mặc áo tắm vì mặc quần lót là không đúng chỗ. Lionel vặn nước, và trong khi đợi chuẩn bị bể bơi, cậu tưới những cây sen cạn, trông như chủ nhà thực thụ. Polly nói với Brendan, anh đóng van và đưa cái bể bơi phao đang thổi nửa chừng cho cô.

Lorna nhớ lại chính Polly là người đã thổi cái phao hình con cá heo khi họ chơi ở bãi biển. Như chị nói, chị rất nhiều hơi. Chị thổi đều đều, dường như không có tí khó khăn nào. Chị đứng đó, mặc quần sóc, vũng chãi giăng đôi chân trần, da ánh lên như vỏ cây bạch dương. Và Lionel đang ngắm nhìn chị. Có lẽ cậu đang nghĩ, đây đúng là cô gái mình cần. Thật là một người phụ nữ tháo vát và khôn ngoan, mềm mỏng mà mạnh mẽ. Một người không phù phiếm, mơ mộng hay đồng danh. Rất có thể đó là kiểu phụ nữ mà một ngày nào đó cậu sẽ cưới về làm vợ. Một người vợ có thể đảm đương mọi việc. Còn cậu sẽ thay đổi và thay đổi nữa, có lẽ sẽ phải lòng một người đàn bà khác, theo cách riêng của cậu, còn cô vợ thì quá ư bận bịu nên chả biết gì.

Chuyện đó rất có thể xảy ra. Polly và Lionel. Mà cũng có thể không. Polly có thể sẽ về nhà như kế hoạch, và nếu chị đi, sẽ không có ai phải đau khổ cả. Hay đó chỉ là điều Lorna nghĩ. Polly có thể lấy chồng, hay không lấy chồng, nhưng dầu gì thì chuyện liên quan đến đàn ông không phải là chuyện có thể làm trái tim chị tan vỡ.

Chẳng mấy chốc chiếc bể phao đã căng phồng và tròn bóng. Chiếc bể được đặt lên cỏ, vòi nước đặt và trong bể và Elizabeth lấy chân tạt nước

tung tóe. Con bé ngược lên nhìn Lorna, như thể nó biết là mẹ nó ở đó từ này giờ.

“Lạnh quá,” con bé hét lên sung sướng. “Mẹ ơi... lạnh quá.”

Bây giờ thì Brendan cũng ngược lên nhìn Lorna.

“Em làm gì ở trên đó?”

“Dở đồ.”

“Em không cần phải làm bây giờ. Xuống đây đi.”

“Em sẽ xuống. Một chút nữa.”

Từ lúc cô bước vào nhà - chính xác hơn và từ lúc cô nhận ra tiếng nói cô nghe được phát ra từ chính sân sau nhà mình, và đó và tiếng của Polly và Lionel - Lorna không nghĩ gì về cảnh cô tưởng tượng ra, hết dặm đường này qua dặm đường khác, cảnh Polly treo trên dây ở cửa hậu. Giờ thì ý nghĩ ấy khiến cô ngạc nhiên, như thỉnh thoảng người ta ngạc nhiên khi nhớ lại một giấc mơ, rất lâu sau khi thức dậy. Nó có sự tác động và bề bồng của một giấc mơ. Cũng như sự vô dụng.

Cô không nhớ ra cùng một lúc, nhưng dần dần cô nhớ về chuyện cô thương lượng đánh đổi. Khái niệm non kém và ấu trĩ của cô về đánh đổi.

Nhưng mà cô đã hứa gì?

Không được liên quan đến bọn trẻ.

Cái gì đó của riêng cô

Cô hứa là cô sẽ làm cái việc mà cô sẽ phải làm, khi cô nhận ra đó là việc gì.

Đó là kiểu đi nước đôi, đánh đổi nhưng lại không phải là đánh đổi, một lời hứa không có ý nghĩa gì cả.

Nhưng cô đã thử mọi khả năng. Gần như là cô đang lên hình hài cho một câu chuyện để kể cho ai đó - bây giờ Lionel không phải là người đó nữa - nhưng mà một ai đó, để mua vui.

Nhịn đọc sách.

Nhận nuôi trẻ từ những gia đình không tốt và những nước nghèo đói. Làm việc nặng nhọc để chữa chạy những vết thương cho chúng và bù đắp vì chúng đã bị ghẻ lạnh.

Đi nhà thờ. Chịu tin vào Chúa Trời.

Cắt tóc, không dùng son phấn, sẽ không bao giờ mặc áo gọng thép để nâng ngực nữa.

Cô ngồi xuống giường, mệt mỏi vì toàn bộ cái trò này, một việc làm chẳng đáng.

Khôn ngoan hơn cả, điều cô hứa phải thực hiện chính là tiếp tục sống như cô đang sống. Nếu thế thì giao kèo đã có hiệu lực. Chấp nhận những gì đã xảy ra và rõ ràng về những gì sẽ xảy ra. Những tháng ngày và những cảm xúc cũng sẽ vẫn như thế, ngoại trừ việc trẻ con sẽ lớn lên, họ có thể sẽ có thêm một hay hai đứa nữa, và rồi chúng cũng sẽ lớn, cô và Brendan sẽ già và già nữa.

Chỉ đến bây giờ, đến đúng thời điểm này, cô mới ngộ ra một điều, cô đã cầu cho có một sự cố nào đó xảy ra, một sự cố sẽ thay đổi đời cô. Cô đã chấp nhận cuộc hôn nhân của mình như là một thay đổi lớn trong cuộc đời, nhưng cô không muốn đó là thay đổi cuối cùng.

Vậy, giờ đây không có gì ngoài cái điều mà cô hay bất cứ ai khác có thể dễ dàng đoán trước. Đó là hạnh phúc của cô, đó chính là cái mà cô đã đánh đổi. Sẽ không có gì thắm kín nữa, sẽ không có gì mới lạ nữa.

Hãy chú tâm nào, cô thầm nghĩ. Cô bỗng nảy ra một ý định mạnh mẽ là mình phải quỳ xuống. Đây là chuyện nghiêm túc.

Elizabeth lại gọi, “Mẹ ơi, xuống đây đi.” Và rồi những người khác - Brendan, rồi Polly, rồi Lionel, hết người này đến người khác, cũng gọi cô, trêu cô.

Mẹ.

Mẹ.

Xuống đây đi.

Chuyện xảy ra lâu lắm lắm rồi. Ở Bắc Vancouver, khi họ còn ở ngôi nhà kiểu kiến trúc Cột và Dầm. Khi cô hai mươi tư tuổi, và chỉ mới bắt đầu biết đánh đổi là gì.

Điều Còn Ghi Nhớ

Trong phòng khách sạn ở Vancouver, Meriel, hồi còn trẻ, đang xỏ đôi găng tay mùa hè ngắn màu trắng. Cô mặc chiếc váy lanh màu be, khăn voan trắng choàng lên mái tóc. Vào thời đó, tóc cô màu thẫm. Cô mỉm cười vì nhớ đến câu hoàng hậu Thái Lan Sirikit nói, đúng ra là trích dẫn, trong một tờ tạp chí. Trích dẫn trong trích dẫn - hoàng hậu Thái Lan Sirikit nhắc lại một câu nói của Balmain.

“Balmain đã dạy tôi mọi thứ. Ông ấy nói, ‘Lúc nào cũng nên mang găng tay trắng. Găng trắng là tốt nhất’.”

Găng trắng là tốt nhất. Tại sao cô lại mỉm cười khi nghĩ về điều này nhỉ? Lời khuyên bảo nghe mới nhẹ nhàng làm sao, có vẻ ngớ ngẩn nhưng không thể bàn cãi. Đôi tay đeo găng của cô trông trang trọng nhưng dịu dàng, như bàn tay của mèo con.

Pierre hỏi cô cười gì thì cô bảo, “Không có gì,” rồi cô kể anh nghe.

Anh hỏi, “Balmain là ai?”

Họ chuẩn bị đi dự một đám tang. Đêm qua, hai vợ chồng đã qua đây bằng phà từ nhà họ trên đảo Vancouver để đảm bảo đến đúng giờ dự tang lễ buổi sáng. Kể từ đêm tân hôn, đây là lần đầu tiên họ ở khách sạn. Giờ đây, mỗi khi đi nghỉ, họ đều phải mang theo hai đứa nhỏ, nên thường thì họ chỉ tìm những nhà nghỉ rẻ tiền dọc đường chuyên phục vụ gia đình.

Đây mới chỉ là đám tang thứ hai họ đi dự dưới danh nghĩa một cặp vợ chồng.

Cha của Pierre và mẹ của Meriel đã qua đời, nhưng họ đều mất trước khi Pierre và Meriel quen nhau. Năm ngoái, một giáo viên ở trường Pierre chết bất đắc kỳ tử, tang lễ long trọng, có dàn đồng ca nam sinh và bài diếu văn theo kiểu thế kỷ mười sáu. Người quá cố trạc sáu mươi lăm tuổi, nên dường như đối với Pierre và Meriel, cái chết của ông ta chỉ hơi bất ngờ và hầu như chẳng gây đau buồn gì. Đối với họ, chết lúc sáu lăm, bảy lăm hay tám năm tuổi chẳng khác nhau là mấy.

Đám tang hôm nay là một chuyện khác hẳn. Người sắp được chôn là

Jonas. Bạn thân với Pierre đã nhiều năm và đồng lứa với anh - hai mươi chín tuổi. Pierre và Jonas cùng lớn lên ở quận Tây Vancouver - họ còn nhớ nơi này trước cả khi người ta xây cầu Lion Gate, khi mà nó còn đáng dấp của một thị trấn nhỏ.

Cha mẹ họ chơi với nhau. Lúc mười một, mười hai tuổi, họ đã cùng đóng một chiếc thuyền nhỏ rồi hạ thủy ở bến tàu Dundarave. Trong thời gian học đại học, họ không thân nhau lắm - Jonas học ngành kỹ thuật trong khi Pierre học ngành văn học Hy-La, mà theo truyền thống, sinh viên khối kỹ thuật và khối khoa học xã hội thường chẳng ưa gì nhau. Nhưng những năm sau khi tốt nghiệp đại học, họ dần dà nối lại tình bạn. Jonas chưa có vợ, anh thường đến thăm Pierre và Meriel, đôi khi ở lại với họ cả tuần.

Cả hai chàng trai trẻ đã rất ngạc nhiên về những sự kiện xảy ra trong cuộc đời họ, và họ hay đùa về chuyện này. Jonas là người đã khiến cha mẹ yên tâm với lựa chọn ngành nghề của mình và đánh thức lòng ganh tị ngấm ngấm trong cha mẹ của Pierre, vậy mà Pierre lại là người đã lấy vợ, làm công việc giảng dạy và nhận lãnh những trách nhiệm như người ta vẫn thường làm, trong khi Jonas chưa bao giờ có nổi một công việc hay một bạn gái ổn định kể từ khi tốt nghiệp đại học. Lúc nào anh cũng ở trong tình trạng thử việc mà kết cục là chẳng có nổi ràng buộc chắc chắn với bất cứ một công ty nào, còn các cô gái thì - ít ra là theo lời anh kể - lúc nào cũng như đang trong thời gian thử thách anh. Công việc kỹ sư cuối cùng của Jonas là ở vùng phía Bắc của tỉnh, và anh vẫn trụ lại đó sau khi bỏ việc hay bị sa thải gì đấy "Hợp đồng làm việc được chấm dứt theo sự đồng thuận của đôi bên," anh viết cho Pierre như vậy, rồi cho biết thêm là hiện anh đang sống ở một khách sạn toàn khách sang và có thể anh sẽ kiếm việc trong đội đồn rừng. Anh còn tập lái máy bay và có ý định làm phi công lái máy bay đến những vùng hẻo lánh. Anh hứa sẽ xuống thăm họ sau khi giải quyết xong mấy vụ rắc rối về tài chính.

Meriel hy vọng là chuyện đó sẽ không xảy ra. Jonas ngủ trên đi văng trong phòng khách và sáng ra hay vút bữa bãi chần trên sàn nhà và cô lại

phải đi thu dọn. Anh giữ Pierre thức đến nửa đêm, trò chuyện về thời họ mới lớn, thậm chí cả về thời thơ ấu. Anh gọi Pierre là Tóc Đái, một biệt danh từ thời nhỏ, và gọi những người bạn cũ là Bể Thúi, Bác Sĩ, Quả Bom, không bao giờ gọi bằng những cái tên mà Meriel thường nghe - Stan, Don hay Rick. Chú trọng tiểu tiết quá đáng đến mức thô lỗ, anh kể lại chi tiết những vụ việc mà theo Meriel thì chẳng có gì là hay ho hay buồn cười (như chuyện đốt túi cứt chó trên bậc thang trước cửa nhà một giáo viên, hay chuyện trêu chọc lão già thường cho bọn con trai năm xu để dụ chúng tụt quần), nhưng nếu chủ đề nói chuyện mà quay về hiện tại thì anh lại tỏ ra bực bội.

Khi phải báo cho Pierre biết là Jonas đã chết, cô cảm thấy như có lỗi, thấy bàng hoàng. Có lỗi vì cô không ưa Jonas và bàng hoàng vì anh là người chết đầu tiên mà họ biết rõ và đồng trang lứa với họ. Nhưng Pierre thì chẳng có vẻ gì ngạc nhiên hay đặc biệt chấn động.

“Tự tử,” anh buông một câu.

Cô bảo không, đấy là tai nạn. Anh ấy đi mô tô, trời tối, đường mòn rải sỏi và anh ấy lái trượt ra ngoài. Có ai đó tìm thấy anh ấy, hay đi cùng với anh ấy, có cứu hộ ngay nhưng một tiếng sau thì anh ấy chết. Thương tích quá nặng dẫn đến cái chết.

Đấy là những gì mẹ Jonas nói, trên điện thoại. Thương tích của nó quá nặng dẫn đến cái chết. Nghe có vẻ như bà chấp nhận chuyện này quá nhanh chóng, không ngạc nhiên gì cả. Như kiểu Pierre, khi anh buông một câu, “Tự tử.”

Sau đó, Pierre và Meriel hầu như chẳng đả động gì đến cái chết, họ chỉ nói về đám tang, về đặt phòng khách sạn, về việc cần kiếm người trông mấy đứa nhỏ ban đêm. Bộ đồ vét phải giặt, áo sơ mi trắng phải mua. Meriel là người thu xếp mấy chuyện này, còn Pierre thì thường xuyên kiểm tra xem cô lo liệu thế nào theo kiểu ta đây là chồng. Cô hiểu là anh muốn cô tự chủ và bình tĩnh, như anh, và không muốn cô cho mình được cái quyền buồn

rầu, một cảm xúc mà - anh chắc chắn - cô không thể thực lòng cảm thấy. Cô hỏi tại sao anh lại nói “Tự tử,” thì anh trả lời, “Tự nhiên anh nghĩ như thế.” Cô có cảm giác việc anh tránh trả lời là một kiểu cảnh báo, thậm chí như một lời quở trách. Như thế anh nghi ngờ cô khai thác được gì từ cái chết này - hay từ mối liên quan mật thiết của họ đến cái chết - một cảm xúc xấu xa, ích kỷ. Một sự kích động bệnh hoạn, tự mãn.

Mấy anh chồng trẻ thời đó nghiêm khắc lắm. Chỉ mới trước đó không lâu, họ là những kẻ theo đuổi lối bạch, quy luy, tuyệt vọng vì quần quai khát tình. Giờ đây, khi đã yên bề, họ biến thành những kẻ không khoan nhượng và hay chê bai. Mỗi sáng đi làm, râu ria cạo sạch sẽ, cổ đeo cà vạt trẻ trung, ngày ngày làm những việc vô danh, tối về đến nhà thì việc đầu tiên là liếc mắt chê bai bữa tối, xòe báo ra giơ lên như tấm chắn ngăn họ với cái mớ hỗn độn trong bếp, với những phiền não, những xúc cảm, những đứa trẻ. Biết bao nhiêu điều họ phải học, và học thật nhanh. Làm thế nào để khúm núm nịnh bợ cấp trên và làm thế nào để cai quản mấy cô vợ. Làm thế nào để kiểm soát chuyện vay nợ mua nhà, bảo trì tường, bãi cỏ, cống rãnh, chính trị, cũng như giữ được việc làm, để họ có thể chu cấp cho gia đình thêm một phần tư thế kỷ nữa. Lúc đó, chính phụ nữ là những người có thể lén lút quay trở về thời con gái - vào ban ngày, tuy vẫn luôn luôn để ý đến trách nhiệm lớn lao đổ lên đầu họ, trách nhiệm con cái. Tinh thần rạng rỡ khi chồng vừa ra khỏi nhà. Giữa những bức tường nhà do chính anh chồng bỏ tiền ra mua, vào những lúc anh ta không có nhà, mọc lên như nấm cái gì đó như là một sự nổi loạn mơ hồ, những buổi tụ tập mang tính chất lật đổ, những trận cười điên cuồng như trở lại thời trung học.

Sau tang lễ, vài người được mời về nhà cha mẹ Jonas ở Dundarave. Giậu đỗ quỳn đang nở hoa, đủ màu đỏ, hồng và tím. Mọi người khen ngợi cha Jonas về khu vườn.

“Vâng, biết nói thế nào nhỉ,” ông nói. “Chúng tôi phải sửa sang lại hơi gấp.”

Mẹ của Jonas phân bua, “Tôi e rằng đây không phải là một bữa trưa hẳn

hoi. Chỉ là ăn qua loa thôi ạ.” Phần lớn mọi người uống rượu vang sherry, nhưng cũng có mấy người đàn ông uống whisky. Thức ăn bày trên chiếc bàn ăn được kéo ra cho rộng hơn - mousse cá hồi phết bánh quy giòn, bánh tart nhân nấm, bánh mì tròn cuộn xúc xích, ga tô chanh, trái cây cắt miếng, bánh quy hạnh nhân, sandwich nhân tôm, giăm bông với dưa chuột và quả bơ. Pierre chất tất cả các món trên cái đĩa sứ nhỏ của mình, Meriel nghe mẹ anh nhắc nhở, “Con có thể lấy thêm thức ăn lần nữa mà.”

Mẹ anh không sống ở Tây Vancouver nữa mà từ White Rock về đây để dự đám tang. Bà không tự tin lắm khi khiển trách con thẳng thừng như vậy, vì bây giờ Pierre đã là thầy giáo và là một người đàn ông có vợ con hẳn hoi.

“Hay là con sợ hết đồ ăn?” bà nói xéo.

Pierre vô tư trả lời, “Con sợ sẽ hết mấy món con thích?”

Mẹ anh quay qua khen Meriel, “Con có cái váy đẹp quá.”

“Vâng, nhưng mẹ trông này Meriel nói, tay vuốt cái váy đã bị nhăn khi cô ngồi dự buổi tang lễ.

“Phiền nhỉ,” mẹ Pierre nhận xét.

“Phiền gì thế?” mẹ Jonas vui vẻ hỏi trong khi bỏ bánh tart vào đĩa hâm nóng.

“Phiền hà khi mặc vải lạnh,” mẹ Pierre trả lời. “Meriel vừa than váy của nó bị nhăn như thế nào” - bà không dă động gì đến chuyện “khi dự buổi tang lễ” - “nên tôi bảo mặc vải lạnh thì phiền thế đấy.”

Mẹ Jonas có lẽ chẳng để tâm nghe. Bà nhìn hướng qua phía bên kia căn phòng, nói, “Đấy là ông bác sĩ đã lo cho nó. Ông ấy tự bay xuống đây bằng máy bay riêng từ Smithers. Thực sự chúng tôi nghĩ ông ấy quá tốt.”

Mẹ Pierre phụ họa, “Bay như thế thật là mạo hiểm.”

“À, ừ. Tôi nghĩ chắc ông ấy thường dùng phương tiện này để đến chăm sóc bệnh nhân ở những nơi xa xôi hẻo lánh.”

Người đàn ông trong câu chuyện của họ đang trò chuyện với Pierre. Ông

ta không mặc com lê, mà mặc một chiếc áo vét lịch sự tươm tất bên ngoài chiếc áo len cổ lọ.

“Có lẽ thế thật,” mẹ Pierre nhận xét, rồi mẹ Jonas nói, “Vâng và Meriel có cảm giác một cái gì đó - có thể là về cách ông ta ăn mặc chẳng? - đã được giải thích rõ ràng và nhất trí giữa hai người đàn bà.”

Cô nhìn xuống những tấm khăn ăn được gấp làm tư. Chúng không to như khăn ăn tối nhưng cũng không nhỏ như khăn tiệc nhẹ. Chúng được xếp chồng lên nhau thành hàng, góc khăn này (góc khăn có thêu hình những bông hoa nhỏ xíu màu xanh dương, hồng, vàng) chồng lên góc xếp của khăn kia. Không có một khăn nào thêu hoa cùng màu xếp cạnh nhau. Không ai động đến chúng, hoặc giả nếu có lấy khăn - vì cô thấy vài người cầm khăn ăn - thì chắc là họ lấy từ cuối hàng một cách rất cẩn thận để trật tự ấy không bị xáo trộn.

Ở buổi tang lễ, ông mục sư đã so sánh cuộc đời của Jonas trên trần gian này giống như cuộc đời của một thai nhi trong bụng mẹ. Đứa bé, ông nói, không biết gì về một thế giới nào khác, yên sống trong cái hang ấm áp, tối tăm và ướt át, hoàn toàn không có tí ý niệm nào, dù chỉ mơ hồ, về mặt thế giới tuyệt vời đầy ắp ánh sáng mà nó sắp bị đẩy vào. Và chúng ta, đang sống trên đời này, tuy có khái niệm mơ hồ, nhưng thực sự không thể tưởng tượng được cái ánh sáng mà chúng ta sẽ bước vào sau khi vượt qua được sự đau đớn của cái chết. Nếu đứa bé bằng cách nào đó được báo trước về điều sắp xảy ra với nó trong tương lai gần, liệu nó có tránh khỏi hoài nghi và sợ hãi? Và chúng ta cũng vậy, thường là thế, nhưng chúng ta không nên như vậy, vì chúng ta được ban cho lòng tin. Kể cả thế, trí não mù lòa của chúng ta vẫn không thành dung, không thể nhận thức về một thế giới mà chúng ta sẽ đến. Đứa bé được bao bọc trong chính sự tăm tối của nó, hoàn toàn tin tưởng vào sự tồn tại cam lạng và không nơi nương tựa của nó. Và chúng ta, không hoàn toàn ngu dốt nhưng cũng không hoàn toàn thấu hiểu, phải tự do và bảo vệ chính mình bằng lòng tin của chính chúng ta, theo lời dạy của Chúa.

Meriel nhìn ông mục sư, trong hành lang dẫn ra cửa chính, với ly rượu sherry trên tay, đang lắng nghe người phụ nữ hoạt bát có mái tóc vàng chải bông. Cô thấy họ không có vẻ gì là đang nói về sự đau đớn của cái chết hay ánh sáng phía trước. Ông ta sẽ phản ứng thế nào nếu cô đến chỗ họ bắt bẻ về chủ đề này?

Chẳng ai có tâm trạng làm chuyện đó. Mà cũng chẳng ai đủ bất lịch sự để làm thế.

Thay vì thế, cô quan sát Pierre và ông bác sĩ vùng hẻo lánh. Pierre nói chuyện sôi nổi như trẻ con, về sôi nổi mà độ này ít thấy có ở anh. Hay cũng có thể chỉ có cô ít thấy anh như vậy. Để đỡ buồn chán, cô vờ như thể đây là lần đầu tiên cô gặp anh. Tóc anh xoăn, tía ngắn và rất đậm màu, hớt ra phía thái dương, để lộ lớp da mịn màu ngà nhuộm chút ánh vàng kim. Bờ vai rộng, góc cạnh, chân tay dài thanh mảnh, khuôn đầu hơi nhỏ nhưng đẹp. Anh cười rất quyến rũ nhưng không bao giờ cố ý tỏ ra như vậy, mà đằng nào thì anh cũng có vẻ không tin cậy nụ cười của mình lắm kể từ khi trở thành giáo viên dạy nam sinh. Những đường nét mờ nhạt của sự phiền muộn thường trực hằn lên trán.

Cô nhớ đến bữa tiệc dành cho giáo viên - cách đây hơn một năm - khi cô và anh, ở hai bên đối diện của căn phòng, thấy mình lạc lõng bên ngoài những cuộc chuyện trò xung quanh. Cô đi vòng qua căn phòng để đến gần mà không để anh biết, và rồi cô bắt chuyện với anh như thể cô là một người lạ mặt, đang kín đáo tán tỉnh anh. Anh cũng đã mỉm cười, như anh đang mỉm cười bây giờ - nhưng vẫn khác, vì lúc đó anh tự nhiên như khi nói chuyện với một phụ nữ đang giảng bầy - anh cũng nhập vai. Họ trao cho nhau những cái nhìn nẩy lửa, những câu nói sáo rỗng cho đến khi cả hai lăn ra cười. Có ai đó đến báo họ rằng ở đây không được kể truyện cười về cuộc sống vợ chồng.

“Sao lại nghĩ chúng tôi thực sự là vợ chồng?” Pierre hỏi, thường anh rất thận trọng trong những bữa tiệc như thế này.

Giờ đây cô băng ngang qua căn phòng về phía anh nhưng hoàn toàn không có ý định đùa cợt xuẩn ngốc như thế. Cô cân nhắc anh về chuyện họ sắp phải chia tay mỗi người một ngả. Anh phải lái xe đến vịnh Horseshoe để đón chuyến phà tiếp theo, còn cô sẽ phải vượt qua bờ Bắc để đến thung lũng Lynn bằng xe buýt. Cô đã sắp xếp nhân tiện cơ hội này đến thăm người phụ nữ mà người mẹ quá cố của cô đã yêu quý, ngưỡng mộ, và đã đặt tên con gái mình theo tên bà, người mà Meriel vẫn gọi là dì, mặc dù họ chẳng có liên hệ máu mủ ruột thịt gì. Dì Muriel. (Chỉ khi đi học đại học cô mới đổi cách viết tên mình thành Meriel.)

Người cô già này đang sống ở một viện dưỡng lão trong thung lũng Lynn, và đã hơn một năm rồi Meriel chưa đi thăm bà. Phải tốn quá nhiều thời gian để đến đó trong những chuyến đi hiếm hoi của gia đình đến Vancouver, mà bọn trẻ con thì rất khó chịu với không khí viện dưỡng lão và dáng vẻ của những cư dân trong viện. Cả Pierre cũng vậy, mặc dù anh không muốn nói ra. Thay vào đó, anh chỉ bắt bẻ, dù sao đi nữa, cái người này có họ hàng gì với Meriel cơ chứ.

Đây có phải là dì thật của em đâu.

Vậy nên lần này Meriel đi một mình. Cô bảo là cô thấy có lỗi nếu không đi khi có cơ hội. Hơn nữa, mặc dù không nói ra, cô thực lòng mong chuyến đi này sẽ cho cô một khoảng thời gian tách khỏi gia đình mình.

“Hay là để anh chở em đi,” Pierre đề nghị. “Có trời mới biết em phải đợi xe buýt đến bao giờ.”

“Không được đâu,” cô nói. “Thế thì anh sẽ lỡ phà mất.” Cô nhắc anh về thỏa thuận với người trông trẻ.

Anh trả lời, “Ừ đúng.”

Người đàn ông mà nãy giờ anh nói chuyện - vị bác sĩ - không có lựa chọn nào khác là phải nghe toàn bộ câu chuyện giữa hai vợ chồng, và rồi anh ta đột ngột đề xuất, “Để tôi chở cô đi.”

“Tôi tưởng anh đến đây bằng máy bay,” Meriel nói, cùng lúc đó Pierre

giới thiệu, “Xin lỗi, đây là vợ tôi. Meriel.”

Ông bác sĩ giới thiệu tên mình nhưng cô không nghe rõ.

“Hạ cánh trên núi Hollyburn không dễ chút nào,” ông ta giải thích. “Nên tôi để máy bay ở sân bay và thuê xe đến đây.”

Ông ta có vẻ hơi lịch sự thái quá, khiến Meriel thấy thái độ của mình thành ra khó chịu. Cô lúc nào cũng vậy, hoặc là quá táo bạo, hoặc là quá nhút nhát.

“Thực không quá phiền anh chứ,” Pierre hỏi. “Anh có thời gian không?”

Ông bác sĩ nhìn thẳng vào Meriel. Đó không phải là cái nhìn khó chịu - nó không táo bạo nhưng cũng không kín đáo, và không phải là cái nhìn đánh giá. Nhưng cũng không phải lịch sự xã giao.

Ông ta trả lời, “Tất nhiên là tôi có thời gian.”

Và thế là họ đồng ý sẽ như vậy. Họ sẽ chia tay tại đây, Pierre sẽ đi ra bến phà, và Asher, đó là tên ông ta - hay bác sĩ Asher - sẽ lái xe đưa Meriel đến thung lũng Lynn.

Kế hoạch của Meriel sau đó là thăm dì Meriel- có thể sẽ ở lại ăn tối với bà, rồi đón xe buýt từ thung lũng Lynn về trạm xe buýt trong trung tâm (xe buýt đi vào “thị trấn” tương đối đều đặn, và từ đó cô sẽ lên xe buýt chuyển chiều tối đưa cô ra bến phà về nhà.

Viện dưỡng lão có tên là Trang viên Công Chúa. Đó là tòa nhà một tầng có cái mái mở rộng, trát vữa màu hồng nâu. Nằm trên phố nhộn nhịp, chẳng có vườn tược gì cả, không có giậu che hay hàng rào để chắn tiếng ồn hay để bảo vệ mấy khoảng sân cỏ. Một bên là ta nhà thờ Phúc Âm có cái gác chuông lỗ bích, còn phía bên kia là trạm xăng.

“Cái từ ‘Trang viên’ chẳng còn ý nghĩa gì nữa nhỉ?” Meriel khơi chuyện. “Thậm chí không có nghĩa là có tầng trên. Chỉ có nghĩa là người ta nên nghĩ cái chỗ đó không thêm cố gắng tí gì để tỏ ra đúng như cái tên của nó?”

Ông bác sĩ không nói gì - có thể là điều cô nói vô nghĩa đối với ông ta.

Hay chả đáng bàn cho dù đó là sự thật. Suốt cả quãng đường từ Dundarave, cô chỉ nghe thấy mình độc thoại và cô cảm thấy mất hết tinh thần. Cũng không hẳn là vì cô nói chuyện tầm phào - huyền thuyên bất cứ chuyện gì nảy ra trong đầu - mà là vì cô cứ cố gắng diễn đạt cái điều mà cô thấy thú vị, hoặc có thể sẽ thú vị nếu cô biết cách diễn đạt. Nhưng khi cô liến láu như vậy, những ý tưởng này có lẽ nghe hơi phô trương, nếu không muốn nói là điên khùng. Hẳn là cô có vẻ giống như một trong mấy bà mấy cô quyết tâm không nói những chuyện tầm thường mà phải nói những chuyện thực sự nghiêm túc. Và mặc dù cô biết là mình không làm được gì, rằng việc cô nói chuyện đối với ông ta có vẻ như một điều phiền toái, cô vẫn không thể nào dừng lại được.

Cô không biết cái gì đã bắt đầu tình trạng này. Sự thiếu thoải mái, đơn giản là vì độ này cô hiếm khi trò chuyện với người lạ. Cảm giác kỳ quặc khi một mình đi chung xe với một người đàn ông không phải là chồng mình.

Một cách thiếu suy nghĩ, cô thậm chí còn hỏi ông bác sĩ nghĩ gì về việc Pierre cho rằng tai nạn xe máy này thực ra là tự tử.

“Cô có thể gán cái ý tưởng đó cho vô số những tai nạn nghiêm trọng như vậy,” ông ta đáp.

“Không cần phải bận tâm chở tôi vào tận trong đâu,” cô nói. “Tôi xuống đây được rồi.” Quá xấu hổ và chỉ mong được thoát khỏi ông ta, thoát khỏi cái vẻ thờ ơ chẳng mấy lịch sự, cô để tay lên nắm cửa, như thể chực mở cửa thậm chí khi xe còn đang chạy ngoài đường.

“Tôi sẽ đậu xe lại,” ông ta nói, vẫn đánh xe vào. “Tôi không có ý định bỏ rơi cô ở đây.”

Cô bảo, “Có thể tôi sẽ ở lại lâu đấy.”

“Không sao cả. tôi sẽ đợi. Hoặc tôi có thể vào trong xem thế nào. Nếu cô không thấy phiền.”

Cô định nói là viện dưỡng lão có thể sẽ rất ảm đạm thê lương và khiến người ta mất bình tĩnh. Rồi cô chợt nhớ ông ta là bác sĩ thì chắc cũng chẳng

có gì ở đây mà ông ta chưa từng thấy. Có gì đó trong cái cách ông ta nói “nếu cô không thấy phiền khiến cô ngạc nhiên - chút khách sáo, nhưng cũng có chút ngập ngừng trong giọng nói. Có vẻ như ông ta đang đề nghị dành thời gian cho cô, và sự hiện diện của ông ta ở đây không hẳn chỉ là vì lịch sự, mà là vì chính cô. Đó là một lời đề nghị có chút nhún nhường thẳng thắn, nhưng không một chút cầu xin. Nếu cô nói rằng cô không muốn tốn thêm thời gian của ông ta thì có lẽ ông ta cũng chẳng thuyết phục thêm, ông ta sẽ chào tạm biệt, cũng với một phép lịch sự tương tự và lái xe đi.

Và thế là, họ xuống xe, sánh bước đi qua bãi đậu xe về phía cửa chính.

Vài ông bà già hoặc người tàn tật đang ngồi ở khoảng vỉa hè có những bụi cây trông như lông thú và những chậu hoa dã yên thảo đặt xung quanh, mô phỏng một cái hiên vườn. Dì Muriel không có trong nhóm người đó, nhưng Meriel nhận ra mình đang ban phát cho họ những lời chào hỏi vui vẻ. Có gì đó đã xảy ra với cô. Đột nhiên cô nhận thấy một cảm giác bí ẩn về sức mạnh và niềm vui, cứ như thế sau mỗi bước cô đi, một luồng thông điệp tươi sáng lại chạy từ gót chân lên đến đỉnh đầu.

Sau này, khi cô hỏi ông, “Tại sao anh lại vào trong đó với em?” ông đã trả lời, “Vì anh không muốn em rời khỏi tầm mắt.”

Dì Muriel ngồi một mình, trong xe lăn, giữa hành lang mờ tối ngay bên ngoài cửa phòng bà. Trông bà sung húp và sáng lờ mờ- nhưng đó chỉ là vì người ta quấn bà trong cái tạp dề sợi amiăng để bà có thể hút thuốc. Meriel tin chắc là bà đã ngồi trong đúng cái ghế đó, ở đúng vị trí đó khi cô chào tạm biệt bà, từ nhiều tháng trước, nhiều mùa trước - dù lúc ấy không có cái tạp dề amiăng, bà đeo cái tạp dề này chắc là vì một quy định mới nào đó, hay cũng có thể đây là dấu hiệu bà đã sa sút thêm. Chắc là bà đã ngồi đây mỗi ngày, bên cạnh cái gạt tàn thuốc cố định đổ đầy cát, nhìn lên bức tường sơn màu gan gà - nó được sơn màu hồng hay màu hoa cà gì đó nhưng trông lại hao hao màu gan gà, hành lang quá tối - với cái giá đóng trên tường đỡ chậu cây thường xuân giả rủ lá.

Cháu Meriel đấy à? Dì đã đoán là cháu mà,” bà nói. “Dì có thể đoán ra ngay là cháu chỉ qua tiếng bước chân. Dì đoán là chỉ qua hơi thở của cháu. Ôi, quý tha ma bắt cái bệnh lòa mắt này di. Dì chả thấy được gì ngoài những đốm màu.”

“Đúng là cháu đây, dì có khóc không?” Meriel hôn vào thái dương của bà. “Sao dì không ra ngoài trời sáng?”

“Dì không thích ánh mặt trời,” bà lão nói. “Dì sợ đen da.”

Chắc là bà đùa, nhưng cũng có thể thế thật. Gương mặt và đôi tay nhợt nhạt của bà phủ đầy những đốm lớn - những đốm trắng bệch, dưới thứ ánh sáng mờ mờ ở đây trở thành bâng bạc. Trước đây bà là một phụ nữ tóc vàng chính hiệu, mặt hồng hào, mảnh mai, tóc suôn cắt rất khéo đã bạc khi bà mới ở tuổi ba mươi. Bây giờ tóc bà tả tơi, rối bù vì cọ sát nhiều vào gối, và đôi dái tai chìa ra dưới tóc như hai cái núm vú bị dẹt. Trước đây bà hay đeo đôi bông tai kim cương nhỏ xíu - không biết giờ biến đi đâu rồi? Bông tai kim cương và cả những thứ như dây chuyền vàng, ngọc trai thật, áo lụa có những màu rất lạ màu hổ phách, màu cà tím - và những đôi giày thon thả đẹp tuyệt.

Người bà toàn mùi bột giặt bệnh viện và mùi kẹo cam thảo bà ngậm suốt ngày, giữa những điếu thuốc lá bà được phép hút.

“Mình cần mấy cái ghế,” bà nói. Bà vươn người về phía trước, quơ quơ cánh tay cầm điếu thuốc lên không, cố huýt gió. “Dịch vụ đâu. Làm ơn cho mấy cái ghế.”

Ông bác sĩ nói, “Tôi sẽ đi kiểm ghế.”

Chỉ còn lại bà lão Muriel và cô gái trẻ Meriel.

“Chồng cháu tên gì ấy nhỉ?”

“Pierre.”

“Cháu có hai đứa con, phải không? Jane và David, đúng không?”

“Đúng rồi. Nhưng người đàn ông đi với cháu...”

“À, không,” bà lão Muriel ngắt lời. “Anh ta không phải là chồng cháu.”

Dì Muriel thuộc về thế hệ bà ngoại của Meriel, không phải thế hệ của mẹ Meriel. Bà là giáo viên dạy vẽ cho mẹ Meriel ở trường học. Đầu tiên bà là người truyền cảm hứng, rồi bà là đồng minh, và rồi là bạn. Bà vẽ những bức tranh trừu tượng lớn, một trong những bức đó được tặng cho mẹ Meriel, treo hành lang sau của ngôi nhà nơi Meriel lớn lên và được chuyển vào treo trong phòng ăn mỗi khi tác giả của nó đến chơi. Màu sắc của nó u ám - đỏ và nâu đậm (cha Meriel gọi nó là “Đống phân bò bốc cháy - nhưng bản thân dì Muriel lại có một tâm hồn luôn luôn tươi sáng và không hề sợ hãi. Bà sống ở Vancouver khi còn trẻ, trước khi đến thị trấn nằm sâu trong lục địa này. Bà đã kết bạn với những họa sĩ mà bây giờ tên tuổi của họ đã lên mặt báo. Bà tha thiết mong được quay trở lại đó và cuối cùng bà đã quay lại, sống cùng và quản lý công chuyện cho một cặp vợ chồng già giàu có, vốn là bạn bà và đã nâng đỡ cho nhiều nghệ sĩ. Có vẻ như bà có rất nhiều tiền khi sống với họ, nhưng bà đã bị bỏ rơi hoàn toàn sau khi họ qua đời. Bà sống bằng lương hưu, chuyển qua vẽ màu nước vì không có đủ tiền vẽ tranh sơn dầu, nhịn ăn để có thể dẫn Meriel đi ăn trưa (mẹ của Meriel ngờ là thế) - lúc ấy cô còn là sinh viên đại học. Trong những dịp này, bà thường nói hàng tràng những truyện tiểu lâm và chê bai phê phán, thường là để vạch ra rằng những tác phẩm hay ý tưởng mà người ta đang say sưa bàn tán toàn là những thứ vớ vẩn, nhưng thỉnh thoảng, từ tác phẩm của một ai đó, một nghệ sĩ đương đại không tiếng tăm, hay một nhân vật từ thế kỷ trước đã gần như bị lãng quên, lại có điểm gì đó phi thường. Bà dùng cái từ mạnh mẽ đó để ca ngợi - “phi thường”. Giọng bà bỗng có vẻ tĩnh lặng, như thể ngay tại thời điểm đó và trước sự bất ngờ của chính bản thân mình, bà đã được thấy một phẩm chất vẫn còn đáng được quý trọng tuyệt đối trên cõi đời này.

Ông bác sĩ quay lại với hai cái ghế và tự giới thiệu, hoàn toàn tự nhiên, cứ như thể đến bây giờ ông mới có dịp giới thiệu.

“Eric Asher.”

“Ông ấy là bác sĩ Meriel giới thiệu thêm. Cô định giải thích về chuyện đám tang, về tai nạn, về chuyện bay từ Smithers xuống đây, nhưng cô đã bị tước mất cơ hội.

“Bác yên tâm, tôi không đến đây với cương vị bác sĩ đâu,” ông bác sĩ trấn an.

“Ồ không,” dì Muriel nói. “Anh đến đây với con bé.”

“Vâng,” ông trả lời.

Đúng lúc đó, ông vươn người qua khoảng trống giữa hai chiếc ghế, cầm tay Meriel, siết chặt tay cô trong một khoảnh khắc rồi buông. Ông nói với dì Muriel, “Làm sao bác biết được? Qua hơi thở của tôi à?”

“Tôi biết chứ,” bà nói với vẻ thiếu kiên nhẫn. “Bản thân tôi cũng đã từng ranh ma quỷ quái lắm đấy nhé.”

Giọng bà - rung rung như có tiếng cười ranh mãnh trong đó - không giống tất cả những giọng điệu khác của bà mà Meriel nhớ. Cô cảm giác như có một sự phản bội nào đó đang khuấy lên, từ bà lão mà đột nhiên cô thấy xa lạ. Một sự phản bội với quá khứ, có thể là với mẹ của Meriel, với tình bạn mà mẹ cô đã quý trọng trao cho một người bề trên. Hoặc cũng có thể đó là sự phản bội với ký ức của cô về những bữa trưa với bà, và những cuộc chuyện trò tinh tế giữa họ. Một cái gì đó dễ tiệp bản thủ đang hình thành. Nó làm cho Meriel bối rối, và kích động một cách mơ hồ.

“Ồ, tôi đã từng có những người bạn,” dì Muriel nói, và Meriel chêm vào, dì có rất nhiều bạn. Cô nhắc đến vài cái tên.

“Chết rồi,” dì Muriel nói.

Meriel bảo không, cô vừa mới đọc được trên báo, đâu như là một buổi triển lãm hồi tưởng quá khứ hay một giải thưởng gì đó.

“Thế à? Dì tưởng ông ta chết rồi. Có thể là dì nhớ nhầm người khác... Có biết gia đình nhà Delaney không?”

Bà nói với ông bác sĩ, không phải với Meriel.

“Tôi nghĩ là không,” ông trả lời. “Không.”

“Họ có nhà trên đảo Bowen, chúng tôi thường đến đó. Nhà Delaney. Tôi nghĩ có thể anh từng nghe nói về họ. Chà. Đại khái là có những chuyện tai tiếng. Vì thế nên tôi mới nói là tôi cũng đã từng quở ranh lắm. Những cuộc phiêu lưu. Chà. Có vẻ như phiêu lưu đấy, nhưng tất cả đều đã dàn dựng sẵn, anh hiểu ý tôi mà. Thực ra cũng chả có gì phiêu lưu lắm. Tất nhiên, chúng tôi ai nấy đều say bét nhè. Nhưng mà lúc nào họ cũng thấp nển thành vòng tròn và bật nhạc lên, tất nhiên - kiểu như một nghi lễ vậy. Nhưng không phải tất cả đều làm vậy. Chuyện này không có nghĩa là ta không thể gặp ai đó mới và tung hê hết không thềm đếm xỉa gì đến kịch bản. Chỉ mới gặp lần đầu thôi mà đã hôn nhau như điên dại và bỏ chạy vào rừng. Trong đêm tối. Nhưng cũng chả đi đến đâu. Quên đi. Chấm hết.”

Bà bắt đầu ho, bà cố gắng nói chuyện qua cơn ho nhưng đành chịu và ho khan một cách dữ dội. Ông bác sĩ đứng lên, rất chuyên nghiệp, ông vỗ vỗ vài cái vào tấm lưng khòm của bà. Cơn ho ngừng lại bằng một tiếng rên rí.

“Tốt hơn rồi,” bà nói. “Ôi, ta biết rõ mình đang làm gì, nhưng ta lại cứ giả vờ như không biết. Có một lần họ bịt mắt tôi lại. Không phải trong rừng mà là trong nhà. Ổn thôi, tôi đồng ý. Nhưng mà nó chẳng có kết cục gì hay ho - ý tôi nói là tôi biết tất. Đằng nào thì có lẽ chẳng có ai ở đó mà tôi không nhận ra được.”

Bà lại ho, nhưng không dữ dội như trước. Rồi bà ngẩng đầu lên, hít thở sâu thành tiếng trong vài phút, tay giơ lên ra dấu tạm ngưng câu chuyện, như thế bà có điều gì đó sắp nói thêm, điều gì đó quan trọng. Nhưng tất cả những gì bà làm là phá lên cười, “Bây giờ thì tôi được che mắt vĩnh viễn rồi nhé. Lòa. Nhưng giờ thì chả ai thềm lợi dụng tôi nữa, ít ra là tôi chưa từng biết có sự trụy lạc nào kiểu như vậy.”

“Bệnh của bác kéo dài bao lâu rồi ông bác sĩ hỏi, vẻ quan tâm lễ phép, và Meriel cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm vì họ bắt đầu chăm chú nói chuyện và bàn luận về sự tiến triển của bệnh đục thủy tinh thể, việc thay thủy tinh

thể, những điều nên và không nên khi làm phẫu thuật, và về chuyện dì Muriel không tin tưởng vị bác sĩ nhãn khoa bị “đẩy qua” - theo lời bà - chăm sóc các cư dân ở đây. Những hoang tưởng dâm ô - giờ đây khi nhớ lại Meriel đã quyết định đó chỉ là những hoang tưởng dâm ô - không một chút khó khăn chuyển thành câu chuyện về sức khỏe, với vẻ bi quan tán đồng từ phía dì Muriel và những lời trấn an thận trọng từ phía ông bác sĩ. Kiểu đối thoại hằn vằn thường xuyên diễn ra giữa những bức tường này.

Sau một lúc, Meriel và ông bác sĩ thoáng liếc mắt trao đổi, ý hỏi cuộc thăm viếng đã đủ lâu chưa. Một cái nhìn kín đáo, thận trọng, gần như là của những cặp vợ chồng, sự ngượng ngùng và thân mật dịu dàng trong ánh mắt ấy khuấy động những kẻ thực ra không phải vợ chồng.

Sắp rồi

Dì Muriel chủ động trước. Bà nói, “Thứ lỗi cho tôi, thật là bất lịch sự, nhưng tôi phải thú thật là tôi rất mệt.” Thái độ của bà bây giờ hoàn toàn chẳng có tí dấu vết gì của cái người đã mở màn phần đầu câu chuyện. Phân tâm, điệu bộ như đóng kịch, cảm giác xấu hổ mơ hồ, Meriel cúi xuống hôn tạm biệt bà. Cô có linh tính là mình sẽ không bao giờ gặp lại dì Muriel nữa, và đúng như thế thật.

Đằng sau khúc quanh, những cửa phòng mở toang, người ta đang nằm ngủ trên giường, hay cũng có thể là họ nằm trên giường và quan sát, ông bác sĩ chạm tay vào lưng cô, giữa hai bả vai, tay ông chuyển động dọc sống lưng cô, đến thắt lưng. Cô nhận ra là ông đang kéo vải váy của cô, nó bị dính vào làn da ẩm ướt khi cô ngồi dựa lưng vào ghế. Cái váy cũng ẩm ướt dưới hai nách.

Cô phải vào phòng vệ sinh ngay. Cô cứ mãi miết tìm bảng chiếu chỉ dẫn tới phòng vệ sinh dành cho khách viếng thăm, cô nghĩ là đã nhìn thấy nó trên đường đi vào.

Đây rồi. Cô nhớ đúng mà. Nhẹ người, nhưng mà cũng khó xử, vì cô phải đột ngột tách ra khỏi tầm tay của ông và nói, “Tôi vào đây một chút bằng cái

giọng vang lên trong tai cô nghe lạnh nhạt và khó chịu. Ông trả lời, “Vâng,” rồi nhanh nhẹn đi về hướng nhà vệ sinh nam, và thế là cái khoảnh khắc tế nhị hoàn toàn tan biến.

Khi cô ra ngoài, dưới ánh mặt trời nóng bỏng, cô thấy ông đang đi tới đi lui bên cạnh chiếc xe và hút thuốc. Trước đó ông không hút - không hút ở nhà bố mẹ Jonas, không hút trên đường đi, không hút cùng với dì Muriel. Hành động này có vẻ như cô lập ông, cho thấy ông có phần nào đó nôn nóng, có thể là nôn nóng muốn làm xong một việc để tiến tới việc khác. Bây giờ thì cô không chắc lắm, liệu cô là cái việc sẽ làm tiếp theo hay là cái việc cần làm cho xong đây.

“Đi đâu?” ông hỏi khi đang lái xe. Thế rồi, hình như nghĩ rằng nói như vậy thì quá cộc lốc, ông hỏi lại, “Cô muốn đi đâu?” Như thế ông nói chuyện với một đứa trẻ, hay với dì Muriel - với một người mà ông buộc phải tiêu khiển cả buổi chiều. Muriel trả lời, “Tôi không biết như thế cô không có lựa chọn nào khác là để chính mình biến thành đứa trẻ phiền toái đó. Cô kiềm lại để không bật ra tiếng rên rỉ thất vọng, tiếng gào thét dục vọng. Lòng dục vọng có vẻ như e lệ và rời rạc, nhưng không thể tránh khỏi, thế mà giờ đây đột nhiên lại bị coi là không đúng đắn và một chiều. Hai bàn tay ông để trên tay lái hoàn toàn là của ông, như giành lại chủ quyền, như thế ông chưa hề động đến cô.

“Công viên Stanley nhé?” ông hỏi. “Cô có muốn đi dạo ở công viên Stanley không?”

Cô trả lời, “Ồ, công viên Stanley. Bao nhiêu năm rồi tôi không đến đó như thể ý tưởng này làm cô phấn khởi hẳn lên và cô không tưởng tượng được cái gì tốt hơn nữa. Nhưng rồi cô đã khiến mọi chuyện tệ hơn vì thêm một câu, “Trời hôm nay tuyệt quá.”

“Đúng vậy. Quả thật đúng như vậy.”

Họ nói chuyện như trong tranh biếm họa, thật không thể nào chịu nổi.

“Họ không gắn radio trong xe cho thuê. Đôi khi họ gắn. Đôi khi không.”

Cô quay cửa kính xe xuống khi họ đi ngang qua cầu Lion Gate. Cô hỏi ông có thấy phiền không.

“Không. Hoàn toàn không có gì phiền.”

“Mùa hè đối với tôi luôn là như vậy đó. Kéo cửa kính xuống cho khuỷu tay chìa ra ngoài và gió lùa vào. Tôi nghĩ tôi sẽ không bao giờ quen được với máy lạnh.”

“Nếu quá nóng thì cô sẽ quen với máy lạnh.”

Cô quyết chí giữ yên lặng, cho đến khi rừng cây trong công viên đón nhận họ, khi những cây cao, rậm rạp có thể nuốt chửng tất cả những ngu ngốc và hổ thẹn. Nhưng rồi cô đã làm hỏng mọi thứ bằng tiếng thở phào biết ơn quá cường điệu.

“Mũi Prospect”. Ông đọc bảng hiệu.

Có rất nhiều người xung quanh, mặc dù hôm đó là một buổi chiều ngày thường vào tháng năm, khi mùa nghỉ chưa bắt đầu. Lát nữa họ có thể bình luận về chuyện này. Xe đậu đầy lối đi lên nhà hàng, người xếp hàng dài ngoằn ngoèo lên bậc ngắm có những ống nhòm bỏ xu.

“A ha.” Ông vừa nhìn thấy một xe chuẩn bị ra khỏi chỗ đậu. Một khoảnh khắc được giải thoát khỏi tình thế phải nói chuyện, trong lúc ông chờ, rồi lùi xe lại để nhường đường cho xe kia ra, sau đó khéo léo điều khiển xe đậu vào khoảng trống khá hẹp. Xuống xe cùng một lúc, đi vòng qua để gặp nhau ở lề đường. Ông quay tới quay lui, như thể định hướng xem nên đi về phía nào. Người đi bộ, đến và đi khắp nơi từ mọi ngã đường mà tầm mắt họ có thể nhìn thấy.

Chân cô run lẩy bẩy, cô không thể nào chịu đựng nổi nữa.

“Hãy mang em đi nơi nào khác đi,” cô nói.

Ông nhìn thẳng vào mặt cô. Ông nói, “Được.”

Ngay tại đó giữa lề đường trước bàn dân thiên hạ. Họ hôn nhau như điên dại.

Hãy mang em đi, đó là câu cô đã nói. Hãy mang em đi nơi nào khác đi, không phải là Chúng ta hãy đi nơi nào khác đi. Sự khác biệt này rất quan trọng.

Sự liều lĩnh, sự phó mặc. Hoàn toàn liều lĩnh và hoàn toàn phó mặc. Chúng ta hãy đi - câu này có sự liều lĩnh, nhưng không có buông thả - mà buông thả chính là điểm khởi đầu - trong tất cả những lần cô sống lại cái khoảnh khắc này - của sa ngã ái tình. Giả sử đến lượt mình mà ông thoái thác thì sao? Đi đâu? Khả năng này cũng không thể nào xảy ra được. Ông phải nói cái câu mà ông đã nói. Ông phải trả lời, được.

Ông mang cô đến căn hộ nơi ông đang lưu lại, ở Kitsilano. Căn hộ này là của một người bạn, người đó đang đánh thuyền đi câu cá, đâu đó ngoài khơi bờ Tây đảo Vancouver. Đó là một tòa nhà nhỏ, khang trang, ba hay bốn tầng gì đó. Tất cả những gì cô nhớ được và những viên gạch thủy tinh xung quanh lối vào cửa chính và món đồ dường như là duy nhất trong phòng khách, một đàn máy hi-fi mà vào thời đó trong rất nặng nề và phức tạp.

Có lẽ cô thích cảnh khác hơn, và trong ký ức của mình, cô đã thay nó bằng một cảnh khác. Một khách sạn hẹp, sáu hay bảy tầng gì đó, trước đây đã từng là một khu nhà ở hợp thời trang phía Tây thành phố Vancouver. Màn cửa đăng ten ngả vàng, trần cao, có thể có song sắt chắn một phần cửa sổ, và ban công giả. Không có gì là thực sự bản thủ và nhơ nhuốc, chỉ là không khí của một chỗ trọ lâu dài cho những nỗi thống khổ và tội lỗi thầm kín. Ở đó, cô phải đi ngang tiền sảnh nhỏ của khách sạn, đầu cúi gằm và cánh tay bám chặt hai bên người, toàn thân tràn ngập một nỗi hổ thẹn thấm thía. Rồi ông nói chuyện với nhân viên tiếp tân, giọng trầm thấp, không loan báo nhưng cũng không giấu giếm hay xin lỗi về mục đích của họ.

Và rồi họ đi vào thang máy, loại thang cổ trông như cái cũi được một ông già, hay cũng có thể là bà già, một người tàn tật, hay một người phục vụ xấu xa lái cá điều khiển.

Tại sao cô lại dựng lên, tại sao cô lại thêm vào cái cảnh ấy? Để nhớ lại cái khoảnh khắc bị phơi trần, cái cảm giác nhức nhối của sự nhục nhã và lòng tự trọng đã làm cô tê liệt khi cô đi qua tiền sảnh khách sạn (tưởng tượng), và để nhớ lại giọng nói của ông, vẻ kín đáo và uy quyền khi ông nói chuyện với nhân viên tiếp tân, dù cô không hoàn toàn nghe ra được những từ ngữ đối thoại.

Cái giọng ấy có lẽ cũng cùng tông với giọng ông nói trong hiệu thuốc cách căn hộ vài dãy phố, sau khi ông đậu xe và bảo, “Đợi anh vào đây một chút.” Những chuẩn bị rất thực tế mà trong cuộc sống hôn nhân cở vể nặng nề và chán nản thì trong tình huống này lại đánh thức một cảnh xúc động nhiệt nhẹ nhàng trong cô, lại khơi lên một trạng thái hôn mê và phục tùng mới lạ.

Sau khi trời tối, ông đưa cô trở lại, lái xe xuyên qua công viên, qua cầu, xuyên quận Tây Vancouver, đi quá nhà cha mẹ Jonas chỉ một quãng ngắn. Cô đến vịnh Horseshoe gần như vào phút chót, và đi bộ lên phà. Những ngày cuối tháng Năm là một trong những ngày dài nhất trong năm, và mặc dù bến phà thấp đèn sáng trung và đèn ô tô rọi sáng khoang tàu, cô vẫn có thể thấy chút ánh hoàng hôn ửng lên trên bầu trời phía tây, và trên nền trời, in hình cái gờ đen của một hòn đảo - không phải đảo Bowen mà là một hòn đảo cô không biết tên - gọn gàng như một chiếc bánh pudding đặt nơi cửa vịnh.

Cô phải hòa vào đám đông đang chen lấn nhau lên cầu thang, và khi lên đến boong dành cho hành khách, cô ngồi xuống chỗ trống đầu tiên cô nhìn thấy. Không như thường lệ, cô thậm chí không buồn tìm chỗ ngồi gần cửa sổ. Cô có hẳn một tiếng rưỡi trước khi phà cập bến bên kia eo biển, và trong suốt khoảng thời gian này, cô có nhiều việc phải làm.

Ngay khi tàu bắt đầu khởi hành, những người ngồi bên cạnh cô bắt đầu trò chuyện. Họ không phải là những người tình cờ gặp nhau trên phà mà là bạn bè hay người nhà gì đó, vốn biết nhau rõ nên tìm được vô khối chuyện

để nói trong suốt chuyến đi. Thế nên cô đứng dậy đi ra boong tàu, leo lên tầng trên cùng vì ở trên này bao giờ cũng ít người hơn, rồi cô ngồi lên một trong những cái thùng đựng trang thiết bị cứu đắm. Cô thấy đau ở những chỗ cô nghĩ là sẽ đau và cả những chỗ cô không nghĩ là sẽ đau.

Cái việc mà cô phải làm, theo cô, là nhớ lại tất cả- và theo cô “nhớ có nghĩa là trải nghiệm nó trong tâm trí, một lần nữa - rồi vĩnh viễn cất nó đi. Tất cả trải nghiệm của ngày hôm nay sẽ được sắp xếp lại, không một cái gì bị vứt rời rạc, bừa phứa, tất cả đều phải được gói ghém cẩn thận như báu vật và dứt khoát cất đi.

Cô bấu víu vào hai dự đoán, dự đoán đầu dễ chịu, và dự đoán thứ hai dễ chấp nhận tại thời điểm hiện tại, dù không nghi ngờ gì, nó sẽ khó hơn cho cô sau này.

Hôn nhân của cô với Pierre sẽ tiếp tục và sẽ kéo dài.

Cô sẽ không bao giờ gặp lại Asher.

Hóa ra cả hai dự đoán này đều đúng.

Hôn nhân của cô đúng là kéo dài - hơn ba mươi năm sau đó, cho đến khi Pierre qua đời. Trong giai đoạn đầu khi bệnh tình của anh chưa nặng lắm, cô thường đọc sách cho anh nghe, vài cuốn trước đây họ đã đọc và muốn đọc lại. Trong số đó có tiểu thuyết Cha và con. Sau khi cô đọc đoạn Bazarov biểu lộ tình yêu cuồng nhiệt của chàng với Anna Sergeyevna, khiến Anna hoảng sợ, họ ngưng đại để tranh luận. (Không phải tranh cãi, họ đã trở nên quá dịu dàng để có thể tranh cãi.)

Meriel muốn cảnh này diễn tiến khác đi. Cô tin rằng Anna sẽ không phản ứng như vậy.

“Đấy và do nhà văn,” cô nói. “Thường thì em không có cảm giác như vậy về Turgenev, nhưng mà ở đây thì em thấy rõ ràng Turgenev đã chia rẽ họ và ông làm như vậy vì mục đích riêng gì đó.”

Pierre mỉm cười yếu ớt cả mọi biểu lộ cảm xúc của anh đã trở nên sơ sài. “Em nghĩ Anna sẽ không cưỡng lại được à?”

“Không. Không phải không cưỡng lại được. Em không tin nàng là người như vậy, em nghĩ nàng cũng ham muốn không kém gì anh ta. Họ sẽ tiến tới.”

“Lãng mạn nhỉ. Em bóp méo mọi thứ để cho kết thúc có hậu.”

“Em đâu có nói gì đến kết cục đâu.”

“Nghe này,” Pierre kiên nhẫn nói. Anh thích những cuộc nói chuyện như thế này, nhưng mà chúng làm anh mệt mỏi, anh phải nghỉ một chút để lấy hơi. “Nếu Anna đầu hàng thì đó là bởi vì nàng yêu. Khi chuyện giữa hai người kết thúc thì nàng sẽ càng yêu anh ta hơn. Không phải phụ nữ là thế sao? Ý anh nói là một khi họ yêu. Còn anh ta thì sao - anh ta sẽ bỏ đi ngay sáng hôm sau, có lẽ thậm chí không một lời từ biệt. Bản chất anh ta là như vậy. Anh ta không muốn yêu nàng. Thế thì sao lại gọi là tốt hơn được?”

“Họ sẽ có một cái gì đó. Trải nghiệm của họ.”

“Hắn ta rồi sẽ quên ngay cái chuyện đó, còn nàng sẽ chết vì hổ thẹn và vì bị ruồng bỏ. Nàng là một người thông minh. Nàng hiểu chuyện đó.”

“Nhưng,” Meriel phản đối, ngập ngừng một chút vì cảm thấy mình bị dồn vào thế bí. “Nhưng Turgenev không nói như vậy. Ông nói là nàng hoàn toàn bị bất ngờ. Ông nói nàng là người lãnh đạm.”

“Trí thông minh khiến nàng trở nên lãnh đạm. Đối với phụ nữ, thông minh đồng nghĩa với lạnh lùng.”

“Không đời nào.”

“Anh nói là vào thế kỷ mười chín. Vào thế kỷ mười chín thì như thế.”

Vào cái đêm trên phà đó, suốt thời gian mà cô nghĩ là cô sẽ sắp xếp lại ký ức, Meriel đã chẳng thể làm được cái việc ấy. Những gì cô trải qua là liên tiếp và dồn dập những làn sóng hồi tưởng mãnh liệt. Và đó là những gì cô sẽ còn tiếp tục trải qua trong nhiều năm nữa, tuy có thưa dần. Mỗi lần như vậy là cô lại nhớ thêm một vài chi tiết mà những lần trước cô không nhớ, và những chi tiết này vẫn còn làm cô choáng váng. Cô như lại nghe được, hoặc

thấy được một cái gì đó - tiếng động mà họ cùng phát ra, ánh mắt mà họ trao cho nhau, thừa nhận và khích lệ ánh mắt mà bề ngoài thì có vẻ lãnh đạm, nhưng lại tôn trọng sâu sắc và gần gũi thân mật hơn vô số những cái nhìn giữa những cặp vợ chồng, hay giữa những người có duyên nợ với nhau.

Cô nhớ màu mắt nâu xám của ông, làn da thô cặn kè, vòng tròn như cái sẹo lâu năm bên cạnh mũi, lồng ngực rộng tròn muột khi ông chồm lên người cô. Nhưng cô không thể nào miêu tả được ông trông như thế nào. Cô nghĩ rằng cô cảm nhận được sự hiện diện của ông ngay từ đầu, mạnh mẽ đến nỗi sự quan sát bình thường là không thể. Hồi ức đột ngột, thậm chí về những giây phút đầu tiên chưa chắc chắn và còn ngập ngừng giữa họ, vẫn khiến cô thu mình lại, như thể cô muốn bảo vệ sự bất ngờ nguyên sơ tươi mới của chính thể xác của cô, sự gào thét của dục vọng. Tình-yêu-của-em-tình-yêu-của-em, cô khàn khàn lẩm bẩm, như một cái máy, những lời niệm chú bí mật.

Khi nhìn thấy ảnh của ông trên báo, cô không cảm thấy đau đớn ngay. Mẹ Jonas đã gửi cho cô mẫu báo, bà cương quyết giữ liên lạc với họ, chừng nào bà còn sống, và bất cứ khi nào có thể là bà lại gọi họ nhớ về Jonas. “Cháu có nhớ ông bác sĩ ở đám tang Jonas không bà viết phía trên hàng chữ nhỏ tiêu đề bài báo. “Bác sĩ vùng hẻo lánh chết do tai nạn máy bay.” Đây chắc là bức ảnh cũ, bị mờ khi in lại trên báo. Một khuôn mặt chắc mập, mỉm cười - cô không bao giờ nghĩ là ông lại có thể cười để chụp ảnh như vậy. Ông không bị tai nạn khi lái máy bay của mình mà là khi bay trực thăng trong một chuyến bay cấp cứu. Cô đưa cho Pierre xem mẫu báo. Cô hỏi, “Anh có bao giờ tìm ra lý do tại sao ông ta đến dự đám tang không?”

“Có thể họ thân với nhau. Vì đều là những linh hồn lạc lối nơi phương Bắc.”

“Anh nói chuyện gì với ông ta?”

“Ông ta kể là một lần ông ta dẫn Jonas đi tập lái máy bay. Ông ta bảo, ‘Không dám dẫn đi thêm lần nào nữa’.”

Rồi anh hỏi, “Anh nhớ ông ta chở em đi đâu đó mà, phải không? Đi đâu nhỉ?”

“Đi thung lũng Lynn. Thăm dì Muriel.”

“Ừ thế em đã nói chuyện gì với ông ta?”

“Em thấy ông ta là một người rất khó nói chuyện.”

Cái chết của ông chẳng ảnh hưởng gì mấy đến những ý nghĩ tư tưởng của cô

— nếu người ta có thể gọi đó là tư tưởng. Những ý nghĩ tư tưởng mà trong đó cô tưởng tượng ra những cảnh họ tình cờ gặp nhau, thậm chí những lần tái hợp được sắp xếp một cách liêu lĩnh, hoàn toàn không có cơ sở thực tế nào và cũng không được cải biên sau khi được tin ông đã chết. Những ý nghĩ tư tưởng này phải dần dần tự phai mờ, theo cái cách mà cô không kiểm soát được và cũng không bao giờ hiểu được.

Trên đường về nhà đêm đó, trời bắt đầu mưa. Mưa không to lắm. Lúc ấy cô đang ở ngoài boong tàu. Cô đứng dậy, đi loanh quanh và không thể ngồi lại trên nắp thùng đựng áo phao mà không để lại dấu nước ướt trên váy. Thế là cô đứng đó, ngấm bọt nước tung lên khi tàu chạy, và cô chợt nghĩ trong một kiểu truyện nào đó - không phải kiểu truyện mà bây giờ người ta còn viết - chắc tác giả sẽ cho cô quăng mình xuống nước. Cô lúc này đầy tràn đầy hạnh phúc như được ban thưởng, điều mà cô tin chắc là mình sẽ không bao giờ có được nữa, từng tế bào trong cơ thể cô căng đầy lòng tự tin dịu ngọt. Một hành động lãng mạn mà từ góc độ bị ngăn cấm có thể được coi là cực kỳ lý trí.

Cô có bị cám dỗ không? Có lẽ cô sẽ cứ cho phép mình tưởng tượng ra là cô bị cám dỗ. Có lẽ không có một chút gì là buông thả, mặc dù trước đó buông thả đã thắng thế. Mãi đến sau khi Pierre qua đời cô mới nhớ thêm một chi tiết.

Asher chở cô đến vịnh Horseshoe, ra bến phà. Ông xuống xe và đi vòng về phía cô. Cô đứng đó, chờ nói lời chia tay. Cô bước về phía trước, định hôn

ông- hẳn là một việc làm tự nhiên, sau mấy tiếng đồng hồ vừa qua - và ông nói, “Không.”

“Không,” ông nói. “Anh không bao giờ làm thế.”

Tất nhiên sự thật không phải vậy, không phải là ông chưa bao giờ làm chuyện đó. Chưa bao giờ hôn giữa bàn dân thiên hạ, nơi ai cũng có thể thấy.

Ông vừa làm chiều hôm ấy đấy thôi, ở mũi Prospect.

Không.

Đơn giản thế thôi. Một lời nhắc nhở. Một lời từ chối. Để bảo vệ cô, ta có thể nói như vậy, và cũng là để bảo vệ chính bản thân ông. Kể cả khi trước đó ông đã không hề bận tâm đến chuyện này.

Anh không bao giờ làm thế hoàn toàn là một cái gì đó khác. Một thông điệp nhắc nhở kiểu khác. Một thông tin khiến cô không vui nổi, mặc dù rất có thể là nó nhằm mục đích ngăn cản cô đừng phạm sai lầm nghiêm trọng. Cứu cô thoát khỏi những hy vọng hão huyền và nỗi nhục nhã nếu phạm sai lầm đó.

Vậy thì họ đã tạm biệt nhau như thế nào? Họ bắt tay chẳng? Cô chẳng thể nào nhớ nổi.

Nhưng cô nhớ giọng ông, nhẹ nhàng nhưng trầm trọng, cô nhớ vẻ mặt cương quyết, chỉ hơi thoáng dịu dàng của ông, cô cảnh thấy ông hơi né ra khỏi tầm tay của cô. Cô không nghi ngờ gì rằng hồi ức này là không đúng sự thật. Cô chỉ không hiểu nổi là làm sao cô có thể đè nén nó lâu được đến như vậy, suốt cả thời gian qua.

Cô có linh cảm rằng nếu cô không làm được việc đó thì cuộc đời cô chắc đã khác.

Khác như thế nào

Có thể cô sẽ bỏ Pierre. Có thể cô sẽ không giữ được cân bằng. Cố ghép nối những gì ông nói tại bến phà với những gì đã được nói và được làm trước đó, trong cùng một ngày, nếu làm thế thì cô đã cảnh giác hơn và tò

mò hơn rồi. Sự kiêu hãnh và tính bướng bỉnh biết đâu đã đóng vai trò ở đây- cô muốn ông nuốt lại lời vừa nói, cô không chịu rút ra bài học cho riêng mình - nhưng đó sẽ không phải là tất cả. Biết đâu cô đã có một cuộc sống khác - nói vậy không có nghĩa là cô sẽ thích cái cuộc sống đó hơn. Có lẽ là vì tuổi tác (một khía cạnh mà cô luôn luôn quên tính đến) và vì cuộc sống khó thở hơn sau khi Pierre qua đời, nên cô mới có thể nghĩ về cái cuộc đời khác ấy chỉ như nghĩ về một đề tài nghiên cứu với cả các cạm bẫy và các thành tựu.

Có lẽ đằng nào thì ta cũng chẳng khám phá ra được gì nhiều. Có lẽ vẫn một điều đó cứ lặp đi lặp lại - có thể là một sự thật nào đó rõ ràng nhưng đáng lo về chính bản thân ta. Trong trường hợp của cô, sự thật ấy là tính thận trọng- hay ít ra là một kiểu kiểm chế tình cảm - đã luôn luôn là kim chỉ nam cho cô trong suốt thời gian đó.

Cái cộng tác tự vệ nho nhỏ ấy của ông, lời nhắc nhở vừa ân cần vừa chỉ tử ấy, cái thái độ cứng nhắc đã thành hơi nhàm với ông, như một kiểu cao ngạo lỗi mốt. Giờ thì mỗi ngày cô đều có thể nghĩ đến ông trong trạng thái phỉnh phờ, như thể ông đã từng là chồng cô.

Cô tự hỏi liệu ông có giữ mãi cái vai trò đó không, hay cô có một vai nào khác đang chờ ông, vẫn còn sử dụng ông thế nào đó trong tâm trí cô, trong những tháng ngày sắp tới.

Chi Queenie

Có lẽ tốt hơn là mày đừng gọi tao như thế nữa,” chị Queenie nói khi đón tôi ở ga Công Đoàn.

Tôi hỏi, “Đừng gọi thế nào cơ? Queenie á!”

“Anh Stan không thích cái tên đó,” chị nói. “Anh ấy bảo nghe cứ như tên đặt cho ngựa.”^[19]

Nghe chị gọi chồng là “anh Stan” khiến tôi còn ngạc nhiên hơn là khi chị bảo tên chị không phải là Queenie nữa, mà là Lena. Nhưng tôi cũng không trông đợi chị vẫn gọi chồng mình là ông Vorguilla sau khi đã cưới nhau được một năm rưỡi. Trong suốt quãng thời gian đó, tôi không gặp chị, và vừa mới đây thôi, khi thoáng thấy bóng chị, giữa nhóm người đang chờ đợi ở sân ga, tôi đã suýt không nhận ra.

Tóc chị nhuộm đen và uốn phồng lên ôm lấy khuôn mặt, chả hiểu theo kiểu mốt gì thời đó, nối tiếp một tóc tổ ong. Mái tóc xưa dài óng mượt, màu xi rô ngô đẹp tuyệt - vàng kim ở chân và đậm dần phía dưới - đã vĩnh viễn không còn nữa. Chị mặc cái váy in họa tiết màu vàng bó sát người, ngắn trên đầu gối vài phân. Viên mắt kẻ đậm kiểu nữ hoàng Cleopatra và lớp phấn mắt màu tím làm cho cặp mắt chị không to hơn mà thậm chí có vẻ như bé đi, như thể chúng đang cố tình lẩn trốn. Chị đã xỏ lỗ tai, lủng lỗ hai cái khuyên vàng to.

Tôi nhận ra là chị cũng hơi ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi. Tôi cố tỏ ra bạo dạn và dễ dãi. Tôi hỏi, “Chị mặc váy hay là quần diêm bầu vào mông thế?” Chị phá lên cười, thế là tôi nói tiếp, “Sao trên tàu lúc nào cũng nóng thế không biết. Em đổ mồ hôi như một con lợn đây này.”

Tôi có thể nghe được giọng nói của mình, giọng mũi vang và sôi nổi như giọng dì Bet, mẹ kế của tôi.

Đổ mồ hôi như một con lợn.

Ngồi trên xe điện đến chỗ chị Queenie, tôi không thể nào hãm được cái giọng điệu ngốc nghếch đó. Tôi nói, “Mình vẫn đang ở trung tâm thành phố à?” Những tòa nhà cao tầng nhanh chóng tuột lại sau lưng chúng tôi,

nhưng tôi không nghĩ người ta có thể gọi khu này là khu dân cư được. Cũng vẫn những loại cửa hàng và những tòa nhà y hệt nhau lặp đi lặp lại tiệm giặt sấy, cửa hàng hoa, hiệu tạp phẩm, nhà hàng. Những thùng đựng rau quả bày ra vỉa hè, những bảng hiệu treo trên cửa sổ tầng hai: nha sĩ, thợ may, vật liệu ống nước. Hầu như không một tòa nhà cao hơn hai tầng, hầu như không có đến một cái cây.

“Đây không phải là trung tâm chính,” chị Queenie trả lời. “Có nhớ tao chỉ cho mày chỗ Simpson không? Chỗ mình đón xe điện ấy? Chỗ đó mới thực sự là trung tâm.”

“Vậy mình sắp tới chưa?” tôi hỏi.

Chị bảo, “Ôi mình còn phải đi chán chê mới tận tới nơi.”

Rồi chị bảo, “ ‘Mới tới nơi’. Anh Stan cũng không thích tao nói ‘tận tới nơi’.”

Sự lặp đi lặp lại của cảnh vật, hoặc cũng có thể là cái nóng, làm tôi cảm thấy sốt ruột và hơi nôn nao. Chúng tôi giữ chiếc va li của tôi trên đầu gối. Cách ngón tay tôi chỉ vài phân là cái cổ béo núc và cái đầu hói của một gã đàn ông. Lừa thừa vài sợi tóc dài đen bết mồ hôi bóng vào da đầu. Không hiểu sao, tôi bỗng nhớ đến mấy cái răng giả của ông Vorguilla trong tủ thuốc, chị Queenie đã chỉ cho tôi xem khi chị còn làm việc cho gia đình nhà Vorguilla, lúc ấy là hàng xóm sát cạnh nhà tôi. Cái thời xa lắc xa lơ trước khi người ta có thể nghĩ đến chuyện gọi ông Vorguilla là anh Stan.

Hai cái răng gắn liền nhau đặt cạnh dao cạo râu, bàn chải quét xà phòng cạo râu và cái bát bằng gỗ đựng cục xà phòng cạo râu góm ghiếc bám đầy râu tóc.

“Cầu của ông ấy đấy,” chị Queenie bảo.

Cầu?

“Cầu răng.” “Kính!” tôi nói.

“Đây là cái sơ cua,” chị nói thêm. “Ông ấy đang đeo một cái khác”

“Kinh! Trông vàng khè nhỉ?”

Chị Queenie vội lấy tay bịt miệng tôi. Chị không muốn bà Vorguilla nghe thấy. Bà đang nằm ở dưới nhà, trên đi vắng trong phòng ăn. Bà ta thường nhắm mắt, nhưng chưa chắc đã là đang ngủ.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng xuống xe điện, rồi chúng tôi phải leo bộ lên một ngọn đồi dốc, cố gắng vụng về để cùng chia nhau trọng lượng cái va li. Nhà ở đây không hoàn toàn giống nhau, mặc dù thoát nhìn thì giống. Một vài nhà có mái trổ ra bên ngoài tường trông như mũ lưỡi trai, hoặc nếu không thì toàn bộ tầng hai trông như cái mái nhà, che phủ bằng những miếng ngói. Những miếng ngói này màu xanh lá cây đậm, màu hạt dẻ hoặc màu nâu. Thêm nhà đưa ra cách vỉa hè chỉ vài mét, và khoảng cách giữa hai nhà cạnh nhau hẹp đến nỗi tường như người ta có thể chìa tay qua cửa sổ hông nhà mà bắt tay thăm hỏi. Bọn trẻ con đang chơi ngoài vỉa hè nhưng chị Queenie coi chúng chẳng khác gì lũ chim đang tha thẩn nhặt nhạnh. Một gã đàn ông béo ị, cưỡi trần, đang ngồi trên bậc thềm trước nhà chăm chăm nhìn chúng tôi, cái nhìn chăm chú và ảm đạm đến nỗi tôi tin là lão ta đang muốn nói gì đó. Chị Queenie cứ thế điếu qua mặt lão.

Chị rẽ sau khi leo lên đồi được một đoạn, theo con đường mòn lát sỏi giữa mấy thùng thiếc đựng rác. Từ cửa sổ tầng trên, một người đàn bà gọi với xuống gì đó mà tôi không hiểu nổi. Chị Queenie đáp lại, “Nó là em gái cháu, nó đến chơi.”

“Bà chủ nhà đấy chị giải thích, “Nhà bà ấy ở đằng trước, trên lầu. Người Hy Lạp. Bà ấy chẳng nói tiếng anh không được mấy.”^[20]

Hóa ra chị Queenie, ông Vorguilla và mấy người Hy Lạp này dùng chung một phòng vệ sinh. Phải mang theo giấy vệ sinh - nếu quên thì sẽ chả có tí giấy nào trong đó. Tôi phải vào ngay, vì lúc ấy tôi đang đến tháng, ra rất nhiều và cần phải thay băng. Rất nhiều năm sau đó, cứ nhìn thấy những con đường thành phố như vậy trong những ngày nóng nực, nhìn thấy màu gạch nâu và màu ngói sơn đậm, hay nghe thấy tiếng tàu điện, là tôi lại nhớ

đến cái cảm giác quặn đau ở bụng dưới, nhớ đến những đợt kinh trào ra, cảm giác ngượng ngập khó chịu.

Căn hộ có một phòng ngủ cho chị Queenie và ông Vorguilla, một phòng ngủ khác được dùng làm phòng khách nhỏ, một căn bếp chật chội và một phòng đón nắng. Cái giường xếp nhỏ trong phòng đón nắng là chỗ ngủ cho tôi. Bên ngoài gần cửa sổ, ông chủ nhà và một người đàn ông khác đang chữa cái xe gắn máy. Mùi dầu xe, mùi kim loại, mùi máy móc pha trộn với mùi cà chua chín dưới ánh mặt trời nóng bỏng. Tiếng radio phát nhạc om sòm từ cửa sổ tầng trên.

“Anh Stan không thể nào chịu được cái thứ ấy,” chị nói.

“Cái radio đó?” Chị đóng kín màn cửa vải hoa lại, nhưng tiếng ồn và ánh mặt trời vẫn lọt vào. “Giá mà tao có đủ tiền để may lớp vải lót cho cái màn cửa này,” chị than thở.

Tôi cầm trong tay chiếc băng vệ sinh đầm máu kinh gói trong lớp giấy vệ sinh. Chị đưa cho tôi cái túi giấy và chỉ cho tôi thùng rác ngoài trời. “Mang tất ra,” chị nói. “Mang ngay ra. Mà sẽ không quên đấy chứ? Mà đừng có để anh ấy thấy cái hộp của mày; anh ấy rất ghét bị gọi nhớ về chuyện ấy.”

Tôi van cố lãnh đạm, ra về tự nhiên như đang ở nhà mình. “Em phải mua một cái váy đẹp và một chiếc váy của chị mới được,” tôi nói.

“Để tao may cho mày một cái,” chị Queenie nói, đầu cúi vào tủ lạnh. “Mày có muốn uống Coca không? Tao biết một chỗ bán vải vụn. Tao may cả cái váy này mà chỉ tốn khoảng ba đô la. Mà bây giờ mày mặc cỡ số mấy?” Tôi nhún vai. Tôi bảo tôi đang cố giảm cân.

“Hừm. Có thể mình sẽ kiếm được cái gì đó hay hay.”

“Ba sẽ cưới một dì về làm vợ, dì có một cô con gái nhỏ cũng cỡ tuổi như con đấy,” ba tôi thông báo. “Con bé đã không còn cha. Vậy nên ba muốn con hứa với ba một điều, bà con sẽ không bao giờ trêu chọc hay nói những lời độc ác với con bé về chuyện này. Như anh chị em trong một nhà, thế nào cũng có lúc tụi con gây gổ, bất đồng ý kiến với nhau, nhưng con cũng không

bao giờ được lời chuyện đó ra. Và nếu bọn trẻ con khác trêu chọc con bé về chuyện đó thì con không bao giờ được hòa theo chúng nó.”

Chỉ để cãi bướng, tôi bảo tôi không có mẹ nhưng đã có ai nói gì độc ác với tôi đâu.

Cha tôi trả lời, “Chuyện ấy khác.”

Cha tôi đã hoàn toàn sai lầm. Chúng tôi chẳng có gì gọi là đồng lứa, bởi vì khi cha tôi cưới dì Bet thì chị Queenie đã chín tuổi, còn tôi mới chỉ lên sáu. Dù sau này, khi tôi nhảy một lớp và chị Queenie bị đúp một lớp thì ở trường học, chúng tôi nhích lại gần nhau hơn. Và tôi chưa bao giờ thấy ai độc ác với chị Queenie. Chị là kiểu người mà ai cũng muốn kết bạn. Chị là người đầu tiên được chọn vào đội bóng chày mặc dù chị chẳng quan tâm gì đến môn thể thao này, và là người đầu tiên được chọn vào đội đánh vôn mặc dù chị đánh vôn cực kém. Hơn nữa, chúng tôi chả bao giờ cãi nhau. Không một lần nào. Chị rất tốt với tôi và tôi thì vô cùng ngưỡng mộ chị. Tôi thần tượng chị vì chị có mái tóc vàng kim đậm màu và đôi mắt sẫm trông như buồn ngủ - chỉ vì diện mạo và giọng cười của chị mà thôi. Giọng chị cười ngọt và thô ráp như đường nâu. Đáng ngạc nhiên là với bao nhiêu lợi thế như vậy mà chị vẫn rất thương người và tốt bụng.

Ngay sau khi tôi ngủ dậy, vào cái buổi sáng chị Queenie biến mất, một sáng chớm đông, tôi linh tính được ngay là chị đã đi mất.

Trời lúc ấy vẫn còn tối, quăng sáu, bảy giờ sáng. Căn nhà lạnh cóng. Tôi khoác lên người cái áo choàng tắm to thùng màu nâu, xộp như len mà chị Queenie và tôi vẫn dùng chung. Chúng tôi gọi nó là Buffalo Bill và thỏa thuận là ai ra khỏi giường trước thì được mặc nó. Nguồn gốc của cái áo này là cả một điều bí ẩn.

“Chắc là một người bạn của mẹ Bet tặng trước khi mẹ lấy dượng,” chị Queenie cho tôi biết. “Nhưng không được nói gì đâu đấy, mẹ sẽ giết tao.” Giường chị trống không, chị cũng không ở trong phòng tắm. Tôi xuống dưới nhà, không bật đèn vì không muốn đánh thức dì Bet. Tôi nhìn ra ngoài ô

kính nhỏ trần cửa ra vào. Vĩa hè rấn đanh, lối đi bên vệ đường, sân cỏ phẳng lì trước nhà, tất thảy đều lấp lánh ánh sương giá. Tuyết đến muộn. Tôi bật máy điều nhiệt trong hành lang lên, thế là chiếc lò sưởi chuyển mình trong bóng tối, phát ra tiếng gầm gừ đáng tin cậy. Chúng tôi vừa mua lò sưởi dầu và cha tôi nói ông vẫn còn thói quen bùng tỉnh mỗi sáng lúc năm giờ, nghĩ bụng đã đến giờ xuống tầng hầm đốt lửa sưởi.

Cha tôi ngủ trong một gian phòng nhỏ cạnh bếp, trước đây là kho thực phẩm. Ông có một cái giường sắt và một cái ghế tựa gãy lưng đặt chồng tạp chí National Geographics cũ mà ông thường đọc khi khó ngủ. Ông bật tắt đèn trần bằng một sợi dây cột vào khung giường. Toàn bộ sự sắp xếp này đối với tôi dường như hoàn toàn tự nhiên và phù hợp với một người đàn ông là người cha, là trụ cột của gia đình. Ông cần phải ngủ như một người lính gác, đắp tấm chăn vải thô, với cái mùi không bao giờ bỏ được của ông, mùi máy móc pha trộn với mùi thuốc lá. Đọc báo và thức hàng giờ, tỉnh táo ngay cả trong khi ngủ. Vậy mà cha đã không hề nghe thấy chị Queenie bỏ đi. Ông bảo chắc chị phải ở đâu đó trong nhà. “Con đã tìm trong phòng tắm chưa?”

Tôi đáp, “Chị ấy không có trong phòng tắm.”

“Hay là đang ở trong phòng với mẹ nó. Chắc dì con lại bị ma ám.”

Cha tôi gọi đó là ma ám, khi dì Bet tỉnh dậy - hoặc nửa tỉnh nửa mê - sau một cơn ác mộng. Dì thường mò mẫm ra khỏi phòng, miệng ú ớ không thể nào giải thích được cái gì đã làm dì hoảng sợ, và chị Queenie sẽ phải đưa dì quay lại giường. Chị sẽ nằm ôm cuộn lấy lưng dì, vỗ về an ủi bằng những âm thanh nghe như tiếng chó con tấp sữa, và sáng dậy, dì Bet sẽ chẳng còn nhớ gì nữa.

Tôi bật đèn phòng bếp.

“Con không muốn đánh thức dì Bet,” tôi nói.

Tôi nhìn cái khuôn bánh mì đáy đã gỉ sét, được lau chùi quá nhiều lần bằng khăn lau bát, nổi niêu trên mặt bếp đã được rửa sạch nhưng chưa cất đi, và tôi nhìn câu phương châm của công ty Fairholme Dairy: Chúa Trời là

tâm linh của mỗi nhà. Tất cả những thứ này đang ngu ngốc chờ đợi một ngày mới bắt đầu mà không hề biết là cái ngày này đã bị một thảm họa khoét rỗng. Cửa dẫn ra hàng hiên bên hông nhà không khóa.

“Có người vào nhà mình,” tôi hốt hoảng. “Có người vào nhà bắt cóc chị Queenie rồi.”

Cha tôi đi ra, xỏ quần dài bên ngoài quần lót dài. Dì Bet choàng áo sợi len xù, lật phệt đôi dép lê đi xuống cầu thang, vừa đi vừa bật sáng đèn trong nhà.

“Con Queenie không ngủ với em à cha tôi hỏi. Rồi ông quay qua tôi, “Cửa chắc chắn phải được mở khóa từ bên trong.”

Dì Bet hỏi, “Chuyện gì với con Queenie thế?”

“Chắc là nó chỉ muốn đi dạo thôi,” cha tôi trả lời.

Dì Bet phớt lờ câu nói của cha. Dì đang đắp mặt nạ, một thứ gì đó màu hồng đã khô. Dì làm đại lý bán mỹ phẩm, và dì không bao giờ bán cái gì mà không thử trước.

“Con qua nhà Vorguilla xem sao,” dì quay qua bảo tôi. “Chắc là chị con quên làm cái gì bên đó.”

Lúc đó đâu khoảng một tuần sau đám tang bà Vorguilla, nhưng chị Queenie vẫn tiếp tục làm việc bên nhà ấy, giúp xếp bát đĩa và chặn màn vào hộp để ông Vorguilla chuyển đến một căn hộ. Ông ấy bận chuẩn bị cho mấy buổi hòa nhạc mừng Giáng sinh ở trường nên không tự lo việc này được. Nhưng dì Bet lại muốn chị Vorguilla nghỉ làm để giúp việc ở một trong mấy cửa hàng của dì trong dịp lễ Giáng sinh.

Thay vì chạy lên lầu lấy giày, tôi xỏ chân vào đôi ủng cao su của cha để bên cạnh cửa ra vào. Tôi loạng choạng đi qua sân đến trước hiên nhà Vorguilla và bấm chuông. Đó là tiếng chuông nhạc, dường như thông báo cho khách đây là ngôi nhà của những người yêu âm nhạc. Tôi quấn chặt chiếc áo choàng Buffalo Bill quanh người và cầu khẩn. Chị Queenie, ôi chị Queenie, chị hãy bật đèn lên đi. Tôi quên mất là nếu chị đang làm việc

trong nhà thì nhà đã phải sáng đèn rồi.

Không có ai trả lời. Tôi đập thình thịch vào cánh cửa gỗ. Ông Vorguilla chắc là sẽ tức giận lắm nếu tôi đánh thức ông ấy dậy. Tôi áp tai vào cửa, lắng nghe tiếng động trong nhà.

“Ông Vorguilla. Ông Vorguilla. Cháu xin lỗi đã đánh thức ông, ông Vorguilla. Có ai ở trong nhà không?”

Cửa sổ nhà sát cạnh phía bên kia nhà Vorguilla được kéo lên. Đó là ông Hovey, một ông già độc thân sống ở đó với cô em gái.

“Mất mũi cháu để đâu rồi?” ông Hovey gọi xuống. “Cháu thử nhìn lối lái xe vào nhà xem.”

Xe của ông Vorguilla không có đó.

Ông Hovey đóng sập cửa sổ xuống.

Khi tôi mở cửa vào bếp nhà mình, tôi thấy cha và dì Bet đang ngồi bên bàn với hai tách trà trước mặt. Trong thoáng chốc, tôi có cảm giác trật tự đã được văn hồi. Đã có ai đó gọi điện, chắc thế, với tin tốt lành.

“Ông Vorguilla không có nhà tôi thông báo. “Xe ông ấy không có ở đó ạ.”

“Ồ, cha con và dì biết rồi,” dì Bet nói. “Chúng ta biết hết cả rồi.”

Cha tôi đẩy mảnh giấy qua bàn rồi nói, “Con xem đây này.” Tờ giấy ghi, Con sẽ cưới ông Vorguilla. Kính thư, Queenie.

“Chị con chặn nó ở dưới hũ đường,” cha tôi cho biết.

Dì Bet buông rơi cái thìa.

“Tôi muốn truy tố hẳn,” dì hét lên. “Tôi muốn tống cái con ấy vào trại cải tạo. Tôi muốn gọi cảnh sát.”

Cha tôi ôn tồn, “Con bé mười tám tuổi rồi, nó có thể lấy chồng nếu nó muốn. Cảnh sát sẽ không mang lô cốt ra để cản đường đâu.”

“Ai nói chúng nó đang trên đường? Chúng nó đang hú hí ở một cái nhà trọ nào đó. Cái con bé ngu ngốc với thằng cha Vorguilla mất lời đít thối ấy.”

“Nói như thế chẳng mang được con bé về đâu.”

“Tôi không muốn nó về. Trừ phi nó phải lạy lục. Nó làm thì nó ráng mà chịu với cái thằng cha mất lời của nó. Thằng chó ấy có chịch vào mồm con mất dạy thì tôi cũng chẳng quan tâm.”

Cha tôi ngắt lời dì, “Đủ rồi đấy.”

Chị Queenie đưa cho tôi mấy viên thuốc giảm đau 222 để uống cùng Coca.

“Một khi lấy chồng, chứng đau bụng kinh sẽ biến sạch, tuyệt lắm. Vậy là... dượng đã nói cho mày nghe chuyện của tụi tao, phải không?”

Khi tôi nói với cha là tôi muốn kiếm một công việc mùa hè trước khi vào học trường Cao đẳng Sư phạm vào mùa thu, cha đã khuyên có lẽ tôi nên đi Toronto tìm chị Queenie. Ông cho biết chị đã viết thư cho ông, hỏi thăm về công ty vận tải của ông và xin ông ít tiền để họ qua được mùa đông.

“Có lẽ tao sẽ chẳng bao giờ viết thư cho dượng,” chị Queenie phân trần, “nếu không vì năm ngoái anh Stan bị viêm phổi.”

Tôi nói, “Đấy là lần đầu tiên em biết chị ở đâu.” Chẳng hiểu vì sao tôi bỗng ứa nước mắt. Vì tôi cảm thấy quá đổi hạnh phúc khi biết tin chị, vì tôi đã quá đổi cô đơn trước khi tôi nghe tin, vì ngay lúc này tôi ước ao giá mà chị nói, “Tất nhiên, tao đã luôn luôn muốn liên lạc với mày,” nhưng chị không nói.

“Dì Bet không biết gì đâu,” tôi nói. “Dì nghĩ là em ở đây một mình.”

“Mong là thế,” chị Queenie trầm tĩnh nói. “Ý tao là, mong là mẹ không biết.”

Tôi có biết bao nhiêu điều muốn kể chị nghe, những chuyện ở nhà. Tôi cho chị biết là công ty vận tải trước đây có ba xe bây giờ đã có một tá, dì Bet đã mua một chiếc áo khoác lông chuột xạ hương và mở rộng công việc làm ăn, mở thẩm mỹ viện ngay tại nhà. Để phục vụ mục đích ấy, dì đã sửa sang căn phòng trước đây cha tôi ngủ, và cha đã phải chuyển cái giường sắt và chồng tạp chí National Geographics vào phòng làm việc - một cái khoang trú ẩn dã chiến của không quân mà ông đã kéo về sân đậu xe tải. Ngồi học

thi tốt nghiệp ở bàn ăn, tôi đã từng nghe dì Bet tán chuyện trước khi trát đầy kem dưỡng da lên khuôn mặt thô ráp của một khách hàng, “Vớ làn da nhạy cảm như thế này thì chị đừng bao giờ dùng đến khăn mặt.” Và đôi khi, với giọng điệu không kém phần sôi nổi, nhưng ít hy vọng hơn, dì nói, chị biết không, tôi đã từng biết một con quỷ ác, một con quỷ ác sống ngay cạnh nhà mà tôi chả hề nghi ngờ gì cả, vì thường người ta chả bao giờ nghi ngờ, đúng không? Lúc nào tôi cũng nghĩ tốt về người khác. Cho đến khi họ chơi đểu ngay vào mặt mình.”

Và khách hàng thường đồng tình, “Đúng đấy. Tôi cũng thế đấy.”

Hay là, “Người đời cứ nghĩ họ biết đau đớn là gì, nhưng họ thậm chí không biết đến một nửa cái cảm giác đau đớn ấy.”

Và sau khi tiễn khách ra cửa, dì Bet sẽ quay lại, rên rỉ và nói, “Trong tối mà sờ phải mặt bà ta thì không thể phân biệt được đấy là giấy nhám hay da mặt.”

Chị Queenie không có vẻ gì là muốn nghe những chuyện này. Mà đằng nào cũng chả có mấy thời gian. Chưa uống xong Coca thì chúng tôi đã nghe thấy tiếng bước chân bước nhanh và mạnh trên lối đi rải sỏi và ông Vorguilla bước vào bếp.

“Anh xem ai này,” chị Queenie kêu lên. Chị nhồm dậy, dường như muốn chạm tay vào ông nhưng ông đã đi né về phía bồn rửa.

Giọng chị đầy vẻ ngạc nhiên cười đùa khiến tôi nghi ngờ không biết ông ta có được kể trước về lá thư của tôi hay về chuyện tôi trên đường tới đây.

“Chrissy đây này,” chị nói.

“Anh thấy mà,” ông Vorguilla trả lời. “Chrissy, chắc cháu phải thích thời tiết nóng nực lắm nên mới đến Toronto vào mùa hè như thế này.” “Nó định đi tìm việc làm,” chị Queenie nói.

“Cháu có bằng cấp gì không?” ông Vorguilla hỏi. “Cháu có bằng cấp gì để tìm việc ở Toronto?”

Chị Queenie trả lời, “Nó có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học.”

“Vậ à, hy vọng như vậy là đủ,” ông Vorganilla nói. Ông rót một ly nước và uống một hơi cạn ly, lưng quay lại chúng tôi. Giống hệt như ông vẫn thường làm ở nhà cũ, cái nhà họ Vorganilla cạnh nhà tôi, khi bà Vorganilla, chị Queenie và tôi ngồi ở trong bếp. Ông Vorganilla về nhà sau một buổi tập dượt đâu đó, hay ông nghỉ giải lao trong lúc dạy đàn piano phòng khách. Nghe tiếng chân ông, bà Vorganilla sẽ nhìn chúng tôi mỉm cười ra hiệu. Tất cả chúng tôi cùng cúi xuống nhìn vào những mẫu chữ cái của trò xếp chữ, cho ông ấy cơ hội tự quyết định có bắt chuyện với chúng tôi hay không. Đôi khi ông không bắt chuyện. Tiếng mở cửa tủ ly, tiếng vịn vôi nước, tiếng đặt cái ly xuống bàn, tất cả như một chuỗi những tiếng nổ nhỏ. Như thế ông thách thức đố ai dám thở trong khi ông ở trong phòng.

Khi dạy nhạc ở trường, thái độ của ông cũng như vậy. Ông vào lớp với bước chân của một người không có đến một phút để phí phạm, ông chỉ gõ que một lần để báo hiệu đã đến lúc bắt đầu. Ông khệnh khạng đi lên đi xuống lối đi, tai vểnh lên, cặp mắt xanh ốc nhồi đầy cảnh giác, vẻ mặt căng thẳng như sắp sinh sự. Bất cứ lúc này ông cũng có thể dừng ở bàn của ta, lắng nghe ta hát, để xem ta đang giả vờ hát hay hát lạc điệu. Rồi ông từ từ cúi đầu xuống, mắt ông lồi ra như muốn chạm vào mắt ta, tay ông sẽ ra hiệu cho những giọng hát khác im lặng, khiến ta phải xấu hổ. Nghe đồn là ông cũng độc tài như vậy ở những dàn đồng ca và câu lạc bộ hát bè khác của ông. Vậy mà ông rất được mọi người ưa chuộng, nhất là các bà các cô. Họ đan cho ông đủ thứ vào dịp Giáng sinh. Tất, mũ che tai, găng tay để ông giữ ấm trên những chặng đường đi từ trường học này đến trường học khác, từ dàn đồng ca này đến dàn đồng ca khác.

Chị Queenie bắt đầu cai quản ngôi nhà khi bà Vorganilla bệnh nặng đến mức không thể lo nổi. Có lần chị moi từ ngăn kéo ra một món đồ gì đó được đan bằng len và gí vào mặt tôi. Có ai đó gửi đến tặng nhưng giấu tên.

Tôi không nhận biết được đó là món đồ gì.

“Đây là cái để sưởi ấm thằng cu tí đấy,” chị Queenie giải thích. “Bà Vorganilla bảo không được để ông ấy thấy, không thì ông ấy sẽ tức giận. Mà

không biết đó là cái gì à?”

Tôi trả lời, “Gớm quá!”

“Chỉ là trêu chòng thôi mà.”

Cả chị Queenie và ông Vorguilla đều phải đi làm vào buổi chiều tối. Ông Vorguilla chơi đàn piano ở nhà hàng. Ông mặc áo đuôi tôm. Còn chị Queenie thì bán vé ở một rạp chiếu bóng. Rạp chiếu bóng chỉ cách nhà vài dãy phố nên tôi cùng chị cuốc bộ đến đó. Khi nhìn thấy chị ngồi trong phòng bán vé, tôi hiểu ra là cách trang điểm, kiểu tóc nhuộm bông lên và đôi khuyên tai bự tổ chẳng thực ra trông cũng không lạ lắm. Chị Queenie trông giống mấy cô gái đi ngang qua đường hay mấy cô khách vào rạp xem phim với bạn trai. Và trông chị khá giống mấy cô gái trẻ trong áp phích quảng cáo treo khắp nơi xung quanh chị. Chị trông có vẻ như có mối liên hệ với thế giới đầy kịch tính, thế giới của những cuộc tình nóng bỏng và những mối nguy hiểm, những thứ đang diễn ra trên màn ảnh.

Trông chị - như cách cha hay nói - không phải là một người chịu nhún nhường bất cứ ai.

“Sao mà không đi chơi lang thang đâu đó một chút đi?” chị bảo tôi. Nhưng tôi cứ có cảm giác lờ lợ. Tôi không thể hình dung ra cảnh tượng mình ngồi ở quán cà phê, quảng cáo cho cả thế giới biết là tôi chả có việc gì làm và chả có chỗ nào để đi. Hay vào cửa hàng, thử những bộ áo váy mà tôi chẳng có hy vọng gì mua nổi. Thế là tôi lại leo lên cái ngọn đồi ấy, vẫy tay chào người đàn bà Hy Lạp đang gọi với ra từ cửa sổ tầng trên. Tôi mở cửa vào nhà bằng chìa khóa của chị Queenie.

Tôi ngồi trên chiếc giường xếp trong phòng đón nắng. Chẳng có chỗ nào để treo mớ quần áo tôi mang theo, và tôi nghĩ rằng nào thì có lẽ cũng chưa nên dỡ hành lý vội. Ông Vorguilla có lẽ không thích bất cứ một dấu hiệu gì chứng tỏ tôi sẽ trú lại đây.

Tôi tưởng là bề ngoài của ông Vorguilla cũng sẽ khác đi, như chị Queenie vậy. Nhưng ông chẳng hề thay đổi như cách mà chị đã đổi thay, theo cái

chiều hướng mà đối với tôi là sành điệu và có sức quyến rũ ngoại lai mạnh mẽ. Tóc ông trước đây màu muối tiêu nay đã hoàn toàn bạc, và vẻ mặt ông - trước đây lúc nào cũng như sẵn sàng bùng lên phần nộ trước khả năng xuất hiện một sự thiếu tôn trọng, một buổi trình diễn không đạt yêu cầu, hay chỉ là do một cái gì không nằm đúng chỗ trong nhà ông - giờ đây dường như đã trở thành nỗi bất bình muôn thuở, như thể một sự lảng mạ đang diễn ra, hay một hành động xấu xa nào đó xảy ra thường xuyên mà không bị trừng phạt, ngay trước mắt ông.

Tôi đứng dậy đi vòng quanh căn hộ. Người ta thường không thể nào quan sát kỹ được nơi người khác ở trong khi họ có mặt ở nhà.

Phòng bếp là gian phòng đẹp nhất, mặc dù hơi tối. Cây thường xuân leo vòng quanh cửa sổ trước bồn rửa, những cái thìa gỗ cắm vào cái ly vaj xinh đẹp không có tay cầm, như cách bà Vorguilla từng sắp xếp. Phòng khách có cây đàn piano, cũng là cây đàn đã từng đặt ở phòng khách trước đây. Một cái ghế bành, một kệ sách xây từ gạch và ván gỗ, một máy quay đĩa và vô số đĩa nhạc trên sàn nhà. Không có ti vi. Không có ghế bập bênh bằng gỗ óc chó hay màn cửa bằng thảm hoa. Thậm chí không có cả cái đèn sàn có phong cảnh Nhật Bản vẽ trên lớp giấy chụp đèn. Vậy mà tất cả những thứ này đã được chuyển đến Toronto trong một ngày tuyết rơi. Tôi đã về nhà vào giờ ăn trưa và nhìn thấy cái xe tải chở đồ. Dì Bet không thể nào rời mắt khỏi ô kính trên cửa ra vào. Cuối cùng, dì đã quên phéng mất cái nhân phẩm mà dì thường thích phô trương với người lạ, mở cửa và hét vào mặt những người chuyển đồ. “Chúng mày về Toronto, nói với cái thằng ấy là nếu nó về đây thì giờ hôn với tao.”

Những người chuyển đồ vui vẻ vẫy tay, cứ như thể họ đã quá quen với những cảnh thế này, và cũng có thể là họ quen thật. Di chuyển đồ đạc có lẽ đặt người ta vào tình thế phải chịu nhiều cơn thịnh nộ và la hét điên cuồng. Nhưng mà những thứ này biến đi đâu được nhỉ? Bán đi rồi chẳng. Chắc là bán hết thật rồi. Cha tôi nói có vẻ như ông Vorguilla đang khổ sở vì bị sa cơ trong ngạch nghề nghiệp của mình ở Toronto. Chị Queenie có nói

gì đó về chuyện “không trả nổi”. Chị sẽ không bao giờ viết thư cho cha tôi nếu họ không gặp khó khăn đến mức không trả nổi.

Chắc và họ đã bán hết đồ đạc trước khi viết cho cha tôi.

Trên giá sách tôi thấy quyển *Bách khoa toàn thư về âm nhạc*, sách tham khảo hoàn cầu về nhạc kịch, và Cuộc đời của những nhà soạn nhạc vĩ đại. Và cả cuốn sách to, mỏng có bìa rất đẹp – thơ tứ tuyệt của Omar Khayyám - cuốn sách mà bà Vorguilla thường để bên cạnh đi vắng của mình.

Có một cuốn sách khác có bìa trang trí tương tự nhưng tôi không nhớ chính xác nhan đề. Có gì đó trong nhan đề khiến tôi nghĩ là mình sẽ thích nó. Từ “khai hoa” hay “tỏa hương” thì phải. Tôi mở sách, và tôi nhớ khá rõ câu đầu tiên đọc được.

“Những cung tần trẻ trong harim cũng được hướng dẫn cách sử dụng tinh tế móng tay của mình.”

Tôi không chắc cung tần là gì, nhưng từ “harim” (tại sao lại không là “harem”^[21]?) đã mách nước cho tôi. Thế là tôi đọc tiếp, để xem họ được dạy làm gì với móng tay của họ. Tôi đọc miết, chắc phải cả tiếng đồng hồ, và rồi tôi để cuốn sách rớt xuống sàn nhà. Tôi cảm thấy vừa kích thích, vừa ghê tởm, vừa sùng sốt. Chẳng lẽ đây là thứ mà những người lớn đỉnh đạc quan tâm đến?

Ngay cả cách trang trí trên bìa sách cũng có vẻ gì hơi độc hại và hư hỏng, những dây leo xinh đẹp, cong cong xoắn xuýt. Tôi nhặt cuốn sách lên để trả về chỗ cũ nhưng cuốn sách rơi xuống, để lộ hàng chữ trên trang lót. Stan và Marigold Vorguilla. Nét chữ phụ nữ. Stan và Marigold.

Tôi nhớ đến vầng trán trắng cao và những lọn tóc muối tiêu nhỏ xoắn tít của bà Vorguilla. Đôi bông tai ngọc trai tròn và những chiếc áo cánh cổ thắt nơ. Bà cao hơn ông Vorguilla khá nhiều và người ta cho rằng đó là vì sao mà hai ông bà ít đi chơi cùng nhau. Nhưng thực tế là vì bà mệt đứt hơi. Bà mệt đứt hơi khi lên cầu thang, hay khi phơi quần áo trên dây. Và rồi cuối cùng, bà mệt đứt hơi cả khi ngồi chơi xếp chữ.

Lúc đầu, cha tôi không cho phép chúng tôi nhận tiền giúp bà đi chợ hay phơi quần áo - cha bảo chỉ là hàng xóm láng giềng giúp nhau.

Dì Bet thì cho rằng bà Vorguilla chỉ nằm ì ra đấy để xem người khác có đến phục vụ bà ấy miễn phí không.

Thế rồi ông Vorguilla qua nhà chúng tôi và thỏa thuận việc cho chị Queenie qua làm việc cho họ. Chị Queenie muốn làm lắm vì chị bị trượt một lớp ở trung học và chị không muốn phải đi học lại. Cuối cùng thì dì Bet cũng đồng ý, nhưng với điều kiện là chị Queenie sẽ không làm bất cứ việc gì liên quan đến chăm sóc bệnh nhân.

“Nếu lão ấy keo kiệt tới mức không chịu thuê y tá thì đấy không phải việc mà phải lo.”

Chị Queenie kể ông Vorguilla cho bà Vorguilla uống thuốc mỗi buổi sáng và tối nào cũng lau mình cho bà. Thậm chí ông còn giặt khăn trải giường của bà trong bồn tắm, cứ như thể là họ không có một thứ được gọi là máy giặt trong nhà vậy.

Tôi nhớ về những lần chúng tôi ngồi chơi xếp chữ trong phòng bếp, sau khi uống xong ly nước của mình, ông Vorguilla sẽ đến đặt tay lên vai bà Vorguilla, buông tiếng thở dài như thể ông vừa quay trở lại sau một hành trình dài và mệt mỏi.

Ông sẽ nói với bà, “Chào cưng.”

Bà sẽ cúi đầu hôn nhẹ lên tay ông.

Rồi bà sẽ nói, “Chào cưng.”

Và rồi ông sẽ nhìn chúng tôi, Queenie và tôi, như thể sự hiện diện của chúng tôi không hoàn toàn xúc phạm đến ông.

“Chào hai cháu.”

Sau đó chị Queenie và tôi sẽ cười rúc rích trên giường trong bóng tối.

“Ngủ ngon, cưng nhé.”

“Ngủ ngon, cưng nhé.”

Ôi, giá mà chúng tôi có thể quay ngược thời gian.

Ngoài việc vào phòng vệ sinh buổi sáng và lên ra ngoài để vứt băng vệ sinh vào thùng rác, tôi không đi đâu mà chỉ ngồi trên cái giường xếp đã gấp gọn chần gối trong phòng đón nắng cho đến khi ông Vorguilla ra khỏi nhà. Tôi cứ sợ là ông không phải đi đâu cả, nhưng có vẻ như ông vẫn có nơi để đi. Ngay khi ông vừa đi, chị Queenie gọi tôi vào. Chị bày ra quả cam đã lột vỏ, ngũ cốc ngô điểm tâm và cà phê.

“Báo đây,” chị nói. “Tao đang xem mục Cần Người. Nhưng mà trước hết, tao muốn sửa lại tóc của mày cái đã. Tao sẽ cắt bớt đằng sau và cuộn lô cho quăn. Mày thấy được không?”

Tôi bảo được. Thậm chí trong lúc tôi đang ăn, chị Queenie vẫn đi vòng quanh tôi, nhìn ngắm để nghĩ cách sửa soạn cho tôi. Rồi chị đặt tôi ngồi lên cái ghế đầu - tôi vẫn còn đang uống cà phê - còn chị thì bắt đầu chải và cắt xén.

“Mình tìm việc gì bây giờ?” chị hỏi. “Tao thấy có một việc ở tiệm giặt ủi. Làm ở quây. Mày thấy thế nào?”

Tôi trả lời, “Cũng được.”

“Mày vẫn muốn học làm cô giáo chứ hả?”

Tôi bảo tôi không biết. Không hiểu sao tôi nghĩ chị sẽ cho đây là công việc buồn tẻ.

“Tao nghĩ là mày nên làm. Mày đủ thông minh mà. Giáo viên được trả lương cao hơn. Cao hơn những người như tao. Mày sẽ ít bị phụ thuộc hơn.”

Rồi chị bảo, nhưng không sao, làm việc ở rạp chiếu bóng cũng tốt. Chị kể chị kiếm được việc này tầm một tháng trước Giáng sinh năm ngoái, lúc ấy chị rất vui vì cuối cùng cũng có tiền của riêng mình và có thể mua tất cả nguyên liệu để làm bánh Giáng sinh. Chị kết bạn với một ông bán cây thông giáng sinh trong thùng sau xe tải. Ông ta cho chị mua một cây với giá chỉ năm mươi xu và chị đã tự kéo cái cây ấy lên đồi. Chị chẳng những đài hoa giấy nhãn màu xanh đỏ, loại rẻ tiền. Chị tự làm một số đồ trang trí cây

thông từ giấy thiếc bạc bóc ra từ bì các tông và mua thêm vài thứ ở hiệu thuốc vào trước ngày lễ Giáng sinh để được đại hạ giá. Chị làm bánh quy và treo lên cây như chị đã thấy trong một tạp chí. Đây là một phong tục ở Châu Âu.

Chị muốn mở tiệc nhưng không biết mời ai. Chị chỉ quen mấy người Hy Lạp, và anh Stan có một vài người bạn. Thế rồi chị nảy ra ý định mời học trò của anh ấy.

Tôi vẫn không thể nào làm quen được với cách chị gọi “anh Stan”. Nó không chỉ là lời nhắc nhở đến mối quan hệ thân mật riêng tư giữa chị và ông Vorguilla. Dù tất nhiên đúng là thế thật. Cách gọi này còn cho tôi cái cảm giác như chị đã nặn ra một anh Stan từ hai bàn tay trắng. Một người mới hoàn toàn. Anh Stan. Như thể xưa nay chưa từng có một ông Vorguilla mà chúng tôi đã cùng quen biết - đó là chưa kể đến bà Vorguilla.

Học trò của anh Stan bây giờ đều là người lớn - quả thực anh ấy thích dạy người lớn hơn bọn học sinh trẻ con - thế nên họ không phải lo đến chuyện nghĩ ra mấy trò chơi mua vui cho con trẻ. Buổi tiệc được tổ chức vào tối Chủ nhật, vì tất cả những buổi tối khác anh Stan phải làm việc ở nhà hàng và chị Queenie phải làm việc ở rạp chiếu bóng.

Mấy người Hy Lạp mang theo rượu họ tự ngâm, vài học trò mang theo sữa trứng, rượu rum và rượu vang sherry. Có người mang theo đĩa nhạc nhảy. Họ nghĩ anh Stan không có loại nhạc này, và họ đã không nhầm.

Chị Queenie làm bánh xúc xích và bánh gừng, còn bà người Hy Lạp mang theo bánh bích quy làm theo kiểu của họ. Tất cả mọi việc đều trôi chảy. Buổi tiệc đã thành công. Chị Queenie nhảy với anh chàng người Tàu tên Andrew, anh ta mang tới cái đĩa nhạc rất vừa ý chị.

“Xoay, xoay, xoay,” chị nói, và tôi quay đầu như chị bảo. Chị phá lên cười,

“Không, không phải, tao không bảo mày quay đầu. Cái đĩa nhạc ấy. Cái bài hát ấy. Đó là bài hát của ban nhạc Byrds.”

“Xoay, xoay, xoay,” chị hát. “Vạn vật đều có một mùa...”

Andrew là sinh viên nha khoa. Nhưng anh ta lại muốn học chơi bản sonata “Ánh trăng”. Anh Stan bảo sẽ phải rất lâu mới học nổi. Nhưng Andrew là một người kiên nhẫn. Anh ta nói với chị Queenie là anh ta không có tiền để về Bắc Ontario thăm nhà vào dịp Giáng sinh.

“Em tưởng anh ta đến đây từ Trung Quốc,” tôi ngạc nhiên.

“Không, không phải Tàu Trung Quốc. Tàu ở đây.”

Nhưng rồi cũng có một trò chơi trẻ con. Đó là trò ghế nhạc. Mọi người lúc đó ai cũng rất vui vẻ, huyên náo. Thậm chí cả anh Stan. Anh kéo chị Queenie vào lòng khi chị chạy ngang và không chịu buông chị ra. Khi mọi người đã ra về hết, anh không chịu để chị thu dọn. Anh chỉ muốn chị lên giường.

“Đàn ông là thế đấy,” chị Queenie bảo. “Mày đã có bồ chưa?”

Tôi nói không. Có một người mới đây ba tôi mượn làm tài xế hay đến nhà tôi đưa tin nhắn này nọ, cha tôi bảo, “Nó chỉ kiếm cớ để nói chuyện với con Chrissy.” Tuy nhiên, tôi tỏ ra lạnh nhạt nên cho đến bây giờ anh ta vẫn chưa dám mời tôi đi chơi.

“Vậy là mày chưa thực sự biết gì về chuyện này chị Queenie kết luận.

Tôi cãi, “Tất nhiên em biết chứ.” “Hừm hừm,” chị ậm ừ.

Khách ăn hầu hết mọi thứ ở buổi tiệc, trừ món bánh ngọt. Không mấy ai ăn món này nhưng chị Queenie chẳng tự ái. Bánh rất béo, và đến khi bày ra món bánh này thì mọi người đã no căng món xúc xích và những món khác. Vả lại, đằng nào cũng không có đủ thời gian để bánh chín như sách hướng dẫn nên làm, thế nên chị Queenie đã rất mừng là còn dư bánh. Chị định, trước khi anh Stan kéo chị vào giường, chị sẽ gói bánh trong khăn tắm rượu và để vào chỗ mát. Chị định sẽ làm thế, hoặc cũng có thể chị đã làm thật. Buổi sáng ngủ dậy, khi không thấy cái bánh trên bàn, chị nghĩ chị đã cất nó đi. Chị nghĩ, tốt, mình cất cái bánh đi rồi.

Tầm một ngày sau anh Stan bảo, “Cái bánh đâu lấy ra ăn một miếng đi.” Chị bảo, thôi để bánh chín thêm, nhưng anh vẫn đòi ăn. Chị tìm trong tủ

bếp, rồi tủ lạnh, nhưng cái bánh không có đó. Chị tìm khắp nơi nhưng không thấy cái bánh đâu cả. Chị nhớ mình nhìn thấy cái bánh trên bàn. Thế rồi chị dần dần nhớ ra cảnh chị lấy khăn sạch, nhúng vào rượu và cẩn thận gói cái bánh. Rồi chị lấy giấy sáp gói ra ngoài cái khăn. Nhưng mà chị làm những việc ấy lúc nào nhỉ? Chị thực đã làm tất cả những việc ấy hay chị chỉ mơ thôi. Chị đã cất cái bánh ở đâu sau khi gói ghém xong? Chị cố gắng nhớ đến đoạn cất cái bánh đi nhưng hoàn toàn không nhớ nổi.

Chị tìm khắp nơi trong tủ bếp, nhưng chị biết là cái bánh lắt lốn nên không thể giấu trong đó được. Chị tìm trong lò nướng và thậm chí cả ở những chỗ điên khùng nhất như ngăn kéo bàn phấn, dưới gầm giường và trên kệ tủ kho. Không thấy đâu cả.

“Nếu em nhớ đã cất nó đi thì nó nhất định phải ở đâu đó,” anh Stan khẳng định.

“Em có mà. Em cất đâu đó,” chị Queenie nói.

“Hay là em say rồi vứt nó đi rồi,” anh giả dụ. Chị cãi, “Em không có say. Em không có vứt nó đi.” Nói vậy nhưng chị cũng ra thùng rác tìm. Không có.

Anh ngồi bên bàn, quan sát chị. Nếu em đã cất nó đi thì nó nhất định phải ở đâu đó. Chị bắt đầu phát cuồng.

“Em có chắc không đó?” anh Stan nghi ngờ. “Em có chắc là em không cho ai rồi chứ?”

Chị chắc chắn. Chị chắc chắn không cho ai cả. Chị gói để cất. Chị chắc chắn, chị gần như chắc chắn là chị gói để cất. Chị chắc chắn chị không cho ai cả.

“Ồ, chưa chắc,” anh Stan phán. “Anh nghĩ em cho đi rồi. Anh biết cả chuyện em cho ai nữa kìa.”

“Chị Queenie sống người. Cho ai?”

“Anh nghĩ em cho Andrew.” Cho Andrew?

“Ừ, đúng thế đấy. Tội nghiệp Andrew, thằng bé than với cô ấy là nó không có tiền về thăm nhà vào dịp Giáng sinh. Thế là cô ấy tội nghiệp thằng bé quá. “Và thế là em cho nó cái bánh.”

Không đúng, chị Queenie phủ nhận. Tại sao chị lại làm thế cơ chứ? Chị không thể nào làm cái chuyện đó. Chị không bao giờ nghĩ đến chuyện cho Andrew cái bánh.

Anh Stan nói, “Lena. Đừng có nói dối nữa.”

Thế là bắt đầu cuộc vật lộn triền miên và khốn khổ của chị Queenie. Chị chỉ có thể nói là không. Không, không, em không cho ai cái bánh cả. Em không cho Andrew cái bánh. Em không nói dối. Không. Không.

“Chắc là em đã say,” anh Stan nói. “Em đã say và bây giờ em không nhớ rõ mọi chuyện.”

Chị Queenie bảo chị không say.

“Anh mới chính là người đã say,” chị cãi.

Anh đứng dậy, giơ tay sẵn tới chị, nói là đừng có nói anh say, đừng bao giờ nói anh say.

Chị Queenie thét lên, “Em sẽ không nói. Em sẽ không nói. Em xin lỗi.” Anh không đánh chị. Nhưng chị bắt đầu nức nở. Chị cứ khóc hoài trong lúc cố gắng thuyết phục anh. Tại sao chị lại cho đi cái bánh mà chị đã phải khó nhọc bao nhiêu công sức để làm? Tại sao anh lại không tin chị? Tại sao chị lại phải nói dối anh cơ chứ?

“Ai mà chẳng nói dối,” anh Stan nói. Chị càng khóc, càng năn nỉ thì anh lại càng lạnh lùng và mĩa mai.

“Cứ thử logic một chút xem. Nếu mà cái bánh ở đây thì đứng dậy đi tìm đi. Nếu nó không ở đây thì cô đã cho rồi còn đâu.”

Chị Queenie bảo đấy không phải là logic. Nếu chị không tìm thấy thì không có nghĩa là chị đã cho nó đi. Rồi anh đến gần chị lần nữa, bình tĩnh và hơi mỉm cười, trong khoảnh khắc, chị nghĩ anh sẽ hôn chị. Nhưng anh

đã đưa tay lên bóp cổ chị, chỉ trông giây lát, cắt đứt hơi thở của chị. Anh thậm chí không để lại dấu vết nào.

“Sao,” anh nói. “Sao... cô lại còn đòi dạy tôi về logic hả?”

Rồi anh đi thay quần áo để đi làm, đi chơi đàn ở nhà hàng.

Anh không chịu nói chuyện với chị. Anh viết cho chị mẫu giấy, bảo anh sẽ không bao giờ nói chuyện với chị nếu chị không chịu nói sự thật. Chị khóc suốt cả lễ Giáng sinh. Lẽ ra chị và anh Stan phải qua thăm gia đình chủ nhà người Hy Lạp vào ngày Giáng sinh nhưng chị không đi được vì mặt mũi sưng húp. Anh Stan phải đi một mình và nói là chị bị ốm. Gia đình Hy Lạp chắc là đằng nào cũng đã biết sự thật. Qua vách tường, có lẽ họ đã nghe thấy hết tất cả những khóc lóc, la ó.

Chị nhồi cả tấn phấn son lên mặt và đi làm, ông quản lý bảo, “Sao, cô định ám chỉ với khách hàng đây và một câu chuyện đầy nước mắt đấy hả?” Chị bảo chị bị viêm xoang và ông cho chị về.

Đêm đó khi anh Stan về nhà và giả tảng như chị không có trên đời này, chị quay qua nhìn anh. Chị biết là anh sẽ lên giường, sẽ nằm cạnh chị, cứng đờ như một khúc gỗ và nếu chị nằm sát và thì anh sẽ tiếp tục cứng đờ như khúc gỗ cho đến khi chị nằm tránh ra. Chị hiểu ra và anh sẽ tiếp tục sống như vậy và chị không thể nào sống như vậy. Chị nghĩ là nếu phải tiếp tục sống như thế này thì chị sẽ chết mất. Giống như anh đã bóp nghẹt lấy chị, chị sẽ không thở được, chị sẽ chết.

Vì vậy chị nói, Tha lỗi cho em.

Tha lỗi cho em. Em đã làm như anh nói. Em xin lỗi.

Em xin anh. Em xin anh. Tha lỗi cho em.

Anh ngồi dậy trên giường. Không nói gì.

Chị bảo chị thực đã quên mất chuyện cho bánh và bây giờ chị nhớ ra là chị đã làm chuyện đó và chị xin lỗi.

“Em không nói dối,” chị nói. “Em quên.”

“Cô quên là cô đã đưa cái bánh cho Andrew?” anh nói.

“Chắc là thế. Em quên.”

“Cho Andrew. Cô đã cho Andrew.”

Vâng, chị Queenie nói. Đúng, đúng, chị đã cho. Rồi chị gào lên khóc, nín lấy anh, van xin anh tha lỗi cho chị.

Thôi được rồi, đừng có quá kích động nữa, anh nói. Anh không nói anh tha lỗi cho chị, nhưng anh lấy cái khăn ẩm, lau mặt cho chị, nằm xuống ôm ấp chị, và rồi chẳng mấy chốc, anh muốn làm tất tậ những thứ khác.

“Không dạy thêm buổi nhạc nào cho ngài Sonata Ánh Trăng nữa nhé.” Thế rồi, tác hại hơn nữa là sau đó chị tìm ra cái bánh.

Chị tìm thấy nó, gói trong cái khăn và gói trong giấy sáp đúng như chị nhớ. Và bỏ vào trong túi đi chợ rồi treo lên cái móc trong phòng đón nắng. Tất nhiên rồi. Phòng đón nắng là chỗ lý tưởng vì quá lạnh nên không dùng được vào mùa đông, nhưng không lạnh đến mức đông cứng. Chắc là chị nghĩ như vậy khi treo cái bánh ở đó. Đây là chỗ lý tưởng. Nhưng rồi chị quên mất. Chị hơi say - chắc là chị hơi say. Chị quên tiết. Và cái bánh ở ngay đó.

Chị tìm thấy và chị vứt tuốt. Chị không bao giờ nói với anh Stan.

“Tao liệng nó đi,” chị tiếp tục kể. “Mặc dù nó vẫn còn ngon lành với bao nhiêu trái cây và đủ thứ mắc tiền trong đó, nhưng tao không đời nào muốn khơi lại chuyện đó nữa. Nên tao liệng phéng nó đi.”

Giọng của chị, nghe thống khổ biết chừng nào ở những đoạn buồn bã của câu chuyện, giờ đây có vẻ ranh mãnh và đầy tiếng cười, như thể nãy giờ chị đang kể một truyện cười, và chuyện vứt cái bánh đi như là đỉnh điểm hài hước của câu chuyện.

Tôi phải kéo đầu mình ra khỏi tay chị, quay lại nhìn chị.

Tôi nói, “Nhưng ông ấy sai mà.”

“Ừ thì tất nhiên là anh ấy sai. Đàn ông không bình thường, Chrissy. Đó

là một điều mà mày sẽ học được nếu một ngày nào đó mày lấy chồng.”

“Vậy thì em sẽ không bao giờ. Em sẽ không bao giờ lấy chồng.”

“Anh ấy chỉ ghen thôi mà,” chị giải thích. “Anh ấy chỉ ghen tuông quá thôi.”

“Em sẽ không bao giờ lấy chồng.”

“Biết nói thế nào nhỉ, mày với tao rất khác nhau, Chrissy. Rất khác nhau.” Chị thở dài. Chị bảo, “Tao là người sinh ra để yêu.” Tôi nghĩ người ta chỉ đọc được những từ này trên áp phích quảng cáo phim. “Sinh ra để yêu.” Cũng có thể câu này có trên một trong những áp phích quảng cáo phim ở rạp chỗ chị Queenie làm việc.

“Đợi tao gỡ mấy cái lô uốn tóc này ra, mày sẽ thấy mày xinh như thế nào,” chị bảo. “Rồi chẳng bao lâu nữa mày sẽ không nói là mày không có bạn trai. Nhưng hôm nay thì muộn rồi. Mai đi sớm nhé! Nếu anh Stan hỏi gì, mày cứ bảo mày có đi vài chỗ, người ta lấy số điện thoại của mày. Cứ nói cửa hàng, nhà hàng hay cái gì đó, miễn là anh ấy nghĩ mày đang đi tìm việc là được.”

*

* *

Tôi được thuê ngay ngày hôm sau, ngay chỗ đầu tiên tôi thử, dù tôi không đi sớm được như dự định. Chị Queenie đã quyết định làm thử kiểu tóc khác cho tôi và trang điểm mắt, nhưng kết quả không như chị mong đợi. “Mày đúng là loại người nên để tự nhiên,” chị bảo, và tôi xóa hết son phấn của chị, bôi cây son của mình, màu đỏ bình thường, không lóng lánh nhợt nhạt như của chị.

Đến lúc này thì đã quá muộn, chị Queenie không thể đi cùng tôi đến kiểm tra hộp thư của chị. Chị phải chuẩn bị đi làm. Hôm ấy là thứ Bảy nên chị phải làm cả buổi chiều và buổi tối. Chị lấy chìa khóa ra và nhờ tôi đi kiểm tra thư cho chị. Chị giải thích cho tôi chỗ để hộp thư.

“Tao phải có hộp thư riêng khi tao viết cho dượng,” chị phân bua.

Công việc tôi tìm được là hiệu thuốc dưới tầng hầm một khu căn hộ. Tôi được thuê phục vụ quây bán đồ ăn trưa. Lúc mới bước vào tôi nghĩ mình sẽ chẳng có hy vọng gì. Tóc tôi xõa xụi vì trời nóng và mồ hôi lấm tấm phía trên miệng như một lớp rìa mép bằng nước. Ít ra tôi đã đỡ đau bụng hơn.

Một bà mặc đồng phục trắng đang uống cà phê ở quây.

“Cô đến tìm việc à?” bà ta hỏi.

Tôi trả lời vâng. Bà ta có khuôn mặt thô, vuông vức, chân mày kẻ chì, và bộ tóc màu tím tím búi lên như cái tổ ong.

“Cô nói tiếng anh chứ?”

“Dạ có.”

“Ý tôi là không phải cô vừa mới học nói tiếng Anh đấy chứ? Cô có phải là người nước ngoài không?” Tôi bảo không.

“Hai ngày vừa rồi tôi đã thử hai cô và phải cho nghỉ cả hai. Một cô làm bộ như biết tiếng Anh nhưng không nói được gì, còn cô kia thì việc gì tôi cũng phải nói đi nói lại cả chục lần. Ra bồn đằng kia rửa tay thật kỹ, tôi sẽ lấy cho cô cái tạp dề. Chồng tôi là dược sĩ, còn tôi tính tiền. (Lúc này tôi mới nhận ra người đàn ông tóc muối tiêu đằng sau cái quây cao trong góc, đang nhìn tôi nhưng lại giả vờ như không nhìn.) “Bây giờ vắng khách, nhưng chút nữa sẽ đông. Khách toàn và người già trong khu, sau giấc ngủ trưa họ thường xuống đây kiếm cà phê.”

Tôi buộc dây tạp dề và đến đứng sau quây. Được thuê làm việc ở Toronto hẳn hơi nhè. Tôi cố gắng tự mình tìm xem mọi thứ ở đâu mà không phải hỏi và tôi chỉ hỏi đúng hai câu - dùng máy pha cà phê như thế nào và tính tiền la sao. “Cô ghi vào hóa đơn rồi khách mang hóa đơn đến cho tôi. Vậy được chứ?”

Mọi việc cũng trôi chảy. Khách đến một hai người một, thường là mua cà phê hoặc Coca. Tôi lau rửa ly tách, giữ quây sạch sẽ, và hình như tôi làm hóa đơn đúng nên không có ai khiếu nại. Đúng như bà kia nói, khách hầu hết là người già. Có mấy người khách nói chuyện rất tử tế, nhận ra tôi là

người làm mới và thậm chí hỏi thăm tôi từ đâu tới. Mấy người khác thì trông như thể đang ở trong tình trạng hôn mê. Một bà muốn bánh mì nướng và tôi cũng loay hoay làm xong cho bà. Rồi tôi làm một cái sandwich kẹp giăm bông. Tôi hơi bối rối một chút khi có bốn khách đến cùng một lúc. Một ông muốn bánh nướng và kem, tôi thấy kem cứng như xi măng mãi không múc ra được. Nhưng rồi tôi cũng làm được. Tôi tự tin hơn. Tôi nói với họ, “Xin mời” khi đặt đồ ăn thức uống xuống bàn, và đùa tếu, “Còn đây là thiệt hại” khi đưa cho họ hóa đơn.

Khi không có khách, bà chủ từ quầy tính tiền đi ra chỗ tôi.

“Tôi thấy cô nướng bánh mì cho khách,” bà ta nói. “Cô có biết đọc không đấy?”

Bà ta chỉ tấm bảng dán trên chiếc gương đằng sau quầy.

KHÔNG BÁN ĐỒ ĂN SÁNG SAU MƯỜI MỘT GIỜ TRƯA.

Tôi bảo tôi cứ tưởng nếu bán sandwich nướng được thì tức là có thể bán bánh mì nướng được.

“Cô tưởng sai rồi. Sandwich nướng thì được, nhưng phải trả thêm mười xu. Còn bánh mì nướng thì không. Rõ chưa?”

Tôi bảo vâng. Lúc đầu tôi còn chưa thấy buồn lắm, dù như bình thường thì chắc tôi đã rất chán nản. Trong suốt lúc làm việc, tôi cứ nghĩ thật nhẹ cả người khi về báo với ông Voriguilla rằng vâng, tôi đã kiếm được việc. Bây giờ thì tôi có thể đi tìm thuê một phòng để sống. Có thể ngay ngày mai, Chủ nhật, nếu hiệu thuốc đóng cửa. Thậm chí nếu tôi có phòng riêng, tôi nghĩ, thì chị Queenie sẽ có chỗ trốn đi nếu ông Voriguilla lại nổi điên với chị. Và nếu có bao giờ chị Queenie quyết định bỏ ông Voriguilla (bất kể cái cách chị Queenie kết thúc câu chuyện, tôi vẫn cứ dai dẳng nghĩ về khả năng chị sẽ bỏ đi), với số tiền nhận được từ cả hai việc làm, biết đâu chúng tôi có thể thuê được một căn hộ nho nhỏ. Hoặc ít ra là một phòng có bếp và buồng tắm riêng. Sẽ giống như khi chúng tôi ở nhà với cha mẹ, chỉ khác là sẽ không có cha mẹ chúng tôi ở đó. Tôi bày thêm mấy lá xà lách rách tươm và

một quả dưa chuột bao tử muối thì là bên cạnh mỗi miếng sandwich. Vì một tấm bảng khác dán trên gương hứa như vậy. Nhưng khi lấy quả dưa chuột ra từ cái hũ, tôi nghĩ như vậy là quá nhiều, nên tôi cắt ra làm đôi. Tôi vừa bung ra cho một ông khách miếng sandwich như thế thì bà chủ từ quầy thu tiền ra rót cho mình tách cà phê. Bà ta mang tách cà phê trở lại quầy thu tiền, vừa đứng vừa uống. Khi ông khách ăn xong miếng bánh, trả tiền và đi ra, bà ta lại ra chỗ tôi.

“Cô cho ông ta một nửa quả dưa chuột muối. Cô làm như thế cho tất cả những ai mua sandwich à?”

Tôi bảo đúng thế.

“Thế cô không biết thái dưa chuột à? Một quả dưa chuột muối đủ cho ít nhất mười suất sandwich.”

Tôi nhìn lên tấm bảng. “Nhưng cái bảng này có nói một lát dưa chuột muối đâu. Nó ghi là một quả dưa chuột muối mà.”

“Đủ rồi,” bà ta nói. “Cởi cái tạp dề ra ngay. Tôi không đòi nào cho phép nhân viên cãi lại mình. Cô đi lấy túi xách và ra khỏi đây ngay. Và đừng có mà đòi trả tiền vì cô chưa làm được cái gì lợi lộc cho tôi cả, vả lại đây chỉ là tập sự thôi?”

Người đàn ông tóc muối tiêu len lén nhìn ra, nụ cười lo lắng.

Thế là tôi lại thấy mình lang thang ngoài đường, đi bộ đến bến xe điện. Nhưng bây giờ thì tôi đã biết vài con đường và biết cách chuyển xe. Tôi thậm chí đã được thử việc. Tôi có thể nói là tôi đã làm việc ở quầy bán đồ ăn trưa. Nhưng nếu có ai đòi thư giới thiệu thì khá gay go đây - nhưng tôi có thể nói là tôi làm ở quê nhà. Trong khi chờ xe, tôi lấy ra danh sách những nơi định xin việc khác và bản đồ chị Queenie đưa cho tôi. Nhưng lúc ấy đã muộn hơn tôi tưởng và nhiều chỗ có vẻ quá xa. Tôi hoảng sợ khi nghĩ đến chuyện phải nói cho ông Vorguilla biết sự thật. Tôi quyết định đi bộ về, hy vọng là khi về đến nhà thì ông ta đã đi làm.

Khi vừa rẽ vào để lên đôi thì tôi chợt nhớ đến hộp thư ở bưu điện. Tôi

vòng trở lại bưu điện, lấy lá thư ra từ hộp thư và đi bộ về nhà. Chắc giờ này ông ta đã đi rồi.

Nhưng hóa ra ông ta chưa đi. Khi tôi đi ngang qua cửa sổ phòng khách trông ra con đường mòn bên cạnh nhà, tôi nghe thấy tiếng nhạc. Đây không phải là nhạc chị Queenie nghe. Đó là kiểu nhạc phức tạp mà đôi khi chúng tôi nghe được qua cửa sổ để ngỏ từ nhà Vorguilla - loại nhạc đòi hỏi sự chú ý của người nghe nhưng rồi chẳng đi đến đâu cả, hay ít ra là nghe mãi cũng chả thấy đi đến đâu. Nhạc cổ điển.

Chị Queenie đang ở trong bếp, mặc một cái váy bó sát người khác, và trang điểm kỹ càng. Chị đeo vàng đầy hai cánh tay. Chị đang chuẩn bị khay trà. Tôi hơi chóng mặt vì vừa ở ngoài trời nắng về, và không một mẫu da nào là không ướt đầm mồ hôi.

“Suýt,” chị Queenie ra hiệu, vì tôi vừa đóng sập cửa. “Họ đang ở trong nhà nghe nhạc. Anh ấy với anh bạn Leslie.”

Chị vừa nói xong thì tiếng nhạc đột ngột ngưng lại và một cuộc bàn luận sôi nổi tuôn ra như pháo rang.

“Một người cho máy chơi nhạc và người kia phải đoán là bài gì từ một đoạn nhạc ngắn,” chị Queenie giải thích. “Họ chơi cứ chút một rồi ngưng, chơi tới chơi lui hoài. Muốn điên cái đầu luôn.” Chị bắt đầu thái thịt gà nguội đặt lên những lát bánh mì quét bơ. “Mày có tìm được việc không?” chị hỏi.

“Có, nhưng mà chẳng được lâu.”

“Ừ, không sao.” Chị không có vẻ quan tâm lắm. Nhưng khi nhạc vừa bắt đầu lại, chị ngước lên và mỉm cười hỏi, “Mày có đến...” Chưa dứt câu thì chị nhìn thấy lá thư tôi đang cầm trên tay.

Chị buột tay rơi con dao, chạy vội vàng đến chỗ tôi, nói nhỏ, “Mày đi thẳng vào nhà với cái thư trong tay như thế. Tao quên dặn trước là phải cất nó vào trong túi. Đây là thư riêng của tao.” Chị giật lá thư từ tay tôi, ngay lúc đó, ấm nước trên bếp bắt đầu réo sôi.

“Ôi chết, lấy cái ấm ra ngay. Chrissy, nhanh lên, nhanh! Lấy cái ấm ra ngay, không là anh ấy sẽ ra đây, anh ấy không ưa tiếng nước sôi réo.” Chị quay bùng bóc thư xem.

Tôi lấy cái ấm ra khỏi bếp, chị bảo, “Pha trà đi, làm ơn nhé...” Giọng chị khe khẽ, lo lắng như đang đọc một tin nhắn khẩn cấp. “Cứ rót hết nước vào thôi, đừng sẵn rồi.”

Chị cười như vừa đọc một truyện cười tình riêng tư. Tôi rót nước lên những lá trà và chị rối rít, “Cảm ơn. Ôi, cảm ơn, Chrissy; cảm ơn.” Chị quay lại nhìn tôi. Mặt chị ửng hồng và những cái vòng đeo tay của chị leng keng trong nỗi khích động vui sướng. Chị gấp thư lại, kéo váy lên và lặn nó vào lưng chun quần lót.

Chị giải thích, “Nhiều lúc anh ấy hay lục lọi túi tao.”

Tôi hỏi, “Trà cho họ à?”

“Ừ. Mà tao phải đi làm đây. Tao đang làm cái gì ấy nhỉ à phải, cắt sandwich. Con dao đâu rồi?”

Tôi nhặt con dao lên, cắt bánh đặt vào đĩa.

“Mày không muốn biết thư của ai à?” chị hỏi.

Tôi không đoán ra.

Tôi nói, “Của dì Bẹt à?”

Chắc vì trong thâm tâm tôi hy vọng chuyện dì Bet tha thứ chính là nguyên nhân đã khiến cho gương mặt chị Queenie rạng rỡ như hoa.

Tôi thậm chí chẳng để ý gì đến chữ trên phong bì.

Gương mặt chị Queenie thay đổi - trong khoảnh khắc, như thể chị không biết dì Bẹt là ai. Thế rồi vẻ hạnh phúc trở lại với chị. Chị đến bên tôi, ôm chàng lấy tôi và thì thầm vào tai tôi, giọng run rẩy, e thẹn và hân hoan.

“Thư của Andrew đấy. Mày mang cái khay đến cho họ được không? Tao không làm được. Tao không thể làm được ngay lúc này. Ôi, cảm ơn mày.”

Trước khi đi làm, chị Queenie vào phòng khách hôn ông Voriguilla và

bạn ông ta. Chị hôn cả hai người lên trán. Chị vẫy tay chào tôi. “Chào nhé.”

Khi tôi đem cái khay vào, tôi thấy vẻ khó chịu trên mặt ông Vorguilla, khi ông thấy đó không phải là chị Queenie. Nhưng ông nói với tôi bằng một giọng khoan dung đáng ngạc nhiên và ông giới thiệu tôi với Leslie. Leslie là một anh chàng mập mạp hói đầu. Thoáng nhìn thì tôi nghĩ anh chắc phải gần già bằng ông Vorguilla. Nhưng khi quen quen rồi và đừng để ý đến cái đầu hói thì anh có vẻ trẻ hơn nhiều. Anh không phải là loại người mà tôi nghĩ sẽ là bạn của ông Vorguilla. Anh không lỗ mãng và không tỏ vẻ cái gì cũng biết, mà ngược lại, thoải mái và đầy vẻ khích lệ. Ví dụ như khi nghe tôi kể về chuyện làm việc ở quầy ăn trưa, anh bảo, “Chà, cũng là một chuyện đáng tự hào đấy chứ. Được thuê ngay từ nơi đầu tiên thử xin việc. Chứng tỏ là cô biết cách làm cho người khác có ấn tượng tốt về mình.”

Tôi không cảm thấy khó chuyện trò về trải nghiệm đó. Sự hiện diện của Leslie làm cho mọi thứ trở nên dễ dàng hơn và có vẻ như khiến hành xử của ông Vorguilla dễ chịu hơn. Như thế, trước mặt bạn, ông buộc phải lịch sự nhã nhặn với tôi. Cũng có thể là ông cảm nhận được có gì đó thay đổi từ phía tôi. Người ta thường cảm nhận được sự khác biệt khi người khác không sợ họ nữa. Có lẽ ông không chắc chắn về sự thay đổi này và mù tịt về chuyện tại sao có sự thay đổi này, nhưng nó đã làm cho ông bối rối và khiến ông thận trọng hơn. Ông đồng ý với Leslie là may mà tôi không làm cái việc ấy, ông thậm chí còn bảo bà này nghe có vẻ như thuộc loại lừa đảo ngoan cố mà đôi khi người ta gặp ở mấy nơi mờ ám kiểu đó ở Toronto.

“Bà ta đã sai khi quỵt tiền của cháu,” ông nói.

“Lẽ ra chồng bà ta phải lên tiếng Leslie bồi thêm. Nếu ông ấy là được sĩ thì ông ấy là chủ.”

Ông Vorguilla nói, “Chắc chắn rồi một ngày nào đó lão sẽ chế một liều thuốc đặc biệt cho bà ta. Cho mẹ vợ lão.”

Đúng là chẳng khó khăn gì mấy khi rót trà, mời đường sữa, đưa bánh và thậm chí nói chuyện với một người, khi mình biết một điều gì đó mà họ

không biết, về mối nguy cơ đang đe dọa họ. Chính bởi vì ông Vorguilla không biết nên tôi có một cảm giác khác trước ông, ngoài cảm giác căm ghét ra. Chứ không phải vì bản thân ông đã thay đổi - hoặc giả nếu ông có thay đổi thì có lẽ là do tôi đã thay đổi.

Chẳng mấy chốc ông cho biết đã đến giờ ông chuẩn bị đi làm. Ông đi thay quần áo. Rồi Leslie hỏi tôi có muốn đi ăn tối với anh hay không.

“Tôi hay đi ăn ở một chỗ ngay góc đường đây thôi,” anh nói. “Chẳng có gì sang trọng đâu. Không phải như chỗ anh Stan làm việc đâu.”

Tôi mừng rỡ khi nghe nói đấy không phải là chỗ sang trọng. Tôi nói,

“Vâng.” Sau khi trả ông Vorguilla ở nhà hàng, chúng tôi đi xe của Leslie đến một chỗ bán cá và khoai tây chiên. Leslie gọi suất ăn tối đặc biệt - mặc dù anh vừa mới ngốn hết mấy cái sandwich thịt gà xong- còn tôi thì chỉ gọi suất vừa. Anh uống bia, còn tôi uống Coca.

Anh kể về mình. Anh bảo ước gì trước đây chọn học Cao đẳng Sư phạm thay vì chọn âm nhạc, vì cái nghề này bấp bênh quá.

Tôi thì đang quá mải nghĩ về tình huống của mình nên cũng không hỏi anh là nhạc sĩ gì. Cha tôi mua cho tôi cái vé khứ hồi và bảo, “Ở với ông ta và với con bé ấy, con chả bao giờ biết chắc được cái gì đâu.” Tôi đã nghĩ đến cái vé khứ hồi lúc tôi quan sát chị lặn lá thư vào lưng quần lót. Mặc dù lúc ấy tôi thậm chí chưa biết đó là thư của Anthew.

Tôi đến đây đâu phải chỉ để đến Toronto, hay tôi đến Toronto đâu phải chỉ để kiếm việc làm mùa hè. Tôi đến đây để được là một phần cuộc sống của chị Queenie. Hoặc nếu cần, một phần cuộc sống của chị và của ông Vorguilla. Thậm chí khi tôi tưởng tượng đến chuyện chị Queenie sống với tôi, những tưởng tượng ấy cũng liên quan đến ông Vorguilla, đến chuyện chị trừng phạt ông ấy đích đáng. Khi tôi nghĩ về cái vé khứ hồi, tôi đã coi một chuyện khác là đương nhiên.

Rằng đương nhiên tôi có thể trở về sống với dì Bet, với cha, và là một phần cuộc sống của họ.

Cha tôi và dì Bet. Ông bà Vorguilla. Chị Queenie và ông Vorguilla. Thậm chí cả chị Queenie và Andrew. Đó là những cặp đôi, và mỗi cặp, dù cho có bị chia lìa thế nào chẳng nữa, giờ đây, hay trong ký ức, đều có một hang ổ riêng tư với những nóng lạnh và rung động riêng, và tôi hoàn toàn bị cắt lìa khỏi thế giới đó. Tôi phải bị cắt lìa, tôi mong muốn được cắt lìa, bởi vì tôi không thấy có bất cứ điều gì trong cuộc sống của họ có thể chỉ dẫn cho tôi, khích lệ tôi.

Leslie cũng là một người bị cắt lìa. Thế nhưng anh lại kể cho tôi nghe về người này người kia, liên quan với anh qua quan hệ ruột thịt hay qua tình bằng hữu. Vợ chồng cô em gái. Mấy đứa cháu gái cháu trai, những cặp vợ chồng anh đến thăm và nghỉ lễ với họ. Tất cả những người này đều có vấn đề, nhưng họ có giá trị của họ. Anh kể về công việc của họ, hay về việc họ không có công ăn việc làm, về tài năng, vận may, sai sót khi đánh giá. Anh kể với vẻ quan tâm sâu sắc, nhưng lại chẳng có tí thiết tha nồng nhiệt nào. Đường như anh bị cắt lìa khỏi tình yêu hay hận thù.

Sau này trong đời mình tôi nhận ra những thiếu sót của tình trạng này. Tôi sẽ cảm thấy sự sốt ruột, chàm chí sự ngờ vực mà phụ nữ thường cảm thấy khi gặp một người đàn ông không có động cơ. Những người chỉ có thể cho đi tình bạn và họ cho dễ dàng đến nỗi nếu có bị từ chối thì họ vẫn có thể vui vẻ bỏ qua, như không có chuyện gì xảy ra. Đây rõ ràng không phải là một anh chàng cô đơn đang hy vọng kiếm được một cô bồ. Đến cả tôi còn thấy được điều này. Anh chỉ là một người tìm khuây khỏa trong giây lát và trên bề mặt hơi hợt chấp nhận được của cuộc sống.

Bầu bạn với anh chính là cái tôi cần, mặc dù lúc ấy tôi hầu như không nhận ra điều đó. Có thể anh đang đối xử tử tế với tôi một cách có chủ ý. Cũng như tôi đã nghĩ là mình đã tử tế với ông Vorguilla, hoặc ít ra là che chở ông, mặc dù hoàn toàn không định như thế, mới chỉ cách đây không lâu.

Khi tôi đang học Cao đẳng Sư phạm thì chị Queenie lại bỏ nhà ra đi. Tôi

biết tin qua thư của cha. Cha bảo cha không biết chuyện xảy ra như thế nào và vào lúc nào. Mất một dạo ông Vorguilla không cho cha tôi biết gì, rồi ông quyết định báo cho cha tôi, phòng khi chị Queenie trở về quê. Cha tôi nói với ông Vorguilla và chắc hẳn có mấy khả năng chị sẽ về. Trong lá thư gửi cho tôi, cha nói, ít ra lần này mình có thể chắc chắn, bỏ nhà ra đi là chuyện con Queenie rất có thể làm.

Nhiều năm sau này, thậm chí cả sau khi tôi đã lập gia đình, ông Vorguilla vẫn gửi thiệp Giáng sinh cho tôi. Cảnh xe trượt tuyết với những gói quà màu sắc sỡ; hay cảnh một gia đình hạnh phúc đang đứng ở ngưỡng cửa trang hoàng đẹp để chào đón bạn bè. Có thể ông cho rằng cứ nhìn vào lối sống hiện nay của tôi thì đó hẳn là những cảnh tượng tôi thấy hấp dẫn. Hoặc cũng có thể là ông nhắm mắt chọn đại từ trên giá. Ông luôn luôn để địa chỉ hồi âm - nhắc nhở tôi về sự tồn tại của ông và cho tôi biết ông đang ở đâu, phòng khi có tin tức.

Bản thân tôi thì đã từ bỏ hy vọng sẽ có tin tức của chị. Tôi không bao giờ biết được có phải chị đã chạy trốn với Andrew hay với ai khác. Hay liệu chị có ở lại với Andrew không, nếu anh ta là người chị đã đi theo. Khi cha tôi qua đời, ông để lại cho chúng tôi ít tiền, và chúng tôi đã cố gắng tìm kiếm chị nhưng không thành. Nhưng một điều gì đó đã xảy ra. Giờ đây, trong những năm tháng khi con cái đã khôn lớn, chồng tôi đã về hưu và hai vợ chồng thường xuyên đi du lịch, tôi có cảm giác là đôi khi tôi nhìn thấy chị Queenie. Không phải vì tôi ao ước quá hay cố gắng quá mà tôi nhìn thấy chị, và tôi cũng không chắc chắn lắm đó có đúng là chị hay không.

Một lần là ở sân bay đông đúc, chị mặc cái xà rồng và đội mũ rom viên hoa. Rám nắng và sôi nổi, trông giàu sang, đầy bạn bè xung quanh. Lần khác chị đứng giữa đám đàn bà con gái bu ở cổng nhà thờ để rình xem cảnh đám cưới. Chị mặc cái áo vét da lộn lổm đốm và trông chị không có vẻ gì là giàu sang hay khỏe mạnh. Một lần khác nữa chị đứng đợi ở ngã tư đường, dẫn theo một đám trẻ con tuổi mẫu giáo trên đường đến hồ bơi hay công viên. Đó là một ngày nóng nực, tôi trông thấy thân hình đầy đặn ở lứa tuổi

trung tuần của chị rất rõ và rất thật, trong bộ quần soóc hoa và áo thun có in chữ. Lần cuối lạ lùng nhất, trong một siêu thị ở thành phố Twin Falls, tỉnh Idaho. Tôi vừa rẽ ở một góc, tay ôm mấy đồ ăn trưa mua cho buổi dã ngoại, thì nhìn thấy một bà già đang tựa vào cái xe đẩy siêu thị, vẻ như đang đợi tôi. Một bà già nhỏ nhắn, nhăn nheo, miệng hơi méo, da nâu nâu như bệnh. Tóc nâu vàng lỏm chỏm, quần màu tím kéo xốc lên trên gò bụng nhỏ - bà ta thuộc loại phụ nữ gầy gò nhưng vì tuổi tác nên đã mất đi đường cong eo ót lẽ ra đã dễ dàng có được. Cái quần chắc là mua từ cửa hàng từ thiện, và chắc là áo len cũng thế, áo màu tươi nhưng đã xỉn và bị co rút, cài nút choàng lên bộ ngực lép kẹp như của con nít mười tuổi.

Cái xe đẩy không có gì. Bà ta thậm chí không có túi xách.

Khác với những phiên bản trước đó, người này có vẻ như biết mình là Queenie. Bà ta cười với tôi như thể vui mừng nhận ra tôi, với một khát khao là tôi sẽ nhận ra bà là ai, tha thiết đến nỗi ta có cảm giác như đây sẽ là một ân huệ lớn lao - một khoảnh khắc được trao cho bà để thoát ra khỏi bóng tối, dù chỉ một lần sau hàng ngàn ngày.

Vậy mà tôi chỉ toát miệng ra cười lịch sự và băng quơ, như thể cười với một người lạ điên điên khùng khùng, và rồi tiếp tục đi ra phía quầy tính tiền.

Trong bãi đậu xe, tôi viện cớ với chồng là quên một món đồ và vội vã quay lại cửa hàng. Tôi đi tới đi lui hết dãy này qua dãy khác, tìm kiếm. Nhưng chỉ trong phút chốc mà người đàn bà đó dường như biến mất. Chắc là bà ta đi ngay sau khi tôi ra khỏi cửa hàng; có lẽ bà ta đang ở đâu đó trên đường phố Twin Falls. Đi bộ, hay đi xe họ hàng hay hàng xóm chở. Hay thậm chí là tự lái. Rất ít khả năng bà ta còn ở cửa hàng và chúng tôi cứ đi tới đi lui giữa các giá kệ mà không nhìn thấy nhau. Tôi thấy mình đi hết hướng này sang hướng khác, rùng mình vì không khí lạnh căm trong cửa hàng giữa mùa hè, dăm dăm nhìn vào những gương mặt tôi gặp, có lẽ tôi đã làm họ sợ, vì cái nhìn của tôi là lời khấn nài lặng lẽ, hãy cho tôi biết liệu tôi có thể tìm chị Queenie ở đâu.

Cho đến khi tôi tỉnh ngộ ra và tự thuyết phục chính bản thân mình rằng không thể có chuyện đó, và rằng cho dù đó là chị Queenie hay không phải chị, thì người đàn bà đó cũng đã bỏ rơi tôi rồi.

Gấu Trèo Về Qua Núi^[22]

Fiona sống trong ngôi nhà cha mẹ cô để lại, ở thành phố nơi cô và Grant từng đi học đại học. Đó là một ngôi nhà lớn có kiến trúc cửa sổ trời ra ngoài, mà dưới con mắt của Grant, trông vừa có vẻ xa hoa lại vừa lôm côm, với những tấm thảm xộc xệch trên sàn nhà và những dấu tròn ly tách ăn sâu vào lớp véc ni trên mặt bàn. Mẹ cô là người Iceland - một phụ nữ mạnh mẽ có mái tóc trắng như bột kem sữa và những quan điểm chính trị cực tả đầy cảm phẫn. Cha cô là bác sĩ tim mạch nổi tiếng, rất được nể trọng ở bệnh viện, nhưng lại vui vẻ phục tùng ở nhà, nơi ông lắng nghe những tràng đả kích xa lạ với nụ cười lơ đãng. Đủ loại người, giàu cũng có mà nghèo nhếch nhác cũng có, tuôn ra những tràng đả kích này, đến rồi đi, tranh cãi, hội ý, đôi khi có cả giọng nước ngoài. Fiona có một chiếc xe riêng nho nhỏ và một chồng áo len cashmere, nhưng cô không tham gia mấy câu lạc bộ nữ sinh, và có lẽ cái hoạt động kể trên ở nhà cô chính là lý do.

Nói thế không có nghĩa là cô thêm quan tâm. Câu lạc bộ nữ sinh đối với cô chỉ là trò hề, cả chính trị cũng vậy, mặc dù cô thích mở bài “Bốn vị tướng nổi loạn” trên máy quay đĩa, và đôi khi cô còn bật bài “Quốc tế ca” rất to, nếu đang có vị khách nào khiến cô nghĩ là trò này sẽ làm người ta phát hoảng. Một anh chàng người nước ngoài, tóc quăn, trông râu rĩ ảm đạm đang tán tỉnh cô - cô bảo anh ta có dòng máu Visigoth^[23] - cả vài ba chàng thực tập sinh trẻ khả kính và vụng về nữa. Cô trêu chọc tất cả bọn họ, trêu cả Grant nữa. Cô giễu nhại lại mấy câu địa phương tỉnh lẻ của anh. Anh đã tưởng cô chỉ đang đùa tếu khi hỏi cưới anh, vào một ngày trời lạnh quang đãng bên bãi biển cảng Stanley. Cát ran rát trên da mặt và sóng mang đầy sỏi đá vỡ oà dưới chân họ.

“Anh nghĩ có hay không...” Fiona hát lên. “Anh nghĩ có hay không nếu chúng mình lấy nhau?”

Anh nhận lời đề nghị của cô, hét lên trả lời có. Anh muốn không bao giờ rời xa cô. Cô tràn đầy nhựa sống.

Ngay trước khi họ ra khỏi nhà, Fiona phát hiện ra vết bẩn lên sàn bếp.

Vết bẩn từ đôi dép đi trong nhà rở tiền màu đen bà đã mang sớm hôm đó.

“Em tưởng nó không còn dây bẩn nhà như thế này nữa,” bà nói, giọng khó chịu và bối rối như thường lệ, rồi lau chùi vết bẩn màu xám trông như vết bút sáp dầu.

Bà tuyên bố sẽ không bao giờ phải làm cái việc này nữa, vì bà sẽ không mang đôi dép đó theo.

“Chắc em sẽ trưng diện suốt,” bà nói. “Hoặc ít ra cũng phải hơi đom đàng một chút. Kiểu như mình ở khách sạn vậy.”

Bà giặt miếng giẻ vừa dùng rồi treo lên giá phía trong cánh cửa dưới bồn rửa. Rồi bà choàng chiếc áo khoác trượt tuyết nâu vàng cổ lông thú bên ngoài áo len cổ lọ trắng và quần dài màu nâu vàng may vừa vặn. Fiona là một phụ nữ cao, vai hẹp, đã bảy mươi nhưng vẫn còn thẳng lưng và thon người, chân dài, bàn chân cũng dài, cổ tay cổ chân thanh mảnh và đôi tai nhỏ xíu, trông hơi ngộ nghĩnh. Tóc bà nhạt như lông tơ, Grant không nhận ra từ lúc nào nó đã chuyển từ màu vàng nhạt sang màu trắng, và bà vẫn để tóc xõa ngang vai, như mẹ mình hồi xưa. (Chính điều này đã từng khiến mẹ của Grant lo sợ, bà bà một bà góa tỉnh lẻ làm tiếp tân ở phòng mạch bác sĩ. Chính mái tóc dài của mẹ Fiona, hơn cả tình trạng của ngôi nhà, đã nói lên rõ ràng mọi điều mẹ Grant cần biết về thái độ và quan điểm chính trị của bà thông gia.)

Ngoài chuyện đó ra thì với vóc dáng đẹp và đôi mắt nhỏ màu xanh ngọc, Fiona hoàn toàn không giống mẹ mình. Miệng bà hơi méo, trông rõ hơn khi bà tô son đỏ - cái việc cuối cùng bà thường làm trước khi ra khỏi nhà. Ngày hôm nay trông bà có vẻ như là chính mình - thẳng thắn mà mơ hồ, đúng như bản chất của bà, ngọt ngào mà châm biếm.

Cách đây hơn một năm Grant bắt đầu nhận thấy rất nhiều mẫu giấy ghi chú màu vàng dán khắp nhà. Đây không hẳn là điều mới lạ. Bà vẫn thường ghi lại nhiều thứ - như nhan đề cuốn sách bà nghe nói đến trên đài hoặc những công việc mà bà muốn đảm bảo là mình sẽ làm trong ngày. Thậm

chỉ cả thời khóa biểu buổi sáng của bà cũng được ghi lại, chi ly tới mức ông cảm thấy có gì đó vừa bí ẩn, vừa ấm lòng.

7:00 sáng Yoga.

7:30 - 7:45 rửa mặt tóc.

7:45 - 8:15 bách bộ.

8:15 Grant và bữa sáng.

Những tờ ghi chú mới này lại khác hẳn. Dán lên ngăn kéo tủ trong bếp - Thìa dĩa, Khăn lau bát, Dao. Sao bà không chỉ việc mở ngăn kéo ra xem có cái gì bên trong nhỉ? Ông nhớ lại câu chuyện về lính Đức đi tuần tra biên giới với Tiệp thời chiến tranh. Một vài người Tiệp kể lại với ông là mỗi một con chó tuần tra đều đeo Bảng *Hund* (Chó). Tại sao người Tiệp hỏi, và người Đức trả lời, Vì đó là *Hund*.

Ông định kể cho Fiona chuyện đó, nhưng rồi lại nghĩ có lẽ tốt hơn hết là không nên kể. Họ luôn luôn thấy buồn cười vì cùng một chuyện, nhưng nhờ lần này bà không cười thì sao?

Tình trạng ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Bà đi vào thành phố và gọi điện cho ông từ một điện thoại công cộng để hỏi đường lái xe về nhà. Bà đi vào rừng bằng con đường mòn băng qua cánh đồng rồi về nhà bằng lối đi dọc hàng rào - một đường vòng rất xa. Bà bảo bà tin là hàng rào luôn luôn dẫn dắt người ta đến một nơi nào đó.

Thật khó mà hiểu nổi. Bà nói chuyện về cái hàng rào cứ như thể nói đùa, và lại bà vẫn có thể nhớ số điện thoại không khó khăn gì.

“Em nghĩ không có gì đáng lo ngại cả đâu,” bà bảo. “Chắc em chỉ hơi đáng trí thôi.”

Ông hỏi bà có đang uống thuốc ngủ không.

“Nếu có uống thì em cũng chẳng nhớ bà trả lời. Rồi bà xin lỗi vì câu trả lời có vẻ thiếu nghiêm túc như vậy.

“Em chắc là em không uống thuốc gì cả đâu. Có lẽ em nên uống. Như

vitamin chẳng hạn.”

Vitamin cũng không giúp gì được. Nhiều khi bà thần người ngay ngưỡng cửa, cố nhớ xem mình định đi đâu. Bà quên bật bếp khi luộc lau hay quên châm nước vào máy pha cà phê. Bà hỏi Grant họ đã chuyển về đây ở từ hồi nào.

“Năm ngoái hay năm kia hả anh?”

Ông trả lời là cách đây mười hai năm.

Bà nói, “Sốc nhỉ.”

“Bà ấy lúc nào cũng kiêu như thế đấy,” Grant nói với bác sĩ. “Có một lần bà ấy để áo lông trong kho rồi quên mất. Hồi ấy chúng tôi thường đi du lịch tới đâu đó ấm áp khi mùa đông đến. Rồi bà ấy bảo đấy là vô tình có mục đích, bà ấy bảo cảm giác như mình đang bỏ một tội lỗi lại phía sau. Chả bà có mấy người làm cho bà ấy cảm giác như có tội khi mặc áo lông thú.”

Mặc dù không thành công, ông cố gắng giải thích một điều gì đó - rằng những ngạc nhiên, những lời xin lỗi của Fiona trong toàn bộ chuyện này không hiểu sao có vẻ như là phép lịch sự thông thường chứ không giống cái cách bà thường che giấu những trò nghịch ngợm riêng tư. Như thể bà vừa vô tình bước vào một cuộc phiêu lưu bất ngờ. Hay đang chơi một trò chơi mà bà hy vọng ông sẽ bắt nhịp được. Họ luôn có trò chơi chung những giọng điệu ngớ ngẩn, những nhân vật họ tự sáng chế. Một vài giọng nói Fiona tự tạo ra, khi thì lú lo, khi thì nũng nịu (ông không thể kể cho bác sĩ nghe chuyện này), nhại giọng những nhân tình của ông giống đến kỳ lạ mặc dù bà chưa bao giờ gặp hay biết đến họ. “Đúng,” bác sĩ nói. “Lúc đầu có thể có những biểu hiện rời rạc. Chúng ta không biết, đúng không nào? Chúng ta thực sự không thể khẳng định cho đến khi chúng ta thấy rõ tiến trình suy nhược.”

Sau một thời gian, việc chẩn đoán xem nên gọi bệnh tình của bà là gì cũng chẳng còn ý nghĩa nữa. Fiona, dù lúc ấy đã không còn đi mua sắm một mình nữa, đã biến mất khỏi siêu thị trong khi Grant quay lưng lại. Một

cảnh sát đã dắt bà về khi bà đi ra giữa lòng đường, cách siêu thị vài dãy phố. Cảnh sát hỏi tên, bà trả lời dễ dàng. Sau đó anh ta hỏi bà tên của thủ tướng nước nhà.

“Nếu anh không biết, anh bạn trẻ ạ, thì anh thực sự không nên làm một công việc có trách nhiệm quan trọng như thế này.”

Anh cảnh sát bật cười. Nhưng ngay sau đó bà đã sai lầm khi hỏi anh ta có thấy Boris và Natasha đâu không.

Đây là hai con chó săn sói giống Nga mà vài năm trước bà đã nhận nuôi giúp người bạn và đã tận tụy chăm sóc trong suốt quãng đời còn lại của chúng. Việc bà nhận nuôi hai con chó có thể trùng hợp với việc bà phát hiện ra rằng mình hầu như không có khả năng có con. Do lý do gì đó liên quan đến ống dẫn trứng bị tắc nghẽn, hay bị xoắn - bây giờ Grant cũng chẳng nhớ nổi. Ông luôn tránh nghĩ đến tất cả những gì liên quan đến bộ máy sinh sản của phụ nữ. Hoặc cũng có thể chuyện đó xảy ra sau khi mẹ bà qua đời. Cẳng chân dài, bộ lông óng mượt như tơ, khuôn mặt hẹp, hiền lành và cứng rắn của lũ chó trong rất xứng với bà khi bà dẫn chúng đi dạo. Cũng thời gian đó, Grant đã kiếm được ngay việc làm đầu tiên ở trường đại học (tiền của bố vợ được ân cần đón nhận bất kể tai tiếng chính trị), và theo quan điểm của vài người, bản thân ông - được Fiona ngẫu hứng chọn làm chồng do tính khí bốc đồng lập dị của bà - đã được mách bảo đường đi nước bước, được chăm bẵm, và được thiên vị. Mặc dù may mắn làm sao, ông chẳng bao giờ hiểu ra điều ấy, cho mãi đến tận sau này.

Bà nói với ông, trong bữa tối, vào cái ngày bà đi lạc ở siêu thị, “Anh biết anh sẽ phải làm gì với em, đúng không? Anh sẽ phải gửi em vào cái chỗ ấy, Hồ Thủy Tiên phải không nhỉ?”

“Hồ Thảo Nguyên. Chúng ta chưa đến cái mức ấy,” Grant nói.

“Hồ Thủy Tiên, Hồ Quý Diên,” bà nói, cứ như thể là họ đang ganh đua trong trò chơi chữ. “Hồ Đảo Diên. Đúng là Hồ Đảo Diên rồi.”

Ông ôm đầu, khuỷu tay tì trên bàn. Ông bảo nếu họ đã tính đến chuyện

ấy, thì đó không nhất thiết phải là chuyện lâu dài. Chỉ là một dạng điều trị thử nghiệm. Một cách dưỡng bệnh.

Có một quy định là không ai được nhập viện vào tháng Mười hai. Mùa nghỉ lễ thường gây quá nhiều rắc rối tình cảm. Vì vậy sang tháng một họ mới đi, từ nhà đến đó mất hai mươi phút lái xe. Trước khi ra được đến xa lộ, họ phải đi theo con đường làng xuyên qua một đầm lầy nay đã hoàn toàn đông cứng. Những cây sồi đầm lầy và cây phong ngã bóng xuống nền tuyết trắng, trông như những chấn song.

Fiona thốt lên, “Ồ, nhớ rồi.”

Grant trả lời, “Anh cũng đang vừa nghĩ đến chuyện ấy đấy.”

“Chỉ khác là lần trước mình ở dưới ánh trăng,” bà nói.

Bà muốn nói về cái lần họ đi trượt tuyết vào đêm trăng rằm, trên nền tuyết trắng kẻ sọc đen, ở chính cái nơi mà người ta chỉ có thể đến vào giữa mùa đông này. Họ đã nghe thấy tiếng cành cây rạn nứt trong băng giá.

Nếu bà có thể nhớ chuyện ấy sống động và chính xác như vậy thì thực ra bà có vấn đề gì đáng kể không?

Ông đã cố gắng hết sức để không quay đầu lại và lái xe về nhà.

Có một quy định khác mà người giám sát đã giải thích với ông. Cư dân mới không được phép có người thân viếng trong ba mươi ngày đầu tiên. Phần lớn cần thời gian này để ổn định. Trước khi có quy định này, đã từng xảy ra nào là van vỉ, nào là khóc lóc, nào là giận dữ, thậm chí ngay cả với những người đã tự nguyện đến đây. Khoảng sau ngày thứ ba, thứ tư là họ bắt đầu than khóc và nài xin cho về nhà. Nhiều gia đình họ hàng dễ mủi lòng, cho xe đón người thân về nhà nhưng rồi họ cũng chẳng khá hơn được. Thế rồi nửa năm sau, hay đôi khi chỉ vài tuần sau, họ lại phải một lần nữa trải qua toàn bộ tình trạng rắc rối khổ sở này.

“Theo kinh nghiệm,” người giám sát cho biết, “chúng tôi thấy là nếu cứ để cho họ tự lập thì thông thường họ sẽ dần hài lòng như chim non trong tổ ấm. Chúng tôi thậm chí phải dụ dỗ họ ra xe buýt để đưa họ đi chơi phố. Về

thăm nhà cũng vậy. Lúc đó có thể đưa họ về nhà chơi một, hai tiếng, hoàn toàn không có vấn đề gì - chính họ sẽ là người lo lắng đòi về cho kịp giờ ăn tối. Hồ Thảo Nguyên lúc ấy đã là nhà của họ. Tất nhiên, quy định này không áp dụng cho những ai ở tầng hai, chúng tôi không thể để cho họ đi đâu được. Quá khó khăn, vả lại đằng nào họ cũng có biết họ đang ở đâu đâu.”

“Vợ tôi sẽ không phải ở tầng hai đâu,” Grant nói.

“Vâng,” người giám sát trả lời, giọng ân cần. “Tôi chỉ muốn mọi thứ rõ ràng ngay từ đầu.”

Họ đã từng đến Hồ Thảo Nguyên vài lần cách đây mấy năm, thăm ông Farquar, ông nông dân già không vợ từng là hàng xóm của họ. Ông đã sống một mình trong căn nhà gạch thông thoáng gió, không sửa đổi gì từ những năm đầu thế kỷ, ngoài việc có thêm cái tủ lạnh và cái ti vi. Ông thường qua thăm Grant và Fiona, không báo trước nhưng cũng không quá thường xuyên. Ông thích bàn luận về những vụ việc ở địa phương, cũng như về những cuốn sách ông đang đọc - cuộc chiến tranh vùng Crimea, những chuyến thám hiểm Bắc Cực, hay lịch sử súng ống. Nhưng từ khi về Hồ Thảo Nguyên, ông chỉ toàn nói về những chuyện thường ngày ở đó, và họ phát hiện ra là, mặc dù hài lòng đấy, nhưng đối với ông, những chuyến viếng thăm của họ là gánh nặng xã giao. Fiona đặc biệt khó chịu với mùi nước tiểu và mùi thuốc tẩy văng vắt, bà ghét những bó hoa nhựa bày cho có trong những hốc tường dọc hành lang mờ tối, trần thấp lè tè.

Bây giờ tòa nhà đó đã biến mất, mặc dù nó mới chỉ được xây vào những năm năm mươi. Ngôi nhà của ông Farquar cũng mất dạng, thay vào đó, người ta xây một thứ gì lờ lợc kiểu lâu đài rẻ tiền làm nhà nghỉ cuối tuần cho mấy người từ Toronto đến. Hồ Thảo Nguyên mới là một tòa nhà thoáng mát, mái vòm, không khí dễ chịu thoáng mùi gỗ thông. Cây cảnh là cây thật, mọc sum suê từ những chậu sành khổng lồ.

Vậy mà không hiểu sao, suốt một tháng trời rờn rã không gặp bà, Grant cứ bất chợt nhận ra mình đang hình dung Fiona ở trong tòa nhà cũ. Đấy là

cái tháng dài nhất trong đời ông, ông nghĩ nó còn dài hơn cả cái tháng ông phải đi với mẹ thăm bà con họ hàng ở hạt Lanark, khi ông mười ba tuổi, và dài hơn cả cái tháng mà Jacqui Adams đi nghỉ với gia đình cô và quãng thời gian họ vừa mới bắt đầu tăng tịu với nhau. Ông gọi điện thoại đến Hồ Thảo Nguyên mỗi ngày và hy vọng sẽ nói chuyện được với cô y tá tên Kristy. Cô có vẻ hơi buồn cười khi thấy ông kiên trì nhẫn nại như vậy, nhưng cô sẽ báo cáo đầy đủ hơn bất cứ y tá nào khác mà ông vợ phải.

Fiona bị cảm, nhưng chuyện đó không có gì lạ đối với những người mới đến.

“Cũng như trẻ con mới bắt đầu đi học,” Kristy nói. “Họ phải tiếp xúc với vô số loại vi trùng mới, và mất một dạo họ sẽ bị nhiễm đủ thứ bệnh.”

Rồi bà đỡ hơn. Bà thôi không uống kháng sinh nữa, và không còn hoang mang bỡ ngỡ như hồi mới đến. (Đây là lần đầu tiên Grant được báo cáo về chuyện thuốc kháng sinh và chuyện hoang mang bỡ ngỡ.) Bà ăn uống khá tốt và có vẻ như thích ngồi trong phòng đón nắng. Bà dường như cũng thích xem truyền hình.

Một trong những điều không thể chịu nổi ở Hồ Thảo Nguyên cũ là cái kiểu ti vi được bật lên khắp nơi, lấn át những dòng suy nghĩ và những cuộc chuyện trò, bất kể người ta ngồi ở đâu. Vài tù nhân (lúc đó ông và Fiona gọi họ như vậy, thay vì gọi là cư dân) nhướng mắt khó chịu, vài người chửi đổng lại với ti vi, nhưng phần lớn chỉ ngồi trơ ra đó và ngoan ngoãn chịu đựng cho bọn ti vi hiếp đáp. Ở tòa nhà mới, theo ông nhớ, ti vi được đặt ở một phòng khách riêng biệt, hoặc trong phòng ngủ. Người ta có thể lựa chọn có xem hay không.

Vậy nghĩa là Fiona đã chọn xem ti vi. Nhưng xem gì mới được cơ chứ?

Những năm tháng sống ở trong ngôi nhà này, ông và Fiona đã cùng xem ti vi với nhau khá nhiều. Họ đã rình mò theo dõi cuộc sống của tất tạt những thú vật, bò sát, côn trùng hay sinh vật biển này mà máy quay có thể thò tới được, và họ đã dõi theo cốt truyện của hàng chục những tiểu thuyết

ting tế từ thế kỷ mười chín na ná nhau. Họ dần dà sa vào say mê một bộ phim hài Anh về cuộc sống một cửa hàng bách hóa và xem đi xem lại nhiều lần đến nỗi thuộc lòng đối thoại trong phim. Họ tiếc thương sự ra đi của những diễn viên chết trong đời thực hay theo đuổi vai diễn khác, rồi họ đón mừng cùng những diễn viên đó quay lại khi nhân vật được hồi sinh. Họ đã mục kích tóc nhân vật quản lý cửa hàng đổi màu từ đen sang hoa râm và cuối cùng lại đen trở lại, những hậu cảnh rẻ tiền chả bao giờ thay đổi. Nhưng những đoạn phim hài này rồi cũng nhạt nhẽo dần; cuối cùng phim trường và bộ tóc đen nhất cũng phai màu, như thể cát bụi đường phố London đang len lỏi vào qua khe cửa thang máy, và có gì đó thật buồn trong chuyện này, dường như ảnh hưởng đến Grant và Fiona sâu sắc hơn tất cả những bi kịch trong chương trình *Kiệt tác sân khấu*, thế nên họ đã bỏ không xem nữa trước khi bộ phim kết thúc.

Fiona có thêm bạn mới, Kristy thông báo. Rõ ràng là bà ấy đang chui ra khỏi cái vỏ của mình.

Vô gì? Grant muốn hỏi lắm, nhưng rồi ông tự kiềm chế, ông không muốn đánh mất đi ân sủng Kristy ban cho.

Nếu có ai đó gọi điện, ông sẽ để cho máy nhận tin nhắn. Những người mà họ thỉnh thoảng giao tiếp không phải là láng giềng gần, mà là những người sống quanh vùng nông thôn, những người đã về hưu, như họ, và những người thường đi xa mà chẳng ai hay biết. Những năm đầu sống ở đây Grant và Fiona đã lưu lại suốt mùa đông. Mùa đông nông thôn và một trải nghiệm mới, và họ có vô số việc cần làm để sửa sang lại ngôi nhà. Thế rồi họ nảy ra ý tưởng là họ cũng nên đi du lịch khi còn sức, và họ đã đến Hy Lạp, Úc, Costa Rica. Mọi người sẽ nghĩ là hiện họ đang đi một chuyến du lịch như thế.

Ông trượt tuyết để tập thể dục nhưng không bao giờ đi đến tận đầm lầy. Ông cứ trượt hết vòng này đến vòng khác trên cánh đồng sau nhà trong lúc mặt trời xuống dần, để lại bầu trời màu hồng trùm lên vùng nông thôn dường như bao quanh bởi những sóng băng tuyết viền xanh. Ông đếm số

vòng trượt quanh cánh đồng, rồi quay về căn nhà đang tối dần, bật ti vi xem tin tức trong khi chuẩn bị bữa tối. Ông bà vẫn thường cùng nhau chuẩn bị bữa tối. Người chuẩn bị đồ uống, người coi lửa lò sưởi, họ nói chuyện về công việc của ông (ông đang viết một nghiên cứu về giống chó sói huyền thoại Norse và đặc biệt về đại chó sói Fenris, kẻ nuốt chửng Odin trong ngày tận thế), hay về cuốn sách gì đó mà Fiona đang đọc và về những gì họ đã nghĩ trong một ngày gần gũi nhưng cũng riêng tư của họ. Đây là những khoảnh khắc thân mật sống động nhất của họ, dù dĩ nhiên, cũng có năm mười phút âu yếm ngọt ngào sau khi lên giường - thường không kết thúc bằng chuyện làm tình, nhưng cũng trấn an họ rằng chuyện tình dục chưa hẳn là đã hết.

Trong một giấc mơ Grant thấy mình chìa lá thư cho một đồng nghiệp mà ông từng coi là bạn. Đó là lá thư từ bạn cùng phòng của một cô gái mà đã lâu ông không nghĩ đến. Lời lẽ trong thư đầy vẻ đạo đức giả và thù địch, đe dọa theo kiểu than vãn rên rỉ - ông coi tác giả lá thư là dạng đồng tính tiềm ẩn. Còn cô gái kia vốn là bồ cũ ông đã chia tay đường hoàng, không có vẻ gì là cô ta sẽ làm lớn chuyện, chứ đừng nói đến chuyện cô ta định tự tử như lá thư kia có vẻ muốn kể với ông một cách tinh vi.

Tay đồng nghiệp này là típ người chồng người cha sẵn sàng vứt bỏ cả vật mà hàng đêm bỏ nhà đi ngủ lê la dưới sàn nhà với tình nhân trẻ quyến rũ mê hồn, rồi đến cơ quan, lên lớp trong tình trạng bệ rạc, đầy mùi thuốc phiện và mùi nhang khói. Nhưng sao giờ đây hẳn ta lại có vẻ rất bi quan về những trò vô nghĩa ấy, và Grant nhớ lại là thực tế hẳn đã cưới một trong những cô gái ấy làm vợ, nhưng rồi cô vợ bắt đầu thích tổ chức những bữa tiệc tối, thích có con, như những bà vợ thông thường khác.

“Như tôi thì tôi chả cười đâu,” tay đồng nghiệp nói với Grant, nhưng ông không nghĩ là mình đang cười. “Và nếu tôi là anh thì tôi sẽ chuẩn bị tinh thần sẵn cho Fiona.”

Và thế là Grant đến tìm Fiona ở Hồ Thảo Nguyên - tòa nhà Hồ Thảo Nguyên cũ - nhưng rồi thế nào ông lại thấy mình đang ở giữa giảng đường.

Mọi người đang ngồi chờ ông đến giảng bài. Ngồi ở hàng cuối cùng, cao nhất, là cả một đàn những cô gái trẻ, ánh mắt họ lạnh lùng, tất cả đều mặc váy màu đen, tất cả đều trông tang tóc, họ chăm chăm nhìn ông với ánh mắt cay đắng, rõ ràng là không ghi chép gì và chẳng quan tâm đến bất cứ điều gì ông đang nói.

Fiona ngồi ở hàng ghế đầu, dáng vẻ thanh thản. Cô đã biến giảng đường thành cái góc nhỏ như cô vẫn luôn tìm cho mình khi đi dự tiệc tùng - một chốn cao khô ráo, nơi cô có thể nhâm nhi ly rượu với nước khoáng, hút thuốc lá thực sự chỉ là thuốc lá^[24] và kể chuyện hài hước về mấy con chó của cô. Cô đang bơi ngược dòng trào lưu, cùng với vài người như cô, họ xem những tuồng chèo đang diễn ra ở những góc khác, trong phòng ngủ và ngoài hiên tối, không gì hơn là những hài kịch trẻ con. Như thể sự trinh bạch mới là thời thượng, và tính kín đáo là phước lành.

“Ôi dào, vợ vẫn.” Fiona nhận xét. “Con gái tuổi ấy lúc này chả đi rêu rao cho cả làng biết họ sẽ tự vẫn như thế nào.”

Nhưng nhận xét của cô không đủ thuyết phục - thực ra, nó còn làm ông hơi ớn lạnh. Ông lo sợ rằng nhận xét của cô không đúng, rằng chuyện gì đó khủng khiếp đã xảy ra, và ông nhìn thấy cái mà cô không thể thấy - đó là cái vòng tròn đen càng ngày càng dày đặc, khép lại gần hơn nữa, siết lấy cổ họng ông, bao trùm phía trên giảng đường.

Ông cố lôi mình ra khỏi giấc mơ và bắt đầu phân loại những gì là có thật và những gì chỉ là mơ.

Đúng là có một lá thư thật, và đúng là có ai đó đã viết “ĐỒ CHUỘT CHÙ”^[25] bằng sơn đen lên cửa văn phòng ông, và Fiona, khi nghe nói về chuyện có cô gái trẻ đã đau khổ vì mẹ ông, đúng là đã nói cái gì đó tương tự như bà đã nói trong giấc mơ của ông. Không có người đồng nghiệp, những người đàn bà mặc váy đen chưa bao giờ xuất hiện trong lớp của ông, và không có ai tự tử. Grant không bị bê mặt, thực tế là ông đã thoát thân một cách khá dễ dàng, khi ta nghĩ đến những chuyện lẽ ra đã có thực xảy ra chỉ

vài năm sau đó. Nhưng rồi những lời đồn đại cũng lan ra. Người ta quay lưng lạnh nhạt thấy rõ. Họ gần như chẳng được ai mời đến dự lễ Giáng sinh và họ đã phải đón năm mới một mình. Grant trở nên rượu chè be bét, và rồi chẳng ai đòi hỏi, tự ông đã hứa sẽ đổi đời với Fiona - ơn Chúa, ông đã không mắc sai lầm là đi thú tội với bà.

Nỗi xấu hổ ông cảm thấy lúc đó là xấu hổ vì bị lừa, vì không nhận ra đang có sự thay đổi. Và không một cô bồ nào giúp ông nhận thức được chuyện này. Trước đây đã từng có gì đó thay đổi, khi đột nhiên có rất nhiều phụ nữ xung quanh chỉ đợi cho ông ve vãn - hoặc ít ra và ông cảm thấy như vậy - còn giờ thì đến sự thay đổi mới mẻ này, khi bọn họ nói với ông bà chuyện xảy ra hoàn toàn không phải là chủ tâm họ muốn vậy. Họ đã chiều ý ông vì họ bất lực, hoang mang, và toàn bộ chuyện này làm cho họ bị tổn thương hơn là thích thú. Kể cả khi họ chủ động thì cũng chỉ là vì tình thế bất lợi lúc ấy mà thôi.

Không một ai ghi nhận rằng cuộc đời của kẻ săn gái (nếu Grant buộc phải gọi mình bằng cái danh xưng ấy - dù số vụ chinh phục hay chuyện bê bối của ông chẳng bằng một nửa cái gã đàn ông đã quở trách ông tướng mọt) cũng có những hành động tử tế, rộng lượng và thậm chí đầy đức hy sinh đấy chứ. Có thể không phải ngay lúc đầu, nhưng ít ra là dần dà sau đó. Đã nhiều lần ông thỏa mãn lòng tự tôn của phụ nữ, bảo vệ tính yếu đuối của họ bằng cách ban phát thêm tình cảm, hoặc tỏ ra đam mê mạnh mẽ hơn tình cảm thực của ông. Ông đã làm tất cả những việc tốt ấy để rồi bây giờ bị buộc tội gây tổn thương, lợi dụng và phá hủy lòng tự trọng của họ. Lại cả tội lừa dối Fiona nữa chứ - tất nhiên là ông đã lừa dối bà - nhưng liệu có tốt hơn cho bà không nếu ông cư xử như những gã đàn ông khác là bỏ vợ?

Ông chưa bao giờ nghĩ đến chuyện gì như thế. Ông chưa bao giờ lơ là chuyện làm tình với Fiona mặc dù có bao nhiêu đòi hỏi rầy rà ở những nơi khác. Ông chưa bao giờ bỏ rơi bà lấy một đêm. Chưa bao giờ bịa chuyện tình vi để đi nghỉ cuối tuần ở San Francisco hay cắm trại ở đảo Manitoulin. Ông ít khi uống rượu hút thuốc và tiếp tục cho ra những bài báo nghiên cứu,

tham gia các ủy ban, thăng tiến trong sự nghiệp. Ông chưa bao giờ có ý định vứt bỏ công việc và hôn nhân của mình để về quê làm thợ mộc hay nuôi ong.

Thế nhưng rồi cái chuyện đại loại như thế cũng đã xảy ra. Grant buộc phải về hưu non với mức lương hưu thấp hơn. Ông bác sĩ tim mạch đã qua đời sau một thời gian sống cô đơn trong ngôi nhà lớn, hoang mang và khắc kỷ. Fiona được thừa hưởng cả ngôi nhà và nông trại nơi cha bà lớn lên - vùng nông thôn gần vịnh Georgia. Bà bỏ việc điều phối viên dịch vụ thiện nguyện ở bệnh viện (trong thế giới đời thường, như bà nói, đây là nơi người ta thực sự gặp những khó khăn không dính líu đến ma túy, tình dục hay tranh cãi học thuật). Cuộc sống mới rồi cũng phải bắt đầu.

Lúc này Boris và Natasha đã chết. Một con bị bệnh và chết trước - Grant không nhớ là con nào - rồi con kia ra đi, phần nào vì thương nhớ bạn.

Ông và Fiona tự sửa sang lại ngôi nhà. Họ trượt tuyết việt dã. Họ không thích giao tiếp mấy nhưng dần dà cũng kết bạn được với mấy người. Ông không còn bận bịu ve gái nữa. Không còn những ngón chân trần phụ nữ rờ rẫm ống quần ông dưới gầm bàn giữa tiệc tối. Không còn những bà vợ phóng đảng.

Vừa kịp lúc, Grant vỡ lẽ ra như vậy, khi cảm giác bất công đã vơi đi. Những người ủng hộ nữ quyền và cũng có thể chính cái cô gái u sầu ngốc nghếch ấy, hay đám người hèn nhát gọi là bạn ấy, đã đẩy ông ra đúng lúc. Ra khỏi lối sống mà quả là mang đến cho ông ngày càng nhiều rắc rối hơn là lợi lộc. Cái lối sống mà có thể cuối cùng sẽ khiến ông đánh mất Fiona.

Vào buổi sáng hôm quay lại Hồ Thảo Nguyên để thăm vợ lần đầu, Grant đã dậy rất sớm. Ông có cảm giác chộn rộn một cách nghiêm trang, giống như thời xa xưa, vào những buổi sáng hẹn hò lần đầu với một người tình mới. Cái cảm giác không chính xác là nhục dục. (Sau này, khi chuyện hẹn hò đã trở thành thường xuyên thì nhục dục là tất cả những gì còn sót lại.) Đó là cảm giác kỳ vọng khám phá, gần như là mở rộng tâm hồn. Và có cả sự

rút rè, tự ti, lo sợ.

Ông rời nhà từ quá sớm. Khách không được phép vào thăm trước hai giờ chiều. Ông không muốn ngồi ở bãi đậu xe chờ đợi, nên ông buộc phải quay xe đi theo hướng khác.

Trước đó có một đợt tuyết tan. Tuy vẫn còn nhiều tuyết, nhưng quang cảnh rực rỡ hồi đầu đông đã biến mất. Những đống tuyết lổ chỗ dưới bầu trời xám trông như những đống rác trên cánh đồng.

Trong thị trấn gần Hồ Thảo Nguyên, ông tìm thấy một cửa hàng hoa và mua một bó hoa lớn. Ông chưa từng tặng hoa cho Fiona. Và cũng chưa bao giờ tặng hoa cho bất cứ người đàn bà nào khác. Ông đi vào tòa nhà, cảnh giác mình chẳng khác gì một người tình tuyệt vọng hay một người chồng tội lỗi trong tranh biếm họa.

“Ôi chao. Hoa thủy tiên đầu mùa,” Kristy nói. “Chắc là ông phải tốn cả gia tài để mua đây.” Cô đi trước ông, dọc theo hành lang, rồi bật đèn trong cái tủ tường, hay đại loại như tủ bếp, để tìm lọ hoa. Cô là một phụ nữ trẻ, phốp pháp, và dường như cô đã chẳng buồn chăm chút gì đến ngoại hình của mình nữa, trừ mái tóc. Đó là mái tóc vàng dày. Cả một bộ tóc đánh phồng lộng lẫy kiểu gái bung rượu quây bar hay vũ nữ thoát y, ngự trên một khuôn mặt và thân hình hoàn toàn không có gì đặc biệt.

“Ở đằng kia kìa,” cô nói, hất đầu ra hiệu về phía cuối hành lang. “Tên gắn ngay trên cửa.”

Đúng vậy, tên được ghi trên một bảng tên trang trí hình những con chim thanh tước. Ông đoán đo không biết có nên gõ cửa không, và rồi ông gõ, mở cửa và gọi tên bà.

Bà không có ở trong phòng. Cửa tủ đóng, giường gọn ghẽ. Không có gì trên bàn đầu giường ngoài hộp khăn giấy và một ly nước. Không có lấy một tấm hình hay bất cứ một bức tranh nào, không sách, không báo. Có lẽ ta phải cất những thứ ấy trong ngăn tủ.

Ông quay trở lại quây y tá, hay bàn tiếp tân, hay là cái chỗ gì đó tương tự.

Kristy hỏi, “Không có bà ấy à?” với vẻ ngạc nhiên mà ông cho là chỉ chiếu lệ.

Ông ngập ngừng, tay ôm bó hoa. Cô nói, “Thôi được rồi, được rồi - ông hãy tạm đặt bó hoa xuống đây cái đã.” Cô buông tuồng thở dài, như thể ông là đứa trẻ đến muộn trong ngày đầu tiên đi học, cô dẫn ông dọc một hành lang, bước vào vùng ánh sáng rọi xuống từ những ô cửa sổ vĩ đại trở trong căn phòng lớn ở trung tâm, có trần cao như trần nhà thờ. Vài người ngồi dọc theo tường, trong những chiếc ghế bành thoải mái, những người khác ngồi quanh những chiếc bàn đặt giữa phòng trải thảm. Không có ai trông quá kinh khủng. Già thì có - vài người đã bất lực tới mức cần đến xe lăn - nhưng cũng tươi tắn. Trước đây, khi ông và Fiona đến thăm Farquar, họ thường thấy những cảnh tượng đáng sợ. Những bà già cằn có râu, một người còn có con mắt lồi ra trông như quả mận thối. Miệng chảy dãi, đầu cổ lắc lư, lưỡi nhả như điên. Còn bây giờ, trông có vẻ như người ta đã thanh lý hết tất cả những trường hợp tác hại nhất. Hoặc có thể người ta dùng thuốc, phẫu thuật, cũng có thể là có cách gì đó chữa dị dạng, chữa bệnh không kiểm chế nổi lời nói và cả bệnh không kiểm chế được những chức năng khác - những phương cách chưa hề có cách đây vài năm.

Tuy nhiên, cũng có một bà trông có vẻ rất chán nản đang ngồi bên cây đàn piano, gõ phím đàn bằng một ngón tay, mãi mà chẳng được một giai điệu nào cho ra hồn. Một bà khác, cặp mắt trống rỗng đăm đăm nhìn từ đằng sau bình cà phê và chồng ly nhựa, như thể đang buồn chán đến tận xương tủy. Nhưng bà ta hẳn phải là nhân viên - vì bà ta mặc quần màu xanh lá cây nhạt như của Kristy.

“Ông thấy không?” Kristy hạ thấp giọng. “Ông ra đó thăm hỏi bà ấy đi và cố đừng làm bà ấy sợ đấy nhé. Nhớ là bà ấy có thể không... Chẹp. Ông cứ đến gặp bà ấy đi.”

Ông thấy khuôn mặt nhìn nghiêng của Fiona, ngồi dán vào một trong mấy bàn chơi bài, nhưng không chơi. Mặt bà trông hơi sưng, lớp mỡ một bên má chảy xuống che khỏa miệng của bà, theo một kiểu không giống như trước đây. Bà ngồi xem người đàn ông ngồi sát cạnh chơi. Ông ta nghiêng lá

bài của mình để bà có thể nhìn thấy. Khi Grant đến gần, bà ngược lên nhìn ông. Tất cả bọn họ - tất cả những người đang chơi bài ở bàn đó - đều ngược mặt lên nhìn ông, vẻ khó chịu. Rồi tất cả tức thì đồng loạt cúi xuống bài của mình, như thể muốn xua đuổi người đến quấy nhiễu.

Nhưng Fiona đã mỉm cười, nụ cười lệch, bối rối, ranh mãnh và duyên dáng, bà đẩy lui ghế và đi vòng đến bên ông, rồi bà đặt ngón tay lên miệng mình ra dấu đừng làm ồn.

“Bài bridge,” bà thì thào. “Nghiêm túc chết người ấy. Họ điên cuồng vì trò này. Bà kéo ông về phía bàn nước, vừa đi vừa trò chuyện. “Tôi nhớ mình cũng như thế hồi học đại học. Tôi và mấy người bạn thường cùng tiết, tụ tập ở phòng sinh hoạt chung, hút thuốc và sát phạt nhau. Có một cô tên là Phoebe, tôi không nhớ những cô khác.”

“Phoebe Hart,” Grant nói. Ông hình dung một cô gái nhỏ thó, ngực hõm, mắt đen, có lẽ giờ đã chết. Quyện trong khói thuốc, Fiona, Phoebe và những cô khác, mê hoặc như phù thủy.

“Ông cũng biết cô ta à?” Fiona hỏi, mỉm cười về phía bà phục vụ có khuôn mặt lạnh như đá. “Tôi có thể mời ông uống nước không? Một tách trà nhé? Tôi e rằng cà phê ở đây chẳng ngon lành gì.”

Grant chẳng bao giờ uống trà.

Ông không thể nào ôm chầm lấy bà. Dù rất thân thuộc nhưng có gì đó trong giọng nói, trong nụ cười của bà, có gì đó trong cái cách bà dường như đang bảo vệ những người chơi bài, thậm chí bảo vệ cả bà phục vụ cà phê, để ông không phiền đến họ - cũng như bảo vệ cho ông khỏi sự khó chịu của họ - đã khiến ông không thể nào ôm chầm lấy bà.

“Anh có mang hoa tặng em,” ông nói. “Anh nghĩ hoa sẽ làm cho phòng em tươi tắn hơn. Anh đến phòng em, nhưng em không có ở đó.”

“Tất nhiên bà không rồi,” bà đáp lại. “Vì tôi đang ở đây mà.”

Grant nhận xét, “Em có bạn mới.” Ông hất đầu chỉ người đàn ông hồi nãy ngồi cạnh bà. Đúng lúc đó, ông kia ngược lên nhìn Fiona và bà quay lại,

có thể bà vì câu nói của Grant, hay cũng có thể là vì bà cảm nhận được cái nhìn của người đàn ông nọ.

“Ông Aubrey ấy mà,” bà trả lời. “Rất buồn cười là hóa ra tôi đã biết ông ấy từ lâu lắm rồi. Ông ấy làm việc ở một cửa hàng. Cửa hàng đồ ngũ kim mà ông tôi hay đến mua. Ông ấy và tôi lúc nào cũng trêu đùa nhau nhưng ông ấy không bao giờ đủ can đảm để hẹn hò với tôi. Cho đến tận cuối tuần cuối cùng thì ông ấy mới dẫn tôi đi xem bóng chày. Nhưng khi trận bóng vừa kết thúc, ông tôi đã có mặt ngay để đón tôi về. Thời ấy tôi hay đến đó vào dịp nghỉ hè. Thăm ông bà tôi - họ sống ở nông trại.”

“Fiona. Anh biết ông bà em đã từng sống ở đâu. Đây là nơi chúng ta sống. Đã từng sống.”

“Thật á?” bà nói, không hoàn toàn tập trung vào câu trả lời vì người đàn ông chơi bài đang nhìn bà, cái nhìn không phải là khẩn khoản mà là ra lệnh. Ông ta cũng tầm tuổi Grant, hay có thể hơn chút đỉnh. Mái tóc bạc trắng thô dày phủ xuống trán, da nhăn nheo nhưng nhợt nhạt, trắng vàng như cái găng tay trẻ con cũ kỹ và nhàu nhĩ. Khuôn mặt dài trang nghiêm và u sầu, ông ta có cái vẻ đẹp của một con ngựa già mạnh mẽ nhưng thoái chí. Nhưng chỉ cần liên quan đến Fiona là ông ta không thoái chí chút nào.

“Tôi phải quay lại đó thôi,” Fiona nói, khuôn mặt mới đầy đặn của bà thoáng ửng hồng. “Ông ấy nghĩ là ông ấy không thể chơi được nếu không có tôi ngồi đó. Thật là ngớ ngẩn, tôi giờ chả còn nhớ mấy về trò chơi này. Tôi sợ là ông phải thứ lỗi cho tôi thôi.”

“Thế ván bài đã sắp xong chưa?”

“Ồ, chắc là sắp. Nhưng cũng còn tùy. Nếu ông đến và lịch sự hỏi xin cái bà trông râu rĩ kia thì bà ấy sẽ cho ông một ly trà đấy.”

“Anh ổn mà,” Grant nói.

“Vậy tôi sẽ để mình ông ở đây nhé, ông sẽ tự lo được mà phải không? Mọi thứ có vẻ lạ lẫm với ông lắm phải không, nhưng rồi ông sẽ ngạc nhiên khi thấy mình làm quen nhanh đến như thế nào. Ông sẽ biết tất cả mọi người,

ai là ai. Chỉ có điều vài người như ở trên chín tầng mây, ông biết đấy - mình không thể bắt tất cả mọi người phải biết mình là ai.”

Bà quay lại và trườn vào chiếc ghế của mình rồi ghé tai Aubrey nói gì đó. Ngón tay gõ nhẹ lên mu bàn tay của ông ta.

Grant đi tìm Kristy và gặp cô ở hành lang. Cô đang đẩy chiếc xe chở những bình nước táo và nho ép.

“Đợi tôi một chút,” cô nói với ông, rồi thò đầu qua một khung cửa. “Có ai muốn uống nước táo không? Nước nho? Bánh bích quy?”

Ông đợi cô rót đầy hai ly nhựa mang vào phòng. Rồi cô quay lại, bỏ hai chiếc bánh quy củ dong vào những cái đĩa giấy.

“Thế nào?” cô hỏi. “Ông có hài lòng khi thấy bà ấy hòa nhập như vậy không?”

Grant hỏi, “Liệu bà ấy thậm chí có biết tôi là ai không?”

Ông không thể nào biết chắc chắn. Rất có thể là bà đang đùa bỡn ông. Cái đó không hẳn là không giống bà. Bà đã để lộ chân tướng khi giả vờ đóng kịch vào lúc cuối, nói chuyện với ông như thể bà cho ông là cư dân mới.

Biết đâu bà đang giả vờ. Biết đâu chuyện này chỉ là màn kịch.

Nhưng nếu thế thì sao bà lại không chạy theo ông và cười giễu ông khi bà đã xong trò nghịch ngợm? Chắc chắn là bà sẽ không quay lại đám chơi bài và giả bộ quên ông. Như thế thì quá ư là tàn nhẫn.

Kristy an ủi, “Chỉ bà ông đến không đúng lúc thôi. Họ đang say mê chơi bài.”

“Nhưng bà ấy có chơi đâu,” ông chống chế.

“Đành là thế, nhưng bạn của bà ấy đang chơi. Ông Aubrey.”

“Vậy chứ Aubrey là ai?”

“Thì là ông ấy. Aubrey. Bạn của vợ ông. Ông có muốn uống nước trái cây không?”

Grant lắc đầu.

“Ôi, ông nghe này,” Kristy nói. “Ở đây vẫn thường có kiểu gắn bó như thế. Tình trạng này sẽ kéo dài một thời gian đấy. Kiểu như bạn thân vậy. Nhưng chỉ tạm thời thôi.”

“Cô muốn nói là bà ấy thực sự rất có thể không biết tôi là ai?”

“Rất có thể. Rất có thể ngày hôm nay bà ấy không biết. Còn ngày mai thì như thế nào - chúng ta chẳng thể nào biết được, đúng không nào? Tình trạng này sẽ thay đổi tới lui hoài và chúng ta chẳng làm gì được. Sau một thời gian thăm viếng thường xuyên, ông sẽ thấy đây là cái điều không tránh khỏi. Ông sẽ quên dần và sẽ không coi chuyện này là trầm trọng nữa. Hãy tập làm quen dần, từng ngày một.”

Từng ngày một. Nhưng trên thực tế tình trạng này không thay đổi tới lui hoài và ông không thể nào làm quen được với nó. Dường như Fiona mới chính là người làm quen dần với ông, với một người khách dai dẳng và quan tâm đặc biệt đến bà. Hay thậm chí là một người hay quấy rầy, mà theo nguyên tắc lịch sự của bà, không nên để họ biết họ là kẻ quấy rầy. Bà đối xử với ông bằng một lòng tốt hời hợt theo kiểu xã giao và chính cách cư xử này đã khiến ông không cách nào hỏi được một điều rõ ràng nhất và cần thiết nhất. Ông không thể nào đòi bà phải rạch ròi là bà có nhớ ông, người chồng của bà đã gần năm chục năm nay. Ông có cảm tưởng là bà sẽ xấu hổ nếu ông hỏi như vậy - không phải xấu hổ cho bà mà là xấu hổ cho ông. Bà sẽ dao động mà cười phá lên, sẽ làm ông mất mặt bởi chính phép lịch sự và tình trạng bối rối của bà, rồi bằng cách nào đó, bà sẽ vẫn không trả lời là có hay không. Hoặc bà sẽ chọn một trong hai câu trả lời nhưng với cái cách sẽ không thỏa mãn ông tẹo nào.

Kristy là cô y tá duy nhất mà ông có thể trò chuyện. Vài y tá khác coi toàn bộ chuyện này như một tấn trò cười. Một gã y tá đểu giả đã cười vào mặt ông. “Lão Aubrey với bà Fiona ấy á? Đúng là mê nhau như điên đồ nhỉ?”

Kristy cho biết là ông Aubrey trước đây làm đại lý cho một công ty chuyên bán thuốc diệt cỏ - “và tất cả những thứ đại loại như vậy” - cho nông

dân.

“Ông ấy đã từng là một người đàn ông hoàng,” cô nói, Grant không hiểu ý cô muốn nói Aubrey là một người trung thực, rộng lượng và tốt bụng với mọi người, hay ông ta là một người biết ăn nói, ăn mặc sang trọng và đi xe xịn. Có lẽ là cả hai.

Thế rồi khi ông ấy còn chưa già và thậm chí chưa về hưu - cô kể - ông ấy đã bị bệnh gì đó dị thường.

“Thường thì bà vợ chăm lo cho ông ấy. Bà ấy chăm sóc ngay tại gia. Bà ấy chỉ gửi ông chồng vào đây tạm thời trong khi tranh thủ đi nghỉ dưỡng sức. Chị bà ấy muốn bà ấy đi Florida. Ông thấy đấy, bà ấy đã khổ sở vô cùng, ai mà ngờ được một người đàn ông như thế... Trong lúc họ đi nghỉ mát ở đâu đó, ông ấy đã bị con gì đó như côn trùng cắn và bị sốt cao kinh khủng. Con sốt đã đẩy ông ấy vào tình trạng hôn mê và bây giờ ra nông nỗi này.”

Ông hỏi cô về chuyện tình cảm giữa các cư dân. Họ có bao giờ đi quá xa không? Bây giờ ông đã có thể giả giọng quan tâm thích thú với hy vọng nó sẽ giúp ông tránh phải nghe những bài lên lớp của cô.

“Còn tùy ý ông muốn nói gì cô trả lời. Cô cầm bút viết vào sổ ghi chép của mình trong lúc suy nghĩ nên trả lời ông như thế nào. Khi viết xong, cô ngước lên nhìn ông và mỉm cười thẳng thắn.

“Chuyện phiền phức chúng tôi gặp ở đây, kể cũng buồn cười, lại thường xảy ra với những cư dân vốn hoàn toàn chẳng ưa gì nhau. Có lẽ họ còn chẳng biết gì về nhau ngoài phạm vi cần biết, tỷ như người kia bà đàn ông hay đàn bà? Người ta thường cứ đinh ninh là mấy ông sẽ muốn mò vào giường mấy bà, nhưng ông không biết đấy thôi, phải đến một nửa số trường hợp là hoàn toàn ngược lại. Các bà lại là người theo rết các ông. Tôi đồ là họ vẫn chưa kiệt hết sức.”

Rồi cô không mỉm cười nữa, như thể cô sợ mình đã nói quá nhiều, hoặc lời lẽ như vậy và hơi nhấn tâm.

“Ông đừng hiểu nhầm tôi nhé,” cô phân bua. “Tôi không có ý nói bà

Fiona như vậy đâu. Bà Fiona là một quý bà.”

Thế còn ông Aubrey thì sao? Grant muốn hỏi. Nhưng rồi ông sức nhớ ra là ông Aubrey phải ngồi xe lăn.

“Bà ấy thực sự là một quý bà Kristy nói với giọng cương quyết và khẳng định tới mức Grant lại sinh nghi. Ông hình dung ra cảnh tượng Fiona mặc chiếc váy ngủ dài có gấu viền ruy băng đục lỗ màu xanh da trời, đùa cợt vén chăn chui vào giường lão già kia.

“Ừm, đôi khi tôi tự hỏi...” Ông ngập ngừng.

Kristy hỏi, giọng gay gắt. “Ông tự hỏi cái gì?” “Tôi tự hỏi liệu bà ấy có đang đóng kịch với tôi chăng.”

“Đang làm gì cơ?” Kristy hỏi.

Phần lớn những buổi chiều, cặp bài trùng này hay cùng ngồi ở bàn chơi bài. Aubrey có đôi bàn tay to, ngón tay thô dày. Ông ta chặt vật lăm mới sắp xếp được những lá bài. Fiona xáo và chia bài cho ông, đôi khi bà nhanh nhẹn chộp lá bài và sửa lại ngay ngắn khi thấy nó sắp tuột khỏi tay ông. Từ bên kia phòng, Grant quan sát những cử động nhanh như tên bắn của bà và lắng nghe những câu vội vã cười xin lỗi. Ông có thể nhìn thấy cái điệu bộ Aubrey cau mày như của một ông chồng khi lọn tóc của bà chạm vào má ông ta. Aubrey thích làm bộ như phớt lờ bà, miễn là bà quanh quẩn đâu đó gần mình.

Nhưng bà chỉ cần mỉm cười chào Grant, bà chỉ cần đẩy ghế đứng lên mời ông uống trà - chứng tỏ bà chấp nhận chuyện ông có mặt ở đây và rất có thể bà cảm thấy hơi có trách nhiệm đối với ông - tức thì nét mặt Aubrey sẽ lo u sầu. Ông ta để mặc cho những lá bài tuột khỏi tay mình rơi xuống sàn nhà, làm hỏng ván chơi.

Và thế là Fiona lại phải bận rộn chỉnh đốn mọi thứ.

Nếu không ngồi ở bàn chơi bài thì họ đi bách bộ dọc hành lang, Aubrey một tay vịn lan can, còn tay kia bám chặt lấy cánh tay hoặc bả vai Fiona. Y tá xem việc này như một phép mầu kỳ diệu, cái cách bà thuyết phục ông ta

không dùng xe lăn. Nhưng nếu phải đi xa hơn - tới nhà kính ở đầu này hoặc đến phòng xem ti vi ở đầu kia tòa nhà - thì họ cần đến xe lăn.

Truyền hình dường như lúc nào cũng chiếu kênh thể thao và Aubrey xem bất cứ loại thể thao nào, nhưng có lẽ ông ta thích xem gôn nhất. Grant sẵn sàng xem cùng với họ. Ông sẽ ngồi cách đó vài ghế. Trên màn hình lớn, một nhóm nhỏ khán giả và bình luận viên theo chân những người chơi gôn, băng qua sân cỏ bình yên xanh rì, và vào những lúc thích hợp sẽ nổ một tràng pháo tay lịch sự. Nhưng sự yên lặng sẽ ngự trị ở mọi nơi khi người chơi vung gậy và quả bóng bắt đầu hành trình cô đơn đã định xuyên qua trời. Aubrey, Fiona, Grant và có thể có cả những người khác ngồi đó, nín thở, và rồi Aubrey sẽ là người bật ra trước, bày tỏ sự hài lòng hoặc thất vọng. Và chỉ một khoảnh khắc sau, Fiona sẽ đồng tình phụ họa theo.

Nhưng ở nhà kính thì sẽ không có kiểu yên lặng đó. Cặp đôi họ sẽ tìm một chỗ nào đó giữa đám cây rậm rạp nhất giống cây vùng nhiệt đới - nếu thích thì cũng có thể gọi đó là một cái phòng the - và Grant chỉ vừa đủ kiểm chế để không xâm phạm. Hòa lẫn trong tiếng lá xào xạc, tiếng nước bắn là tiếng cười và giọng nói khe khẽ của Fiona.

Và rồi có tiếng cười khúc khích. Ai trong họ cười nhỉ?

Có thể không phải họ - có thể đó là tiếng một trong mấy chú vẹt tro trắng sắc sảo ở mấy cái lồng trong góc.

Aubrey nói chuyện được, mặc dù giọng ông ta có lẽ nghe không giống thước dây nữa. Có vẻ như ông ta đang nói gì đó - vài âm tiết riu lại. *Cẩn thận. Lão đang ở đây đấy. Mình à.*

Dưới đáy xanh của đài phun nước là những đồng xu ước nguyện. Grant chưa bao giờ mục kích ai ném tiền vào đó. Ông dăm dăm nhìn những đồng năm xu, mười xu, hai mươi xu, tự hỏi không biết người ta có dán những đồng xu này vào gạch lát đáy hồ không - thêm một chi tiết trang trí khích lệ của tòa nhà.

Đôi bạn thời niên thiếu sân bóng chày, ngồi tận băng ghế trên cùng của

khán đài, tách xa đám bạn của cậu con trai. Giữa họ chỉ là vài xăng ti một mặt gỗ trần trụi, bóng tối buông xuống, hơi lạnh buổi chiều cuối hè ập về. Tay xoa xoa, hông xê dịch, mắt không rời sân bóng lấy một giây. Nếu có mặc áo khoác thì cậu sẽ cởi ra choàng lên đôi vai gầy của cô. Dưới lớp áo khoác, cậu có thể kéo cô lại gần hơn, ngón tay cậu sẽ siết chặt cánh tay mềm mại của cô.

Không như thời nay, bọn con trai chắc sẽ chỉ tìm cách ngủ với cô ngay từ lần hẹn hò đầu tiên.

Cánh tay mềm mại mảnh mai của Fiona. Dục vọng của tuổi tác đã làm cô kinh ngạc và lóe lên dọc theo mọi dây thần kinh trong cơ thể thanh xuân mảnh dẻ của cô, trong lúc bóng đêm đang dần ken lại dày đặc bên ngoài lớp bụi sáng đèn của sân bóng.

Hồ Thảo Nguyên có rất ít gương soi, nên Grant không phải thấy hình bóng mình đang lén lút rình mò. Nhưng thỉnh thoảng, ông chợt nhận ra có lẽ mình trông thật là ngốc nghếch, đáng thương hại và có lẽ hơi thần kinh khi cứ bám theo Fiona và Aubrey như vậy. Ông không thể tìm được một dịp may nào để có thể đối chất với bà, hay với ông kia. Càng ngày ông càng nghi ngờ cái quyền được có mặt ở nơi này, nhưng đồng thời cũng không thể nào rút lui. Ngay cả khi ở nhà, trong khi làm việc tại bàn giấy, hay khi dọn dẹp nhà cửa, hoặc trong lúc xúc tuyết, ý nghĩ về Hồ Thảo Nguyên và lần tiếp theo đến thăm bà cứ như tiếng máy gõ nhịp không ngừng tích tắc trong đầu ông. Đôi khi ông thấy mình là cậu bé lì lợm đang theo đuổi vô vọng, đôi khi ông lại thấy mình là một anh chàng khốn khổ, lẻo đẻo trên đường phố theo đuổi những cô nàng nổi tiếng với lòng tin mạnh mẽ và một ngày nào đó họ sẽ quay đầu lại và nhận ra tình yêu.

Ông đã hết sức nỗ lực mới giảm được số ngày đi thăm bà xuống chỉ còn thứ Tư và thứ Bảy. Ông còn tự đặt ra cho mình nhiệm vụ quan sát nhiều thứ khác ở Hồ Thảo Nguyên, như thể ông chỉ là một người khách chung chung, một người làm công tác thanh tra hay nghiên cứu xã hội học.

Thứ Bảy thường có cái vẻ nhộn nhịp và căng thẳng của ngày lễ. Các gia đình đến theo từng tốp. Các bà mẹ thường chỉ huy mọi thứ, họ như những con chó chăn cừu, vui vẻ nhưng cương quyết, chặn dắt đám đàn ông và trẻ con. Chỉ có bọn trẻ lít nhít là không chút âu lo. Chúng để ý ngay những ô vuông màu xanh lục và trắng trên sàn hành lang và chọn một màu để đi, màu khác thì nhảy qua. Mấy đứa dạn hơn thì tìm cách đu lên bám theo xe lăn. Mặc dù bị la mắng, vài đứa vẫn buống bình không chịu thôi trò nghịch ngợm này và cuối cùng bị tống ra xe ngồi đợi. Và ngay lúc đó, hết sức hồ hởi, hết sức sẵn sàng, mấy đứa trẻ lớn hơn hoặc mấy ông bố sẽ tình nguyện tháp tùng bọn trẻ nghịch ngợm này ra xe, bằng cách đó tránh phải tham gia vào cuộc viếng thăm.

Chính phụ nữ là những người giữ cho câu chuyện được sôi nổi. Đàn ông hình như bị tình thế này làm cho sợ hãi, còn bọn trẻ mới lớn thì cáu kỉnh. Những người được thăm thì ngồi trên xe lăn hoặc lộp cộp nặng nề chống gậy, hoặc đi đứng cứng nhắc, không cần ai giúp, họ dẫn đầu đám rước, tự hào về số người đến thăm, nhưng dưới áp lực của cuộc viếng thăm, cặp mắt họ có vẻ trống rỗng, miệng lắp bắp một cách tuyệt vọng. Và bây giờ, khi được vây quanh bởi đủ loại người từ ngoài vào, những người trong viện quả thực trông không giống người bình thường. Râu cằm mấy bà già có lẽ đã được cạo tiệt đến tận lỗ chân lông và những cặp mắt ghê rợn có lẽ đã được che giấu bằng gạc hoặc mắt kính râm, những phát ngôn bừa bãi có lẽ đã được kiềm chế bằng thuốc men, nhưng vẫn còn đó vẻ đờ đẫn, cứng nhắc như ma ám - như thể người ta hài lòng với việc trở thành ký ức của chính mình, những tấm ảnh cuối cùng.

Bây giờ Grant mới hiểu rõ hơn cảm giác mà ông Farquar ắt hẳn đã trải qua. Những người ở đây - thậm chí cả những người không tham gia hoạt động gì mà chỉ ngồi vật vờ quan sát những cánh cửa hoặc nhìn mông lung ra cửa sổ - thực ra có một cuộc sống khá bận rộn trong đầu họ (đó là chưa kể đến cuộc sống trong cơ thể họ, những chuyển động kỳ diệu trong ruột, những cơn đau nhói như dao đâm và những nhức nhối đi kèm), đó là cuộc

sống mà nói chung không thể mô tả rõ ràng hoặc nói bóng gió trước mặt khách đến thăm. Tất cả những gì họ có thể làm là tự lặn xe hoặc bằng cách nào đó tự đẩy mình đi quanh, với hy vọng là họ sẽ kiếm được cái gì đó để trưng ra hoặc để nói chuyện.

Ở đây có cái nhà kính để khoe, và cả cái màn hình ti vi to nữa. Máy ông bố trầm trồ thán phục. Máy bà mặc nức nở khen lá dương xỉ đẹp tuyệt. Thế rồi tất cả mọi người sẽ ngồi xuống xung quanh những cái bàn nhỏ và ăn kem - trừ mấy đứa trẻ mới lớn; chúng thấy mọi thứ ở đây ghê tởm đến chết đi được. Phụ nữ lau chùi nước dãi nhỏ xuống từ những cái cằm già nua run rẩy, còn đàn ông thì nhìn tránh đi nơi khác.

Hắn là phải có mặt chút thỏa mãn trong cái nghi lễ thăm viếng này, và có lẽ ngay cả cái đám trẻ con mới lớn một ngày nào đó cũng sẽ thấy mừng vì chúng đã đến đây. Grant không mấy rành rẽ về mấy chuyện gia đình.

Có vẻ như không có con mà cũng chẳng có cháu đến thăm Aubrey, và vì họ không thể chơi bài khi bàn chơi bài đã được dùng để đãi tiệc kem, ông ta và Fiona thường tránh xa cuộc diễu hành thăm viếng của ngày thứ Bảy. Nhà kính lúc ấy quá ư đông đúc nên họ không thể nói chuyện thân mật được.

Tất nhiên, những buổi chuyện trò thân mật ấy có lẽ đang diễn ra sau cánh cửa đóng kín phòng Fiona. Grant không tài nào gõ cửa được, mặc dù đôi khi ông đứng đó, căng thẳng chăm chăm nhìn hình những con chim Disney, lòng trào lên một nỗi căm ghét thực sự ác độc.

Hoặc cũng có thể họ ở trong phòng Aubrey. Nhưng ông không biết đó là phòng nào. Càng khám phá chỗ này, ông càng phát hiện ra nhiều hành lang, chỗ nghỉ chân, những đường dốc cho xe lăn, và trong lúc lang thang, ông thấy mình vẫn dễ đi lạc như thường. Ông thường dùng tranh ảnh hay ghế ngồi nào đó để làm dấu, nhưng tuần sau, những thứ ông chọn làm dấu ấy dường như lại được dời đi nơi khác. Ông không muốn đề cập đến chuyện này với Kristy vì sợ cô nghĩ bản thân ông đang bị bệnh tâm thần gì đây. Ông giả thiết những thay đổi và sắp xếp lại liên tục này có lẽ dành cho các cư

dân - để việc tập tành hằng ngày của họ đỡ nhàm chán.

Ông cũng không nhắc đến chuyện đôi khi ông nhìn thấy ai đó xa xa và tưởng là Fiona, nhưng rồi ông lại gạt ý nghĩ đó đi vì cách ăn mặc của người đàn bà đó. Đời nào bà ấy lại mặc áo hoa hòe hoa sói và quần màu xanh lấp lánh thế kia? Vào một ngày thứ Bảy, ông nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy Fiona. Chắc chắn phải là bà. Bà đang đẩy xe lăn cho Aubrey dọc theo những con đường rải nhựa bây giờ đã được dọn sạch bằng tuyết, và bà đội cái mũ len trông rất ngố, mặc áo khoác in hình những vòng xoáy màu xanh màu tím, kiểu giống như mấy người phụ nữ địa phương mà ông gặp ở siêu thị.

Lý do hẳn là nhân viên đã chẳng thêm phân loại quần áo của những cư dân nữ na ná cùng cỡ. Và chắc họ hy vọng là các bà ấy chẳng nào cũng không nhận ra được đâu là quần áo của mình.

Họ cắt cả tóc của bà ấy nữa chứ. Họ đã cắt đi cái vàng hào quang thiên thần của bà ấy. Vào ngày thứ Tư, khi mọi việc bình thường hơn, khi hội chơi bài lại nhóm họp, khi những người đàn bà trong phòng nữ công lại ngồi làm hoa lụa hoặc búp bê mặc trang phục mà không bị ai quanh quẩn quấy rầy hay ngưỡng mộ, và khi Aubrey và Fiona lại xuất hiện để Grant có thể đến nói chuyện ngắn gọn, thân thiện và có phần hơi bức bối với vợ mình, ông hỏi bà, “Tại sao họ lại xén mất tóc em thế?”

Fiona đưa tay lên sờ đầu, kiểm tra.

“Thế thì sao... tôi chẳng thấy tiếc nó bao giờ,” bà trả lời.

Ông định sẽ tìm hiểu về chuyện ở tầng hai, nơi họ giữ mấy người mà theo như Kristy nói, hết phương cứu chữa. Những người ở tầng một vừa đi vừa lẩm bẩm tự nói chuyện, hay hỏi người đi qua những câu không đâu vào với đâu (“Có phải tôi quên áo len của mình ở nhà thờ không ấy nhỉ?”) có vẻ như chưa phải là hoàn toàn mất trí nhớ.

Họ không đạt tiêu chuẩn.

Có cầu thang đi lên tầng hai nhưng cửa ra vào đầu cầu thang khóa kín và chỉ nhân viên mới có chìa khóa. Người ta có thể đi bằng thang máy

nhưng phải có ai đó bấm nút từ đằng sau bàn trực để mở cửa.

Họ sẽ làm gì sau khi hoàn toàn mất trí nhớ?

“Có người chỉ ngồi trơ ra đó,” Kristy trả lời. “Có người thì ngồi khóc lóc. Có người thì gào lên phá phách. Ông thực sự không muốn biết đâu.”

Đôi khi tự nhiên họ nhớ lại gì đó.

“Ta vào chăm sóc họ cả năm trời mà họ không thể nào phân biệt được ta với Adam. Thế rồi bỗng nhiên một ngày nào đó, họ chào hỏi, ồ, cô đấy à, bao giờ thì cô đưa tôi về nhà. Tất cả đột nhiên trở lại hoàn toàn bình thường.”

Nhưng cũng không lâu.

“Ta nghĩ, tuyệt thật, thế là trở lại bình thường. Thế rồi tự nhiên họ lại bị lại ngay tức thì.” Cô bật tách ngón tay. “Trong tích tắc như vậy.”

Ở thị trấn nơi trước đây ông làm việc có một hiệu sách mà ông và Fiona ghé qua mỗi năm đôi lần. Ông quay lại đó một mình. Ông không thực sự muốn mua gì, nhưng ông lên một danh sách và chọn mua một vài cuốn từ danh sách đó, rồi ông mua thêm một cuốn nữa mà ông tình cờ nhìn thấy. Đó là cuốn sách về Iceland. Một cuốn màu nước thế kỷ thứ mười của một nữ du hành gia đã từng đặt chân đến Iceland.

Fiona chả bao giờ chịu học tiếng mẹ đẻ của bà và chưa bao giờ tỏ ý lưu tâm gì nhiều đến những truyền thuyết mà xứ sở ấy lưu giữ - những truyền thuyết mà Grant đã từng dạy, viết bài nghiên cứu, và vẫn tiếp tục viết trong suốt cuộc đời làm việc của mình. Bà gọi những nhân vật trong truyền thuyết là “ông già Snorri” hay “ông già Snorri”. Nhưng dạo mấy năm gần đây bà ngày càng quan tâm nhiều hơn đến quê hương mình và bắt đầu nghiên cứu sách hướng dẫn du lịch. Bà đọc về chuyến du hành của William Morris và Auden. Bà không thực sự có ý định qua Iceland chơi. Bà than phiền là thời tiết bên đó quá khắc nghiệt. Vả lại - bà nói - người ta ai cũng nên có một nơi chốn để nghĩ, để biết, có lẽ còn mong mỗi hướng về - nhưng chả bao giờ đến được. Khi Grant bắt đầu giảng dạy môn văn học Anglo-Saxon và Bắc Âu anh thường có một loại sinh viên nhất định. Nhưng sau vài năm,

anh nhận thấy có sự thay đổi. Phụ nữ có chồng bắt đầu đi học lại. Không phải là họ có ý định nâng cao kiến thức để tìm được việc làm tốt hơn hay tìm việc làm nói chung, đơn giản là họ muốn có một thứ gì đó thú vị hơn để bận tâm ngoài việc nhà và những sở thích thông thường. Đại để là làm cho cuộc sống của họ phong phú hơn. Có thể vì vậy mà chuyện đương nhiên xảy ra sau đó là những người thầy dạy họ cũng dự vào cái phần phong phú này, và trong mắt những người phụ nữ họ, mấy ông thầy có vẻ kỳ bí hơn và hấp dẫn hơn những người đàn ông mà họ đang hầu hạ cơm nước và chần gối ở nhà.

Những môn họ thường chọn và tâm lý học, lịch sử văn hóa hay văn học Anh.

Thỉnh thoảng họ cũng chọn khảo cổ hay ngôn ngữ nhưng thường phải bỏ nửa chừng vì chúng hơi nặng. Những ai đăng ký học lớp của Grant thường có nguồn gốc liên quan đến vùng Scandinavi, như Fiona, hoặc có thể họ đã học được gì đó về thần thoại Bắc Âu từ Wagner hay từ những tiểu thuyết dã sử. Cũng có vài người nghĩ Grant dạy ngôn ngữ Celt - và đối với họ, tất cả những gì liên quan đến Celt đâu có sức quyến rũ huyền bí.

Từ phía bên kia bàn giấy, anh nghiêm khắc khuyến cáo những học trò đang khao khát này.

“Nếu các chị muốn học một thứ tiếng đẹp dễ duyên dáng thì hãy đi học tiếng Tây Ban Nha. Để mà còn dùng được khi đi Mexico.”

Vài người nghe theo lời cảnh báo của anh và đổi môn học. Những người khác lại có vẻ như cảm động theo kiểu rất riêng tư trước giọng điệu đòi hỏi của anh. Họ hăng hái học tập và mang đến văn phòng của anh, vào cuộc sống đã được sắp đặt và toại nguyện của anh, vẻ tươi tắn tuyệt vời đáng ngạc nhiên của sự phục tùng chín chắn đầy nữ tính, cùng với niềm hy vọng run rẩy được chấp thuận.

Anh đã chọn người đàn bà tên Jacqui Adams. Cô hoàn toàn tương phản với

Fiona - thấp người, nở nang, mắt sậm, vồn vã. Không biết đùa tếu bao giờ. Cuộc tình kéo dài một năm, cho đến khi chồng cô được chuyển đi nơi khác. Khi họ tạm biệt nhau, trong xe cô, Jacqui bỗng run lên bần bật không thể nào kiềm chế được. Cứ như là cô đang bị bệnh giảm dần nhiệt. Cô viết cho anh vài lá thư, nhưng anh thấy lời lẽ trong thư có vẻ cuồng nhiệt quá nên không biết trả lời thế nào. Anh đã để thời gian cần trả lời thư trôi đi mất trong khi anh, một cách kỳ diệu và bất ngờ, bắt đầu dan díu với một cô gái trẻ chỉ đáng tuổi con gái của Jacqui.

Vì đã có một diễn biến khác choáng váng hơn xảy ra trong khi anh đang bận rộn với Jacqui. Các cô gái trẻ trung, tóc dài, chân đi xăng đan bước vào văn phòng anh, tất cả như đều muốn tuyên bố rằng họ sẵn sàng ăn nằm với anh. Cách tiếp cận dè dặt, kiểu ám chỉ cảm xúc dịu dàng cần thiết khi tán Jacqui đã được vứt bém ra ngoài cửa sổ. Một cơn tố lốc ập đến với anh, cũng như với nhiều người khác, ước muốn biến thành hành động theo cái cung cách khiến Grant phải băn khoăn tự hỏi liệu có điều gì đang bị bỏ qua hay không? Nhưng ai mà có thời gian để hối tiếc cơ chứ? Anh nghe nói có những vụ một người cặp cùng lúc với mấy người liền, những cuộc tình cuồng dại và liều lĩnh. Những vụ bê bối bị phanh phui, với kịch tính cao độ và đau đớn ở khắp nơi, nhưng lại có cảm giác rằng như vậy thì tốt hơn. Có trả thù - có cả đuổi việc. Nhưng những người bị đuổi việc đã chuyển qua dạy ở những trường nhỏ hơn, dễ dãi hơn, hay những trung tâm Giáo dục Mở rộng, và nhiều cô vợ bị bỏ lại đã vượt qua cú sốc, khoác lên mình cũng những bộ cánh ấy, sự hờ hững tình dục của chính những cô gái đã cảm dỗ chồng họ. Những buổi tiệc tùng hàn lâm trước đây thường chẳng có gì gây ngạc nhiên nay trở thành những bãi mìn giăng đầy cạm bẫy. Một bệnh dịch phát ra và lây lan nhanh như dịch cúm Tây Ban Nha. Chỉ có điều lần này người ta chạy theo bệnh dịch, và hầu như chẳng có mấy ai tuổi từ mười sáu đến sáu mươi lại có vẻ muốn đứng ngoài vòng tiêm nhiễm này.

Tuy nhiên, Fiona lại có vẻ sẵn sàng đứng ngoài. Mẹ cô đang hấp hối, và kinh nghiệm ở bệnh viện đã dẫn cô đi từ công việc thường ngày ở phòng hộ

tịch sang làm công việc mới. Bản thân Grant cũng không làm gì quá đáng, ít ra là so với vài người khác quanh anh. Anh không bao giờ để một người đàn bà khác quá thân mật với mình như Jacqui đã từng. Cái mà anh cảm thấy chủ yếu là sức khỏe tốt lên cực kỳ. Khuynh hướng dễ bị mập từ năm anh mười hai tuổi nay đã biến đâu mất. Anh chạy lên cầu thang hai bậc một. Như chưa từng thấy trước đây, anh cảm kích trước những cụm mây lộng lẫy và hoàng hôn mùa đông ngoài khung cửa sổ văn phòng, vẻ quyến rũ của ánh đèn cổ tỏa sáng giữa bức rèm phòng khách nhà hàng xóm, tiếng trẻ con la hét ngoài công viên lúc chạng vạng vì không chịu rời bỏ ngọn đồi nơi chúng đang chơi xe trượt tuyết. Mùa hè đến, anh học tên các loài hoa. Trong lớp của mình, sau khi được mẹ vợ giờ đây đã gần như mất giọng (bà bị ung thư vòm họng) huấn luyện, anh đã mạo hiểm ngâm và dịch bài ngợi ca oai phong đẫm máu, bài thơ chuộc đầu Hofuolausn^[26], được sáng tác để ca ngợi vua Eric Bloodaxe bởi chính người hát rong đã bị nhà vua kết tội chết. (Bằng sức mạnh của thơ ca, nhà thơ này sau đó được chính ông vua đã kết tội mình tha bổng.) Tất cả học trò vỗ tay tán thưởng - kể cả những người theo chủ nghĩa hòa bình mà trước đó anh đã vui vẻ trêu chọc và hỏi họ có muốn đợi ngoài hành lang không. Hôm đó, hay cũng có thể là một ngày khác, khi lái xe về nhà, tự nhiên một câu trích dẫn không thích hợp và báng bổ cứ lảng vảng trong đầu anh.

Cả sức lực và trí tuệ Ngài đều thêm mạnh mẽ...

Thuận ơn chúa và thuận lòng người.^[27]

Lúc đó việc này khiến anh xấu hổ và rùng mình đầy mê tín. Và ngay cả bây giờ cũng vậy. Nhưng miễn là không ai biết thì chuyện này dường như chẳng có vẻ gì là tội lỗi.

Lần tiếp theo đến thăm Hồ Thảo Nguyên, Grant mang theo cuốn sách. Đó là ngày thứ Tư. Ông đi tìm Fiona ở bàn chơi bài nhưng không thấy bà.

Một bà gọi với theo ông, “Bà ấy không có đây đâu. Bà ấy bị ốm.” Giọng bà ta có vẻ háo hức, tự cho mình là quan trọng - như thể tự hài lòng vì nhận ra

ông trong khi ông chẳng biết bà ta là ai. Có lẽ bà ta còn hài lòng vì bà biết về Fiona, về cuộc sống của Fiona tại đây, và tự nhủ là có khi bà còn biết nhiều hơn ông.

“Ông ấy cũng không có ở đây,” bà ta thêm.

Ông đi tìm Kristy.

“Đâu có gì đâu, thật mà,” cô trả lời khi ông hỏi Fiona bị làm sao. “Bà ấy chỉ muốn nằm nghỉ một ngày thôi, bà ấy hơi khó ở.”

Fiona đang ngồi thẳng lưng trên giường. Mặc dù đã vào phòng này vài lần nhưng ông không nhận ra đây là loại giường bệnh viện có thể xoay dựng lên theo cách ấy. Bà mặc một trong mấy cái váy cao cổ đoan trang của mình, sắc mặt không giống hoa anh đào nữa mà trắng bệch như bột.

Aubrey ngồi cạnh bà, trong chiếc xe lăn được đẩy sát giường của bà hết cỡ. Ông ta không mặc chiếc sơ sơ mi xoàng xĩnh để hở cổ như thường lệ nữa mà diện áo vét thắt cà vạt. Cái mũ vải tuyết diệu đà của ông ta đặt trên giường. Trông ông ta tươm tất như vừa đi một công chuyện gì quan trọng.

Gặp mặt luật sư? Đi ngân hàng? Hay đi gặp nhà quản để thu xếp chuyện mai táng?

Bất kể vừa làm công chuyện gì thì có vẻ như ông ta đã kiệt sức vì nó. Trông mặt ông ta cũng tái xám.

Cả hai đều ngẩng đầu lên nhìn Grant, nét mặt hoa đá vì đau khổ chột nhẹ nhõm, nếu không muốn nói bà đây vẻ đón chào, khi họ nhận ra đó là ông.

Chứ không phải là người mà họ nghĩ.

Họ bịn rịn nắm tay nhau, không chịu buông ra.

Cái mũ trên giường. Cái áo vét và cái cà vạt.

Không phải Aubrey vừa đi đâu. Câu hỏi không phải là ông ta đã đi đâu và ông ta đã gặp ai. Mà là ông ta chuẩn bị đi đâu.

Grant đặt cuốn sách lên giường, phía bên bàn tay còn rỗi của bà.

“Sách về Iceland,” ông nói. “Anh nghĩ có thể em sẽ muốn xem.”

“Chao ôi, cảm ơn ông,” Fiona nói. Bà không nhìn cuốn sách. Ông nắm tay bà đặt tên cuốn sách.

“Iceland,” ông nói.

Bà lặp lại, “Ice-land.” Âm đầu còn ánh lên một chút quan tâm, nhưng âm thứ hai thì rơi tõm. Dù sao, bà cần phải hướng sự chú ý của mình trở lại với Aubrey, bởi vì ông ta đang rút bàn tay to dày của mình khỏi tay bà.

“Gì vậy?” bà hỏi. “Gì vậy, anh yêu dấu?”

Grant chưa bao giờ thấy bà dùng cách gọi hoa mỹ như vậy.

“Ồ, được rồi,” bà nói. “Ồ, đây.” Bà lôi ra một nắm khăn giấy từ cái hộp cạnh giường.

Vấn đề là Aubrey bắt đầu khóc. Nước mắt nước mũi ông ta bắt đầu lòng ròng, ông ta sợ mình sẽ trở thành một cảnh tượng đáng thương hại, nhất là trước mặt Grant.

“Thôi nào. Thôi nào Fiona ăn ỉm. Lẽ ra bà đã lau chùi nước mắt nước mũi cho ông ta rồi - và có thể nếu họ chỉ có một mình thì ông ta sẽ để cho bà làm thế. Nhưng trước mặt Grant, Aubrey sẽ không cho phép bà làm chuyện đó. Ông ta cố hết sức để nắm lấy mớ khăn giấy thật chặt rồi chùi mặt vài nhát một cách vụng về nhưng đầy vẻ biết ơn.

Trong lúc Aubrey đang bận lau chùi, Fiona quay sang Grant.

“Ông có tình cờ quen biết ai có quyền thế ở đây không?” bà thì thầm. “Tôi thấy ông nói chuyện với họ.”

Aubrey kêu lên phản đối, hoặc cũng có thể đó là tiếng kêu mệt mỏi, hay tiếng kêu ghê tởm. Và rồi thân trên của ông ta chồm tới như thể ông ta muốn lao về phía bà. Bà nhào nửa người ra khỏi giường, chộp và giữ chặt lấy ông ta. Grant có cảm giác kỳ kỳ nếu ông giúp bà, mặc dù dĩ nhiên ông sẽ giúp bà nếu ông nghĩ là Aubrey sắp ngã xuống sàn nhà.

“Thôi nào,” Fiona vỗ về. “Ôi, cưng. Thôi nào. Mình sẽ gặp nhau mà. Chắc

chấn là mình sẽ gặp nhau. Em sẽ đi thăm mình. Mình sẽ đến thăm em.”

Aubrey lại kêu lên lần nữa, mặt gục vào ngực bà, và Grant không thể làm được gì hơn ngoài việc ý tứ ra khỏi phòng.

“Tôi chỉ cầu cho bà vợ ông ấy nhanh nhanh đến đây cho rồi,” Kristy nói. “Tôi mang bà ấy mang ông ấy đi để chấm dứt sớm cái cảnh đau đớn khổ sở này. Chúng tôi sắp phải phục vụ bữa tối rồi, làm sao bắt bà ấy nuốt nổi miếng nào khi mà ông ấy còn luẩn quẩn đây cơ chứ?”

Grant hỏi, “Liệu tôi có nên lại đây không?”

“Để làm gì? Ông cũng biết là bà ấy có đau ốm gì đâu.”

“Để bầu bạn an ủi bà ấy,” ông trả lời.

Kristy lắc đầu.

“Họ phải tự mình vượt qua thử thách này. Thường họ không nhớ lâu đâu. Mất trí không phải lúc nào cũng là chuyện quá kinh khủng.”

Kristy không phải là người vô cảm. Trong thời gian quen biết cô, ông đã phát hiện ra một số điều về cuộc sống của cô. Cô có bốn đứa con. Cô không biết chồng cô đâu nhưng nghi là hắn ta đang ở Alberta. Con trai thứ của cô bị bệnh hen suyễn nặng đến nỗi có lẽ chẳng nhớ đã chết vào một đêm tháng giêng nếu cô không đưa nó đi cấp cứu kịp thời. Thằng nhỏ không hút sách nghiện ngập gì, nhưng cô không chắc chắn lắm về thằng anh của nó.

Hắn là với cô, ông Grant, bà Fiona và thậm chí cả ông Aubrey đều là những người may mắn. Cuộc sống của họ không có quá nhiều xui xẻo. Những gì họ phải chịu đựng bây giờ khi đã già cả thì không tính là xui xẻo.

Grant về thẳng mà không quay lại phòng Fiona. Ông để ý thấy ngày hôm ấy gió thực nóng và lũ quạ huyền não hết sức. Trong bãi đậu xe, một người đàn bà mặc bộ vét kẻ ca rô đang lôi từ cốp xe ra một chiếc xe lăn xếp gọn.

Ông đang lái xe trên một con phố tên là đường Black Hawks. Tất cả những con phố quanh đây đều mang tên những đội khúc côn cầu trong giải đấu quốc gia. Con phố này nằm trong khu rìa ngoài của thị trấn gần Hồ

Thảo Nguyên. Ông và Fiona thường đi mua sắm ở thị trấn này, nhưng họ chẳng thông thuộc các khu vực của nó ngoại trừ con phố chính.

Nhà cửa có vẻ như được xây cùng một thời, chắc là ba bốn mươi năm trước.

Đường rộng, quanh co và không có vỉa hè - gọi nhớ cái thời mà người ta cho là sẽ chẳng mấy ai đi bộ nữa. Bạn bè của Grant và Fiona đã chuyển về sinh sống ở những nơi như thế này khi họ bắt đầu có con cái. Lúc đầu họ còn hối lỗi vì chuyện di chuyển. Họ gọi đó là “chuyển ra Khu Nướng Thịt.”

Những gia đình trẻ vẫn còn sống ở đây. Khung chơi bóng rổ được gắn phía trên cửa ga ra và xe đạp ba bánh đậu ngoài lối đi. Nhưng vài ngôi nhà đã sa sút, không còn là kiểu ngôi nhà gia đình như mục đích xây lên ban đầu nữa. Sân cỏ hằn vết xe, cửa sổ dán giấy thiếc hay che bằng những lá cờ bạc màu.

Nhà cho thuê. Dân thuê nhà là đàn ông trẻ - còn độc thân, hay vừa trở lại đời độc thân.

Một vài ngôi nhà có vẻ như được cố gắng hết sức để duy trì bởi những người đã đến đây ở khi nhà còn mới - những người không có tiền, hoặc có thể không có nhu cầu chuyển đến ở nơi khác tốt hơn. Bụi mọc um tùm, ván nhựa vinyl màu nhạt đã được dùng để giải quyết nhu cầu phải sơn lại nhà. Hàng rào hoặc bờ giậu gọn gàng cho thấy là con cái trong nhà đã lớn và đã ra ở riêng, vì thế cha mẹ chúng không còn thấy nhu cầu để sân vườn nhà họ thành cái sân chơi thông thống cho bất cứ bọn trẻ con hậu sinh nào chạy rông trong khu phố.

Ngôi nhà của vợ chồng Aubrey in trong sổ niên giám điện thoại là một trong mấy ngôi nhà loại này. Lối đi vào cửa trước được lát đá, hai bên là những cây lan dạ hương cứng nhắc như làm bằng sành sứ, trồng xen kẽ màu hồng và màu xanh dương.

Fiona vẫn chưa qua cơn sâu thẳm. Bà không chịu ăn gì, mặc dù bà giả bộ là mình có ăn và giấu thức ăn vào trong khăn ăn. Bà được cho uống nước

dinh dưỡng hai lần mỗi ngày - người ta phải canh đến khi thấy bà nuốt trôi hết mới thôi. Bà ra khỏi giường, thay quần áo, nhưng rồi bà chỉ muốn ngồi trong phòng mình. Bà không chịu tập thể dục gì trừ phi Kristy, hay một cô y tá nào đó, hoặc Grant trong giờ thăm viếng, dắt bà đi tới đi lui dọc hành lang hoặc đi ra ngoài trời.

Trong ánh nắng xuân, bà ngồi trên băng ghế cạnh tường, âm thầm khóc. Bà vẫn lịch sự - xin lỗi vì những giọt nước mắt của mình và không bao giờ cãi lại một lời đề nghị nào hoặc từ chối không trả lời các câu hỏi. Nhưng bà khóc. Khóc nhiều làm cho mắt bà toét ra và mờ đục đi. Áo len của bà - cứ cho đó bà áo của bà - bị cài lệch cúc. Bà chưa đến nỗi để đầu bù tóc rối hay móng tay cáu bẩn, nhưng tình trạng ấy chắc cũng không xa.

Kristy bảo bắp thịt của bà đang teo dần và nếu tình trạng của bà không khá lên thì chẳng mấy chốc người ta sẽ phải cho bà dùng xe vịn.

“Nhưng ông biết không, một khi họ dùng xe vịn rồi bà họ sẽ lệ thuộc vào nó, rồi họ sẽ không bao giờ đi bộ mấy nữa mà chỉ đi đến nơi nào buộc phải đến thôi.”

“Ông phải tích cực giúp bà ấy hơn nữa,” cô nói với Grant. “Hãy cố động viên bà ấy.”

Nhưng Grant không làm được gì. Fiona có vẻ không ưa ông, mặc dù bà cố gắng che giấu. Có lẽ mỗi lần nhìn thấy ông là bà lại nhớ đến những giây phút cuối cùng với Aubrey, khi bà nhờ ông giúp đỡ nhưng ông đã không giúp gì.

Bây giờ ông thấy có nhắc bà về hôn nhân của họ cũng chẳng để làm gì nữa.

Bà không chịu xuống căn phòng nơi cũng vẫn những con người đó đang chơi bài. Và bà cũng không chịu đến phòng xem truyền hình hay ghé thăm nhà kính.

Bà bảo bà không thích màn hình ti vi lớn, nó làm bà đau mắt. Và tiếng chim ồn ào rất khó chịu và bà chỉ ước thỉnh thoảng họ tắt đài phun nước đi

cho yên tĩnh.

Theo những gì Grant biết thì bà chưa một lần ngó ngang đến cuốn sách về Iceland, hay bất cứ một cuốn sách nào khác mà bà đã mang đến từ nhà - đáng ngạc nhiên là bà mang theo ít sách như vậy. Bà hay ngồi nghỉ ở phòng đọc sách, bà chọn chỗ này có lẽ vì hầu như chẳng có ai đến đây, và nếu ông lấy một cuốn sách từ trên giá xuống thì bà sẽ để ông đọc cho bà nghe. Ông ngờ là bà để ông đọc vì như vậy bà sẽ cảm thấy dễ chịu hơn với sự có mặt của ông - bà có thể nhắm mắt và lại chìm đắm vào nỗi đau buồn của mình. Bởi vì nếu chỉ cần buông nỗi đau đó ra dù chỉ một khoảnh khắc thôi thì bà sẽ chỉ thấy đau hơn khi lại chạm vào nó. Đôi khi, ông nghĩ bà nhắm mắt để giấu đi ánh tuyệt vọng lồ lộ mà ông không nên thấy.

Và thế là ông ngồi đọc bà nghe một trong mấy cuốn tiểu thuyết cũ rích về tình yêu trong sáng, về cơ đồ mất đi rồi lại kiếm lại được, những cuốn tiểu thuyết có lẽ được vứt đi từ thư viện trường làng hoặc lớp giáo lý vào một thời xa xôi nào đó. Hình như chẳng ai quan tâm đến chuyện cập nhật sao cho sách trong phòng đọc cũng mới mẻ như hầu hết những thứ khác trong tòa nhà này.

Bìa sách mềm mại như nhung, với những hình hoa lá in khắc vào bìa, khiến cuốn sách trắng giống như hộp trang sức hay hộp kẹo sô cô la. Để cho phụ nữ - ông nghĩ chắc phải là phụ nữ - có thể sắm những cuốn sách này về như những món đồ quý

Người giám sát mời ông đến văn phòng. Cô thông báo là Fiona không khỏe lên như họ mong đợi.

“Bà ấy tiếp tục sụt cân dù chúng tôi đã bổ sung nước dinh dưỡng. Chúng tôi đã làm hết khả năng.”

Grant nói ông có nhận thấy họ đã cố gắng.

“Vấn đề là, tôi chắc ông cũng đã biết, chúng tôi không chăm sóc tận giường về lâu về dài đối với các cư dân ở tầng một. Chúng tôi chỉ chăm sóc tạm thời nếu họ không được khỏe, nhưng nếu bệnh nhân quá yếu không

thể tự di chuyển và không tự lo được thì chúng tôi phải tính đến chuyện đưa họ lên tầng hai.”

Ông bảo ông không nghĩ là Fiona nằm giường nhiều đến mức đó.

“Đúng vậy. Nhưng nếu bà ấy không duy trì được sức khỏe thì bà ấy sẽ như vậy. Hiện nay bà ấy đang ở mấp mé giới hạn rồi.”

Ông phản đối vì ông nghĩ là tầng hai chỉ dành cho người bị thần kinh hỗn loạn.

“Đúng vậy, cả họ nữa,” cô giám sát viên trả lời.

Ông không nhớ chút gì về vợ của Aubrey ngoài bộ vét kẻ ca rô khi ông nhìn thấy bà ta trong bãi đỗ xe. Tà áo vét xẻ đuôi xòe ra khi bà ta cúi đầu vào cốp xe, gây cho ông ấn tượng về một vòng eo nhỏ và cặp mông bự.

Hôm nay bà ta không mặc bộ vét kẻ ca rô ấy. Quần tây nâu thắt lưng và áo len màu hồng. Cảm giác của ông về vòng eo là chính xác - thắt lưng siết chặt chứng tỏ bà ta muốn khoe vòng eo nhỏ của mình. Có lẽ sẽ tốt hơn nếu bà ta không làm như vậy, vì thân hình bà ta phình ra đáng kể ở phần trên và dưới của thắt lưng.

Bà ta có lẽ trạc hơn chồng quăng mười, mười hai tuổi. Tóc ngắn, quần và nhuộm đỏ một cách giả tạo. Mắt bà ta xanh - nhạt hơn màu mắt của Fiona, màu xanh trứng sáo hay màu ngọc lam - xệ vì hơi sung. Vô số nếp nhăn trông lại càng rõ vì lớp phấn màu nâu nhạt. Hoặc cũng có thể đó là do sạm nắng Florida.

Ông nói ông không biết nên tự giới thiệu như thế nào.

“Trước đây tôi có gặp ông nhà ở Hồ Thảo Nguyên. Tôi thường đến đó thăm người nhà.”

“Vâng,” vợ Aubrey trả lời, cầm hếch lên như muốn sẵn sàng gây sự.

“Ông nhà khỏe chứ ạ?”

Chữ “ạ” được thêm vào cuối chót lưỡi. Bình thường thì ông sẽ nói, “Ông nhà khỏe chứ?”

“Ông ấy bình thường,” bà ta trả lời.

“Vợ tôi và ông nhà khá thân với nhau.”

“Tôi có nghe nói.”

“Vậy, tôi có thể nói chuyện với chị không nếu chị có chút thời gian?”

“Chồng tôi không định có ý gì với vợ ông đâu, nếu ông muốn nói chuyện đó,” bà ta nói. “Ông ấy không tán tỉnh gạ gẫm bà ấy. Ông ấy không thể và không bao giờ làm cái chuyện đó. Theo những gì tôi nghe được thì thực ra là ngược lại kia.”

Grant phân bua, “Không. Hoàn toàn không phải chuyện ấy. Tôi đến đây không phải phàn nàn gì cả.”

“Ồ,” bà nói. “Ừm, xin lỗi. Tôi tưởng ông định kêu ca gì.”

Chỉ cộc lốc như thế, cái kiểu bà ta xin lỗi. Chẳng có vẻ gì là hối lỗi cả. Mà có vẻ thất vọng và bối rối.

“Vậy tốt hơn hết là ông vào nhà đi,” bà ta nói. “Gió lùa vào nhà lạnh quá. Trời trong thế mà lại chẳng ấm.”

Thậm chí vào được đến trong nhà đối với ông đã là một cái gì giống như chiến thắng rồi. Ông không nghĩ là sẽ khó khăn như vậy. Ông tưởng bà vợ Aubrey là típ phụ nữ khác. Một người nội trợ bận rộn, thích thú khi có khách bất ngờ đến nhà và hãnh diện khi được người khác tâm sự.

Bà ta dẫn ông đi qua lối và phòng khách, giải thích, “Ta sẽ ngồi trong bếp để tôi có thể nghe được tiếng Aubrey.” Grant thoáng nhìn thấy rèm cửa sổ phòng khách, cả hai lớp đều màu xanh dương, một lớp mỏng nhìn thấu qua được và một lớp mềm như lụa, ghế xô pha đồng màu xanh với màn cửa và thảm màu nhạt nhạt đến phát sợ, trong phòng có đủ loại gương soi và đồ trang trí rục rĩ.

Fiona có một từ để gọi những loại màn cửa rủ xuống như thế này - bà dùng từ này với vẻ giấu cợt, mặc dù mấy mợ chỉ cho bà từ này đã rất nghiêm túc khi dùng nó. Bất cứ phòng nào được Fiona trang trí đều rất đơn giản và

sáng sửa - có lẽ bà sẽ rất sửng sốt nếu thấy quá nhiều đồ màu mè chen chúc nhau trong một cái phòng nhỏ xíu như vậy. Ông không thể nhớ ra cái từ đó là gì.

Ông có thể nghe tiếng ti vi vọng ra từ căn phòng cạnh bếp - chắc là phòng đón nắng nhưng đã được kéo màn xuống để che nắng chiều.

Aubrey. Câu trả lời cho những lời cầu nguyện của Fiona ngồi chỉ cách đó có vài mét, đang xem cái gì nghe như một trận bóng chày. Vợ lão ngó vào thăm. Bà ta hỏi, “Ông ổn cả chứ?” và khép hờ cánh cửa phòng.

“Thôi thì ông làm một ly cà phê nhé,” bà ta mời.

Ông nhận lời, “Cảm ơn chị.”

“Con trai tôi mua cho ông ấy kênh thể thao hồi Giáng sinh năm ngoái, thật tình tôi không biết sẽ làm sao nếu không có cái kênh đó.”

Trên mặt bàn phòng bếp là vô số những dụng cụ làm bếp và máy móc - máy pha cà phê, máy xay thức ăn, dụng cụ mài dao và vài thứ mà Grant không biết gọi là gì và dùng để làm gì. Tất cả đều trông mới và có vẻ đắt tiền, cứ như thể là vừa từ trong hộp ra hay được đánh bóng hằng ngày.

Ông nghĩ có lẽ nên khen những thứ này đẹp. Ông khen cái máy pha cà phê bà ta đang dùng và bảo ông và Fiona đã luôn muốn mua một cái như vậy. Điều này hoàn toàn không đúng sự thật - Fiona rất trung thành với một cái máy pha cà phê kiểu châu Âu, loại chỉ pha mỗi lần hai cốc.

“Chúng nó tặng chúng tôi cái máy đó,” bà ta bảo. “Con trai chúng tôi và vợ nó. Chúng nó sống ở Kamioops, B.C. Chúng nó gửi quá nhiều thứ cho chúng tôi, dùng không xuể. Kể ra mà chúng nó dùng tiền đó để đến đây thăm chúng tôi thì hơn.”

Grant triết lý, “Tôi đoán là họ bận bịu với cuộc sống riêng.”

“Chúng nó có bận gì lắm đâu, mùa đông trước còn đi nghỉ ở Hawaii mà. Có thể thông cảm được cho chúng nó nếu mà trong nhà còn có ai khác ở ngay gần đây. Đằng này chúng tôi chỉ có mỗi mình nó.”

Cà phê pha xong, bà ta chế cà phê vào hai cái cốc sứ màu nâu và xanh lấy từ các nhánh cụt của cái giá trông như cái cây bằng sứ đặt trên bàn.

“Người ta ai cũng sẽ thấy cô đơn,” Grant nhận xét. Ông nghĩ đây là cơ hội mào đầu. “Nếu ta tước đi cơ hội được gặp người họ quan tâm thương mến, họ sẽ buồn. Như Fiona. Vợ tôi.”

“Tôi tưởng ông bảo ông vẫn thường xuyên đến thăm bà ấy mà.”

“Đúng thế,” ông công nhận. “Nhưng chuyện không phải như vậy.”

Thế rồi ông đánh bài liều, ông yêu cầu bà ta cái việc mà vì nó ông đã đến đây. Ông hỏi liệu bà ta có thể đưa Aubrey đến Hồ Thảo Nguyên chơi mỗi tuần một lần được không? Chỉ cần lái xe có vài dặm, hẵn mà không có gì khó khăn lắm. Hoặc nếu bà ta muốn tranh thủ thời gian cho mình thì ông sẽ không nề hà chuyện chở Aubrey đến đó - Grant không hề tính trước chuyện này nên đã cảm thấy hơi nhụt chí khi nghe thấy chính mình đề nghị như vậy. Ông tin là ông có thể lo được chuyện này. Còn bà ta thì có thể nghỉ ngơi.

Trong khi ông nói, bà ta chuyển động đôi môi khép kín và cái lưỡi trong miệng như thể đang cố xác định một hương vị mơ hồ nào đó. Bà ta mang sữa đến cho ông uống cà phê và một đĩa bánh quy gừng.

“Nhà làm đấy,” bà ta vừa nói vừa đặt đĩa bánh xuống bàn.

Giọng điệu nghe có vẻ thách thức chứ không hiếu khách. Bà ta không nói gì thêm cho đến khi ngồi xuống ghế, rót sữa vào tách cà phê của mình và khuấy.

Rồi bà ta tuyên bố không được.

“Không. Tôi không thể làm được. Lý do là vì tôi không muốn làm ông ấy khó chịu.”

“Liệu chuyện đó có làm ông nhà khó chịu thật không?”

Grant nghiêm túc hỏi.

“Có, có đấy. Nhất định có đấy. Không đời nào tôi làm thế đâu. Đem ông

ấy về rồi lại đem đi. Đem về rồi lại đem đi, như vậy chỉ tổ làm ông ấy rối lên không hiểu chuyện gì thôi.”

“Nhưng liệu ông nhà có hiểu đó chỉ là đi thăm không? Liệu ông ấy có thể quen dần với việc này không?”

“Dĩ nhiên ông ấy hiểu mọi chuyện chứ.” Bà ta nói cứ như thể là Grant đã có ý xúc phạm Aubrey. “Nhưng chuyện này vẫn làm gián đoạn cuộc sống thường ngày. Rồi tôi lại còn phải chuẩn bị mọi thứ, cho ông ấy lên xe, mà ông ấy thì to con, lo cho ông ấy không dễ như ông tưởng đâu. Tôi phải thu xếp cho ông ấy lên xe, rồi phải mang theo cái xe lăn. Mà tất cả những chuyện rắc rối đó để được cái gì cơ chứ? Nếu tôi phải khổ sở làm tất cả những thứ đó thì tôi thà mang ông ấy đến chỗ nào vui vẻ còn hơn.”

“Nhưng ngay cả khi tôi đồng ý lo tất cả những chuyện đó sao?” Grant nói, vẫn giữ giọng điệu hy vọng và biết điều. “Đúng vậy, đúng là không nên để chị phải bị phiền hà như vậy.”

“Ông không thể lo được,” bà ta gạt phắt. “Ông không hiểu ý ông ấy. Ông không thể lo cho ông ấy được. Ông ấy cũng không chịu để cho ông lo cho ông ấy đâu. Mà tất cả những phiền toái đó để ông ấy được cái gì?”

Grant cảm giác có lẽ không nên nhắc đến Fiona nữa.

“Dẫn ông ấy đi chơi trung tâm thương mại còn có lý hơn,” bà ta nói. “Như vậy ông ấy còn được nhìn thấy trẻ con này nọ. Nếu như mà chuyện đó không làm ông ấy buồn nhớ hai đứa cháu trai mà ông ấy chả bao giờ được thấy mặt mũi đâu cả. Hay mùa này tàu thuyền bắt đầu chạy lại rồi thì thà tôi cho ông ấy ra hồ xem tàu thuyền còn hơn.”

Bà ta đứng lên đi lấy thuốc lá và bật lửa từ bậc cửa sổ phía trên bồn rửa.

“Ông có hút thuốc không?” bà ta hỏi.

Ông cảm ơn và từ chối, mặc dù không hiểu có phải ý bà ta là muốn mời ông một điếu.

“Ông chưa bao giờ hút? Hay ông bỏ thuốc?”

“Tôi bỏ thuốc,” ông trả lời.

“Lâu chưa?”

Ông ngẫm nghĩ.

“Ba mươi năm rồi. Không... có lẽ là hơn.”

Ông quyết định bỏ thuốc đầu quăng thời gian ông bắt đầu cặp bồ với Jacqui. Nhưng bây giờ ông không thể nhớ được ông bỏ thuốc trước và nghĩ Jacqui là phần thưởng lớn đã trao cho ông vì ông bỏ thuốc, hay ông quyết định đã đến lúc bỏ thuốc vì nay ông đã có trò tiêu khiển khác có sức hấp dẫn mạnh mẽ như vậy.

“Tôi đã từ bỏ cái chuyện bỏ hút thuốc,” bà ta nói, tay摸 thuốc. “Tôi quyết định không cố bỏ hút thuốc nữa, thế đấy.”

Có thể đó là nguyên nhân gây ra những nếp nhăn. Có ai đó - một người phụ nữ thì phải - đã nói với ông là phụ nữ hút thuốc lá thường có những nếp nhăn nhỏ đặc thù trên da mặt họ. Nhưng cũng có thể là do nắng, hoặc cũng có lẽ là do di truyền - da cổ bà ta cũng nhăn nheo rõ nét. Cổ nhăn nheo, ngực lại căng đầy, trẻ trung mà không hề bị xệ. Phụ nữ cỡ tuổi như bà ta thường có những điểm trái ngược như vậy. Nét xấu và nét đẹp, gen tốt hoặc không có gen tốt, tất cả pha trộn hỗn tạp với nhau. Rất ít người như Fiona, còn giữ được vẻ đẹp trọn vẹn, tuy không rõ rệt.

Cũng có thể sự thực hoàn toàn không phải là như vậy. Cũng có thể ông nghĩ như vậy vì ông biết Fiona thời còn con gái. Có thể, để có được ấn tượng như vậy, người ta phải quen biết người phụ nữ từ khi họ còn son trẻ.

— Liệu khi nhìn vợ mình, Aubrey có thấy hình ảnh một cô học trò trung học đầy vẻ khinh bỉ, ngổ ngáo, với đôi mắt xanh màu trứng sáo say đắm lòng người, cặp môi khêu gợi bậm quanh điếu thuốc lá bị cấm hút?

“Thế vợ ông bị trầm cảm à?” vợ Aubrey hỏi. “Vợ ông tên gì nhỉ? Tôi quên rồi.”

“Vợ tôi tên là Fiona.”

“Fiona. Còn tên ông? Hình như ông chưa giới thiệu tên ông cho tôi.”

Ông trả lời, “Tên tôi là Grant.”

Bà ta đột ngột chìa tay qua bàn.

“Chào ông Grant. Tôi là Marian.”

“Vậy là bây giờ chúng ta đã biết tên nhau bà ta nói, không việc gì mà không nói thẳng thừng cho ông biết tôi nghĩ gì về chuyện này. Tôi không biết liệu ông nhà tôi có còn nằng nặc đòi gặp vợ của... gặp Fiona như trước nữa. Hay là hết rồi. Tôi không hỏi ông ấy mà ông ấy cũng chẳng nói cho tôi biết. Có khi đó chỉ là chuyện thoáng qua. Nhưng tôi không muốn mang ông ấy trở lại đó vì là đâu đó không chỉ là chuyện thoáng qua thì sao. Tôi không thể mạo hiểm. Tôi không muốn ông ấy trở nên khó bảo. Tôi không muốn ông ấy xúc động và cứ tiếp tục khổ sở như vậy. Không có những thứ đó thì tôi cũng đã đẩy việc phải lo rồi. Không có ai giúp tôi cả. Chỉ có mình tôi đây. Một mình tôi.”

“Có bao giờ chị nghĩ... quả thực chị đã rất vất vả...” Grant nói, có bao giờ chị nghĩ đến việc gửi hẳn ông nhà vào đó không?”

Ông hạ thấp giọng gần như thầm thì, nhưng bà ta thì có vẻ như không thấy cần thiết phải hạ giọng.

“Không,” bà ta trả lời. “Tôi sẽ giữ ông ấy ngay tại đây.”

Grant nhận xét, “Vâng. Chị thật là một người tốt và cao thượng.”

Ông hy vọng từ “cao thượng” không có vẻ mỉa mai. Ông không có ý đó.

“Ông nghĩ thế á?” bà ta nói. “Cao thượng không phải là thứ tôi quan tâm.”

“Nhưng đúng thế mà. Đây đâu phải một việc dễ dàng.”

“Đúng, không dễ. Nhưng trong hoàn cảnh của tôi, tôi không có nhiều lựa chọn. Nếu gửi ông ấy vào đó, tôi không có tiền trả trừ phi tôi bán ngôi nhà này. Ngôi nhà hoàn toàn là sở hữu của chúng tôi. Ngoài nó ra tôi không có một nguồn tiền nào khác. Năm sau tôi sẽ được nhận tiền hưu, tôi sẽ có

lương hưu của ông ấy và của tôi, nhưng kể cả như thế tôi cũng không thể nào đủ tiền gửi ông ấy vào đó và giữ ngôi nhà này. Ngôi nhà rất có ý nghĩa đối với tôi, thực sự có ý nghĩa.”

“Ngôi nhà rất xinh xắn,” Grant nói.

“Cũng thường thôi. Tôi đã bỏ rất nhiều công sức vào ngôi nhà này. Sửa sang, bảo quản.”

“Tôi tin là chị đã bỏ nhiều công sức. Chị giữ gìn rất tốt.”

“Tôi không muốn mất căn nhà này.”

“Vâng.”

“Tôi sẽ không để mất nó đâu.”

“Tôi hiểu ý của chị.”

“Công ty ông ấy đã bỏ mặc chúng tôi,” bà ta tiếp. “Tôi không biết ngọn ngành thế nào, tóm lại là họ đã tống cổ ông ấy. Đại khái là họ nói ông ấy thiếu nợ công ty, và khi tôi hỏi thì ông ấy cứ nói là không phải việc của tôi. Tôi nghĩ có lẽ ông ấy đã làm việc gì đó khá ngu xuẩn. Nhưng tôi không được quyền hỏi nên tôi đành phải câm miệng. Ông đã lấy vợ. Ông đang có vợ. Ông cũng biết hôn nhân là như thế nào. Đúng lúc tôi phát hiện ra chuyện này thì chúng tôi phải đi du lịch, cùng với chính những người này và chúng tôi không thể nào bỏ dở nửa chừng được. Thế rồi giữa chuyến đi ông ấy đổ bệnh, vì con virus gì đó mà chả ai nghe nói đến bao giờ, rồi ông ấy bị hôn mê. Nhờ vậy mà ông ấy thoát thân khỏi cái vụ bê bối đó.”

Grant nói, “Thật không may.”

“Tôi không có ý nói là ông ấy cố tình đổ bệnh. Đó chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên. Ông ấy không giận tôi nữa mà tôi cũng chẳng giận ông ấy. Đời là như vậy.”

“Đúng vậy.”

“Người ta không thể cải lại số mạng.”

Bà ta liếm những vụn bánh bám trên môi trên như mèo liếm mép. “Tôi

nói nghe có vẻ triết lý quá, phải không? Ở viện điều dưỡng người ta bảo tôi ông từng là giáo sư đại học.”

“Cách đây lâu rồi,” Grant trả lời.

“Tôi chẳng có nhiều chất trí thức,” bà ta nói.

“Tôi cũng không biết mình có mấy phần trí thức.”

“Nhưng tôi biết khi nào mình đã quyết định. Và tôi đã quyết định. Tôi sẽ không bán căn nhà này. Có nghĩa là tôi sẽ giữ ông ấy ở đây và tôi không muốn ông ấy có trong đầu cái ý nghĩ muốn rời đi chỗ khác. Có lẽ tôi đã sai lầm khi gửi ông ấy vào đó để tôi đi nghỉ xả hơi, nhưng tôi sẽ không còn cơ hội nào khác nên tôi đã tận dụng nó. Vậy đó. Bây giờ thì tôi khôn ra rồi.”

Bà ta lắc lắc hộp lấy thêm liều thuốc lá nữa.

“Tôi dám cá là tôi biết ông đang nghĩ gì,” bà ta tiếp. “Ông nghĩ là có loại người vụ lợi.”

“Tôi không đánh giá như vậy. Đây là đời tư của chị.”

“Chính thế.”

Ông nghĩ họ nên kết thúc câu chuyện trong không khí dung hòa hơn. Nên ông hỏi bà ta có phải chồng bà đã từng làm ở một cửa hàng bán đồ ngũ kim vào mùa hè khi ông ấy còn đi học.

“Tôi chả bao giờ nghe nói về chuyện ấy,” bà ta trả lời. “Hồi bé tôi không ở đây.”

Trên đường lái xe về nhà, Grant nhận ra vũng lầy trước đây phủ tuyết chen bóng những thân cây thẳng đứng nay đã bùng sáng lên những bông hoa huệ chồn hương. Lá tươi, trông như rau ăn và to như cái đĩa. Hoa đâm thẳng lên trông như những ngọn nến, vô vàn những bông huệ chồn hương, tinh khiết một màu vàng, như thể chúng châm lên ngọn lửa bùng cháy từ lòng đất trong một ngày u ám. Fiona đã từng nói với ông là giống hoa này còn tự tạo thân nhiệt. Bà lục lọi tìm kiếm những cái túi giấu đầy thông tin trong đầu rồi bảo, người ta có thể cảm giác được hơi nóng khi đặt bàn tay

vào giữa cánh hoa cuộn cong. Bà bảo bà đã thử xem có đúng không nhưng bà không chắc lắm đó là hơi nóng thật hay bà chỉ tưởng tượng. Hơi nóng thu hút những con côn trùng.

“Thiên nhiên không lãng phí thời gian chỉ để làm cảnh.”

Ông đã thất bại với vợ Aubrey, Marian. Ông đã thấy trước là mình có thể sẽ thất bại nhưng ông không may mắn đoán trước được vì sao. Ông những tưởng mình sẽ chỉ phải đấu tranh với tính ghen tuông tự nhiên thuộc giới tính của đàn bà - hay nổi oán giận, cũng là di chứng khó chữa của tính ghen tuông này.

Ông không may mắn có một tí ý niệm gì về cách bà ta nhìn nhận vấn đề. Ấy thế nhưng đáng buồn thay, xét ở một phương diện nào đó cuộc nói chuyện này không phải là xa lạ đối với ông. Đó là bởi vì nó gọi ông nhớ lại những cuộc nói chuyện với những người trong chính gia đình mình. Chú bác của ông, họ hàng của ông, có thể thậm chí cả mẹ ông, đã từng có cách suy nghĩ như Marian suy nghĩ. Họ tin rằng những người khác không nghĩ như họ là bởi vì những người này tự lừa phỉnh chính bản thân mình - những kẻ quá hão huyền, hay ngu xuẩn, vì đã có một cuộc sống dễ dàng, được bảo bọc, hoặc vì có học thức. Họ đã mất đi khả năng cảm nhận thực tế. Những kẻ có học thức, những kẻ văn chương sách vở, vài người giàu có như gia đình theo chủ nghĩa xã hội nhà vợ Grant, đã mất đi khả năng cảm nhận thực tế. Vì họ may mắn một cách không xứng đáng, hoặc cũng có thể vì họ ngờ nghệch bẩm sinh. Grant ngờ là trong trường hợp của ông, gia đình họ hàng ông tin vào cả hai lý do.

Đó là cách Marian đánh giá ông, chắc chắn như vậy. Một kẻ ngớ ngẩn, đầy những kiến thức nhằm chán, được may mắn che chở nên không còn thấy được mặt thật của cuộc sống. Một kẻ không phải lo nghĩ làm thế nào giữ được mái nhà che đầu và có thời giờ rảnh rỗi để nghiền ngẫm những ý nghĩ phức tạp. Tự do mơ mộng những kế hoạch đẹp đẽ và hào phóng mà hấn tin là sẽ làm cho người khác hạnh phúc.

Đúng là một thằng cha cà chớn, có lẽ bà ta đang chửi thầm trong bụng.

Phải đối phó với một người như vậy khiến ông tuyệt vọng, bực tức, và cuối cùng gần như đau buồn. Tại sao? Vì ông không biết làm sao giữ vững lập trường khi đối phó với một người như vậy? Vì ông e rằng cuối cùng họ sẽ đúng? Fiona không bao giờ cảm thấy bất cứ nỗi lo sợ nào như vậy. Khi bà còn nhỏ, không ai có thể áp chế, ép buộc bà. Bà đã từng thấy buồn cười trước cách giáo dục trong gia đình Grant và coi những quan điểm khắt khe đó là kỳ quặc.

Dù sao đi nữa, họ cũng có cái lý của mình, những người đó (Ông có thể nghe giọng mình tranh luận với ai đó. Fiona chẳng?) Cách tập trung nhìn nhận vấn đề hẹp hòi cũng có lợi thế của nó. Marian có lẽ sẽ rất hiệu quả khi gặp tình huống khủng hoảng. Giỏi đấu tranh sinh tồn, có thể xoay để có cái ăn hay có thể lột giày từ xác chết trên đường phố.

Ông luôn bực bội vì phải căng óc để đọc ý Fiona. Chẳng khác gì chạy theo một ảo ảnh. Không - chẳng khác nào sống trong ảo ảnh. Thử kết thân với Marian thì sẽ tòi ra một vấn đề khác. Có lẽ sẽ giống như cắn phải hạt vãi. Cùi vãi với sức quyến rũ giả tạo một cách kỳ lạ, mùi vị như hóa chất, mỏng lét bao quanh cái hạt to, cứng ngắc.

Rất có thể ông đã lấy bà ta. Cứ ngẫm mà xem. Rất có thể ông đã lấy một cô gái kiểu như vậy. Nếu ông ở lại cái nơi chốn đúng là của mình. Với bộ ngực hẹp, trông bà ta cũng ngon lành. Có lẽ là loại gái lẳng lơ. Cái kiểu bà ta uốn éo mông trên ghế ngồi, miệng mím chặt, vẻ đe dọa hơi giả tạo - đó là những gì còn sót lại của cái cung cách thô thiển ít nhiều ngây thơ của một cô nàng lẳng lơ tỉnh lẻ.

Có lẽ bà ta đã hy vọng gì đó khi chọn Aubrey. Vẻ bánh bao của ông ta, việc bán hàng của ông ta, nhưng kỳ vọng về một công việc cổ cồn trắng. Hẳn bà ta đã tin là mình sẽ khá hơn chứ không như bây giờ. Những chuyện như thế vẫn thường xảy ra với những kẻ thực dụng. Bất kể những tính toán của họ, bất kể bản năng sống còn của họ, họ không thể đi xa được như kỳ vọng

hoàn toàn hợp lý của mình. Rõ ràng họ thấy cuộc sống dường như thật bất công.

Trong bếp, cái đầu tiên ông thấy là ánh đèn nhấp nháy trên máy ghi tin nhắn điện thoại. Ông nghĩ ngay đến điều luôn thường trực trong đầu ông bây giờ. Fiona.

Ông bấm nút nghe tin nhắn trước khi cởi áo khoác.

“Chào ông Grant. Tôi hy vọng đây đúng là số điện thoại của ông. Tôi vừa nghĩ đến một chuyện. Tối thứ Bảy trong thị trấn ở đây người ta tổ chức nhảy đầm ở tòa nhà Legion, dành cho những ai còn độc thân, và tôi là thành viên của nhóm lo bữa tối, vì vậy tôi có thể mang theo một người khách đến mà không phải mua vé. Thế nên tôi tự hỏi không hiểu ông có thấy hứng thú hay không?”

Khi nào tiện thì gọi lại cho tôi nhé!”

Một giọng đàn bà đọc số điện thoại trong vùng. Sau đó có tiếng bíp, và rồi lại cái giọng đó bắt đầu nói tiếp.

“Tôi vừa phát hiện ra là tôi quên nói tôi là ai. Mà chắc ông nhận ra giọng. Tôi là Marian. Tôi vẫn chưa quen dùng mấy thứ máy móc này. Và tôi muốn đính chính là tôi biết ông không độc thân và tôi không có đó. Tôi cũng không độc thân, nhưng tội tình gì mà không thỉnh thoảng ra ngoài chơi. Dầu sao chẳng nữa, giờ khi nói cả ra thế rồi thì tôi càng thực sự hy vọng là tôi gọi đúng số của ông. Giọng nói trong máy nhận tin nghe giống giọng của ông. Nếu ông muốn đi thì gọi điện cho tôi, nếu không thì ông không cần phải phiền hà gọi lại làm gì. Tôi chỉ nghĩ là có thể ông muốn có dịp ra ngoài chơi. Đây là Marian. Hình như tôi đã giới thiệu rồi. Thế nhé! Tạm biệt.”

Giọng trong máy nghe khác với giọng mà ông vừa mới nghe cách đây không lâu ở nhà bà ta. Chỉ khác một chút trong tin nhắn đầu tiên, khác nhiều hơn trong tin nhắn thứ hai. Ở đó có dấu hiệu căng thẳng thần kinh, có kiểu lãnh đạm giả tạo, có vẻ vội vã muốn cho xong nhưng ngập ngừng không muốn dứt.

Có gì đó đã xảy ra với bà ta. Nhưng mà xảy ra lúc nào? Nếu mới tức thời thì bà ta đã rất khéo che đậy trong suốt buổi nói chuyện. Có vẻ đúng hơn bà chuyện đó xảy ra dần dần, có lẽ là sau khi ông đã ra về. Không nhất thiết là một cú sét ái tình. Chỉ là bà ta nhận ra ông là một cơ hội, một người đàn ông độc thân. Có thể coi như là độc thân. Một cơ hội mà bà ta có thể thử xem sao.

Nhưng bà ta có vẻ bồn chồn khi chủ động gợi ý trước. Bà ta đã tự đặt mình vào tình thế mạo hiểm. Bao nhiêu phần mạo hiểm, ông chưa thể xác định. Nói chung, sự mong manh dễ tổn thương của người phụ nữ tăng dần theo đời gian, theo tiến trình sự việc. Còn lúc mới đầu, tất cả những gì ta có thể nói là nếu bây giờ cô ta có vẻ mong manh dễ vỡ, cho dù chỉ một chút xíu, thì sau này sẽ còn nhiều hơn.

Ông cảm thấy tự mãn - tại sao lại phải chối cơ chứ? - vì đã khiến bà ta mạo hiểm như vậy. Vì đã gọi lên một điều gì đó giống như một quầng sáng lung linh, mờ ảo trên bề mặt chính của bà ta. Vì đã nghe được những nguyên âm dài, câu kính trong lời cầu xin rụt rè.

Ông bày mấy quả trứng và nắm ra chuẩn bị làm món trứng tráng. Thế rồi ông nghĩ, hay là làm ly rượu luôn nhỉ.

Bất cứ điều gì cũng có thể. Có đúng vậy không - bất cứ điều gì cũng có thể? Chẳng hạn như, nếu ông muốn, ông có thể đánh gục bà ta, khiến bà ta nghe theo lời ông và cho Aubrey quay về với Fiona không? Và không phải là chỉ đến thăm, mà là ở suốt đời Aubrey luôn? Rung động đó có thể đưa họ đến đâu? Đến đau khổ, đến việc bà ta không còn thiết đến bản thân nữa? Đến hạnh phúc của Fiona?

Đó sẽ là một thử thách. Một thử thách và một chiến công vẻ vang. Nhưng cũng là một trò lơ bịch mà ông không thể giải bày cùng ai - khi nghĩ hành động xấu xa của mình là để làm điều tốt cho Fiona.

Tuy nhiên, ông không thực sự có khả năng suy nghĩ về nó. Nếu ông suy nghĩ về nó, ông sẽ phải suy luận xem ông và Marian sẽ thành cái gì sau khi

đưa Aubrey đến cho Fiona. Việc này không thể nào thành được - trừ phi ông có thể thỏa mãn hơn dự đoán khi tìm thấy cái hạt tư lợi vô tội bên trong cùi vãi nông nân.

Người ta không thể biết chính xác rồi những việc thế này sẽ thành ra làm sao. Người ta gần như biết, nhưng chẳng bao giờ dám chắc.

Có lẽ bà ta đang ngồi ở nhà, đợi ông gọi điện. Hoặc cũng có thể bà ta không ngồi. Mà đang làm cái gì đó để không phải ngồi không. Bà ta có vẻ như là người luôn tự kiếm việc để làm. Ngôi nhà của bà ta rõ ràng là kết quả của mối quan tâm không ngừng. Và còn Aubrey nữa - việc chăm sóc ông ta phải tiếp tục như bình thường. Có lẽ bà ta đã cho ông ta ăn tối sớm - cho hợp với giờ ăn ở Hồ Thảo Nguyên, để ông ta có thể yên giấc sớm hơn cho xong cái việc chăm bẵm trong ngày. (Bà ta sẽ làm gì với ông chồng khi đi khiêu vũ? Ông ta ở nhà một mình hay có người đến trông). Liệu bà ta có cho ông ta biết mình đi đâu, có giới thiệu người đang hẹn hò với mình không? Liệu người bạn hẹn này có trả tiền cho người đến trông Aubrey không?)

Có thể bà ta đã cho Aubrey ăn khi Grant đi mua nấm và lái xe về nhà. Còn bây giờ có lẽ bà ta đang chuẩn bị cho Aubrey đi ngủ. Nhưng trong suốt lúc làm những việc đó, bà ta chắc chắn luôn để tâm đến cái điện thoại, để tâm đến sự câm lặng của nó. Cũng có thể bà ta đã tính toán Grant cần bao nhiêu thời gian để lái xe về đến nhà. Địa chỉ của ông trong sổ niên giám điện thoại giúp bà ta đoán ra mang máng nơi ông sống. Bà ta sẽ tính đi đường hết bao lâu, rồi thêm khoảng thời gian giả thiết ông đi chợ nấu bữa tối (vì đoán là đàn ông sống một mình chắc phải cần đi chợ mỗi ngày). Sau đó cộng thêm một khoảng thời gian nào đó để ông nghe tin nhắn điện thoại trên máy. Và rồi sự im lặng kéo dài sẽ khiến bà ta suy diễn ra những thứ khác. Có thể có những việc lặt vặt khác ông phải làm trước khi về nhà. Có thể ông đi ăn ngoài, hay đi gặp gỡ ai đó và không về kịp giờ ăn tối.

Bà ta sẽ thức khuya, lau chùi tủ bếp, xem truyền hình, tự tranh luận trong đầu không biết mình có còn cơ hội.

Ông đang tự phụ quá mất rồi. Dù gì đi nữa bà ta cũng là một phụ nữ khôn ngoan. Có lẽ bà ta sẽ vẫn đi ngủ như thường lệ, nghĩ bụng chẳng nào trông ông cũng không có vẻ gì là người nhảy đầm giỏi. Quá cứng nhắc, quá mô phạm.

Ông quanh quẩn gần cái điện thoại, xem tạp chí, nhưng ông không nhắc máy khi điện thoại reo.

“Grant. Marian đây. Tôi xuống tầng hầm để bỏ quần áo vào máy sấy thì nghe tiếng điện thoại reo, và khi chạy lên tới nơi thì đầu dây bên kia dù là ai thì cũng đã cúp máy. Tôi nghĩ tôi cần cho ông hay là tôi có nhà. Nếu đấy là ông và thậm chí nếu ông có nhà. Vì tôi rõ ràng là không có máy nhận tin nhắn nên ông không thể để lại tin nhắn. Nên tôi chỉ muốn. Cho ông biết.

“Tạm biệt.”

Bấy giờ là mười giờ hai mươi phút.

Tạm biệt.

Ông sẽ nói là ông vừa về đến nhà. Chẳng việc gì phải làm cho bà ta hình dung ra cảnh tượng ông ngồi cân đong lợi hại.

Màn trướng. Đấy là cái từ mà Fiona sẽ dùng để gọi cái màn cửa màu xanh dương - màn trướng. Mà tại sao lại không cơ chứ? Ông nghĩ về mấy chiếc bánh quy gừng tròn trịa một cách hoàn hảo mà bà ta nhất định phải tuyên bố là bánh nhà làm, những cái cốc cà phê bằng sứ treo trên giá hình cái cây bằng sứ. Tắm thơm nhựa trái trên mặt thơm hành lang, ông tin là để bảo vệ lớp thảm bên dưới. Tính chính xác bóng lưỡng và thực dụng mà mẹ ông không thể nào đạt được nhưng sẽ được bà ngưỡng mộ - lẽ nào đó là lý do vì sao ông có cảm giác bứt rứt về cái thứ tình cảnh quái lạ và không đáng tin cậy này. Hay đó là vì ông đã uống thêm hai ly rượu nữa sau ly thứ nhất?

Nước da rám nắng màu nâu nhạt - bây giờ thì ông tin chắc là do rám nắng - trên mặt và trên cổ bà ta rất có vẻ như sẽ chạy dài tới rãnh ngực, cái rãnh ngực sâu, da nhăn nheo, đậm mùi và nóng hổi. Ông nghĩ đến nó trong khi tay quay số điện thoại mà ông đã viết xuống trước đó. Chuyện đó và cả

cái cảm giác nhọc dục thực tiễn từ cái lưỡi như mèo của bà ta. Và cả cặp mắt như đá quý.

Fiona ở trong phòng nhưng không nằm trên giường. Bà ngồi bên khung cửa sổ mở rộng, mặc chiếc váy màu tươi sáng hợp mùa nhưng ngấn một cách kỳ quặc. Mùi hương ấm nồng của hoa tử đinh hương đang nở rộ và mùi phân bón mùa xuân rải khắp cánh đồng ulla vào qua cửa sổ.

Trên đùi bà là cuốn sách để mở.

Bà khoe, “Anh xem em tìm thấy cuốn sách đẹp không này, nói về Iceland đấy. Không thể hiểu nổi sao người ta lại bỏ vất vả những cuốn sách quý như thế này ở đây như vậy. Những người ở đây chưa chắc đã là những người thật thà. Em nghĩ chắc họ để lẫn lộn quần áo của mọi người. Em có mặc màu vàng bao giờ đâu nhỉ.”

“Fiona...” ông gọi.

“Anh đi lâu quá đấy. Mình chuẩn bị xuất viện xong rồi chứ?”

“Fiona, anh mang đến cho em một bất ngờ đây này. Em có nhớ Aubrey không?”

Bà nhìn chằm chằm vào mặt ông trong một khoảnh khắc, như thể những cơn gió ào đến quất vào mặt bà. Quất vào mặt bà, quất vào đầu bà, giật tung tất cả thành vô vàn mảnh vụn.

“Những cái tên cứ chuội khỏi tâm trí em,” bà nói giọng cay đắng.

Nhưng nét mặt đó biến mất, với một nỗ lực, bà lấy lại đôi chút nét đùa bỡn duyên dáng. Bà cẩn thận đặt cuốn sách xuống rồi đứng dậy, nâng cánh tay vòng qua ôm lấy ông. Da thịt hay hơi thở của bà thoảng một mùi gì đó là lạ, ông thấy giống như mùi cành hoa cẩm trong nước quá lâu.

“Em vui vì anh đã đến,” bà nói, tay bẹo tai ông.

“Anh hoàn toàn đã có thể lái xe đi mất,” bà nói. “Lái xe đi mất, không một chút âu lo gì trên đời này nữa và từ bỏ^[28] em. Bỏ rớt em. Bỏ rơi em.”

Ông áp mặt mình vào mái tóc bạc trắng của bà, da đầu hồng hồng của

bà, mái đầu dịu ngọt của bà. Ông bảo, Không đời nào.

HẾT

• Chú thích •

[1] Một thành ngữ chỉ chỗ khiếm khuyết.

[2] Thành phố London, tỉnh Ontario, Canada - không phải thủ đô nước Anh.

[3] Một trong mười điều răn của Chúa trong Kinh Thánh.

[4] Johanna viết hoa tùy tiện không theo nguyên tắc.

[5] Lời thơ trích từ tác phẩm Odes của Horace.

[6] Tên một bộ phim trinh thám, trong đó nhân vật chính Manon là một cô gái thông minh, quyết đoán.

[7] Nguyên văn: Pussy willow, liễu tơ. Trong tên của loài cây này có từ pussy là từ lông kiểu như từ “bướm” trong tiếng Việt, mặc dù cây đó không liên quan gì đến “bướm” cả.

[8] Thực ra là Con điểm xứ Babylon. một nhân vật xấu xa được nhắc đến trong chương 17 và 18, sách Khải Huyền: “Babylon vĩ đại, mẹ đẻ ra các gái điểm và các thứ ghê tởm trên trần gian.”

[9] Lời một bài hát nổi tiếng có nhan đề Fit as a fiddle (and ready for love) do Arthur Freed, Al Hoffman và Al Goodheart sáng tác và năm 1932.

[10] Ở các nước phương Tây, các cửa hiệu dược phẩm không chỉ bán thuốc mà còn bán cả đồ trang điểm, tắm gội, kẹo bánh, thuốc lá, cà phê...

[11] Cơ vân là loại cơ cần điều khiển có ý thức, khác với cơ trơn là cơ hoạt động tự chủ.

[12] Hyena có nghĩa là linh cẩu, vân với Nina.

[13] Merry Weather Lewis phát âm gần như Meriwether Lewis. Tên một nhà thám hiểm Mỹ nổi tiếng (1774-1809). “Merry Weather Lewis” cũng là cách người Tây Ban Nha gọi ông.

[14] “Harper Valley P.T.A.”: tên một bài hát nổi tiếng nói về bà mẹ một nữ sinh phản ứng lại trước thái độ chê bai của các phụ huynh cổ hủ trong trường và phong cách phóng khoáng của bà. Bằng cách bóc mẽ bọn họ trong buổi họp phụ huynh.

[15] Trong cách đánh số các khóa học ở trường đại học, số 101 thường được dùng để chỉ cấp độ dẫn nhập.

[16] Một ngọn tháp nổi tiếng thế giới, được xem như biểu tượng của Toronto nói năng và một trong những biểu tượng của Canada nói chung.

[17] Từ “Well” trong tiếng Anh vừa là một từ đệm khi nói - kiểu như “Ờ” - vừa có nghĩa là cái giếng.

[18] “Mummy” trong tiếng Anh vừa có nghĩa “xác ướp”. “Mommy” có nghĩa là “mẹ”. Hai từ này phát âm gần giống nhau.

[19] Tên Queenie thường được dùng để đặt tên cho vật nuôi.

[20] Queenie hay nói sai ngữ pháp.

[21] Từ harem trong tiếng anh bắt nguồn từ harim (nơi bị ngăn cấm) trong tiếng Ả Rập, nghĩa là hậu cung của đàn ông Hồi giáo.

[22] Nhan đề gốc “The Bear Came Over The Mountain” dựa theo lời một bài hát của trẻ con “The Bear Went Over the Mountain”: Gấu trèo đi qua núi. Để xem có ai hay. Nhưng những gì gấu thấy. Chỉ là sườn núi thôi. Lời bài hát là gấu “trèo đi”, nhưng có lẽ tác giả có chủ ý khi đặt tên cho truyện là gấu “trèo về”.

[23] Một nhánh của bộ lạc du mục người Đức, đã có thời phát triển thịnh vượng và lan rộng, từng chiếm hữu một phần đế chế La Mã từ thế kỷ thứ tư đến thế kỷ thứ bảy.

[24] Ý nói không phải là cần sa.

[25] Thường dùng để ám chỉ kẻ phản bội.

[26] “Hofuolausn” (Chuộc đầu) là bài thơ do Egill Skalla-Grimsson. Người hát rong vĩ đại nhất Iceland sáng tác. Ông bị kết tội chết vì giết hoàng tử và

nguyên rửa vua Na Uy Eric Haraldsson (hay còn gọi là Eric Bloodaxe). Bài thơ được làm trong một đêm để ca ngợi vua. Nhờ vậy Egill Skalla-Grimsson không bị chém đầu.

[27] Trích Phúc Âm Luke 2:52. Ở đây Grant đã tự ví mình như Jesus.

[28] Nguyên văn: “...forsook me. Forsooken me. Forsaken.” Ở đây Fiona đang cố gắng nhớ lại cách chia động từ “foresake”. Vì tiếng Việt không có loại ngữ pháp này nên người dịch chọn phương án dịch “từ bỏ, bỏ rớt, bỏ rơi”, để diễn tả Fiona đang muốn tìm đúng từ thể hiện ý mình.